

ĐOẠT GIẢI THƯỞNG NOBEL VĂN HỌC 1962

JOHN STEINBECK

The Grapes' of wrath

TIỂU THUYẾT

CHÙM NHO PHẪN NỘ

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

JOHN STEINBECK

Giải Nobel Văn học 1962

CHÙM NHO PHẪN NỘ

Dịch từ nguyên bản tiếng Anh: The Grapes of Wrath

NXB Pan – Luân Đôn – 1975

PHẠM THỦY BA *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

File dữ liệu .pdf: anh vvn

Nhận dạng qua Vndocr: timdoc, ngocthilenguyen, becon53

Kiểm tra chính tả: glur, Vicky Tường, linhoctoan, becon53

Tạo ebook: becon53

Ngày hoàn thành: Tháng 3/2009 (www:thuvien–ebook.com)

Làm lại ebook, bổ sung chú thích: tamchec

Mục lục

Tặng Carol, từng mong muốn nó.

Tặng Tom đã sống trong đó.

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

JOHN Steinbeck sinh ngày 27 tháng hai năm 1902 tại Salinas trong một gia đình nghèo, bố làm thủ quĩ, mẹ làm nhà giáo. Lớn lên ông theo học khoa sinh vật trường Đại học Tổng hợp Standford. Ra trường ông phải làm nhiều nghề để kiếm sống, như công nhân nông nghiệp, phóng viên và một số nghề khác. Với vốn sống phong phú Steinbeck sớm bước vào con đường văn học và liên tiếp cho ra mắt một loạt các tác phẩm, nhưng không gây được sự chú ý của người đọc: "Cốc vàng" (Cup of Gold, 1929), "Đồng cỏ thiên đường" (Pastures of Heaven, 1932), "Gửi vị thần chưa biết" (To a God unknown, 1933)… Trong những tác phẩm này, cũng như trong các tiểu thuyết "Tortills Flat" (1935) và "Trong trận đánh bất ngờ" (In dubious battle, 1936) ông viết về số phận những "kẻ lạc loài", những người lớp dưới của xã hội Mỹ và các công nhân tham gia đình công đã bị đẩy vào tình thế tuyệt vọng. Tác phẩm đầu tiên làm ông nổi tiếng là tiểu thuyết "Về chuột và người" (Of mice and men, 1937), sau này được chính tác giả chuyển thành kịch và phim, nói về những người lập dị, cô đơn, không may mắn và hoàn toàn lạc lõng trong xã hội thương mại.

Năm 1939 John Steinbeck cho ra mắt tác phẩm lớn nhất của ông là tiểu thuyết "Chùm nho phẫn nộ" (The Grapes of Warth). Trước đây vốn là một công nhân nông nghiệp, cùng với nhiều điền chủ nhỏ khác, ông đã bị đuổi khỏi mảnh đất mình đang sinh sống, phải rời bỏ Oklahôma để tới California tìm việc làm, như chính các nhân vật ông miêu tả trong tác phẩm. "Chùm nho phẫn nộ" là cuốn sách đau buồn về đất nước Mỹ, về những người nông dân bị bóc lột đến cùng cực, bị chà đạp về tinh thần. Ngay từ khi

ra đời nó đã gây nhiều cuộc tranh cãi sôi nổi trong các giới bạn đọc, nhiều người hết lòng ca ngợi, nhưng cũng nhiều người không tiếc lời nguyền rủa. Tuy miêu tả một địa danh nhất định trong một thời gian nhất định, nhờ tính khái quát cao, "Chùm nho phẫn nộ" đã trở thành tác phẩm cổ điển của văn học Mỹ và văn học thế giới hiện đại nói chung.

Những năm tiếp theo, Steinbeck vẫn tiếp tục viết về đề tài những người cùng cực trong xã hội với tác phẩm "Một dãy đồ hộp" (Cannery Row, 1945), "Ngày thứ năm tốt lành" (Sweet Thursday, 1954) và cuốn sách lên án chủ nghĩa phát xít "Trăng lặn" (The Moon is down, 1942).

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Steinbeck chuyển sang viết các tác phẩm có tư tưởng và kết cấu phức tạp, mang tính triết lý cao. Đó là các tiểu thuyết "Chiếc ô tô buýt lạc đường" (The Waywar bus, 1947) nói về loài người phải dò dẫm đi trong bóng tối và cuốn "Phía đông thiên đường" (East of Eden, 1952), một cuốn sách đồ sộ với ý định khái quát lớn, nhưng không được người đọc chấp nhận, nói về lịch sử hai gia đình di cư, tượng trưng cho hai dòng họ lâu đời nhất của loài người, bắt nguồn từ Adam và Eva.

Những năm năm mươi, sáng tác của Steinbeck bước vào giai đoạn khủng hoảng. Tuy nhiên năm 1961, cuốn "Mùa đông lo buồn của chúng ta" (The Winter of our discontent) ra đời đã gây được sự chú ý của đông đảo bạn đọc. Tác giả lại quay về với đề tài "vỡ mộng" của văn học Mỹ những năm hai mươi. Truyện được viết bằng giọng châm biếm pha chút hài hước đau buồn, mang màu sắc triết lý và ám chỉ.

Năm 1962 Steinbeck bắt đầu những chuyến du lịch dài ngày tới hầu hết các bang của nước Mỹ, lấy tư liệu cho

cuốn ký “Chuyến đi tìm kiếm lại nước Mỹ với Charley” (Travels with Charley in seach of America, 1962), phản ánh một cách khách quan hiện thực nước Mỹ với cả hai mặt tốt và xấu của nó. Cũng trong năm 1962, ông được tặng giải thưởng Nobel về văn học.

John Steinbeck là một nhà văn lớn của nước Mỹ và thế giới, đồng thời ông cũng là một cây bút phức tạp và đầy mâu thuẫn. Một lúc ông vừa là tác giả của những tác phẩm thực sự có giá trị lớn cả về nội dung tư tưởng lẫn văn học như “Chùm nho phẫn nộ”, lại vừa là người viết ra những cuốn sách sơ lược hoặc sa vào triết lý rối rắm. Năm 1966, Steinbeck công khai tuyên bố ủng hộ cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam và đã có một số lời nói, việc làm không xứng đáng với tên tuổi và sự nghiệp của ông.

John Steinbeck mất ngày 20 tháng 12 năm 1968 tại NewYork.

Chương I

Trên những vùng đất đỏ và một phần các vùng đất xám bang Oklahoma, những trận mưa cuối vụ rơi lâm thâm, không đủ sức xói lở mặt đất vốn đã bị nứt nẻ. Các lưỡi cày đi qua lộn lại cắt ngang các vết hằn của những con suối nhỏ. Những trận mưa cuối cùng khiến cho ngô lớn lên rất nhanh, cỏ và nhiều thứ cây dại khác lan rộng dọc các con đường cái và dần dà các vùng đất đỏ và đất xám biến mất dưới một tấm thảm xanh. Cuối tháng năm, bầu trời tái nhợt, các cụm mây mùa xuân đã bồng bềnh quá lâu ở tít trên cao nay đang tản mát dần. Ngày lại ngày mặt trời đốt nóng cây ngô đang vươn mạnh mãi tới khi có một đường viền màu nâu kéo dài ra trên mỗi chiếc lưỡi lê xanh. Mây hiện ra rồi lại trôi đi xa, và chẳng bao lâu thậm chí mây không buồn động đậy. Để tự bảo vệ, cỏ khoác một màu xanh thẫm hơn và thôi không lan tràn nữa, mặt đất cứng lại phủ dưới một vỏ khô mỏng và rắn, khi bầu trời tái nhợt đất đỏ nhuốm sắc hồng, còn đất xám nhuốm sắc trắng.

Trong những khe rãnh do nước đào xới, đất sụt lở, bụi chảy xuống thành những con suối nhỏ khô. Chuột rừng và kiến sư tử mải leo lên leo xuống, gây nên những thác bụi bé nhỏ. Hết ngày này sang ngày khác, ánh mặt trời gay gắt đánh xuống liên miên, lá ngô non như những mũi tên thôi không còn cứng ngắc nữa, chúng bắt đầu uốn cong trở vào, rồi các đường gân chính lại bị oằn, nên mỗi chiếc lá rũ xuống mềm nhũn. Tháng sáu tới, mặt trời chói chang dữ dội, trên các lá ngô, đường viền màu nâu rộng thêm ăn lan đến các đường gân giữa. Cỏ dại rách xơ ra co rúm về gốc rễ. Không khí loãng hơn, bầu trời nhạt hơn, và mỗi ngày,

đất cũng tái nhợt thêm.

Trên các đường cắt, nơi xe ngựa qua lại, đất bị đầm giẽ dưới móng vó ngựa lại bị bánh xe nghiền nát, lớp vỏ cứng vỡ ra tan thành bụi. Tất cả những gì chuyển động trên đường đều làm cho bụi bay lên, một bước chân khách bộ hành xốc lên một lớp bụi mỏng ngang tầm thắt lưng, một chiếc xe bò khiến bụi bay là là trên đầu các bờ dậu, một chiếc xe tải cuốn theo sau những đám bụi dày đặc, cuồn cuộn. Và rất lâu, rất lâu bụi cứ bay lơ lửng không chịu nằm xuống lại.

Giữa tháng sáu, từ Texas và vùng Vina, ùn ùn kéo tới những đám mây to lớn nặng nề, chứa chất những cơn giông tố. Trên các đồng ruộng, có những người đứng nhìn mây, hít ngửi và thấm ướt ngón tay để lường hướng gió. Chừng nào mây còn nằm lặng trên bầu trời, những con ngựa vẫn tỏ ra cáu kỉnh. Các đám mây giông gieo xuống vài hạt mưa lưa thưa rồi vội vã trốn về các miền khác. Phía sau chúng, bầu trời lại tái nhợt, mặt trời nóng như thiêu như đốt. Những hạt mưa xói những lỗ nhỏ trên mặt đất để lại những vết bụi đậm nét bám vào thân ngô. Và chỉ có thế.

Một ngọn gió phe phẩy bay theo các đám mây mưa, đẩy chúng về phương Bắc, cây ngô kêu xào xạc và đang khô dần. Một ngày trôi qua, gió thổi mạnh hơn, liên tục, tuy vẫn không có trận gió nào đánh gãy thân cây ngô. Bụi đường dâng cao, trải rộng, rơi xuống đám cỏ bên bờ và trong các đám ruộng. Rồi gió nổi lên ào ào, dữ dội ác liệt, tấn công lớp vỏ cứng do mưa tạo nên trên cánh đồng. Dần dà, bầu trời tối sầm lại sau màn bụi hỗn loạn, lướt qua mặt đất, cuốn bụi tung mịt mù. Gió càng mạnh thêm. Lớp vỏ cứng tan vỡ, phía trên cánh đồng, bụi càng bốc cao, vạch trên không khí

những túm lông xam xám tựa những vệt khói uể oải. Ngô nhào trộn gió trong tiếng rào rào ròn khô. Đám bụi mịn nhất không còn lắng đọng trên mặt đất nữa, mà đã biến mất vào bầu trời âm u.

Gió lại mạnh thêm, rạch đường đi ngang qua cánh đồng, luồn xuống dưới các tảng đá, cuốn bay các cọng rơm, các lá khô và ngay cả các cục đất nhỏ. Không trung và bầu trời sầm lại, mặt trời hiện ra đỏ rực, và trong không khí thoang thoảng một mùi hăng hắc. Một đêm nọ, gió mở thêm tốc lực qua vùng đồng quê, ranh mãnh đào xới quanh các gốc ngô gầy, thân ngô đưa các tàu lá yếu ớt ra chống đỡ, mãi cho đến khi có một ngọn gió tọc mạch luồn tới nhổ bật gốc rễ. Thân cây đã kiệt sức, nghiêng ngửa rồi đổ vật xuống theo hướng gió thổi.

Bình minh đang rạng dần, nhưng ngày chưa sáng tỏ. Trên bầu trời xám xịt, một mặt trời đỏ – một chiếc đĩa đỏ ló ra mờ mờ hắt xuống một thứ ánh sáng yếu ớt của buổi hoàng hôn. Ngày càng rõ dần thì hoàng hôn lại trở về với bóng tối, và gió gào rú hoặc rên rỉ trên thân cây ngô đổ rạp.

Đàn ông và đàn bà nấp trong nhà, khi bước ra ngoài, họ thắt một chiếc khăn quanh mũi, đeo những cặp kính kín mít để che mắt.

Đêm trở lại, một đêm tối như mực, vì các ngôi sao không thể chọc thủng lớp bụi để rọi ánh sáng xuống, và ánh đèn từ cửa sổ hắt ra chỉ soi tỏ các mảnh sân. Bụi hòa trộn đều với không khí, tạo nên một lớp hỗn hợp bụi bặm. Nhà cửa đều đóng kín mít, các dải đệm bít chặt các khe cửa lớn, cửa sổ, nhưng bụi nhỏ li ti vẫn luồn lẻn vào phía trong nhà, đọng lại như bụi phấn hoa trên bàn ghế, bát đĩa. Người ta phải lấy vải phủi bụi

thấm trên vai, những vạch bụi mịn tơi bám đậu dưới chân cửa thành những đường gạch nhỏ.

Nửa đêm hôm đó, gió lặng, và cảnh vật im ắng đè nặng lên mặt đất. Không khí đầy ứ bụi bóp nghẹt các âm thanh một cách trọn vẹn hơn cả sương mù. Nằm trên giường, dân giã lắng nghe gió ngưng thổi. Họ thức tỉnh lúc gió hú đã im bặt. Họ nín thở nằm nghe tĩnh mịch. Rồi gà cất tiếng gáy, người ta nằm trăn trở nôn nóng chờ đợi bình minh. Họ biết rằng phải còn lâu lắm bụi mới lắng hết xuống mặt đất. Sáng ngày ra, bụi vẫn treo lơ lửng chẳng khác sương mù, và mặt trời đỏ như máu đông đặc. Suốt ngày bụi từ trên cao cứ rơi xuống dần như xuyên qua một cái rây. Ngày tiếp theo bụi tiếp tục sa xuống, bao phủ mặt đất dưới một tấm màn đồng màu. Bụi lắng đọng trên ngô, bám đầy trên đầu cọc rào, bám đặc trên các sợi dây thép, trải rộng trên các mái nhà, che lấp cỏ và cây. Mũi được che chắn cẩn thận, mọi người ra khỏi nhà và ngửi không khí nóng ăn mòn da thịt. Bọn trẻ con cũng bắt chước người lớn nhưng chúng không hò hét, không chạy nhảy như trước kia mỗi lần mưa tạnh. Người lớn đứng gần bờ dậu, nhìn cánh đồng ngô bị tàn hại hiện đang khô héo. Họ đứng câm lặng và nhiều khi không động đậy. Rồi đến lượt các phụ nữ ra đứng cạnh đàn ông để xem lần này cánh đàn ông có bị nao núng trước thời tiết tai ác như vậy không. Họ kín đáo nhìn gương mặt đám đàn ông, bởi vì ngô có thể biến mất nhưng cũng không sao, qui hồ còn lại thứ gì khác. Lũ trẻ con đứng gần đấy, lấy ngón chân cái vạch vạch các hình vẽ trên cát bụi, và với giác quan thức tỉnh, chúng tìm cách đoán xem chẳng hay người lớn có nao núng hay không. Chúng liếc trộm vẻ mặt của người lớn rồi lại chăm chú đưa đầu ngón chân vạch vạch trên đất bụi. Những con ngựa đi tới máng nước,

lỗ mũi phì phì xua bụi đóng váng trên đó. Sau một lúc, khuôn mặt những người đàn ông đang quan sát mất hẳn vẻ sững sờ ngơ ngác và trở nên đanh lại, giận dữ, cương quyết. Thế là các phụ nữ hiểu ra rằng nguy cơ đã qua và sẽ không có chuyện suy sụp xảy ra. Họ bèn hỏi:

– Ta làm thế nào bây giờ?

Đám đàn ông đáp:

– Chưa biết sao.

Nhưng mọi việc đều ổn thỏa, đám phụ nữ biết rằng mọi việc đều ổn. Từ đáy lòng, đàn bà và trẻ con đều biết rằng một khi đàn ông họ vững vàng thì không có nỗi bất hạnh nào là quá nặng nề. Phụ nữ trở vào nhà, lại bắt tay vào công việc thường ngày, còn trẻ con lại bắt đầu nô đùa, tuy mới đầu có vẻ hơi rụt rè.

Càng về trưa, mặt trời càng bớt đỏ rực, phóng những tia nắng gắt xuống miền quê bị bao trùm dưới bụi. Đàn ông ngồi trên bậc cửa, tay mân mê những chiếc gậy hoặc những hòn sỏi bé nhỏ. Họ ngồi im lặng, suy nghĩ và tính toán.

Chương II

Một chiếc xe tải lù lù đỗ lại trước một tiệm ăn bé nhỏ nằm bên rìa đường, ống thoát hơi thẳng đứng kêu ro ro, và một quầng khói xanh lam hầu như vô hình lượn lờ phía trên đầu ống. Đây là một chiếc xe tải mới sơn màu đỏ chói gắt, hai bên thành xe có một dòng chữ to tướng Công ty vận tải thành phố Oklahoma. Bánh xe đôi mới cứng, một núm khoá bằng đồng lòi ra ngoài các nẹp sắt trên các cánh cửa to ở phía sau. Quán ăn có các ô cửa được bảo vệ bằng một tấm lưới sắt, một loa truyền thanh đang chơi bản nhạc khiêu vũ âm thầm như lúc không có ai lắng nghe; một chiếc quạt nhỏ lặng lẽ quay tròn trong chiếc cửa mắt bò phía trên chỗ ra vào; đàn ruồi hối hả vo ve quanh cửa lớn và cửa sổ, chốc chốc lại đụng vào các tấm lưới sắt. Trong quán có một tài xế là khách độc nhất: ngồi thoải mái trên chiếc ghế đẩu, khuỷu tay tì lên quầy hàng, qua miệng tách cà phê, y nhìn cô phục vụ gầy nhom và lẻ loi. Anh tài nói chuyện với cô bằng thứ ngôn ngữ linh hoạt và lơ đãng của cánh lái xe đường trường.

– Tớ đã thấy hắn cách đây gần ba tháng. Mới mổ xong. Bị cắt mất cái gì đó, tớ chả biết.

Và cô ta:

– Còn mình, hình như mình thấy hắn cách đây chưa đầy một tuần. Có vẻ khoẻ ra trò. Một anh chàng chả xấu bụng gì, miễn là đừng say bét nhè.

Thỉnh thoảng đàn ruồi sà tới, khẽ vo ve bên tấm lưới sắt của cửa lớn. Một luồng hơi thoát ra từ chiếc bình pha cà phê, cô phục vụ không quay lại, chìa tay ra sau để đóng tay gạt.

Bên ngoài, một gã thanh niên đang đi bên lề đường bỗng tạt ngang qua và tới gần chiếc xe tải. Anh chậm rãi bước tới trước mui xe, đặt tay lên thanh chắn bảo hiểm lấp lánh. Anh nhìn cái nhãn dính ở tấm chắn gió: No Riders[1]. Trong một lúc, anh có vẻ như muốn tiếp tục cuộc hành trình, nhưng rồi thay đổi ý kiến, anh ngồi xuống trên bậc xe đối diện với quán ăn. Anh chưa đầy ba mươi tuổi. Đôi mắt màu nâu xám, con ngươi sắc nâu nhạt. Lưỡng quyền cao, những nếp nhăn hằn trên đôi má và uốn cong xung quanh miệng. Môi trên dài, và vì hàm răng vẩu, anh luôn luôn giữ ý khép miệng lại. Đôi bàn tay cứng, ngón to bè, móng tay và có đường vân như loài sò. Khoảng giữa ngón cái, ngón trỏ và gan bàn tay nổi lên những cục chai bóng láng.

Anh mặc quần áo mới, tất cả những gì anh mang đều rẻ tiền và mới. Chiếc mũ cát két mới nguyên đến nỗi lưỡi trai còn cứng ngắc và chiếc khuy bấm còn dính chặt vào đấy. Nó còn chưa biến dạng và méo mó như về sau, khi đã trải qua một thời gian làm tròn những lợi ích khác nhau dành cho loại mũ cát két, ba lô nhỏ, khăn trải bàn và khăn tay. Bộ com lê bằng dạ xám rẻ tiền còn mới đến nỗi chiếc quần còn giữ nguyên nếp, áo sơ mi bằng vải lanh xanh, vải còn cứng hồ và chưa bị nhăn nheo. Chiếc vét tông quá rộng, chiếc quần ngắn cũn cỡn vì anh chàng người to cao. Đường khâu chỗ khoét nách chùng xuống và ngay dù vậy, ống tay áo vẫn ngắn và thân áo trước lè phè nơi bụng. Anh đi một đôi giày màu vàng sáng, mới, kiểu giày xăng đá của quân đội có đóng đinh và có đóng sắt để khỏi vẹt gót. Anh ngồi ở bậc lên xuống, cất mũ lưỡi trai, lau mồ hôi mặt. Rồi anh đội lại mũ, kéo sụp lưỡi trai xuống. Anh để ý đến đôi bàn chân, anh cúi xuống, nới lỏng dây giày và cứ để nguyên không buộc lại nữa. Phía trên đầu anh ống hơi Diesel

rầm rì nhả những cuộn khói lam đang thoát nhanh.

Trong quán nhạc đã tắt: và từ loa phóng thanh có tiếng đàn ông vang ra, nhưng cô phục vụ vẫn để mặc không tắt máy. Mấy đầu ngón tay táy máy sục sạo đã lần ra một cục u ở phía sau tai. Cô cố hiếng mắt, nhìn vào chiếc gương đứng đặt phía sau quầy, và để anh lái xe khỏi chú ý tới, cô giả vờ sửa lại mấy cụm tóc lòa xòa. Anh lái xe nói:

– Vừa rồi ở Shawance có khiêu vũ lớn ghê. Hình như ai đó bị giết, hay đại để như thế. Đằng ấy không biết tin sao?

– Không – cô vừa đáp vừa nhẹ nhàng mân mê cục thịt sau tai.

Ở bên ngoài, anh thanh niên đang đứng lên nhìn qua tấm màn che và quan sát quán ăn trong chốc lát. Rồi anh lại ngồi xuống, rút ở túi sau ra một gói thuốc lá rời và giấy cuốn. Anh chậm rãi, khéo léo cuốn điếu thuốc, ngắm nghía nó rồi đưa đầu lưỡi miết. Mãi sau anh mới châm lửa hút và ném que diêm cháy dở xuống bụi đường. Trưa đang tới gần, mặt trời cắt ngắn bóng chiếc xe tải. Trong quán, anh tài xế đứng lên trả tiền, rồi đặt hai đồng năm xu mà cô hàng trả lại, qua rãnh một máy quay xu. Trục quay không dừng lại ở bất cứ con số nào.

– Họ gian lận, chẳng bao giờ mình kiếm chác được chút gì, – y nói với cô hàng.

Và cô đáp:

– Ấy có một thằng cha đã trúng một cái bình chốt cắm đấy thôi. Cách đây chưa quá hai tiếng. Hắn vớ được tám mươi đô la. Bao giờ cậu quay lại?

Anh tài xế để cửa lưới sắt hé mở.

– Từ nay tới đó, cũng phải tám, mười ngày. Tớ phải đánh xe tới tận Tusla. Định về sớm nhưng chả bao giờ được.

Cô càu nhàu:

– Đừng để ruồi vào. Hoặc là ra hẳn, hoặc là vào hẳn, nào!

– Tạm biệt, – anh tài nói rồi đi ra.

Cửa lưới sắt kêu đánh cách phía sau y. Đứng ngoài nắng, y rút trong bọc ra một chiếc kẹo cao su. Đây là một gã đẫy đà, vai rộng, bụng nặng nề. Khuôn mặt đỏ, đôi mắt xanh dài ti hí vì mải nhấp nháy trong ánh sáng chói chang. Y mặc một chiếc quần nhà binh, mang đôi bốt có dây buộc. Tay cầm chiếc kẹo cao su ngang miệng, y nói qua cánh cửa:

– Bảo này, tớ đi rồi thì đằng ấy chớ có léng phéng, nghe?

Cô phục vụ mắt quay về phía chiếc gương ở tường phía trong, càu nhàu một lời đáp. Gã tài chậm rãi nhá nhẩm đầu kẹo, mỗi lần nhai lại há rộng quai hàm. Y đưa đẩy chiếc kẹo trong miệng, vừa luồn nó xuống phía dưới lưỡi, vừa tiến về phía chiếc xe tải màu đỏ.

Anh chàng đi nhờ xe bèn đứng lên nhìn qua cánh cửa sổ.

– Thưa ông, ông có thể cho tôi đi nhờ một quãng đường, được không?

Người tài xế thoáng nhìn trộm về phía tiệm ăn.

– Anh không nom thấy cái nhãn dán ở chắn gió, sao?

– Có chứ, có thấy. Nhưng thiết nghĩ, nhiều lúc, vẫn có những người quân tử, bất chấp một gã nhà giàu chết tiệt nào đó buộc y phải đeo một cái nhãn.

Anh tài thong thả ngồi vào xe, ngẫm nghĩ đến câu trả lời đó. Giá bây giờ mà từ chối thì cũng dở, đã không phải là tay quân tử mà vẫn phải đèo thêm mỗi cái nhãn buộc người ta không cho ai đi cùng. Còn nếu y để cho cái gã lang thang này lên xe thì sao? Tự khắc y là tay quân tử, hơn nữa, lại không thuộc vào hạng người bị một tên nhà giàu xỏ mũi. Y cảm thấy mình bị kẹt, nhưng không có cách thoát ra. Mà y lại muốn làm một tay quân tử. Một lần nữa, y liếc nhìn vào quán rồi nói:

– Cậu ngồi nấp ở bậc lên xuống chờ cho mình đánh xe quá khúc ngoặt.

Anh chàng đi nhờ xe ngồi xệp xuống cho khỏi ai nom thấy tay quắp chặt núm cửa. Máy xe rồ lên một chốc, cần gạt số kêu lanh canh và chiếc xe tải to lớn mở máy, tốc độ một, tốc độ hai, tốc độ ba, rồi một tăng tốc dài, và cuối cùng, tốc độ bốn. Khúc ngoặt ở cách đấy một dặm. Vượt qua chỗ rẽ, chiếc xe chạy chậm lại. Anh đứng lên, mở cửa và luồn vào ngồi trên ghế. Qua đôi mi hé mở, anh tài xế quan sát anh, miệng vẫn tiếp tục nhai. Chẳng khác ý nghĩ và ấn tượng của y được sàng lọc và sắp xếp bởi đôi quai hàm trước khi chúng được xếp loại trong đầu óc. Thoạt tiên đôi mắt y chốt vào chiếc mũ mới, rồi lần xuống bộ quần áo mới để rồi dừng lại ở đôi giày mới. Anh đi nhờ xe ngã người vào chỗ tựa, vặn vẹo người để ngồi cho thoải mái, rồi cất mũ lau mồ hôi trán và cằm.

– Cám ơn, anh bạn, – anh nói. – Chân mình long ra rồi.

– Giày mới mà lại? – anh tài nói. Cũng như đôi mắt, giọng nói của y có tính cách bí mật và lấy lòng. – Nắng nôi thế này mà lại mang giày mới đi dạo… kể cũng trái khoáy.

Anh đi nhờ xe cúi mắt nhìn xuống đôi giày bám đầy bụi.

– Mình chả có đôi nào khác. Đành phải mang đôi này vậy.

Với vẻ thông cảm, anh tài xế nheo đôi mí nhìn phía trước mặt rồi cho xe chạy nhanh thêm. Y hỏi:

– Cậu đi xa không?

– Ô! Mình có thể cuốc bộ được, giá như bộ giò nó chịu chiều mình.

Những câu hỏi của anh tài có cái giọng hỏi cũng tế nhị. Bằng cái câu hỏi, hình như y chẳng bầy đặt lưới phục.

– Cậu đi tìm việc làm à?

– Không. Ông già mình có trang trại. Bốn mươi acrơ[2]. – Làm tá điền, nhưng đã ở đấy từ đời nảo đời nào.

Gã tài xế ném một cái nhìn thông thạo lên những cánh đồng nằm hai bên đường cái, ở đây ngô đã nằm rạp vùi lấp trong đất bụi. Anh tài xế nói như nhủ thầm:

– Bốn mươi acrơ. Thế ông già đã trụ lại được với bụi hay sao? Mà máy cày còn chưa tới xua đuổi ông đi ư?

– Cũng phải nói là lâu nay, tớ chả có tin tức nhà.

– Lâu đấy – anh tài xế nói.

Một con ong bay vào buồng lái rồi tới vo ve sau tấm chắn gió. Gã tài vươn tay ra, thận trọng bắt lấy nó và thả ra ngoài cửa.

– Thời buổi này, – y nói tiếp, – dân cày sẽ biến nhanh thôi. Người ta tự dẫn xác đến một chiếc xe xích, và thế là mười gia đình bị tống ra ngoài… Trong xứ, đầy rẫy

những chiếc xe bánh xích sắt chết tiệt. Chúng nhổ sạch mọi thứ, tống khứ dân cày ra đường. Ông già cậu trụ làm sao được?

Lưỡi và quai hàm của y bắt đầu nghiền chiếc kẹo cao su, cuộn nó lại, rồi lại nhai. Mỗi lần y há miệng, người ta có thể thấy đầu lưỡi lật trở viên kẹo.

– Ô… lâu nay mình không có tin tức gì của ông già. Mình không thạo chuyện viết thư, ông già cũng không. – Rồi anh nói tiếp, rất nhanh: – Nhưng nếu muốn thì mình có thể viết, ông cụ cũng vậy.

– Cậu có công ăn việc làm ở đâu đó chứ?

Một lần nữa, lại vẫn cái tính tò mò kín đáo sau vẻ thờ ơ bên ngoài. Đôi mắt y nhìn ra xa xa trên cánh đồng quê, vào bầu không khí rung rinh, rồi giữ chiếc kẹo sát vào má để khỏi bị vướng, y nhổ qua cánh cửa.

– Tất nhiên là thế, – anh chàng đi nhờ xe nói.

– Tớ đã ngờ thế rồi. Chỉ nhìn bàn tay của cậu là biết. Cậu đã cầm cuốc rìu, hoặc búa. Tay chai bóng lên kia kìa! Ngay tức thì tớ đã để ý đến các vệt xước. Tớ tin lắm.

Anh đi nhờ xe nhìn y chòng chọc. Bánh xe tải hát réo trên đường cái.

– Cậu muốn biết thêm chuyện gì khác nữa ư? Mình có thể nói cậu nghe thôi mà! Việc gì phải đoán.

– Cậu đừng giận. Tớ đâu có cái thói chõ mũi vào chuyện riêng của cậu.

– Mình sẽ nói những gì cậu muốn. Chả có gì phải dấu.

– Thôi mà, đừng giận. Đơn giản là mình thích nhận xét thế này thế nọ. Gọi là để giết thì giờ.

– Tớ sẽ nói những gì cậu muốn. Tên tớ là Joad, Tom Joad. Bố tớ là ông già Tom Joad. Nói xong, anh ta đặt một cái nhìn ủ ê lên gã tài xế.

– Cậu đừng nên giận. Tớ chả nghĩ quanh nghĩ co gì đâu mà.

– Thì tớ cũng thế, tớ chả nghĩ xa nghĩ gần gì sất. Đơn giản là tớ gắng tự xoay xở lấy để khỏi phiền lụy đến ai.

Anh ngừng lại, nhìn cánh đồng quê khô hạn và các bụi cây đói khát ở phía xa xa cháy bỏng. Từ túi bên, anh rút thuốc lá và giấy cuốn ra. Anh cuốn điếu thuốc giữa hai đầu gối để tránh gió.

Anh tài xế nhai nhỏ nhẹ, đều đặn, tư lự hệt như con bò cái nhai trầu. Y chờ cho mẩu chuyện vừa rồi hòa tan trong quên lãng. Cuối cùng, khi bầu không khí đã bình thường trở lại, y nói:

– Anh chàng nào mà chưa bao giờ lái xe thì không thể biết được đấy là đâu. Các ông chủ không muốn cho người ta chở khách. Thế là đành phải ngồi lỳ trước tay lái, trừ phi là muốn bị tống cổ. Như việc tớ làm với cậu đây, dễ bị lắm.

– Mình chịu ơn cậu nhiều.

– Tớ biết có những tay vừa lái xe vừa làm những trò đến là ngộ. Có một tay lại còn rặn ra thơ nữa. Để giết thì giờ…

Y liếc nhìn để xem Joad có quan tâm hay ngạc nhiên gì không, nhưng Joad vẫn lặng im, mắt nhìn vào xa xa trên con đường cái trắng xoá đang nhẹ nhàng nhấp nhô như sóng ngầm. Mãi sau, anh lại tiếp tục:

– Tớ có biết một bài thơ mà thằng cha kia đã viết. Hắn cùng với mấy thằng khác vừa chu du khắp thiên

hạ, vừa nhậu nhẹt, làm đủ trò bậy bạ, hôn hít lung tung. Tiếc là, bài thơ đó, tớ không nhớ nó thế nào. Thằng cha ấy hắn rót vào tai người ta những tiếng mà đến Chúa Cha, Chúa Con và Đức Thánh thần cũng chẳng biết là cái quái gì. Ồ, có đoạn nói thế này: "Ở đấy, tôi nom thấy có một thằng da nâu sẫm có một thanh gươm ngắn, to như một khúc ruột thừa của voi hoặc cái buồi của cá nhà táng". Khúc ruột thừa, đại để ý nói cái mũi, ờ, con voi, đó là cái vòi. Hắn chỉ cho tớ xem trong một cuốn từ điển. Đi đâu hắn cũng mang theo cái cuốn sách khỉ gió đó, cậu ạ. Vừa đỗ xe lại là hắn uống một tách cà phê, ăn một miếng mứt, xong, là chúi mũi vào sách.

Y im bặt khi cảm thấy mình lẻ loi khi nói dài dòng văn tự. Đôi mắt của y len lét quay về phía người khách. Joad vẫn lặng câm… Ngỡ ngàng, anh tài xế cố thử lôi cuốn anh vào câu chuyện.

– Cậu không thể biết có những gã hay dùng những từ rỗng tuếch như vậy sao?

– Các ông mục sư.

– À mà mình đây mình đâm cáu khi nghe một thằng cha dùng những tiếng đao to búa lớn. Cố nhiên một ông mục sư thì không giống thế, vả lại ai hơi đâu đi mất thì giờ với một mục sư. Còn cái thằng cha kia mới kỳ cục làm sao. Hắn có nói thì cũng chẳng ai buồn nghe, nói thế hay nói gì khác cũng thế thôi. Hắn không có ý trộ thiên hạ, làm ra vẻ ta đây.

Anh lái xe thấy yên tâm. Ít ra thì y cũng biết là Joad đang lắng nghe. Đùng một cái y xoay mạnh tay lái, quẹo cái xe đồ sộ sang khúc ngoặt. Bánh xe rít lên. Rồi y lại nói tiếp:

– Như mình vừa nói với cậy ấy mà, mấy tay lái xe tải chúng tớ làm những chuyện gàn bất sách. Buộc phải thế. Không thì người ta phát điên lên vì cứ mải ngồi đấy mà dán mắt vào con đường đang lủi trốn ở phía trước. Có một đứa nó nói là bọn lái xe chúng nhậu nhẹt suốt ngày… Suốt ngày cứ sà vào quán ăn dọc đường.

– Bởi thế mà có vẻ như chúng sống đời sống kiếp ở những nơi đó, – Joad tán đồng.

– Dĩ nhiên chúng hay dừng lại các nơi đó, nhưng đâu phải để ăn. Nói như ai nói, chúng chẳng bao giờ thấy đói. Thì có gì đâu. Ngồi xe mãi cũng đâm ngán, lạy Chúa, ngán phát ốm! Mà đỗ lại thì đỗ đâu được ngoài quán rượu? Mà đã đỗ lại thì cũng phải gọi món gì đó chứ chả nhẽ? Rồi cũng là để tán chuyện nhăng nhít với em bé ở quầy. Thế là, dùng một tách cà phê ăn một chiếc bánh kem. Nói như ai nói, nhờ đó xả hơi được tí chút.

Y chậm rãi nhai chiếc kẹo, đưa lưỡi đảo đi đảo lại.

– Tại cuộc sống gay go quá mà! – Joad nói, tuy không tin cho lắm.

Gã tài xế thoáng liếc anh một cái, chờ đợi một sự châm biếm.

– Đúng thế, chả phải ngày nào cũng ngộ như ngày nào đâu, – y nói, giọng ấm ức. – Nom thì dễ ợt, cứ ngồi sau tay lái cho tới lúc đã tiêu hết tám tiếng, nếu không phải mười hai hay mười bốn tiếng. Nhưng mãi rồi, con đường nó như xích mình lại. Phải làm một cái gì đó. Có đứa hát hỏng, có thằng huýt sáo. Công ty không muốn người ta có máy vô tuyến. Có một số đứa đem theo nửa lít chất cay, nhưng bọn này thì chả bao giờ bền, – y nói thêm với vẻ tự mãn – Tớ thì chưa xong việc thì tớ chưa

uống.

– Thật thế ư?

– Thật chứ! Trên đường đời, phải đạt được cái gì đó. Như tớ đấy, tớ có ý định theo học lớp hàm thụ để trở thành kỹ sư cơ khí. Cũng dễ thôi. Chỉ cần học ở nhà, một ít bài dễ. Chuyện đó nó cứ long tong trong đầu tớ. Sau đó thì tớ không cần lái xe nữa. Việc đó, tớ sai bảo các đứa khác làm.

Joad rút ở túi áo ra một chai whisky.

– Hỏi thật, cậu có làm một ngụm không? – Giọng nói của anh ta có cái gì như giễu cợt.

– Không! Lạy Chúa. Tớ không muốn đụng tới. Như tớ đây, đã quyết chí rồi thì không thể vẫn cứ uống rượu được.

Joad mở nút chai, làm liền một hơi hai ngụm rồi nhét chai vào túi. Mùi rượu cay nồng ngập buồng lái.

– Nom cậu có vẻ phởn lắm, – Joad nói. – Có chuyện gì vậy? Có rồi chắc?

– Ừ, cố nhiên. Nhưng sống chết gì thì mình cũng phải vượt lên. Mình đang luyện trí nhớ.

Rượu Whisky hình như đem lại cho Joad sự cởi mở. Anh cuốn một điếu thuốc khác và châm lửa hút.

– Bây giờ thì tớ chả còn phải đi xa nữa.

Anh tài nói nhanh:

– Tớ chả cần rượu. Để thì giờ mà luyện trí nhớ. Trên kia tớ có theo một lớp, đã được hai năm, – Y đưa tay phải đập đập vào tay lái. – Giả dụ tớ gặp một thằng cha trên đường cái. Tớ nhìn hắn, hắn đi qua rồi, tớ cố nhớ xem hắn thế nào, mặc loại quần áo gì, giày dép ra làm

sao, rồi hắn đi đứng ra làm sao, đôi khi nhìn lại thân hình hắn, ước lượng nặng nhẹ bao nhiêu, mặt có sẹo hay không. Kể ra tớ nhận xét cũng sành, có thể vẽ lại cả một bức chân dung trong óc mình. Lắm lúc tớ nghĩ, dễ chừng phải theo một lớp để trở thành chuyên viên lấy dấu tay. Người ta có trí nhớ đến thế nào, cậu không hình dung được đâu.

Joad nhanh nhẹn uống một ngụm nữa. Điếu thuốc đã gần sổ ra, anh rít một hơi cuối cùng, bóp bẹp, mẩu thuốc cháy dở giữa hai nốt chai sạm ở ngón cái và ngón trỏ. Anh nhai nát mẩu thuốc thừa rồi nhả bã luồn nó ra cửa cho gió cuốn đi. Trên đoạn đường đá giăm nện, bánh xe ngân một nốt lanh lảnh. Vừa ngắm con đường, đôi mắt đen và bình lặng của Joad lộ vẻ vui vui. Gã tài xế chờ đợi, băn khoăn liếc nhìn anh. Sau cùng Joad nhếch môi nhăn nhở để lộ hàm răng vẩu, anh cười lặng lẽ làm bộ ngực rung chuyển.

– Anh bạn ơi, để đạt ý muốn, cậu mất khá nhiều thời gian đấy. Gã tài xế không nhìn anh, hỏi:

– Đạt cái gì kia? Cậu định nói gì vậy?

Joad mím chặt môi che kín hàm răng vẩu, rồi anh liếm môi, bắt đầu từ giữa miệng sang phải rồi sang trái.

Tiếng anh trở nên gay gắt:

– Cậu biết mình định nói gì. Mình vừa bước chân lên xe thì cậu đã củ soát mình rồi còn gì? Lọt mắt mình sao được.

Gã tài xế nhìn thẳng về phía trước, tay bíu chặt tay lái, khiến cơ bắp ở bàn tay căng lên, mu bàn tay tai tái, Joad tiếp tục:

– Cậu biết mình từ đâu tới rồi.

Gã tài xế im lặng.

– Không đúng sao? – Joad nói.

– Ờ… ờ… có chứ. Không… có thể là thế. Nhưng chuyện đó chả dính dáng đến mình. – Giờ thì gã nói dồn dập. – Mình không chõ mũi vào việc người khác.

Bất thình lình, gã nín bặt, chờ đợi. Đôi bàn tay trắng của gã vẫn bíu chặt tay lái. Một con châu chấu chui qua cửa nhỏ, đậu trên tấm bảng ở bên, rồi gãi gãi bộ cánh với đôi càng gãy góc. Joad với tay dí nát cái đầu bé nhỏ của nó tương tự đầu người chết. Đoạn anh thả nó ra theo luồng gió ngoài cánh cửa nhỏ. Joad lại vừa cười rúc rích, vừa chúi vào ngón tay những gì còn sót lại của xác con vật bị bóp nát.

– Ông bạn ơi, ông đã hiểu sai tớ. Tớ chả giấu diếm. Rõ ràng tớ đã ở Mac Alester. Bốn năm. Rõ ràng đây là những thứ họ cho tớ khi ra tù. Thiên hạ có biết tớ cũng đếch cần. Nay tớ trở về nhà ông già tớ để khỏi phải nói dối, nếu muốn tìm việc làm.

Gã lái xe nói:

– Ờ… chuyện đó chả dính dáng đến tớ. Tớ không phải là đứa tọc mạch.

– Có đấy, không nhiều thôi. Trừ cái điều là cái mũi của cậu đi cách trước mặt cậu đến hai ngày đường. Cậu đã đưa nó lượn quanh trên người tớ, chả khác con bò cái trong vạt rau.

Khuôn mặt anh tài xế căng lên:

– Cậu hiểu sai tớ…, – gã nói yếu ớt.

Joad cười giễu cợt.

– Đã nói rồi, cậu quân tử lắm. Đã cho mình đi nhờ. Vậy thì có quái gì mà tớ phải giấu nhỉ? Mẹ kiếp! Tớ đã

ở tù. Rồi thế nào nữa? Cậu thèm muốn biết sao tớ ở tù, hả?

– Cái đó không dính dáng gì đến tớ.

– Phải, chả dính dáng đến cậu, ngoài cái việc lái cái xe chết tiệt này, và chính cậu cũng đếch cần đến nó. Mà này, cậu có thấy con đường ở kia không?

– Có.

– Tớ xuống ở đấy. Rõ quá, cậu thèm muốn biết tớ đã làm gì mà bị tù tội, thèm vãi đái ra quần mà. Đừng chối vô ích, với tớ thì đừng chối.

Tiếng động cơ kêu o o buồn tẻ và tiếng reo hát của bánh xe cũng trầm xuống. Joad lôi chai rượu ra làm một ngụm. Chiếc xe tải dừng lại ở chỗ con đường nhỏ cắt thẳng góc với con đường cái. Joad bước xuống và đứng gần cửa. Chiếc ống thoát hơi thẳng đứng nhả vào không khí làn khói xanh gần như vô hình. Joad nghiêng người về phía anh lái xe.

– Sát nhân đấy, – Anh nói nhanh. – Nói thế nghe hoảng quá… có nghĩa là hạ một thằng nào đó. Bảy năm. Được bốn năm, họ thả tớ ra vì đã cố kìm mình, không quấy đảo.

Gã tài xế đưa mắt khắp mặt Joad để in nó vào trí nhớ.

– Tớ chả hỏi gì cậu hết. Tớ lo việc tớ mà.

– Cậu có thể cứ việc kể chuyện đó khắp các quán từ đây tới Texas, – anh mỉm cười. – Tha hồ.

– Thôi, tạm biệt anh bạn. Cậu quân tử lắm. Có điều, nghe nhé. Khi người ta sống trong tù một thời gian, ai định hỏi gì thì người ta đánh hơi được ngay. Nhưng cậu, cậu vừa há mỏ ra là đã điện các câu hỏi của cậu đi

rồi.

Anh lấy lòng bàn tay vỗ vỗ vào cánh cửa sắt.

– Cám ơn buổi đi dạo. Tạm biệt.

Anh quay gót bước vào con đường nhỏ.

Gã tài xế đưa mắt nhìn theo anh, rồi nói:

– Chúc may mắn.

Joad vẫy vẫy tay nhưng không ngoảnh lại. Thế rồi tiếng động cơ nổ ầm ầm mạnh hơn, chiếc xe tải to sơn màu đỏ nặng nề lao vút đi.

Chương III

Một thảm cỏ khô rối bời, bị dập gãy, giăng trải bên bờ đường cái lớn láng xi măng, đầu ngọn cỏ nặng trĩu những râu lúa mạch dễ bám vào lông loài chó, những sợi cỏ đuôi cáo dễ vướng mắc vào các túm lông chân ngựa, những hạt cỏ ba lá dính bết vào lông cừu. Một cuộc sống ao tù đang chờ đợi bị phân tán, tản mát, mỗi một hạt được trang bị một dụng cụ phân tán – những mũi nhọn bé xíu xoắn tít và những dù nhảy theo gió, những mũi lao và đạn của những chiếc gai bé tí – tất cả đang chờ đợi những con vật và cơn gió, ống quần đàn ông hay gấu váy đàn bà, tất thảy đều thụ động nhưng được trang bị sẵn dễ hoạt động, tất thảy đều trơ ì nhưng chứa đựng các yếu tố vận động.

Mặt trời trải rộng và sưởi ấm cho cỏ, nấp trong bóng dâm dưới cỏ, loài côn trùng xao động, kiến lửa và kiến càng rình bắt mồi, đàn châu chấu nhảy lên không và đánh càng tanh tách trong thoáng chốc, những con mọt ẩm tương tự những con ta tu bé tí luôn luôn ngọ nguậy trên những chiếc càng mảnh khảnh. Và một chú rùa đang bò trên cỏ bên lề đường, rồi tự nhiên vô cớ rẽ sang hướng khác, kéo lê chiếc mai khum khum. Những chiếc càng cứng, những bàn chân mang móng sắc vàng, ì ạch, nặng nhọc qua đám cỏ. Thật ra thì không phải nó đi, mà đúng ra nó ẩy cái mai. Những râu đại mạch lướt trên chiếc vỏ cứng và các hạt cỏ ba ngạnh rơi xuống đụng vào nó, lăn xuống đất. Cái mỏ rắn như sừng hé mở, đôi mắt hung ác và châm biếm nhìn thẳng ra phía trước. Con rùa bò trên cỏ và để lại phía sau một vệt nham nhở, rồi nó đụng phải cái bờ dốc của đường sừng sững như một cái cồn trước mắt nó. Nó dừng lại chốc

lát, ngẩng đầu lên. Nó hấp háy con mắt nhìn từ trên xuống dưới. Cuối cùng nó quyết leo dốc. Đôi cẳng trước với những chiếc móng sắc rướn lên trước nhưng không tìm được điểm tựa. Đôi cẳng sau vừa đẩy cái mai vừa nạo cỏ và sỏi. Sườn dốc càng đứng, rùa ta càng ráng sức. Đôi cẳng sau căng ra để đẩy, hích cái mai, cái cổ nghển tới để cho cái đầu vươn ra được. Dần dà, dần dà, cái vỏ giáp leo lên sườn dốc mãi tới lúc bị chắn ngang bởi bức tường chống của con đường – một bức tường xi măng cao bốn inch[3]. Như thể làm việc một cách độc lập, hai chân sau đẩy vỏ giáp tới sát tường. Cái đầu ngóc lên cao qua cái đầu bờ đường, nhìn cánh đồng xi măng rộng, nhẵn lì. Bây giờ đôi cẳng trước bám chặt vào đỉnh đầu bức tường, vất vả leo lên, chiếc vỏ giáp từ từ đi tới. Phần thân trước đã nằm trên bờ tường. Rùa ta dừng lại một lát. Một chú kiến luồn xuống phía dưới vỏ cứng, chui vào tận các ngóc ngách của da mềm. Đột nhiên cả đầu, cả mấy cẳng rụt lại, cái đuôi lách nghiêng thu vào dưới cái mai. Chú kiến đỏ đã bị đè nát giữa thân mình và đôi cẳng. Một ngọn yến mạch dại bị một trong hai cẳng trước kẹp vào trong mai. Trong một lúc lâu rùa ta không động đậy, nhưng rồi sau đó, cái cổ hiện ra, đôi mắt châm biếm và nheo nheo nhìn khắp xung quanh, chân và đuôi lại thò ra. Chân sau lại tiếp tục công việc, nặng nề như những đôi chân voi, cái mai đổ nghiêng một bên, cho nên đôi cẳng trước không với tới mặt bằng của tường xi măng. Chân sau lại cố đẩy, cố hích nó lên cao, lên nữa cho tới lúc đạt được sự thăng bằng, đôi cẳng trước cào cào nền xi măng, rồi rùa lấy lại tư thế cũ. Nhưng vì bị mắc kẹp cho nên ngọn cỏ yến mạch dại vẫn cứ vướng luẩn quẩn đôi cẳng trước.

Bây giờ hành trình của chú rùa đã dễ dàng, bốn cẳng

bắt đầu hoạt động đều, cái mai vừa tiến lên vừa lắc lư hết sang trái lại sang phải. Một chiếc xe hòm đi tới, người lái là một phụ nữ trạc bốn mươi tuổi. Trông thấy con rùa, bà lái tránh sang phải, xe trệch ra ngoài lòng đường, bánh xe rít mạnh, một đám bụi bốc lên, hai bánh xe nhấc lên trong nháy mắt rồi đổ xuống tức thì. Chiếc xe lấy lại trớn tiếp tục cuộc hành trình và đi xa dần, nhưng chậm rãi hơn. Còn chú rùa thì đột nhiên rụt vào dưới mai, nhưng rồi nó phải vội vã bò vào vì lòng đường đang nóng bỏng.

Cũng vào lúc này, một chiếc xe con đang phóng tới gần… Người lái xe trông thấy con rùa bèn khiến tay lái hòng nghiến nát con vật. Một bánh trước đánh vào cạnh chiếc mai, rùa bị hất lên, xoay xoay như một đồng xu rồi rơi bịch và lăn ra khỏi đường. Chiếc xe lấy lại phía phải và lao đi tiếp. Con rùa nằm ngửa, rụt đầu vào mai trong một lúc lâu. Nhưng rồi mấy cái cẳng lại ngọ nguậy, tìm kiếm một cái gì đó để có thể giúp nó lật sấp. Cẳng trước đã bám được vào một hòn sỏi, chiếc mai cố gắng lật lật dần và mãi rồi cũng nằm sấp lại được. Nhánh đại mạch rời ra để rơi ba hạt hình mũi giáo cắm xuống đất và bị vùi lấp khi rùa bắt đầu bò xuống bờ dốc. Nhưng đôi mắt già nua và châm biếm nhìn thẳng ra phía trước, chiếc mỏ cứng hơi hé mở. Những chiếc móng sắc vàng bị trượt một tí chút trong đất bụi.

Chương IV

Khi chiếc xe tải đi xa dần trong tiếng động tăng tốc liên tiếp và đất hổn hển dưới sức nén của mấy chiếc lốp cao su, Joad bèn dừng chân, ngoảnh lại đưa mắt trông theo. Chiếc xe đã khuất hẳn, nhưng anh vẫn còn mải nhìn về phía xa xa, vào không trung màu xanh lam đang rung động. Vẻ trầm ngâm, anh rút chiếc chai ở túi ra, vặn mở cái nút thép và nhấm nháp rượu Whisky một cách ngon lành. Anh thè lưỡi liếm vào cổ chai, rồi liếm quanh mép chai, không chịu để ý mảy may các hương vị bám quanh đấy.

Anh nói như để thử nghiệm:

– "Hôm ở đấy, mình thấy một gã da nâu sẫm…", nhưng chỉ có thế, anh không thể nhớ thêm gì nữa. Cuối cùng anh quay lại, đối diện với một con đường bụi bặm cắt thẳng qua cánh đồng. Mặt trời nóng bỏng, không một ngọn gió nào tới làm xao động lớp bụi lấm tấm. Đường lỗ chỗ những hố gà, Joad đi được mấy bước thì bụi mịn như bột bốc lên dưới đầu mũi đôi giày mới và màu vàng thoắt biến đi trong lớp bụi xam xám.

Anh cúi xuống cởi dây giày rồi lần lượt tháo giày ra. Anh khoan khoái vùi đôi bàn chân dâm dấp xuống bụi cát khô nóng cho tới khi nó bắn ra những chùm tia nhỏ và da bàn chân se lại. Anh cởi áo ngoài, gói giày vào rồi cắp cái bọc xuống dưới nách. Anh lại cất bước, để lại phía sau một chút mây bụi là là mặt đất. Phía bên phải con đường cái, có một hàng rào dây thép gai móc vào những cọc bằng cành liễu. Cọc rào cong queo, cành tỉa sơ sài. Khi có một chạc nằm vừa tầm, sợi dây tựa vào đấy, và nếu không gặp chạc, dây thép gai được buộc

chắc vào cọc bằng những khúc dây thép ri. Bên kia hàng rào, cây ngô nằm sóng soài mặc cho gió đập, nắng hun, và ở chỗ lá và thân giáp nhau hiện ra cái bắp hình tổ sâu phủ đầy bụi.

Joad vừa nặng nhọc bước đi, vừa kéo theo sau đám mây bụi. Bỗng phía trước mặt, anh trông thấy cái mai khum khum của một chú rùa đang chậm rãi sục bò trong bụi, bốn chân cứng ngắc bước đi lập chập, Joad dướn lại nhìn, bóng anh đổ xuống con vật, ngay tức thì cái đầu và cái cẳng rụt lại, cái đuôi nhỏ và dày rút gọn vào dưới vỏ cứng. Joad nhặt nó lên. Lưng rùa màu nâu sẫm nhưng phần dưới bụng thì màu vàng kem, sạch sẽ và mát tay. Bằng một cái giật mạnh, Joad xốc lại chiếc bọc kẹp dưới nách, đưa ngón tay vuốt ve cái bụng rùa trơn nhẵn, rồi ấn thử. Ở đây mềm hơn trên lưng. Cái đầu già cứng ló ra, cố gắng nhìn mấy đầu ngón tay đang ấn ấn lên nó, còn mấy cẳng đang cựa quậy loạn xạ. Con rùa đái vào tay anh và giãy giụa, chới với. Joad lật sấp con rùa lại, cuộn nó cùng với đôi giày vào trong chiếc áo ngoài. Anh cảm thấy con vật thúc thúc ngọ ngoậy nhặng xị dưới nách tay. Và rồi anh rảo bước, chân hơi kéo lê trong bụi mịn.

Bên bờ đường phía trước mặt, Joad nom thấy một cây liễu cằn cỗi bụi bám đầy và đang in xuống đất bóng lốm đốm những cành khẳng khiu uốn cong cong phía trên mặt đường, lá rách nham nhở nom thảm hại chẳng khác con gà mái đang thay lông. Joad đã đẫm mồ hôi. Nách và lưng chiếc áo sơ mi xanh đã sẫm lại. Anh kéo cái lưỡi trai mũ cát két, nó bị nứt rạn ở khoảng giữa, miếng giấy bồi lót trong bị gãy nên chiếc mũ không còn gì là mới nữa. Anh bước nhanh và dứt khoát đi về phía có bóng cây liễu. Anh biết là gần cây liễu có bóng râm, ít ra thì cũng có một vạch bóng to đậm do thân cây hắt

xuống, vì lúc này mặt trời đã quá đỉnh đầu. Lúc này mặt trời đánh vào phía sau gáy, khiến anh thấy ù tai. Anh không thể nhìn thấy gốc cây vì nó bắt rễ ở chỗ trũng mà nước đọng lại lâu hơn ở các chỗ bằng phẳng. Joad lại rảo bước thêm để tránh nắng và xuống dốc. Nhưng anh dè dặt bước chậm lại, bởi vì bóng cây đã bị chiếm mất. Có một người đang ngồi dưới đất, lưng tựa vào cây, hai cẳng bắt chéo và một bàn chân để trần giơ cao lên ngang đầu. Y không nghe thấy Joad đang đi tới và y mê mải huýt sáo điệu Yes, Sir, That's my Baby[4]. Bàn chân chìa ra chậm rãi đánh nhịp. Đó không phải là một điệu khiêu vũ. Rồi y ngừng huýt sáo và bằng một giọng hát nam cao thoải mái, y cất tiếng hát:

"Yes, Sir, that's my Savieur

Je… sus is my Savieur

Je… sus is my Sevieur now

On the lovel

'S not the devil

Jesus is my Savieur now"[5]

Joad đã bước vào bóng râm loang lổ của cành cây đang thời kỳ thay lá. Tới lúc này, người kia mới nom thấy anh đang ở gần mình, ngừng hát và quay đầu lại. Đầu y dài, xương xương, da căng, cổ nổi gân bắp nom như một gốc cần tây. Đôi mắt lồi, da mi mắt căng da, còn mi mắt thì trơ và đỏ. Đôi má nhẵn thín với nước da nâu bóng, cái miệng với đôi môi dày có vẻ châm biếm và hám nhục dục. Cái mũi khoằm và cứng kéo căng da mặt, khiến cho sống mũi nom rất trắng. Không thấy có dấu vết mồ hôi trên khuôn mặt của y, ngay cả trên cái trán tái nhợt, một cái trán cao khác thường, nổi những đường gân xanh hai bên thái dương. Hơn một nửa mặt,

nằm phía trên đôi mắt. Đám tóc hoa râm và cứng hất ngược ra sau lù xù như thể chỉ được chải bằng mấy ngón tay. Quần áo của y gồm một chiếc quần thợ máy và một chiếc sơ mi xanh. Nằm dưới đất bên cạnh y là một chiếc áo ngoài bằng vải sợi có khuy đồng, và một chiếc mũ nâu loang lổ các vết bẩn, nhăn dúm. Đôi giày vải xám xịt bụi bặm nằm nguyên chỗ từ lúc y ngúc ngoắc đôi bàn chân cho chúng rơi xuống đất.

Y nhìn Joad rất lâu. Ánh sáng hình như xuyên sâu vào đôi mắt màu nâu, và từ đáy con ngươi hắt ra những tia vàng vàng.

Joad đứng im trong bóng râm loang lổ. Anh cất mũ, lấy nó thấm mồ hôi trên mặt, rồi buông cả mũ, cả chiếc áo cuộn tròn rơi xuống đất.

Người kia nằm dài trong bóng râm, bỏ chân xuống, đưa ngón chân cái ngoáy ngoáy trong bụi.

Joad nói:

– Xin chào. Trên đường cái nắng ơi là nắng.

Người kia đang ngồi lên, ném vào anh một cái nhìn dò xét.

– Hoạ chăng mày là anh chàng Tom Joad, con ông già Tom?

– Đúng vậy, tôi đang trở về nhà.

– Chắc mày không còn nhớ tao. – Y mỉm cười, đôi môi dày để lộ những chiếc răng to như răng ngựa. – Ô, mà mày nhớ làm sao được. Hồi xưa, lúc tao nói với mày về Đức Thánh Thần thì mày chỉ mải mê kéo tóc bọn con gái. Đầu óc mày chỉ nghĩ đến chuyện ấy, chỉ lo kéo tóc cho đến lúc giật được nó. Có lẽ mày không nhớ, nhưng tao thì tao không quên. Vì cái chuyện kéo tóc này mà cả

hai đứa bay đã đến trước Chúa Jesus. Tao cũng đã làm lễ rửa tội cho cả hai cùng một lúc, trong Kênh Đào ấy mà. Chà, lúc đó chúng mày vùng vẫy, gào la đến khiếp! In như hai con mèo hoang.

Joad cúi mắt nhìn y, rồi anh cười phá lên.

– Sao lại thế này? Té ra là ông mục sư! Ông là ông mục sư chứ gì! Cách đây chưa đầy một tiếng, đúng là tôi đã nói về ông với một thằng cha…

– Xưa kia tao là mục sư, – ông kia nói vẻ nghiêm nghị. – Cha Jim Casy, Giáo phái Burning Busher. Tao gào đến vỡ phổi tên Chúa Jesus và sự vinh quang của Người. Đến cái mức mà con Kênh của tao đầy nhung nhúc bọn phạm tội hối lỗi, mà một nửa suýt chết đuối! Nhưng nay không thế nữa, – ông thở dài, – nay chỉ là Jim Casy trống trơn. Chả là thiên hướng của tao đã mất. Tao có một đống những ý nghĩ tội lỗi, nhưng xem ra thì cũng phải chăng thôi.

Joad nói:

– Buộc phải thế thôi, ông ạ. Khi người ta nghĩ đến hàng đống chuyện, người ta nẩy ra nhiều ý kiến lắm. Khỏi phải nói, dĩ nhiên là tôi nhớ ra ông, ông thường họp thiên hạ lại để giảng đạo. Tôi còn nhớ một lần, vừa đọc bài thuyết giáo ông vừa đi bằng hai tay, miệng gào la như kẻ bị quỉ ám. Mẹ tôi mến ông hơn ai hết. Còn bà nội tôi thì cho rằng tinh anh của Chúa lai láng khắp người ông.

Joad lục tìm trong chiếc áo vét cuộn tròn, tìm thấy túi áo và lôi cái chai ra. Con rùa cựa quậy nhưng anh lại gói nó thật chặt. Anh xoay xoay cái nút và chìa cái chai ra.

– Ông làm một ngụm chứ?

Casy cầm lấy chai, nhìn nó với vẻ đăm chiêu:

– Tao không giảng đạo nữa. Thiên hạ không còn mang tinh thần của Chúa trong họ nữa. Cố nhiên, có những lúc tinh thần đó lại bắt đầu giày vò tao, thế là tao lại xoay xở để tổ chức một buổi nhóm họp, hoặc giả khi người ta mời ăn, tao cũng đọc một bài kinh, nhưng lòng dạ thì để đâu đâu. Nếu tao làm thế, đơn giản chỉ vì họ trông chờ vào tao.

Một lần nữa, Joad lấy mũ cát két lau mặt.

– Dẫu sao thì ông cũng không quá thánh thiện đến nỗi không dám uống một ngụm, phải không?

Casy có vẻ như lần đầu tiên nhận thấy cái chai… Ông giơ nó lên, dốc ngược và làm ba ngụm lớn.

– Rượu ngon lắm – ông nói.

– Phải thôi, – Joad nói. – Đây là thứ rượu mạnh của nhà máy. Tôi mua một đô la đấy.

Casy còn uống thêm một ngụm nữa mới trả lại chai.

– Dĩ nhiên, – ông nói, – dĩ nhiên.

Joad cầm lấy chai ở tay ông, và anh uống nhưng vì lịch sự anh tự miễn không đưa ống tay áo chùi miệng chai. Anh ngồi xổm, đặt đứng cái chai tựa vào chiếc áo vét cuộn tròn. Ngón tay anh lần ra một nhánh củi, rồi vạch vạch ý nghĩ của anh trên đất. Anh san đất thành một hình vuông, quét lá đi và san bằng cát. Anh vẽ các góc và vạch những hình tròn nhỏ.

– Đã lâu rồi tôi không thấy ông, – anh nói.

– Chả ai thấy tao cả, – mục sư nói. – Tao bỏ đi một mình, và cứ thế mà suy tư ngẫm nghĩ. Tinh thần trong tao vẫn mạnh, có điều nó không như trước nữa. Có hàng đống chuyện mà tao không nắm chắc được.

Ông rướn người lên tựa vào cây. Nhanh như sóc bàn tay xương xẩu của ông lần mò trong túi chiếc áo xanh và lôi ra một gói thuốc đen để nhai đã bị sứt mẻ. Thận trọng, ông gỡ các nhành rơm và các xơ lông xám dính từ túi áo dính vào, rồi ông cắn một góc miếng thuốc nhai, lăn nó về phía má. Joad lắc lư đầu gậy để tỏ ý từ chối khi ông mời anh nhai miếng thuốc còn lại. Con rùa giãy giụa trong chiếc áo cuộn tròn. Casy quay mắt về phía chiếc áo đang động đậy.

– Mày có cái gì trong đó… một chú gà con à? Mày làm nó chết ngạt mất.

Joad lại cuộn chiếc áo chặt hơn.

– Một con rùa già. Tôi nhặt nó trên đường cái. In như chiếc tăng cũ. Tôi nẩy ra ý kiến mang nó về cho thằng em út. Bọn nhỏ chúng thích rùa mà.

Người mục sư chậm rãi nói:

– Vào một lúc nào đó tất cả bọn trẻ con đều có một con rùa. Tuy vậy chả đứa nào có thể giữ chúng được lâu. Chúng hăm hở, miệt mài tìm cách chơi, rồi một ngày nào đó, hấp, nó bỏ đi đâu đó, tao chẳng biết. Thì in như tao vậy. Tao không thể bằng lòng với sách kinh cũ tốt lành nằm trong tầm tay. Tao phải đào xới nó, tước vỏ nó cho tới khi nó tan từng mảnh. Hiện nay thì có lúc thần linh truyền hơi thở cho tao, tao chẳng có gì để thuyết giáo cả. Tao có thiên hướng dắt dẫn loài người, nhưng dắt dẫn họ tới đâu thì tao chả biết.

– Thì ông cứ việc bắt họ quay tròn, quay tít. – Joad nói. – Rồi vất họ xuống sông đào. Nói với họ là họ sẽ cháy thiêu trong địa ngục, nếu không suy nghĩ như ông. Còn việc quái gì mà ông lại muốn dắt họ tới đâu đó? ông cứ bằng lòng với việc dắt dẫn họ, thế là đủ rồi.

Thân cây ngả bóng thẳng dài trên đất. Joad thích thú bước vào chỗ bóng, quì gối ngồi trên gót chân và lại san bằng một lớp bụi khác, lấy đầu gậy ghi ý nghĩ của mình lên đó. Một con chó chăn cừu lông dài sắc vàng vừa đi tới, vừa chạy lon ton, đầu cúi thấp, lưỡi thè lè rớt dãi. Đuôi thõng xuống, mút đuôi hơi cong lên; nó thở phì phì. Joad huýt sáo gọi nó, nó chỉ cúi thấp mõm xuống thêm một chút và chạy gấp hơn về một mục tiêu rất xác định. – Nó đi đâu đấy. – Joad giải thích, hơi phật ý. – Có lẽ về nhà nó.

Người mục sư không vì thế mà đi trệch khỏi vấn đề.

– Nó đi đâu đấy, – ông nói, – đúng vậy, nó đi đâu đấy. Tao… tao chẳng biết tao đi đâu. Tao sẽ nói cho mày hay… Tao đã có thể khiến cho thiên hạ nhảy cẫng lên, khiến cho họ ăn nói một cách rối rắm khó hiểu, gào hét vinh quang của Chúa đến nỗi vì thế mà ngã nhào xuống đất, chả biết trời đất gì nữa. Và có những kẻ tao rửa tội cho để tỉnh lại. Thế rồi… mày biết tao làm gì không? Tao dẫn một đứa trong bọn con gái vào đám cỏ và ngủ với nó. Lần nào tao cũng làm thế. Và sau đó, tao thấy băn khoăn, tao cầu nguyện, cầu nguyện nhưng chả ăn thua gì. Cứ gặp dịp thần linh truyền hơi thở vào bọn con gái và vào tao, tao lại tái phạm. Tao hiểu, thật tình chẳng có hy vọng gì, tao chỉ là một đứa đạo đức trời đánh. Nhưng biết sao, chỉ là chuyện vạn bất đắc dĩ.

Joad mỉm cười, những chiếc răng vẩu hé ra, và anh liếm môi.

– Chẳng có gì hay bằng một cuộc họp cho ra họp, khi ai nấy đã bốc lửa, nhân đó vật ngã tụi con gái xuống đất, – Joad nói. – Tôi cũng đã làm như thế.

Casy rất băn khoăn, cúi về phía trước.

– Mày thấy đấy, tao đã biết sự tình sẽ như vậy, cho nên tao đâm suy nghĩ.

Ông phe phẩy bàn tay xù xì từ trên xuống dưới với một cử chỉ vỗ về.

– Tao tự nghĩ thế này. Đấy, mình đang thuyết giáo về ân sủng của Chúa, và mày xem, bọn người đó thấm nhuần ân sủng đến mức chúng nhảy nhót, chúng gào la đến vỡ phổi. Cái chuyện ngủ với con gái hình như là việc của quỉ, nhưng bọn đó cũng nhận được ân sủng thì càng vội vã muốn đi vào đám cỏ. Và mẹ kiếp – xin lỗi nhé – tao cứ tự hỏi, khi một con mụ bị Đức Thánh Thần ám chặt thì làm sao quỉ cỏ thể nhập vào người? Người ta tưởng chính lúc đó con quỉ chả giở trò gì được, chả hơn cục tuyết ném vào địa ngục. Ấy thế mà sự tình lại là thế.

Đôi mắt của ông lấp lánh sự kích động. Ông xoa má một lát rồi khạc nhổ xuống đất, bãi nước bọt dính vào bụi giống như một viên đất khô. Người mục sư chìa tay ra, nhìn lòng bàn tay như đang đọc một cuốn sách.

– Và mày xem, – ông tiếp tục, nhẹ nhàng, – tao nắm linh hồn các người đó trong tay tao, tao có ý thức về trách nhiệm của tao, nhưng lần nào cũng như lần nào, tao vẫn ngủ với một trong những đứa con gái đó, đố có trật.

Ông dán mắt nhìn Tom, mặt lộ vẻ đau khổ. Hình như ông cầu khẩn sự cứu giúp. Một cách chăm chú, Joad vẽ một thân người phụ nữ trong bụi, có đủ vú, hông, mông.

– Tôi chưa từng bao giờ là mục sư, – anh nói. – Hễ gặp dịp là tôi không bỏ lỡ, mà tôi chẳng bao giờ có ý kiến về chuyện đó, chỉ biết rằng mỗi lần rủ được một

đứa là tôi khoái cái tỉ rồi.

– Đúng, nhưng mày không phải là mục sư, Casy nhấn mạnh. – Với mày con gái là con gái, chẳng là gì khác. Với mày chúng chẳng đáng kể. Nhưng với tao, chúng là những chiếc bình thiêng. Tao phải cứu vớt linh hồn chúng, ấy vậy mà với tất cả trách nhiệm đã đè nặng trên vai, tao truyền đạt cho chúng về Đức Thánh Thần đến mức chúng thèm trào bọt mép, và sau đó tao lôi chúng vào bụi cỏ.

– Lẽ ra tôi đã phải làm mục sư, – Joad nói.

Anh rút gói thuốc, giấy và cuốn một điếu. Anh châm lửa hút rồi vừa nhìn ông mục sư vừa chớp chớp mắt qua làn khói:

– Lâu lắm tôi chẳng biết đến đàn bà, – anh nói. – Phải có công ăn việc làm để gỡ gạc lại mới được.

Casy tiếp tục:

– Điều đó cứ quấy rầy đến nỗi tao không ngủ được. Chẳng hạn, có khi tao đi một vòng và tự nhủ “Lạy Chúa, lần này thì con không làm thế nữa”. Nghĩ thì hay thế, nhưng tao biết tao vẫn chứng nào tật nấy, Tom ạ.

– Lẽ ra ông phải lấy vợ… Một lần, có một mục sư với vợ đã ở nhà tôi. Họ thuộc chi Jehovah. Ngủ ở tầng trên. Giảng đạo trong sân. Bọn nhóc chúng tôi vểnh tai mà nghe. Mà xin ông hãy tin tôi, cái mụ vợ mục sư ấy mà, sau mỗi buổi họp mặt, mụ ta vớ bở lắm.

– Mày nói thế là tao bằng lòng, – Casy nói. – Nhiều khi tao nghĩ chỉ có tao mới hư đốn. Cuối cùng, tao khổ quá, tao vất mẹ nó tất, rồi một mình ra đi để suy nghĩ một lần cho trót, – ông xếp cẳng lại và bắt đầu nhòm ngó tỉ mỉ các ngón chân khô và bụi bặm. – Tao đã lòng nhủ lòng: “Có gì mà mày day dứt? Đã hôn hít rồi hay

sao?" Rồi tao lại nói: "Không, chính là tội lỗi kia". Lại tự nhủ: "Tại làm sao? Chính vào lúc người ta phải cứng như thép để chống lại tội lỗi, lúc người ta đã mang nặng Chúa trong lòng, làm sao chính lúc đó người ta lại bắt đầu sờ soạng khuy quần, tại sao?" – Ông đặt hai ngón tay vào lòng bàn tay, đánh nhịp như thể đang nhẹ nhàng đặt mỗi tiếng cạnh nhau. – Tao tự nhủ: "Có lẽ không phải là tội lỗi. Đơn giản có lẽ con người sinh ra là thế. Có thể người ta tạo cho mình những băn khoăn về chuyện không đâu và tao bắt đầu nghĩ đến những con mụ làm sao mà chúng có thể lấy roi da dài ba bộ, có đeo cục chì để tự mình quất vào chính mình. Dễ chừng họ thích tự mình làm khổ mình? Và tao nữa, rất có thể tao thích làm khổ tao cũng nên. Chỉ biết rằng bao giờ cũng vậy, khi đêm tối, tao nằm dưới gốc cây và khi thức dậy thì đã tối đen. Có một con chó sói rú lên không xa lắm. Thế rồi trước khi đủ thì giờ tỉnh táo, tao lại bắt đầu hét tướng lên: Vất mẹ những chuyện ngu ngốc đó đi! Tội lỗi ư? Đức hạnh ư? Đó chỉ là chuyện tào lao. Chả có gì mà con người không làm. Tất cả gộp lại làm một. Có những điều con người làm thì đẹp, có những điều thì không đẹp. Con người chỉ có quyền nói thế thôi…" Ông ngừng lại ngước mặt nhìn phía trên lòng bàn tay, nơi ông đã sắp hàng các dòng chữ.

Joad mỉm cười nhìn ông, nhưng cái nhìn của anh linh lợi và có vẻ thích thú. Anh nói:

– Nói thế là ông đã thấy rõ vấn đề. Ông đã tìm ra cách giải quyết đúng đắn rồi đó.

Casy lại tiếp tục, tiếng nói của ông vang lên nỗi đau đớn và sự ngượng ngùng:

– Tao tự nhủ: "Cái Đấng Thánh Thần này là gì?" Rồi tự trả lời: "Đó là tình yêu thương. Tao yêu con người

tràn trề, đến mức nhiều khi tao sẵn sàng nổ tung ra". Rồi tao tự hỏi "Còn Jesus, thế người không yêu Ngài sao?". Thế là tao trăn trở câu đó trong đầu óc tao, và rốt cuộc: "Không, tôi chả quen ai có tên là Jesus". Tao biết chuyện này chuyện nọ, cái đó thì có, nhưng chỉ có con người là tao yêu. Mà nhiều khi tao yêu họ tràn trề đến nổ tung ra, tao muốn khiến họ sung sướng, cho nên tao thuyết giáo cho họ những điều mà tao nghĩ có thể khiến họ sung sướng. Thế là… nhưng thôi… tao nói gì mà tràng giang đại hải vậy nhỉ! Có lẽ mày lấy làm lạ, nghe tao ăn nói những tiếng tục tĩu. Thế này nhé, với tao, những tiếng đó không còn tục tĩu nữa. Đơn giản chỉ là những tiếng người ta dùng, với họ, chúng chả có ý nghĩ tục tĩu. Với một mục sư, điều này không có gì vô đạo hơn, cho nên tao không bao giờ còn làm mục sư được nữa, bởi lẽ tao đã nghĩ về nó và tao tin là đúng nữa.

– Là cái gì vậy? – Joad hỏi.

– Nói ra nếu mày không thích thì đừng có giận, nghe?

– Tôi chẳng việc gì mà giận trừ phi bị ai tống cho một cú đấm vào mặt. Ông nghĩ cái gì vậy?

– Là về chuyện Đức Thánh Thần và con đường của Jesus? Tao tự nhủ: cớ sao người ta lại gán cái đó cho ý Chúa hoặc Jesus? Nhiều khi tạo tự nhủ: có lẽ tất cả những người đàn ông và tất cả những người đàn bà mà chúng ta yêu, đều là cái đó, là Đức Thánh Thần, là trí tuệ con người, là cái mớ hổ lốn. Có lẽ tất cả mọi người chỉ có một mảnh nhỏ của linh hồn đó. Tao đang suy nghĩ như vậy thì đùng một cái, tao cho thế là đúng. Tự đáy lòng tao, tao tin chắc đó là sự thật. Mà bây giờ đây tao vẫn còn tin là thế.

Joad cúi mắt nhìn đất, như thể anh không đương

đầu nổi với sự lương thiện thật đơn giản trong đôi mắt người mục sư.

– Với những ý nghĩ như vậy, ông không thể có nhà thờ được, người ta sẽ buộc ông phải bỏ địa phương. Nhảy nhót này, gào la này, thiên hạ chỉ thú có thế thôi. Sau đó họ cảm thấy dễ chịu. Khi bà tôi đã nhập đồng bắt đầu nói huyên thuyên rối rắm thì không có cách nào giữ bà lại được. Chỉ bằng một quả đấm, bà có thể nện choáng váng tay trợ tế còn đang tuổi trai tráng.

Casy nhìn anh vẻ đăm chiêu.

– Có điều tao muốn hỏi mày, – ông nói, – một điều cứ day dứt trong đầu óc tao.

– Ông cứ việc hỏi. Nhiều khi tôi cũng biết nói chuyện mà!

– Vậy thì được, – người mục sư chậm rãi nói, – mày nghe đây, tao đã làm lễ rửa tội cho mày từ thời tao còn chìm ngập trong ân sủng và vinh quang của Chúa. Hôm đó, từng mảnh nhỏ của Jesus rơi ra từ miệng tao. Mày không thể nhớ ra, vì lúc đó mày chỉ mải mê kéo cái bím tóc kia.

– Tôi có nhớ, – Joad nói. – Chính là con Suzy Little, một năm sau nó bẻ tôi gãy một ngón tay.

– Thế thì… được rửa tội mày được lợi lộc gì? Sau đó mày có khá hơn không?

Joad suy nghĩ:

– Khô… ô… ng, tôi không thể nói là chuyện đó có ảnh hưởng gì đến tôi…

– Thế thì… nó làm hại đến mày chăng? Nghĩ kỹ xem.

Joad cầm chai tu một hơi.

– Nó chẳng ảnh hưởng gì hết, xấu không, tốt không. Tôi thấy chuyện đó khôi hài, chi có thế.

Anh chìa cái chai cho mục sư. Ông thở dài, cầm lấy uống, nhìn mức whisky đã cạn, rồi uống thêm một ngụm nhỏ.

– Càng hay, – ông nói. – Chả là tao từng có ý nghĩ rằng khi làm tất cả các việc linh tinh thế kia, nhiều khi tao đã làm hại đến ai đó. Nghĩ như vậy tao đâm lo.

Joad ngoảnh mắt nhìn về chiếc áo vét, anh thấy con rùa đã chui ra được khỏi áo và đang vội vã đi theo hướng cũ vào lúc Joad tìm thấy nó, Joad quan sát nó một chốc rồi chậm rãi đứng lên, bắt lại và bọc nó trong áo.

– Tôi chẳng có quà cho bọn nhóc, – anh nói. – Chả có gì ngoài con rùa già này.

– Kể cũng ngộ, – mục sư nói, – lúc mày tới đây thì tao đang nghĩ đến bố già Tom Joad. Tao đang tự nhủ sẽ đi thăm ông ta. Xưa kia tao nghĩ là ông là người không tin Chúa. Ông ta khoẻ không Tom?

– Tôi chẳng biết ông già thế nào. Đã bốn năm nay tôi không ở nhà.

– Ông ấy không viết cho mày à?

Joad lúng túng:

– Ồ! Chuyện viết lách thì bố tôi không thạo lắm, dù viết để chơi hoặc viết để viết. Ông có thể ký tên ông, ông chả thua kém gì ai. Nhưng ông không bao giờ thư từ. Bao giờ ông cũng nói. Những gì người ta không thể nói với thiên hạ bằng miệng thì chả tội nợ gì mà vất vả với một cây bút chì.

– Mày đi xa về sao?

Joad nhìn ông vẻ ngờ vực:

– Thế nào, ông không nghe nói về tôi à? Báo chí nào cũng đả động tới.

– Không… chưa bao giờ… chuyện gì vậy? – Ông luồn một chân nọ xuống phía dưới chân kia, rồi lưng vẫn tựa vào thân cây, nhưng trước thấp xuống một ít. Mặt trời xế bóng nhanh, mang một âm sắc nóng hơn.

Joad nói một cách vui vui.

– Thà nói quách ông nghe cho xong chuyện, sau không phải đả động tới nữa. Nhưng nếu ông còn giảng đạo thì tôi sẽ không nói đâu, kẻo sợ ông lại cầu nguyện cho tôi.

Anh mút mạnh vào chai uống chút còn lại rồi vất nó ra xa. Chiếc chai màu nâu và dẹt nhẹ nhàng nhảy thia lia vào bụi.

– Tôi vừa qua bốn năm ở Mac–Alester.

Casy quay phắt đầu lại về phía anh. Đôi lông mày của ông nhíu xuống nên cái trán rộng có vẻ càng cao hơn.

– Mày nhất thiết không muốn nói chuyện đó hả? Tao có cật vấn mày đâu, nếu mày có làm chuyện gì xấu thì…

– Giá như phải làm lại, tôi sẽ làm, – Joad nói. – Trong một cuộc ẩu đả, tôi đã giết một thằng. Ở buổi khiêu vũ. Đang say. Hắn ta thọc vào tôi một nhát dao, tôi vớ cái xẻng gần đấy, giáng cho hắn một nhát. Đầu hắn nát như cháo.

Cặp lông mày của Casy nằm lại ở tư thế bình thường.

– Làm thế, mày không xấu hổ sao?

– Không, – Joad nói. – Không hề. Bị phạt bảy năm, bởi lẽ hắn cầm dao đâm tôi trước. Được bốn năm, tôi chịu hứa, họ thả tôi ra.

– Vậy là bốn năm nay mày không có tin người nhà?

– Ồ, có chứ, có, mẹ tôi gửi cho tôi một bưu thiếp, cách đây hai năm. Năm ngoái, Nôen, bà nội gửi cho tôi một tấm thiếp có phong cảnh. Trời ơi! Bọn chúng trong xà lim, chúng đùa mới dữ chứ! Tấm thiếp có một cái cây và những thứ lấp lánh như tuyết. Lại có một bài thơ nữa, thơ thế này:

Nôen vui, bé đẹp xinh,

Jesus hiền, Jesus lành.

Dưới cây Nôen, ta thấy

Món quà của ta cho anh.

Tôi cuộc rằng bà chả bao giờ đọc. Có lẽ bà đã mua một tay chào hàng và chọn cái nào mà phía trên lấp lánh nhất. Bọn trong xà lim đọc, chúng chết cười. Sau đó chúng gọi tôi là Jesus hiền. Không phải muốn tỏ ra ngộ nghĩnh mà bà làm thế đâu, bà thấy nó đẹp quá nên không chịu khó đọc xem. Năm tôi bị nhốt, bà đã mất kính. Dẫu sao, có lẽ bà chả bao giờ tìm thấy lại kính.

– Ở Mac–Alester, người ta đối xử với mày thế nào? – Casy hỏi.

– Ồ! Cũng không tồi. Cầm chắc là có cái để ăn, có quần áo sạch sẽ, và có chỗ có thể tắm được. Một mặt nào đó, không phải khó chịu gì. Gay go nhất là không có đàn bà. – Đột nhiên anh bật cười. Có một thằng cha được người ta tha, vì đã hứa hối cải. Sau một tháng hắn trở lại, vì tái phạm. Có đứa hỏi hắn tại sao lại thế. “Ô! Đ… mẹ, hắn nói, – ở nhà ông bà già tao chả có tiện

nghi, chả có điện, chả có tắm vòi. Sách cũng không, ăn uống thì tởm quá". Hắn nói hắn đã trở về nơi có tiện nghi, ăn uống tiềm tiệm. Hắn nói hắn cảm thấy hoàn toàn lạc lõng giữa miền quê, lúc nào cũng buộc phải nghĩ tới chuyện nên làm gì. Thế là cu cậu bèn đánh cắp một chiếc ô tô, và đã trở lại, – Joad rút gói thuốc ra cuốn một điếu. – Chưa kể là hắn nói có lý. Đêm qua, chỉ nghĩ tới chuyện sẽ ngủ ở đâu, tôi đã phát sợ. Rồi tôi bắt đầu nghĩ đến chiếc giường của tôi, tự hỏi không biết cái thằng bạn cùng xà lim với tôi sẽ thế nào. Tôi với mấy đứa khác đã dựng một dàn nhạc. Khá lắm. Có đứa nói là đáng lý phải chơi ở Đài Phát thanh. Còn sáng nay, tôi chẳng biết mình dậy vào lúc nào. Tôi nằm đợi chuông đánh.

Casy cười rúc rích:

– Đến mức rồi người ta luyến tiếc tiếng ồn ào ở nhà máy cưa.

Ánh bụi vàng nhạt của nắng buổi chiều điểm sắc màu vàng trên khắp vùng quê. Các thân cây ngô có vẻ nhuốm vàng. Một cánh én bay quất mạnh khoảng không, hướng về một cái đầm nào đó. Trong túi của Joad, con rùa cố gắng trốn ra một lần nữa. Joad gập chiếc lưỡi trai ở mũ, bây giờ thì nó cong xuống, chĩa dài ra như mỏ quạ.

– À! Đã đến lúc lên đường rồi, – anh nói. – Tôi không chịu được nắng, nhưng giờ thì mặt trời không gay gắt nữa.

Casy vươn người đứng lên:

– Đã lâu lắm tao chưa gặp ông già Tom, – ông nói. – Vả lại, tao cũng đang sắp sửa tới thăm ông ta. Một thời gian lâu, tao đã rước Jesus tới nhà mày, và chưa hề

quyên giáo, chưa hề xin gì, trừ thỉnh thoảng một chút gì để ăn.

– Ông đến đi. Được gặp ông, bố tôi sẽ rất vui… Ông luôn nói rằng ông nặng nợ đời lắm, nên không thể là mục sư được.

Anh lượm chiếc áo cuộn tròn lên và quấn chặt nó một cách tiện lợi quanh đôi giày và con rùa.

Casy vớ lấy đôi dép và xỏ đôi bàn chân trần vào.

– Tao không quá tự tin để đi chân đất như mày, – y nói. – Bao giờ tao cũng sợ nhỡ ra có những đoạn dây thép hoặc thuỷ tinh trong cát. Chẳng có gì tao sợ hơn là bị khứa chân.

Đứng bên bờ bóng râm, họ lưỡng lự một chút rồi đâm nhào vào thứ ánh sáng vàng, như hai tay bơi vội vã trở lại bờ. Lúc ban đầu họ bước nhanh nhưng rồi họ đi thong thả và thận trọng hơn. Thân cây ngô ngả bóng tà tà. Không khí nồng nặc mùi cay sè của cát nóng. Hết đồng ngô tới đồng bông xanh thẫm, lá xanh sẫm dưới lớp bụi, những kén bông đang hình thành. Bông mọc không đều, ở chỗ trũng nơi có nước thì dày, còn trên các đám đất cao thì thưa thớt. Loại cây nhỏ đấu tranh với mặt trời. Ở phía chân trời, cảnh vật chìm đi trong sắc màu hạt dẻ. Con đường trải dài trước mắt họ, khi lên dốc lúc xuống dốc. Những cây liễu bên bờ một con sông vạch một đường ở phía tây, và ở tây bắc đất bỏ hoá đã bị phủ dưới những bụi cây nhỏ. Nhưng mùi cát cháy bỏng vẫn đọng trong không khí mà không khí thì khô đến nỗi chất nhờn trong mũi khô quánh lại thành vẩy, nước mắt phải ứa ra để gìn giữ độ ẩm cho con ngươi.

Casy nói:

– Mày thấy đấy, trước trận mưa cát như thế, mùa ngô có nhiều hứa hẹn. Mùa chắc tốt lắm.

– Năm nào cũng vậy, – Joad nói, – từ những lúc tôi còn nhớ được, mùa màng nơi chúng ta hứa hẹn thì nhiều, nhưng thu hoạch chả được gì. Rồi ông nội sẽ nói cho ông biết, trong năm năm gieo trồng đầu tiên, chừng nào mà cỏ dại còn mọc lan tràn thì mùa màng mới tốt…

Con đường để xuống khu đồi rồi leo lên một sườn thung lũng khác.

– Nhà của già Tom chắc cách đây không quá một dặm. Có phải nó ở sau trái đồi thứ ba kia không?

– Đúng, trừ phi họ không đánh cắp mất nó như bố tôi đã từng làm.

– Bố mày đã đánh cắp nó sao?

– Hẳn rồi. Bố tôi đã thấy nó ở một dặm rưỡi về phía đông, và ông đã kéo nó tới đây. Có một gia đình ở đấy, rồi họ bỏ đi. Ông nội, bố tôi và anh Noah của tôi muốn khuân cả nhà trong một lần cho xong, nhưng gia đình đó không ưng. Nên họ chỉ cho lấy một phần. Chính vì thế mà nom một đầu nó thật kỳ cục. Họ đã cắt nó làm đôi, dùng sức hai ngựa, hai la kéo đi. Họ đang sắp sửa trở lại tìm nửa kia để gắn chúng lại với nhau, nhưng chưa tới nơi thì Winki Manley đã dẫn mấy thằng con của y tới và lấy cắp nửa kia. Ông nội và bố tôi không bằng lòng, nhưng mấy lần sau đó, họ đã chén tạc chén thù với Winki, và các ông cụ nhà ta cười đến vỡ bụng. Winki ấy mà, lão nói nhà lão là một con ngựa đực, giá đem nhà bọn tôi đến cho nó phủ, dễ chừng có thể sản sinh ra một lô một lốc hố xí. Lão Winki, một lão đến là nhộn, nhất là lúc say. Sau chuyện đó thì lão ta, ông nội và bố tôi thành cánh hẩu với nhau. Hễ có dịp là các cụ

lại cùng nhau chè chén.

– Ông già Tom là một tay cừ!

Họ vất vả tiến bước trong bụi cho tận tới đáy lòng trũng rồi lại từ từ đi lên. Casy lấy ống tay áo lau mồ hôi và đội lại mũ.

– Đúng thế, – ông nhắc lại. – Già Tom là một tay cừ. Với một người không tin Chúa quả là tay cừ. Thỉnh thoảng lúc dự buổi họp, khi thần linh bắt đầu nhập vào ông ấy, thì ông ấy nhảy đến là cao. Hãy tin tao đi, khi nào già Tom mang một liều lượng kha khá về Đức Thánh Thần thì hãy coi chừng, phải tháo chạy cho nhanh kẻo bị ông hất lộn nhào, hoặc bị ông giày xéo. Ông lồng lên như con ngựa đực trong ngăn chuồng.

Họ tới đỉnh một sườn dốc, và con đường đổ xuống một cái khe cũ, xấu xí và thụt lở. Lòng khe nham nhở, hằn những vạch suối nhỏ đào xới ở hai bên. Có vài hòn đá dùng để bước qua khe, Joad cứ để chân trần mà xuống nước.

– Ông cứ nhắc đến bố tôi – anh nói. – Dễ chừng ông chưa thấy chú John bao giờ thì phải. Cái chú mà người ta làm lễ rửa tội cho ở nhà Pock ấy mà. Chú ấy nhảy bật lên, lại chúc nhào xuống. Chú ấy nhảy qua, nhảy lại, vừa nhảy vừa hú như chó sói dưới trăng. Bố tôi thấy chú ấy nhảy, bèn nghĩ rằng mình là tay vận động viên nhảy giỏi nhất của Chúa trong khắp xứ. Thế rồi ông biết không, bố tôi chọn một bụi cây cao gấp đôi bụi cây của chú John, ông hét lên một tiếng như con lợn cái đang rặn đẻ những mảnh chai vỡ, rồi ông lấy đà, nhảy qua bụi và rơi xuống, bị sái cẳng. Chân bị sái thì bố tôi thấy Đức Thánh Thần cũng biến đâu mất. Mục sư muốn dùng lời cầu nguyện để chữa lành cẳng cho ông nhưng ông không chịu, lạy Chúa, ông cần có một thầy thuốc

kia! Có điều thầy thuốc thì không có, nên một tay trồng răng lưu động đã chữa cho ông. Dẫu sao, ông mục sư vẫn cầu nguyện cho ông.

Họ leo lên sườn dốc, phía bên kia khe mặt trời đã xuống, sức nóng của nó giảm đi và tuy không khí nóng bỏng, ánh mặt trời đã kém hung dữ hơn. Các sợi dây thép mắc trên các cọc cong queo vẫn chạy dài bên đường. Phía bên phải, một hàng rào bằng dây thép chạy dài qua đồng bông, và cả ở hai phía, cây bông xanh vẫn một màu xanh sẫm, khô ráo, phủ bụi.

Joad chỉ hàng rào:

– Khoảng đất nhà tôi bắt đầu từ kia. Thật ra, chúng còn cần hàng rào làm gì, nhưng có sẵn dây thép mà, hơn nữa bố tôi thích có hàng rào. Bố tôi nói có nó, người ta có cảm tưởng bốn mươi acre mới thật sự là bốn mươi acre. Trước kia nhà tôi làm gì có được hàng rào đó, nhưng có một buổi tối chú John lò mò đến với sáu cuộn dây thép trên xe. Chú cho bố tôi, đổi lấy một con lợn con. Làm sao chú có được dây thép, ai mà biết được.

Cả hai người chậm bước lúc lên dốc, vừa đi trong cát dày vừa đưa chân dò dẫm đất đai. Joad chìm đắm vào những kỷ niệm, đôi mắt mơ màng. Hình như anh cười thầm.

– John là một tay rất ngộ, – anh nói. – Cứ nhìn đến cách chú ấy giải quyết với con lợn con mà chết cười.

Anh cười rinh rích và tiếp tục đi lên.

Casy sốt ruột chờ đợi. Câu chuyện vẫn chưa bắt lại. Casy định dành cho anh thời gian để nói tiếp nhưng rồi không dừng được, ông hỏi với chút cáu kỉnh:

– Thế nào, chú ấy đã làm gì con lợn con đó?

– Làm gì hả? Thế này nhé, chú ấy giết con lợn ngay tại chỗ và nhờ mẹ tôi đốt bếp lò. Sườn thì một phần chú chặt khúc ra bỏ vào chảo, một phần chú để nguyên bỏ vào lò, cả một cái cẳng nữa. Trong lúc chờ đợi xương sườn chín, chú ăn dẻ sườn, rồi ăn đến xương sườn, trong lúc chờ cho cẳng chín. Rồi chú tấn công vào cái cẳng. Chú cắt từng khoanh to sụ, nhét vào mồm ngồm ngoàm. Bọn nhóc chúng tôi nhìn chú mà rỏ dãi, chú cho chúng tôi một ít, nhưng không chịu cho bố tôi. Cuối cùng chú ăn nhiều, no căng đến nỗi chú nôn thốc ra rồi chú đi nằm. Trong khi chú ngủ bọn nhóc chúng tôi, cả bố nữa, ăn hết cái cẳng. Sáng ngày sau chú thức dậy, lại ném một cái cẳng khác vào lò. Bố tôi hỏi: “Chú John à, chú ăn hết con lợn quái quỉ đó sao?”. Chú đáp: “Anh Tom ạ, em muốn thế lắm, nhưng em sợ, chưa chén xong đã hết mất, mặc dầu em đói thịt lợn ghê gớm. Có lẽ anh cũng làm một đĩa và trả lại em hai cuộn dây”. Nhưng bố tôi đâu có phải ngốc. Bố cứ để mặc chú nhồi nhét thịt lợn cho phình bụng đến phát ốm, và khi chú lên xe ra về thì chưa hết một nửa con lợn. Bố tôi bèn nói: “Sao chú không đem ướp muối?”. Nhưng chú John không thích như vậy. Đã ăn lợn là chú muốn ăn cả con, mà ăn xong thì không muốn nghe nhắc lại nữa. Chú đi rồi, bố tôi đem ướp muối thịt còn lại.

Casy nói:

– Nếu tao còn đủ tinh thần để giảng đạo thì từ việc đó chắc tao đã rút ra một bài đạo đức và cắt nghĩa cho mày hiểu. Nhưng giờ đây tao không làm thế nữa. Theo mày tại sao ông ta lại xử sự như vậy?

– Tôi chẳng biết, – Joad nói. – Chắc là tự nhiên thấy thèm khát thịt lợn. Cứ nghĩ đến là tôi thấy đói. Mà này, tôi chỉ độc ăn bốn khoanh thịt lợn quay trong bốn năm

trời! Mỗi Nôel một khoanh.

Casy gợi ý với một chút cường điệu:

– Dễ chừng già Tom sẽ giết thịt con bê béo như trong chuyện đứa con phóng đãng ở sách Kinh nhỉ?

Joad cười khinh khích:

– Chú không biết bố tôi. Khi bố giết con gà con, thì chính bố quang quác chứ đâu phải con gà. Bố tôi vẫn chứng nào tật nấy. Bao giờ bố cũng giữ một con lợn cho tết Noel, nhưng cứ đến tháng chín là lợn toi. Bị sưng phổi hay bệnh gì gì đó, chỉ biết là không ăn thịt được. Còn chú John lại khác, ăn thịt lợn thì chú ăn bằng thích. Tự chú bỏ tiền túi ra.

Hai người vượt qua trái đồi nhỏ, và dưới chân họ, hiện ra trại ấp của gia đình Joad, Joad dừng lại:

– Không giống như trước nữa – anh nói. – Ông nhìn căn nhà kia xem. Nhất định xảy ra chuyện gì rồi. Không thấy có ai nữa.

Họ đứng nguyên tại chỗ, mắt dán vào cụm những căn nhà bé nhỏ nằm ở phía xa.

Chương V

Các điền chủ tới thăm đất đai của họ, hay thường là những đại diện của chủ đất tới. Họ ngồi trong những chiếc xe hơi đóng kín, đưa ngón tay mân mê đất khô và đôi khi họ xuyên những mũi khoan thăm dò để nghiên cứu chất đất. Từ ngưỡng cửa sân cháy bỏng ánh mặt trời các tá điền bứt rứt đứng nhìn khi xe hơi đi dọc các cánh đồng. Và cuối cùng các chủ đất đánh xe vào sân, và ngồi trong xe, họ nói vọng qua các tấm cửa nhỏ. Các tá điền đứng một lát cạnh các xe hơi rồi ngồi nhón gót trên những khúc gỗ; lấy que để vạch vạch dọc ngang trong bụi cát.

Qua những cánh cửa mở, phụ nữ đứng nhìn ra và phía sau họ, là bọn trẻ con da sắc hung như ngô, mắt to chân để trần, ngón chân luôn luôn ngọ nguậy. Đàn bà và trẻ con nhìn cánh đàn ông đang nói chuyện với các ông chủ. Họ lặng im.

Một số người đại diện đầy lòng thương hại bởi vì họ tự biết mình về chuyện họ sắp làm, những kẻ khác giận dữ vì họ không muốn tỏ ra tàn bạo, và những kẻ khác nữa thì khắc nghiệt vì đã từ lâu họ biết rằng không khắc nghiệt thì không trở thành ông chủ được. Và tất cả đều bị vướng mắc vào một cái gì đó quá sức họ. Có những kẻ căm ghét môn tính toán thúc đẩy họ phải hành động như vậy, một số sợ hãi, còn số khác thì sùng kính toán học vì chúng hiến cho họ một chỗ ẩn náu chống lại ý nghĩ và tình cảm của họ. Nếu như đất đã thuộc một ngân hàng hoặc một công ty điền địa thì người đại diện nói: “Ngân hàng hoặc công ty… cần… muốn… nhất thiết… đòi hỏi” làm như thể Ngân hàng

hoặc Công ty là những con quái vật bẩm sinh có ý nghĩ tình cảm và chính chúng đã đánh bẫy họ… Những người đó tự bào chữa không nhận trách nhiệm thay cho ngân hàng hay các công ty bởi vì họ là những con người và nô lệ, trong khi các ngân hàng vừa là máy móc vừa là người. Có những đại diện cảm thấy một chút tự hào nào đó được làm nô lệ của những ông chủ, lạnh lùng và có quyền thế đến như vậy. Những tay đại diện ngồi trong xe giải thích. "Các người biết rằng đất đai nghèo. Chúa cũng biết rằng tự bao lâu nay các người đã nai lưng trên đó".

Những tá điền đang ngồi xổm, tán đồng, suy nghĩ, vẽ vẽ trong cát.. Thì đúng thế, cái đó thì Chúa biết… Có điều, giá như bụi không bay đi, giá như nó đã muốn nằm ở đất, sự tình không đến nỗi tồi tệ đến thế.

Các tay đại diện vẫn tiếp tục để đi vào vấn đề:

– Các người biết đấy, đất ngày càng nghèo đi. Các người biết, bông đã khiến đất thế nào rồi, nó đánh cắp của đất, hút kiệt máu mủ của đất.

Các tá điền tán đồng. Chúa biết cho rằng họ hiểu được cái đó. Giá như họ có thể trồng xen kẽ các vụ, dễ chừng họ có thể đem trở lại máu cho đất đai.

Đúng vậy nhưng muộn quá rồi. Và gã đại diện giảng giải cái cung cách làm việc và suy nghĩ của con quái vật nó mạnh thế hơn chính bản thân họ. Chừng nào còn cái để ăn và nạp thuế người ta còn có thể giữ được đất, đó là điều có thể làm được.

Đúng, y có thể làm điều đó cho tới ngày mùa màng thất bại, lúc đó y phải vay tiền của ngân hàng.

Cố nhiên… có điều, các người hiểu đấy, một ngân hàng hay một công ty không thể làm như vậy, bởi vì đó

không phải là những sinh vật cũng hít thở không khí, cũng ăn thịt. Chúng thở bằng tiền lãi, chúng ăn lãi suất của tiền. Nếu không thế, chúng sẽ chết, in hệt như các người đã chết nếu không có không khí, thịt ăn. Nghĩ mà buồn, nhưng sự tình là thế. Không thể làm khác được. Những người đàn ông ngồi xổm, ngước mắt lên để cố hiểu.

– Há người ta không thể để chúng tôi tiếp tục hay sao? Năm tới có thể là một năm được mùa. Có Chúa biết năm sau làm ra bao nhiêu bông. Mà cứ chiến tranh thế này thì… có Chúa biết bông sẽ lên giá bao nhiêu. Người ta không làm chất nổ với bông hay sao? Và đồ quân trang? Chỉ cần có đánh nhau, không phải nhiều lắm, bông cũng lên giá vùn vụt, đụng tới trần. Có thể… sang năm.

Họ ngước đôi mắt dò hỏi.

– Chúng tôi không thể dựa vào đó được. Ngân hàng… con quái vật cần đến những món lợi nhuận vững chắc. Nó không thể đợi được. Nó sẽ chết mất. Không được, vẫn phải tiếp tục đóng thuế. Khi con quái vật thôi không phình to ra nữa, nó sẽ chết. Nó không thể cứ đứng ỳ ra đấy.

Những ngón tay mềm thịt bắt đầu vỗ vỗ vào các cánh cửa xe, còn các ngón tay khô ráp quắp chặt lấy những chiếc gậy đang bực tức nghi ngoáy những hình vẽ. Ở ngưỡng cửa các trang trại bị mặt trời thiêu đốt, đàn bà đứng thở dài, đổi chân đứng, ngón chân vẫn ngọ nguậy. Bầy chó tới đánh hơi các xe của bọn đại diện rồi lần lượt ghếch chân đái vào các bánh xe. Đàn gà con nằm trong cát bụi ngập nắng, xù lông xù cánh để cho cát thấm mát vào tận da. Trong những chuồng nhỏ bé, đàn lợn càu nhàu sửng sốt trước những cặn nước rác

lầy nhầy.

Bọn đàn ông đang ngồi xổm, lại cúi mặt xuống.

– Các ông còn muốn chúng tôi làm thế nào? Chúng tôi không thể giảm phần thu hoa lợi của chúng tôi được… Chưa làm thế bọn tôi cũng đã đói rã họng ra rồi… Con cái chúng tôi không tài nào ăn được no. Quần áo thì không có, rách bươm. Các láng giềng của chúng tôi cũng xơ mướp in như chúng tôi. Không thế thì khi đi họp mặt với nhau chúng tôi xấu hổ chết đi được.

Cuối cùng bọn đại diện đi thẳng vào sự việc.

– Chế độ tá điền đã hết thời rồi, một người với một chiếc máy cày có thể thay thế mười hai đến mười lăm gia đình. Họ trả lương cho y, còn mùa màng thì họ lấy tất. Chúng tôi buộc phải làm thế. Đấy không phải chuyện thích hay không thích. Việc phải làm là làm. Con quái vật bị bệnh. Nó gặp phải chuyện gì đó.

– Nhưng mà các ông sẽ giết chết đất, giết cả bông nữa.

– Chúng tôi biết. Vậy cho nên chúng tôi phải vội thu hoạch bông, trước khi đất chết. Sau đó, sẽ bán đất. Có khối gia đình ở mạn đông muốn có một khoảnh đất.

Những người tá điền hoảng hốt, ngước mắt lên.

– Nhưng thế thì chúng tôi sẽ ra sao đây? Chúng tôi lấy gì mà ăn?

– Các người phải bỏ đất đai mà đi thôi. Máy cày sắp tới sân nhà các người.

Đến đây thì đám người đàn ông ngồi xổm bèn đứng lên, giận dữ. – Mảnh đất này chính ông cụ tôi đã giành được, mà ông cụ đã phải giết bọn da đỏ, đã phải xua đuổi chúng. Còn cha tôi đã sinh ra trên đất này, đã đốt

cỏ dại, giết rắn. Rồi có một năm mất mùa, ông đã phải vay một món tiền nhỏ. Còn bọn tôi đã sinh ra ở đây. Kia, ở cửa kia… con cái chúng tôi đã sinh ra ở đây. Và cha tôi đã buộc phải vay mượn tiền. Lúc đó ngân hàng cũng là ông chủ, nhưng người ta vẫn để chúng tôi ở lại, chúng tôi trồng trọt kiếm chút đồng ra đồng vào.

– Biết, bọn ta biết cả. Nhưng không phải bọn ta, mà là ngân hàng, một ngân hàng không phải như con người. Cũng như vậy mỗi ông điền chủ năm mươi ngàn acre, không phải là một con người. Chính là con quái vật.

– Đồng ý thế, – tá điền kêu lên – nhưng đất là đất của chúng tôi. Chính chúng tôi đã đo đạc, đã khai hoang. Chúng tôi đã sinh ra ở đây. Cho dầu nó chả có ích gì nữa, nó vẫn mãi mãi là của chúng tôi. Là của chúng tôi, vì… chúng tôi đã sinh ra ở đây, để làm ăn ở đây, có mồ mả cha ông ở đây… Chính do đó mà chúng tôi có quyền sở hữu, chứ đâu phải vì một mảnh giấy với vài ba con số ghi lằng nhằng trên đó.

– Chúng tôi lấy làm buồn phiền. Đâu phải tại chúng tôi. Chính con quái vật. Ngân hàng không phải như con người.

– Đúng, nhưng ngân hàng chỉ gồm toàn người là người.

– Không, chính các người nhầm ở chỗ đó… nhầm hoàn toàn. Ngân hàng không giống như con người. Mỗi con người sống trong ngân hàng ghét những gì nó làm, ấy thế mà ngân hàng vẫn làm. Tôi nhắc lại với các người, ngân hàng là cái gì hơn con người. Đó là con quái vật. Chính con người tạo ra nó, nhưng bất lực không sai khiến được nó.

Bọn tá điền kêu lên:

– Ông cụ đã giết bọn da đen. Cha đã giết rắn cho đất đai này yên ổn. Dễ chừng chúng tôi có thể giết chết các ngân hàng cũng nên. Nó tệ hơn bọn da đen, độc hơn loài rắn. Có lẽ phải đánh nhau để cứu đất ruộng của chúng ta, như ông và cha đã làm.

Bây giờ thì những người đại diện nổi khùng:

– Các người phải đi.

– Nhưng là của chúng tôi. Bọn tôi…

– Không. Chính ngân hàng, con quái vật, mới là chủ. Phải đi.

– Chúng tôi sẽ cầm súng như ông cha chúng tôi xưa kia, khi bọn da đen tới. Lúc đó thì sao nào?

– Thì… trước hết là ông cảnh sát trưởng, rồi quân đội sẽ tới. Các người sẽ là bọn trộm cắp nếu cố ở lại và là sát nhân nếu giết người để ở lại. Con quái vật không phải là con người, nhưng nó muốn làm gì con người thì tuỳ nó.

– Nhưng nếu phải đi, thì chúng tôi đi đâu? Làm sao đi được? Chúng tôi không có tiền.

– Chúng tôi lấy làm tiếc, – bọn đại diện nói. – Ngân hàng, ông chủ của năm mươi ngàn mẫu, không thể bị coi như phải chịu trách nhiệm. Các người đang ở trên mảnh đất không thuộc các người. Đi rồi, có lẽ các người tìm được việc hái bông vào mùa thu. Có lẽ các người nhận được sự cứu trợ của quỹ thất nghiệp. Tại sao các người không đi về miền Tây, sang California? Ở đó có công ăn việc làm, ở đó không bao giờ lạnh. Vào mùa này, ở đấy chỗ nào cũng có cam, chỉ cần giơ tay ra mà hái. Chưa hết, ở chỗ đó, bao giờ cũng có sẵn một vụ

thu hoạch. Sao các người không tới đó?

Nói xong, bọn đại diện vù xe chạy rồi biến hút.

Các tá điền lại ngồi xổm xuống và lại bắt đầu đưa đầu gậy vẽ lên đất, dáng suy tư, lưỡng lự. Khuôn mặt rám nắng của họ nom ảm đạm, đôi mắt cháy bỏng nóng sáng lên. Phụ nữ rón rén rời bỏ ngưỡng cửa lại gần chồng con của họ, bọn trẻ con rón rén bước theo sau mẹ chúng, sẵn sàng chạy trốn. Bọn trai nhớn ngồi chồm hổm cạnh bố, bởi vì làm như thế chúng trở thành như người lớn.

Một lát sau, mấy bà hỏi:

– Họ muốn gì vậy?

Đàn ông thoáng ngước mắt lên, và trong đáy mắt của họ, hiện lên nỗi đau khổ.

– Chúng ta phải cuốn xéo. Một máy cày với một tay giám thị sẽ tới đây, chẳng khác ở nhà máy.

– Chúng ta đi đâu?

– Không biết… Chẳng biết đi đâu.

Các phụ nữ nhanh chóng lặng lẽ trở vào nhà, đẩy bọn trẻ con đi trước. Họ biết, một con người mà bị nhục mạ và sửng sốt đến mức ấy có thể trút cơn giận dữ vào những kẻ mà y thương yêu. Họ để cho đàn ông ngồi một mình suy nghĩ và vạch vạch trên cát.

Đến một lúc sau, người tá điền nhìn xung quanh y… chiếc máy bơm y đã lắp lên mười năm về trước, với một chiếc cán cổ ngỗng và những bông hoa kim khí ở lỗ miệng, y nhìn những cái thớt mà trên đó có hàng ngàn con gà đã bị giết thịt, nhìn chiếc cày trong nhà kho, cái giường cũi treo sờ sờ trên rui nhả. Bọn trẻ con tụ tập quanh đám phụ nữ.

– Mẹ ơi, chúng ta làm gì bây giờ? Chúng ta đi đâu?

Các bà nói:

– Chúng ta còn chưa biết. Đi chơi đi. Nhưng chúng mày liều liệu đấy, đừng có lại gần bố. Chúng mày mà lảng vảng đến gần thì bố có thể đánh đòn đấy.

Và họ lại bắt tay vào công việc, nhưng vẫn để mắt theo dõi những người đàn ông ngồi xổm trong bụi, sững sờ, đăm chiêu.

Những chiếc máy cày kéo tới trên các đường cái, đi sâu vào các cánh đồng, nom chẳng khác những loài bò sát to lớn cử động như những loài côn trùng, cũng với sức mạnh khôn tả của loài côn trùng. Chúng bò trên đất, vạch các con đường mòn trên đó chúng lăn đi rồi cày vỡ đất ra. Những máy cày Diesel lúc nghỉ thì kêu ọc ọc, rồi chuyển bánh trong tiếng ầm ầm sấm sét dần dần biến thành một tiếng o o nặng nề. Những con quái vật thấp và bẹt vừa ủi đất, vừa thọc sâu mõm vào đất, đi xuống các cánh đồng, cắt ngang, cắt dọc, lộn trở lại thúc qua các hàng rào, qua các sân, xuyên sâu vào các khe, theo một đường thẳng. Chúng không lăn trên đất mà lăn trên con đường của riêng chúng. Chúng không biết đến sườn đồi và khe suối, bờ dậu, nhà cửa, chúng chỉ biết bò đi, quay lộn lại.

Cái gã ngồi trên chiếc ghế sắt không có cái vẻ bề ngoài của con người. Bao tay, kính, mặt nạ cao su trên mũi và miệng, y thuộc về con quái vật. Một người máy trên ghế. Tiếng sấm sét của trục lăn làm rung chuyển đồng quê hoà vào làm một với không khí và đất, đến nỗi đất và không khí run rẩy theo những rung động như vậy. Người lái bất lực không làm chủ được nó… nó đâm thẳng vào đồng quê, nó cắt ngang một tá các trang trại, rồi nó quay ngược trở lại. Một cú tay lái tưởng đã

có thể khiến cho chiếc xe xích lệch hướng, nhưng bàn tay của người lái không thể giật mạnh được bởi vì con quái vật đã xây dựng chiếc máy cày, con quái vật đã thả xổng cho máy cày được tự do, đã tìm được cách thâm nhập vào bàn tay, vào khối óc, vào cơ bắp của người lái, đã bịt mắt y bằng cặp kính bảo hộ và đã khoá miệng y… làm tê liệt trí óc của y, đã khoá lưỡi y, đã làm tê liệt cảm thức của y, đã khoá những phản kháng của y. Y không thể nhìn thấy đất đai đúng như đất đai thực tế, y không thể ngửi thấy mùi đất đai đúng như cái mùi nó bốc ra, đôi bàn chân của y không thể dày đạp lên các mô đất mà cũng không cảm nhận thấy hơi nóng và sức mạnh của đất. Y ngồi trên một chiếc ghế bằng sắt, chân giẫm lên những bàn đạp bằng sắt. Y không thể khích lệ, đánh đập, nguyền rủa hoặc cổ vũ phạm vi quyền lực của y, và vì nguyên cớ đó, y cũng không thể tự khích lệ tự quất mình, tự nguyền rủa, tự mình cổ vũ mình. Y không biết đất, không sở hữu đất, không cầu khẩn đất, không có niềm tin vào đất. Một hạt gieo xuống không mọc mầm, điều đó chẳng can hệ. Nếu những cây non tàn héo sau trận hạn hán hoặc bị nhấn chìm bởi các trận mưa lũ, người lái chẳng hề lo lắng, cũng như chiếc máy cày vậy.

Y không yêu mến đất, cũng như ngân hàng không yêu mến đất, y có thể ca ngợi chiếc máy… những bề mặt nhẵn bóng của nó, sức mạnh của đà vươn tới, tiếng gầm gào của những ống xilanh nổ ầm ầm, nhưng đó không phải là máy cày của y. Phía sau máy cày, những chiếc đĩa quay rộng lấp lánh, lưỡi đĩa sắc lấp lánh cắt sẻ đất – như kiểu giải phẫu chứ không phải cày bừa – gạt đất cắt sang phía phải để cho hàng đĩa thứ hai cắt và đẩy nó sang trái. Rồi, kéo theo sau đĩa là những cái bừa răng bằng thép cào đất đến nỗi các mô

đất vụn tơi ra và đất được san bằng. Sau những chiếc bừa là máy gieo hạt… mười hai cái dương vật bằng sắt uốn cong trở vào, được luyện cứng[6] ở lò đúc, được khởi động các đòn bẩy, đang hãm hiếp đất một cách có phương pháp, một cách lạnh lùng.

Người lái ngồi ở chiếc ghế sắt và y đang hãnh diện về những đường thẳng y vạch ra tuy ý muốn của y không can thiệp vào; y tự hào về chiếc máy cày không thuộc của y mà y cũng chẳng ưa, tự hào về cái sức mạnh mà y không thể kiểm soát. Và khi mùa màng kia mọc lên và được gặt hái, không một ai lấy lòng bàn tay bóp nát những cục đất nóng hâm hấp và để cho đất chảy qua các kẽ ngón tay.

Không một ai sờ mó tới hạt, cũng không thiết tha cầu khẩn cho nó trưởng thành. Con người ăn những gì họ không sản xuất ra, không có gì trói buộc họ vào miếng bánh ăn. Đất sinh con đẻ cái với sắt thép và chết dần chết mòn dưới sắt thép, bởi lẽ đất không được ai yêu, không bị ai ghét, nó không phải là đối tượng cầu khẩn hay nguyền rủa.

Thỉnh thoảng vào buổi trưa, người lái máy cày dừng lại trước một ngôi nhà ở ấp và chuẩn bị ăn trưa. Xăngđích gói trong giấy lạnh, bánh trắng, dưa chuột bao tử phomát, Xpani[7], miếng mứt có đóng dấu như một cỗ máy. Y ăn một cách uể oải. Và các tá điền mà còn chưa ra đi tò mò nhìn y trong khi y bỏ kính và chiếc mặt nạ cao su, để lộ những vòng trắng quanh mắt và một vòng trắng to xung quanh mũi và miệng. Ống thoát hơi của chiếc máy cày vẫn xả hơi, bởi lẽ dầu xăng rẻ thối cho nên thà không tắt máy còn hơn làm lại từ đầu, phải làm cho máy khởi động một lần nữa. Bọn trẻ con tò mò, bọn trẻ con rách rưới vây quanh y, vừa ăn thứ

bột rán vừa nhìn y với đôi mắt háu đói, chúng nhìn y mở gói xăngđích và những cái mũi bị cơn đói kích thích hít món dưa hộp, phomát và xpani. Chúng không nói chuyện với gã lái máy cày. Chúng nhìn tay y đưa thức ăn lên miệng. Chúng không nhìn y nhai, đôi mắt chúng theo dõi bàn tay cầm miếng xăngđích.

Một lát sau người tá điền mà đã không ra đi được, tới ngồi trong bóng chiếc máy cày:

– Ơ này, anh là con của Joe Davis.

– Thì đúng vậy, – gã lái nói.

– Thế, sao anh lại đang tay làm cái thứ công việc này để… chống lại anh em?

– Ba đôla một ngày. Tôi đã chán ngấy khi phải luồn cúi để kiếm miếng ăn – mà nào có được. Tôi có vợ, có đàn con. Phải có cái bỏ vào miệng chứ chả nhẽ? Mỗi ngày ba đôla, cứ thế mà xơi.

– Đúng thế thật, – người tá điền nói – nhưng chỉ vì ba đôla mỗi ngày của anh mà mười lăm hay hai mươi gia đình không có gì để ăn. Đã có gần một trăm người buộc phải đi tha phương cầu thực vì ba đôla mỗi ngày của anh đúng không nào?

Gã lái máy đáp:

– Đúng hay không, tôi cũng chẳng buồn nghĩ đến. Tôi phải nghĩ đến con tôi. Một ngày ba đôla, mà ngày nào cũng xơi đều. Thời thế đã thay đổi rồi, bác ơi, bác không biết sao? Giờ đây, ai lại có thể sống nhờ vào mảnh đất của mình, trừ phi có được hai, năm, mười ngàn mẫu với một chiếc máy cày. Trồng trọt, cái đó đâu dành cho những trại chủ nhỏ như bọn ta. Chỉ vì không phải là một ông Ford hoặc Công ty Điện Tín mà cứ tru tréo lên, thế thì chẳng phải. Việc trồng trọt bây giờ là

thế – không thể làm gì được đâu. Hãy cố một chút thử đi nơi khác kiếm cho được ba đôla. Chỉ có cách đó thôi.

Người tá điền ngẫm nghĩ:

– Dẫu sao chuyện đời cũng kỳ cục. Nếu một người có một ít đất, đất đó là của y, gắn bó với y, giống như y. Nếu hắn có đất kha khá để có thể đi dạo ở đấy, để có thể bận tâm vì nó, buồn bã khi nó không sinh lợi, vui mừng khi mưa bắt đầu rơi xuống, thì mảnh đất ấy là bản thân y, và theo một ý nghĩa nào đó, nhờ nó mà y quan trọng hơn, vì y là chủ. Ngay dù y không đạt kết quả, y cũng đâm ra quan trọng nhờ đất ruộng của y. Sự đời là thế.

Và người tá điền suy ngẫm xa hơn:

– Nhưng khi một con người có những ruộng đất mà hắn không trông thấy, hoặc hắn không có thì giờ tính đến, hoặc không thể đi dạo ở đấy… lúc đó, chính ruộng đất trở thành con người. Y không thể muốn làm gì thì làm, không thể muốn nghĩ gì thì nghĩ. Chính ruộng đất là con người, mạnh hơn con người. Và y bé nhỏ chứ chả lớn lao gì. Chỉ có ruộng đất của y là lớn lao… y là đày tớ của nó. Sự đời cũng là thế nữa.

Người lái máy nhai miếng bánh nướng có đóng dấu.

– Thời thế đã đổi thay, bác phải biết thế. Không phải cứ ngồi nghĩ đến những chuyện như vậy mà kiếm được miếng bánh ăn cho bọn nhóc của bác đâu. Hãy làm sao mỗi ngày kiếm cho được ba đôla để nuôi vợ nuôi con. Bác chẳng có lý do gì để bận tâm đến lũ trẻ nhà người khác, hãy lo đến con cái mình. Nếu bác cứ ăn nói cái kiểu đó thì sẽ chuốc lấy phiền hà, mà chẳng bao giờ kiếm được ba đôla. Các ông chủ không bao giờ cho bác mỗi ngày ba đôla nếu như bác cứ bận tâm đến chuyện

khác hơn là lo kiếm ba đôla kia.

– Gần một trăm con người phải lang thang trên các ngả đường chỉ vì ba đồng đôla của anh. Bọn ta biết đi đâu?

– Mà này, – gã lái máy nói nốt – tốt nhất là đi ngay đi thôi, đừng nấn ná. Ăn trưa xong, tôi sẽ lái máy đi qua sân nhà bác.

– Thì sáng nay, anh đã lấp giếng.

– Tôi biết. Tôi phải cày thẳng hàng. Nhưng tôi sẽ đi qua sân nhà bác, sau bữa ăn trưa. Tôi phải theo hàng thẳng. Mà… ô! Chả là bác biết bố tôi, Joe Davis, thì tôi có thể nói bác biết. Tôi đã nhận được lệnh, trong trường hợp các gia đình không đi… Nếu tôi gặp chuyện bất trắc… bác biết không, nếu tôi đi qua gần nhà, sát thềm một tí rồi tôi ngoắc phải nó… thì thế nào? Tôi có thể được thêm một hai đôla. Mà cái thằng út nhà tôi chưa bao giờ có giày đi.

– Nhà tôi tự tay tôi xây dựng lên. Tôi đã nắn các đinh cũ để giữ vững mái. Rui mè buộc chặt vào đòn tay bằng dây thép. Nó là của tôi. Chính tôi đã làm ra nó, anh thử thúc đổ xem, rồi anh sẽ thấy, tôi đứng ở cửa sổ, với một khẩu súng. Cứ thử nhích lại tí nữa là tôi sẽ hạ anh như hạ con thỏ.

– Mắc mớ gì đến tôi. Tôi chẳng thể làm gì được. Tôi không làm như vậy thì tôi mất việc. Rồi sau đó cứ cho là bác nổ một phát súng và tôi bị giết. Người ta sẽ treo cổ bác, mà chưa kịp treo thì đã có một thằng cha khác dẫn xác đến trên chiếc máy cày rồi hắn ta sẽ hất nhào nhà của bác xuống đất. Đứa nào đáng giết thì bác không giết.

– Đúng thế, – bác tá điền nói. – Ai ra lệnh cho anh?

Nói xem. Rồi tôi sẽ đến tìm hắn. Giết chết hắn.

– Thế chẳng đúng chút nào. Hắn nhận lệnh từ Ngân hàng. Chính Ngân hàng nói với hắn: "Tống cổ cái bọn đó ra ngoài. Không thế thì anh phải xéo".

– Cái ngân hàng ấy chắc phải có một chủ tịch với một hội đồng quản trị. Tôi sẽ lấy súng, nhét đầy đạn vào rồi tôi sẽ đến Ngân hàng.

Tay lái máy đáp:

– Có một thằng cha, hắn nói ngân hàng nhận chỉ thị của miền Đông. Lệnh thế này: "Hãy tiến hành làm cho đất đai sinh lợi. Nếu không, chúng tôi sẽ đóng cửa Ngân hàng".

– Cứ loanh quanh, hết chỗ này đến nơi nọ, vậy tới đâu thì thôi? Giết ai được bây giờ? Mà, chưa giết được cái đứa bắt tôi chết đói thì tôi chưa đành chịu chết đói.

– Tôi không biết. Rất có thể chả có ai mà giết. Như bác nói đấy, dễ chừng chính ruộng đất gây nên chuyện. Dẫu sao, tôi phải làm gì, tôi đã nói với bác rồi đấy nhé. Có gì, bác chớ có trách.

– Tôi phải nghĩ đã. Ai cũng phải suy nghĩ tất. Chắc chắn sẽ có cách ngăn chặn chuyện đó. Đâu có phải như sấm sét, động đất mà chịu bó tay? Trong chuyện này có gì đó xấu xa, do con người gây nên. Mẹ kiếp, con người gây nên thì nó phải thay đổi chứ hả?

Người tá điền ngồi trên ngưỡng cửa nhà mình. Gã lái máy cho máy khởi động, đi xa dần, vạch luống rồi đi vòng, rồi những răng bừa cào sâu đất, các dương vật của máy gieo hạt xuyên sâu vào đất.

Chiếc máy cày cắt ngang sân, đất từng bị giẫm giẽ cứng dưới các bàn chân, bây giờ đã biến thành ruộng

gieo giống, và chiếc máy cày lộn trở lại để cắt ngang qua. Khoảng trống chưa bị cày xới chỉ còn rộng mười bộ. Máy lộn lại. Cái chắn bùn bằng sắt cắm vào góc nhà, phá đổ tường, giật ngôi nhà bật khỏi móng rồi lật nó đổ nghiêng bẹp nát như một con bọ dừa. Tay lái mắt đeo kính, mũi và miệng chùm kín dưới chiếc mặt nạ bằng cao su. Chiếc máy cày tiếp tục vạch đường thẳng, không khí và mặt đất rung lên trong tiếng động sấm sét. Súng lăm lăm trong tay, người tá điền đưa mắt lừ lừ nhìn y… Vợ bác đứng gần bên, bọn trẻ lặng câm đứng phía sau. Tất cả mọi con mắt nhìn chằm chằm theo chiếc máy cày.

Chương VI

Mục sư Casy và Tom đứng trên đồi nhìn trại của gia đình Joad. Căn nhà bé nhỏ bằng gỗ thôi bị đè bẹp một phía, bị giật rời khỏi móng đến nỗi một góc nhà bị sập và qua các lỗ ở cửa sổ phía trước, hiện rõ những mảnh trời xanh nằm rất cao phía trên chân trời. Các bờ rào đã biến đi, bông mọc trong sân tận sát nhà, bông bao quanh chuồng ngựa, bông xâm lấn tận các nhà phụ nhỏ nằm lật nghiêng sóng soài. Cái sân đã từng bị giẫm giẽ bởi những bàn chân trần trụi của trẻ con, bị nện chặt bởi móng ngựa và những bánh xe rộng, giờ đây đã biến thành ruộng đồng và ở đấy chỉ có bông mọc, bông lá xanh thẫm và đầy bụi. Tom mải miết nhìn cây liễu lá bù xù ở gần máng nước khô cạn, nhìn cái nền xi măng mà trước đây đặt cái vòi bơm. Mãi sau anh thốt ra:

– Lạy Chúa. Ma quỷ chắc đã đi qua đây. Chẳng có lấy một bóng người.

Rồi anh nhanh chân bước xuống đồi. Còn Casy đi theo anh. Anh nhìn vào chuồng ngựa bỏ hoang, nhìn cái căn chuồng la ở trong góc và chỉ thấy một ít rơm rác độn chuồng vương vãi dưới đất. Anh đang nhìn thì nghe một tiếng sột soạt vội vã, và cả một họ nhà chuột nhắt chạy biến vào dưới rơm rạ. Tom dừng lại ở nhà kho chứa dụng cụ. Dụng cụ biến sạch chỉ còn trơ lại một mũi lưỡi cày bị gãy, một mớ lùng nhùng những dây thép ở trong góc, bánh xe bằng sắt của một chiếc cào cỏ, một vòng cổ của la bị chuột gặm nhấm, một bi đông dầu mà cáu ghét và dầu bám nham nhở, một cặp quần áo xanh rách móc ở một chiếc đinh.

– Chẳng còn gì ráo, – Joad nói. – Trước đây bao

nhiêu đồ nghề tốt, nay chả còn quái gì nữa.

Casy nói:

– Nếu tao còn giảng đạo thì tao sẽ nói là cánh tay của Chúa đã giáng xuống. Nhưng nay, có chuyện gì xảy ra tao cũng chẳng biết. Tao đã bỏ đi từ lâu nên không nghe nói gì hết.

Họ rẽ về phía nền xi măng của giếng và để tới đó, họ phải đi ngang qua các đám bông, đâu đâu bông cũng đã kết nang, đâu đâu đất cũng bị bông phủ kín.

– Chưa bao giờ có trồng trọt gì ở đây, – Joad nói. – Bao giờ người ta cũng chừa cái góc đó không động đến. Nhưng ông xem, giờ đây, ta không thể dắt ngựa đi qua mà không dẫm hỏng bông.

Họ dừng lại gần máng nước súc vật, máng đã khô cạn, thường khi cỏ mọc dưới đó nhưng nay đã biến mất, những tấm gỗ cũ và dày của máng nước đã khô cong và rạn nứt. Trên giếng những chiếc đinh bu lông ngày xưa đã từng vít chặt máy bơm, nay đã trồi ra khỏi khe lỗ. Đầu đinh vít đã han gỉ, đai ốc đã mất, Joad nhìn rồi khạc nhổ và lắng nghe. Anh thả một cục đất xuống giếng và vểnh tai nghe ngóng.

– Trước kia giếng này tốt lắm. Giờ không nghe có nước.

Có thể nói anh sợ, tránh không lại gần nhà. Anh ném hết cục đất này đến cục đất khác xuống giếng.

– Có lẽ họ đã chết hết, – anh nói, – Nhưng nếu thế thì người ta đã báo cho tôi hay. Ai đó phải nhắn với tôi một lời chứ?

– Chắc họ có để lại một lá thư hay cái gì đó trong nhà, để báo cho mày biết. Họ có biết mày sẽ về không?

– Tôi đâu biết, – Joad nói. – Có lẽ là không. Cách đây tám ngày tự tôi tôi cũng không biết nữa là…

– Chúng ta vào nhà xem. Nó xiêu vẹo, lộn tùng phèo. Chắc phải có cái gì đó đã giáng cho nó một cú nên thân nên mới đến cơ sự này.

Họ chậm rãi bước về phía ngôi nhà đổ. Hai trong số các cột chống đỡ mái hiên đã bị trật đòn kê và mái đã sập xuống ở một đầu. Góc nhà bị lún xuống. Qua một đống các tấm ván chồng chất lộn xộn, người ta có thể thấy căn buồng ở góc. Cửa ra vào sệ xuống ở phía bên trong, còn tấm cửa nhỏ vững chắc nằm dưới thì sệ xuống ở bên ngoài và được níu giữ bởi những bản lề bằng da. Tom dừng lại ở bậc lên.

– Đây là ngưỡng cửa, – anh nói. – Họ đã ra đi… Hoặc giả mẹ tôi đã chết, – anh chỉ tấm cửa nhỏ. – Nếu bà ở quanh quẩn gần đây, bà đã đóng cửa nhỏ, cài móc. Không bao giờ bà quên cái đó… đóng tấm cửa nhỏ – mắt anh chan chứa niềm xúc động. – Kể từ cái ngày có con lợn vào nhà Jacobs, ăn mất đứa bé mới đẻ. Đúng lúc Milly Jacobs vừa mới đi ra kho thóc. Lúc bà ấy trở vào thì con lợn đang ăn đứa bé. Bà ta phát điên lên. Không bao giờ hồi phục được. Từ đó đầu óc hóa loạn. Mẹ tôi lấy chuyện đó làm bài học. Không bao giờ bà để cánh cửa nhỏ bỏ ngỏ, trừ phi bà có ở trong nhà. Không bao giờ quên. Đúng họ đã ra đi… hoặc chết rồi.

Anh leo lên hàng hiên nứt nẻ và nhìn vào trong bếp. Các cửa sổ bị gãy, sỏi đá lăn lóc trên nền nhà. Nền nhà và tường lún sâu quá mức cánh cửa và bụi bặm tơi mịn phủ lên tất cả các tấm ván. Joad đưa tay chỉ các mảnh kính vỡ và các hòn đá. Anh nói:

– Cái bọn trẻ con, chúng có thể đi vài chục dặm để được đập vỡ một tấm kính. Tôi biết hồi nhỏ tôi cũng

như chúng thôi. Hễ có một căn nhà bỏ trống là chúng biết, chúng đánh hơi thấy liền. Điều đầu tiên bọn nhóc ấy làm là thế, khi người nhà đã ra đi.

Trong nhà bếp không còn đồ đạc nữa, lò bếp đã biến mất và nay thì ánh sáng lọt qua chiếc lỗ của ống khói khoét trong tường. Trên tấm ván của bồn rửa bát, có một chiếc chìa khoá cũ để mở chai bia và một chiếc nĩa gãy mất cán gỗ. Joad thận trọng luồn lách trong căn buồng, sàn nhà rên rỉ dưới chân anh. Một tờ báo Philadenphia Ledger vất sát chân tường. Các trang báo đã ố vàng và nhàu nát. Joad nhìn vào buồng ngủ… không còn giường ghế, không còn gì hết. Trên tường một tấm ảnh tô mầu một cô gái da đen biệt danh Cánh Đỏ. Một cái thang giường tựa vào tường, và trong một góc thấy vất một cái giầy cao cổ, có khuy cài, da giầy nứt nẻ, mũi giày quắt lại. Joad lượm nó lên ngắm nghía.

– Tôi nhớ ra nó, – anh nói. – Của mẹ tôi. Giờ giòn hết rồi. Bà rất thích giày cao cổ. Đã mang nó bao nhiêu năm trời. Thôi rồi, họ đã đi rồi… và đã mang tất tật.

Mặt trời đã xuống thấp, ánh nắng xiên qua các cửa sổ xẹo xọ và lấp lánh trên những mảnh thuỷ tinh. Cuối cùng Joad quay lại, bước ra qua ngưỡng cửa. Anh ngồi trên mép hàng hiên, đặt chân trên bậc lên bằng gỗ. Ánh nắng buổi chiều tắm khắp cánh đồng, các cây bông in những vệt bóng dài trên mặt đất và cây liễu đang mùa thay lá chiếu ra phía xa một bóng râm chênh chếch. Casy ngồi cạnh Joad.

– Họ chưa bao giờ viết cho mày sao. – Ông hỏi.

– Chưa. Như tôi đã nói, họ đâu có viết lách gì. Bố tôi biết viết nhưng không viết. Ông không thích. Cứ viết là cóng tay. Ông cũng như ai có thể đặt mua theo cuốn

mẫu hàng thì được, nhưng cái chuyện viết thư, có cho gì ông cũng không làm.

Họ ngồi sát cạnh nhau, mắt nhìn về phía xa xa. Joad đặt chiếc áo vét cuộn tròn bên cạnh mình, dưới mái hiên. Đôi bàn tay rảnh rang cuộn một điếu thuốc, anh thấm nước bọt miết nhẵn mép rồi châm lửa hút, rít một hơi thật lâu và thở khói ra đằng mũi.

– Chắc chắn có chuyện gì trục trặc, – anh nói. – Tôi không hình dung được là cái gì. Nhưng tôi đồ chừng có chuyện gì tai hại đấy! Nhà thì lộn tùng phèo, người thân thì đã ra đi…

Casy nói:

– Đúng, đằng kia là con Kênh mà xưa tao đã làm lễ rửa tội. Kể ra hồi đó mày không phải là đứa ngỗ nghịch nhưng mày rắn đầu. Chà! Mày cứ túm chặt lấy tóc cái con bé con! Chả khác con chó Bunđoc. Nhân danh Đức Thánh Thần, người ta rửa tội cho cả hai đứa xong đâu đấy rồi mà mày vẫn còn kéo tóc nó. Già Tom hét: “Quẳng nó xuống nước”. Thế rồi tao túm lấy đầu mày dìm xuống nước cho tới khi mày bắt đầu phì bong bóng. Chỉ đến lúc đó mày mới chịu buông cái bím tóc kia. Không phải mày ngỗ nghịch gì đâu chỉ tại mày ương bướng. Bọn nhóc khó bảo ấy mà, khi lớn lên nhiều lúc chúng lại mang chất thánh thiện trong người.

Từ trong chuồng ngựa, một con mèo xám, gầy giơ xương lách ra, đi qua các gốc cây bông tới tận đầu hiên. Lặng lẽ, và nhảy vọt một cái, nó đã ở dưới cửa nhỏ, rồi bụng áp sát đất, nó trườn về phía có người. Lúc đến phía sau họ, nó ngồi xuống ở giữa, duỗi cái đuôi dài thượt trên nền nhà, chỉ có mút đuôi thon là cựa quậy. Con mèo cũng bắt đầu nhìn ra xa, về phía hai con người đang nhìn. Joad quay lại và nom thấy nó.

– Lại thế này nữa, – anh nói. – Ông hãy nhìn xem ai này. Vẫn còn lại một ai đây.

Anh vươn tay nhưng con mèo nhảy vụt ra xa, nó lại ngồi xuống, giơ cẳng liếm gan bàn chân. Joad nhìn nó với vẻ thắc mắc.

– Bây giờ thì tôi hiểu, – anh kêu lên. – Con mèo khiến tôi hiểu, chuyện xảy ra không lành đâu.

– Tao thấy hình như có hàng đống chuyện không lành.

– Đúng, không phải chỉ có nhà này. Tại sao con mèo lại không đi tới các nhà láng giềng… nhà Rance chẳng hạn. Thế nào mà lại chẳng có người tới giật lấy các tấm ván trong nhà này? Đã ba bốn tháng nay, chẳng còn ai, chẳng ai tới đánh cắp gỗ. Những tấm ván tốt trong nhà, khung cửa sổ… nhưng chả có ai buồn lấy. Chuyện đó mới là lạ. Tôi thắc mắc bởi là thế, không thể đoán ra thế nào cả.

– Thế theo mày hiểu thì có chuyện gì nào?

Casy cúi xuống, tháo đôi giày rơm rồi ngoe nguẩy ngón chân trên bậc thềm.

– Tôi chẳng biết. Tựa hồ như không có láng giềng nữa. Nếu có, thì tại sao các tấm ván tốt này lại còn nằm ì ở đây? Tôi nhớ có một lần, vào dịp Nôel, Albert Rance đã dẫn cả nhà tới thành phố Oklahoma, cả trẻ con, cả chó. Đi thăm người bà con của Albert. Thế là dân ở đây nghĩ rằng Albert đã linh lỉnh ra đi… họ cho rằng dễ chừng y mang công mắc nợ hoặc có chuyện lôi thôi với một mụ đàn bà nào đó. Tám ngày sau, Robert trở về, nhà chả còn gì, sạch ngoét… lò bếp đã cuốn xéo, giường đã cuốn xéo, khung cửa sổ cuốn xéo, thêm tám tấm ván phía nam ngôi nhà, đến nỗi có thể nhìn thấy

trời lồ lộ. Y về đến nơi, đúng lúc Muley Graves đi ra, mang theo các cánh cửa và vòi bơm giếng. Albert khốn khổ phải mất mười lăm ngày đi khắp lượt các nhà láng giềng để đòi trả đồ đạc cho mình.

Casy gãi gãi bàn chân một cách khoái trá:

– Mà không ai phản đối gì sao? Cứ thế là người ta trả lại đồ đạc cho y, sao?

– Cố nhiên. Không ai muốn ăn trộm của y. Người ta tưởng y bỏ lại tất tật nên dại gì mà không lấy, thế thôi. Người ta trả lại hết, trừ một cái đệm tràng kỷ, bọc nhung, trên mặt vẽ hình một gã da đen, Albert cho rằng chính ông nội đã lấy, rằng cụ có máu da đen, nên cụ muốn cái chân dung kia. Thật tình, chính cụ lấy, nhưng cái gã da đen thì cụ đếch cần. Cụ thích chiếc đệm, thế thôi. Đi đâu cụ cũng mang nó đi, muốn ngồi nệm, cứ trải nó ra. Cụ không bao giờ muốn trả lại cho Albert. Ông cụ nói: “Nếu thằng Albert thèm khát chiếc nệm đến thế, hắn hãy đến mà tìm. Nhưng tao khuyên hắn hãy xách theo một khẩu súng, vì, nếu hắn đem chuyện chiếc nệm quấy rầy tao, tao sẽ bắn vỡ cái mõm thối của nó ra!” Rốt cuộc Albert đành thôi và tặng cho cụ làm quà. Có điều, với chiếc đệm, cụ sinh ra bày vẽ lắm chuyện. Cụ bắt đem góp giữ lông gà. Ông cụ nói muốn lót giường bằng cả một chiếc đệm lông. Nhưng cụ chả bao giờ có được. Một ngày nọ bố tôi sôi me vì một con chuột chũi nấp dưới nhà, ông lấy một mảnh ván, giáng cho nó một nhát. Và mẹ tôi đã phải đốt sạch sành sanh các lông gà, để cả nhà khỏi bị chết ngạt – Joad cười – Cụ là một tay ngỗ ngược lắm. Lúc đó cụ đang ngồi lên gã da đen và nói: “Thì hắn cứ việc đến mà tìm chiếc đệm. Ppxì… tao sẽ túm lấy hắn, cái thằng còi ấy, tao xoắn cổ nó lại như xoắn dây thừng”.

Con mèo lại đến gần hai người. Đuôi nó nằm thượt sát đất, ria mép chốc chốc run rẩy. Mặt trời đụng đến bờ chân trời, không khí đầy bụi đỏ và vàng. Con mèo rụt dè duỗi một chân xám, đụng vào ống áo của Joad. Anh quay lại.

– Mẹ kiếp, quên mất con rùa. Tôi chả tội nợ gì mà kéo lê nó đi theo cả đời.

Anh gỡ con rùa ra, đẩy nó xuống dưới nhà. Nhưng một lát sau, nó lại đi ra và rẽ về hướng tây nam như lúc mới đầu. Con mèo nhảy bổ tới, đánh vào cái đầu và vào mấy cái cẳng đang cử động. Cái đầu cứng và châm biếm rụt vào, cái đuôi dày đột nhiên biến mất dưới mai. Con mèo đợi mãi cũng chán bèn bỏ đi, con rùa lại cứ nhắm hướng tây nam mà bò như cũ.

Tom và người mục sư nhìn con rùa bỏ đi, chân ngọ ngoạy đẩy thẳng ra phía trước cái vỏ cứng nặng nề. Con mèo đuổi một lát theo sau nhưng được khoảng mươi mét, nó uốn cong lưng, ngáp ngáp, rồi len lén trở lại chỗ hai người đàn ông đang ngồi. Joad nói:

– Chẳng biết nó đi đến chỗ chết tiệt nào? Đời tôi tôi đã thấy ối rùa. Bao giờ chúng cũng có vẻ muốn đi tới đâu đó.

Chú mèo xán lại ngồi giữa hai người, lùi ra phía sau một chút. Nó chậm rãi nháy nháy con mắt. Túm da vai của nó bị rận cắn, bất thình lình run rẩy, rồi từ từ trở lại bất động. Chú mèo giơ một cẳng lên quan sát, chìa bộ móng ra rồi lại thu vào như muốn thử chúng và cái lưỡi màu hồng liếm liếm lòng bàn chân. Mặt trời đỏ đụng đến chân trời, trải ra như một con sứa, và ở phía trên, bầu trời hình như lấp lánh hơn, rung rinh hơn bao giờ hết, Joad rút ở chiếc áo vét ra đôi giày da vàng mới, và trước khi xỏ giày, anh đưa bàn tay chải chải đôi bàn

chân bụi lấm lem.

Người mục sư, mắt nhìn đắm trên vùng quê, cất tiếng:

– Có ai đang tới kìa. Nhìn xem? Kia, phía dưới, trong ruộng bông thẳng trước mặt, kia!

Joad đưa mắt nhìn theo hướng mà ngón tay Casy đang chỉ.

– Hắn đi bộ, – anh nói. – Hắn đi làm bụi tung lên thế này thì tôi không thể thấy được hắn. Thằng ma nào nhỉ?

Cả hai nhìn cái bóng người tiến lại trong ánh sáng ban chiều, và bụi bị tung lên nhuốm đỏ trong ánh mặt trời lặn.

– Một gã đàn ông, – anh nói.

Người đàn ông đến gần, và khi y đi qua nhà kho, Joad nói.

– Ơ này, tôi biết hắn. Ông cũng biết… Chính Muley Graves. – Rồi anh gọi: “Hê! Muley! Khoẻ không?”

Gã đang bước tới gần bèn đứng sững lại, rồi bước vội. Y người mảnh dẻ, nhỏ bé, cử động đứt quãng, lẹ làng. Y xách một cái túi bằng bao tải. Đầu gối và đũng quần bằng vải gai thô đã bạc màu, ống tay áo vét đen loang lổ những vệt bẩn và đã bạc màu, ống tay áo rách ở phía sau vai và ở khuỷu tay. Chiếc mũ cũng lem luốc y như chiếc áo và băng vải đai mũ đã bị bong một nửa phất phơ trong gió theo mỗi bước chân đi. Khuôn mặt Muley nhẵn nhụi, không nếp nhăn, nhưng y có cái vẻ hung hăng như một thằng bé độc ác với cái miệng nhỏ và mắm chặt, đôi mắt bé tí, linh hoạt và cáu kỉnh.

– Ông có nhớ Muley không? – Joad khẽ hỏi mục sư.

– Ai kia? – Gã đàn ông vừa tiến lên, vừa kêu.

Joad không đáp. Chờ khi tới thật gần, Muley mới nhận ra.

– Ủa, lại thế, quái quỉ chưa! – Y nói. – Chính là Tom Joad. Mày được ra bao giờ đấy, Tom?

– Đã hai ngày rồi. Về nhà, phải cuốc bộ một chặng đường dài. Để được thấy gì đây nào? Cậu xem, gia đình tớ đâu, Muley? Tại sao nhà cửa lại bị tan tành, bông mọc cả trong sân, thế này?

– Thề có Chúa, cũng thật may là tao đã đi qua đây, – y nói. – Ông già Tom lo lắng bồn chồn mới khiếp chứ. Khi cả nhà đã quyết định ra đi, tao đang ngồi trong bếp kia. Tao đến nói với ông già Tom là tao, thì tao chả bao giờ chịu đi, mẹ kiếp! Nghe nói thế, ông ấy bảo: "Cái phiền cho tao, là chuyện thằng Tom. Có ngày nó sẽ về, nó chả tìm thấy ai, liệu nó sẽ nghĩ thế nào?" Tao bèn nói với ông ấy: "Sao bác không viết cho hắn?" Ông đáp: "Dễ chừng phải thế, dẫu sao tao cũng phải viết. Để tao nghĩ xem. Nhưng nếu tao không viết mà mày còn ở lại trong xứ: hãy cố rình xem lúc nó về". "Ờ! Cháu vẫn còn ở lại đây, ở lại đây cho tới lúc tuyết rơi ở địa ngục, mẹ kiếp! Không đứa nào có thể buộc được một thằng họ Grave bỏ xứ sở. Chưa đứa nào đã làm được thế". Joad nôn nóng nói:

– Họ đã đi đâu cả rồi? Cậu nói với họ những gì sau hẵng kể. Nói xem người nhà tớ đâu?

– Thế này, họ định chống lại khi ngân hàng gửi máy cày tới cày ấp trại. Ông nội mày đứng trân trân ở đấy, súng cầm tay. Ông cụ bắn hỏng những đèn pha của cái máy chết tiệt kia, nhưng chả ăn thua, nó vẫn bò tới. Ông cụ không muốn giết thằng lái, thằng Willy Feely.

Willy biết thế, nên hắn cứ ung dung lái máy tới, đâm sầm vào ngôi nhà và lay lắc nó như con chó lay con chuột. Do vậy mà ông cụ bị như thế nào đó. Có cái gì gặm nhấm ông lão từ bên trong. Từ hôm ấy trở đi, ông lão không còn như xưa nữa.

– Họ ở đâu? – Tom nóng tiết hỏi.

– Tao nói đây. Đi trên xe của chú John nhà mày, mất ba chuyến. Họ mang theo bếp lò, máy bơm, giường. Giá mà mày thấy cái cảnh ấy nhỉ! Giường thì đi với bọn nhóc, bà mày và ông mày ngồi tựa vào thành đầu giường, thằng Noah, anh mày, ngồi hút thuốc và nhổ nước bọt qua thành xe. – Joad mở miệng toan nói, nhưng Muley đã nhanh chóng nói tiếp. – Tất cả ở nhà chú mày.

– Thế hả? Tất cả ở nhà chú John? Nhưng họ làm quái gì ở đây? Hượm đã, hượm đã, Muley, cậu khoan hãy con cà con kê, một phút nữa rồi cậu có thể cho chạy máy quay đĩa của cậu. Họ làm quái gì ở đấy hả?

– Thế này, họ bóc vỏ bông, cả tụi nhóc, cả ông lão. Nhặt nhạnh chút đỉnh để đi về miền Tây. Họ sẽ mua một chiếc xe cà tàng, đi về miền Tây ở đó sống sung sướng, yên vui lắm mà! Bóc vỏ bông, một tuần năm mươi xu, thế mà ai cũng phải lạy lục để có chút công ăn việc làm.

– Thế họ chưa đi hay sao?

– Chưa, theo chỗ tao biết thì chưa. Lần cuối cùng tao biết được tin họ, là cách đây bốn hôm, hôm đó tao gặp thằng Noah anh mày đang săn thỏ, hắn nói là họ định trong mươi lăm hôm nữa sẽ đi. John đã nhận được giấy báo phải cuốn xéo. Cậu cứ tiếp tục đi thẳng, cách đây tám dặm, là đến nhà John. Cậu sẽ thấy gia đình nhà

cậu chồng chất vào nhau trong nhà John như lũ chuột nhắt rừng đang nấp trong hang để qua đông.

– Thôi được rồi. – Joad nói. – Bây giờ cậu định đi đâu thì đi đi. Cậu chẳng thay đổi ly lai, Muley ạ. Khi cậu muốn nói chuyện gì đó ở phương Bắc thì cậu bắt đầu từ phương Nam.

Muley sửng cồ:

– Mày cũng chả thay đổi. Lúc còn nhóc con mày sỗ sàng ra sao thì bây giờ cũng sỗ sàng như thế. Mày không định dạy cho tao cách sống đấy chứ Tom?

– Không, – Joad nói với một cái cười mỉa. – Nếu cậu thèm khát nhào đầu vào một đống thuỷ tinh vỡ thì cũng chả ai can. Mà này, cậu biết mục sư chứ Muley? Mục sư Casy.

– Dĩ nhiên, dĩ nhiên! Tao không nhìn ông ta. Tao nhớ rõ lắm chứ.

Casy đứng lên và họ xiết chặt tay nhau.

– Thấy lại ông tôi mừng lắm, – Muley nói. – Lâu lắm, lâu cực, người ta không thấy ông ở miền này.

– Tao đã lui về để tìm hiểu nguyên do của một số sự việc. – Casy nói. – Ở đây đang xảy ra chuyện gì vậy? Thế binh tình thế nào mà họ lại đuổi cổ người ta ra khỏi nhà?

– Đồ con nhà khốn nạn, tụi chó đẻ con nhà khốn nạn! Tôi, tôi nói ông biết, tôi ở lại. Chúng sẽ không tống khứ được tôi đâu. Nếu chúng đuổi tôi ra ngoài, tôi sẽ trở lại, mà nếu chúng nghĩ rằng khi nằm dưới lỗ tôi sẽ bớt lôi thôi hơn, thì thế này, tôi sẽ dẫn đến với tôi vài ba thằng đầu bò đầu bướu để cho có bạn. – Y vuốt ve một vật năng nặng trong túi áo bên. – Tôi không đi.

Cha tôi đã tới đây năm mươi năm về trước, và bây giờ tôi dứt khoát không đi.

Joad hỏi:

– Mắc mớ gì mà chúng tống cổ người ta ra ngoài?

– Ờ, chúng tô điểm cho thêm màu mè. Mày biết những năm vừa qua như thế nào rồi. Các trận mưa cát đến làm hỏng tất tật, đến nỗi một con người không thể gặt hái được gì, dù chỉ đủ bít lỗ đít con kiến. Ai ai cũng mang nợ với gã lái buôn. Mày biết thế là thế nào rồi. Lúc đó, những ai có ruộng đất đều nói: "Chúng ta không thể giữ lại các tá điền chúng ta nữa. Phần của anh tá điền lại đúng là phần thu lợi mà chúng ta không cho phép mình để mất được". Họ nói: "Nếu ta dồn tất cả ruộng đất chúng ta làm một, thì may ra thu hoạch cũng chỉ vừa đủ". Thế là chúng đem máy cày tới, chúng xua đuổi tất cả, tất thảy mọi người, trừ tao, mẹ kiếp! Tao không đi! Tom ạ, mày biết tao rồi. Mày biết tao từ lúc lọt lòng.

– Ái chà! Đúng thế, từ lúc lọt lòng.

– Mà này, mày biết đấy, tao đâu phải thằng ngu. Tao biết mảnh đất này chả đáng giá bao nhiêu. Chả bao giờ tốt, trừ phi dùng làm bãi cỏ chăn. Lẽ ra không bao giờ nên trồng trọt. Thế mà, giờ đây, chúng lại đã nhồi nhét cây bông cho đất đai, nhồi chất đến mức nó phải nứt ra. Giá như chúng không có ý định ép tao phải dời đi, dễ chừng lúc này tao đã ở California. Để tha hồ ăn nho, hái cam khi nào hứng. Nhưng cái bọn khốn kiếp ấy lại dẫn xác đến bảo tao phải cút xéo? Cút xéo, mẹ kiếp, đường đường là một thằng người thì chịu thế làm sao được!

– Tớ hiểu, – Joad nói. – Cho nên tớ lạ là bố tớ lại ra

đi dễ dàng đến thế. Tớ lạ là ông tớ đã không giết một ai. Không ai đã từng tự tiện dám đến bảo cụ phải làm thế này thế nọ. Mẹ tớ cũng là người không chịu để cho ai quấy đảo như vậy. Có lần, tớ đã thấy bà ấy nện cho một gã bán rong một trận đòn nên thân, nện bằng một con gà sống, vì gã định cãi bướng. Một tay cầm con gà, một tay xách rìu, bà sẵn sàng cắt cổ thằng cha. Bà ta có ý định cầm rìu nhảy bổ vào gã, nhưng nhầm tay, cho nên bà xông vào rồi giơ con gà nện tới tấp. Xong việc rồi, không thể ăn con gà đó được nữa. Gà nát bét, chỉ còn hai cái cẳng trong tay bà. Ông tớ cười rũ ra và bị sái hông. Làm sao họ có thể ra đi dễ dàng như vậy?

– Thế này, cái thằng cha dẫn xác tới ấy mà, hắn ngọt như mía lùi, hắn nói với họ những câu thật bùi tai: “Các bác phải đi thôi, các bác ạ. Lỗi đâu tại tôi”. “Được, – tao nói – vậy lỗi tại ai? Để tao đến nói chuyện với hắn một chút”. “Đó là Công ty khai thác nông nghiệp và chăn nuôi Shawnee. Tôi chỉ truyền đạt lệnh của công ty”. “Mà công ty khai thác nông nghiệp và chăn nuôi Shawnee ấy là ai?”. “Chẳng là ai cả. Đó là một công ty”. Nghe hắn nói thì muốn cầm búa tạ mà nện… Nhưng chả có ai để mình nện. Có ối kẻ đã chán ngấy không muốn tìm cách trút giận vào ai… nhưng tao thì không thế. Tao giận phát điên lên. Tao ở lại.

Một giọt to của mặt trời đỏ nấn ná ở chân trời, rồi nó rơi xuống và biến mất, bầu trời vẫn lấp lánh phía trên vùng nó đã bốc thành hơi, và trên đó một đám mây bị cắt xé nham nhở lơ lửng như một tấm áo rách đẫm máu. Từ chỗ tận cùng phía tây, hoàng hôn dần dà xâm chiếm bầu trời, trong khi bóng tối từ phía đông lan tới bao trùm mặt đất. Ngôi sao Hôm hiện ra lấp lánh trong hoàng hôn. Con mèo xám luồn về phía nhà kho để ngỏ và như một cái bóng, biến hút vào đấy.

Joad nói:

– Dẫu thế nào, tối nay, không có cái chuyện cuốc bộ tám dặm để đến nhà chú Tom. Bàn chân của tôi đang nóng như lửa. Hay là bọn mình tới đằng cậu, Muley? Cách đây không quá một dặm mà.

– Cũng chẳng ăn nhằm gì, – Muley nói, hơi bối rối. – Vợ tao và bọn trẻ với em rể tao đã khuân sạch và đi California. Chả còn gì để ăn. Họ không căm giận như tao nên họ đã đi. Ở đây chả có gì ăn.

Mục sư cọ quậy:

– Đáng lẽ mày cũng phải đi. Không nên để gia đình phân tán như thế.

– Nhưng không đi nổi ông ơi, – Muley Graves nói. – Có cái gì đó cản tôi.

– Còn tớ, tớ đói, mẹ kiếp nó! – Joad nói. – Bốn năm nay tớ ăn đúng giờ đúng giấc. Cái dạ dày tớ nó đang gào lên kêu cứu đây. Cậu sẽ ăn gì, Muley? Cậu moi đâu ra bánh ăn?

– Một thời gian, – Muley thú nhận, hơi ngượng ngùng – tao ăn nhái, sóc, đôi khi ăn cả chó đồng cỏ nữa. Phải thế thôi. Nhưng giờ đây, tao đặt thòng lọng trong các bờ bụi ở con suối con. Tao bắt thỏ và đôi khi bắt được gà rừng. Cả những con chồn hôi cũng bị. – Y cúi xuống để lấy túi và dốc ra trên nền hiên. Hai chú thỏ rừng nhỏ và một con to lông dài rơi ra, lăn xuống, mềm nhẽo.

– Lạy Chúa, – Joad nói. – Trên bốn năm nay tớ không được thấy thịt tươi.

Casy xách lên một con, xem nặng nhẹ.

– Cậu chia cho bọn mình với chứ, Muley? – ông hỏi.

Muley ngọ ngoạy, vẻ bối rối.

– Tôi không thấy có cách nào khác được. – Y ngừng lại, bản thân lấy làm lạ thấy mình kém nhã nhặn. – Tôi không định nói thế. Có nghĩa là… Không phải – Y lúng túng. – Tôi muốn nói là, khi một gã có cái để ăn còn một gã khác đang chết đói, thì đấy, gã kia không có đường lựa chọn. Tôi muốn nói, giả dụ tôi nhặt thỏ lên và đi đến chỗ khác để ăn thì… ông hiểu tôi nói gì chứ?

– Hiểu. – Casy nói. – Tao hiểu cái đó. Tom ạ, Muley nói thế cũng có cái lý của nó, Muley đã đoán ra cái gì đó, có điều, với hắn, nó quá rối rắm, nhưng với tao thì cũng rối rắm thế thôi.

Tom xoa xoa bàn tay:

– Ai có con dao? Hãy để tâm một tí đến mấy con gặm nhấm tội nghiệp kia các ông ơi! Hãy để tâm đến chúng với!

Muley tìm trong túi quần và rút ra một con dao to cán bằng sừng. Tom Joad giằng lấy, mở dao và ngửi ngửi. Nhiều lần, anh thọc lưỡi dao vào đất, rồi lại ngửi ngửi, rồi chùi ở ống quần, đưa ngón tay cái thử thử.

Muley rút ở túi áo – súng lục ra một lít nước và đặt dưới hiên.

– Dùng nước tiềm tiệm thôi. Tất cả chỉ có ngần này. Giếng ở kia bị lấp rồi.

Tom túm lấy một con thỏ.

– Một trong hai ông hãy đi tìm dây thép trong chuồng ngựa. Lấy những mẩu ván trong nhà mà nhóm lửa. – Anh nhìn con thỏ chết. – Làm thịt thỏ thì không gì dễ bằng.

Anh kéo da lưng con vật lên, rạch một nhát, nhét

ngón tay vào khe hở và lột da. Tấm da tuột ra như một chiếc tất, tuột từ thân lên đến cổ, rồi để lộ bộ cẳng cho tới móng. Joad lại vớ con dao, chặt đầu chặt chân. Anh đặt bộ da xuống đất, rạch bụng giữ cho lòng ruột rơi vào tấm da và ném cả cái gói bầy nhầy đó vào cánh đồng bông. Thế là cái thân hình nhỏ bé sạch sẽ đã sẵn sàng, Joad cắt chân, bổ con vật ra làm đôi từ cái lưng dày thịt. Anh đang xách con thỏ thứ hai lên thì Casy trở lại với một cuộn dây thép rối tinh.

– Giờ thì nhóm lửa, rồi cắm chạc lên. – Joad nói. – Mẹ kiếp cái con vật bé nhỏ này, chúng làm mình đói phát cuồng.

Anh rửa sạch và mổ các con thỏ khác rồi treo chúng dọc sợi dây thép. Muley và Casy giật cái tấm ván nứt nẻ ở chỗ góc nhà đã đổ sập và nhóm lửa. Muley quay lại chỗ Joad.

– Cậu nhìn xem nó có mụn nhọt gì không, nhìn cái con đực ấy, – y nói. – Tao không muốn ăn thịt thỏ có mụn nhọt.

Y rút trong túi ra một túi nhỏ bằng vải và đặt dưới hiên. Joad nói:

– Nó sạch như chùi. Trời, cậu cũng có muối nữa ư? Dễ chừng trong túi cậu, còn có bát đĩa và một chiếc lều nữa cũng nên?

Anh đổ muối vào lòng bàn tay rồi rắc lên những miếng thịt thỏ treo ở sợi dây thép.

*

Lửa chát bùng, in những bóng tối lên căn nhà, gỗ khô nổ lép bép, tanh tách. Bây giờ, bầu trời hầu như tối đen, những ngôi sao lấp lánh nom rõ mồn một. Con mèo xám từ nhà kho đi ra, vừa miu miu vừa lại gần

lửa, nhưng khi tới gần, nó quay đi xông thẳng tới mớ lòng ruột vương vãi dưới đất. Nó nhai, nó nuốt những khúc ruột dính lòng thòng ở hai bên mép.

Casy ngồi dưới đất, giữ lửa, mảnh ván này cháy sắp hết thì ông lại đẩy những mảnh ván khác vào. Đàn dơi bay ngoắn ngoèo trong ánh sáng. Con mèo nằm xuống, liếm mép, lau chùi mặt và ria mép.

Joad nắm lấy sợi dây thép có treo lủng lẳng mấy con thỏ, rồi mang nó lại đám lửa.

– Này Muley, cậu cầm lấy đầu kia. Xoắn sợi dây quanh cọc này. Được, thế, thế. Bây giờ phải kéo căng nó ra. Nhẽ ra, phải đợi cho lửa thấp xuống, nhưng thây kệ, tớ không kiên nhẫn được.

Anh căng sợi dây thép, rồi với một cái que, anh đẩy các miếng thịt dọc sợi dây đến phía trên lửa. Thịt bị lửa táp cứng lại, bóng láng ở bề mặt. Joad ngồi cạnh lửa, nhưng với chiếc que anh di chuyển và lật đi lật lại các miếng thịt để chúng khỏi dính vào sợi dây thép.

Thế này mới là một bữa nhậu nhẹt, – anh nói. – Muley có muối, có nước, có thỏ. Giá như trong túi hắn ta có một bữa xúp ngô thì thôi đấy, tôi chả đòi hỏi gì thêm nữa.

Qua trên đầu ngọn lửa, Muley nói chõ sang:

– Các ông chắc cho tôi là điên vì sống như thế này, phải không?

– Điên? Không hề – Joad nói. – Ông mà điên thì tớ chúc cho ai nấy cũng điên tuốt! Muley tiếp tục:

– Mà này, các ông biết không, tôi mắc phải chuyện gì đó rất kỳ. Lúc họ nói tôi phải đi, tôi cảm thấy trong người như thế nào đó. Thoạt tiên, tôi thèm khát muốn

nện cả lũ chúng nó. Sau đó tất cả gia đình anh em mình đi lên miền Tây. Thế là tôi bắt đầu đi nhởn nhơ bát nháo. Cứ thế mà bước. Không bao giờ quá xa. Bạ đâu ngủ đấy. Đêm nay tôi ngủ đây. Tôi đến đây chỉ để ngủ thôi. Tôi tự nhủ: "Mình trông coi cái này cái nọ, như thế, lúc người ta trở về, người ta sẽ tìm thấy mọi cái đâu vào đấy". Nhưng tôi biết, nói thế chỉ để nói thôi. Chả có gì để coi sóc cả. Người ta chả bao giờ trở lại. Tôi đi dạo lang thang như một bóng ma vật vờ ở nghĩa địa.

– Ở mãi rồi cũng đâm quen, khó mà bỏ đi. – Casy nói. – Người ta quen với một vài lối suy nghĩ nào đó, và khó mà thay đổi. Tao không còn là mục sư nữa, ấy thế mà đột nhiên tao thấy mình đang cầu khẩn suốt buổi, thậm chí mình đang làm gì cũng không nghĩ tới.

Joad trở các miếng thịt. Bây giờ nước thịt nhỏ giọt và cứ một giọt rơi xuống thì một tia lửa bắn lên. Lớp ngoài trơn nhẵn của miếng thịt nứt nẻ ra và chuyển sang sắc nâu nâu.

– Ngửi xem nào, – Joad nói. – Lạy Chúa, các ông nhìn rồi ngửi xem.

Muley tiếp tục:

– Như con ma cũ vật vờ, trong nghĩa địa, tôi đã đi dạo khắp nơi, bất cứ chỗ nào mà trước đây hay xảy ra chuyện này chuyện nọ. Chẳng hạn ở một cái góc đằng kia, rất gần đất của chúng ta... có một cái bụi trong khe. Chính ở đấy, lần đầu tiên tôi ngủ với một con bé. Lúc ấy tôi mười bốn tuổi. Trời, tôi giẫm chân, tôi nhảy, tôi hít hít như một con cừu động đực, động cỡn như phát điên mà lại! Thế là tôi quay lại chỗ đó. Tôi nằm xuống đất và mọi chuyện xưa đã xảy ra thế nào thì nay đã trở về nguyên xi trong trí tôi. Cũng còn một chỗ

cạnh chuồng bò, ở đó bố tôi bị một con bò đực húc thủng bụng. Máu của ông còn giây trên đất đây. Nhất định thế. Chẳng có ai rửa chùi máu đi. Tôi đặt tay lên đất, ở chỗ mà máu bố tôi hoà thẫm vào đó – Y ngừng lại bối rối. – Các ông thấy tôi cũng hâm hâm hả?

Joad trở miếng thịt, cái nhìn của anh hình như lùi về phía trong. Casy rụt chân lại, ngắm nhìn ngọn lửa. Phía sau mấy người, con mèo xám đã no nê, bây giờ đang ngồi êm ả, chiếc đuôi dài xám cuốn quanh hai cẳng trước. Một con cú to hú một tiếng khi bay qua phía trên đầu họ, ánh lửa soi sáng cái bụng màu trắng và đôi cánh giang rộng của nó.

– Không, Casy nói – cậu cảm thấy cô đơn… Đâu có phải cậu hâm.

Khuôn mặt nhỏ trân trân của Muley cứng ngắc.

– Tôi đặt tay đúng vào chỗ còn có vết máu. Và tôi thấy cha tôi hiện về, với một cái lỗ sâu hoắm trên ngực, ông dựa sát vào tôi và run rẩy, in hệt như ông làm xưa kia, rồi tôi thấy ông bổ ngửa, chân tay giãn ra. Tôi thấy lại đôi mắt của ông mờ đục nỗi đau đớn, rồi bất thình lình, ông nằm im, mắt trong sáng… ngước nhìn trời. Còn tôi, nhóc con, tôi cứ ngồi đấy, không khóc, không làm gì hết, chỉ ngồi. – Y lắc đầu nặng nề, Joad trở đi trở lại miếng thịt. – Tôi cũng đã ở trong buồng mà Joe ra đời. Giường không còn đấy nữa, nhưng đúng là buồng đó. Tất thảy đều y nguyên tại chỗ cũ. Joe đã ra đời đúng ở chỗ kia. Nó há to miệng, như muốn hét lên rồi bắt đầu gào, gào đến một dặm quanh đây vẫn còn nghe, bà nó đứng đấy, cứ nói luôn miệng: “Con chó con của bà! Thằng con chó của bà![8] ” Bà kiêu hãnh đến nỗi đã đánh vỡ ba cái tách.

Joad tằng hắng:

– Mình nghĩ là có thể bắt đầu được rồi đấy.

– Đợi cho chín kỹ đã, cho thịt mềm, thịt gần đen lại kia. – Muley tỏ ý không ưng, nói. – Tôi muốn nói. Tôi chưa nói với ai. Nếu tôi hâm, tức là hâm, thế thôi. Như con ma nghĩa địa đi thăm láng giềng ban đêm. Nhà Peter, nhà Rance, nhà Jacop và các nhà khác đen ngòm, đứng đấy như những túp lều cho chuột rúc. Ở đó, xưa kia từng có hội hè, có múa nhảy. Có những dịch vụ linh thiêng, những tiếng kêu mừng quang vinh của Chúa. Trong mọi nhà đều có đám cưới. Lúc đó sao mà tôi khao khát muốn đi vào thành phố để giết người. Bởi vì, đưa cái máy cày đến để đuổi chúng ta đi thì chúng thu được gì? Rốt cuộc để bảo đảm cái "lề lợi nhuận" như chúng nói. Rốt cuộc chúng đã cướp được gì? Cướp bắt được bố tôi hấp hối nằm trên cát, Joe đang oe oe và tôi đây ban đêm nhảy nhót như con dê đực trong bụi bờ. Chúng được lợi lộc gì? Có Chúa biết, đất đai không tốt. Có nhiều năm chẳng trồng trọt được gì. Ấy thế mà ngồi ở bàn giấy, chúng xẻ đôi người ta ra để có cái bờ lề lợi nhuận. Đơn giản là chúng xẻ đôi họ ra, thế thôi. Nơi nào người ta sống, chính đó là gia đình. Mình không phải là mình nữa khi bị nhét một mình đơn độc vào một chiếc ô tô trên đường cái. Sống đấy nhưng cũng như chết rồi. Người ta đã bị giết bởi cái bọn con nhà khốn nạn đó!

Và y nín bặt. Đôi môi mảnh dẻ còn mấp máy, ngực y hổn hà hổn hển. Y ngồi xuống nhìn đôi bàn tay qua ánh lửa.

– Đã… đã lâu lắm, tôi không nói với ai, – y nói nhỏ nhẹ để xin lỗi. – Tôi đi vật vờ như con ma ở nghĩa địa.

Casy đẩy các tấm ván dài vào lửa, ngọn lửa lại liếm củi và lại chồm về phía các súc thịt. Ngôi nhà cót két

càng mạnh khi mà về đêm, không khí mát mẻ càng khiến cho gỗ co lại. Casy bình tĩnh nói:

– Tao phải đi thăm những kẻ đã ra đi tha phương. Tao cho là phải đi thăm họ. Họ cần sự cứu trợ mà các bài thuyết giáo không đem tới cho họ được. Hy vọng mong mỏi lên trời khi chưa sống trọn kiếp người sao? Hy vọng đấng Thánh Thần, khi mà tinh thần của riêng họ thì bại hoại buồn bã sao? Họ sẽ cần đến sự giúp đỡ. Trước khi chết, họ phải sống đã.

Joad cáu kỉnh kêu lên:

– Trời ơi là trời, thịt được rồi đấy, có ăn hay không nào? Cứ thế này mãi, thì rồi chỉ còn lại vỏn vẹn bằng con chuột nhắt đem quay. Nhìn xem. Ngửi xem nào.

Anh nhảy bật dậy, đẩy các miếng thịt móc ở dây thép xa khỏi lửa. Anh cầm con dao của Muley khía vào một miếng thịt cho tới lúc nó rời khỏi dây.

– Đây phần ông mục sư, – anh nói.

– Đã bảo tao không còn là mục sư mà.

– Thì thôi vậy, đây phần cho "con người". – Anh cắt một miếng khác. – Đây Muley cậu ăn đi, nếu cậu không quá trăn trở. Thịt con đực đấy. Dai hơn thịt chó già.

Anh lại ngồi xuống, những chiếc răng dài cắn ngập vào miếng thịt. Rứt ra một miếng to mà anh bắt đầu nhai.

– Mẹ kiếp, nghe xem, cứ là ròn rau ráu! – Và anh ngấu nghiến dứt một miếng khác.

Muley vẫn ngồi yên nhìn miếng thịt của y. Y nói:

– Đáng lẽ tôi không nên nói như vậy. Những chuyện như vậy, có lẽ tốt nhất là cứ giữ trong đầu.

Casy miệng ngồm ngoàm, nhìn gã, và cái cổ họng to khoe cố co lại để nuốt.

– Không, phải nói chứ, – ông nói. – Nhiều lúc, mình đang buồn nhưng chỉ nói mà có thể rũ sạch nỗi buồn. Nhiều lúc một gã đang lăm le muốn giết người, ấy thế mà chỉ bằng cửa miệng là gạt bỏ được ý muốn đó và thôi không hề muốn giết ai nữa. Cậu có lý. Không nên giết ai khi có thể nhịn được.

Nói xong, ông cắn một miếng khác, Joad ném xương vào lửa rồi đứng lên và cắt thêm một miếng ở ngang sợi dây thép. Bây giờ Muley đang ăn chậm rãi, đôi mắt bé tí lo lắng của y nhìn từ người bạn này sang người bạn kia. Joad vừa ăn vừa gầm gừ như con vật và một vòng mỡ đọng quanh miệng anh.

Muley nhìn anh rất lâu, hầu như rụt rè. Y hạ bàn tay đang cầm miếng thịt xuống.

– Tommy, – y nói.

Miệng vẫn gặm nhấm miếng thịt, Joad ngước mắt lên:

– Sao kia?

– Tommy ạ, tao nói chuyện giết người thì mày không giận chứ? Mày không giận tao chứ Tom?

– Dào! Tớ không giận đâu. Những chuyện đó là thường.

– Ai cũng biết không phải lỗi tại mày, – Muley nói. – Lão Turnbull nói, lão sẽ lột da mày khi nào mày được tha. Lão nói không ai có thể giết một thằng con của lão mà thoát nợ được như vậy. Nhưng ở đây, ai cũng can khiến lão phải cất bỏ ý định đó.

– Lúc đó, đang say mà, – Joad nói khe khẽ. – Say,

trong một buổi khiêu vũ. Tớ không biết chuyện bắt đầu như thế nào. Thế rồi tớ cảm thấy con dao chọc vào người tớ, và đùng cái, tớ tỉnh rượu. Tớ thấy Herb một lần nữa cầm con dao xông tới. Có một cái xẻng dựng ở bờ tường nhà trường, thế là tớ chụp lấy xẻng, rồi nhằm đầu hắn, phang một nhát. Tớ chả có gì trách móc Herb. Hắn là đứa tốt bụng. Hồi còn nhỏ, lúc nào hắn cũng bám lấy em gái tớ, Rosaharn. Đúng tớ mến thằng Herb.

– Thì chính ai cũng nói với ông bố hắn như vậy và cuối cùng khiến được lão ta dịu lại. Ai đó có nói lão già Turnbull mang dòng máu Hatfieli, về phía họ ngoại và chắc lão lấy làm vinh dự về điều đó. Cái đó tớ không biết rõ. Lão và người nhà đã đi California, cách đây sáu tháng rồi.

Joad gỡ miếng thịt thỏ cuối cùng ở dây thép và lần lượt trao cho các bạn. Anh lại ngồi xuống, lại bắt đầu ăn, nhưng giờ thì chậm rãi hơn. Anh nhai đều đặn, và đưa ống tay áo lau mỡ quanh miệng. Đôi mắt anh sầm tối và hé mở, đăm chiêu nhìn lửa đang tàn lụi.

– Ai cũng đi về miền Tây, – anh nói. – ấy thế mà tớ phải giữ lời hứa. Tớ không thể vượt quá biên giới miền Đông.

– Lời hứa ư? – Muley hỏi. – Tớ có nghe nói chuyện đó. Là thế nào vậy?

– Thế này, họ đã tha tớ sớm hơn, sớm hơn ba năm. Phải làm điều này điều nọ. Không thế thì người ta giải tớ trở lại nơi đó. Thỉnh thoảng tớ phải trình diện.

– Ở Mac Alester, người ta đối xử với cậu thế nào? Thằng anh em họ với vợ tớ cũng đã ở Mac Alester, người ta làm tình làm tội hắn đủ vành.

– Không tồi đâu. – Joad nói. – Không, khắp đâu đâu

cũng thế cả. Người ta làm phiền mình nếu mình gây chuyện rầy rà. Không tệ, trừ phi bị một thằng gác ngục ghét mình. Trong trường hợp đó thì khó xoay xở. Tớ thì chả có gì để kêu ca. Cũng như bất cứ ai, tớ chỉ lo phận tớ. Tớ đã học viết, mà cừ lắm. Không chỉ có học viết chữ, mà còn vẽ chim vẽ cò nữa. Bố tớ sẽ không bằng lòng nếu thấy tớ loáng một nét bút chì đã tòi ra một con chim. Bố sẽ chửi um lên khi thấy tớ làm những chuyện như vậy. Những trò ngông kiểu đó, ông ấy không thích. Ngay chữ viết, ông cũng đã không ưa rồi. Tớ nghĩ rằng nó khiến ông hơi sợ. Cứ mỗi lần ông thấy chữ viết thì hình như có ai đó đã lấy mất của ông một cái gì.

– Người ta không đánh đập mày hay cái gì đại loại thế chứ?

– Không, tớ lo việc tớ mà. Dĩ nhiên mãi rồi cũng chán ngấy vì phải làm cùng một việc, ngày này sang ngày khác, trong bốn năm liền. Nếu mình làm chuyện gì đó đáng phải xấu hổ, thì thế này, còn có chán thì giờ để suy nghĩ, nhưng, lạy Chúa, giả dụ tớ thấy thằng Herb cầm dao đi lại phía tớ, chắc chắn tớ sẽ lại phang cho hắn một nhát xẻng vào đầu.

– Ai mà chả làm thế. – Muley nói.

Ông mục sư nhìn lửa, cái trán rộng của ông trắng bệch trong bóng đêm đang đổ xuống. Ánh ngọn lửa leo heo làm nổi bật cơ bắp ở cổ ông. Đôi bàn tay chắp lại ở đầu gối táy máy bẻ các đốt ngón tay kêu rắc rắc.

Joad ném những khúc xương còn lại trong lửa, liếm liếm ngón tay trước khi chùi lên quần. Anh đứng lên, đi tìm cái chai nước lã dưới hiên. Anh uống một ngụm nhỏ rồi trao chai cho bạn trước khi ngồi xuống. Anh nói tiếp:

– Điều khiến mình thắc mắc nhất, là tất cả cái đó chả ăn nhằm vào đâu. Chẳng ai tìm hiểu thế là thế nào, như khi sét đánh chết một con bò hay khi có lụt lội. Tất cả cái đó, phải là thế thôi. Nhưng khi một lũ thằng cha túm lấy anh, giam nhốt anh trong bốn năm, cái đó chắc chắn phải có ý nghĩa. Là người, mặc nhiên phải suy nghĩ. Chúng bắt bớ, nhốt tớ, nuôi tớ trong bốn năm. Cứ cho là được đi… nhưng lúc đó thì hoặc nó khiến tớ thay đổi sao để tớ không tái phạm, hoặc nó trừng phạt tớ sao cho tớ thấy sợ không dám tái phạm. – Anh ngừng lại. – Nhưng giờ nếu thằng Herb hay thằng khác lại dẫn xác đến, tớ sẽ làm như cũ. Như cũ, trước khi có thể kịp suy nghĩ. Nhất là khi tớ say. Cứ như nửa tỉnh nửa mê ấy, cái đó mới là phiền!

Muley nhận xét:

– Quan toà có nói ông ta chỉ xử mày nhẹ thôi vì lỗi không phải hoàn toàn do mày. Joad nói:

– Ở Mac – Alester có một thằng cha… tù mãn kiếp… Suốt ngày chỉ nghiên cứu. Hắn là thư ký của ông giám đốc. Ông ta giao cho hắn viết thư từ và các thứ đại loại thế. Tóm lại, hắn giỏi giang bậc nhất, đã học luật và một đống những thứ rối rắm kiểu đó. Thế này, có hôm tớ nói chuyện với hắn, và thấy hắn đọc bao nhiêu là sách. Hắn nói đọc nhiều sách cũng chả ăn nhằm chi. Hắn nói đã đọc tất thảy những điều người ta viết về nhà tù, ngày nay và thời trước, và hắn nói chưa đọc thì còn hiểu được nhiều điều chứ đọc xong, thì lại hiểu còn lơ mơ hơn. Hắn nói đó là chuyện sinh ra từ địa ngục rồi quay về địa ngục mà hình như chả ai có thể ngăn chặn nổi, mà cũng chẳng ai có vẻ có đủ lương tri để thay đổi nó. Nhất là chớ lao đầu vào đọc những thứ đó, – hắn khuyên – bởi vì càng đọc càng thấy rối thêm, hơn nữa

chả còn kính trọng đếch gì những gã đang cầm quyền.

– Tao cũng chả kính trọng bọn chúng cho lắm, – Muley nói. – Cái loại chính quyền duy nhất chúng mình có và nó dựa vào chúng mình đó là “các lề lợi nhuận”. Có một điều khiến tao tức lộn ruột, thì chính là cái thằng Willy Feeley với chiếc máy cày của hắn. Hắn đang trở nên một thứ ông chủ quèn trên mảnh đất mà cha mẹ hắn cày cấy. Chính điều đó giày vò tao. Giá như là một thằng cha từ đẩu từ đâu đến, mình không biết thì còn hiểu được, đằng này thằng Willy là người ở đây. Điều đó nó giày vò tao, đến nỗi tao phải tới hỏi hắn cho ra nhẽ. Tức thì hắn nổi đoá. “Tao có hai đứa con nhỏ. Thêm vợ tao, mẹ vợ tao. Phải ăn chứ, không hả?”. Hắn giận tái xanh tái tím. Hắn nói: “Điều đầu tiên và điều duy nhất tao phải nghĩ đến, chính là gia đình tao. Những ai khác gặp phải chuyện gì, đó là việc của họ”. Đâu như hắn lấy làm xấu hổ nên phát khùng.

Đã được một lúc, Jim Casy ngắm nhìn ngọn lửa tàn, đôi mắt của ông mở rộng và các cơ bắp ở cổ căng ra. Đột nhiên ông kêu lên:

– Tao hiểu ra rồi. Nếu bao giờ có một con người cảm thấy có chút thánh linh trong y, người đó chính là tao. Tao hiểu ra rồi! Cái đó nó đến như một tia chớp. – Ông nhảy bật lên và bắt đầu đi ngang đi dọc, vừa lắc lư cái đầu. – Có một thời, tao có một cái lều, mỗi tối tao lôi cuốn tới đó năm trăm con người. Hồi đó bọn bay chưa biết tới, cả hai đứa. – Ông dừng lại nhìn họ soi mói. – Bọn bay có nhận thấy không? Tao chưa hề quyên tiền khi tới giảng đạo cho nông dân tại vùng này, trong các nhà kho hay ngoài trời, thấy không?

– Lạy Chúa, không bao giờ, – Muley nói. – Dân giã ở đây đã có thói quen không biếu xén ông tiền nong, đến

nỗi nếu có ông mục sư khác đến và chìa mũ ra, thì họ nổi khùng. Thực tình là thế, ông ạ.

Casy nói:

– Tao có nhận một thức ăn gì đó. Tao nhận một chiếc quần khi quần tao đã sờn hoặc một đôi giày cũ khi giày của tao đã rách để lòi cả bàn chân ra. Nhưng khi tao có cái lều thì không như thế. Có lúc tao nhận được mươi đến hai mươi đôla. Có điều, làm theo cung cách đó, tao không thấy sung sướng, tao bèn thôi và cảm thấy sung sướng được một thời gian. Tao tin bây giờ tao đã hiểu. Không biết tao sẽ có thể giải thích cho tụi bay hiểu được hay không. Tao cũng không muốn cố thử… nhưng rất có thể ở đấy, có chỗ cho một mục sư. Có thể tao sẽ bắt đầu giảng đạo trở lại. Những con người một thân một mình trên đường sá, những con người không nhà không cửa, chẳng biết đến nẻo đất phương trời nào mà đi. Đáng lý họ phải có nơi ăn chốn ở, một cái gì… có thể.

Ông dướn thẳng người cao quá ngọn lửa. Tất cả cơ bắp trên cổ của ông nổi lên đậm, ánh lửa rọi sâu thẳm vào mắt ông và nhóm lên những chấm đỏ. Ông đứng nhìn lửa, mặt căng ra như thể đang lắng nghe, đôi bàn tay của ông xưa đã từng hăng hái lượm lặt, điều khiển và ném ra những ý kiến, bây giờ bình tĩnh và, chẳng mấy chốc biến mất trong túi áo. Những con dơi bay qua bay lại trong ánh lửa mờ mờ, tiếng thì thầm se sẽ và sướt mướt của chú muỗi từ phía bên kia cánh đồng vọng tới.

Tom lặng lẽ mò tìm trong túi áo, rút gói thuốc ra và vừa chậm rãi cuốn một điếu, vừa ngắm nhìn than hồng. Anh chẳng để ý gì đến bài nói của ông mục sư tưởng chừng đó là chuyện riêng tư mà người khác chẳng phải

suy xét. Anh nói:

– Không biết bao nhiêu lần, về ban đêm, khi nằm trên chiếc giường nhỏ, tôi hình dung sự thể sẽ thế nào một khi tôi trở về nhà. Tôi nghĩ dễ chừng ông nội đã mất, và có lẽ đã có thêm vài đứa nhóc. Bố tôi có lẽ bớt thô bạo hơn. Mẹ tôi có lẽ có thì giờ nghỉ ngơi chút ít và để lại công việc cho Rosasharn. Tôi biết là sẽ không còn giống như xưa nữa… Đành vậy, tôi nghĩ phải ngủ lại đây và tảng sáng sẽ đi tìm chú John. Ít ra thì tôi cũng sẽ làm thế. Ông Casy ạ, ông đến với tôi nhé, ông nghĩ thế nào?

Người mục sư vẫn mải đứng nhìn lửa than hồng. Ông nói thong thả:

– Ừ, tao sẽ đi với mày. Khi nhà mày bắt đầu lên đường, tao sẽ đi cùng. Và chỗ nào có người trên đường cái, tao sẽ đến với họ.

– Ông đến thì ai cũng mừng, – Joad nói. – Mẹ tôi bao giờ cũng mến ông. Mẹ nói, là mục sư như ông thì người ta có thể tin cậy được. Rosasharn còn nhóc con. – Anh quay đầu – Muley, cậu đến với bọn tớ chứ? – Muley nhìn về phía con đường mà họ đã tới. – Thế nào, đi với bọn tớ chứ, Muley? – Joad nhắc lại.

– Hả? À không. Tớ không đi đâu hết, đang ở đâu, tớ ở đấy. Các ông có thấy cái ánh lửa ở kia, đang lên lên xuống xuống đấy không? Chắc hẳn là tên giám thị ruộng bông này. Dễ chừng hắn trông thấy lửa chúng ta đốt.

Tom nhìn. Ánh lửa từ đỉnh đồi lại gần.

– Ta có làm gì hại đâu. Vậy cứ ngồi yên đây. Việc gì mà ngại. Muley cười chế giễu:

– Nói thế mà nghe được! Chỉ việc đứng ở đây cũng là

làm cái gì rồi. Tức là dẫm lên sở hữu người khác. Chúng mình không thể ở đây được. Đã hai tháng nay, chúng muốn tóm cổ tớ. Nghe kỹ này. Nếu là một chiếc ô tô tới, chúng ta sẽ đến nấp giữa ruộng bông. Không cần phải đi quá xa. Rồi sau đó, lạy Chúa, để mặc chúng tìm kiếm chúng ta. Chúng phải nhìn vào mỗi đường cày. Ta chỉ cần cúi thấp đầu xuống thôi.

Joad hỏi:

– Cậu mắc phải chứng gì vậy, Muley? Hồi xưa cậu đâu có phải là một thằng cha quen trốn tránh. Cậu đã đâm ra tồi tệ rồi sao?

Muley nhìn các ánh sáng đến gần:

– Phải, – y nói. – Xưa kia tao tồi tệ như con chó sói. Bây giờ tao tồi tệ như con chồn. Khi người ta săn đuổi cái gì, người ta là thợ săn, người ta mạnh. Chẳng có ai trị được gã thợ săn. Nhưng bây giờ chúng mình bị săn đuổi… Hai đường khác nhau. Anh không mạnh, tha hồ anh nhe răng nhe lợi, anh vẫn không mạnh. Đã từ lâu chúng săn đuổi tao. Tao không còn là thợ săn nữa. Trong đêm tới, có thể tao bắn vào ai đó, nhưng tao không đập chết người ta bằng cọc rào được. Cố gắng kể cho mày nghe chuyện này chuyện nọ, chả đi đến đâu. Sự đời nó là thế.

– Được rồi, vậy cậu nấp đi, – Joad nói. – Casy và tớ, chúng tớ sẽ nói thẳng vào mặt chúng, cái bọn chó chết.

Chùm ánh sáng đã lại gần. Nó nhảy vọt lên trời, biến đi rồi lại nhảy vọt lên trời. Cả ba người quan sát nó.

Muley lại nói:

– Còn chuyện khác nữa. Khi bị săn đuổi người ta bắt đầu nghĩ đến tất cả những gì có thể nguy hiểm. Khi săn đuổi, người ta không suy nghĩ, không sợ. Như mày nói

với tao lúc nãy, nếu có chuyện không hay xảy ra cho mày chúng sẽ tống mày tới sống trọn đời ở Mac Alester.

– Ừ đúng nhỉ, – Joad nói. – Họ đã nói với tớ như vậy đó. Có điều ngồi ở đây, nghỉ ngơi hay ngủ dưới đất thì làm gì mà sợ chuyện rắc rối. Chả có gì xấu cả. Đâu phải như cái việc nốc cho say vào rồi làm chuyện dại dột.

Muley bật cười:

– Mày sẽ thấy thôi. Cứ ở đây đợi chiếc ô tô kia đến. Có thể đúng thằng Willy Feedly cũng nên, giờ hắn làm phó cho tên cảnh sát trưởng. "Tụi bay làm gì ở đây, trên đất của người khác, hả?", hắn quát. Dĩ nhiên, ai ai cũng biết thằng Willy là đứa hay chộ, thế là người ta đáp: "Cái đó việc đếch gì đến mày mà mày hỏi". Thế là Willy bắt đầu nổi đoá: "Cút đi không ông lại bỏ tù bây giờ". Dẫu sao lúc đó các cậu sẽ không chịu thua thằng Willy, lấy cớ là hắn nổi nóng và hắn sợ? Hắn đã bắt đầu chộ thì hắn phải chộ cho đến cùng, mặt khác các ông đã bắt đầu nổi nóng thì không thể rụt vòi lại được… ồ, thôi đi… Vả lại, nấp vào đám bông thì dễ hơn, có khó gì, rồi cứ để mặc chúng tìm kiếm. Cũng ngộ nữa, chả là chúng nổi điên mà không làm được quái gì, còn trong khi đó, các ông cứ mặc xác, cứ cho chúng sủa. Còn nếu các ông dám tranh cãi với thằng Willy hoặc với một thằng chủ, thì rốt cuộc các ông sẽ túm lấy hắn mà đánh vong mạng, còn chúng, chúng sẽ điệu cổ ông đi, tống ông đến ở Mac Alester. Mọt gông.

– Thực tình là thế, – Joad nói. – Cậu nói câu nào đúng câu ấy. Nhưng, mẹ kiếp, tớ không thích người ta hất nhào tớ. Nện cho hắn một trận như thế thích hơn nhiều.

– Hắn có súng ngắn, ông ạ! – Muley nói – mà hắn sẽ sử dụng vì hắn là cảnh sát. Lúc đó, hoặc hắn giết ông,

hoặc chính ông giết hắn. Thôi, Tommy chả khó gì mà mày không tự nhận ra, mày nằm nấp trong ruộng bông, tức là mày đã chơi xỏ chúng nó kia mà. Chung qui lại, mọi sự vẫn là mình biết mình hay chứ ai biết đấy là đâu? – Chùm sáng lại vọt lên trời, và nghe tiếng máy ầm ầm gần hơn. – Nào Tommy. Chả phải đi xa đâu, chỉ mười bốn mười lăm luống cày, rồi cứ nằm im mà nhìn chúng.

Tom đứng lên:

– Cậu nói có lý, lạy Chúa. Dẫu sao thì tớ cũng chả có lợi gì. – Thế thì, lại chỗ này, – Muley rẽ ở góc nhà, đi thẳng ra khoảng năm mươi mét trong ruộng bông.

– Ở đấy ổn lắm. Nằm xuống. Cậu chỉ phải cúi đầu xuống nếu chúng lia đèn chiếu ở kia. Một mặt nào đó, kể cũng thú.

Cả ba người nằm dài ra và nhỏm khuỷu tay lên. Muley bỗng bật dậy, chạy về phía căn nhà, một lát sau, y trở lại với một bọc quần áo, giầy dép.

– Không thì chúng sẽ xách đi, để trừng phạt mà!

Ánh sáng hiện ra trên đỉnh đồi và thọc sâu về căn nhà.

Joad hỏi:

– Thế chúng không cầm đèn pin tới đây tìm chúng ta ư? Giá như mình có một cái gậy nhỉ!

Muley cười rúc rích:

– Chẳng cần sinh chuyện. Tao đã nói với mày, tao ác như con chồn. Có một đêm, Willy cũng làm như vậy, từ phía sau tao cầm cái cọc, phang cho hắn một cú, Willy ngã nằm thẳng cẳng. Về sau, hắn ta kể rằng hắn bị năm thằng tấn công.

Chiếc xe đến trước nhà và một tia sáng toé ra:

– Cúi thấp xuống, – Muley nói.

Chùm ánh sáng trắng lạnh bay phía trên đầu họ và lia quét cánh đồng. Mấy người ẩn nấp không thể thấy một cử động nào nhưng họ nghe tiếng cửa xe lách cách và tiếng nói. Muley nói thì thầm:

– Chúng sợ phải đứng phía trước ánh sáng, một đôi lần tao đã nhằm vào đèn pha. Điều đó khiến thằng Willy đâm thận trọng. Tối nay hắn dẫn đứa nào đó đi với hắn.

Họ nghe tiếng chân bước dội vang vào khu ruộng, rồi nhìn vào phía trong nhà, họ nom thấy ánh sáng một chiếc đèn pin.

– Tao có nên bắn vào trong nhà không? – Muley nói trong hơi thở. – Chúng sẽ chẳng biết từ đâu bắn tới. Chúng buộc phải suy nghĩ.

– Làm đi – Joad nói.

– Đừng, – Casy thì thầm. – Chả ăn nhằm gì. Làm thế, cầm bằng phí công. Lúc định làm gì, suy nghĩ cẩn thận thấy có chút lợi ích gì đó thì hãy làm.

Có tiếng cào sàn sạt ở cạnh nhà.

– Chúng tắt lửa. – Muley thì thầm. – Lấy chân hất đất cát lên lửa.

Cửa ô tô kêu đánh cách, các đèn pha vẽ một đường cong rồi chĩa ra đường cái.

– Chú ý, núp xuống. – Muley nói.

Họ gục đầu xuống, chùm ánh sáng lướt qua phía trên đầu họ, và quét đi quét lại trên cánh đồng bông. Tiếp đó, chiếc ô tô chuyến bánh, xa dần, leo lên sườn đồi và

mất hút.

Muley ngồi lên.

– Mỗi lần, để kết thúc, thằng Willy đều phóng một luồng sáng. Hắn làm thường xuyên nên tớ biết đích xác lúc nào hắn làm. Và bao giờ hắn cũng tin rằng thế là khôn.

Casy nói:

– Có lẽ chúng để lại mấy thằng ở trong nhà, chúng mình quay lại là chúng tóm luôn.

– Có thể. Đợi tôi ở đây. Tôi biết bài bản.

Y lặng lẽ bỏ đi, các mô đất khe khẽ vỡ tan dưới bước chân y đi qua. Cả hai người đang chờ nghe tiếng y, nhưng y đã biến vào trong đêm đen. Sau một lúc, từ ngôi nhà y gọi họ:

– Chúng chẳng để lại ma nào cả. Trở lại đi.

Casy và Joad lại đứng lên và đi về các khối đen lù lù của ngôi nhà, Muley chờ đợi họ ở gần đám lửa mà họ đã đốt lên và bây giờ chỉ còn là đống tro than đang xông khói.

– Tôi đoán không sai, chúng đâu có để người lại, – y nói một cách tự hào – Cái đòn tôi nện cho thằng Willy và những chiếc đèn pha tôi đập bể đã khiến chúng mở mắt ra. Chúng chả hay biết là ai, mà tôi cũng chả cho chúng biết. Tôi không ngủ gần các nhà. Nếu các ông muốn theo tôi, tôi sẽ chỉ chỗ tôi ngủ ở một cái xó mà chẳng sợ có ai đụng phải mình.

– Cậu đi trước đi, – Joad nói. – Bọn tớ đi theo. Không bao giờ tớ lại nghĩ ngay trên đất cha ông mình mà mình lại trốn nấp. Mulley đi ngang cánh đồng. Joad và Casy đi theo y. Vừa đi họ vừa vấp phải một gốc cây bông. Họ

đi nối đuôi nhau, tới một cái khe và để mình dễ dàng trượt xuống lòng khe.

– Lạy Chúa, cuộc là mình biết chỗ này, – Joad nói. – Một cái hang trên bờ.

– Đúng quá. Tại sao mày biết?

– Chính tớ đã đào nó, – Joad nói. – Tớ và anh Noah tớ. Nói là để tìm vàng, nhưng thực ra, bọn tớ đào một cái hang, như trẻ con thường làm. Bờ vách của khe bây giờ đã ở phía trên đầu họ.

– Chắc không xa nữa. – Joad nói. – Tớ nhớ ra hình như là ở đấy.

Mulley nói :

– Tớ lấy cành lá phủ nó lại. Chẳng ai có thể tìm ra.

Lòng khe bằng phẳng dần, chân họ dẫm trên cát. Joad ngồi trên cát sạch.

– Tớ sẽ không ngủ trong hang, – anh nói. – Đã ngồi ở đây thì tớ ngủ đây, – Anh lấy áo cuộn tròn lại và luồn nó xuống gối đầu.

Mulley rút cái cành lá che lấp lỗ vào hang, rồi y luồn vào trong, y nói:

– Tớ, tớ nằm trong đó, tớ thấy thú. Tớ có cảm tưởng không ai tới đây bắt tớ.

Jim Casy ngồi trên cát gần Joad.

– Ngủ đi một tí, – Joad nói, – Rạng sáng chúng ta đến nhà chú John.

– Tao không ngủ đâu. Đầu óc tao ngổn ngang trăm thứ chuyện.

Ông ta co cẳng lên và khoanh lấy đầu gối. Ông ngửa đầu ra sau và nhìn sao lấp lánh. Joad ngáp dài và kê

đầu lên một bàn tay. Họ im bặt, và dần dần cuộc sống lén lút trong đất, cuộc sống ở các hang các lỗ, cuộc sống bụi bờ tiếp nối lại. Những đàn chuột nhắt rừng xục rục, bầy thỏ luồn đến chỗ những vệt màu xanh, đàn chuột nhắt leo lên các mô đất, và phía trên đầu chúng, các tay thợ săn có cánh lặng lẽ bay lượn chấp chới.

Chương VII

Trong các thành phố, trong các vùng ven nội thành phố, trên các cánh đồng, trên những khoảng đất bỏ hoang, có các kho xe đã sử dụng, các kho chứa phụ tùng cũ, các xe mang những quảng cáo hấp dẫn – Xe cũ, đẹp. Vận tải rẻ tiền. Ba xe mooc. Ford, 27, tốt. Xe đã thử nghiệm. Xe đảm bảo. TSF không mất tiền. Xe bán kèm thêm một trăm lít xăng biếu không. Xin mời vào, mời vào xem cho biết. Xe cũ. Không tính phụ phí.

Một lô đất bỏ không, một căn nhà đủ lớn để đặt một bàn giấy, một chiếc ghế và một cuốn sổ xanh. Từng chồng giấy hợp đồng quăn góc được kẹp lại bằng những móc cài, từng chồng giấy hợp đồng mới nguyên. Bút máy… Luôn luôn bút máy phải đầy mực, luôn luôn sẵn sàng để ngoáy. Người ta đã chứng kiến, có những đợt mua bán bị trật chỉ vì chiếc bút máy bị tắc.

Cái bọn chó đẻ kia chúng chẳng mua gì ráo. Chúng lượn từ kho này đến kho khác. Cái bọn tò mò ấm ớ. Suốt buổi chỉ trương mắt nhìn. Chúng không muốn mua xe, tổ làm mình mất thì giờ. Thì giờ của mình chúng đếch cần. Kia kìa, hai gã kia… không… hai gã với bọn nhóc kia mà, ấn chúng vào một xe. Mở đầu thách hai trăm, rồi bớt một chút. Xem ra chúng đương nổi, một trăm hăm lăm. Tán cho chúng xiêu đi. Cho chúng đi một vòng trên chiếc xe cà tàng kia. Cố ấn cho chúng một chiếc. Chúng nó làm mình mất thì giờ.

Các điền chủ, ống tay áo xắn lên. Kẻ bán hàng rành mạch, chí tử, đôi mắt bé sắc nhọn chực rình những phút mềm yếu. Hãy trông chừng mặt mụ vợ. Mụ vợ mà thích thì túm chặt được thằng chồng[9]. Ném chúng về

cái Cadillac kia. Chiếc Buick 26 để sau cùng. Đừng bắt đầu bằng cái Buick, vì như thế chúng sẽ sà vào cái Ford. Xắn tay áo lên, ra tay đi. Không kéo dài mãi được. Chỉ cho chúng xem cái Bash, còn tao, tao bơm lại cái Dodge 25, nó mất một bánh. Xong đâu đó, tao ra hiệu cho mày biết.

– Cái ông muốn, là một phương tiện chuyên chở, có đúng không nào? Nói chuyện phịa với các ông thì ích gì? Cố nhiên, đệm đã sờn mòn, nhưng đâu phải đệm làm cho bánh quay.

Những chiếc xe sắp thành hàng. Bộ tản nhiệt chìa ra phía trước, bộ tản nhiệt đã han rỉ, lốp bẹp dí. Đứng chít vào nhau.

– Có muốn lên thử cái kia không? Thì nhất định rồi. Dễ ợt. Để tôi đưa nó ra khỏi hàng.

– Phải cố níu chặt chúng. Thu xếp làm sao để chúng chiếm mất thì giờ của mày. Đừng bao giờ để chúng quên rằng chúng chiếm mất thì giờ của mày. Nói chung, thiên hạ tốt bụng lắm. Họ không muốn quấy rầy mày. Thu xếp làm sao cho họ phải quấy rầy mày, sau đó cứ ấn chiếc xe cà tàng vào tay chúng.

Từng hàng từng dãy xe. Ford cổ xưa, cao lồng ngồng, vênh váo, bánh xe cót két, đai sắt mòn. Buick, Nash, De, Xoto.

– Hoàn toàn thế, ông ạ, một Dodge 22, một cái xe chúa. Ông tin cho, Dodge trước kia không hơn được. Không mòn, sức nén thấp. Sức nén cao thì có khó chịu một lúc. Vả chăng, sắt thép chứ đâu phải là kim cương mà trụ được mãi. Plymouth, Rockne, Star.

– Mẹ kiếp. Ở đâu chui ra cái Apperson này? Từ thuyền cụ tổ Noe chắc? Lại một Chalmay với một

Chandler… Hàng bao nhiêu năm người ta không chế tạo nó nữa. Chúng ta đâu phải bán ô tô nữa… bán sắt vụn thì có. Dẫu sao vẫn phải mò cho ra mấy cái xe cà tàng. Tao không nói thách hăm lăm hay ba mươi đôla. Bán lại những 50, 75 đô. Thế là lời to còn gì! Lạy Chúa, một xe mới hẳn? Còn gì là lời lãi, nào? Kiếm cho ra mấy chiếc xe cà tàng mua nhanh, bán cũng chóng. Không quá 250. E. Jim, cái thằng đi trên vỉa hè kia, chộp lấy hắn cho tớ. Bõ công đấy, mày ạ: nom bộ nó ngu ngơ thế kia! Cố thử ấn cho nó cái Apperson. Quái, Apperson, nó biến đâu rồi? Bán rồi? Phải động cựa lên, tìm cho ra lại xe cà tàng, không thì chả có gì để bán nữa.

Cờ hiệu đỏ và trắng, trắng và xanh… dọc suốt vỉa hè. Xe cũ… Xe cũ còn tốt.

Xe hạ giá mới về… trên bục. Không bán nhưng người vẫn cứ kéo đến. Nếu phải bán tống bán táng nó, thì chả lời được một xu. Nói với họ xe vừa bán rồi. Khoan hẵng giao, tháo acquy ra đã, thay cho nó cái kia, cái bình điện chết ấy. Đ… mẹ, trả được mấy đồng xu nhép mà chúng còn đòi gì nữa? Xắn tay áo lên, dấn lên! Không mãi như thế này được. Tớ mà có kha khá loại xe tồi thì xem, sáu tháng nữa là tớ rút lui chả cần kinh doanh kinh diếc gì hết.

– Kìa, Jim, nghe phía sau chiếc Chevrolet thử nào. Chẳng khác nó đang ngào mảnh chai vỡ. Nhồi cho nó vài ba cân mạt cưa vào, nhồi cả vào hộp số nữa. Tớ phải bán tháo cái thùng phân này[10] này 35 đô. Cái thằng con nhà điếm! Thế là tao bị hố với hắn rồi. Tao bớt cho hắn 10 đôla hắn đòi bớt 15, thế rồi cái thằng chó đẻ, nó lôi tất cả dụng cụ ra. Trời ơi là trời, giá tao có được 500 chiếc xe cũ rích như thế này! Không thể

thế này mãi đâu. Sao? Hắn không thích mấy chiếc lốp? Nói cho hắn biết, chúng còn chứa hàng vạn dặm trong bụng chúng. Rồi bớt 1 đô rưỡi.

Từng chồng mảnh sắt ri tựa vào hàng rào, từng dãy những thứ phế liệu thảm hại phía trong cùng: chắn sốc, những phụ tùng đen kịt mỡ, những động cơ vứt lăn lóc dưới đất. Những cần hãm, những ống thông khí khoanh tròn như những con rắn. Dầu mỡ, xăng.

– Nhìn xem, mày có thể thấy cái bugi nào rạn nứt không. Lạy chúa, nếu tao mà có năm mươi cái xe giá dưới trăm đôla một cái ta sẽ vớ bẫm. Hắn còn kèo nèo cái gì nhỉ? Người ta bán xe cũ chứ không đẩy nó tới nhà cho hắn. Quảng cáo không phải thừa! Không đẩy chúng tới nhà. Tao nói cho mày biết. Tao thấy nó được quảng cáo trong tờ Nguyệt San. Mày tin hắn không có thớ[11] là khách hàng chứ? Thế thì tống khứ hắn đi… Còn bao nhiêu việc phải làm, hơi đâu mà mất thì giờ với một đứa không biết là hắn muốn gì. Hãy tháo săm lốp bánh trước bên phải của chiếc Graham Page kia đi. Xoay chỗ vá xuống dưới. Nhìn chung tốt mã đấy vải lót còn nguyên. Cái xe cò cử ấy đã ngốn năm mươi ngàn dặm rồi đấy. Chú ý luôn luôn tra dầu mỡ. Tạm biệt. Chúc may mắn.

– Ông tìm một chiếc xe hơi? Ý ông định thế nào vậy? Ông có thấy cái nào vừa ý ông không? Tôi chết khát mất. Ông không đi làm với tôi một chén ư? Loại tốt? Thôi, đi với tôi, trong khi bà nhà đang nhìn cái La Salle kia. Cái La Salle không hợp với ông đâu. Đệm ghế đã hỏng bét. Ăn nhiều dầu quá. Tôi có một Lincoln ở kia. Xe thế mới là xe. Chạy hết đời không hỏng. Có thể biến chế thành xe tải nhỏ.

Mặt trời nóng bỏng trên kim khí han rỉ. Dầu chảy

dưới đất. Người ta lượn lờ, ngơ ngác, tìm một chiếc xe.

– Các ông chùi chân đi. Đừng tựa vào xe này, bẩn lắm. Làm thế nào để mua một chiếc xe nhỉ?

Cái đó giá bao nhiêu? Cẩn thận, trông chừng, bọn trẻ con. Cứ hỏi, chả mất gì, không phải thế sao? Chỉ bảy mươi lăm đôla thôi, thêm một xu cũng không. Không thế thì chả còn gì để đi từ California.

– Mẹ kiếp, giá tôi có thể kiếm ra một trăm cái xe cũ. Chúng có chạy được hay không, tôi đếch cần.

Lốp mòn, lốp hỏng, chất chồng thành những ống tròn cao ngất. Săm đỏ, săm xám, treo lủng lẳng như khúc giồi lợn.

– Ông muốn cặp vành? Máy rửa phát điện? Máy khuyếch đại? Hãy bỏ viên thuốc nhỏ vào bình xăng, thứ này chạy thêm được mười vạn dặm nữa. Chỉ cần một lớp sơn mỏng, mất vẻn vẹn năm mươi xu, ông sẽ có một thùng xe mới. Ông muốn có gạt tuyết? Giây curoa gạt máy, gioăng nối culat? Có lẽ do van chăng? Thì thay chân nắp van đi. Mất năm xu mùi mẽ gì?

– Được rồi, Joe, mày cứ tán cho chúng nó mê tơi rồi đẩy chúng lại cho tao. Tao lo liệu, hoặc tao làm suôn sẻ hoặc phải giết một mạng. Đừng có mà đẩy tụi ăn mày tới đây. Phải là khách hàng hẳn hoi.

– Đúng thế, thưa ông, mời ông vào. Ông sẽ được món hời cam đoan là thế! Không dám nói đùa đâu. Tám mươi đôla là xong ngay.

– Tôi không thể trả hơn năm mươi được. Cái gã ở ngoài kia, hắn bảo tôi năm mươi.

– Năm mươi, năm mươi? Có mà hâm… Tôi đã cố chi ra bảy mươi tám đô rưỡi mới có được của nợ đó, Joe

ơi, đồ ngốc, mày muốn tao phá sản, hở? Tôi phải đuổi cổ nó mới được. Ông cứ trả sáu mươi xem. À, thôi, ông bạn ơi, tôi không muốn mất không cả một ngày. Quả thật tôi là người buôn bán nhưng đâu có thói cắt cổ khách hàng? Ông có cái gì đổi không?

– Có một cặp la, tôi, ông ta cùng đổi.

– La ư? Này, Joe, mày nghe nói gì không? Ông đây, ông muốn đổi la. Người ta không bao giờ nói với ông chúng ta đang sống ở thời đại máy móc hay sao thế? Ngày nay, ai còn dùng la nữa, trừ phi để làm keo dán[12].

– Năm con la đẹp… từ năm đến bảy tuổi thôi. Có lẽ đi tới chỗ khác ngó qua xem sao.

– Ngó chỗ khác! Ông đến đây lúc chúng tôi đang bận rối mù. Ông làm chúng tôi mất thì giờ, thế rồi ông định chuồn! Joe này, mày biết không, chúng ta đang có chuyện với bọn cờ bạc cò ke đây.

– Tôi không phải tay cờ bạc cò ke gì hết. Tôi cần xe hơi đi California. Cần phải có xe hơi.

– Được thế thì tôi là thằng thộn vậy. Thằng Joe có lúc nào mà không nói tôi là thằng thộn. Hắn nói, tôi mà không bỏ cái thói đem cho cái áo sơ mi cuối cùng, thì rồi chỉ có việc vào viện tế bần. Thế này nhé, tôi thử nói ông nghe tôi định làm sao… Tôi có thể bòn được năm đôla với những con la đó khi bán chúng làm thức ăn cho chó.

– Đổi la cho họ làm cái ăn cho chó thì tôi không chịu đâu.

– Thôi, cứ cho là tôi bòn được bảy hoặc tám đôla… Ta thoả thuận thế này nhé: Chúng tôi trả ông hai mươi đôla để lấy mấy con la. Cả xe nữa, đồng ý chứ? Ông trả

tôi năm mươi đôla, còn lại rồi ông ký giấy cam đoan trả dần mỗi tháng mười đôla.

– Nhưng ông đã nói chỉ có 80 đôla.

– Thế ông không hề nghe nói chuyện thuế má, bảo hiểm sao? Kể ra giá nó nhỉnh lên tí chút. Bốn hay năm tháng sau là ông hết nợ. Ký vào đấy. Chúng tôi sẽ lo liệu các việc.

– Được nhưng có nghĩa là tôi không biết….

– Ồ, ông nghe đây. Tôi đã tặng ông chiếc áo lót cuối cùng, còn ông thì làm mất hết thì giờ của chúng tôi. Nếu không giành thì giờ nói với ông đến vã bọt mép, dễ chừng tôi đã xong được ba đám khác rồi. Tôi ngấy lắm rồi đấy. Đúng thế, ký vào đây. Ổn rồi, này Joe hãy đổ đầy xăng cho ông, chúng ta biếu không xăng cho quí ông.

– Lạy Chúa, Joe ơi, làm ăn thế mới là làm ăn. Mua cái xe cà tàng kia, chúng ta mất bao nhiêu? Ba mươi đôla hay ba mươi lăm nhỉ? Có mấy con la này, nếu không bán được bảy tám mươi đôla thì cứ treo cổ tao lên. Tiền mặt năm mươi đôla, cho chịu bốn mươi. Chà tao biết, có phải ai cũng lương thiện cả đâu, nhưng Joe mày có tin không, có những thằng cha chúng nhổ toẹt[13] vào những thứ đó. Có một thằng cha, hai năm sau, đã gửi trả tao một trăm đôla… Tao cược với mày, gã này sẽ gửi tiền trả tao. Mẹ kiếp? Giá tao kiếm được năm trăm loại xe thổ tả thế này! Xắn tay áo lên, Joe! Tán riết vào, rồi đẩy chúng sang tao. Vụ này, lương cậu sẽ được hai mươi đôla. Làm ăn thế không phải là tồi đâu.

Những lá cờ hiệu mềm nhẽo dưới mặt trời chiều. Xe bán hạ giá hôm nay: Ford 29, chạy khỏe.

– Ông có năm mươi đôla, mà đòi chơi… Zephyr?

Lông bờm ngựa lòi ra ngoài đệm ghế, cản sốc méo mó gò lại bằng búa, chắn sốc long ra, khập khễnh. Roadsder Ford ba vạ[14] với những đen màu nhỏ bé ở tai xe, ở nắp phát điện, và ba cái ở sau. Những chắn bùn và một cái khâu lớn trên nắm tay cần số. Trên vải bạc bánh xe hình mẫu một cô gái xinh có tên là Cora. Ánh mặt trời buổi xế chiều trên cái chắn gió bụi bặm.

– Mẹ kiếp, không có thì giờ để ăn nữa. Joe ơi, bảo một thằng nhóc kiếm tao một khoanh xúc xích.

Tiếng gầm tung toé của những động cơ cũ.

– Mày bám sát cho tao, cái thằng ngốc đang nhìn chiếc Chrysler kia kìa. Liếc một chút xem trong túi quần hắn có tiền không. Cái bọn nhà quê này lắm khi cũng chả thật thà gì đâu. Làm cho chúng xiêu đi, rồi đẩy đến đây cho tao Joe ạ. Cậu được việc lắm Joe ạ. – Đúng thế, chính chúng tôi bán cái xe này. Bảo đảm ư? Bảo đảm đấy là một xe hơi. Chúng tôi đâu có bảo đảm săn sóc nó như săn sóc trẻ sơ sinh mới lọt lòng. A! Thế ra ông… ông nói đã mua một chiếc xe, rồi bây giờ ông đến đây kỳ kèo? Ông có trả tiền thiếu hay không, tôi cóc cần. Đã có Công ty cho vay đòi hộ. Chính họ sẽ truy tố ông, chứ không phải chúng tôi. Chúng tôi không giữ giấy tờ. A! Ra thế đấy! Được thôi, cứ thử giở trò đểu ra xem nào, tôi sẽ gọi cảnh sát ngay chứ tưởng! Thưa ngài, không ạ, chúng tôi không đánh tráo lốp, Joe, tống hắn ra ngoài. Hắn mua xe rồi bây giờ lại ỉ eo. Giả dụ tôi đặt một món biptêch, ăn hết một nửa tôi đòi giả lại, ông thấy có xuôi không, hở ông. Chúng tôi mở hiệu buôn bán xe hơi, không mở sở từ thiện. Không, chứ gì? Mày đã nghe thằng cha đó nói chưa, Joe? Này, nhìn xem kìa. Hắn có một cái răng Elk[15] đấy. Chạy nhanh

lên, dẫn chúng đến xem cái Potiac 36. Thế.

Nắp đậy xe hình vuông, hình tròn, nắp han rỉ, nắp lưỡi xẻng, vỏ thùng xe dài và cong, phía trước mặt dẹt và, hôm nay, hạ giá. Những con quái vật có đệm nhồi ngồi lọt thỏm… dễ dàng chế biến thành xe tải. Xe lăn hai bánh, trục han rỉ dưới ánh chiều gay gắt. Xe hơi cũ. Tốt, sạch sẽ, chạy khoẻ. Không hao dầu.

– Lạy Chúa, nhìn cái kia kìa! Thế mới gọi là bảo quản tốt. Cadillac, LaSalle, Buick, Plymouth, PacKard, Ford, Chevrolet, Pontiac. Hàng tiếp hàng, đèn pha lấp lánh dưới mặt trời xế chiều. Những xe tải cũ, tốt.

Joe, làm cho chúng xiêu đi. Mẹ kiếp, giá tao có một ngàn chiếc xe cà tàng! Tán riết vào, rồi để tao xoay sở.

– Ông đi California? Đấy, cái đấy mới cần cho ông. Nom nó có vẻ mệt mỏi, nhưng còn ngốn được hàng ngàn cây số, ông ạ.

Xếp hàng bên nhau. Xe cũ tốt. Món hời. Sạch sẽ. Chạy khoẻ.

Chương VIII

Giữa các ngôi sao, bầu trời trở nên xám, và mảnh trăng lưỡi liềm mảnh dẻ nom tái nhợt và huyền ảo. Tom Joad và ông mục sư bước nhanh ngang qua cánh đồng bông trên con đường mà giờ đây chỉ hằn những vệt bánh xe, vệt máy cày. Duy chỉ có bầu trời mờ ảo là sáng rạng ánh bình minh đang gần. Phía tây mờ mịt, một vạch ở phía đông. Hai người lặng lẽ cất bước hít thở thứ bụi cát đang tung lên dưới chân bước. Jim Casy nói:

– Tao hy vọng là mày biết mày đi đâu chứ? Khi ngày đã rạng tao chả thích mình đứng trơ ra chờ ma chờ quỷ nào đó, chả biết đâu mà lần.

Cánh đồng bông rộn rã cuộc sống đang thức giấc với tiếng đập cánh của chim mái đang mổ mổ dưới đất, của đàn thỏ hoảng sợ vụt chạy trốn. Tiếng chân dẫm đùng đục tung bụi, tiếng lào xào của các mô đất bị dẫm nát dưới gót giầy, bóp nghẹt những tiếng động bí ẩn của rạng đông.

Tom nói:

– Tôi có nhắm mắt cũng lần ra chỗ đi. Tôi chỉ đi nhầm đường khi nào tôi nghĩ nhiều đến nó. Cứ thẳng đường mà đi tội gì nghĩ ngợi cho mệt. Lạy Chúa, tôi sinh ra ở đây mà. Hồi còn nhóc con, tôi đã chạy khắp nơi xó xỉnh kia. Đằng kia có cái cây to, ông thấy không, khó mà nhận ra. Hồi xưa, bố tôi đã treo ở cái cây đó một con chó sói đồng cỏ chết. Nó cứ treo lơ lửng cho đến lúc nói như ai nói, tan chảy ra, rồi rơi xuống. Thật ra thì nó khô đét. Lạy Chúa, tôi hy vọng mẹ tôi đã bỏ cái gì vào nồi rồi. Bụng tôi đói quay đói quắt.

– Tao cũng vậy. Mày muốn làm một miếng thuốc lá không? Đỡ đói. Lý ra không nên đi quá sớm thế này. Tốt nhất là chờ sáng tỏ đã. – Ông ngừng lại cắn một miếng thuốc, – Tao đang ngủ ngon.

– Lỗi tại cái thằng Muley dở hơi. Hắn làm tôi phát cáu. Hắn đánh thức tôi dậy. “Tạm biệt Tom, tao đi đây. Tao phải đi thăm mấy chỗ xó xỉnh”. Rồi hắn nói thêm: “Tốt nhất là cả hai ông cũng nên đi đi thôi, như thế thì đến sáng, các ông đã rời cánh đồng rồi”. Hắn hâm nặng vì cứ sống như chuột chũi. Chẳng khác hắn đang bị người Indian bám sát gót. Ông có tin là hắn dở hơi không?

– Ấy tao không biết chắc nữa. Mày đã thấy chiếc xe hơi tối hôm qua đã mò đến khi ta nhóm lửa. Nhà đổ nát thế nào, chắc mày đã thấy. Có chuyện tệ hại đang xảy ra ở đây. Chẳng phải nghi ngờ gì nữa, hiển nhiên là thằng Muley đã hóa điên. Cứ lảng vảng rình mò như thế, như con sói đồng, ắt phải hóa điên. Có ngày rồi hắn sẽ giết một ai đó và người ta sẽ đưa chó săn truy lùng hắn. Tao có thể thấy trước điều đó chắc như đinh đóng cột. Hắn ngày càng điên thêm. Ra thế đấy, hắn không muốn đến với chúng ta?

– Không, – Joad nói. – Tôi tin là thấy người thì hắn sợ. Hắn mà đến với chúng ta thì kể cũng lạ. Mặt trời lên thì chúng ta sẽ tới nhà chú John.

Trong một lúc họ lặng lẽ bước đi; những con cú muộn màng bay về phía các nhà kho, các hốc cây, các bể chứa để tránh ánh ban ngày. Bầu trời phương đông vẫn nhạt dần, và người ta có thể phân biệt rõ cây bông và đất đang chuyển sang màu xám nhạt.

– Quỉ thật, tôi không sao tưởng tượng nổi làm thế nào họ có thể nhét tất cả vào nhà chú John được. Chú

chỉ có một căn buồng và một chái nhà dùng làm bếp và một nhà kho rộng bằng cái lỗ mũi. Chắc phải như nêm cối.

– Tao còn nhớ đâu như chú John không có gia đình thì phải. Ông ta ở một mình, đúng không? Tao không nhớ rõ lắm.

– Trên đời này, không ai sống bơ vơ cô độc như ông ta, – Joad nói. – Vả lại ông ta cũng hơi hâm hâm… hơi như Muley, nhưng một số mặt thì tệ hơn. Người ta có cơ bắt gặp ông khắp nơi, say mèm hoặc thăm thú một mụ góa, ở cách hai mươi dặm, hoặc thắp đèn làm đất. Hâm hẳn. Thiên hạ nhất loạt đều cho ông ta không sống lâu. Một người cô độc như vậy thì làm sao sống lâu được. Nhưng chú John nom già hơn bố tôi. Có điều mỗi năm qua đi, chú lại thêm khô đét và tiều tuy hơn. Tiều tụy hơn ông nội.

– Hãy nhìn ánh sáng đang đến kia kìa, – Casy nói. – Chẳng khác bạc. Mà John không có vợ con sao?

– Có chứ, đã lập gia đình, mà có gia đình mới càng rõ chú ấy là người như thế nào, ăn ở ra làm sao. Chính bố tôi đã kể tôi nghe. Hồi ấy, chú John có một người vợ trẻ. Lấy nhau được bốn tháng. Đã có chửa. Một đêm thím thấy bụng đau quặn, thím nói: "Mình nên đi tìm thầy thuốc". Nhưng chú John cứ ngồi đấy bình chân như vại. Chú nói: "Mình đau bụng, đơn giản thế thôi. Mình bị bội thực. Gì cũng nhét vào dạ dày và rồi thấy đau bụng, thế thôi". Ngày hôm sau, đến trưa thì thím nói mê sảng, đến bốn giờ chiều thì chết.

– Bị gì vậy, – Casy hỏi, – Ăn thứ gì ngộ độc hay sao?

– Không phải, đơn giản là có cái gì đó đã bục trong bụng thím. Đau ruột thừa hay đại loại thế. Thế là, chú

John xưa nay vẫn từng thây kệ sự đời, lúc đó đâm ra thế nào ấy. Chú coi như mình đã phạm tội lỗi và một thời gian lâu, chú chả còn muốn chuyện trò với ai nữa. Chú chỉ đành đi lang bạt khắp nơi như thể không thấy gì hết, rồi chú có cầu nguyện chút đỉnh. Phải mất hai năm chú mới hồi phục, hơn nữa, lại không còn như trước. Hơi ngớ ngẩn. Cuối cùng thì chả ai chịu nổi. Lúc bọn tôi còn bé, mỗi lần bị giun sán hay đau ruột, thế nào chú John cũng đi tìm thầy thuốc. Có lần bố tôi nói chú thôi chuyện đó đi. Bọn trẻ con, chúng cứ là đau bụng suốt. Chú, chú hình dung chính lỗi tại chú nên vợ chú mới chết. Con người thật ngộ. Cứ bỏ thì giờ ra để đem ân huệ cho thiên hạ, như để chuộc tội… cho trẻ con thứ này thứ nọ, đặt một túi bột mì ở cửa nhà ai đó. Có gì, chú cho gần hết nhưng nào có được sung sướng! Nhiều lần, chú đi dạo một mình ban đêm. Nhưng dẫu sao cũng là tay trồng trọt giỏi. Ruộng của chú được chăm sóc tốt.

– Tội nghiệp cho ông ta, – mục sư nói, – Sống cô độc, tội nghiệp. Khi vợ chết, ông ta có năng đi nhà thờ không?

– Không, không hề. Ông không muốn lại gần thiên hạ. Ông muốn sống một mình. Không có đứa bé nào là không mê ông. Nhiều lần ông tới nhà vào đêm muộn, bọn tôi biết là ông đã đến, chả là ông vừa bước vào thì đã có một gói kẹo cao su trên giường, cạnh mỗi đứa chúng tôi. Bọn tôi coi ông như Chúa phúc đức hiện hình.

Người mục sư cắm cúi bước. Ông không đáp lại. Ngày đang lên toả một chút sáng mờ mờ trên trán ông, đôi bàn tay đung đưa hai bên hông, lung linh trong ánh sáng.

Tom cũng im bặt, như thể xấu hổ vì đã nói những chuyện quá thân mật. Anh gấp bước và người mục sư cố bước kịp ngang hàng. Bây giờ họ bắt đầu phân biệt được các sự vật ở phía xa xa, xám nhạt. Một con rắn chậm rãi luồn ra ngoài đám ruộng bông và trườn qua đường. Tom chặn phắt nó lại và nhìn kỹ:

– Con rắn ăn chuột đồng, – anh nói. – Để kệ nó.

Họ đi qua cạnh con rắn và tiếp tục đi. Một sắc đậm hiện ra ở phương đông và liền ngay đó ánh sáng của bình minh giăng trải trên vùng quê. Ánh sáng càng đậm thì khuôn mặt của Joad hình như sẫm lại.

– Lúc này là lúc hay nhất, – Joad nói khẽ – hồi còn bé, cứ trời thế này là tôi dậy một mình đi dạo… Có cái gì phía trước chúng ta ấy nhỉ?

Một hội đồng những con chó nhóm họp trên đường để tôn vinh một con chó cái. Năm chú chó đực loại chó chăn cừu và chó côlây – giống nòi loại này đã mờ nhạt đi, kết quả của một đời sống quần tụ rũ sách mọi định kiến – chúng đang ve vãn ả chó cái. Mỗi con chó đực nhã nhặn hít ngửi, đứng dừng lại trước một cây bông, nghiêm trang giơ một cẳng sau lên rồi tè, xong xuôi rồi thì quay trở lại hít hít ngủi ngửi. Joad và người mục sư dừng lại để nhìn và đột nhiên Joad cười phá lên vui vẻ:

– Lạy Chúa! Lạy Chúa!

Bây giờ thì tất cả lũ chó đã nhóm lại, xù lông, vừa kêu ư ử vừa gầm ghè nhau, mỗi chú chờ đợi chú khác mở đầu cuộc ẩu đả. Một chú leo lên phủ con chó cái và, thấy sự đã rồi, các chú khác đành đứng lảng ra và quan sát sự việc một cách hứng thú, lưỡi thè lè và rỏ rãi. Hai người tiếp tục cuộc hành trình.

– Lạy Chúa! – Joad nói. – Tôi tin là cái con đực đang

phủ lên con cái, chính là con Flash! – Anh lại bắt đầu cười, – nói thế chứ tôi mà như nó thì người ta có gọi tôi, tôi cũng chả nghe tiếng!… Nhân đây tôi nhớ lại một câu chuyện người ta kể về thằng Willy Freely hồi hắn còn trẻ. Willy là đứa nhát gan, rụt rè ghê gớm. Thế này nhé, có một hôm hắn dẫn con bò cái tơ đến cho con bò mộng nhà Graves. Ai nấy đều ra hết, chỉ còn lại Elsie Graves. Mà Elsie thì chả rụt rè tí nào. Willy đứng đực ra đấy. Mặt đỏ dừ, không thể mở miệng ra được. Elsie nói: "Em biết anh đến làm gì rồi! Con bò đực ở sau chuồng ấy". Thế là họ dẫn con bò cái vào, Willy và Elsie ngồi trên hàng rào chắn để nhìn. Chả mấy chốc mà thằng Willy thấy nóng rực cả người. Còn con bé nhìn y và làm bộ không biết gì liền hỏi: "Anh làm sao thế, Willy?" Willy đang bốc lửa và khó mà ngồi yên, "Lạy Chúa, Lạy Chúa, tôi cũng muốn làm như vậy!" Elsie bèn nói: "Thì ai ngăn anh, hở Willy, con bò cái tơ đó là của anh mà".

Mục sư cười khe khẽ:

– Mày biết đấy, không còn là mục sư nữa thì thật là dễ chịu. Trước kia người ta không kể với tao những chuyện như thế, hoặc giả, có kể thì tao cũng không thể cười được. Tao không thể chửi thề được. Bây giờ tao thích thì tao chửi thề, và khi thấy thèm chửi thề thì đâm ra dễ chịu.

Ở phương Đông, chân trời đỏ rực và dưới đất, chim chóc bắt đầu cất tiếng kêu chiêm chiếp, lảnh lói.

– Ông nhìn kìa, – Joad nói. – Thẳng trước mặt chúng ta ấy. Đó là cái bể chứa nước của chú John. Tôi không thể thấy cái động cơ gió của chú ấy, nhưng chính đó là bể chứa, in rõ trên nền trời, ông thấy chứ? – Anh rảo bước. – Không biết tất cả họ có đấy không?

Cái khối của bể nước sừng sững trên chỗ cao. Trong

lúc vội vã, chân Joad hất lên một đám bụi mù bao quanh đầu gối anh.

– Tôi tự hỏi chẳng hay mẹ tôi…

Bây giờ họ trông thấy những trụ chống của bể nước và ngôi nhà, một thứ hộp vuông nhỏ bằng gỗ thô trần trụi và nhà kho co rúm dưới các mái thấp trệt. Khói thoát ra từ ống khói bằng kẽm. Trong sân, ngổn ngang cả một đống lộn xộn những đồ gỗ chồng chất, cánh và động cơ cối xay nước, giát giường, bàn ghế, tủ…

– Lạy Chúa, họ chuẩn bị ra đi rồi, – anh nói.

Trong sân có một chiếc xe tải, cao lêu nghêu, nhưng là một chiếc xe tải lạ lùng, bởi phía trước nhắc nhở đến dáng chiếc xe hòm kín thì mui xe bị cắt làm đôi ở chỗ giữa còn sàn xe thì chắp vào đó. Lúc tới gần, hai người nghe những tiếng búa từ sân dội tới, vừa đúng lúc bờ của mặt trời lóa mắt nhô lên phía trên chân trời, ánh sáng đổ xuống chiếc xe tải và soi cho họ thấy bóng một con người và ánh chớp loé của một chiếc búa đang giơ lên hạ xuống. Mặt trời chiếu vào các cửa sổ. Những tấm ván hư hỏng vì mưa nắng, lấp loáng. Hai con gà con lông tía vẩy và trên nền đất và bừng đỏ dưới ánh mặt trời.

– Đừng kêu. – Tom nói. – Đi ren rén cho họ phát hoảng một mẻ. Nói rồi, anh bước nhanh đến nỗi cát bụi tung lên đến ngang thắt lưng. Anh tới rìa ruộng bông. Bây giờ họ đang đứng trong sân chính, đất dầm kỹ, lơ thơ đây đó mấy túm cỏ bị bụi phủ. Rồi Joad bước chậm lại, tưởng hồ anh sợ phải đi quá xa lên phía trước. Người mục sư theo dõi anh, cũng đi chậm lại theo sau anh. Tom thong thả tiến lên, đi quanh chiếc xe tải một cách ngại ngùng. Đây là một chiếc xe hòm Hudson Super mà mui đã bị người ta dùng đục xẻ đôi. Đứng

trong xe, già Tom Joad đang lấy đinh đóng những thanh gỗ cuối cùng ở cả hai thân xe. Khuôn mặt ông xám, râu ria xồm xoàm, cắm cúi xuống công việc, mấy cái đinh ông cặp ở miệng tòi ra ngoài. Ông đặt một chiếc đinh, rồi lấy búa nện một nhát sâu. Trong nhà, có tiếng một cái vòng đệm lò bếp kêu lách cách và một đứa bé cất tiếng khóc. Joad tựa vào xe. Bố anh nhìn anh nhưng không thấy anh. Ông lại đặt một chiếc đinh khác và lại đóng. Một đám bồ câu từ thành bể bay tung lên, lượn một vòng rồi lại sà xuống đậu như cũ. Chúng khệnh khạng lại gần để nhìn, bồ câu trắng, xanh, xám, cánh ngũ sắc lấp lánh.

Joad túm lấy chắn thành xe phía dưới của xe tải. Anh ngước mắt nhìn ông già tóc hoa râm đứng trên xe. Anh đưa lưỡi liếm đôi môi dày và khẽ gọi:

– Bố!

– Mày muốn gì? – ông già Tom càu nhàu qua túm đinh ngậm miệng. Ông đội một chiếc mũ phớt cũ, bẩn, một chiếc áo gilê không khuy mặc ngoài chiếc áo sơ mi lao động màu xanh. Nịt quần là một giây curoa yên ngựa trơn bóng vì dùng lâu ngày; giày của ông bị nứt nẻ, đế phồng lên, đầu mút cong ngược như chiếc thuyền sau những năm tháng nắng mưa, ẩm ướt và bụi bậm. Đôi ống tay áo lót ôm chặt lấy cánh tay rắn chắc. Hông mảnh dẻ, bụng lép, đôi cẳng ngắn nặng nề nhưng khoẻ. Khuôn mặt chữ điền với một bộ râu lốm đốm bạc, hình như sệ xuống phía cằm. Một cái cằm mạnh mẽ, nhô ra, khuôn theo bộ râu quai nón và tới chỗ này thì râu đỡ sẫm hơn và do đó quai hàm thêm bạnh và nặng nề. Ở lưỡng quyền mà râu không mọc lan lên được, nước da ngả sang màu nâu như cặn thuốc bẩn, và ở khoé mắt luôn nhấp nháy, hằn lên những ria quạt.

Đôi mắt màu nâu như hạt cà phê, và khi ông nhìn vào đâu đó thì ông nghển cổ ra vì đôi mắt tối sầm và long lanh đã kém. Đôi môi mảnh và đỏ ngậm chiếc đinh to.

Ông đang giơ búa lên chuẩn bị đóng chiếc đinh khác, thì bỗng ông sững lại, và qua thành xe, ông nhìn Tom với vẻ khó chịu vì bị gián đoạn. Rồi ông nhô cằm, nhìn thẳng vào mặt Tom. Đầu óc ông sáng dần và cằm ông nhận ra. Chiếc búa từ từ hạ xuống, ông đưa tay trái rút mấy chiếc đinh ngậm ở miệng. Vẻ lạ lùng, ông nói như tự nhủ: "Thằng Tom…". Và rồi vẫn như để tự bảo với mình:

– Ra là thằng Tom… Thằng Tom đã về.

Miệng ông lại há ra, một ánh hãi hùng lướt qua đôi mắt:

– Tommy, – ông nói dịu dàng, – con vượt tù sao? Có phải trốn đi không?

Ông thờ đợi vẻ căng thẳng.

– Không, bố ạ. – Tom nói. – Con đã hứa, họ đã thả con. Con được tự do. Có tất cả giấy tờ đây.

Anh bám vào những chấn song phía dưới xe và ngước nhìn lên. Già Tom nhẹ đặt chiếc búa xuống đất và bỏ đinh vào túi. Ông bước qua thanh chắn và ông mềm người tuột xuống đất, nhưng một khi đứng gần đứa con trai, hình như ông đâm ra bối rối và có vẻ lớ ngớ.

– Tommy, – ông nói, – nhà ta đi California. Nhưng sắp viết để báo cho con hay. – Rồi ông nói mà như vẫn không tin có chuyện đó. – Nhưng con đã về đây rồi. Con có thể đi cùng gia đình, nhất định là có thể!

Trong nhà nghe có tiếng nắp bình cà phê sập xuống.

Ông già Tom ngoái nhìn ra sau.

– Ta cho họ đớ ra một mẻ, – ông nói, đôi mắt lấp lánh háo hức. – Mẹ con cứ nghĩ quẩn là bà ta sẽ không bao giờ còn trông thấy được con nữa. Bà vẫn làm ra vẻ bình tĩnh như khi trong nhà có ai chết. Chút nữa thì bà không muốn đi California nữa đấy, vì sợ không gặp lại con. – Một lần nữa có tiếng chiếc vòng ghế lò kêu lích kích. – Đi, cho họ sửng sốt một mẻ. Cứ vào tự nhiên như thể chưa bao giờ con rời khỏi nhà. Thử xem, mẹ con sẽ nói gì.

Cuối cùng ông sờ vào Tom nhưng chỉ rụt rè động vào vai anh con, rồi lại bỏ tay xuống. Ông nhìn Jim Casy.

Tom nói:

– Chắc bố còn nhớ ông mục sư. Ông ấy đến thăm chúng ta.

– Ông ta cũng bị tù, hay sao?

– Không. Con gặp ông ta trên đường cái. Ông ấy đang định đi xa.

Bố trịnh trọng xiết chặt tay khách.

– Rất mừng được ông đến chơi nhà.

Casy nói:

– Được đến đây, tôi mừng lắm. Thấy được cảnh một chàng trai trở về nhà, thật bõ công.

– Về nhà! – Bố tôi chua chát.

– Về với gia đình, – Casy nhanh miệng nói chữa. – Chúng tôi đã qua đêm trong nhà cũ của ông.

Bố nhô cằm ra, quay lại nhìn ngôi nhà trong chốc lát. Rồi ông quay về phía Tom.

– Làm thế nào được nhỉ? – Ông nói rất băn khoăn. –

Giả dụ tao vào và nói: có hai gã muốn được ăn trưa? Hay thế này hay hơn, mày cứ vào, đợi cho mẹ trông thấy mày? Mày nghĩ thế nào? – Khuôn mặt của ông sôi nổi vì háo hức.

– Không nên khiến mẹ con bị choáng, – Tom nói. Không nên khiến mẹ sợ, Bố ạ.

Hai con chó chăn cừu gầy giơ xương, linh lợi, đi gần, cho tới lúc chúng ngửi thấy hơi người lạ. Thế là chúng lùi lại, thận trọng chăm chú, đuôi khẽ ve vẩy, nhưng mắt và mõm thì sẵn sàng tấn công hoặc thủ thế. Một con vươn cổ ra tiến sang bên, sẵn sàng bỏ trốn, và dần dần tới cẳng Tom hít hít một cách lộ liễu. Rồi nó lùi lại đợi ở ông bố một dấu hiệu nào đó. Con chó kia không bạo dạn đến thế. Nó tìm một cái gì đó để khỏi mất thể diện, nom thấy một con gà lông sắc hung đang cành nành đi gần đó, nó chạy tới vồ. Nghe tiếng kêu chiếp chiếp phẫn nộ của chú gà, mấy túm lông nâu bay loà xoà và con gà bỏ trốn trong tiếng đập cánh hoảng hốt. Con chó kiêu hãnh nhìn mấy người rồi vẻ hỉ hả, nó gieo mình lăn lê trong bụi đất, đuôi đập đập trên đất.

– Đi – Bố nói. – Giờ thì vào đi. Để Mẹ trông thấy mày. Tao muốn nom mặt bà ấy khi bà ấy thấy mày. Đi. Xúp sắp được rồi, bà ấy sẽ gọi toáng lên bây giờ. Từ nãy tao đã thấy bà bỏ thịt lợn ướp muối vào chảo.

Ông dẫn họ đi qua cái sân lấm bụi đất mịn. Nhà không có hiên, chỉ một bậc lên là tới cánh cửa, gần cửa, một cái thớt mặt xỉn lại do những năm tháng bị băm thái. Bụi bặm ăn mòn lớp gỗ mềm, các thớ gỗ ở bề mặt nổi lên. Mùi gỗ liễu cháy phảng phất trong không khí, và khi ba người tới gần cửa, mùi thịt lợn, mùi bánh nóng và mùi cà phê ngào ngạt sôi trong bình toả ra. Bố bước tới ngưỡng cửa để ngỏ và dừng lại, cả thân hình

to lùn của ông chắn lối ra vào. Ông lên tiếng:

– Mẹ nó này, có hai gã vừa ở ngoài đường cái tới đây, họ phân vân không biết nhà ta có thể cho họ chút gì để ăn không.

Tom nghe tiếng mẹ nói, tiếng kéo dài, tươi mát, trầm tĩnh, thân tình và khiêm nhường:

– Mời họ vào, – bà nói, – Thừa ăn. Bảo họ phải rửa tay đi. Bánh nướng rồi. Tôi đang múc thịt ra đây. – Và tiếng mỡ lèo xèo cáu giận từ bếp lò vẳng ra.

Bố bước vào, để cửa thông thoáng, và Tom nhìn mẹ. Bà đang vớt những tảng mỡ to ở cháo rán ra. Cửa lò mở và những chiếc bánh nóng sắp hàng dài trên một tấm tôn. Bà nhìn qua cửa những ánh mặt trời chiếu phía sau lưng Tom nên bà chỉ nhìn thấy một cái bóng đen lồ lộ trong ánh nắng vàng lấp lánh. Với một cái gật đầu dễ mến bà nói:

– Mời vào. Cũng may là sáng nay tôi nướng nhiều bánh.

Tom đứng nhìn vào trong nhà. Mẹ đẫy người, nặng nề sau bao lần chửa đẻ và lao động, nhưng không xồ xề. Bà mang một chiếc áo choàng bông chùng bằng dạ xám, xưa có điểm hoa tô mày nhưng nay đã bạc phếch, đến nỗi hình hoa bé tí chỉ còn chút xanh mờ nhạt hơn nền vải. Chiếc áo dài chấm xuống tận mắt cá, đôi bàn chân khoẻ và để trần của bà cử động nhanh, thanh thoát trên nền nhà. Mái tóc thưa, xám thiếc, búi thành một túm gầy nhom phía sau gáy. Đôi cánh tay khoẻ, điểm những vết hoe hoe để trần tới khủy tay, đôi bàn tay mập mạp và giống như bàn tay một em bé gái béo tròn. Bà nhìn vào ánh nắng. Khuôn mặt đầy đặn không lộ vẻ uể oải mà cương quyết và phúc hậu. Đôi mắt màu

hạt dẻ hình như đã trải qua tất cả những tấn tuồng bi đát và cũng leo lên bấy nhiêu bậc thang của những nỗi nhọc nhằn xót xa tới những vùng cao vợi của sự trầm tĩnh và sự hiểu thấu siêu phàm. Hình như với niềm vui, bà nhận biết, chấp nhận và tiếp đón vai trò của bà là bức thành luỹ của gia đình, là nơi nương tựa bất khả xâm phạm. Già Tom và con cái không thể biết thế nào là đau khổ hay sợ hãi, nếu như chính bà không chấp nhận sự sợ hãi và đau khổ này, mà bà thì đã có thói quen không chấp nhận như thế. Bởi lẽ, lúc gặp một điều gì may mắn, họ nhìn bà để xem liệu niềm vui có thấm vào bà hay không, lúc đó cũng theo thói quen bà cười, cười ngay dù lý do để cười thì chả nhiều gì. Nhưng tốt hơn niềm vui, là sự trầm tĩnh. Trầm tĩnh, đó là điều người ta có thể dựa vào. Từ một địa vị lớn lao và hèn mọn trong gia đình, bà có được sự trang nghiêm và một vẻ đẹp thanh khiết điềm đạm. Là người chữa bệnh, đôi tay của bà đã trở nên vững vàng tươi mát, thanh thản; là trọng tài, bà trở nên lạnh lùng và như một thần nữ bà không thể sai lầm. Hình như bà có ý thức rằng nếu bà chao đảo, thì cả gia đình sẽ rung chuyển, và nếu một ngày nào đó bà suy yếu hoặc tuyệt vọng thật sự, cả gia đình sẽ sụp đổ, toàn bộ ý chí hoạt động của họ sẽ bị tan biến.

Qua sân chói loà nắng bà nhìn cái bóng sầm tối của gã đàn ông. Bố đứng gần đấy, run rẩy vì sốt ruột.

– Mời vào, thưa ông. Xin mời vào, – bà nói.

Và Tom hơi lúng túng, bước qua cửa, mắt bà đang cúi xuống chảo mỡ bèn dịu dàng ngước lên, chiếc nĩa rơi tõm xuống nền nhà. Bà mở tròn xoe đôi mắt. Bà thở mạnh, miệng mở rộng. Bà nhắm mắt lại. Bà nói:

– Tạ ơn Chúa. Ôi! Xin tạ ơn, lạy Chúa! Con xin tạ ơn

Chúa! – Nhưng đột nhiên khuôn mặt bà trở nên lo lắng, – Tommy, họ không truy lùng lại con chứ? Con không vượt tù chứ?

– Không, mẹ ạ. Tự do tạm thời. Con có đủ giấy tờ đây. – Anh đưa tay sờ lên ngực.

Bà bước lại gần con, uyển chuyển, lặng lẽ. Khuôn mặt bà rạng rỡ. Bà đưa bàn tay nhỏ bé sờ sờ cánh tay của con, nắn nắn cái rắn chắc của cơ bắp anh. Rồi những cánh tay như ngón tay người mù của bà lần lên trán con.

Tom cắn chặt môi dưới. Đôi mắt của mẹ anh lạ lùng hướng về chiếc môi bị cắn và bà nom thấy ở kẽ hai hàm răng một tia máu và trên môi một giọt máu long lanh. Thế là bà hiểu, bà lấy lại bình tĩnh và buông thõng tay xuống. Bà nói qua hơi thở mạnh.

– Thế đấy, chỉ ít bữa là nhà ta ra đi mà không có con. Ai cũng tự hỏi làm thế nào mà con có thể tìm thấy lại gia đình trên thế giới này.

Bà lượm chiếc nĩa lên, gạt gạt trong mỡ và vớt ra một cuộn thịt ròn. Rồi bà đẩy bình cà phê đang sôi về phía đáy lò bếp.

Già Tom cười khúc khích:

– Hả? Bà bị mắc lừa phải không? Bố con tôi đùa tếu đánh lừa bà một chút coi, thế là bà bị một vố. Cứ đớ ra như con cừu bị đập chết. Giá mà ông ở đây thì hay biết mấy. Chẳng khác gì bố con tôi giáng cho bà một búa vào mắt toé đom đóm. Ông nội sẽ vỗ đùi đen đét đến vỡ hông… như cái ngày ông thấy thằng Al bắn một phát vào chiếc máy bay quân sự. Mày biết không, Tommy, hôm ấy nó bay ầm ầm trên đầu bọn tao. Dài ơi là dài, năm trăm mét kia! Thế là thằng Al sách súng ra tương

cho nó một tràng. Ông bèn gào tướng: “Al, đừng có bắn vào chim non, đợi cho nó có thì giờ nhớn lên đã”, nói xong ông vỗ đùi đánh đét một cái, thế là sái mẹ nó cái hông!

Mẹ cười phá lên rồi lấy một chồng đĩa bằng sắt tây trên giá.

Tom hỏi:

– Ông ở đâu? Con chưa thấy ông cụ ranh ma của con[16].

Mẹ xếp chồng đĩa lên bàn nhà bếp và thu dẹp các tách sang bên. Bà tâm sự:

– Ồ! Các cụ ngủ trong nhà kho, cả Bà nữa. Đêm các cụ hay thức dậy quá. Cứ vấp ngã hoài vào lũ trẻ con.

– Đúng rồi, đêm nào ông cũng cáu giận. Ông vấp phải thằng Wilfield, nó bèn gào om sòm, thế là ông tức lồng lên, đái cả ra quần, ông lại càng nổi giận và chả mấy nỗi cả nhà cứ ầm ĩ đến váng óc – Tiếng Bố nói xen giữa những tiếng cười khoái trá. – Ô! Vui đáo để. Có một đêm, lúc mọi người đang gào, đang chửi thì thằng em mày, thằng Al – giờ thì nó ranh lắm – thằng Al nổi cáu: “Mẹ kiếp, ông ơi, sao ông không đi mà sống ở đâu đó để làm tướng cướp?” Thế là mày xem, ông sôi tiết, vội đi tìm súng. Đêm đó, thằng Al phải ngủ ngoài trời. Nhưng bây giờ Ông Bà ngủ trong nhà kho.

Mẹ tiếp:

– Như thế, lúc các cụ muốn ra ngoài là ra được ngay. Bố nó à, ông chạy đi báo cho các cụ biết Tommy đã về. Con nó mến ông nội nhất.

– Đúng đấy. Lẽ ra tao phải làm thế rồi.

Ông đi ra, vượt qua sân, đôi cánh tay vung vẩy

mạnh.

Tom nhìn ông đi ra, rồi để ý nghe tiếng Mẹ đang rót cà phê. Mẹ không nhìn anh.

– Tommy ạ, – bà nói, ngập ngừng, rụt rè.

– Dạ! Sao kia, Mẹ?

Cũng bị lây truyền bởi mẹ, anh cảm thấy rụt rè, bối rối đến lạ lùng. Cả hai đều biết mình rụt rè, họ biết như vậy nên càng rụt rè hơn.

– Tommy ạ, mẹ phải hỏi con… con không oán giận đấy chứ?

– Oán giận gì hở Mẹ?

– Ờ, tự con để cho lòng oán giận đầu độc. Con không căm thù ai đấy chứ? Ở nhà tù kia, họ không làm gì để con hư hỏng đi, phải nổi điên lên, chứ?

– Kh..ô..ô..ng. Có bị như thế một thời gian. Nhưng không như nhiều kẻ khác, con không lấy thế làm kiêu hãnh đâu. Con để cho nó trôi tuột đi, coi đó như chuyện vớ vẩn. Có chuyện gì thế, Mẹ?

Bây giờ bà nhìn con, miệng mở như để nghe cho rõ hơn, mắt nheo lại để tìm hiểu hơn. Khuôn mặt của bà tìm câu trả lời luôn luôn ẩn nấp sau từng lời. Bà bối rối:

– Mẹ có biết Pretty Bay Floyd[17]. Mẹ quen mẹ hắn. Họ là những người tử tế. Cũng sống như mọi thanh niên tốt bụng khác, hắn ngông cuồng như bị quỷ ám. – Bà ngừng lời, rồi nói vội. – Dĩ nhiên, có những uẩn khúc gì trong đó mà mẹ không biết, nhưng mẹ biết rõ hắn. Hắn đã phạm phải chút gì đó, rồi họ hành hạ hắn, họ đã bắt hắn, họ ngược đãi hắn khiến hắn phát khùng, ít lâu sau, hắn phạm phải cái gì đó nặng hơn. Họ lại càng ngược đãi hắn. Thế là hắn điên lên, đâm ra độc ác.

Họ bắn vào hắn như bắn vào một con vật nhơ bẩn, hắn chống trả, họ săn lùng hắn như săn chồn còn hắn thì nhe răng nhe lợi bắn trả. Hắn giận phát điên. Đâu phải là một thằng thanh niên nữa, cũng không phải một con người. Thật sự hắn đã hóa dại. Nhưng những ai biết hắn thì không làm hại hắn. Hắn chẳng có chuyện gì với họ. Cuối cùng người ta vây hắn và giết hắn. Báo chí nói về hắn nào là hắn độc, nào là hắn ác, đủ thứ chuyện. Mặc họ… Chuyện xảy ra là như thế. – Bà ngừng nói, liếm đôi môi khô ráo, và khuôn mặt của bà căng thẳng nỗi lo âu. – Tommy, mẹ phải biết, họ có tệ với con lớn không? Họ có làm con điên lên như thế không? Tommy?

Đôi môi dày của Tom mím chặt lại. Anh cúi mặt nhìn đôi bàn tay to và bẹt.

– Không. Con không như thế đâu. – Anh ngừng lại, xem xét những cái móng bị dập vỡ, có vân như vỏ sò – Suốt mấy năm trong lao, con cố gắng tránh những chuyện như vậy. Con chả nóng giận đến thế đâu.

Bà mẹ thở dài rất khẽ:

– Tạ ơn Chúa!

Anh nhanh chóng ngước mắt lên:

– Mẹ ơi, khi con thấy vì bọn chúng mà nhà ta đã đi đến tình cảnh này…

Thế là bà bước tới, đứng sát vào người anh và bằng một giọng sôi nổi, bà nói:

– Tommy, con không được có ý nghĩ một mình đơn độc chống lại chúng. Họ sẽ săn đuổi con như săn chồn. Tommy ạ, mẹ đã suy nghĩ, đã mơ, đã tự hỏi nhiều điều. Hình như những kẻ bị chúng xua đuổi có đến hàng trăm ngàn. Nếu tất cả đều căm giận chúng, Tommy ạ…

Chắc chúng không dám xua đuổi một ai…

Bà ngừng lại. Tommy nhìn mẹ, rồi từ từ hạ mí mắt xuống và chẳng mấy chốc người ta chỉ thấy một tia sáng lọt qua kẽ lông mi.

– Có nhiều người nghĩ như vậy không? – Anh hỏi.

– Mẹ không biết. Họ như bị đánh choáng váng. Họ đi tới đi lui, như người ngái ngủ.

Từ dưới sân vang lên một tiếng be be run run.

– Xin chúc tụng Chúa chiến thắng! Xin chúc tụng Chúa chiến thắng!

Tom quay đầu lại và nhe răng cười:

– Rốt cuộc Bà cũng hay tin con trở về. Mẹ ơi, – anh nói – mẹ không như xưa nữa.

Nhưng nét mặt của bà mẹ đanh lại, mắt loé lên một tia sáng lạnh lùng.

– Trước đây, không bao giờ người ta phá nhà mẹ, không bao giờ ném gia đình chúng ta ra đường cái, Mẹ không bao giờ bị buộc phải bán đồ đạc, bán kiệt… Kia, họ kia rồi.

Có bốn người đi ngang qua sân. ông nội đi trước nhất. Đó là một cụ già hốc hác, rách rưới, còn nhanh nhẹn. Cụ đi cà nhắc bước một, gượng nhẹ cẳng chân phải. Cụ vừa bước đi, vừa cài sửa quần, đôi bàn tay già lóng ngóng tìm khuy, cài nhầm cả khuy trên xuống khuy dưới, cho nên cửa quần bị xộc xệch. Cụ mặc một chiếc quần dài đen rách, một chiếc áo sơ mi rách tã từ trên xuống dưới, để lộ một chiếc áo lót xám cũng sổ khuy. Qua khe hở chiếc gilê bằng nỉ, người ta hé thấy bộ ngực gày gò tua tủa lông trắng. Cụ bỏ chỗ cửa quần, cứ để nó hở hoác ra, rồi tay sờ soạng khuy áo gilê,

nhưng cụ lại bỏ đấy đưa tay xốc lại giây nịt đeo màu nâu. Khuôn mặt cụ gầy quắt, dễ bị kích động, đôi mắt nhỏ lấp lánh tinh quái của một đứa bé điên rồ. Khuôn mắt cau có vừa van lơn vừa ranh mãnh, cười cười. Cụ hay đôi co, cà khịa, kể những chuyện tục tĩu, vẫn cứ có vẻ dâm đãng như bao giờ. Tai ác như mụn ghẻ, độc địa và nôn nóng như một thằng bé ngỗ ngược, dưới cái vẻ bề ngoài vui nhộn. Mỗi lần có dịp uống là cụ uống cho lòi rốn, lúc nào có thể thì cụ ăn căng bụng, còn thì thiên hô bát sát suốt ngày.

Bà Nội đi lon ton sau ông. Bà vẫn còn sống vì bà cũng dai như đỉa, cũng tàng tàng như ông. Bà giữ vững tư thế của mình với lòng sùng đạo om sòm và tàn bạo, cũng dâm đãng, cũng man rợ như ông Nội. Một ngày nọ, sau một cuộc tụ họp, trong khi bà đang lên cơn xuất thần và lúng búng những tiếng nói khó hiểu, bà nổ vào chồng hai phát súng giật gần mất một nửa phần mông đít. Do đó, ông hết lời ca ngợi bà và thôi không hành bà như trẻ con hành lũ côn trùng nữa. Vừa đi bà vừa kéo váy lên tận đầu gối, miệng thì the thé la khẩu hiệu chiến tranh khủng khiếp.

– Xin chúc tụng thần Chúa Chiến thắng!

Bà Nội và Ông Nội hối hả đi qua sân, bất cứ lúc nào họ cũng ganh nhau, họ mê thích cãi nhau vì cái đó cần cho họ.

Bố và Noah đi phía sau, chậm rãi nhưng đều bước tuy không để bị cách quãng. Noah là đứa con đầu lòng, to cao, khuôn mặt lúc nào cũng có vẻ bình tĩnh. Cả đời, anh chưa hề nóng giận. Lúc thấy người ta nổi giận, anh liếc nhìn họ một cách lạ lùng, lạ lùng và khó chịu, chẳng khác gì người bình thường trước kẻ điên. Noah đi thong thả, nói năng ít và chậm rãi khiến những

người không quen biết anh thường tưởng anh đần si. Anh không ngốc, nhưng lạ lùng. Anh không tự ái và cũng không có chút ham muốn thú nhục dục. Anh làm việc, anh ngủ theo một nhịp điệu lạ thường mà hình như anh cho là đủ. Anh yêu người thân, nhưng không bao giờ tỏ ra như vậy. Tuy người ta không thể nói tại sao, người ra vẫn có ấn tượng rằng anh bị méo mó, đầu, thân người, đôi cẳng hoặc đầu óc méo mó nhưng cụ thể thế nào thì người ta không thể nhận ra. Bố thì tin rằng bố biết tại sao Noah lạ thường, nhưng bố xấu hổ và không bao giờ nói ra. Quả vậy, cái đêm Noah sinh, chỉ có một mình bố trong nhà. Thấy vợ với hai đùi dạng ra nom như một tàn vật đang gào la ông kinh sợ phát điên. Dốc cả sức lực của đôi bàn tay, của những ngón tay to khoẻ dùng làm phoóc xép ông lôi và vặn đứa trẻ ra. Lát sau, lúc bà đỡ đẻ tới, bà thấy đầu đứa bé bị trẹo sang bên, cổ nó dài thượt, mình vặn vẹo, bà bèn xoay đầu đúng khớp và nắn lại thân hình. Bố lúc nào cũng nhớ tới chuyện đó và ông thấy xấu hố. Ông dịu dàng với Noah hơn với những đứa trẻ khác. Qua khuôn mặt của Noah, với đôi mắt quá cách nhau và chiếc quai hàm mảnh khảnh, ông tưởng như thấy cái đầu méo mó của đứa bé sơ sinh. Ai yêu cầu làm gì. Noah có thể làm nấy: Anh có thể đọc và viết, tính toán và lao động nhưng hình như chẳng có gì khiến anh quan tâm, anh có vẻ dửng dưng với những ham muốn và nhu cầu của người khác. Anh sống trong một ngôi nhà lạ lùng và lặng lẽ, và anh nhìn đời với đôi mắt bình thản. Với thế giới bên ngoài anh là kẻ xa lạ, nhưng anh không thấy lẻ loi.

Cả bốn người đi ngang sân, ông Nội cứ mải hỏi:

– Nó đâu, mẹ kiếp, nó đâu nào?

Ngón tay của cụ sờ soạng khuy quần, rồi lại quên bẵng, rồi vẩn vơ thọc tay vào trong túi. Chính lúc này cụ thấy Tom ở ngưỡng cửa. Cụ dừng bước, chặn những người kia lại, mắt cụ lấp lánh sự tinh ma.

– Nhìn nó xem. In như thằng treo cổ chưa! Đã cực lâu họ nhà Joad chả có ai ở tù. Nó không làm thế thì chắc tao cũng phải làm. Cái bọn chó đẻ ấy chúng không được quyền? – Trí óc ông cụ nhảy cách – Còn cái thằng già Turnbult, cái lão thối thây ấy mà, lão đã doạ sẽ bắn vào mày lúc nào mày ra tù. Lão nói lão có máu dòng họ Hatficlơ. Đây, tao đã nhắn lão một lời, thế này: "Đừng có mà đụng đến lông chân[18] của một thằng nhà Joad, nhiều lúc tao có thể có dòng máu Mc Coy. Bất cứ ở đâu, hãy thử để mắt rình mò thằng Tom mà xem, tao sẽ móc mắt ra rồi đem nhét vào lỗ đít. Ấy thế mà lão hốt đấy, tịt đấy!"

Bà Nội không theo dõi câu chuyện và lại lè nhè:

– Hoan hô Chúa Chiến thắng!

Ông Nội lại gần, đấm vào ngực Tom, và đôi mắt của người ông nheo lại, yêu thương và kiêu hãnh.

– Cháu thế nào, hả Tom?

– Khoẻ, còn Ông, Ông cảm thấy thế nào?

– Vẫn trơ trơ[19] – Cụ đáp, trí óc cụ nhảy sang một ý khác. – Như tao đã nói mà, Joad, không ai cầm tù họ được. Tao nói: "Rồi các ông xem. Thằng Tommy, nó sẽ lao ra ngoài nhà tù, như con bò mộng phá rào". Mà mày đã biết làm thế rồi. Để tao vào, tao đang đói.

Cụ lách qua, ngồi xuống, tự lấy một đĩa thịt lợn và hai chiếc bánh to, rưới nước sốt đặc lên. Những người khác chưa vào thì cụ đã nhai ngồm ngoàm.

Tom nhăn mặt nhìn cụ, mến thương:

– Dẫu sao, ông Nội vẫn cứ là con quỉ già.

Còn Ông thì mồm đầy căng nên thậm chí không thể ấp úng nên lời, nhưng đôi mắt ti hí ranh ma mỉm cười và ông gật gật cái đầu tán thưởng.

Bà Nội kiêu hãnh nói:

– Độc ác và chửi rủa thì chẳng ai bằng. Lão sẽ cưỡi que cời lửa đi xuống địa ngục cho mà xem. Lão lại muốn lái xe tải nữa đấy, – bà nói khinh khỉnh. – Không à? Lão vẫn chạy đua được.

Ông nội bị nghẹn, thức ăn trong miệng trào xuống cả vạt áo, rồi cụ nổi cơn ho thúng thắng.

Bà nhìn Tom, mỉm cười:

– Tởm chưa, cháu thấy không? Bà nhận xét, mặt mày rạng rỡ.

Noah đang đứng trên bậc, đăm đăm nhìn Tom, nhưng đôi mắt cách xa nhau hình như nhìn ra xung quanh. Khuôn mặt của anh trơ trơ. Tom hỏi:

– Khỏe không anh Noah?

– Khỏe, còn mày?

Chỉ thế thôi, nhưng hởi lòng, hởi dạ.

Mẹ xua ruồi đậu ở liễn nước xốt.

– Không có chỗ để ngồi, – bà nói – mỗi người tự lấy thức ăn, rồi bưng ra đâu đấy mà ngồi. Ngoài trời, trong sân, hay đâu đó, tùy.

Tom nói đột ngột:

– Ờ! Ông mục sư đâu rồi? Lúc nãy ông ấy tới đây mà? Ông ấy đi đâu rồi?

Bố nói:

– Tao thấy ông ta, nhưng ông ta đi rồi.

Bà Nội kêu tướng lên, tiếng the thé:

– Mục sư à? Chúng mày có một mục sư à? Đi tìm ông ta đi. Ông ta sẽ đọc kinh tạ ơn cho chúng ta. – Bà chỉ ông Nội – Lão thì quá muộn rồi. Lão đã ăn xong. Đi tìm mục sư đi nào!

Tom ra trước cửa:

– Ê! Jim! ông Jim Casy. Hê! ông Casy!

Ông mục sư từ dưới bể ló ra và ngồi dậy rồi đứng lên đi lại gần nhà. Tom hỏi:

– Ông làm gì vậy? Ông trốn à?

– Hèm, không. Không. Những chuyện gia đình không liên quan đến ai ngoài. Tao ngồi để suy nghĩ.

– Vào ăn thôi, – Tom nói. – Bà nội muốn đọc kinh tạ ơn.

– Nhưng tao đâu là mục sư nữa.

– Ồ, thôi nào, nói lời tạ ơn cho bà. Chả hại gì đến ông mà bà lại vui.

Họ cùng nhau vào bếp.

Mẹ điềm tĩnh nói:

– Chào quí ông. Xin ông tự nhiên cho.

– Kính tạ ơn trước đã! – Bà Nội kêu to. – Kính tạ ơn đã.

Ông Nội ngồi chú mục vào mục sư với đôi mắt dữ tợn, cho tới lúc nhận ra ông ta:

– Ồ! Đúng là ông mục sư ấy rồi, – ông nói. – Tốt lắm. Từ cái ngày tao thấy ông ta, tao đã thích ông ta rồi.

Ông Nội liếc nhìn một cái hết sức dâm đãng khiến bà Nội tưởng ông đã nói xong, và bà quát lại:

– Im đi! Đồ dê đực, đồ vô đạo!

Casy lúng túng lùa ngón tay vào tóc.

– Tôi phải nói cho gia đình ta rõ, tôi không còn là mục sư nữa. Tôi lấy làm tiếc và rất lấy làm sung sướng được ở đây và biết ơn những người đã có lòng tốt hào hiệp, như thế đã đủ, và đó là những lời tạ ơn cửa tôi. Nhưng tôi không là mục sư nữa.

– Cứ nói đi. – Bà nói. – Mà cũng có vài lời cho chuyến đi California của chúng tôi.

Mục sư cúi đầu và tất cả những người khác cùng cúi đầu. Mẹ chắp tay trước bụng và cũng cúi đầu. Bà Nội nghiêng đầu rất thấp đến nỗi mũ của bà gần chạm đĩa bánh và nước xốt. Tựa lưng vào tường, đĩa cầm tay, Tom đứng cứng đơ và ông Nội thì nghẹo đầu sang bên để có thể vẫn dán một con mắt ranh mãnh và vui nhộn vào mục sư. Trên khuôn mặt ông mục sư, phảng phất vẻ trầm tư chứ không phải cầu nguyện, và trong tiếng nói của ông có cái giọng ước đoán chứ không phải cầu khẩn.

– Tôi đã suy nghĩ, – ông nói. – Tôi đã lui về trong các ngọn đồi để suy nghĩ, có thể nói là như Jesus khi Người đi vào trong sa mạc tìm cách thoát khỏi những phiền muội.

– Xin tạ ơn Chúa! – Bà nói. – Còn ông mục sư nhìn bà với vẻ ngạc nhiên.

– Theo như tôi thấy, hình như Jesus có hàng đống những phiền muội. Người không còn biết đi vào đâu cho thoát, và Người bèn nghĩ: “Tất cả những cái đó dùng làm quái gì? Tại sao cứ phải bàn luận? Cứ phải

suy nghĩ?" Người thấy mệt, mệt thật sự và trí tuệ Người kiệt quệ. Đại để đi tới một kết luận: "Vất tất cả cái đó cho quỷ sứ". Thế rồi Người lui vào chốn hoang vu.

– A… men. – Bà lè nhè.

Đã bao năm nay bà đợi những lúc im lặng để nói xen vào những lời tạ ân. Cũng bao nhiêu năm nay, bà nghe người ta nói nhưng bà không chú ý vì nó không có nghĩa gì với bà.

– Tôi không có ý nói tôi cũng như Jesus, – ông mục sư tiếp tục – nhưng tôi cũng như Người, tôi tự mình giày vò mình, tôi cũng có những khó khăn như Người, rồi tôi cũng lui vào nơi hoang vu như Người, không có phương tiện lều trại. Ban đêm tôi nằm ngửa nhìn sao, buổi sáng tôi ngồi và nhìn mặt trời lên, ban trưa từ trên một gò cao, tôi nhìn vùng quê mấp mô và khô ráo, buổi chiều tôi dõi theo mặt trời lặn. Nhiều lần, tôi cầu nguyện như thời xưa tôi vẫn mãi mãi từng làm. Có điều tôi không còn biết rõ nữa, tôi cầu nguyện ai, cầu nguyện cái gì. Có những ngọn đồi đây, và tôi đây, và thế là không bị xa cách nữa. Người ta chỉ còn là một vật duy nhất mà vật đó là thiêng liêng.

– Hallelujha! – Bà Nội nói, và bà khẽ lắc lư trước ra sau để cố gắng xuất thần.

– Tôi bắt đầu suy nghĩ, nhưng không phải chỉ suy nghĩ, còn sâu hơn thế kia. Tôi bắt đầu suy nghĩ rằng người ta chỉ thánh thiện khi là một bộ phận của một tổng thể, nhân loại thánh thiện khi nó chỉ là một vật duy nhất và thống nhất. Người ta mất đi tính thánh thiện duy nhất chỉ khi nào một gã bé nhỏ thảm hại lồng lên rồi bỏ đi tới chỗ nào hắn thích, để rồi đấm đá, co kéo, vật lộn, chính những gã như thế kia hất tung sự

thánh thiện lên mây. Nhưng khi họ chung lưng đấu cật mà cùng nhau làm việc, không phải một người, nói như ai nói, được mắc vào cái ách chung… như thế là tốt là thánh thiện! Rồi tôi bắt đầu suy nghĩ, rằng khi tôi nói cái tiếng “thánh thiện” thì thậm chí tôi không biết tôi muốn nói gì. – ông ngừng lại một chút, nhưng những cái đầu đang cúi xuống không ngẩng lên, vì đã được luyện thành thói quen họ chỉ ngẩng lên theo tín hiệu “amen” – tôi không thể nói được lời tạ ơn như đã làm xưa kia. Tôi sung sướng vì sự thánh thiện của bữa ăn này. Tôi sung sướng vì tình thương yêu ngự trị tại đây: Tất cả là thế.

Mấy cái đầu vẫn cúi. Ông mục sư nhìn xung quanh mình:

– Lỗi tại tôi, bữa ăn của gia đình nguội mất. – Rồi ông nhớ ra, ông nói “A men”.

Mọi người ngẩng đầu lên.

– A…men – Bà nói, và bà lại tiếp tục ăn, hai hàm lợi rụng hết răng nghiền chiếc bánh ngấm sũng nước xốt.

Tom ăn nhanh còn Bố thì nhồi nhét. Chuyện trò để sau, lúc nào bát đĩa đã sạch ngoét, tách cà phê đã cạn. Người ta chỉ nghe tiếng hàm nhai, tiếng nhấp nháp cà phê trong chặng đường của nó từ môi tới lưỡi. Mẹ nhìn ông mục sư ăn, mắt bà lộ vẻ sửng sốt, dò xét và thông cảm. Bà quan sát ông ta tựa hồ như đột nhiên ông là một thần linh không còn là một con người nữa, tưởng chừng đó chỉ là một tiếng nói vọng ra từ lòng đất.

Đàn ông đã ăn xong, đặt đĩa xuống và uống nốt chỗ cà phê, sau đó họ ra ngoài, Bố và ông mục sư, Noah với ông Nội, rồi Tom và tất cả đi lại phía chiếc xe tải, né tránh đống đồ đạc, thành giường, bộ phận máy thông

khí, chiếc cày cũ. Họ đi tận tới chỗ xe tải và dừng lại ở cạnh nó. Họ sờ mó cái thành xe bằng gỗ thông mới.

Tom mở mui xe và nhìn cái động cơ to nhầy mỡ. Bố lại gần anh, nói:

– Trước khi mua nó, em Al mày đã xem xét kỹ. Hắn nói là xe tốt.

– Hắn thì biết gì? Nhóc con mà. – Tom nói.

– Ấy hắn đã làm việc cho một công ty. Năm ngoái hắn đã lái xe tải. Hắn có biết chút ít. Khéo tay lắm. Hoặc xoay xở được. Hắn biết chữa động cơ, cái đó thì chả phải bàn. Tom hỏi:

– Bây giờ hắn đâu rồi?

– Ờ! – Bố nói – còn đang đuổi theo bọn con gái, như con dê động cỡn ấy. Nhưng vì chuyện đó, khéo không nó quị mất. Một thằng bé ranh ma, mới mười sáu tuổi đầu đã ngứa dái. Hắn chỉ thích có hai chuyện: gái và máy móc. Đã một tuần nay nó ngủ lang. Một thằng bé thẳng thắn, tinh khôn!

Tay sờ soạng vào ngực, ông Nội đã có thể cài một khuy áo lót xanh vào một cái khuyết ở chiếc gilê nỉ. Ngón tay của cụ cảm thấy có cái gì đó không ổn, nhưng cụ để mặc, chẳng muốn tìm biết xem sao. Mấy ngón tay lần mó xuống và cố gỡ những rắc rối ở cửa quần.

– Xưa kia tao đốn lắm – cụ nói, vẻ sung sướng. – Đốn mạt cực kỳ. Nói như ai nói, chọc trời khuấy nước. Có lần, có một cuộc gặp gỡ ngoài trời, ở Sallisaw. Hồi ấy là hồi tao còn trẻ, lớn hơn tuổi thằng Al một ít. Thằng Al chỉ là đồ nhãi nhép, non choẹt. Nhưng tao nhiều tuổi hơn. Bọn tao cũng đi họp. Có năm trăm người với một ít bò cái tơ khá ra phết.

– Cháu xem ra thì ông còn ma mãnh lắm, ông Nội ạ, – Tom nói.

– Ấy, đúng thế, một mặt nào thôi. Nhưng thấm gì, so với xưa. Nhưng có điều, cứ cho tao tới California để lúc nào hứng tao có thể hái một quả cam hoặc chùm nho. Được thế là khoái nhất, chả bao giờ chán. Tao sẽ hái một chùm nho to mọng, tao đắp lên mặt ép nát cho nước nhỏ giọt xuống tận cằm.

Tom hỏi:

– Chú John đâu? Mà cũng chả ai nhắc đến Rosashan, Ruthie và Winfield nữa? Chúng đâu rồi?

Bố nói:

– Chả ai biết thế nào. Chú John đi Sallisaw tải đủ thứ đem bán: máy bơm, dụng cụ, gà và mọi thứ mà dạo nọ chúng ta đã mang tới đây, chú đưa Ruthie và Winfield đi cùng. Chú cháu ra đi trước trời sáng.

– Kỳ thật, thế mà con không gặp.

– Vì mày đi theo con đường cái tới. Chú thì đi vòng phía sau, qua Conlington. Còn Rosashan, nó làm ổ ở nhà Connie. Lạy Chúa, chuyện này mà mày cũng chưa hay, Rosashan đã lấy Connie Rivers. Thằng Connie, mày nhớ chứ, hả? Một thằng bé tử tế. Con Rosashan có chửa đã được bốn, năm tháng. Bắt đầu bụng to rồi. Xem ra nó cũng khoẻ.

– Trời, – Tom nói – Hồi ấy Rosashan còn nhóc con, thế mà bây giờ đã sắp có tí nhau. Bốn năm con vắng, nhà có bao nhiêu chuyện. Khi nào nhà ta định đi về miền Tây, hả bố?

– Thế này, ta phải mang tất cả những thứ này đem đi bán đã. Thằng Al mà rứt được bọn con gái ra, thì bố

thiết nghĩ, hắn có thể chất đồ lên xe đem đi tất, như thế, có lẽ ngày mai hoặc ngày kia là đi được. Chúng ta không có nhiều tiền, có một thằng cha nói là từ đây tới California phải mất hai ngàn dặm. Đi càng sớm càng tốt, càng chắc tới nơi. Tiền nó cứ luồn qua kẽ tay mà rơi rụng. Con, con có tiền không?

– Chỉ hai ba đô thôi. Làm thế nào Bố có tiền được?

– Thì đấy, nhà ta có gì đem bán ráo. Rồi cả nhà ra sức bóc vỏ bông, cả ông Nội nữa.

– Càng hay chứ sao – ông Nội nói.

– Gom tất cả thảy, được hai trăm đôla. Trả mất bảy mươi lăm đôla cho cái xe kia, thằng Al phải chỉnh lại nồi hơi, nhưng hắn cứ chạy như chó dái. Ra đi, có khoảng trăm năm mươi đô la. Mấy cái lốp chết toi kia sẽ chẳng chịu được lâu. Có hai chiếc để thay nhưng chả ăn thua. Dọc đường, sẽ kiếm chác được gì đó.

Mặt trời phóng xuống những tia nắng nóng bỏng. Bóng chiếc xe tải mang hình những vạch đen trên đất từ xe bốc ra mùi dầu nóng, mùi vải láng dầu và sơn. Mấy con gà con đã rời sân vào nấp ở kho dụng cụ để tránh nắng. Trong chuồng, đàn lợn dán mình vào hàng rào tìm chút bóng râm trên nền, thở hồng hộc và thỉnh thoảng lại kêu ủn ỉn. Hai con chó nằm dài trong đám bụi đỏ phía dưới chiếc xe, thở hổn hển, cái lưỡi thè lè lấm bụi bê bết. Bố xập mũ xuống mắt và ngồi xổm xuống. Bình thường, thì Bố ngồi như vậy để suy nghĩ và quan sát, ông xem xét Tom, chiếc mũ mới đã có vẻ như cũ của anh, quần áo và đôi giày mới của anh.

– Những thứ này mày bỏ tiền ra sắm đấy à? Ông hỏi – chỉ tổ vướng cho mày thôi.

– Họ cho con đấy chứ, Tom nói, – Cho con khi con

được tha.

Anh cất chiếc mũ cát két, ngắm nhìn nó một cách thích thú rồi đưa nó thấm thấm lên trán, rồi một cách ngang tàng, anh đội nó lên rồi kéo sụp lưỡi trai xuống.

Bố nhận xét:

– Họ cho mày đôi giày đẹp thật.

– Vâng… đẹp thì đẹp thật nhưng giày này đâu có phải thứ để đi lượn khi trời nóng. Anh ngồi xổm cạnh bố.

Noah chậm rãi nói :

– Nếu làm xong thành xe thì Tom có thể chất hết đồ lên được. Như thế thì thằng Al về…

– Nếu nhà muốn, con có thể lái được, ở Mac – Alester con đã lái xe tải.

– Tốt, – Bố nói, mắt ông chăm chú nhìn lên đường – Tao mà không nhầm thì chàng hề bảnh bao đang cúp đuôi về đó kia. – Nom còn phờ phạc ra nữa.

Tom và ông mục sư ngước mắt nhìn ra đường. Thấy họ nhìn mình, thằng Al – tay chuyên môn cưa gái – bèn chỉnh đôi vai lên cho thật thẳng rồi khệnh khạng bước vào sân, vênh váo như con gà trống chuẩn bị gáy. Là đứa tự phụ, hắn chỉ nhận ra Tom lúc đứng sát gần, nét mặt kiêu kỳ của hắn thay đổi nhưng chỉ có sự ca ngợi, sự sùng kính lấp lánh trong đôi mắt, và hắn thôi không làm bộ làm tịch nữa. Chiếc quần cứng đờ, gấu bẻ lên để phô đôi ủng có gót, chiếc thắt lưng rộng ba đốt khảm những khuy đồng, ngay cả những dây thun đỏ thắt lấy những tay áo của chiếc sơ mi xanh và cái góc ngạo nghễ của chiếc mũ phớt – tất thảy những thứ đó không nâng hắn lên ngang tầm anh hắn được. Chả là

anh hắn đã giết người, mà gì chứ cái đó thì chả ai quên. Al cũng biết là nó cũng đã khiến bạn bè cùng lứa tuổi hắn phải thán phục phần nào, bởi vì anh hắn đã giết chết một con người. Ở Sallisaw, hắn nghe người ta chỉ chỉ trỏ trỏ hắn: “Thằng Al Joad đấy. Thằng anh hắn đã giết một thằng cha bằng một nhát xẻng đấy”

Al nhún nhường bước lại gần anh, và hắn thấy rằng anh hắn không còn là một gã nghênh ngang như hắn tưởng. Al nom thấy đôi mắt sầm tối và đăm chiêu của anh, cái điềm tĩnh của nhà tù, khuôn mặt đanh và lỳ đã quen tập dượt không để lộ cho bọn gác ngục thấy bất cứ gì tỏ ra là chống đối hoặc quị luy. Ngay tức thì, Al đổi khác; một cách cố tình hắn cũng trở thành như anh hắn, khuôn mặt duyên dáng của hắn trở nên suy tư, đôi vai giãn xuống. Hắn không nhớ ra cái dáng điệu bề ngoài của Tom trước kia.

Tom nói:

– Chào Al. Mẹ kiếp, mày nhớn tướng rồi! Dễ chừng tao không nhận ra mày nữa.

Al mỉm cười, tay sẵn sàng chìa ra để bắt tay Tom. Tom chìa bàn tay và bằng một cử chỉ đột ngột, Al nắm lấy tay anh. Giữa hai gã đàn ông tình thương đã bền chặt.

– Bố nói với tao là mày sành sỏi về xe tải, – Tom nói.

Cảm thấy rằng anh mình chả ưa một thằng khoác lác, Al nói:

– Em chẳng biết mấy nỗi đâu, sơ sơ thôi, anh ạ.

Bố nói:

– Mày ăn diện vào đi loè khắp xứ. Nom phờ ra rồi đấy. Dẫu sao, mày cũng phải chở một chuyến đồ đem

bán ở Sallisaw.

Al nhìn anh:

– Anh có thích đi cùng không? – Hắn nói, cố làm ra vẻ bâng quơ.

– Không, không thể được. Tao phải ở lại để giúp việc nhà. Khi nào ra đi, chúng ta sẽ họp mặt.

Al cố kìm một câu hỏi:

– Có phải… có phải… Anh vượt ngục?

– Không, tao đã hứa nên họ tha.

– Ra thế! – Al nói, hơi bị hẫng.

Chương IX

Trong các căn nhà bé nhỏ, dân tá điền soát lại đồ đạc của họ và đồ đạc của cha ông để lại. Họ chọn lựa những thứ họ sẽ mang đi theo tới miền Tây xa xôi. Đàn ông tỏ vẻ không luyến tiếc thương sót bởi vì họ biết, quá khứ của họ đã bị hoen ố. Nhưng phụ nữ thì không thế, họ biết rõ, vào những ngày mai sắp tới, quá khứ vẫn lớn tiếng hiện về nhắc nhở trong ký ức của họ.

Đàn ông đi vào các kho thóc, chui vào các kho dụng cụ.

– Chiếc cày đây, cái bừa đây, ông nhớ không? Hồi chiến tranh, chúng ta trồng mù tạt không? Ông có nhớ cái gã muốn bắt người ta trồng loại cao su gọi là Guayale chứ? "Làm giàu đi", hắn nói. Lôi mấy dụng cụ đó ra đi… Có thể bòn được vài đôla. Cái cày này mua mười tám đôla, thêm tiền chuyên trở, một cái kiểu Sears – Roebuck.

Yên ngựa, xe bò, máy gieo hạt, các bó cuốc nhỏ. Lôi ra, xếp đống lại. Cho chúng lên xe bò. Đưa đến thành phố. Cứ bán đi, bán đổ bán tháo đi. Bán cả xe, cả vật kéo. Chúng ta trả cần quái gì nữa. Được một chiếc cày tốt mà chỉ mất năm mươi xu thì có gì mà nhiều. Cái máy gieo hạt kia, tôi đã phải trả ba mươi tám đôla. Tôi không thể mang đi hết được. Thôi thì lấy đi, luôn thể lấy cả nỗi đắng cay của tôi nữa. Lấy chiếc bơm với cái yên ngựa. Lấy dây thừng, vòng cổ, vòng đóng ngựa, dây dắt. Hãy lấy các hạt cườm thủy tinh, cái bông hoa hồng nhỏ dưới tấm kính. Tôi đã mua các thứ này cho con ngựa lông sắc be đấy. Ông có nhớ, khi phi nước kiệu nó giơ chân lên thế nào không?

Đồ tầm tầm hổ lốn chất đống trong sân.

– Thời buổi này không còn cách nào bán nổi một chiếc cày. Năm mươi xu, giá sắt thôi. Đĩa và máy cày bây giờ là thịnh hành nhất.

– Thôi lấy đi chứ… Rẻ quá sắt vụn… đưa tôi năm đôla. Nhưng có điều, ông đâu chỉ mua đồ bỏ đi, ông mua cả cuộc sống vô dụng bỏ đi… thêm vào đó rồi ông xem… ông mua cả nỗi đắng cay, ông làm thế kia, là mua cày để chôn chính con cái của ông, là mua những cánh tay, sự can đảm mà đã có thể cứu vớt ông. Năm đôla, bốn không được. Tôi không mang nó về được… Thôi lấy đi, chả năm thì bốn vậy. Nhưng báo cho ông biết, ông mua cái thứ sẽ chôn vùi con ông. Ông không thấy được điều đó, không thể thấy được điều đó. Bốn đôla, lấy đi. Còn con ngựa và chiếc xe. Ông trả tôi bao nhiêu nào? Hai con ngựa be đẹp này, xếp cặp theo màu lông, nước đi sánh từng bước một. Khi phải kéo nặng… gân bắp và mông căng ra. Ban mai, khi chiếu vào chúng, ánh sáng cũng ngả màu be. Chúng vươn đầu nhìn qua bờ dậu và tức thì hít hít đánh hơi bọn tôi, tai dỏng lên để nghe chúng tôi nói, lại cái túm lông đen trên trán nữa chứ! Tôi có một cháu bé gái. Nó thích tết lông bờm và lông trán cho chúng, nó cài vào đấy những cái nơ đỏ. Nó thích làm thế. Giờ thì hết rồi. Tôi có thể kể ông nghe một câu chuyện vui, về cháu bé gái đó với con ngựa be, con thứ hai kia kìa. Chắc ông sẽ buồn cười. Con ngựa thứ hai được tám tuổi, con đầu mười, nhưng cứ thấy chúng cùng nhau làm việc tưởng chừng chúng là sinh đôi. Ông thấy chưa? Răng lành mạnh. Ngực to khoẻ, mông sạch và lành lặn. Bao nhiêu? Mười đôla? Cả hai? Còn cái xe… Ối! Mẹ kiếp! Tôi muốn chẳng thà cho chúng một phát súng, lấy thịt cho chó ăn. Ôi. Lấy đi? Lấy nhanh lên, nào! Thế là ông mua một

cháu gái đang tết tóc, đang gỡ chiếc băng ở tóc ra để làm một chiếc nơ. Ôi! Cháu đang lùi lại, đầu nghiêng xuống và đưa má cọ cọ vào hai lỗ mũi êm êm. Ông mua những năm dài lao động nhọc nhằn dưới mặt trời, ông mua một nỗi phiền muộn không nói ra lời. Nhưng xin ông chú ý cho. Có một món tiền hoa hồng đi kèm với đống sắt này, với những con ngựa be… đẹp đến thế…. một gói đắng cay sẽ mọc mầm trong nhà ông sẽ có ngày đâm hoa… Chúng tôi có thể cứu vớt ông, nhưng ông đã làm chúng tôi khánh kiệt mất rồi. Chẳng mấy chốc sẽ đến lượt ông, cũng khuynh gia bại sản, nhưng lúc đó chúng tôi chẳng còn một mống để kéo ông ra khỏi cảnh hoạn nạn.

Các người tá điền ra về, tay họ thọc túi, mũ kéo sụp xuống mắt. Có vài người mua một ly whisky, uống nhanh mong cho rượu ngấm nhanh mong được choáng nhanh. Nhưng họ không cười, họ không khiêu vũ. Họ không hát, họ không chơi đàn. Họ trở về trang trại, đầu cúi gằm, tay thọc vào túi. Bụi cát đỏ, tung lên dưới mỗi bước chân đi.

– Dễ chừng chúng ta có thể bắt đầu làm lại ở một miền đất mới cũng nên… miền đất trù phú tại California, bốn mùa hoa trái, chúng ta sẽ lại bắt đầu.

– Nhưng chúng ta không thể lại bắt đầu. Chỉ có trẻ sơ sinh mới có thể bắt đầu. Thì đấy, bác với tôi chúng ta xưa sao nay vậy. Một chốc nổi nóng, hàng ngàn hình ảnh, đó là chúng ta. Mảnh đất này, mảnh đất đỏ này, chính là chúng ta, và những năm tháng lụt lội, những năm tháng mưa lũ và những năm tháng khô hạn, đó là chúng ta. Chúng ta không thể trở lại bắt đầu được. Sự đắng cay mà chúng ta đã bán cho gã tâm tầm… chắc chắn hắn đã bỏ túi, nhưng chúng ta mãi mãi giữ nó. Và

khi bọn đại diện bảo chúng ta phải ra đi, chính là chúng ta, và khi chiếc máy cày đâm vào nhà chúng ta, chính là chúng ta cho tới chết. Lên đường sang California hay đâu đó… mỗi người chúng ta, trống rung cờ mở dẫn đầy một binh đoàn những nhọc nhằn đau khổ, hành quân với lòng tràn nỗi xót đau. Và một ngày nào đó tất cả các đội quân những tấm lòng cay đắng sẽ đi về cùng một nẻo. Và họ sẽ sát cánh cùng cất bước và gieo rắc một nỗi kinh hoàng chết người.

Các tá điền trở về nhà họ, chân kéo lê trong cát bụi đỏ.

Mọi thứ có thể bán được đã bán xong, lò bếp, giường, bàn, ghế, những tủ nhỏ lồng kính, bồn tắm, bể nước, nhưng vẫn còn những khối đồ đạc, và phụ nữ ngồi ở giữa, lăn trở chúng trong tay, mắt mơ hồ nhìn ra xa, nhìn vào quá khứ, vào những tranh ảnh, vào những tấm kính vuông. Ơ này, đây còn một cái lọ.

– Bây giờ, mày biết những gì chúng ta có thể mang đi và những gì không thể mang đi. Chúng ta sẽ cắm trại ngủ ngoài trời… kiếm vài cái bô để nấu ăn, để rửa ráy, những chiếc nệm, những cái phủ chân, đèn lồng và chậu, và một tấm vải. Dùng nó làm lều. Cái can dầu hoả này. Mày có biết cái này là cái gì không? Cái bếp lò… Còn quần áo… mang tất cả quần áo đi. Còn… khẩu súng? Không có súng không thể ra đi được. Khi giày dép, quần áo, thức ăn đã biến đi, thậm chí hy vọng cũng biến nốt, thì mãi mãi vẫn còn khẩu súng. Hồi ông nội tao… tao nói chuyện này với mày chưa nhỉ?… ông chỉ có muối, có hạt tiêu và một khẩu súng. Chả có gì khác. Nhưng súng thì phải đem đi. Với một chai nước. Thôi, tao nghĩ, bây giờ không còn chỗ nữa rồi, Đầy ứ lên mép thành xe rồi. Bọn trẻ con có thể ngồi vào xe

lăn, bà Nội trên đệm. Các dụng cụ, xẻng, cưa, lắc lê, kìm, cặp, một cái rìu nữa. Cái hái này, có đến bốn mươi năm rồi. Lưỡi mòn trơ rồi. Cố nhiên, cả dây thừng nữa. Những thứ còn lại? Đành bỏ lại thôi… hoặc đốt đi.

Rồi bọn trẻ con tới.

– Con Mary mà đem con búp bê này đi, con búp bê cũ làm bằng giẻ, thì con, con muốn đem theo chiếc cung của người da đen. Con muốn thế. Còn chiếc gậy này nữa, lớn bằng con. Biết đâu con lại không cần đến. Chiếc gậy đó, con có đã lâu… một tháng hay một năm, dễ một năm. Con phải đem nó đi. Mà cái xứ California ấy, nó giống ở đâu nhỉ?

Phụ nữ ngồi giữa các đồ đạc bị vất bỏ lại, tay trăn trở chúng, mắt mơ hồ nhìn ra xa, nhìn về thủa xưa. Một cuốn sách của cha mình. Ông cụ hay đọc nó. Có tên ông ở trong. Và cái tẩu của ông… còn xông mùi khét. Và cái tượng này… một thiên thần. Bao nhiêu lần mình đã nhìn ông thiên thần đó, trước khi sinh ba cháu đầu… cũng phải nói thật, nó chả giúp ích được gì. Cô nghĩ xem, có thể đem con chó bằng sứ này đi không? Chính dì Sadie đã đưa nó từ cuộc Triển lãm Sainot – Loanig về. Cô xem. Người ta viết cái gì lên đó. Thôi, đừng xem thì hơn. Cái kia là bức thư anh mình viết trước hôm anh ấy mất. Kia là chiếc mũ cổ lỗ. Những ngòi bút này… chưa hề dùng đến. Thôi, không còn chỗ nữa.

Những thứ đó là những mảnh đời chúng ta. Không có chúng thì chúng ta sống làm sao được? Không có dĩ vãng của chúng ta làm sao chúng ta nhận ra chính chúng ta? Thôi, đành phải bỏ lại. Đem đốt đi.

Họ ngồi nhìn những vật đó, đốt nó trong ký ức của họ.

– Tôi tự hỏi chẳng biết mình sẽ ra sao khi không quen biết cái thửa đất nằm ở trước cửa. Rồi nếu ban đêm thức giấc và biết được rằng… biết rằng cây liễu không còn có ở đấy nữa? Không có cây liễu chị có sống nổi không? Không, không thể. Cây liễu chính là chị. Nỗi đau đớn trên cái đệm này… đau đớn khủng khiếp… đó là chị.

Còn bọn trẻ… Nếu thằng Sam mang theo chiếc cung người da đen và chiếc gậy của hắn, thì con, con muốn mang theo hai thứ. Con chọn chiếc gối nhồi lông tơ. Nó là của con. Rồi đột nhiên, họ cáu giận lên. Phải vội lên để còn đi. Người ta không thể chờ được. Chúng tao không thể chờ được. Thế là họ xếp chất đống các đồ vật trong sân, châm lửa đốt. Họ đứng nhìn đồ vật cháy rần rật, rồi, bị một cơn vội vã tuyệt vọng xâm chiếm, họ tải các thứ đồ còn lại xếp lên xe, họ ra đi, ra đi trong cát bụi mịt mù. Những chiếc xe tải đã đi khuất, nhưng bụi cát còn vấn vương vật vờ một lúc lâu trong không khí quê hương xứ sở.

Chương X

Chiếc xe tải đã đi khuất, chất nặng đồ đạc dụng cụ nặng, giường và thành giường, mọi thứ đồ đạc có thể bán được, Tom một mình lang thang trong khu nhà. Anh tới mơ màng trong nhà kho, trong các ngăn chuồng ngựa trống trơn và anh luồn xuống dưới chái nhà nơi cất giữ dụng cụ, anh đưa chân đá đá những vật đổ nát còn lại, lấy chân lật một chiếc răng bừa gẫy. Anh đi thăm lại những nơi anh quen biết… cái mô đất đỏ từng là nơi ẩn trú của loài én, cây liễu vươn lên phía trên mái nhà che cho con lợn… Hai con lợn con ủn ỉn và tới nơi sục sạo qua bờ dậu, những con lợn con lông đen đang nằm thoải mái trong nắng. Cuộc hành hương của anh đã xong, anh bèn đến ngồi trên bậc thềm trước cửa vừa được phủ bóng râm mát. Trong bếp, phía sau anh, Mẹ đang bận rộn giặt giũ quần áo trẻ con, đôi cánh tay to lấm chấm những nốt tàn nhang, ướt sũng để nước bẩn chảy từ khuỷu tay xuống. Anh ngồi xuống thì bà ngừng vò sát. Bà nhìn anh rất lâu và lúc anh quay đầu lại để nhìn vào ánh nắng nóng, cái nhìn của bà tiếp tục dán vào gáy anh. Rồi bà lại bắt đầu vò sát.

Bà nói:

– Tom ạ, quí hồ Ở California, mọi sự được ổn thoả.

Anh ngẩng lại nhìn mẹ:

– Có gì khiến Mẹ nghĩ không phải thế?

– Ờ… chả gì cả. Nhưng mẹ thấy chuyện đó hình như quá đẹp. Mẹ thấy các tờ quảng cáo họ phân phát, nào là ở chỗ đó, công việc có ê hề, nào là tiền công lại cao. Mẹ đọc trong báo thấy họ yêu cầu bao nhiêu là người để

hái nho, cam, đào. Tom nhỉ, thích thật, hái đào thì thích thật. Ngay dù người ta không cho mình ăn, vẫn có thể thó một quả, quả nhỏ thôi, hơi bị hỏng. Và ngồi dưới cây làm việc trong bóng râm dễ chịu thật! Mẹ thấy tất cả chuyện đó quá đẹp nên mẹ đâm sợ. Mẹ không tin. Mẹ e có cái gì phỉnh phờ ở đâu đó, chắc không đẹp đến thế đâu.

Tom nói:

– Mẹ đừng để cho niềm tin bốc quá cao, Mẹ ạ, kẻo lại phải bò như con giun con dế.

– Đúng, con nói đúng. Trong Sách Kinh có nói thế phải không ?

– Có lẽ thế. Không bao giờ con có thể nhớ kỹ Sách Kinh từ khi con đọc một cuốn sách nhan đề: “Chiến công của Barbara Worth”. Mẹ cười khẽ và nhúng quần áo nhiều lần vào chậu giặt. Rồi bà vắt những quần xanh, những áo lót, gân bắp cánh tay bà nổi cuồn cuộn như dây chão.

– Ông Nội con, suốt ngày dẫn Kinh Thánh, ông cũng lẫn lộn lung tung với Niên lịch của Đôxtơ Miles. Ông cất tiếng sang sảng đọc Niên lịch từ trang đầu tới trang cuối… những thư từ của bọn người bị bệnh mất ngủ, hoặc đau thận. Và về sau, ông đọc cho thiên hạ nghe, nhưng những lời răn, ông nói “Đó là truyện ngụ ngôn của Kinh Thánh”. Bố với chú John thì cười làm ông hơi lo. – Bà chồng đống lên bàn các đồ đã giặt giũ, cái nào cũng xoắn lại như dây cáp. – Này Tom, theo ý con, hai ngàn dặm có xa lắm không? Mẹ nhìn lên bản đồ có những dãy núi cao như in trên bưu thiếp, và phải cắt ngang qua. Đi xa như thế thì mất bao nhiêu lâu, Tommy?

– Con không biết. Mười lăm ngày… có thể mười ngày nếu chúng ta gặp may. Mẹ này, mẹ đừng băn khoăn. Con đã ở nhà trừng giới, nên con có biết một điều, con nói cho mẹ nghe. Đừng bao giờ nghĩ đến cái ngày được tha, vì như thế khiến mình phát điên. Cứ ngày nào biết ngày ấy, rồi nghĩ đến ngày hôm sau, đến buổi đá bóng thứ bảy. Nên làm như thế. Chính những người ở tù quen họ làm như thế. Bọn tù mới đến, chúng cứ cụng đầu vào cửa xà lim. Chúng cứ tự hỏi phải còn ở lại bao lâu nữa. Cớ sao mẹ không làm thế, ngày nào biết ngày nấy, hở mẹ?

– Cách ấy hay đấy, – bà vừa nói, vừa múc nước nóng trên bếp lò đổ đầy vào chậu, bỏ quần áo bẩn vào và bắt đầu nhúng vào nước xà phòng. – Đúng, cách ấy tốt đấy. Nhưng mẹ cứ thích nghĩ là ở California sẽ dễ chịu, có lẽ là tốt. Không bao giờ lạnh. Chỗ nào cũng ngập hoa quả, dân ở đấy họ sống trong những căn nhà nhỏ quét trắng tinh, giữa những vườn cam, mẹ tự nhủ… quí hồ ai cũng có công ăn việc làm… biết đâu… biết đâu trong những ngôi nhà nhỏ trắng tinh ấy lại không có một ngôi nhà của chúng ta nhỉ? Rồi bọn trẻ con đi hái cam, ngồi đâu hái đấy. Cứ ao ước thế là chúng khó mà chịu nổi, chúng cứ reo um lên.

Tom nhìn mẹ làm việc, đôi mắt anh mỉm cười.

– Chỉ cần nghĩ như vậy là tốt cho Mẹ rồi. Con có biết một gã từ California về. Hắn nói khác chúng ta. Theo cung cách của hắn nói thì có thế thấy, hắn từ xa tới. Nhưng hắn nói là bọn người hái quả phải sống trong các lán trại rất bẩn và khó kiếm đủ ăn. Công sá hạ, đó là nếu may ra còn có công sá.

Một bóng mờ lướt qua khuôn mặt bà mẹ.

– Ô! Cái đó không đúng. Bố con đã nhận được một tờ

quảng cáo giấy vàng, trên giấy có nói là người ta cần người lao động. Dễ chừng họ đã chẳng phải chuốc lấy khó nhọc nếu không có việc làm ào ạt. In những tờ quảng cáo đó, họ phải mất tiền chứ! Mà cớ sao họ lại nói điêu, chi tiền ra để nói điêu?

Tom lắc đầu:

– Con không biết, Mẹ ạ. Muốn hiểu tại sao chúng làm thế, đâu có phải là chuyện dễ dàng, có lẽ…

Anh nhìn ra ngoài, ánh mặt trời nóng bỏng lấp lánh trên đất đỏ.

– Có lẽ làm sao?

– Có lẽ cũng đẹp như Mẹ nói. Ông đâu hở Mẹ? Ông mục sư nữa, ông ấy đi đâu?

Bà mẹ ra khỏi nhà, tay ôm một đống quần áo cao tướng. Tom né ra cho mẹ đi qua.

– Ông mục sư nói là ông đi dạo một vòng. Ông Nội ngủ trong nhà. Nhiều lúc ban trưa ông ấy vào đấy làm một giấc. – Bà đem mắc trên dây phơi các quần áo xanh, sơ mi xanh và những chiếc áo lót dài.

Tom nghe có tiếng chân bước kéo lê sau anh, anh ngoảnh lại. Ông Nội đang trong buồng đi ra và cũng như hồi sáng, ông sờ soạng khuy cửa quần.

– Tao nghe bọn bay nói lào xào, – ông nói. – Cái bọn chó đẻ này. Không thể để cho một thằng già khốn khổ ngủ yên. Khi nào bọn bay bắt đầu khọm[20] đi rồi chúng bay mới biết để cho một thằng già ngủ yên.

Mãi rồi những ngón tay cáu kỉnh của ông cũng mở được có hai khuy ở cửa quần đã cài khuy. Nhưng tới đó bàn tay của ông tự nhiên quên mất, chẳng biết đang làm gì. Nó thọc vào cửa quần rồi bắt đầu khoan khoái

gãi gãi phía dưới hòn dái. Mẹ bước tới, bàn tay ướt dầm, lòng bàn tay nhăn nhúm sưng lên vì nước và xà phòng.

– Con tưởng ông ngủ. Lại đây con cài khuy cho.

Mặc dầu ông nhất định không chịu, Mẹ vẫn nắm lấy ông rồi cài khuy áo lót, áo sơ mi và cửa quần. Rồi mẹ buông ông ra, nói: “Ông đi mà ngắm quanh quẩn một tí”.

Ông ấp úng, giận dữ:

– Đẹp mặt… Một thằng đàn ông đàn ang lại phải để người ta cài khuy cho… Đẹp mặt thật. Tao muốn người ta để mặc tao cài lấy quần của tao.

Mẹ vừa nói vừa đùa:

– Ở California, họ không cho người ta cứ để hở khuy quần mà đi dạo đâu.

– Hả? Mày tưởng thế sao? Được rồi, tao sẽ cho chúng thấy. Chúng tưởng chúng sẽ dạy cho tao phải biết ăn ở như thế nào, hả? Được rồi, thích thì tao sẽ tòi cái của ấy ra, thích thì tao sẽ đeo nó lủng lẳng, làm gì nào?

– E rằng mỗi năm ông ăn nói thêm thô lỗ, – Mẹ nói – Có lẽ, để trộ thiên hạ.

Ông già nhô chiếc cằm râu tua tủa, và ông nhìn Mẹ với đôi mắt ti hí vui vui, ranh ma và ác độc.

– Thế là, – ông nói – chẳng mấy chốc nữa ra đi. Lạy Chúa, ở nơi kia, nho lủng lẳng phía trên đường cái. Chúng bay có biết tao sẽ làm gì không? Tao lấy một cái chậu giặt đựng đầy nho, rồi tao ngồi vào đấy, rồi tao vặn vẹo cho nước nho chảy ròng ròng từ quần lót xuống.

Tom bật cười.

– Lạy chúa, ông có sống đến hai trăm năm nữa thì người ta cũng không trị nổi ông. Vậy cứ đánh bộ đồ như thế là ông sẵn sàng ra đi, phải không ông Nội?

Ông cụ lôi lại một chiếc hòm và ngồi phịch xuống.

– Đã hẳn, – ông nói. – Vả lại, cũng đã đến lúc rồi. Cách đây bốn mươi năm, anh tao đã đi tới nơi đó. Chả nghe nói gì nữa. Thâm hiểm bậc nhất trần đời đấy, cái gã khốn nạn! Chả ai ưa gì lão. Lão cuỗm xéo với chiếc Colt bắn phát một của tao. Lúc nào đó tao gặp lão, hoặc tụi con của lão, là giả thử chúng ở California, tao sẽ đòi lại khẩu Colt. Nhưng cái thứ như lão thì tao biết, lão có con thì cũng là đúc con ở nhà người khác, để mặc cho bọn này nuôi. Đã hẳn là ở đó thì khoái lắm. Tao có ý nghĩ là nhờ thế tao không phải là tao nữa. Ngay lập tức tao sẽ đi hái quả.

Mẹ tán thành:

– Đúng như ông nói. Mới cách đây ba tháng ông còn làm việc, lần cuối thì bị sái hông.

– Hẳn đi chứ lị! Mẹ kiếp! – ông nói.

Ngồi ở bậc thềm, Tom nhìn ra ngoài.

– ông mục sư đang về kia. Ông ta đi vòng phía sau nhà kho.

Mẹ nói:

– Những lời tạ ơn Chúa mà ông ta ban cho nhà ta sáng nay sao mà kỳ quặc đến thế! Mẹ chưa từng nghe. Thậm chí không thể nói đấy là những lời tạ ơn. Toàn nói là nói, nhưng nghe cũng thấy mát ruột mát gan, chẳng khác lời tạ ơn.

– Ông ấy ngộ lắm, – Tom nói. – Nhiều lúc ông ấy nói

rất ngộ. Chẳng khác ông ấy nói với chính mình. Ông ấy không có ý khiến người ta tin theo.

– Con nhìn tinh ý trong mắt ông ta mà xem, – Mẹ nói. – Có vẻ như được rửa tội. Ông ta có cái lối nhìn, nói như ai nói. Xuyên thấu suốt. Chắc hẳn ông ta có vẻ đã được rửa tội. Lại cái cách đi đứng nữa, đầu cúi gằm, mắt dán xuống đất mà chả chú tâm tới cái gì. Nếu có kẻ nào đó đã được rửa tội thì chính là ông ta.

Nhưng bà im bặt vì Casy đang ở cạnh bên cửa.

– Ông cứ đi dạo thế khéo không bị say nắng đấy – Tom nói.

Casy nói:

– Ừ hẳn là có thể thế. – Rồi đột nhiên ông nói với bà mẹ, với ông nội và Tom. – Tôi phải đi về miền Tây. Nhất định phải đi. Tôi tự hỏi, không biết liệu có đi cùng với nhà ta được không? – Rồi ông cứ đứng như vậy ngượng ngùng vì chính điều mình nói.

Mẹ nhìn Tom, nhường lời cho anh vì anh là đàn ông, nhưng Tom không lên tiếng. Bà chờ cho anh con sử dụng quyền của mình, rồi bà nói:

– Ồ, sao ông lại hỏi thế, có ông đi với chúng tôi đấy là một vinh dự. Dĩ nhiên, hiện giờ tôi không dám trả lời dứt khoát. Bố nó nói là tối nay, tất cả đàn ông sẽ họp bàn chuyện đi. Tôi thiết nghĩ, tốt nhất là không quyết định gì hết, chờ cho người lớn về đủ đã. Chú John, Bố nó, Noah, Tom, ông Nội, Al và Conni. Nhưng nếu còn chỗ, tôi gần như biết chắc là ai nấy sẽ rất hãnh diện có ông cùng đi.

Ông mục sư thở dài;

– Dẫu thế nào, tôi cũng phải đi, – ông ta nói. – Có

nhiều chuyện đã xảy ra. Tôi đã đi xem căn nhà trống rỗng, đất đai này trống rỗng và tất cả xứ này trống rỗng. Tôi không thể ở lại đây được. Tôi sẽ làm việc trên đồng ruộng và có lẽ tôi sẽ sung sướng.

– Và ông không giảng đạo? – Tom hỏi.

– Tôi sẽ không giảng đạo.

– Ông không làm lễ rửa tội? – Mẹ hỏi.

– Tôi sẽ không rửa tội. Tôi lao động trên ruộng đồng, trên những cánh đồng xanh và tôi sẽ ở gần con người. Tôi không cố bày vẽ cho họ cái gì hết, bất cứ gì. Tôi cố thử học hỏi. Tôi học hỏi xem cớ sao con người bước đi trong cỏ, tôi sẽ nghe họ nói chuyện, nghe họ hát. Tôi lắng nghe trẻ con ăn cháo. Tôi lắng nghe các cặp vợ chồng bù khú ban đêm, khiến cho đệm giường rên rỉ. Tôi sẽ ngồi ăn cùng họ, và tôi học hỏi – Đôi mắt của ông ươn ướt long lanh – tôi ăn nằm trên cỏ công khai và lương thiện, với tất cả người nào thích tôi. Tôi muốn nguyền rủa và thề nguyền… và nghe chất thơ trong những cuộc chuyện trò. Chính tất cả điều đó, tất cả điều đó mà tôi không hiểu, mới thiêng liêng. Tất thảy điều đó là những điều tốt lành.

– Amen, – Mẹ nói.

Ông mục sư khiêm nhường ngồi trên cái thớt gần cửa:

– Tôi tự hỏi không biết cuộc sống còn có cái gì cho một con người đơn độc đến thế này.

Tom kín đáo ho.

– Với một người mà không giảng đạo nữa thì… – Tom bắt đầu lên tiếng.

– Ô! Về chuyện ăn nói, tôi chả nhường cái lưỡi cho

ai, – Casy nói. – Cái đó thì tôi không tránh khỏi. Nhưng tôi không giảng đạo. Giảng đạo tức là kể chuyện tào lao cho người ta nghe. Tôi hỏi họ. Thế không phải là giảng đạo, sao?

– Tôi biết đâu, – Tom nói. – Giảng đạo có nghĩa là một cách uốn giọng, giảng đạo đức là một cách nhìn sự việc. Giảng đạo tức là làm tốt cho con người chính lúc họ thèm khát muốn giết người. Năm ngoái vào Noel, ở Mac – Alester, đội quân Cứu rỗi đã tới thăm bọn tôi để mang điều lành đến chỗ bọn tôi, họ dành ba tiếng đồng hồ chơi kèn coocnê cho chúng tôi nghe. Họ rất tốt với chúng tôi. Nhưng nếu một đứa trong bọn tôi định lẩn đi, họ vẫn chơi không nghỉ cho tới lúc chúng tôi lỉnh hết. Giảng đạo là thế. Đem lại điều lành cho một gã đang gặp nguy khốn và chưa thể tống cho mình một cái bạt tai. Đấy, ông không phải là tay thuyết giáo. Nhưng ông đừng có hứng lên mà chơi kèn coocnê quanh đây.

Mẹ ném mấy khúc củi vào lò.

– Tôi chuẩn bị làm chút gì để ăn, nhưng chả có là bao.

Ông Nội kéo chiếc hòm ra ngoài, ngồi lên và tựa lưng vào tường, Tom và Casy cũng làm theo. Bóng râm buổi chiều xế lan xa dần.

Đến chiều, chiếc xe tải quay về, lúc la lúc lắc trong bụi, sàn xe phủ một lớp bụi, mui xe mất dạng dưới bụi, và đôi đèn pha xỉn lại dưới một lớp bụi đỏ. Mặt trời đang lặn lúc chiếc xe quay về trong ánh nắng sắp tàn, mặt đất nhuốm màu máu. Al cúi mình trên tay lái, kiêu hãnh, nghiêm nghị, tự tin về vai trò của mình, Bố và chú John xứng đáng với vai trò thủ lĩnh bộ lạc, chiếm hai chỗ danh dự cạnh chú tài. Những người khác đều đứng trong xe, đang bám chặt vào thành xe. Con Ruthie

mười hai tuổi, thằng Winfield mười tuổi, mặt nhem nhuốc man rợ, đôi mắt mệt mỏi nhưng kích động, ngón tay và khoé miệng đen xì nước cam thảo mà lúc ở phố ông bố đã mua cho chúng để dỗ chúng khỏi khóc nhai nhải. Ruthie mặc chiếc áo dài bằng mút màu hồng buông quá đầu gối, cố làm ra vẻ quan trọng vì ta đây đã là cô gái. Nhưng thằng Winfield vẫn là đứa còn thò lò nước mũi, hay hờn dỗi, cằn nhằn, quen thói nhặt hút các mẩu thuốc lá thừa. Trong khi Ruthie ý thức được sức mạnh, trách nhiệm và sự trang nghiêm mà bộ ngực đang nở nang dành cho nó, thì thằng Winfield vẫn còn là thằng mất nết, hiếu động. Ở gần chúng, Rosashan khéo léo nắm lấy các song sắt, người lắc lư, bàn chân đu đưa, để cho đầu gối và khuỷu tay chịu những cú sóc dọc đường. Chả là Rosashan đã có ngén nên phải cẩn thận. Đám tóc tết tạo nên một chiếc vành khăn sắc hung nhạt. Khuôn mặt dịu dàng và tròn, cách đây mấy tháng còn hấp dẫn và gợi khoái lạc, nay đã mang cái rào chắn của sự thai nghén. Nụ cười tự mãn và qua cái nhìn của cô người ta thấy cô ý thức được sự hoàn hảo của mình, cái thân hình phây phây, đôi vú nhô lên và mềm, bụng, hông, mông rắn chắc, nân nân và khêu gợi, khiến ai nhìn cũng muốn vuốt ve hoặc đưa tay vỗ vỗ. Cả thân hình của cô đã trở nên kín đáo và nghiêm trang. Tất cả mọi suy nghĩ, tất cả mọi hành động của cô đều hướng về bên trong, về đứa trẻ nằm trong bụng. Với cô, cả trái đất này đang có chửa; trong suy nghĩ của cô, đâu đâu cũng là sự tái sinh, sự sinh đẻ.

Connie, anh chồng mười chín tuổi lấy cô hồi cô còn là đứa con gái bạo dạn như con trai, nõn nà, ham khoái lạc, giờ đây anh ta còn hoảng sợ, kinh ngạc trước sự thay đổi này, vì không còn những lần làm tình, ôm ghì lấy nhau, cắn nhau, cấu véo nhau giữa những giọt nước

mắt. Giờ đây trước mặt y chỉ còn là một con người cân bằng, thận trọng và khôn ngoan, mỉm cười rụt rè nhưng cương quyết khi y tới gần. Connie lấy làm tự hào và có hơi ngại Rosashan. Mỗi lần có thể, y đặt tay lên người cô hoặc đứng sát bên làm sao cho hai thân xác đụng vai, đụng hông nhau. Qua đó, y muốn gìn giữ một sự chung đụng mà nếu khác đi thì có cơ bị lỏng lẻo. Y là một anh chàng gầy, nét mặt xương xương có cái gì đó giống như người vùng Texas, và đôi mắt xanh biếc của y đôi khi nom nguy hiểm, đôi khi thân ái, đôi khi khiếp sợ nữa. Y là một tay lao động, sẽ là người chồng tốt. Y uống vừa đủ, không bao giờ quá chén. Khi cần thì đánh nhau nhưng không khoác lác. Giữa đám đông, y ngồi trầm lặng, nhưng xoay xở làm sao để thiên hạ biết y có mặt ở đấy và để khẳng định tư cách của y.

Chú John đã quá năm mươi tuổi và lẽ dĩ nhiên chú là một trong những người chủ gia đình, giá không phải như thế, chú đã không ưa chiếm chỗ ngồi danh dự cạnh anh tài xế. Chú muốn Rosashan ngồi vào chỗ đấy. Nhưng chuyện đó đâu có được, vì cô là thân đàn bà con gái, lại trẻ. Nhưng chú John thấy không yên tâm, đôi mắt bị ám ảnh bởi nỗi cô đơn lộ vẻ băn khoăn, còn cái thân người mảnh và tráng kiện vẫn rụt lại. Hầu như mãi mãi, sự cô đơn đặt một rào chắn giữa chú John với mọi người, giữa chú John và những đam mê. Chú ăn ít, không uống bất cứ rượu gì và sống độc thân. Nhưng ngấm ngầm phía dưới cái hình hài đó, những dục vọng có cơ căng phình lên đến nổ tung. Lúc đó thì chú ăn lấy ăn để đủ thứ mà chú khát khao, ăn đến nỗi bội thực, hoặc giả chú uống uytki đến nỗi chỉ là kẻ thân tàn ma dại run lẩy bẩy, mắt đỏ ngầu và đầm đìa nước mắt, hoặc giả chú vực mình lăn lê trong sự trác táng với con đĩ nào đó ở Sallisaw. Người ta kể rằng có một lần chú

mò tới tận Shawnee, chú thuê ba con đĩ nhét vào chung một giường và trong cơn điên dâm dục, suốt một tiếng đồng hồ, chú vừa khụt khịt, vừa lăn xả vào mấy cái thân hình trơ trơ của bọn chúng. Nhưng khi đã chán chê chú lại trở nên buồn bã, xấu hổ và cô đơn. Chú tránh né mọi người, và cố gắng dùng quà cáp để được xoá tội. Chính lúc đó chú lẩn vào các nhà, nhét kẹo cao su vào dưới gối lũ trẻ con, chính lúc đó chú chặt củi cho thiên hạ mà không chịu lấy công. Chính vì thế mà có gì là của chú, chú đem cho tất: một yên ngựa, một con ngựa, một đôi giày mới. Vào những thời gian đó, người ta không thể nói chuyện với chú, bởi vì chú trốn mọi người, mà nếu không làm được thế, chú rút vào vỏ ốc và chỉ hé một con mắt hoảng sợ để nhìn ra ngoài. Cái chết của vợ chú; tiếp theo sau là những tháng dài cô độc đã đem lại cho chú một mặc cảm về tội lỗi và sỉ nhục, hòa lẫn với một nỗi cô đơn khôn nguôi đè nặng lên chú.

Nhưng thật éo le, có những việc mà chú không trốn tránh dược. Đã là một trong những ông chủ gia đình, chú phải buông giầm cầm chèo mà hiện giờ là phải ngồi vào chỗ danh dự ở phía trước.

Ba người đàn ông đã ngồi ở ghế trước, nom buồn bã ủ ê khi trở về nhà trên con đường bụi bẩn. Cúi xuống tay lái Al hết nhìn con đường cái và cảnh vật một bên đường, vừa lái vừa phải trông coi kim ampe kế đang nẩy lên một cách đáng lo, vừa trông coi mức dầu và cái nhiệt độ kế… Trí óc của hắn ghi nhận những điểm yếu hoặc những chi tiết đáng ngờ của chiếc xe. Hắn lắng nghe cái tiếng rên rỉ có thể do cái cầu phía sau thiếu tra mỡ, bị khô, lắng nghe tiếng pitông nâng lên hạ xuống, để tay lên cái cần gạt tốc độ dò xem sự hoạt động của các trục, và hắn đã nhả máy hãm để thử sự xê xích của

hợp lò xo. Có thể, chốc chốc cả người hắn rừng rực như con cừu đực động cỡn nhưng lần này thì không, trách nhiệm của hắn đã bị ràng buộc với chiếc xe, với việc bảo quản nó. Nếu xảy ra hỏng hóc thì là lỗi tại hắn, và ngay dù không ai hề đả động đến, nhưng mọi người, nhất là Al, đều biết là lỗi tại hắn. Bởi thế hắn sờ soạng chiếc máy của hắn, trông coi nó, lắng nghe nó. Và khuôn mặt của hắn biểu lộ một ý thức trách nhiệm nghiêm túc. Và ai ai cũng vì nể hắn, hắn và trách nhiệm hắn đảm đương. Ngay cả Bố, là người chủ, cũng cầm lấy lắc lê khi Al trao nó cho ông và ông làm theo lệnh hắn.

Ngồi trong xe, ai cũng mệt mỏi. Ruthie và Winfield mệt mỏi vì đã thấy quá nhiều sự di chuyển, quá nhiều khuôn mặt, và đã xoay xở quá nhiều để có được những dây cam thảo, mệt mỏi do bực bội với chú John vì chú cứ mải lén lút nhét kẹo cao su vào túi chúng. Những người ngồi phía trước thì chán nản, bực tức và buồn bã vì họ bán tất cả đồ gỗ mà chỉ được vẻn vẹn có mười tám đôla. Họ đã quần khách mua, rát cổ họng vì tranh cãi nhưng họ đã thua khi tay mua có vẻ chả thiết, khi lão nói rằng có cho không, lão cũng chả thiết. Chính họ bị thua ở điểm đó. Vì tin lão nói thật họ phải chịu thiệt hai đô la do với giá lão trả lúc ban đầu. Bây giờ họ chán ngán và hoảng sợ vì đã đối đầu với một phương thức mà họ không hiểu và bị nó đánh bại. Họ biết, ngựa và xe giá cao hơn thế nhiều. Họ biết, tay mua sẽ kiếm được thêm nhưng họ không biết cách xoay xở. Họ mù tịt những bí quyết lắt léo của sự mặc cả buôn bán.

Al mắt hết nhìn đường cái lại nhìn bảng số trên xe nói:

– Cái lão ấy, chả phải người ở đây. Lão không nói

tiếng vùng ta, mà ăn mặc cũng không như người vùng ta.

Bố nói rõ thêm:

– Lúc tao ở nhà lão chủ hiệu ngũ kim, tao có nói chuyện với mấy người tao quen. Theo họ nói thì có những thằng cha như vậy đấy, chúng tới đây cố tình mua tất tật những gì mà bọn tá điền như chúng ta phải bám để có thể ra đi. Đâu chúng không phải xứ này, chúng hốt tiền trên lưng trên cổ bọn ta. Nhưng chúng ta chịu bó tay, biết thế mà chả làm gì được. Nhẽ ra thằng Tom phải đi cùng. Biết đâu hắn lại không biết cách làm ăn hơn ta.

John nói :

– Nhưng cái thằng cha ấy, nó có thiết quái gì đâu. Chả nhẽ lại mang trở về.

– Những kẻ mà tao biết cũng bảo như vậy đấy. – Bố nói – Họ nói cái bọn đi mua kia lúc nào cũng làm như vậy. Mánh lới của chúng là khiến người ta đâm hoảng. Có điều rõ, là bọn ta không biết cách xoay xở, thế thôi. Mẹ mày sẽ thất vọng. Thất vọng và bực dọc.

Al nói:

– Theo Bố thì bao giờ đi được?

– Chưa biết. Tối nay sẽ bàn và sẽ quyết định. Có điều là Tommy đã trở về, thế 1à tao ưng rồi. Khỏi canh cánh trong lòng. Tommy nó biết thương nhà lắm.

Al nói:

– Bố ạ, có những đứa chúng nói về anh Tom, theo chúng thì Tom đã được tha vì đã hứa, mà như thế có nghĩa là anh ấy không được rời khỏi Bang. Nếu anh ấy đi, họ sẽ bắt lại và sẽ dẫn về nơi kia giam ba năm.

Bố sững sờ.

– Chúng nói thế hả? Thật sự chúng biết chuyện này? Hay chỉ là chuyện ba láp?

– Con không biết. – Al nói. – Họ chỉ trò chuyện thế thôi, con không nói cho họ biết đó là anh con. Con nán lại đấy để nghe.

– Trời ơi là trời! Tao mong là họ chỉ nói vớ vẩn thôi. Chứ chúng ta cần đến Tom. Tao sẽ hỏi sự thể ra sao. Như thế này cũng đã đủ khổ lắm rồi. – Cần thì phải có ma quỉ đuổi sau đít nữa. Tao mong là không đúng. Sẽ phải bàn bạc xem cho biết rõ.

Chú John nói:

– Như thế nào thì Tom nó biết.

Họ im bặt, còn chiếc xe cà tàng kỳ cục tiếp tục hành trình. Động cơ ầm ĩ, chứa đầy những tiếng ken két, lích kích và cần hãm lách cách không ngừng. Báng xe rên rỉ và một tia hơi nước phọt ra từ một lỗ của chiếc nút bộ tản nhiệt. Chiếc xe cuốn lên một đám bụi đỏ mịt mù phía sau nó. Họ leo lên sườn dốc thấp cuối cùng trong khi một nửa mặt trời còn nằm phía trên chân trời, và nó vừa lặn hẳn thì họ lao thẳng xuống phía nhà. Phanh xe ken két lúc họ dừng lại, tiếng kêu đó lập tức in đậm vào trí óc Al, bộ hãm thế là đi đứt.

Ruthie và Winfield vừa lao qua thành xe vừa la hét và nhảy thịch xuống đất. Chúng kêu toáng lên.

– Anh ấy đâu? Anh Tom đâu?

Thấy anh đứng gần cửa, chúng đứng sững lại, bẽn lẽn, rồi chúng chậm rãi bước lại gần anh, và rụt rè nhìn anh.

Nghe tiếng: “Nhóc con, chào các em, thế nào, khoẻ

không?” chúng nhỏ nhẹ đáp:

– Chào anh, khoẻ lắm!

Và chúng đứng tránh ra, trộm lén nhìn kỹ thằng anh đã từng giết người và đã bị bỏ tù. Chúng nhớ lại trò chơi bỏ tù trong chuồng gà và chúng đã đánh nhau như thế nào vì muốn bắt đứa nào làm tên tù.

Connie Rives nâng tấm ván phía sau xe lên rồi bước xuống để đỡ Rosashan. Cô chấp nhận sự giúp đỡ với vẻ quí phái, coi đó như một sự quan tâm tôn kính, đồng thời cô mỉm cười với vẻ thông hiểu, thoả mãn, khoé miệng hơi nhếch lên thoáng một chút hợm hĩnh.

Tom nói:

– Ơ kìa, Rasasharn, tưởng là ai. Anh không biết là em cũng đến đây.

– Bọn em đi bộ. Gặp xe lên luôn. – Rồi cô thêm. Em giới thiệu với anh, Connie, chồng em. – Và khi nói như vậy, nom cô thật trang trọng.

Hai chàng trai vừa xiết tay nhau, vừa đánh giá lẫn nhau, soi mói nhìn nhau, một lúc sau họ tự cho là đã được thoả mãn, Tom nói:

– Anh thấy chúng mày biết tranh thủ thời gian!

Cô cúi mặt:

– Đã thấy gì đâu, chưa đâu.

– Chính mẹ nói anh biết. Bao giờ ấy nhỉ?

– Ô! Còn lâu, không trước mùa đông được.

Tom cười:

– Em muốn đứa trẻ sinh ra dưới bóng cây cam, đúng không? Trong một ngôi nhà trắng, xung quanh toàn cam.

Rosasharn đưa cả hai tay sờ bụng.

– Còn non tháng, – cô nói, và cô cười với vẻ thoả mãn rồi đi vào nhà. Buổi chiều nóng bức, ánh sáng còn đỏ rực ở phía tây. Như theo một tín hiệu, cả gia đình nhóm lại quanh chiếc xe và thế là nghị viện, chính phủ gia đình mở đầu buổi họp.

Trong ánh hoàng hôn, đất đỏ nom trong suốt và do đó sâu thẳm, mênh mông thêm, và hình dáng đường nét các đồ vật cũng sắc cạnh thêm. Một phiến đá, một cái cọc, một ngôi nhà đi vào bề sâu nhiều hơn, đậm đặc hơn là trong ánh ban ngày. Và những cảnh vật đó trở nên những thứ mang hồn riêng biệt một cách lạ lùng – cái cọc bây giờ mới thực chất là cái cọc, nó tách rời khỏi đất đai mà nó được trồng xuống, và tách khỏi cánh đồng ngô trên đó bóng nó đang in dài. Cây cỏ cũng mang hồn riêng, thôi không còn là thứ đem lại mùa màng, cây liễu buông xõa tóc là là, thanh thoát, tự nó gỡ ra khỏi các cây liễu khác. Đất đai góp phần vào ánh chiều. Mặt phía trước ngôi nhà xám không quét vôi, bây giờ nhuốm ánh trăng xanh phơn phớt. Chiếc xe màu xám phủ bụi ở trước cổng sân, nổi bật lên trong vùng ánh sáng huyền ảo như trong cảnh sắc của một chiếc kính lập thể.

Buổi chiều tối cũng làm cho con người thay đổi khiến họ bình tĩnh hơn. Hình như họ là thành phần trong một tổ chức cái vô thức. Họ tuân theo những xung lực mà đầu óc họ chỉ ghi nhận một cách mơ hồ. Đôi mắt họ hướng về nội tâm, êm ả, và đôi mắt của họ cũng sáng long lanh trong không khí buổi tối, long lanh trên các khuôn mặt lấm bụi.

Cả gia đình tụ họp gần bên chiếc xe là chỗ quan trọng nhất. Ngôi nhà đã chết, cánh đồng đã chết, nhưng

chiếc xe này vẫn hoạt động, là nguyên lý sống. Chiếc Hudson cổ xưa với tấm chắn bộ tản nhiệt méo vênh và nổi u, với những cục mỡ tròn lấm tấm bụi đọng lại bên rìa mòn của tất cả các bộ. Chính chiếc xe đó, – nửa – xe du lịch – nửa xe tải, với các cạnh cong vênh, nom thật khó coi – bây giờ đã trở thành bếp lửa mới, trung tâm sống động của gia đình.

Bố đi vòng quanh chiếc xe, nhìn nó rồi ngồi xổm trong cát bụi, tìm được một cái que để vạch vạch trên cát. Một bên bàn chân tì bệt xuống đất, bàn chân kia hơi rụt lại gần như nhón lên, cho nên một đầu gối cao hơn đầu gối kia. Cẳng tay trái tựa vào cái đầu gối phải, còn nắm tay phải chống cằm. Bố ngồi xổm, mắt dán vào chiếc xe, cằm tì vào nắm tay. Chú John lại gần ông và ngồi xổm bên cạnh. Đôi mắt họ suy tư. Ông nội ở trong nhà bước ra, thấy cả hai người đang ngồi xổm bên nhau. Chân bước lập cập, ông lại gần và ngồi ở bậc lên của chiếc xe đối diện với họ. Ba người làm hạt nhân. Tom, Connie và Noah tới nơi, ngồi xổm xuống thành một hình cung mà ông Nội là trung tâm. Đến lượt bà mẹ từ trong nhà đi ra cùng bà Nội, Rosasharn thận trọng bước theo sau. Họ đến đứng chống nạnh phía sau đám đàn ông. Còn bọn trẻ con, Ruthie và Winfield đứng bên cạnh đám phụ nữ, lấy ngón chân cái sục sạo trong đất đỏ nhưng không dám làm ồn. Chỉ thiếu ông mục sư. Là một mục sư tốt bụng, ông biết rõ việc gia đình nên ông giữ ý ngồi ở phía sau nhà.

Ánh sáng buổi tối dịu đi, gia đình lặng im trong một chốc. Tiếp đó, trước đông đủ cả nhóm, Bố bắt đầu thuật lại sự việc.

– Chúng ta đã bị lừa gạt khi bán đồ đạc. Cái thằng cha ấy hắn buộc chúng ta phải bán, hắn biết chúng ta

đang vội nên chúng ta chỉ bán được mười tám đôla.

Mẹ bồn chồn cựa quạy, nhưng giữ được bình tĩnh.

Anh cả Noah nói:

– Gộp tất cả, nhà mình có bao nhiêu?

Bố vẽ vẽ những con số trên cát và lẩm bẩm một mình.

– Trăm năm mươi tư đô. Nhưng thằng Al nói ta phải có lốp mới. Hắn nói là những chiếc lốp có sẵn kia chả kéo dài được lâu.

Lần đầu tiên Al tham dự hội nghị. Cho đến giờ, hắn cứ đứng phía sau với đám phụ nữ, bây giờ hắn phải trình bày rõ sự việc. Hắn nói một cách đĩnh đạc:

– Xe đã cũ và xấu xí. Trước khi mua, con đã xem xét kỹ khắp các bộ phận. Cái thằng đứng bán kể lể lải nhải rằng đó là món hời, nhưng con chả thèm nghe. Con đã thọc ngón tay vào bộ vi sai, không thấy có mạt cưa. Con mở hộp số, cũng không thấy có mạt cưa. Con đã thử tốc độ và thử đổi hướng. Con luồn xuống nằm phía dưới, khung gầm không bị vát, bị vẹo, chưa bao giờ nó gặp tai nạn. Con thấy có chút nứt nẻ ở bộ phát điện, và đã nói với hắn thay cho con cái mới. Lốp thì gần như đi đứt rồi, nhưng thuộc cỡ phổ biến. Dễ kiếm. Máy có những chỗ không ổn nhưng dầu không rỉ ra. Lý do con mua nó là vì nó thông dụng. Nghĩa địa ô tô đầy những Hudson Super – six và các bộ phận thay thế không đắt. Với giá đó, con có thể mua một chiếc lớn hơn, chạy nhanh hơn, nhưng phụ tùng khó kiếm vả lại đắt. Đấy, tóm lại, con suy tính như thế.

Với kết luận như vậy, hắn phó mặc cho gia đình đánh giá. Hắn im bặt, chờ đợi ý kiến chung.

Về danh nghĩa, ông Nội vẫn là chủ, nhưng cụ không quản nữa. Địa vị của cụ chỉ có tính cách hoàn toàn danh dự, một chuyện theo tập quán. Nhưng cụ có quyền đưa ý kiến ra trước tiên, cho dầu nó cũng ngớ ngẩn như cái đầu óc già nua của cụ. Kẻ ngồi xổm người đứng, ai nấy đều chờ cụ lên tiếng.

– Mày khá lắm, cháu Al ạ. Hồi còn trẻ, tao cũng như mày cũng là thằng oắt con ngạo nghễ. Như con dê động rồ[21] chỉ biết đến chuyện cưa gái và làm chuyện bậy bạ. Tiếng thế chứ, việc đến tay là có tao. Càng nhớn mày càng khôn ra.

Ông kết thúc với giọng ban phúc, và Al thích thú đến đỏ mặt. Bố nói:

– Theo tao, suy tính thế là đúng. Giá như phải chuyện ngựa nghẽo, thì không nên giao trách nhiệm cho Al. Nhưng về ô tô ở đây chỉ có hắn biết.

– Con cũng biết chút ít, – Tom nói. – Con đã lái mấy lần ở Mac – Alester. Al nói đúng. Hắn làm thế là phải.

Bây giờ thì Al đỏ dừ trước lời khen ngợi. Tom nói tiếp:

– Ý con muốn nói là… à, ông mục sư kia… ông ta muốn đi cùng chúng ta.

Rồi anh nín thinh. Tiếng anh nói rơi tõm xuống nhóm, cả nhóm im lặng.

– Ông ấy tốt bụng, – Tom tiếp tục. – Nhà ta quen biết ông ấy đã lâu. Nhiều lúc ông ăn nói hơi ngồ ngộ nhưng ông ấy nói những điều phải chăng.

Anh chỉ nói thế, rồi còn để cả gia đình định liệu.

Ánh sáng mờ dần. Mẹ rời nhóm đi vào nhà và người ta nghe những vòng sắt của bếp lò kêu lách cách. Một

lát sau đó, bà trở lại đứng vào chỗ cũ trong hội đồng, tại đây, ai cũng đang đăm chiêu trù tính.

Ông Nội nói:

– Có hai cách suy nghĩ. Có những kẻ tin rằng các ông mục sư, họ mang đến điều xúi quẩy.

Tom nói:

– Ông nói ông không còn là mục sư nữa.

Ông Nội khoát tay:

– Đã là mục sư thì bao giờ cũng là mục sư. Đâu có phải là điều dễ gì mà rũ sạch được. Có những kẻ cho rằng theo ý chúng, thì đưa một mục sư đi cùng là điều hay, đáng kể. Ai chết, đã có ông mục sư ở đấy để chôn cất. Đến mùa cưới xin hay cưới xin đã qua, đã có ông mục sư; nếu có đứa bé ra đời, đã có người để nhập đạo cho nó liền ngay. Tao, tao luôn luôn từng nói, mục sư thì cũng có năm bảy loại. Tao, tao thích ông đó. Ông ta không lên mặt ta đây.

Bố cắm chiếc gậy vào bụi cát, lấy ngón tay xoay xoay mãi tới lúc đào được một cái lỗ nhỏ.

– Chuyện không phải là tìm xem ông ta mang hoạ hay mang phúc gì tới, hoặc tốt xấu. Nên nhìn kỹ hơn. Nhìn kỹ hơn thì kể cũng đáng buồn. Xem thử nào. Ông và Bà, hai người. Chú John, mẹ chúng bay và tao, là năm. Noah, Tommy và Al… là tám. Rosasharn với Connie là mười, Ruthie với Winfieid, mười hai. Phải đưa mấy con chó đi, không thì làm thế nào với chúng? Không thể giết những con chó khôn, mà đem cho thì cho ai bây giờ? Vị chi mười bốn.

– Chưa kể đàn gà con còn lại và hai con lợn. – Noah nói.

Bố nói:

– Tao có ý kiến, lợn thì đem giết ướp muối để dọc đường có cái ăn. Ta phải có thịt, ta đem thùng ướp muối đi cùng. Nhưng thử hỏi, liệu có thể cả nhà nhét vào xe tải, thêm ông mục sư nữa. Và liệu có thể nuôi thêm một miệng ăn không? – Không quay đầu lại, bố hỏi – Có thể được không mẹ nó?

Bà mẹ đằng hắng rồi nói:

– Không nên nói có thể hay không có thể mà phải nói muốn hay không muốn – bà nói cương quyết. Có thể hay không ư? Chúng ta chả có thể làm được gì hết, thậm chí không thể không đi California, hoàn toàn không, nhưng có muốn hay không muốn thì thế này, chúng ta muốn làm gì, chúng ta làm nấy. Lại nữa, muốn hay không muốn ư? Gia đình nhà ta ở đây và ở miền Đông, đã lâu rồi, thế mà tôi chưa từng nghe nói họ Joad cũng như họ Hazlett đã từ chối miếng ăn, chỗ ở hoặc cho đi nhờ xe, đối với bất cứ ai. Nhà Joad có những người xấu bụng, nhưng đâu có xấu đến mức tồi tệ thế.

Bố xen ngang:

– Nhưng dẫu sao, không đủ chỗ thì sao? Ông đã quay vẹo cả cổ lại để nhìn bà; và ông đâm xấu hổ. Giọng nói của bà làm ông xấu hổ – cứ giả dụ là không thể nhét hết vào xe được thì sao?

– Ngay bây giờ đã không được rồi, – bà nói – Không đủ chỗ cho sáu người, ấy thế mà chắc chắn đã có mười hai người đi. Thêm một người, có hại gì quá lắm đâu, mà lại là một người khoẻ mạnh, thế thì chả bao giờ có chuyện phiền hà, khó xử. Với lại, một khi đang có con lợn, với trên trăm đô, mà cứ băn khoăn chẳng biết có nuôi thêm được một miệng ăn hay không…

Mẹ ngừng bặt, Bố quay đầu lại, đau buốt sau cái đòn gay gắt đó. Bà Nội nói:

– Có một ông mục sư ở với mình là điều hay. Sáng nay ông ta đã nói những lời tạ ơn tốt lành.

Bố nhìn mỗi khuôn mặt để xem có ai phản đối gì không, rồi ông nói:

– Đi tìm ông ta, Tommy. Nếu ông ta phải đi cùng chúng ta, thì ông ta nên tới đây. Tommy đứng lên, vừa rẽ về phía sau ngôi nhà vừa gọi to:

– Casy… ơi! Ông Casy.

Một tiếng nghẹn ngào đáp lại từ phía sau ngôi nhà. Tom rẽ về phía đó và trông thấy ông mục sư ngồi tựa lưng vào tường, mắt dán vào ngôi sao hôm lấp lánh trên bầu trời tái nhợt.

– Mày gọi tao? – Casy hỏi.

– Đúng. Ý nhà tôi là nếu ông đi với chúng tôi, ông phải đến để bàn xem nên thế nào.

Casy đứng lên, ông hiểu việc quản lý gia đình, ông biết mình vừa được chấp nhận vào gia đình, thậm chí còn có địa vị cao là đằng khác, bởi vì chú John né sang bên, dành cho ông một chỗ giữa chú và Bố. Casy cũng ngồi xổm như những người khác, đối diện với ông Nội ngồi trên bậc xe như ông vua trên ngai vàng…

Mẹ trở lại vào nhà. Nghe rõ tiếng chao đèn ken két rồi một ánh sáng màu vàng chiếu bắn vào trong bếp. Khi bà nâng nắp chiếc thùng to lên, mùi thịt lợn hầm và bắp cải theo từng luồng hơi phun ra cửa. Cả nhà nhìn vào cái sân tối sầm, chờ bà trở lại, vì bà có uy lực trong nhóm.

Bố nói:

– Phải quyết định khi nào lên đường. Càng sớm càng tốt. Điều phải làm trước khi đi, là giết lợn, ướp muối, chất các đồ đạc lên xe rồi tếch thẳng. Càng sớm càng tốt.

Noah tán thành:

– Nếu làm đi một lèo, thì ngày mai đã sẵn sàng, và đúng ngày kia là đi.

Chú John cãi lại:

– Gặp nắng nóng ban ngày, thịt không lạnh lại được. Giết lợn vào mùa này là không phải lúc. Nếu không lạnh lại, thịt sẽ mền nhũn ra.

– Đã thế, ta làm tối nay. Đêm nay nó sẽ lạnh lại, được chăng hay chớ. Không thể lạnh hơn được. Mẹ nó có muối không?

Mẹ đáp:

– Ờ muối thì tha hồ. Tôi cũng có hai thùng để ướp muối.

– Được, thế thì bắt tay vào việc thôi. – Tom nói.

Ông Nội bắt đầu cựa quậy, sờ soạng tìm chỗ tựa để đứng lên.

– Bắt đầu tối rồi, – ông nói, – mà tôi bắt đầu thấy đói. Đợi lúc tới California, lúc nào tao cũng có một chùm nho trong tay, mà mẹ kiếp, cả ngày tao chỉ ngồi nhấm nhót.

Ông đứng dậy, và ai nấy đều đứng cả lên.

Ruthie và Winfield, háo hức nhảy trong bụi cát như lũ trẻ điên. Ruthie rỉ vào tai Winfield với tiếng khàn khàn:

– Nhà giết lợn rồi đi California… Nhà giết lợn rồi đi

California… tất cả cùng một lúc.

Và Winfield rơi vào trạng thái như điên thật sự. Nó đặt ngón tay lên cố họng, nhăn nhó một cái nom thật khủng khiếp rồi bắt đầu chạy lảo đảo và vừa thét lên những tiếng kêu eng éc.

– Tao là con lợn già. Nhìn xem? Tao là con lợn già. Nhìn xem máu này, Ruthiet – Rồi nó chệnh choạng, ngã lăn xuống đất, tay chân giãy giụa, như sắp chết.

Nhưng Ruthie nhớn tuổi hơn, nó nhận biết được sự quan trọng kỳ lạ của giờ phút này.

– Và nhà ta đi California, – nó nhắc lại. Nó biết rằng đây là lúc quan trọng nhất trong đời nó.

Mấy người lớn đi xa dần trong bóng tối, tiến về phía căn nhà bếp có đèn. Mẹ dọn cho họ ăn những lá rau xanh và thịt trong các đĩa thiếc. Nhưng trước lúc ăn, bà đặt cái chậu to lên lò và quạt lửa, xách những xô đầy nước đặt khắp xung quanh các chậu gỗ. Căn nhà bếp thực sự trở thành một phòng tắm Thổ Nhĩ Kỳ, cả nhà ăn vội rồi đến ngồi ở ngưỡng cửa chờ đợi cho nước nóng. Họ nhìn vào đêm tối, ngắm cái vùng ánh sáng mà ngọn đèn từ nhà bếp rọi xuống đất qua cánh cửa mở, có bóng khom khom của ông Nội ở giữa. Noah cẩn thận xỉa răng với một cọng chổi. Mẹ và Rosasharn rửa bát đĩa và chồng lên bàn.

Rồi đột nhiên, cả nhà bắt đầu hoạt động. Bố đứng lên thắp một chiếc đèn lồng khác. Noah vào bếp lôi ở hòm ra con dao hàng thịt ngắn lưỡi và mài lại. Rồi anh đặt cái nạo trên cái thớt cạnh con dao. Bố đem tới hai khúc gỗ dài ba bộ, lấy cái rìu vạc nhọn một đầu gỗ, rồi buộc thắt nút hai chiếc giây thừng ở giữa mỗi chiếc gậy.

Ông cằn nhằn:

– Nhẽ ra không nên bán cái cần gỗ thắng ngựa… không nên bán hết.

Nước trong các chậu bốc hơi rồi sùng sục.

Noah hỏi:

– Đưa nước xuống dưới kia hay là khênh lợn lên đây?

– Cho lợn lên. – Bố nói, – Dội nước sôi cho lợn đâu có như dùng nước lã. Không khéo lại bị bỏng. Nước sắp được chưa?

– Gần được. – Mẹ đáp.

– Tốt. Noah con hãy đi với Tom và Al. Tao xách đèn. Ta giết chúng ở dưới kia rồi khênh lên đây.

Noah cầm con dao, xách rìu và cả bốn người đi về phía chái nuôi lợn. Ánh đèn chập chờn luẩn quẩn ở cẳng họ. Ruthie và Winfied vừa đi theo họ, vừa nhảy nhót. Tới chuồng lợn. Bố xách đèn, cúi người luồn qua bờ rào. Những con lợn con còn ngủ say bèn đứng dậy miệng kêu ủn ỉn nghi ngại. Chú John và ông mục sư xuống đỡ một tay.

– Được rồi, – Bố nói – Làm thôi. Ta sẽ chọc tiết trước rồi đem lên nhà, dội nước sôi.

Noah và Tom nhảy qua rào. Thoắt một cái. Tom khéo léo trở sống rìu giáng hai nhát và Noah, cúi xuống hai con lợn bị hạ đưa mũi dao sục sạo tìm động mạch lớn rồi thọc mũi dao vào, máu phun ra như suối. Rồi họ bước qua rào với những con lợn đang gào rú. Ông mục sư và chú John nắm chân sau một con lôi đi, còn Tom và Noah cáng đáng lấy con kia. Bố xách đèn đi theo, máu dây ra vạch hai vệt đen thẫm trong đất bụi.

Lợn đã được lôi lên nhà, Noah lách con dao vào giữa bẹn và xương cẳng sau. Hai chiếc gậy nhọn giữ cho chân giạng ra, và cả hai thân lợn được treo lên xà nhà. Người ta mang nước sôi tới lên thân lợn đen. Noah mổ bụng và để cho lòng lợn rơi xuống đất. Bố vát nhọn hai khúc gỗ khác để giữ cho mình lợn phơi ra gió, còn Tom với một cái nạo và Mẹ với một con dao cùn, hai người cạo lông. Al đi tìm một cái chậu, nháo nhào tùa lòng ruột vào một chậu rồi đem đổ ra khá xa. Hai con mèo vừa đi theo Al, vừa ầm ĩ meo meo, còn sau nữa là hai con chó vừa đi vừa gầm gừ khe khẽ.

Bố ngồi ở ngưỡng cửa nhìn mấy con lợn treo lủng lẳng trong ánh sáng chiếc đèn lồng. Lông đã làm xong, chỉ có vài giọt máu từ thân lợn nhỏ xuống vũng nước đen dưới đất. Bố đứng lên lại gần mấy con lợn, sờ sờ nắn nắn, rồi lại ngồi xuống. Ông Nội tay xách chiếc đèn cắm nến cùng bà Nội tiến lại nhà kho để đi ngủ. Những người còn lại bình thản ngồi trước cửa, Connie, Al và Tom thì ngồi dưới đất lưng tựa vào tường nhà. Chú John chễm chệ trên một cái hòm và Bố thì đứng ở khung cửa. Chỉ có Mẹ và Rosasharn là cứ tiếp tục loay hoay đi lại. Ruthie và Winfleld đang cố chống lại cơn buồn ngủ; Noah và ông mục sư ngồi xổm cạnh nhau, nhìn ngôi nhà. Bố gãi gãi một cách bứt rứt, cất mũ rồi đưa tay vò đầu.

– Ngày mai thật sớm ta sẽ ướp muối con lợn này, rồi chất đồ đạc lên xe, tất tật, trừ mấy cái giường, rồi sáng ngày kia, hốp! Ra đi. Chẳng cần phải mất đến một ngày, – Ông nói, vẻ rầu rầu.

Tom xen vào :

– Thế là loay hoay cả ngày mà chẳng biết làm gì.

Cả nhóm xôn xao, bứt rứt.

– Có thể đến rạng sáng đã sẵn sàng rồi, ta đi thôi – Tom gợi ý. Bố xoa xoa đầu gối. Sự bứt rứt của ông lây lan sang mọi người khác.

Noah nói:

– Ướp muối thịt ngay lập tức đi thôi, chắc chắn là chả có sợ nó thiu thối. Chỉ việc cắt miếng ra, nó càng chóng lạnh.

Chú John không nén được lâu nữa, chú nắm ngay lấy cái khó khăn để giải quyết.

– Chần chừ thì ích gì. Chi bằng chấm dứt quách. Đã đến nước phải đi, thì sao không đi ngay?

Sự quay ngoắt ý kiến này lây lan sang người khác.

– Tại sao lại không đi ngay nhỉ? Sẽ ngủ dọc đường.

Và bỗng dưng một cảm giác vội vã râm ran trong người họ.

Bố nói:

– Hình như phải đi hai ngàn dặm. Một đoạn đường xa cực đấy. Tốt nhất là ra đi thôi. Noah, con có thể cắt khúc cả hai con lợn rồi chất cả lên xe.

Mẹ ló đầu qua cửa:

– Tối tăm thế này, chả nhìn thấy gì, nhỡ quên cái này cái nọ, thì sao?

– Lúc nào trời sáng, chỉ cần nhìn khắp một lượt là được thôi, – Noah nói.

Rồi tất cả im bặt, ngồi suy nghĩ. Nhưng được một lúc, Noah đứng lên, mài lại con dao lưỡi cong trên hòn đá mài.

– Mẹ ơi, – anh nói – Mẹ dẹp cái bàn này ra cho con. Rồi anh lại gần con lợn, xẻ một đường dọc sống lưng

và bắt đầu róc thịt ở sườn.

Bố đứng ngồi không yên:

– Phải nhặt tất. Nào, các con!

Giờ đây, một khi họ đã dứt khoát lên đường, ai nấy đâm ra vội vội vàng vàng. Noah mang những miếng thịt vào bếp cắt nó ra thành những miếng vuông nhỏ để ướp muối. Mẹ lấy muối phủ lên chúng, xếp lần lần từng miếng một trong thùng ướp sau khi đã thận trọng không để miếng nọ đụng miếng kia, bà đặt các tảng thịt như xếp gạch và lấp muối vào các khe hở. Rồi Noah cắt sườn, chặt cẳng. Trong lúc Noah róc hết thịt ở sườn, xương sống và xương cẳng thì Mẹ giữ cho lửa cháy đều, rồi bỏ xương vào lò nướng để gặm sau.

Trong sân và trong nhà kho, các vũng tròn của ánh đèn lồng chờn vờn chỗ này chỗ nọ. Đàn ông chồng chất vào một chỗ tất cả những gì phải mang đi, rồi tải hết lên xe. Rosasharn mang tới tất thảy những áo quần mà gia đình có: quần áo xanh lao động, giày to đế, ủng cao su, những thứ quần áo thường dùng tốt nhất, áo len và những áo vét da cừu. Cô lèn chúng thật chặt vào một cái hòm, trèo vào trong và lấy chân nén thật chặt. Rồi cô lại mang tới những áo dài bằng vải in cành lá, khăn choàng, tất bông đen và quần áo trẻ con – quần yếm, áo trúc bâu rẻ tiền – cô bỏ tất cả vào hòm lấy chân dận xuống.

Tom đi vào chái cất dụng cụ, lấy ra tất cả các dụng cụ cần phải mang đi, một chiếc cưa tay, một chùm lắc lê, một chiếc búa với một hộp đinh vừa cỡ, một đôi kìm, một chiếc giũa bẹt và một bộ giũa tròn nhỏ.

Còn Rosasharn thì mang lại một miếng vải to tẩm hắc ín rồi trải ra phía sau xe. Qua cánh cửa, cô dang tay

nắm miệng kéo mấy tấm đệm lên, ba tấm to, một tấm nhỏ. Cô đặt chúng lên trên tấm vải và mang tới thêm từng ôm các tấm chăn cũ mà cô trải chồng lên trên.

Mẹ và Noah bận rộn xung quanh các bộ xương lợn. Mùi xương cháy từ lò bốc ra. Đêm đã khuya. Cuối cùng thì hai đứa trẻ con không chịu đựng được nữa, Winfield nằm trên đất bụi trước cửa còn Ruthie ngồi trên một chiếc hòm trong bếp để xem làm thịt lợn, đã ngoẹo cổ ra sau mà ngủ, đầu đụng vào tường. Nó thở êm ả và để lộ hàm răng qua đôi môi hé mở.

Tom đã xoay xở xong với các dụng cụ, anh cầm đèn lồng bước vào bếp, theo sau là ông mục sư.

– Mẹ kiếp! – Anh nói, – ông thử ngửi mùi thịt xem. Nghe xem, nó đang nổ lách tách.

Mẹ đặt các vuông thịt vào thùng, rắc muối khắp các mặt, phủ lên phía trên một lớp muối rồi lèn chặt. Bà ngước mắt nhìn Tom, hơi mỉm cười với anh, nhưng cái nhìn của bà nghiêm trang và mệt mỏi. Bà nói:

– Có được xương ăn sáng là ngon lắm.

Ông mục sư lại gần bà.

– Để tôi ướp muối chỗ thịt kia cho, – ông nói. – Tôi có thể làm được. Bà có khối việc khác phải làm.

Bà ngừng công việc, nhìn ông ta một cách ngộ nghĩnh, như thể ông ta đã đề nghị với bà một cái gì lạ lùng. Đôi bàn tay của bà muối phủ trắng và đỏ lòm máu tươi.

– Đây là việc của đàn bà, – cuối cùng bà nói.

– Việc đàn bà hay việc khác, cũng là thế thôi. Công việc ngập đầu thế này thì cần gì phải bận tâm đâu là việc đàn bà, đâu là việc đàn ông. Chẳng phải ở đây bà

mới có việc để làm. Để tôi muối chỗ thịt này cho.

Bà còn nhìn dò xét ông ta một lúc nữa, rồi mới đổ nước ở xô vào chậu thau và rửa tay. Ông mục sư lấy các miếng thịt, rắc muối lên trên trong khi bà quan sát ông ta. Rồi ông đặt thịt vào các thùng ướp muối như bà đã làm. Bà chỉ tỏ ra ưng ý khi ông đã xếp xong một lớp và phủ muối lên. Bà lau khô đôi tay nhợt nhạt và phồng rộp.

Tom nói:

– Mẹ à, ta mang thứ gì ở đây đi?

Bà nhanh chóng nhìn khắp căn nhà bếp. Bà đáp:

– Cái xô. Tất cả mọi thứ cho bữa ăn: đĩa, tách, cùi dìa, dao, nĩa. Bỏ tất cả thảy vào ngăn kéo này, mang luôn đi. Cái chảo to, chiếc nồi to, bình cà phê. Lấy cái vỉ nướng chả trong lò ra khi nó đã nguội. Mẹ muốn đưa cái chậu giặt nhưng mẹ e không còn chỗ nữa. Dùng xô để giặt cũng được. Những thứ linh tinh chả được ích gì. Có thể nấu các thứ lặt vặt trong các chảo lớn, nhưng dùng chảo nhỏ mà nấu các thứ to tát, không ổn. Hãy lấy cả cái cối xay bánh, tất tật. Xếp chúng lại với nhau như chồng bát đĩa ấy. – Bà đứng xem xét nhà bếp – Chỉ việc lấy những thứ mẹ dặn thôi, Tom ạ. Còn lại, để mẹ lo, hộp hạt tiêu, muối, đậu khấu, cái nạo. Thứ đó, bao giờ xong, Mẹ sẽ lấy sau.

Bà xách chiếc đèn lên, nặng nề bước vào buồng ngủ, đôi chân để trần không mảy may gây tiếng động.

Ông mục sư nhận xét:

– Mẹ mày có vẻ mệt mỏi.

– Phụ nữ bao giờ chả mệt mỏi, – Tom nói. – Phụ nữ đều thế cả, trừ lúc thỉnh thoảng có nhóm họp.

– Đúng, nhưng mệt hơn thế. Mệt thật sự. Nhoài ra.

Vừa vặn, bà mẹ bước qua ngưỡng cửa và nghe được những tiếng đó. Khuôn mặt bải hoải của bà cứng rắn lại và các nếp nhăn biến mất. Đôi mắt bà lại ánh lên, đôi vai thôi không sụp xuống nữa. Bà nhìn khắp xung quanh căn buồng đã được dọn gần sạch ngoét. Chỉ còn lại những thứ không có giá trị. Những chiếc đệm nằm bừa bộn trên đất đã biến mất. Những chiếc tủ đã bán rồi. Dưới đất có một chiếc lược gãy, một hộp bột talc rỗng, và đây đó rải rác ít phân chuột. Bà đặt chiếc đèn lồng xuống đất. Từ phía sau một chiếc hòm từng dùng làm ghế, bà lấy ra một hộp giấy đựng đồ văn phòng – một chiếc hộp cũ đã gãy góc. Bà ngồi xuống lôi ra các bức thư, đôi hoa tai, một chiếc nhẫn nhỏ bằng vàng, và một dây chuyền đồng hồ bằng tóc bện, đầu mút có cài móc vàng. Bà đưa đầu ngón tay sờ sờ vào các bức thư, rất nhẹ nhàng, rồi bà miết miết một mảnh cắt ở một tờ báo trong đó có đăng biên bản vụ án xử Tom. Rất lâu, bà nhìn chiếc hộp bà đang cầm trong tay, ngón tay bà xáo trộn các bức thư rồi xếp chúng lại ngăn nắp như cũ. Bà cắn môi dưới, nghĩ ngợi, trăn trở những kỷ niệm. Cuối cùng bà đi đến một quyết định. Bà cầm lấy chiếc nhẫn, dây chuyền, đôi hoa tai, lục lọi tận đáy hộp và tìm thấy một chiếc khuy ống áo bằng vàng. Bà rút một bức thư ra khỏi phong bì rồi bỏ các đồ nữ trang vào phong bì. Bà gấp phong bì lại, luồn nó vào trong túi áo. Nhẹ nhàng, thân thương bà đậy nắp hộp, đưa ngón tay cẩn thận vuốt thật phẳng. Đôi môi bà hé mở. Rồi bà đứng lên, xách đèn và trở vào bếp. Bà nâng cái vành tròn của lò bếp lên, nhẹ nhàng đặt chiếc hộp trên than hồng. Sức nóng nhanh chóng đốt xém vỏ giấy, một ngọn lửa loé lên, liếm vào chiếc hộp. Bà lại đặt chiếc vòng sắt lại như cũ, và trong phút chốc lửa hắt ra một

tiếng thở dài, lan toả và nuốt chửng chiếc hộp.

Ở bên ngoài trong sân tối mịt ánh sáng chiếc đèn soi sáng cho Bố và Al chất đồ lên xe. Các dụng cụ sửa chữa nằm ở đáy nhưng đúng tầm với, ngộ nhỡ xe bị hỏng hóc. Tiếp đó là các hòm quần áo, và các dụng cụ nhà bếp đựng trong một cái túi bằng vải thô. Bộ đồ ăn và đĩa xếp trong ngăn kéo. Rồi chiếc xô buộc ở sau. Hai bố con cố làm sao cho phía đáy được bằng phẳng và nhét kín các khe hở giữa các hòm xiểng bằng những cái chăn cuộn tròn. Phía trên, họ đặt các tấm đệm, và chiếc xe chất đầy vẫn nhô ra một bề mặt phẳng phiu. Sau rốt, họ trải tấm vải bạt tấm hắc ín lên trên tất cả đồ đạc và ở các mép, cứ cách hai bộ, Al lại dùi một lỗ và qua đó luồn những dây thừng mà hắn buộc chặt xuống hai bên thành xe.

– Bao giờ trời mưa, ta buộc nó thành chắn phía trên và ngồi xuống dưới trú mưa. Ngồi phía trước chúng ta không bị ướt lắm đâu.

Bố tán thành.

– Ý kiến đó hay đấy.

– Chưa hết đâu. – Al nói. – Có dịp con sẽ kiếm một chiếc sào dài, làm một cột buồm chống vải bạt lên. Như thế sẽ có một cái như cái lều, ai nấy sẽ tránh được nắng.

Bố đồng ý.

– Ý kiến hay lắm. Thế sao mày không nghĩ ra sớm hơn?

– Con không có thì giờ.

– Không thì giờ? Xem nào, Al, mày có thì giờ chạy rông khắp vùng, có Chúa biết hai tuần lễ nay mày ở

đâu.

– Khi rời quê hương người ta có hàng đống việc phải làm, – Al nói. Nói xong thì hắn phần nào mất tự tin. – Bố này, phải ra đi, Bố có ưng ý không?

– Hở… ờ… ưng chứ, hẳn là ưng rồi. Ở đây sống gay go lắm. Nơi kia cố nhiên sẽ không như thế này… Có ối việc làm, cái gì cũng đẹp cũng xanh, giữa những vườn cam bao quanh là những ngôi nhà nhỏ quét vôi trắng.

– Chỗ nào cũng có cam hay sao?

– Ồ, có thể không phải khắp nơi, nhưng nhiều nơi.

Ánh sáng âm u đầu tiên của bình minh xuất hiện trên bầu trời. Công việc đã xong… thùng ướp muối lợn đã sẵn sàng, lồng gà sắp sẵn để được kéo lên cao tít. Bà mẹ mở lò lấy ra cái đống xương nướng giòn còn dính nhiều thịt. Ruthie mở mắt nửa thức nửa ngủ, tuột từ trên hòm xuống và ngủ lại. Những người lớn đứng ở gần cửa, khẽ rung rung và gặm thịt lợn giòn. Tom nói:

– Ý con nên đánh thức Ông và Bà dậy. Chẳng mấy chốc nữa trời sáng.

Mẹ nói:

– Mẹ không ưng… hãy chờ sát nút đã. Ông Bà cần phải ngủ. Ruthie và Winfield hầu như cũng không được nghỉ ngơi.

– Ồ! Chúng có thể ngủ trên nóc đồ đạc, – Bố nói – ở đấy chắc chắn và thoả mái lắm rồi.

Đột nhiên mấy con chó đang nằm trong bụi bèn đứng lên và vểnh tai. Rồi với một tiếng sủa giận dữ, chúng xông vào bóng tối.

– Quái quỷ, có thể là ai nhỉ? – Bố hỏi.

Một lát sau, họ nghe có tiếng người đang cố xoa dịu lũ chó, và những tiếng sủa không còn hung dữ nữa. Rồi nghe tiếng chân bước và một người tới gần. Chính là Muley Graves, chiếc mũ kéo sụp tận mắt.

Y tiến lại một cách rụt rè.

– Chào cả nhà, – Y nói.

– Ờ! Ra là Muley! – Bố vung vung khúc xương cầm ở tay. – Vào đi, có phần thịt cho mày đấy, Muley ạ.

– Ồ! Thôi, thôi. Đúng ra thì cháu không đói mà.

– Ồ, cứ tự nhiên, Muley! Đây! – Và bố vào nhà đem sườn lợn ra cho y.

– Chẳng phải cháu có ý đến ké vào thức ăn dự trữ của các bác đâu. – Y nói. – Chỉ là cháu tạt qua rồi tự nhủ các bác sắp ra đi, dễ chừng cháu có thể đến từ biệt các bác.

– Chút nữa là đi thôi, – Bố nói. – Nếu mày đến muộn một tiếng thì nhỡ, không gặp được bọn tao. Mày trông kia kìa, đã xếp lên xe tất tật rồi.

Xếp tất tật, – Muley nhìn chiếc xe. – Nhiều lúc cháu như tiếc là không ra đi để tìm người nhà.

– Cháu có tin gì ở California không? – Mẹ hỏi.

– Không. Cháu không nghe nói gì về họ. Nhưng cháu chưa hề đến bưu điện. Có lẽ một ngày gần đây cháu sẽ tới đó một chuyến.

– Al ơi, – Bố gọi – mày vào đánh thức Ông, Bà dậy đi. Mời Ông, Bà tới ăn sáng. Sắp đi rồi – Và trong khi Al đi về phía nhà kho – Muley này, mày có muốn cả nhà ngồi chét vào để có chỗ cho mày đi cùng không? Bọn tao sẽ cố xếp cho mày một chỗ.

Muley cắn cắn một đầu khúc sườn và nhai.

– Nhiều lúc cháu tự nhủ có lẽ phải đi. Nhưng trong thâm tâm cháu biết mình sẽ không làm thế. Cháu biết quá rõ, đến phút cuối cùng cháu sẽ cuốn xéo rồi đi tìm chỗ nấp như một con ma chết tiệt ở nghĩa địa ấy.

Noah nói:

– Một ngày nào đó, mày sẽ chết ngoài đồng ruộng.

– Tao biết lắm. Tao đã nghĩ đến chuyện đó. Nhiều lúc tao cảm thấy quá cô đơn, nhưng nhiều lúc cũng dễ chịu, và có khi lại thấy hay hay nữa. Cái đó chả quan trọng. Nhưng nếu các bác có gặp gia đình cháu, ở California ấy – cháu đến đây chính để nhờ các bác – bác nhắn cho họ biết là cháu vẫn khoẻ. Nói với họ là cháu xoay xở được. Nhất là đừng cho họ biết cháu sống như thế này. Nói với họ, chẳng mấy chốc cháu sẽ tìm đến họ. Khi nào cháu có tiền kha khá.

Mẹ hỏi:

– Mà cháu đi thật chứ?

– Không, – Muley khẽ trả lời – Không, cháu không đi. Cháu không thể đi được. Cháu ở lại. Thật ra thì cách đây không lâu, cháu đã định thế. Nhưng giờ thì không. Càng cố suy nghĩ, người ta càng thêm hiểu biết. Không bao giờ cháu đi nữa!

Ánh bình minh bây giờ đã tỏ hơn, các ánh đèn hơi nhạt đi. Al quay trở lại cùng với ông Nội, ông nặng nề bước đi cà nhắc.

– Ông không ngủ, – Al nói. – ông ngồi ở phía sau nhà kho kia. Có cái gì không ổn.

Cái nhìn của ông Nội sầm lại, ánh mắt tinh quái lấp lánh xưa kia nay đã tắt.

– Chả có gì sất, – cụ nói – Có điều là tao không muốn đi.

– Không đi sao? – Bố hỏi. – Nói thế là thế nào? Đấy, mọi thứ đã xếp lên xe, sẵn sàng cả rồi. Phải đi thôi. Ở lại thì ở vào đâu?

– Tao có bảo bọn bay ở lại đâu. Chúng mày cứ việc đi. Tao… tao ở lại. Suốt đêm, gần suốt đêm, tao suy nghĩ kỹ điều đó. Quê hương tao ở đây. Chỗ của tao ở đây. Tao đếch cần cam, nho, cho dầu nó có mọc tới tận giường tao. Tao không đi. Cái xứ này chả còn tốt đẹp gì, nhưng là quê hương của tao. Không, đi đi, chúng mày đi đi. Tao, tao ở lại. Chỗ của tao là ở đây.

Cả nhà chen chúc quanh ông:

– Không thể thế được, ông ạ, – Bố nói. – Đất đai ở đây máy cày đã đào xới. Ai nấu cho ông ăn? Ông sống làm sao? Ông không thể ở đây được. Xem chẳng có ai chăm sóc ông, chết đói mất.

Ông Nội hét lên:

– Mẹ kiếp! Tao đã già nhưng còn có thể xoay xở được. Thằng Muley, hắn làm thế nào? Tao có thể xoay xở được kém gì hắn. Tao không đi, đã bảo mà. Chúng mày cứ nhét vào cái sọ chúng mày như vậy, nhét chặt vào[22]. Đưa bà đi, nếu chúng mày muốn. Còn tao, chúng bay không đưa đi được. Xong!

Bố lúng túng:

– Nào, ông nghe con nói. Nghe con một chút thôi.

– Tao không nghe. Tao đã nói sẽ làm gì rồi mà.

Tom đặt tay lên vai Bố.

– Bố, vào nhà, con nói chuyện này. – Lúc hai bố con đi về phía ngôi nhà, anh gọi: – Mẹ ơi, mẹ đến đây một

chút, được không?

Trong nhà bếp, có thắp một chiếc đèn lồng, xương lợn đang chất chồng trên mâm. Tom nói.

– Bố mẹ nghe con, con biết là ông Nội có quyền nói ông Nội không muốn đi, nhưng không thể để ông ở lại. Cái đó, ai cũng biết.

– Hẳn rồi, ông không thể ở lại được. – Bố nói.

– Thế thì thế này. Nếu ép ông, trói ông lại thì ông sẽ bị đau, rồi ông giận dữ nổi điên lên có thể phá phách cái gì đó. Mặt khác, không thể bàn bạc với ông được. Nếu có thể, đổ rượu cho ông say là ổn nhất. Bố có whisky không?

– Không, – Bố nói – Nhà chả có lấy một giọt. Mà chú John cũng không có. Chú không thích uống thì chả bao giờ chú có.

Mẹ nói:

– Mẹ có nửa chai thuốc an thần, mua cho Winfield hồi nó đau tai, con nghĩ cái đó có được việc không?

– Có thể, – Tom nói – Mẹ kiếm đi. Cứ cố thử xem.

– Mẹ đã vứt nó trên đống rác.

Mẹ xách đèn đi ra, và một lát sau, bà trở lại với một cái chai đầy gần một nửa một thứ chất lỏng đen.

Tom cầm lấy và nếm.

– Không tồi đâu. Mẹ làm cho ông một tách cà phê rõ đặc vào. Để xem nào… đây có ghi: một thìa cà phê. Tốt hơn là bỏ nhiều vào, hai thìa xúp.

Mẹ mở nắp lò, đặt thẳng bình cà phê lên than hồng rồi rót nước với cà phê vào.

– Phải cho ông uống trong một vỏ đồ hộp, – Mẹ nói –

cốc chén gói đưa lên xe rồi.

Tom và Bố lại trở ra.

– Thiết nghĩ, người ta được tự do nói ra những gì người ta muốn làm, – Ông nội nói. – Ê, đứa nào ăn sườn lợn thế?

– Cả nhà ăn rồi, – Tom nói, – Để mẹ làm cà phê cho ông, với một ít thịt lợn.

Ông đi vào nhà, uống cà phê và ăn thịt.

Đứng bên ngoài, qua ánh sáng đang rạng dần, nhóm gia đình lặng lẽ quan sát ông qua lỗ cửa. Họ thấy ông ngáp ngáp, loạng choạng, chống khuỷu tay lên bàn, gục đầu lên cánh tay và ngủ thiếp.

– Hơn nữa, ông đang mệt mỏi, – Tom nói, – Để ông nghỉ.

Bây giờ họ đã sẵn sàng. Bà Nội ngơ ngác hỏi như người trong mơ. – Có chuyện gì vậy? Chúng mày lục đục gì sớm vậy?

Nhưng Bà đã mặc quần áo và rất vui. Còn Ruthie và Winfield đã được đánh thức dậy nhưng còn mệt mỏi và nửa tỉnh nửa ngủ nên chúng lặng yên. ánh sáng thấm nhanh trên đồng quê. Và cả nhà ngừng hoạt động. Họ đứng chôn chân tại đấy, ngại ngùng không dám nhúc nhích tỏ ý ra đi. Bây giờ đã tới lúc lên đường thì họ lại sợ… họ sợ cũng như ông Nội đã sợ. Họ thấy cái đèn lồng tái nhợt đi và quầng ánh sáng nhờ nhờ tắt ngấm. Phía tây các ngôi sao lần lượt tắt. Còn gia đình vẫn đứng lặng như một nhóm người mắc bệnh mộng du đưa mắt ôm lấy toàn cảnh vật dường như không nhận ra một chi tiết nào nhưng chỉ liếc một cái đã thâu tóm cả rạng đông cả đất đai ruộng đồng, cả địa hình, cấu trúc của xứ sở quê hương.

Duy chỉ có Muley là đi lăng xăng tới chỗ này, chỗ nọ không mệt mỏi, ngắm nhìn qua song sắt của chiếc xe, ngón tay cái mân mê bộ lốp thay thế treo ở phía sau. Cuối cùng Muley tới gặp Tom:

– Mày sắp vượt biên giới Bang hả? – Y nói – Mày không giữ lời hứa sao.

Và Tom lay rũ sự tê liệt của mình:

– Mẹ kiếp! Mặt trời sắp lên rồi, – Anh nói to – Phải lên đường thôi.

Và ai nấy thoát ra khỏi trạng thái đờ đẫn, tiến về phía chiếc xe tải.

– Lên đi thôi, – Tom nói, đưa ông Nội lên xe.

Bố và chú John, Al và Tom đi vào nhà bếp, tại đây ông Nội đang ngủ, khuỷu tay chống bàn, bên cạnh một vệt cà phê đang khô dần. Họ xốc nách ông, dựng ông đứng lên, ông vẫn càu nhàu chửi rủa, tiếng líu ríu như người say rượu. Ra đến ngoài, họ vừa dúi vừa đẩy ông đi và lúc tới bên xe, Tom và Al leo lên trước rồi cúi xuống, luồn tay dưới nách ông, cẩn thận nâng ông lên và đặt ông nằm dài trên nóc đống đồ vật. Al gỡ chiếc bạt xuống đắp lên người ông, rồi đặt một chiếc hòm gần bên ông để đỡ cho cái bạt khỏi đè lên người ông.

Al hỏi:

– Phải làm một cái sào mới được. Chiều nay lúc nào dừng lại nghỉ, con sẽ làm.

Ông Nội làu bàu, cố uể oải chống lại cơn thức giấc và khi đã nằm yên chỗ thì ông ngủ li bì.

Bố nói:

– Mẹ mày và Bà ngồi lên phía trước với Al một lúc. Sẽ lần lượt đổi chỗ cho nhau, như vậy sẽ dễ dàng hơn,

mẹ mày với bà lên trước đi.

Hai người lên ngồi ở góc trên còn những người khác ngồi chồng chất trên các hòm đồ, Connie với Rosasharn, Bố và chú John, Ruthie và Winfield, Tom và ông mục sư. Đứng ở dưới đất, Noah nhìn tất cả cái đống người ngất nghểu trên nóc xe.

Al đi vòng quanh xe một lượt, kiểm tra lại các lò xo.

– Trời ơi, cái lò xo này đã dẹp lép, may mà con đã gá vào một lá thép đỡ.

– Con chó đâu, Bố? – Noah hỏi.

– Tao quên khuấy mấy con chó.

Ông ráng sức huýt sáo gọi, chỉ có một con vừa chạy tới vừa nhảy lồng, Noah chộp lấy nó, ném nó lên nóc xe, nó ngồi cứng đơ, run rẩy, choáng váng.

– Phải bỏ hai con kia lại thôi.

Bố kêu to.

– Muley, mày trông nom hộ hai con chó, được không? Làm sao đừng để chúng nó chết nhé.

– Được ạ, – Muley nói. – Có được hai con chó cháu thích lắm. Được! Cháu nhận.

– Lấy nốt cả mấy con gà choai nữa.

Al ngồi vào tay lái. Máy nổ kêu vù vù, ngừng lại, rồi lại nổ vù vù. Tiếp đó là tiếng ầm ầm của sau xylanh rồi một đám khói xanh từ phía sau bốc lên.

– Từ biệt, Muley, – Al nói.

Al sang số một, chiếc xe rùng mình và chạy qua sân một cách nặng nhọc. Al chuyển sang số hai. Họ leo lên sườn dốc thấp, bụi đỏ tung lên phía sau họ.

– Trời ơi! Chở nặng thế này! – Al nói. – Rồi sẽ mất khối thời gian.

Mẹ cố nhìn ra phía sau, nhưng cái thân xe lù lù che khuất mắt. Bà nghển đầu lên dán mắt thẳng về phía trước trên con đường đất. Và một nỗi mệt mỏi mênh mông tràn ngập đôi mắt bà.

Tất cả những người ngồi trên nóc xe quay đầu lại. Họ nom thấy ngôi nhà, nhà kho và một ngọn khói nhỏ đang còn bốc lên ở ống khói. Họ nom thấy những cửa sổ đang còn đỏ rực trước những ánh mặt trời đầu tiên. Họ thấy Myley đang đứng lẻ loi trong sân đưa mắt dõi theo họ. Rồi ngọn đồi chắn mất tầm mắt. Những cánh đồng bông nằm ở hai bên con đường cái. Chiếc xe tải chậm rãi tiến lên trong cát bụi về phía con đường cao tốc dẫn tới miền Tây xa vời vợi.

Chương XI

Nhà cửa bị bỏ rơi trên ruộng đất và cũng vì vậy, mà ruộng đất cũng bị bỏ rơi. Duy chỉ có những căn nhà để máy cày, những căn nhà kho mái tôn lượn sóng, sáng như bạc và chói lọi là còn sống trong cảnh hoang mạc này. Và đây là cuộc sống của kim khí, của xăng nhớt trong ánh lấp lánh của các lưỡi cày thép. Các đèn pha máy cày bật sáng, bởi vì đối với máy cày thì không có ngày cũng không có đêm, các lưỡi cày lật trở đất trong buổi đêm và lấp lánh dưới ánh ban ngày. Khi một con ngựa đã làm xong công việc, vội trở về chuồng, thì vẫn còn cuộc sống, vẫn còn sức sống. Vẫn còn hơi thở và khí nóng, vẫn còn những tiếng sột soạt của các móng guốc dẫm trong rơm, vẫn còn tiếng lào xào của đôi hàm nhai nghiến cỏ khô, và tai mắt vẫn còn sống động. Trong chuồng ngựa còn có hơi nóng của sự sống, còn có cái hăng hái và mùi vị của sự sống. Nhưng khi động cơ của một máy cày thôi không quay nữa, thì lúc đó nó cũng chết luôn như thứ khoáng sản đã tạo sinh ra nó vậy. Sức nóng rời bỏ nó chẳng khác hơi nóng động vật ở một xác chết. Thế là các tấm cửa bằng tôn luôn sáng đóng lại, người lái trở về nhà y, đôi khi cách đấy hai mươi dặm đường, và y có thể ở lại đấy hàng tuần hay hàng tháng mà không quay lại, bởi một lẽ máy cày đã chết rồi. Mà điều đó là đơn giản, và đem lại năng suất tốt. Giản đơn đến nỗi lao động mất đi tất cả tính cách kỳ diệu, hữu hiệu đến nỗi cái kỳ diệu rời bỏ đấy và việc trồng trọt đất đai, và cùng với cái kỳ diệu, mất luôn sự am hiểu sâu xa và mối liên hệ mật thiết. Và ở con người lái máy cày, lớn dần mãi sự khinh miệt thường đang xâm chiếm kẻ xa lạ, vì hắn chỉ có sự hiểu

biết sơ qua và không có mối liên hệ gắn bó. Bởi lẽ, chất nitrat đâu phải là đất, và độ dai của các sợi bông không phải là đất, chất than không phải là con người, chất muối hay nước cũng thế, hoặc chất vôi cũng thế. Con người là tất thảy những thứ đó, nhưng lại còn hơn thế, hơn thế nhiều, và đất đai còn hơn hẳn, hơn nhiều so với sự phân tích đất đai. Con người hơn hẳn tính chất hóa học của mình, đi trên ruộng đất của mình, quay lưỡi cày để tránh một hòn đá, hạ bắp cày xuống để lướt qua một vết lộ, quì xuống đất để ăn cơm, con người ấy hơn hẳn những yếu tố đã hình thành y, biết rõ đất, thứ đất hơn hắn sự phân tích về đất. Nhưng con người – máy đang lái một chiếc máy cày chết trên một mảnh đất hắn không quen biết, hắn không yêu mến, chỉ hiểu có hóa học, hắn khinh miệt đất ruộng và tự khinh miệt bản thân. Khi các tấm cửa tôn đã khép trở lại, hắn trở về nhà hắn, nhưng nhà hắn đâu có phải là đất ruộng.

Các cánh cửa các ngôi nhà trống trơ đập lách cách trong gió. Từng tốp trẻ con từ các làng lân cận đi tới để đập phá cửa kính, sục sạo bới móc các đống rác rưởi, sục sạo tìm kiếm của báu.

Đây có một con dao lưỡi bị sứt mẻ một nửa. Có được là tốt. Ngửi xem… thoang thoảng mùi chuột chết ở đây. Và nhìn xem thằng Winfield đã viết gì trên tường. Đúng là điều nó đã viết lên tường các buồng vệ sinh ở nhà trường và ông giáo đã bắt nó xoá.

Dân cư vừa đi ra khỏi thì buổi tối ngày đầu tiên, những con mèo đi săn trên các đồng ruộng trở về kêu meo meo dưới mái hiên. Chẳng có ai đi ra, các chú mèo lách vào qua các cánh cửa sổ bỏ ngỏ và chạy khắp các căn buồng bỏ trống, vừa chạy vừa meo meo. Rồi chúng quay trở lại đồng ruộng và từ nay sống cuộc đời mèo

hoang săn bắt chuột đồng, ban ngày thì ngủ trong các rãnh hố. Ban đêm, lũ dơi, trước thường ở ngoài nhà vì sợ ánh sáng, bây giờ ùa vào bên trong, bay chấp chới ngang qua những căn buồng trống; chẳng mấy chốc, tới ban ngày chúng nấp trong các phòng tối tăm, xếp cánh lại và treo ngược ở các rầm nhà, và mùi phân dơi xông lên khắp các căn nhà hoang.

Rồi lũ chuột nhắt đổ tới, tích trữ hạt trong các xó nhà, trong hộp, trong các ngăn kéo nhà bếp. Rồi những con cầy tới săn chuột, rồi những con cú lông nâu bay vào bay ra, vừa bay vừa hú.

Tiếp đến, một cơn mưa rào đổ xuống. Cỏ mọc trên các bậc lên trước cửa – nơi mà chúng chưa từng được lan tới – và cỏ mọc giữa các kẽ tấm ván của hàng hiên. Nhà cửa bị bỏ hoàng và một ngôi nhà hoang thì chóng xiêu vẹo. Trên các lớp vách gỗ, các tấm gỗ nứt nẻ, long ra ngoài những chiếc đanh rỉ. Sàn nhà phủ một lớp bụi trên đó chỉ in lấm chấm dấu vết chân chuột, cầy và mèo.

Một đêm kia, gió giật tung một tấm ván mái nhà và ném nó xuống đất. Ngọn gió tiếp theo luồn vào lỗ trống vừa rồi và bóc thêm ba tấm. Trận gió thứ ba cuốn đi mười hai tấm, mặt trời nóng bóng ban trưa rọi qua lỗ hở in lên sàn nhà một vòng tròn chói loá mắt. Ban đêm từ ngoài cánh đồng, những con mèo hoang luồn bò vào trong nhà nhưng không đứng ở ngưỡng cửa mà kêu meo meo, chúng săn chuột trong các căn buồng. Rồi vào những đêm giông tố, các cánh cửa lớn đập sầm sầm và ở các cửa sổ mà các tấm kính đã bị vỡ, các bức rèm rách tả tơi bay phập phồng, lất phất.

Chương XII

Đường cao tốc 66 là con đường cái chính của những cuộc di tản. Đường 66… dải băng dài bằng xi măng chạy ngang qua khắp xứ, lượn sóng nhẹ nhàng trên bản đồ, từ Missisipi tới Backensfleli… qua những vùng đất đỏ và đất xám, chạy ngoằn ngoèo chênh vênh trên các triền núi, chạy ngang qua tuyến phân chia các nguồn nước, đổ xuống sa mạc khủng khiếp và sáng lóa rồi từ đó lại chui ra để leo trên các dãy núi trùng điệp trước khi đi vào các thung lũng giàu có của xứ California.

Con đường 66 là con đường của những người di tản, của những kẻ đi tránh cát và các mảnh đất eo hẹp, tránh tiếng ầm ầm sấm sét của máy cày, các đất ruộng bị cắt xén, sự xâm lăng từ từ của sa mạc về phía bắc, những trận gió bão gào rú qua vùng Texas, những trận lụt đã không hề khiến đất tốt lên mà còn hủy diệt chất màu mỡ ít ỏi lẽ ra còn tìm thấy ở đấy. Chính tất cả điều đó khiến thiên hạ phải bỏ trốn. Và qua những đường nhánh gần bên, qua những con đường hằn vết xe bò cùng những con đường liên xã, họ đổ ra quốc lộ 66. Quốc lộ 66 là con đường chính, con đường của sự trốn tránh.

Trên đường 66: Clazloville, Ozark, Van Buren và Fort Smith, thế là tận cùng của bang Arkansa. Rồi tất cả những con đường dẫn tới Oklahoma City. Quốc lộ 66 từ Tulsa đi xuống, đường 270 ngược lên Mac – Alester. Đường 81, từ Wiclita Facls xuống phía nam, từ Emid lên phía bắc đến Edmon Mac–Loud, Purcell. Quốc lộ 66 ra khỏi Oklahoma City. El Reno và Clinton trên 66, hướng về phía Tây, Hyđro, Em – City và Texola – thế là

tận cùng Oklahoma. Đường 66 đi qua vùng Cán Xoong của Texas, qua Shamrock, Mac Lean Conwan và Amarillo màu vàng, Wildorali Vaga và Boise, thế là hết bang Texas. Tucumcari, Santa Rosa, rồi đi tới các vùng núi của New Mexico tới Albuquerque ở đó có con đường từ Santa – Fe đổ xuống. Rồi đi xuống Rio Grande tận tới Los Lunas và một lần nữa hướng về phía Tây trên Quốc lộ 66 tận tới Gallup. Và đây là biên giới của New Mexico.

Và bây giờ là các vùng núi cao, Holbrook, Winslon và Flagstaf dưới những đỉnh chọc trời của Arizona. Tới cao nguyên lớn nhấp nhô như một làn sóng ngầm đáy biển. Ashfork và Kinglnan và một lần nữa, những vùng núi đá ở đó người ta phải chở nước đem bán. Ra khỏi những dãy núi bị thiêu đốt dữ dội, bị gặm nhấm bởi mặt trời xứ Arizona, tới sông Colorado đôi bờ xanh um lau sậy. Thế là hết bang Arizona. Bang Califonia ở ngay bên kia sông, bắt đầu với một thành phố nhỏ xinh xắn, thành phố Needle nằm trên sông. Nhưng ở đây, con sông cảm thấy như lạc lõng. Từ Needle, người ta leo lên một dãy núi đá vôi, phía trên kia là sa mạc; và quốc lộ 66 chạy qua sa mạc khủng khiếp, con đường dài xa tít tắp, chói chang ánh mặt trời, hai bên sừng sững những ngọn núi âm u ám ảnh đến nhức nhối.

Cuối cùng đã tới Barston, vẫn còn mênh mông sa mạc, sa mạc mãi cho tới lúc gặp những dãy núi hiền lành, cao dần lên với con đường 66 chạy ngoằn ngoèo ở giữa. Rồi bỗng nhiên, đến một cái đèo và ở phía dưới, một thung lũng tươi đẹp xanh um những vườn cây ăn quả, những vườn nho với những ngôi nhà bé nhỏ xinh xắn và một thành phố ở phía xa xa. Ôi! Lạy Chúa, cuối cùng thế là – đã tới nơi.

Dòng suối người tị nạn chảy dài trên – đường 66, khi thì họ đi trên những chiếc xe riêng lẻ, đôi khi hợp thành những đoàn nhỏ. Suốt cả ngày, họ chậm rãi tiến lên trên con đường cái và ban đêm họ dừng lại cạnh chỗ có nước. Ban ngày, những cột hơi phọt ra từ những máy tản nhiệt bị thủng, những cần nối lỏng đinh ốc kêu cót két, vì xe tải nặng lặc lè. Các người lái xe cam–nhông nơm nớp lắng nghe. Các thành phố cách nhau bao xa? Nỗi kinh hoàng bao trùm giữa hai thành phố. Ngộ nhỡ đánh gãy một cái gì đó… đúng thế… ngộ nhỡ một cái gì đó bị gẫy, thì thôi, đã tới đâu đành phải cắm lại đó, để thằng Jim cuốc bộ đem về, và, xem nào, thức ăn dự trữ còn bao nhiêu?

Hãy nghe động cơ xem, hãy nghe bánh xe chạy. Hãy nghe với hai lỗ tai của anh, với hai bàn tay của anh trên tay lái. Hãy nghe với lòng bàn tay của anh trên cần gạt tốc độ, hãy nghe với đôi bàn chân của anh trên bàn đạp. Hãy căng tất cả các giác quan của anh ra mà nghe cái xe cà tàng già nua hen suyễn, bởi vì một thay đổi tiếng động, một biến đổi nhịp điệu có thể có nghĩa là… một tuần chết máy tại đây? Tiếng lách cách này… đây là mấy cái nắp... Đừng có gõ làm gì. Những cái nắp chúng có thể lách cách cho tới ngày Chúa Jesus sống lại, mà chả can hại gì. Nhưng cái tiếng thịch thịch khi xe chạy… không nghe được người nói như ai nói, chỉ ngửi thấy thôi. Chắc có lẽ một cuxinê bị long. Nếu đó là một ổ bi bị vỡ, thì sẽ biết làm ăn thế nào đây? Tiền nong biến nhanh quá.

Mà cái con đĩ này nữa, có gì mà hôm nay nó nóng rực lên thế? Chưa lên dốc… Phải xem sao… Trời ơi là trời. Dây curoa cánh quạt bị tuột mất rồi! Nào lấy các mẩu dây thừng này làm cho tao một cái dây curoa. Thử xem dài bao nhiêu… được rồi. Để tao nối lại hai đầu.

Giờ thì đi từ từ… hết sức từ từ chờ tới khi có thể bò được tới một thành phố. Dây thừng này chả bền đâu.

Giá như có thể tới được California, tới xứ sở của cam[23] trước khi cái đinh ốc cũ này tung ra. Giá có thể thế… !

Còn mấy cái lốp nữa… Hai lượt vải đắp đã đi tong. Mà chỉ có bốn lượt vải đắp. Còn có thể kéo được khoảng một trăm dặm nữa, nếu không vấp phải đá, bị nổ. Chọn cách nào nhỉ… một trăm dặm… có lẽ thế. Hãy cứ liều, mặc cho xăm muốn hỏng thì hỏng. Thế nào? Một trăm dặm. Đó là chuyện đáng phải suy nghĩ. Đang còn mấy cái xăm, thôi, nó có bục cũng đành vậy. Hay là lót lớp chắn đinh chọc thủng? Có lẽ làm thế, sẽ đi thêm được năm trăm dặm. Thôi cứ đi, lúc nào nổ hẵng hay.

Chúng ta cần một chiếc lốp. Ấy thế mà, lạy Chúa, một cái lốp tã mà họ đòi giá cắt cổ. Chúng bắt thóp được anh ngay lập tức. Chúng thấy anh không thể chờ được, sống chết gì anh cũng phải đi tiếp Thế là giá tăng vọt.

Vậy ông lấy hay thôi quách. Đâu có phải để cho khỏe người mà tôi chui đầu vào chuyện buôn bán. Nghề của tôi là bán săm lốp, chứ đâu biếu không. Đâu lỗi tại tôi nếu ông gặp chuyện này chuyện nọ. Tôi phải nghĩ đến phận tôi chứ?

Thành phố gần nhất cách đây bao xa?

Hôm qua tôi thấy có bốn mươi hai chiếc xe đi qua, loại xe như của ông. Bốn mươi hai chiếc lèn chặt. Thế các ông từ đâu đến? Các ông đi đâu?

Ồ! California, một bang lớn lắm.

Không lớn đến mức ấy đâu. Cả cái nước Hợp chủng quốc này cũng chẳng lớn đến thế. Không lớn lắm đâu.

Không có đủ chỗ cho ông, cho tôi, cho hạng người như các ông và hạng người như tôi, cho những người già và những kẻ nghèo sống chung trong cùng một xứ, ông ạ! Cho bọn kẻ cắp và người lương thiện. Cho kẻ đói ăn và cho người ăn nó béo phị. Cớ sao ông không quay trở về nơi ông đã ra đi?

Dẫu sao đây cũng là một đất nước tự do. Có thể muốn đi đâu cứ việc đi.

A! Ông tưởng thế! Ông không bao giờ nghe nói đến bọn thanh tra ở biên giới California hay sao? Cảnh sát Los Angeles. Chúng ách ông lại, mẹ kiếp! Bắt ông đằng sau quay. Chúng nói, nếu ông không có tiền mua ruộng đất thì ai cần đến ông? Có bằng lái không? Đưa xem? Thế rồi "roạt! " Bằng lái bị chúng xé tan. Không có bằng lái xe, ông không quá cảnh được, chúng nói thế đấy.

Đây là một đất nước tự do.

Vậy thì, cứ cố tìm kiếm đi, cố tìm kiếm chút tự do xem. Như ông kia nói, tự do của anh phụ thuộc vào tiền thuế anh đóng.

Ở California, công xá cao lắm. Đây tôi có tờ quảng cáo nói rõ chuyện đó.

Láo toét! Tôi thấy ối người trở về. Có kẻ nào đó đã lừa ông. Thế nào, ông có lấy chiếc lốp này hay không?

Phải lấy thôi, nhưng, trời ơi, ông ơi, nó khoét một lỗ ghê gớm vào túi tiền chúng tôi. Chúng tôi chả còn bao nhiêu.

Thôi, tôi ở đây không phải để làm việc từ thiện. Nào, mang đi.

Tôi biết trước rồi. phải đến cái nước này mà. Cho xem qua một tí. Vạch ra cho tôi xem cái lốp… đồ khốn

kiếp; anh đã nói lốp còn tốt. Gần thủng rồi còn gì.

Bậy nào! Coi xem… ồ. lại thế này nữa! Sao tôi không trông thấy nhỉ?

Anh trông thấy sờ sờ ra đấy chứ, đồ thối nát! Muốn bắt bọn tôi phải trả bốn đô để lấy chiếc lốp thủng. Suýt nữa thì tôi tống cho anh một quả đấm vỡ mặt.

Nào… ông đừng nóng. Tôi đã nói rồi, tôi không trông thấy. Thế này.. ta sẽ tính thế này. Tôi để lại chiếc lốp này cho ông lấy ba đô la rưỡi.

Đừng có hòng mà với mặt trăng. Bọn ta cố gắng tới thành phố gần đây. Ông tin là chiếc lốp này có thể chạy được tới đấy sao?

Phải chạy thôi…Chẳng thà chạy trên vành không còn hơn ném mười xu cho cái thằng chó đẻ.

Cớ sao anh lại để cho một thằng nhãi nhép xen vào công việc này? Như nó nói, nó làm chả phải thích thú gì. Việc buôn bán làm ăn là thế đó. Anh tưởng tượng nó là thế nào. Còn phải… Mà này, anh có thấy những quảng cáo kia, bên bờ tường kia kìa. *Câu lạc bộ Dịch vụ*. Ăn trưa, thứ ba. Khách sạn Colmado! Hoan nghênh người anh em. Đây là một *Câu lạc bộ Dịch vụ*. Tôi nhớ lại một câu chuyện một thằng cha đã kể: Hắn đi dự một buổi họp của họ, và hắn đã kể cho tất cả bọn người làm ăn buôn bán đó nghe. Hắn nói: “Khi tôi còn là thằng nhóc con, bố tôi giao cho tôi giết con bò cái tơ đi chịu đực, tôi làm đúng như vậy, và từ hồi đó trở đi, mỗi lần tôi nghe một tay buôn bán nói đến “dịch vụ” bao giờ tôi cũng tự hỏi ai là kẻ bị bóp nặn. Đã buôn bán thì bao giờ cũng phải ăn gian nói dối, nhưng người ta gọi khác đi. Chỉ cái đó mới đáng kể. Nếu anh xoáy cái lốp này, người ta sẽ cho anh là trộm cắp, nhưng nếu

hắn ta cứ thử bán cho anh một cái lốp thủng lấy bốn đô la, thì đấy là người ta gọi thế là trúng, là biết làm ăn.

Danny ở đằng sau đòi uống nước.

Nó phải đợi đã. Đây không có nước.

Nghe xem… có tiếng gì ở phía sau. đúng không?

Tao không thể biết được.

Thùng xe đánh thông điệp đây. Thôi đúng rồi, một chỗ nối đã bị đứt rồi.

Cứ phải đi. Nghe xem có phải nó đang kêu rít lên không? Nếu tao tìm được cái xó nào đó để cắm lại thì tao tháo mẹ chiếc quilat ra coi. Ôi trời ơi! thực phẩm đã bắt đầu hao hụt mà tiền cũng hao lụt. Khi nào không có gì để mua xăng nữa thì sẽ ra sao đây, hở Trời?

Danny ngồi phía sau đòi nước. Thằng bé ấy nó khát.

Nghe hộ tao cái chỗ nệm ấy, có phải nó đang rít không?

Con c…! Thế là xong! Nổ rồi, xăm nổ tất. Phải vá lại Giữ lấy chiếc lốp cắt làm mấy miếng lót chống đinh. Cắt lốp ra, luồn lót vào chỗ nào dễ bị.

Xe đậu bên vệ đường, mô tô nằm phơi bụng, lốp xe phải vá chữa.

Những chiếc xe ca ì ạch trên dọc quốc lộ 66, như những con vật tội nghiệp, bị thương, khập khiễng, hổn hển. Máy nóng rừng rực, các gioăng long ra, ốc bị giơ, thùng xe lúc la lúc lắc.

Danny muốn một cốc nước.

Những người tị nạn trên đường quốc lộ 66. Và con đường xi măng lấp lánh dưới mặt trời như một cái gương và xa xa nom như có những vũng nước đọng

trên đường… những ảo ảnh do khí nóng tạo nên.

Danny muốn uống nước.

Tội nghiệp thằng bé, nó phải đợi thôi. Nó nóng quá. Tới trạm xăng gần nhất. Hay như gã kia nói, trạm dịch vụ.

Hai trăm năm mươi ngàn con người tràn đường cái, năm mươi ngàn xe hơi cũ.. bị thương, bốc hơi. Những xác xe hơi lăn lóc dọc đường. Này, họ gặp phải chuyện gì nhỉ? Những người ngồi trong xe kia gặp chuyện gì. Họ đi bộ hay sao? Họ đang ở đâu? Do đâu mà họ bạo gan đến thế? Do dâu mà họ lại có sự tin tưởng khủng khiếp đó vậy?

Và đây nữa, một câu chuyện khó mà tin được, ấy thế mà có thật. Câu chuyện ngộ nghĩnh nhưng rất cao đẹp. Có một gia đình mười hai người bị đuổi ra khỏi nhà. Họ không có ô tô. Họ bèn lấy các tấm sắt cũ làm một chiếc xe lăn và có của nả gì cứ việc chất hết lên đó. Họ đẩy nó ra bên lề đường 66 rồi chờ đợi. Và chẳng mấy chốc. Một chiếc xe hòm đi qua, người chủ xe tình cờ làm quen với họ và móc nhà lăn kéo đi. Năm người trong bọn họ ngồi lên ô tô. Bảy người kia ngồi trên nhà lăn. Với cả một con chó nữa. Nhoáng một cái họ đã tới được California. Người chủ xe cho họ đi nhờ lại cho họ ăn uống suốt dọc dường. Đó là một câu chuyện có thật. Nhưng làm sao người ta lại gan đến thế, có một niềm tin đến thế vào đồng loại của mình nhỉ? Những điều dạy cho người ta một niềm tin như vậy nào có nhiều gì cho cam.

Các người tị nạn trốn tránh nỗi kinh sợ mà họ để lại phía sau họ. Họ đã trải qua bao nhiêu chuyện lạ lùng, bao nhiêu chuyện đắng cay khốc liệt với bao nhiêu chuyện cao đẹp đến nỗi niềm tin luôn luôn được thổi

bùng lên, nhen lên mãi mãi.

Chương XIII

Tới Sallisaw chiếc xe Hudson cũ kỹ, tải quá nặng, kêu răng rắc, rên rỉ, đi lên con đường cái và rẽ về phía Tây. Mặt trời chói lóa mắt. Nhưng khi đã tới con dường láng xi măng. Al mở tốc độ vì không còn sợ nguy hiểm cho các lò so bị dão nữa. Từ Sallisaw đến Gore xa hăm mốt dặm, và chiếc Hudson chạy mỗi giờ ba lăm cây số. Từ Gore đến Wamer, ba mươi dặm, từ Wamer đến Checotah mười bốn dặm. Từ Checotah đến Hennetta, chặng dường dài hơn… ba mươi dặm, nhưng đây là một thành phố thực sự. Từ Henrietta đến Castle, mười chín dặm, lúc này mặt trời đứng bóng và nhưng cánh đồng đất đỏ bị thiêu đốt dưới những tia nắng chiếu thẳng, bốc hơi nóng khiến cho bầu không khí phía trên cao rung động.

Al ngôi trước tay lái, vẻ mặt chăm chú mải mê, đưa cả toàn thân ra nghe ngóng chiếc xe và đôi mắt lo lắng hết nhìn con đường cái lại nhìn bảng số trong xe. Al với máy xe chỉ là một, mỗi đường gân thớ thịt đều tìm các nhược điểm của xe, tiếng kêu chan chát như búa nện hay tiếng ken két, tiếng kêu vù vù hay tiếng nổ lẹt đẹt, những dấu hiệu báo trước những trục trặc, hỏng hóc. Hắn đã trở thành linh hồn của chiếc xe.

Ngồi gần hắn, ở đằng trước. Bà nội ngủ chập chờn, rên rỉ trong giấc ngủ, chốc chốc mở mắt nhìn ngó ra phía trước, rồi ngủ lại. Mẹ ngồi cạnh bà nội, một khuỷu tay thò ra ngoài cửa xe, da cháy đỏ dưới ánh nắng mặt trời tàn khốc. Mẹ cũng nhìn ra phía trước, nhưng hai mắt đờ đẫn, không hề trông thấy đường xá, ruộng đồng, trạm xăng hay các quán giải khát ngoài trời. Bà

không hề liếc mắt đoái hoài đến các cảnh vật đó mỗi khi chiếc xe đi qua.

Al xoay thế ngồi trên chiếc ghế thủng và đổi tay lái. Rồi hắn thở dài. – Xe nó làm om xòm lên thế thôi, nhưng không sao, con cho là ổn thỏa cả. Có điều chở nặng thế này mà lên dốc thì có Trời mà biết sẽ xảy ra chuyện gì. Từ đây đến California có nhiều đồi không hở mẹ?

Mẹ từ từ quay đầu lại, đôi mắt bà háo hức:

– Hình như là có, con ạ. Mẹ không biết chắc nhưng mẹ nghe nói có đồi, có cả núi nữa. Núi cao cao là.

Trong giấc ngủ, bà nội trút ra một tiếng thở dài rên rỉ. Al nói:

– Nếu phải lên dốc máy sẽ nóng dữ lắm. Phải vứt bớt những thứ đồ đạc này đi. Đáng lý ra không nên để mục sư đi cùng.

– Ông mục sư ấy mà, chưa đi tới nơi thì con đã rất bằng lòng vì có mục sư đi cùng. Ông ấy sẽ giúp chúng ta.

Và bà lại nhìn ra phía trước, trên con đường chói nắng chang chang. Al, một tay lái xe, một tay đặt trên cần số đang rung rung. Hắn cảm thấy khó nói. Miệng hắn cân nhắc từng tiếng trước khi thốt ra.

– Mẹ!

Bà từ từ quay lại nhìn con và đầu bà hơi lắc lư vì xe xóc dữ.

– Mẹ, Mẹ có sợ không? Đi đến một nơi mới lạ, Mẹ có sợ không?

Đôi mắt của bà trở nên hiền từ và tư lự:

– Có sợ chút xíu con ạ. Nhưng không hẳn là sợ. Đúng ra mẹ đang chờ đợi. Khi có chuyện gì xảy tới mà mẹ phải ra tay… thì mẹ sẽ làm.

– Mẹ không nghĩ là khi tới nơi sẽ gặp phải chuyện gì à? Mẹ không sợ rằng sự thực không đến nỗi quá đẹp như người ta tưởng tượng hay sao?

– Không, – bà nói một cách mạnh mẽ – Không, không. Đừng nghĩ quanh quẩn mãi… Con không thể làm thế được. Mẹ cũng không thể làm thế được Thế là quá nhiều… là muốn sống nhiều cuộc đời. Trước mắt chúng ta có ngàn vạn cuộc đời mà chúng ta có thể sống, nhưng khi lâm cuộc thì chỉ còn có một mà thôi. Nếu mẹ đi theo mọi ngả đường đó e rằng nhiều quá. Con, con có thể sống về tương lai, vì con còn trẻ măng nhưng với mẹ, chỉ có con đường đang chạy dài trước mặt, mà chúng ta lại đang đi trên đó, có thế thôi. Điều đáng kể nhất, chính là, chả mấy chốc nữa họ đến đòi mẹ cho ăn xương lợn. – Mặt bà đanh lại – Mẹ chỉ có thể làm được như thế, hơn nữa thì mẹ chịu. Nếu mẹ làm hơn thế thì mọi sự sẽ bị điên đảo. Họ đã tin cậy vào mẹ nên đúng là mẹ chỉ nghĩ đến thế. Không xa xôi hơn.

Bà Nội ngáp ầm ĩ rồi mở mắt. Cụ nhìn xung quanh cụ với vẻ hốt hoảng:

– Trời ơi, tao phải xuống.

– Bà đợi đến một bụi rậm đã, – Al nói – Có một bụi rậm ở trước mặt kia kìa.

– Cần quái gì phải bụi với bờ, tao muốn xuống, đã bảo mà. – Rồi bà rên rỉ – Tao muốn xuống… tao muốn xuống.

Al rồ máy chạy nhanh và khi tới một bụi rậm, hắn dừng phắt. Mẹ mở cửa xe, và mặc cho bà cụ vùng vẫy

giãy giụa, mẹ vừa kéo vừa đỡ bà cụ lại bên lề đường và gần như phải lôi cụ tới sau đám bụi. Đến đó, Mẹ lại phải xốc nách đỡ cho cụ khỏi ngã khi cụ ngồi xổm xuống.

Trên nóc xe mọi người đều tỉnh ra. Mặt họ bóng láng dưới ánh mặt trời không chịu buông tha họ. Tom, Casy, Noah và chú John nặng nề tụt xuống đất. Ruthie và Winfield mỗi đứa một bên leo vội qua thành xe rồi biến mất trong các bụi rậm. Connie thận trọng đỡ Rosasham xuống. Ở dưới bạt, ông Nội thức dậy đang thò đầu ra, nhưng mắt cụ còn mơ hồ, ươn ướt đờ đẫn. Ọng nhìn những người khác nhưng không thật sự nhận ra họ.

Tom gọi ông:

– Ông Nội có muốn xuống không?

Hai con ngươi đờ đẫn từ từ quay về phía anh:

– Không, – ông đáp – Thoáng chốc, sự độc địa lại hiện ra trong đôi mắt cụ. – Đã bảo mà, tao không đi. Tao muốn ở lại với thằng Muley. – Rồi cụ lại rơi vào trạng thái đờ đẫn.

Mẹ trở lại, dìu bà Nội đi lên bờ đường. Mẹ nói:

– Tom ạ, con đi lấy con xoong xương dưới bạt, sau xe ấy. Chúng ta phải ăn chút gì chứ!

Tom đi lấy xoong chuyển vòng quanh cho tất cả mọi người, rồi cả gia đình ngồi bên bờ đường gặm những khúc xương giòn tan còn bám nhiều thịt.

– Cũng may mà mang theo xương lợn đi, – Bố nói – Đứng trên kia, chân tao tê cứng khó mà cựa quậy được. Nước đâu?

– Nước không có trên ấy à? – Mẹ hỏi – Tôi đã đổ đầy một ga lông.

Bố leo lên một bên xe nhìn dưới bạt.

– Không có đây. Chắc quên mất rồi.

Đột nhiên cơn khát dâng tràn. Winfield rên rỉ.

– Con muốn uống…Con muốn uống nước.

Đàn ông liếm môi, tự nhiên thấy khát. Theo sau là một chút kinh hoàng.

Al cảm thấy nỗi sợ hãi đang lớn dần.

– Chúng ta sẽ kiếm được nước ở trạm xăng gần đây. Vả lại, cần cả xăng nữa.

Cả nhà vội vã leo lên thành xe. Mẹ đã đỡ bà Nội lên trước rồi lên theo. Al mở máy, họ lại lên đường.

Từ Castle đến Paden, hai mươi lăm dặm, mặt trời quá trưa bắt đầu xế dần. Cái nút máy phát điện nẩy lên bần bật, hơi phọt ra. Gần Paden có một cái lều bên lề đường với hai cái bơm xăng phía trước, gần bờ rào có một vòi nước lắp chiếc ống cao su. Al đánh xe tới gần, ghé mũi xe sát vào ống nước. Khi xe dừng lại, một người to cao mặt đỏ, cánh tay đỏ đang ngồi trên chiếc ghế phía sau vòi bơm, bèn đứng lên và đi lại gần họ. Y mặc một chiếc quần nhung kẻ màu hạt dẻ, có dây đeo, và một chiếc áo sơ mi cộc tay, đầu đội chiếc mũ kiểu thuộc địa bằng giấy bồi trắng bạc, mồ hôi nhỏ giọt trên mũi, dưới mắt y rồi chảy theo các nếp nhăn ở cổ. Y uể oải lại gần chiếc xe, vẻ thô bạo và khinh khỉnh.

– Các người định mua gì đó, xăng hay thứ gì khác, phải không? – Y dò hỏi.

Al đã xuống xe, đưa đầu ngón tay mở nắp máy phát điện nóng bỏng, cố gắng tránh né luồng hơi phọt lên khi nút bật ra.

– Chúng tôi cần xăng, bố già ạ.

– Có tiền không?

– Cố nhiên. ông tưởng chúng tôi là ăn mày sao?

Khuôn mặt béo phị của người đàn ông hết vẻ tàn nhẫn.

– Tốt lắm, thưa các ông các bà. Cứ lấy nước đi, – Rồi y hối hả giải thích – Đường xá ngổn ngang người là người, họ tới đây lấy nước, làm bẩn cầu tiêu mà đã hết đâu, lạy Chúa, có thể được, là họ phải xoáy thứ gì đó, nhưng chẳng mua gì hết. Họ không có tiền. Họ đến ăn mày từng galông xăng để có thể đi tiếp.

Tom giận giữ tuột xuống đất và tiến lại gần gã to béo. Anh nói tàn tệ:

– Bọn tôi đây có thói quen mua bán sòng phẳng. Ông không được đưa bọn tôi ra mà kiểm tra xét nét như vậy. Người ta xin xỏ gì ông nào?

– Chẳng phải tôi muốn xúc phạm các ông. – con người to béo nói nhanh, mồ hôi bắt đầu thấm qua áo sơ mi ngắn tay – ông lấy nước đi và nếu cần có nhà vệ sinh đấy, cứ tự nhiên.

Winfield đã vội túm lấy vòi nước. Nó uống lấy uống để rồi xoay vòi tưới lên đầu, lên mặt và nói với vẻ kinh tởm:

– Nước chả mát tí nào.

– Tôi không biết rồi chúng ta đi đến đâu – gã to lớn tiếp tục. Nhưng giờ đây y ca thán một cách bâng quơ, y không còn nói với những người trong họ Joad hoặc đả động tới họ nữa – Mỗi ngày có tới sáu mươi xe chạy ngang qua đây, họ đi về miền Tây, họ chở cả trẻ con, cả đồ đạc. Họ đi đâu? Họ sẽ làm gì nhỉ?

– Họ cũng làm như bọn tôi, – Tom nói – Họ đi tìm

một chỗ để sinh sống. Họ cố gắng tự xoay xở lấy. Thế thôi.

– Nói cho cùng, tôi chả biết mọi chuyện thế này sẽ dẫn đến đâu. Tôi đây cũng thế thôi, tôi cũng cố gắng xoay xở để xem sao. Những chiếc xe to lớn mà người ta thấy chạy ngang, ông tưởng chúng sẽ dừng lại ở đây sao? Không đời nào! Chúng cứ đi miết, cho tới cái trạm xăng sơn vàng của các công ty. Chúng đâu có dừng lại ở những nơi như thế này. Phần lớn bọn người dừng chân ở đây đều chả có gì ráo!

Al đã tháo xong cái nắp đậy máy phát điện, hơi nước bắn qua lỗ miệng trong tiếng kêu ùng ục. Trên nóc xe con chó khát nước len lén bò tới thành xe, vừa nhìn nước vừa rên ư ử. Chú John đu mình lên túm lấy da cổ nó và bỏ nó xuống đất. Con chó cẳng cứng nhắc lảo đảo trong giây lát rồi tiến đến liếm liếm nước bùn phía dưới vòi. Trên đường cái xe lướt nhanh loang loáng trong khí nóng nức, và luồng gió nóng hầm hập bốc lên khi các xe chạy qua quạt mát sân của trạm xăng. Al cho vòi nước chảy đầy vào bình phát điện.

Người chủ to béo nói tiếp:

– Không phải tôi chỉ tìm kiếm khách hàng giàu có. Tôi chỉ tìm khách hàng, thế thôi! Tôi nói anh hay… những bọn người dừng lại ở đây tới ăn mày xăng hoặc đề nghị đổi chác đồ đạc để lấy xăng. Tôi có thể chỉ cho anh thấy, trong kho chứa đồ của tôi có đủ thứ bà giằn người ta đổi cho tôi lấy xăng nhớt: giường, xe trẻ con, bộ đồ làm bếp. Có một gia đình đã đổi cho tôi một con búp bê của con họ, lấy một bình xăng. Anh tính, tôi làm được gì với những thứ vặt vãnh đó? Làm nghề bán đồ tầm tầm hay sao? Thậm chí có anh chàng muốn đổi một đôi giày lấy một bình xăng. Mà này, nếu tôi cũng thích

như ai, tôi dám đánh cuộc với anh là tôi có thể ngay cả… – Y nhìn chéo về phía bà mẹ và im bặt.

Jim Casy thấm ướt đầu, những giọt nước còn chảy dòng dòng xuống trán, làm ướt cả cái cổ gân guốc, ướt cả chiếc áo sơ mi. ông dịch lại gần Tom.

– Đâu phải lỗi tại họ, – ông nói. – Như ông, ông có thích bán giường để mua một bình xăng không?

– Tôi biết rõ là không phải lỗi tại họ. Tất cả những người mà tôi hỏi chuyện, họ đều có những lý do chính đáng để dọn nhà đi nơi khác. Nhưng, cả cái xứ này sẽ đi đâu, tôi hỏi ông đấy: Đó là điều tôi muốn biết. Rồi sẽ như thế nào? Người ta không thể kiếm sống được nữa. Không thể kiếm sống được bằng cày cấy trồng trọt. Tôi hỏi ông, mọi chuyện đó sẽ đi tới đâu? Tôi không tài nào hiểu nỗi. Tất cả những người tôi hỏi, họ cũng không hiểu nốt. Có những anh chàng đổi cả đôi giày để có thể đi thêm một trăm dặm. Tôi không tài nào hiểu nổi.

Y bỏ mũ ra, lấy lòng bàn tay chùi trán. Và Tom cũng cất chiếc mũ cát–két, đưa nó lau trán. Anh đi về phía vòi nước nhúng ướt mũ cả hai bên, vắt nước rồi lại đội lên đầu. Luồn tay qua các thanh ngang thành xe, bà Mẹ lôi ra được một cốc sắt tây hứng nước đưa lên cho bà Nội và ông Nội đang ngồi trên nóc xe. Bố đứng ở thanh ngang, bà giơ chiếc cốc cho ông Nội, ông chỉ nhấp môi một chút rồi lắc đầu và không chịu uống nữa. Đôi mắt già nua đầy nỗi xót xa và kinh hoàng quay về phía Mẹ, rồi một chốc sau cái nhìn của ông lại đờ đẫn như cũ.

Al mở máy cho xe chạy lùi lại tới chỗ bơm xăng.

– Ông đổ đầy vào. Nó có thể ăn bảy galông nhưng cứ đổ sáu thôi để khỏi bị sánh.

Gã to béo vừa cắm vòi vào thùng chứa, vừa nói:

– Như tôi vừa nói với ông… Quả tình tôi không biết xứ sở này đi đâu. Với những món cứu trợ và các thứ linh tinh thì họ đi tới đâu?

Casy nói:

– Tôi đã đi khắp xứ. Ai ai cũng tự hỏi như ông. Chúng ta đi đâu? Tôi thấy hình như chúng ta không bao giờ đi đâu cả. Cứ việc đi và đi. Luôn luôn lên đường. Tại sao thiên hạ lại không nghĩ đến tất cả những điều đó? Ngày nay cái gì cũng chuyển, cũng động. Người ta di chuyển. Chúng ta biết tại sao di chuyển và di chuyển như thế nào. Họ di chuyển vì họ không thể làm khác được. Chính vì thế mà họ di chuyển mãi mãi. Họ di chuyển bởi vì họ mong muốn cái tốt đẹp hơn cái họ có. Mà như vậy cũng là cách duy nhất để đạt tới đó. Một khi họ muốn nó, thấy cần có nó thì họ ra đi và tìm nó. Chính mãi bị xúc phạm, con người ta đâm ra điên khùng muốn đánh đấm. Tôi đã từng đi khắp xứ và tôi thấy thiên hạ ai cũng nói như ông.

Người to béo vẫn bơm xăng, kim đồng hồ chỉ số xăng cứ nhích tới dần.

– Đúng thế, nhưng mọi cái đó dẫn chúng ta tới đâu? Đấy là điều tôi muốn biết.

Tom xen vào một cách tức tối.

– Thế thì chả bao giờ ông biết được. Casy thì cố giảng giải cho ông nghe, còn ông thì cứ nhắc đi nhắc lại chỉ từng ấy chuyện. Ông không phải là người đầu tiên chúng tôi gặp như vậy. Ông chẳng tự bảo tự nhủ cái quái gì hết, ông chỉ nhai đi nhai lại một bài ca nhàm tai. “Chúng ta đi đâu?”. Ông không muốn hiểu. Cả xứ di chuyển khắp nơi, đi khắp chốn. Khắp xung quanh người ta đang chết. Chính ông có lẽ chả mấy chốc rồi

cũng chết, nhưng ông có biết quái gì đâu kia chứ. Tôi thấy quá nhiều người như ông rồi. Ô, các ông chẳng chịu hiểu gì hết, chỉ tự bằng lòng ru ngủ mình với cái điệu hát nhàm tai muôn thuở…”Chúng ta đi đâu?”

Tom nhìn cái bơm xăng cũ kỹ và hoen rỉ, cái lều ở phía sau vách ghép bằng những tấm ván cũ, những lỗ thủng do những chiếc đinh cũ đã long ra nom còn rõ qua nước sơn, cái nước sơn xưa màu táo bạo cố ý bắt chước màu vàng những trạm xăng của các công ty ở thành phố. Nhưng sơn cũ không thể đút nút các lỗ đinh xưa cũng không lấp được khe hở giữa các tấm ván, và sơn cũ không thể thay thế được. Sự bắt chước là một thất bại và người chủ cũng biết đó là một thất bại. Và qua cánh cửa để ngỏ, Tom thấy trong căn nhà lụp xụp, mấy thùng dầu nhờn, chỉ hai thùng thôi, bên cạnh cái quầy bày các thứ kẹo bụi bám đầy, những dây cam thảo xám lại vì lâu ngày, những vụn thuốc lá. Anh trông thấy chiếc ghế gẫy, cái tấm lưới chắn ruồi bị gỉ sắt ăn thủng một lỗ. Và mảnh sân mà trước kia dễ chừng được phủ một lớp cát giờ thì ngổn ngang đồ đạc, và phía sau đó là cánh đồng ngô khô héo đang chết dần chết mòn dưới ánh nắng mặt trời. Cạnh nhà là cái kho nho nhỏ chứa các lốp xe cũ, các lốp đắp lại. Và lần đầu tiên anh nhận thấy chiếc quần rẻ tiền ướt đẫm của cái gã to béo, chiếc sơ mi rẻ tiền và chiếc mũ giấy bồi. Anh nói:

– Chẳng phải tôi có ý định công kích gì ông anh đâu. Tại nóng bức quá đấy thôi. Ông anh chả có tội gì. Chẳng mấy chốc rồi ông nữa, ông cũng sẽ lên đường. Nhưng không phải các máy cày buộc ông anh phải cuốn xéo đâu. Chính là các kho xăng xinh đẹp màu vàng ở các thành phố xua đuổi ông anh. Thiên hạ người ta di chuyển, – anh nói có chút xấu hổ – và ông cũng sẽ phải

di chuyển, ông anh ạ.

Người to béo bơm chầm chậm rồi ngừng lại trong khi Tom nói. Y lo lắng nhìn Tom rồi nói một cách thất vọng:

– Anh biết sự thể thế nào? Làm sao anh biết chúng tôi đang tính đến chuyện phải nhặt nhạnh đồ đạc để đi về miền Tây?

Casy đáp thay Tom:

– Đó là số phận của mọi người. ông nhìn xem, tôi đây chẳng hạn, ngày trước tôi dốc tâm dốc sức chống lại ma quỉ, bởi vì tôi tưởng ma quỉ là kẻ thù. Nhưng có một cái gì đó tệ hơn ma quỉ đã tóm lấy xứ này, và nó không buông tha ta ra, trừ phi nó bị chặt cổ. Có bao giờ ông trông thấy những con kỳ nhông khổng lồ khi nó bám chặt vào một vật gì chưa? Nó đã bám vào rồi thì giá chặt đôi nó ra, cái đầu vẫn bám riết. Chặt đứt cổ thì đầu vẫn không nhả ra. Nếu muốn gỡ cái đầu, phải dùng một cái vặn đinh ốc mà vặn. Nhưng trong thời gian đó, nọc độc từ cái răng tiết ra đã ngấm dần qua vết cắn mà vào cơ thể mất rồi!

Ông ngừng nói và liếc nhìn Tom.

Người to béo nhìn phía trước y với vẻ chán ngán. Bàn tay của y bắt đầu quay tay gạt, từ từ, từ từ.

– Tôi không biết chúng ta đi về đâu, – y nói khe khẽ.

Gần chỗ vòi nước, Connie và Rosasharn đứng sát bên nhau, đang chuyện trò một cách bí mật. Colmie tráng chiếc cốc thiếc đưa ngón tay sờ sờ trước khi rót đầy cốc. Rosasharn nhìn những chiếc xe hơi đi qua trên đường cái. Connie đưa cốc nước cho vợ.

– Nước không mát, nhưng dẫu sao cũng là nước.

Cô nhìn anh ta với một nụ cười bí mật. Từ dạo có thai, tất cả ở cô đều chứa đầy bí mật. Những bí mật và những giây phút im lặng ngắn ngủi hình như mang một ý nghĩa. Cô bằng lòng về chính mình, và cô kêu ca những điều không đâu. Cô đòi hỏi ở Connie những sự giúp đỡ vụn vặt, vớ vẩn và cả hai đều biết là vớ vẩn. Connie cũng rất bằng lòng về cô, và rất thán phục khi nghĩ cô có mang. Y thích nghĩ là mình chia sẻ những bí mật của cô. Khi cô cười với vẻ bối rối, y cũng cười và cả hai khe khẽ tỉ tê những chuyện tâm tình. Thế giới đã xiết chặt lại chung quanh họ. Họ chiếm giữ trong tâm thế giới hay đúng hơn, Rosasharn là trung tâm, còn Connie thì vẽ ra một quỹ đạo nhỏ xung quanh cô. Tất cả những gì họ nói với nhau đều mang một tính chất bí mật.

Cô thôi không nhìn đường và nói nhõng nhẽo:

– Em chả khát lắm nhưng nên uống thì hơn.

Y gật đầu đồng ý bởi vì y biết cô muốn nói gì. Cô cầm lấy cốc, súc miệng, nhổ ra, rồi uống cốc nước âm ấm.

– Cốc nữa? – Y hỏi.

– Nửa cốc thôi đấy.

Anh bèn rót nửa cốc trao cho cô. Một chiếc Lincoln Zephyr dáng thấp và loáng bạc bất thần vút qua. Cô ngoảnh lại xem người nhà mình ở đâu và thấy họ đứng tụm quanh chiếc xe tải. Cô yên tâm, cô nói:

– Anh nghĩ sao giá như được du lịch trong một chiếc xe hơi như thế?

Connie thở dài:

– Có lẽ… sau này, – cả hai đều biết y muốn nói gì –

Ở California mà có nhiều công ăn việc làm, chúng mình sẽ có xe riêng. Nhưng điều đó thì…– Y chỉ về phía Zephyr đang mất hút –… những của ấy, giá bằng cả một ngôi nhà lớn. Anh muốn có nhà thì hơn.

– Em thì em thích có nhà và một xe hơi như vậy, – cô nói – Nhưng cố nhiên, nhà trước đã…

Và cả hai đều biết cô muốn nói.gì. Việc cô có mang khiến đầu óc họ đảo lộn ghê gớm.

– Em thấy dễ chịu không?

– Thấy mệt. Đi nắng nhiều nên mệt, thế thôi.

– Thế nào cũng phải chịu mệt, không thì chả bao giờ đến California được.

– Em biết mà.

Con chó vừa đi quanh quẩn vừa đánh hơi. Nó đi vòng ra tới phía sau xe, chạy lon ton tới cái vũng nước phía trước vòi nước và bắt đầu liếm nước bùn. Rồi nó bỏ đi xa, chúi mũi xuống đất, rũ tai xuống. Vừa ngửi ngửi, nó vừa lách mình qua đám cỏ bụi bám ở lề đường, tới tận lòng đường xi măng, đến đấy, nó nghếch đầu lên, nhìn sang phía bên kia rồi vượt qua. Rosasham hét lên một tiếng xé tai. Một chiếc xe lớn phóng nhanh đang lao tới. Bánh xe rít ken két. Con chó vụng về nhảy tránh sang bên với một tiếng rú nửa chừng bị đứt đoạn, nó đã mất hút dưới bánh xe. Chiếc xe to lớn đi chậm lại trong giây lát, mấy cái đầu ngồi bên trong quay lại rồi xe lại phóng nhanh biến mất. Con chó chỉ còn là đống thịt bầy nhầy máu me, ruột gan phòi ra, bốn cẳng yếu ớt đạp đạp trên mặt đường.

Rosasharn trợn mắt kinh khiếp.

– Anh nghĩ xem, em có việc gì không? – Cô nài nỉ. –

Liệu em có việc gì không hở anh?

Connie ôm chặt lấy nàng:

– Em lại ngồi đây, – y nói. – Chẳng hề gì.

– Nhưng em cảm thấy nó làm em đau. Em cảm thấy như thể chính em bị thương, đúng khi em kêu thét lên.

– Em đến ngồi đây. Chẳng hề gì. Không hề hấn gì đâu.

Y dẫn cô vòng sang phía bên kia xe, để cô không nom thấy được con chó sắp chết, và đỡ cô ngồi xuống bậc xe.

Tom và chú John lại gần đống thịt xương nhầy nhụa. Cái thân hình bị nghiến nát run rẩy một lần cuối cùng. Tom cầm lấy cẳng con chó và lôi nó tận bờ đường. Chú John có vẻ ngượng ngùng, như thế là lỗi tại chú.

– Đáng lý tôi phải buộc nó lại. – Chú nói.

Bố nhìn xác con chó một lúc rồi quay mặt đi.

– Đi thôi – ông nói. – Dẫu sao thì cũng chẳng biết lấy gì mà nuôi nó. Có lẽ thế mà hóa hay.

Gã to béo hiện ra ở sau xe:

– Các ông các bà, tôi rất lấy làm tiếc. Ở gần đường cái lớn thế này, chó không sống dai được. Tôi đã có ba con bị chết chẹt trong khoảng một năm. Tôi chán không muốn nuôi nữa.

Rồi y nói thêm:

– Xin đừng lo. Tôi sẽ liệu, sẽ đem chôn nó trong đồng ngô.

Rosasharn đang còn ngồi trên bậc lên xuống, run lẩy bẩy. Mẹ lại gần cô và hỏi:

– Khá không, Rosasharn? Con có thấy đau đớn gì không?

– Con vừa nom thấy. Nó làm con sợ giật bắn.

– Mẹ có nghe con gào lên. Thôi, giờ thì đừng nghĩ ngợi gì.

– Theo Mẹ thì liệu con có việc gì không?

– Không, – Mẹ đáp. – Nhưng nếu con cứ nhõng nhẽo, cứ kè nhè rên rỉ, thì có thể lắm. Thôi, đứng dậy giúp mẹ đỡ bà Nội lên xe. Hãy quên đứa hài nhi giây lát, nó khắc tự xoay xở được.

– Bà Nội đâu? – Rosasharn hỏi.

– Mẹ không biết. Ở đâu đó thôi. Dễ chừng ở nhà vệ sinh.

Người thiếu phụ tiến lại nhà vệ sinh và một lát sau, cô đỡ bà Nội đi ra.

– Bà đến ngủ trong đó, – cô nói.

Bà Nội mỉm cười:

– Trong đó, tốt lắm. Chuồng xí máy, có nước từ trên cao chảy xuống, ở trong ấy, tao thích lắm. Giá tụi bay không đánh thức tao, chắc tao đã làm một giấc ngon.

– Bà ạ, đó đâu phải là chỗ tốt đẹp gì để ngủ – Rosasham vừa nói vừa đỡ bà lên xe.

Bà Nội ngồi, có vẻ khoái chí.

– Tao bảo nó tốt chứ không nói nó đẹp, nó tốt, vì ở đó dễ chịu.

– Đi thôi. Đường còn xa lắm. – Tom giục.

Bố huýt sáo một tiếng inh tai nhức óc.

– Lại cái bọn nhóc con, chúng đi đâu mất rồi? – Ông

lại cho hai ngón tay vào miệng và huýt sáo nữa.

Một lát sau, hai đứa từ trong ruộng ngô chui ra, Ruthie đi trước. Winfield đi sau.

– Trứng, – Ruthie kêu to – Trứng này!

Nó bước nhanh, Winfield theo sát sau:

– Nhìn này.

Nó chìa cho thằng em xem trong hai bàn tay mười hai quả trứng xám nhạt. Nhưng lúc nó chìa bàn tay ra thì mắt nó trông thấy con chó chết ở bên đường.

– Ối!

Cả hai đứa từ từ đi về phía con chó. Chúng nhìn kỹ.

Bố gọi:

– Nào, đi thôi, hay là chúng mày muốn ở lại đây?

Chúng quay lại một cách nghiêm trang và trở về xe. Ruthie một lần nữa lại nhìn những trứng rắn xam xám, rồi vất ra xa. Chúng trèo lên thành xe.

– Mắt nó còn mở, – Ruthie nói khe khẽ.

Nhưng Winfield vẫn đắm chìm trong cảnh tượng vừa rồi. Nó nói một cách hùng dũng.

– Bao nhiêu là ruột… vãi khắp… – Nó im một lát – chỗ nào cũng thấy ruột là ruột, – Rồi nó ngã lăn ra, nôn vào thành xe. Khi nó đã ngồi xuống thì nước mắt ràn rụa, nước mũi lòng thòng. Nó nói để phân trần:

– Đâu phải như giết lợn!

Al mở nắp xe kiểm lại mức dầu. Hắn kéo ra một can dầu mà hắn để dưới gầm ghế phía trước, rót dầu đen bẩn vào ống và soát lại nữa.

Tom lại gần hắn:

– Mày để tao lái gỡ cho một quãng, nhé?

– Em không mệt, – Al nói.

– Đêm qua mày không ngủ. Tao thì sáng nay đã làm một giấc rồi. Mày leo lên trên kia đi. Tao lái cho.

– Được, – Al nói miễn cưỡng – Nhưng anh phải để mắt đến mức dầu. Chạy từ từ. Em sợ chuyện chập mạch. Thỉnh thoảng phải nhìn kim chỉ số, nếu đùng một cái nó nhảy lại "Giảm tải", thế là chập mạch. Mà anh Tom ạ, cứ đi từ từ. Chở nặng quá.

Tom cười:

– Tao sẽ để ý cẩn thận. Mày có thể yên chí.

Một lần nữa, gia đình lại ngồi chật như nêm trên nóc xe. Mẹ ngồi phía trước cạnh Bà Nội, còn Tom ngồi sau tay lái và mở máy.

Anh nói:

– Nếu giơ[24] thì cũng đã giơ rồi – Nói xong anh sang số và chiếc xe đi xa dần.

Máy nổ đều đặn và trước mắt họ, mặt trời xuống dần. Bà Nội ngủ say và chính Mẹ cũng gục đầu ngủ thiu thiu. Tom kẻo sụp mũ xuống tận mắt để che ánh nắng chói chang.

Từ Paaen đến Meeker, ba mươi dặm. Meeker đến Harrah, mười bốn dặm, rồi tới Oklahoma City… thành phố lớn. Tom tiếp tục chạy thẳng. Mẹ tỉnh dậy và nhìn các đường phố trong khi xe chạy qua. Và trên nóc xe, cả nhà trố mắt nhìn các cửa hiệu, các ngôi nhà, các cửa hàng bé dần. Bây giờ là các bãi chứa rác, các tiệm bánh Xăng–uých, các tiệm khiêu vũ ngoại ô.

Ruthie và Winfield mải mê ngắm nhìn khắp thảy, ngượng ngùng trước cái to lớn đến thế, kỳ diệu đến

thế, tất cả những con người ăn mặc đẹp đẽ, sang trọng khiến chúng đâm hoảng. Chúng không nói chuyện với nhau về các điều mắt thấy, tai nghe. Sau này hãy nói… chứ bây giờ thì không. Chúng nom thấy các giàn giếng dầu ven thành phố, các công trình xây dựng đen ngòm, và ngửi thấy mùi dầu hỏa, hơi đốt tỏa lên không trung. Nhưng chúng không hò reo. Các thứ đó lớn quá, lạ lùng quá khiến chúng thấy sợ.

Rosasharn trông thấy trên đường phố một người đàn ông mặc một bộ comlê màu sáng, đi giày trắng, đội mũ rơm. Cô hích nhẹ vào Connie và đưa mắt chỉ cho y người đàn ông kia, thế là Connie và Rosasharn bắt đầu cười khúc khích với nhau, sau đó thì không nén nổi. Họ lấy tay che miệng. Cười như thế họ thấy khoan khoái quá, cho nên họ tìm những người khác để lại được cười nữa. Thấy anh chị cười – mà nom mới ngộ làm sao – Ruthie và Winfield cũng cố gắng để bật ra tiếng cười – nhưng không nổi. Tiếng cười không bật ra. Còn Connie và Rosasham suýt nghẹt thở vì cười, chưa kịp nén thì họ đã đỏ dừ lên. Tệ đến mức chỉ cần nhìn nhau là họ lại bắt đầu cười như điên.

Các khu phố ngoại ô trải dài vô tận. Tom lái xe từ từ và thận trọng trên các đường phố đông như mắc cửi. Sau cùng họ lại ra tới quốc lộ 66… con đường lớn về miền Tây. Mặt trời xuống dần. Cái chắn gió lấp lánh dưới bụi. Tom kéo sụp thêm mũ lưỡi trai xuống mắt, kéo thấp đến nỗi cứ phải ngửa đầu ra để nhìn cho rõ. Bà Nội vẫn ngủ, mặc dầu mặt trời chiếu vào đôi mắt nhắm nghiền, mạch máu ở thái dương cụ màu xanh, mạch máu nhỏ trên má cụ màu rượu nho, còn những vệt nâu mà tuổi tác đã in trên mặt cụ trở nên sẫm hơn. Tom nói:

– Chúng ta bám lấy con đường này thẳng đến tận cùng.

Từ lâu bà mẹ vẫn giữ im lặng, bây giờ bà mới nói:

– Có lẽ tốt nhất ta nên tìm một chỗ nào để đỗ lại trước lúc mặt trời lặn. Mẹ phải nấu một ít thịt và làm bánh. Cũng mất nhiều thời gian đấy.

Tom tán thành:

– Đúng, phải thế mẹ ạ. Hành trình này chúng ta đi một lèo đâu được. Chi bằng nghỉ cho khỏi tê cẳng.

Từ Oklahoma City đến Behany, mười bốn dặm.

Tom nói:

– Con nghĩ tốt hơn là nên dừng lại trước khi mặt trời lặn. Nhân thể thằng Al nên làm cái sào căng bạt ở phía trên. Không thế họ sẽ chết nắng mất.

Bà mẹ lại đã thiu thiu ngủ. Bất thình lình bà ngẩng đầu lên.

– Mẹ phải làm cơm tối, – Rồi bà nói thêm – Tom này, Bố có nói với mẹ về chuyện con vượt biên giới.

Tom chần chừ mãi mới đáp:

– Thế sao? Vậy thì sao, hả mẹ?

– Thì mẹ sợ chứ sao. Cũng gần giống như con vượt ngục vậy. Có thể người ta sẽ bắt lại con.

Tom lấy tay che mắt để tránh mặt trời sắp lặn, anh nói:

– Mẹ khỏi phải lo. Con nghĩ chán ra rồi. Có hàng đống thằng cha được tự do theo lời hứa, nhưng ngày nào cũng có những thằng tù mới. Nếu con làm gì bậy bạ ở miền Tây để rồi bị bắt, thì đây, ảnh con, dấu tay của con. Ở Washington rồi, họ sẽ giải con về nơi cũ,

nhưng nếu con không làm gì phạm pháp, thì họ để ý làm quái gì.

– Dù sao, mẹ, mẹ vẫn sợ. Nhiều khi người ta phạm tội và thậm chí chả biết đó là tội. Có lẽ ở Califomia, có những việc làm trái luật mà chúng ta không biết. Có thể con sẽ làm điều gì đó con ngỡ là tốt, ấy thế mà ở California lại là xấu.

– Như thế cầm bằng con không được tha theo lời hứa, – anh nói – Chỉ có khác một điều, là nếu con để bị tóm, họ sẽ nện con tơi bời[25], hơn người khác. Nhưng thôi. Mẹ đừng tự giày vò mình làm gì. Như thế này cũng đã có khối chuyện để lo lắng rồi, chả nên nghĩ thêm chuyện để mà lo nữa.

– Mẹ không chịu đựng nổi, con ạ. Ngay cái lúc con vượt biên qua biên giới tiểu bang là con đã phạm pháp rồi.

– Thế thì còn hơn cứ quanh quẩn ở Sallisaw để mà chết đói. Tốt nhất ta nên kiếm một chỗ thuận tiện để đỗ xe.

Họ chạy ngang qua Bethany, ra khỏi thành phố, trong một cái hố ở chỗ cái cống, nước ăn ngầm qua đường, có một chiếc xe du lịch cũ kỹ với một chiếc lều nhỏ đứng sát bên cạnh, khói đang bốc lên từ một cái ống xuyên qua vải lều.

Tom đưa ngón tay chỉ :

– Có người cắm trại ở kia. Xem ra chả có chỗ nào tốt hơn đây.

Anh cho xe chạy chậm lại và dừng ở lề đường. Nắp đậy máy chiếc xe cũ đang mở và một người đứng tuổi đang cúi xuống xem động cơ. Người ấy đội một chiếc mũ rơm tồi tàn, mặc một chiếc sơ mi xanh, một chiếc

gilê đen vấy bẩn, quần cứng đơ và loáng dầu mỡ. Mặt ông gầy guộc, những nếp nhăn hằn sâu ở má khiến cho gò má thêm cao và cằm thêm bạnh ra. Ông ngước mắt nhìn chiếc xe của nhà Joad và cái nhìn của ông lộ vẻ lúng túng và cáu giận.

Tom nghiêng đầu qua cửa xe:

– Có luật nào cấm đậu xe ở đây ban đêm không?

Người đàn ông trước đó chỉ thấy chiếc xe, bây giờ hướng đôi mắt về phía Tom:

– Tôi không biết. Chúng tôi phải đậu lại vì không thể đi xa hơn.

– Ở đây có nước không? Người đàn ông chỉ một trạm xăng cách xa khoảng năm trăm thước.

– Ở đằng kia có nước. Họ sẽ cho các ông lấy một thùng.

Tom do dự:

– Theo ông thì chúng tôi có thể cắm trại ở chỗ này không?

Người đàn ông gầy gò nom bộ ngạc nhiên:

– Chỗ này đâu có phải của chúng tôi. Chúng tôi phải đỗ lại vì cái xiphông trời đánh này giở chứng không chịu đi thêm.

Tom cố nèo:

– Đành vậy rồi, nhưng dẫu sao thì ông đang ở đây, ông có quyền nói ông thích hay không thích có thêm bạn láng giềng.

Lời kêu gọi lòng mến khách có hiệu lực ngay tức thì. Khuôn mặt người gầy gò rạng rỡ một nụ cười:

– Ồ sao lại không, ông lái xe dẹp vào đây. Rất sung

sướng có ông ở đây.

Rồi ông gọi:

– Sairy, có người ở lại đây cùng chúng mình, em ra chào họ đi. – Và ông nói thêm – Sairy không được khỏe.

Vải lều nâng lên và một phụ nữ tàn tạ rúm ró bước ra – một khuôn mặt nhăn nheo như chiếc lá khô, đôi mắt rực lửa – đôi mắt đen nhánh hình như đã từng nhìn vào một cái hố sâu thẳm những cảnh kinh khiếp. Người bà bé nhỏ, run rẩy. Bà đứng, bám chặt vào tấm cửa lều bằng vải, bàn tay bà chỉ là da bọc xương.

Khi bà nói, tiếng bà âm sắc trầm trầm, dịu dàng và ngân nga nhưng lại có những nhấn giọng rung vang.

– Em hãy chào họ đi, – chào họ thật nồng nhiệt.

Tom bỏ đường cái, lái xe vào cánh đồng, đậu cạnh sát chiếc xe du lịch. Rồi tất cả mọi người tụt nhào xuống xe. Ruthie và Wmfield nhanh chân nên bị hẫng, chúng gào lên vì thấy bắp vế tê đau và râm ran như kim châm. Mẹ nhanh chóng bắt tay vào việc. Bà tháo cái thùng lớn móc ở sau xe, lại gần hai đứa trẻ đang kêu la.

– Nào, cả hai đứa, đi kiếm nước cho mẹ. Ở kia kìa, thấy không? Hỏi xin cho lễ phép. Nói thế này:” Xin ông làm ơn, cho phép chúng cháu lấy một thùng nước”, lấy xong nói: “Cháu xin cám ơn”. Rồi cả hai đứa mang về cẩn thận đừng đánh đổ. Nếu thấy củi vụn cũng nhặt về luôn.

Hai đứa trẻ tiến về phía căn lều.

Xung quanh lều vải, không khí còn hơi ngượng ngùng, mối quan hệ xã giao chưa được khơi mào thì đã ngừng.

Bố nói:

– Ông không phải từ Oklahoma đến ư?

Al đứng gần chiếc xe hơi nhìn bảng số:

– Ở Kansas.

Người dàn ông gầy gò đáp:

– Ở Galena, về phía kia. Tôi là Wilson. Ivy Wilson.

– Còn chúng tôi, gia đình Joad, – bố nói. – Ở gần Sallisaw tới. – Rất hân hạnh được làm quen với ông.

– Ivy Wilson nói – Sairy à, anh giới thiệu với em đây là gia đình Joad.

– Tôi biết ông không phải là người Oklahoma. Ông nói ngồ ngộ là. Dĩ nhiên không có ý cười ông.

– Mỗi người có cách nói riêng, Người Arkansas nói cách này, người Oklahoma nói cách khác. Và chúng tôi đã gặp một bà vùng Massachusetts lại nói hoàn toàn khác. Nghe bà ta nói, chỉ hiểu lơ mơ.

Noah, chú John và mục sư bắt đầu trút bỏ đồ trên xe. Họ đỡ ông Nội và đặt cụ ngồi xuống đất, cụ kiệt quệ, hai mắt nhìn chằm chằm phía trước.

– Ông ơi, ông ốm hay sao? – Noah hỏi.

– Mẹ kiếp nó, mày nói đúng– ông Nội thều thào – Ma quỉ nó hành tao[26]

Sairy Wilson từ từ rón rén lại gần ông và hỏi:

– Cụ có muốn vào lều chúng con không? Cụ có thể nằm lên đệm của chúng con để nghỉ cho khỏe.

Ông Nội ngước mắt về phía bà ta, bị thu hút bởi tiếng nói dịu dàng của bà.

– Cụ vào đây mà nghỉ, – bà ta nói – Chúng con sẽ đỡ cụ.

Thật không ai có thể ngờ tới, ông Nội đột nhiên khóc, cằm ông run run môi mím chặt, toàn thân rung chuyển trong những tiếng nức nở khàn khàn.

Mẹ vội vàng chạy tới, ôm lấy ông Nội, cố nâng ông đứng lên rồi vừa nâng ông nửa chừng vừa dìu ông vào lều.

Chú John nói:

– Chắc ông phải ốm nặng đấy. Chưa bao giờ ông như thế cả. Đời tôi, tôi chưa từng thấy ông khóc.

Chú nhảy lên xe và ném theo một cái nệm.

Bà mẹ ra khỏi lều và lại gần Casy.

– Ông quen thấy người bệnh, – bà nói – ông Nội ốm. Ông vào thăm ông Nội được không?

Casy rảo bước vào lều. Một chiếc đệm rộng hai chỗ nằm trải dưới đất trên phủ một lớp chăn thẳng mép. Một cái bếp lò nhỏ bằng sắt tây có chân bằng sắt đang cháy leo heo. Một xô nước, một hòm gỗ đầy thực phẩm và một cái hòm dùng làm bàn – đó là tất cả đồ đạc. Ánh mặt trời sắp lặn dưới những tia sáng hồng qua tấm vải lều. Sairy Wilson đang quì gần tấm đệm trên đó ông Nội nằm nghỉ. Ông nằm ngửa, đôi mắt mở to nhìn lên trời, và má ông đỏ rực, ông thở rất khó nhọc.

Casy cầm lấy cổ tay gầy guộc của ông Nội và hỏi:

– Thế ra, cụ mệt lắm phải không?

Đôi mắt mở trừng trừng quay về phía có tiếng nói nhưng ông Nội không thấy ông mục sư. Hai môi mấp máy cố gắng trả lời nhưng bất lực. Casy bắt mạch, buông cổ tay cụ ra, rồi đặt bàn tay lên trán. Thân thể ông già bắt đầu vật vã, chân tay cụ cựa quậy liên hồi. Cụ phát ra một tràng những tiếng ú ớ chứ không thành

lời, và dưới chòm râu bạc tua tủa khuôn mặt cụ nom đỏ dừ.

Sairy Wilson khẽ hỏi Casy:

– Ông có biết bệnh gì không?

Mục sư ngước mắt nhìn khuôn mặt nhăn nheo và đôi mắt sáng rực.

– Còn bà?

– Có lẽ biết?

– Vậy là bệnh gì? – Casy hỏi.

– Tôi có thể lầm. Nói ra không tiện.

Casy lại hạ mắt nhìn khuôn mặt đỏ dừ đang giật giật

– Theo ý bà…có thể là…nhiều khi…là bệnh trúng phong?

– Chính tôi định nói thế, – Sairy đáp – Tôi thấy như vậy là lần thứ ba.

Nghe bên ngoài có tiếng ồn ào quen thuộc của việc cắm trại, tiếng chặt củi, tiếng xoong chảo lách cách. Mẹ nhìn qua cửa lều.

– Bà Nội muốn vào? Có nên không? – Bà Mẹ hỏi.

Mục sư đáp:

– Ngăn bà lại thì bà lại làm ầm lên.

– Theo ông, ông Nội có khá không? – Mẹ hỏi.

Casy chậm rãi lắc đầu. Mẹ liếc nhìn khuôn mặt tàn héo đang vật vã vì máu dồn ứ, bà đi ra và người ta nghe tiếng bà nói:

– Ông đã khá rồi, bà Nội ạ. ông đang nghỉ ngơi một chút, chỉ thế thôi.

Còn bà Nội đáp lại bằng giọng càu nhàu:

– Thế thì, tao muốn xem sao. Ông ấy ranh mãnh như quỷ. Với ông ấy, biết thế nào mà lường trước được.

Và bà Nội lách vào lều.

– Thế nào? Ông làm sao đấy?

Một lần nữa, ông Nội lại nhìn về phía có tiếng nói và đôi môi ông méo xệch.

Bà Nội nói:

– Ông lão hờn dỗi mà. Tao đã bảo rồi, ông ấy láu cá lắm. Hồi sáng nay, ông ấy đã toan lẩn trốn để khỏi bị đưa đi. Ông ấy lại còn đau háng nữa.

Bà nói với vẻ ghê tởm, – Ông ấy hờn dỗi, thế thôi. Tao đã thấy, khi không muốn nói chuyện với ai thì ông lão giở chứng thế đó.

Casy nói nhẹ nhàng:

– Ông không hờn đâu, bà Nội ạ. Ông ốm.

– Dào! – Bà lại nhìn ông cụ. – Ốm lắm à?

– Ốm khá nặng, bà Nội ạ.

Bà do dự một lát rồi phân vân: –

Đã thế, – bà nói nhanh – Cớ sao ông không cầu nguyện đi.

Casy đưa những ngón tay khỏe lần mò cổ tay bà cụ và xiết chặt lấy.

– Con đã nói với Bà rồi. Con không làm mục sư nữa.

– Dẫu sao cũng cứ cầu nguyện, – bà ra lệnh – Ông đã thuộc làu rồi.

– Con không làm được, – Casy nói – Con không biết cầu nguyện gì và cầu nguyện ai.

Bà Nội đảo mắt vẩn vơ rồi chăm chú nhìn vào Sairy.

– Ông ta không muốn cầu nguyện, – Bà nói – Già đã kể cho bà nghe con Ruthie nó cầu nguyện như thế nào khi nó còn bé tẹo, chưa nhỉ? Nó nói thế này: “Bây giờ con sắp ngủ. Con cầu Chúa hãy gìn giữ linh hồn của con, và khi con nó tới thì trong tủ ăn chả còn thức gì, và con chó tội nghiệp phải đành chịu đói. Ament”. Có đúng tôi nói với bà như vậy không?

Có bóng một người nào đó đi qua giữa lều và mặt trời, in trên nền vải.

Ông Nội hình như đang vật lộn, tất cả cơ bắp của cụ co rút lại. Rồi bất thình lình cụ rùng mình như thể bị một cú đánh mạnh dữ dội. Rồi cụ nằm thẳng người êm ả, và ngừng thở. Casy nhìn mặt ông già và thấy nó đang tím lại. Sairy đụng vai Casy thì thầm:

– Lưỡi…lưỡi, lưỡi ông cụ.

Casy gật đầu, tỏ ý hiểu:

– Bà hãy đứng chắn phía trước bà cụ.

Ông cố vạch hàm cụ ra, luồn ngón tay vào cổ họng cụ già và nắm chắc lấy lưỡi. Lúc ông kéo lưỡi ra thì nghe tiếng khò khè thở, thở hắt như một tiếng khóc nấc. Casy thấy một cái que dưới đất ông nhặt lên dùng nó ấn lưỡi xuống và hơi thở lại bắt đầu khò khè đứt đoạn.

Bà Nội nhảy như con gà con.

– Cầu nguyện đi, – Cụ nói, – Cầu nguyện đi, bảo mà, cầu nguyện đi.

Sairy cố níu bà Nội lại.

– Cầu nguyện đi, trời ơi! – Bà cụ lại thét lên.

Casy ngước mắt nhìn cụ. Hơi thở người hấp hối khò khè mạnh hơn, cách quãng hơn.

Casy cầu nguyện:

– Lạy Cha chúng con ở trên Trời, chúng con nguyện danh Cha cả sáng.

– Sáng danh Thiên Chúa! Bà Nội hét lên.

– Cầu cho ý Chúa cả sáng khắp nơi trên trời dưới trần thế.

– Amen.

Một tiếng thở dài nghèn nghẹn trút ra từ cái miệng há to, tiếp theo là một tiếng thở hắt ra.

– Xin Cha ngày hôm nay ban cho chúng con… bánh ăn…và tha lỗi cho chúng con.

Hơi thở đã ngừng. Casy nhìn đôi mắt ông Nội, đôi mắt trong sáng, sâu thẳm, thâm trầm và trong đó ánh lên sự thanh thản của bậc hiền nhân.

Ha llelujah! Bà Nội nói, – Tiếp tục đi.

– Amen!

Casy chấm dứt.

Thế là cụ đứng lặng yên. Ở ngoài lều, mọi tiếng động đã ngừng bặt. Một xe hơi phóng nhanh trên đường cái. Casy vẫn quì xuống đất gần chiếc đệm. Bên ngoài, ai nấy lắng nghe lặng lẽ chăm chú đến tiếng động của sự chết. Sairy đỡ lấy cánh tay bà cụ và dìu bà ra. Còn Bà Nội bước đi đàng hoàng, đầu ngẩng cao. Bà bước đi vì gia đình và ngẩng cao đầu vì gia đình, Sairy dẫn bà cụ tới chiếc nệm đã trải dưới đất và đặt cụ ngồi xuống. Bà Nội nhìn thẳng phía trước mặt, tràn trề kiêu hãnh, vì bây giờ cụ là cái đích ngắm của mọi người. Lều im lặng và cuối cùng, Casy đưa hai tay vén cửa lều bước ra.

Bố khẽ hỏi:

– Bệnh gì vậy?

– Trúng phong. Trúng phong cấp tính.

Cuộc sống lại tiếp tục. Mặt trời đụng sát chân trời và dẹt lại. Trên đường cái một dãy dài những xe tải to chở hàng, sơn đỏ, chạy nườm nượp trong tiếng ầm ầm sấm sét, khiến đất khẽ rung chuyển, và những ống thông hơi khạc nhả khói dầu Diesel mù mịt. Mỗi người lái một chiếc, phụ lái nằm ngủ trên cuset đặt trên nóc xe. Nhưng các xe tải này không bao giờ dừng lại, chúng gào thét suốt ngày đêm, đất rung mỗi khi chúng nặng nề chạy qua.

Cả gia đình trở thành một khối thống nhất. Bố ngồi xổm dưới đất, chú John đến đứng gần bên. Bây giờ Bố là chủ gia đình. Mẹ đứng cạnh ông và quanh ông là Noah, Tom và Al ngồi xổm, còn ông mục sư thì ngồi hẳn xuống. Connie và Rasasharn và Winfield trở về, vừa khênh vừa đu đưa một thùng nước; cảm thấy có sự gì thay đổi, chúng đi chậm lại, đặt chiếc thùng xuống đất rồi nhẹ nhàng tới đứng gần Mẹ.

Bà Nội vẫn ngồi, kiêu hãnh, lạnh lùng cho tới khi cả nhà đã tụ lại và người ta thôi không nhìn cụ nữa. Mặt trời đỏ lừ lặn xuống, để lại một ánh hoàng hôn lấp lánh trên đồng quê khiến các khuôn mặt loang loáng trong bóng chiều tối và khiến những con mắt còn phản chiếu ánh sáng của bầu trời. Buổi chiều tối cố gom ánh sáng từ khắp các nơi lại.

Bố nói:

– Ông Nội mất trong lều bà Wilson.

Chú John gật đầu:

– Họ đã cho mượn lều.

– Họ thật tử tế, tốt bụng, – Bố nói khẽ.

Wilson đang đứng gần chiếc xe bị pan và Sairy đã tới ngồi trên nệm, cạnh bà nội nhưng cẩn thận không đụng vào bà.

Bố gọi:

– Ông Wilson…?

Người đàn ông tiến lại, ngồi xổm xuống và Sairy đến đứng gần chồng.

Bố nói:

– Chúng tôi biết ơn ông bà nhiều lắm.

– Rất hân hạnh được giúp đỡ nhà ta.

– Chúng tôi xin đội ơn ông bà, – Bố nói.

– Xin đừng nói đến ơn huệ vào lúc có việc tang tóc, – Wilson nói.

Và Sairy phụ họa hưởng ứng lời của chồng.

– Xin đừng nói đến chuyện ơn huệ.

Al nói:

– Chúng cháu sẽ sửa chữa lại xe cho ông bà… cháu và anh Tom.

Nói xong, Al có vẻ hãnh diện vì đã có thể trả món nợ ân nghĩa của gia đình.

– Được các anh giúp một tay thì hay cho chúng tôi lắm, Wilson chấp nhận, và thế là chuyện ân nghĩa được bỏ qua.

Bố nói:

– Cần phải nghĩ xem bây giờ phải làm gì. Người ta đã có luật. Phải làm giấy khai tử, và như thế mình phải

mất bốn mươi đô la cho bọn phu đòn, nếu không người ta sẽ chôn làm phúc như kẻ bần cùng.

Chú John nói:

– Nhà ta chưa từng có ai phải chôn làm phúc.

Tom nói:

– Có lẽ người ta buộc phải học hỏi cho biết. Thì có bao giờ nhà ta lại bị đá đít ra khỏi nhà khỏi cửa đâu? Chưa bao giờ!

– Chúng ta bao giờ cũng đàng hoàng, – Bố nói – Cái đó thì chả ai chê trách gì chúng ta được. Chúng ta không bao giờ lấy cái gì mà không có tiền trả. Nhà ta không bao giờ nhận bố thí của bất cứ ai. Khi thằng Tom gặp chuyện rắc rối chúng ta luôn luôn ngẩng cao đầu. Nó chỉ làm cái việc mà bất cứ ai ở vào địa vị nó, cũng phải làm.

– Vậy ta quyết định thế nào? – Chú John hỏi.

– Nếu chúng ta làm theo luật lệ, họ sẽ tới đưa xác ông Nội đem đi chôn. Chúng ta chỉ có trăm năm mươi đô la. Họ sẽ lấy mất cua chúng ta bốn mươi đô la, như thế thì chúng ta không bao giờ tới California được… hoặc giả sẽ để họ chôn làm phúc như kẻ nghèo khổ.

Mọi người cựa quậy, bứt rứt. Và họ nhìn đất tối sầm lại phía trước đầu gối họ.

Bố nói nhẹ nhàng:

– Chính ông Nội đã tự tay chôn cụ cố, ông đã làm việc đó một cách xứng đáng đàng hoàng, với một chiếc xẻng, ông đã thửa cho cụ một ngôi mộ xinh xắn. Đã có một thời người cha có quyền được người con chôn cất và người con trai có quyền chôn cất chính cha mình.

– Thời buổi này, luật lệ không thế nữa, – Chú John

nói.

– Có những trường hợp không có cách nào theo đúng luật lệ, – Bố nói, – ít ra là không đúng với lễ nghi phép tắc. Có khối trường hợp là như vậy. Hồi Floyd Pretty Bay còn ở ngoài vòng tự do và tung hoành khắp xứ, pháp luật bảo là phải bắt hắn giao nạp…thì đấy, chả ai tuân theo. Có những lúc phải xoay xở với pháp luật. Và tôi vẫn cho rằng tôi có quyền chôn cất cha tôi. Có ai muốn nói điều gì không?

Ông mục sư chống cùi tay ngồi thẳng dậy. Ông nói:

– Luật lệ không đòi, nhưng việc ta làm là bắt buộc. Người ta có quyền làm những gì phải làm.

Bố quay về phía chú John:

– Đây cũng là quyền của chú. Chú có gì phản đối không?

– Không có gì, – Chú John đáp. Có điều làm thế chẳng khác chôn giấu ông ban đêm, trái hẳn với bản tính của ông. Cung cách của ông là cứ xông thẳng, nếu cần thì bằng những phát súng.

– Ta không làm như ông được, – Bố nói, vẻ ngượng ngùng. – Ta cần phải đến được California trước khi cạn tiền.

Tom xen vào:

– Nhiều khi có những bọn làm ruộng đào phải mả người nào đó, rồi chúng làm rùm beng ầm ĩ tưởng chừng y bị giết. Chính phủ quan tâm đến người chết hơn người sống. Họ dùng trăm phương ngàn kế để dò tung tích người chết, xem y chết như thế nào? Con có ý là viết mấy chữ bỏ vào một cái chai rồi đặt nó cạnh ông Nội, nói rõ ông là ai, chết ra sao và tại sao người ta

chôn cất ông ở đây.

Bố gật đầu tán thành.

– Ý kiến hay đấy. Nghĩ đi rồi viết cho đẹp vào. Hơn nữa, ông không cảm thấy quá lẻ loi khi biết có tên tuổi mình ở cạnh bên. Chứ không chỉ là một lão già nằm đơn chiếc dưới đất. Không có chuyện gì phải nói nữa chứ?

Đám người im lặng. Bố quay đầu về phía bà mẹ.

Mẹ lau rửa cho ông chứ?

– Được, nhưng ai làm bữa ăn tối?

Sairy Wilson:

– Tôi sẽ làm cho. Bà cứ lo liệu công việc. Tôi và con gái lớn của bà.

Bà mẹ nói:

– Chúng tôi cám ơn bà nhiều lắm. Noah, con đi lấy nước, lấy một ít thịt lợn trong thùng ướp muối. Muối chưa ngấm lắm nhưng vẫn cứ ngon.

– Chúng tôi có nửa bao khoai tây, – Sairy nói.

– Bố nó cho tôi hai đồng nửa đôla. – Mẹ nói.

Bố lục tìm trong túi và đưa cho mẹ hai đồng. Bà đi lấy chậu thau, múc đầy nước và đi vào lều. Ở đây gần như tối hẳn, Sairy bước vào, thắp một cây nến, đặt nó lên nắp thùng rồi đi ra. Trong giây lát Mẹ ngồi dán mắt vào tử thi. Rồi bị nỗi thương xót xâm chiếm, bà xé một mảnh tạp đề của mình, buộc đầu ông nội để giữ cho ngay ngắn. Bà nắn chân nắn tay ông cụ cho thẳng, chắp hai tay cụ lên ngực. Bà vuốt mắt cho cụ và trên mỗi mắt, đặt một đồng bạc. Bà cài khuy áo sơ mi và rửa mặt cho ông.

Sairy thò đầu vào, hỏi:

– Tôi có giúp bà được việc gì không?

Bà từ từ ngẩng đầu lên:

– Bà vào dây. Tôi có chuyện muốn nói.

– Cô gái lớn của bà ngoan lắm – Sairy nói – Cô ấy gọt khoai tây khéo lắm. Tôi có thể giúp bà được gì?

– Tôi muốn tắm rửa hết cho ông Nội, – Bà nói – Nhưng ông không có quần áo nào khác để thay, mà bây giờ, mền của bà đã hoàn toàn hoen bẩn hết. Cái mùi tử thi ấy mà, nó thấm chắc vào chăn. Không có cách nào gột sạch được. Tôi đã thấy một con chó rú và run lên trước tấm nệm trong đó bà cụ mẹ tôi nằm mất, mà như vậy đến vài năm sau. Chúng tôi liệm ông Nội chúng tôi vào chăn của bà. Chúng tôi hoàn lại cho bà chiếc khác.

Sairy nói:

– Xin đừng nói đến chuyện đó. Chúng tôi lấy làm hãnh diện được giúp đỡ nhà ta. Đã lâu lắm tôi chưa hề thấy…thấy yên tâm như hôm nay. Người ta cần…cần phải giúp đỡ lẫn nhau.

Mẹ tán đồng, nói:

– Đúng thế.

Bà nhìn rất lâu gương mặt già nua của ông Nội, râu ria lởm chởm, cằm bị buộc và đôi mắt phủ đồng bạc lấp lánh trong ánh nến.

– Ông Nội nom không được tự nhiên. Ta liệm cụ thôi!

– Bà cụ đã chịu đựng vững vàng nỗi đau thương này.

– Ôi, cụ già quá rồi, – Mẹ nói – dễ chừng cụ cũng không biết được gì đã xảy ra. Có lẽ phải ít lâu nữa cụ

mới hiểu. Vả lại, với chúng tôi, là một vấn đề danh dự khi không thể buông trôi, chán nản. Bố tôi thường nói: “Thiên hạ thì ai mà chẳng có thể ngã lòng: nhưng là một con người thì phải biết chịu đựng”. Bao giờ chúng tôi cũng cố gắng không để bị suy sụp.

Mẹ cẩn thận gập tấm chăn, phủ lại chân tay và quanh vai ông Nội. Rồi bà kéo mép góc chăn phủ lên đầu như cái mũ trùm và kép phủ xuống mặt. Sairy trao cho bà mấy chiếc kim băng, bà ghim thật chặt các mép lại với nhau, nom như một bọc hàng dài. Xong rồi, bà đứng lên:

– Đám ma không đến nỗi tồi, – mẹ nói – Chúng tôi có một ông mục sư đọc kinh cầu nguyện khi hạ huyệt, vả lại các con cháu cụ đều đông đủ.

Bất thình lình bà hơi loạng choạng và Sairy vội tới đỡ lấy bà.

– Tại mất ngủ thôi...– Mẹ nói, giọng ngượng ngùng xấu hổ – Không, chẳng hề chi. Bà hiểu cho, trước khi lên đường, phải chuẩn bị bao nhiêu là việc.

– Ta ra ngoài trời một chút, – Sairy nói.

– Phải, ở đây chẳng có việc gì phải làm nữa.

Sairy tắt nến và họ cùng đi ra. Một ngọn lửa củi cháy sáng rực trong lòng một cái khe nhỏ. Tom đã dùng mấy cái cọc và mấy sợi dây thép làm những cái giá làm cọc chống treo hai cái nồi đang sôi sùng sục, mùi thơm ngào ngạt tỏa ra từ phía dưới vung. Quỳ dưới đất xa bếp lửa hồng rực. Rosasharn tay cầm một chiếc muỗng dài. Thấy Mẹ, từ trong lều đi ra, cô đứng lên bước tới gặp mẹ.

– Mẹ ơi, con hỏi Mẹ cái này.

– Lại sợ nữa sao? Con xem dẫu sao thì chín tháng bụng mang dạ chửa thế nào cũng không khỏi có lúc phải buồn đau.

– Nhưng chuyện đó…có hại gì cho đứa bé không?

– Tục ngữ xưa có câu:” Đứa con sinh trong đau khổ là đứa con có phúc”. Phải thế không, bà Sairy.

– Tôi có nghe nói như vậy, – bà Sairy nói. – Lại còn câu này nữa! “Đứa con sinh trong hoạn lạc sẽ chịu nhiều đau khổ”.

– Con thấy nó đạp dữ quá, – Rosasharn nói.

– Thì chẳng một ai trong chúng ta cựa quậy để đùa cho thích cả. Thôi, lo mấy cái nồi thức ăn đi.

Đàn ông đã tụ họp lại xung quanh vòng ánh sáng do bếp lửa hắt ra. Họ chỉ có một cái xẻng và một cái cuốc làm dụng cụ. Bố vạch một đường xuống đất, dài tám bộ, rộng ba bộ. Họ làm việc luân phiên. Bố cuốc đất, chú John lấy xẻng xúc lên. Al cuốc, Tom xúc. Noah cuốc, Connie xúc. Huyệt sâu dần vì họ làm việc liền tay, đất được hắt từ dưới huyệt lên tới tấp.

Khi Tom đứng đã sâu ngập vai trong các huyệt hình chữ nhật, anh hỏi:

– Sâu bao nhiêu, bố?

– Phải đào thật sâu. Thêm vào ba bộ nữa. Giờ thì mày làm đi, đi viết cái giấy đi.

Tom chống tay nâng mình ra khỏi huyệt và Noah chạy xuống thay. Tom đến tìm mẹ đang trông coi lửa.

– Ta có giấy mực gì không Mẹ?

Mẹ lắc đầu chầm chậm:

– Không…Chúng ta không mang thứ đó.

Mẹ nhìn Sairy. Người thiếu phụ trẻ đi nhanh về phía lều, đem tới một cuốn kinh thánh với một cây bút chì.

– Đây ở đầu cuốn sách có một trang bỏ trắng. Anh viết lên đó rồi xé ra.

Bà đưa sách và bút chì cho Tom. Tom ngồi bên ánh lửa. Anh nháy con mắt vì phải tập trung ý nghĩ và sau cùng, anh viết chậm rãi, nắn nót chữ to và rõ ràng: *Người nằm đây, ông William James Joad chết vì trúng phong, đã già, già lắm*. Chính người nhà của cụ đã chôn cất cụ vì không có tiền làm ma. *Không ai giết cụ hết. Cụ bị trúng phong nên cụ chết”*.

Anh ngừng lại:

– Mẹ nghe thử xem.

Rồi anh từ từ đọc cho mẹ nghe.

– Được, được lắm, – bà nói, – Liệu con có thể thêm vào một câu gì trong kinh thánh để tỏ mình là người có đạo. Con mở sách ra, chọn câu nào đó xem.

– Phải viết ngắn, – Tom nói – Giấy không còn nhiều chỗ nữa.

Sairy nói:

– Sao không viết: “Xin Chúa hãy thương linh hồn ông”.

– Không được, – Tom nói, – Viết thế có vẻ ông bị treo cổ. Để tôi chép điều gì khác.

Anh lật các trang. Anh đọc lẩm nhẩm từng tiếng.

– Đây có một câu ngắn mà hay, – anh nói – “Rồi Loth nói với họ như vầy: “Ôi! Không được! Lạy Chúa!”.

– Câu đó chả có nghĩa gì hết, – Mẹ nói, – Con đã muốn viết một cái gì đó thì có phải có ý nghĩa chứ.

Sairy nói:

– Anh hãy tìm xa hơn nữa, trong các Thánh thi. Trong Thánh thi bao giờ cũng tìm thấy một đôi điều thích hợp.

Tom lại lật các trang, nhìn vào các tiết đoạn:

– A? Đây có một câu đây rồi. Một câu rất hay tràn chất tôn giáo. Đây: “Phúc cho kẻ nào mà những điều bất công được tha thứ và những tội lỗi được ân xá”.

– Được được lắm, – Mẹ nói, – Viết vào đi.

Tom lại nắn nót viết. Mẹ súc và lau sạch một lọ đựng mứt. Tom bỏ mảnh giấy vào rồi vặn nắp thật chặt.

– Lẽ ra ông mục sư viết thì phải hơn.

– Không được, – Mẹ nói – Ông mục sư không phải người họ hàng nhà ta.

Bà lấy cái lọ từ tay Tom rồi đi vào lều tối om. Bà gỡ một kim băng ở mền ra, luồn lọ đựng bức thư vào đôi bàn tay gày gò lạnh ngắt, rồi lại ghim chặt lại. Bà trở lại bên bếp lửa.

Đàn ông từ chỗ đào huyệt trở về, mặt bóng nhẫy mồ hôi.

– Xong rồi, – Bố nói.

Cùng với John, Noah và Al, Bố đi vào lều và họ trở ra, khiêng cái gói bọc hàng dài có cài kim băng ra tận mép cạnh huyệt. Bố nhảy xuống ôm lấy cái xác và đặt cẩn thận xuống đáy huyệt. Chú John chìa tay kéo Bố lên.

Bố hỏi:

– Bà Nội đâu?

– Để tôi vào xem.

Mẹ lại gần nệm và đứng một lúc ngắm nhìn bà cụ già.

Rồi Mẹ lại quay ra mộ.

– Bà ngủ, – Mẹ nói – Chắc là bà sẽ giận tôi nhưng tôi không muốn đánh thức bà dậy. Bà mệt lắm.

Bố nói:

– Thế ông mục sư đâu rồi? Chúng ta cần có người đọc kinh.

Tom nói:

– Con thấy ông ta đi tha thẩn trên đường cái. Ông ấy không thích cầu kinh nữa.

– Không thích cầu kinh nữa ư?

– Không, – Tom nói. – Ông ấy không làm mục sư nữa. Ông ấy cho rằng mình không còn là mục sư nữa mà hành động như một mục sư, như thế là đánh lừa thiên hạ, là điều không tốt. Con đồ rằng ông ấy lánh đi để không ai đòi hỏi gì ở ông.

Casy đã thong thả lại gần và đã nghe những lời Tom nói:

– Tôi đâu có lánh đi… – ông nói.

– Tôi rất muốn giúp nhà ta, nhưng tôi không muốn làm chuyện lừa dối.

Bố nói:

– Ông nói giùm cho đôi lời được không? Nhà chúng tôi có ai chết thì bao giờ cũng có một người nói đôi lời khi hạ huyệt.

– Tôi sẽ nói. – Ông mục sư nhận lời.

Mặc dầu Rasasharn cố cưỡng, Connie vẫn dẫn vợ

đến bên mộ.

– Phải đến chứ. – Connie, – Em không có mặt thì e không phải. Chả lâu gì đâu.

Ánh lửa ở bếp chiếu vào nhóm người, soi rõ khuôn mặt và mắt họ mờ đi trên các quần áo màu sẫm. Bây giờ, ai nấy đều đã cất mũ. Ánh sáng nhảy múa, co giật trên đám người.

Casy nói:

– Tôi sẽ nói ngắn.

Ông cúi thấp đầu và những người khác cúi theo. Casy cất tiếng một cách trang trọng.

– Nằm yên nghỉ ở đây là một cụ già đã sống cuộc đời của mình và cụ đã mất. Tôi không biết cụ tốt hay xấu, nhưng điều đó không có gì can hệ. Cụ đã sống, chỉ có điều đó mới đáng kể. Có một lần, tôi nghe một chàng trai đọc một câu thơ: "Tất cả cái gì sống đều thiêng liêng". Thế là tôi bắt đầu suy nghĩ và chẳng mấy chốc tôi đã hiểu rằng ý nghĩa của câu đó vượt xa các từ. Tôi sẽ không cầu nguyện cho một cụ già đã mất. Cụ đã có đủ mọi thứ cụ cần có. Cụ có được một công việc làm, nhưng mọi thứ đã được chuẩn bị chu đáo cho cụ, và để làm công việc đó, chỉ có một cách chứ không có hai. Còn chúng ta, chúng ta cũng có một công việc để làm nhưng lại có hàng ngàn cách để làm mà không biết làm theo cách nào. Vậy nếu như tôi phải cầu nguyện, tôi cầu nguyện cho những ai không biết nẻo đất phương trời nào mà đi. Về phần ông Nội, ông đi con đường thẳng, thênh thang. Và bây giờ, hãy phủ ông Nội lại, để ông Nội làm công việc của ông.

Mục sư ngẩng đầu lên.

Bố nói "Amen" và những người khác thì thầm

“Amen”.

Rồi Bố cầm lấy xẻng, xúc đất đầy một nửa và đổ khẽ vào lỗ huyệt đen ngòm. Ông trao xẻng cho chú John và chú hất xuống một thuổng đầy. Rồi xẻng được chuyển từ tay người này sang tay người khác để ai nấy thực hiện vai trò có tính nghi thức của mình. Khi tất cả đã làm xong bổn phận phù hợp với quyền của họ, Bố bắt đầu tấn công vào đống đất tơi xốp và vội vàng lấp đầy huyệt. Phụ nữ trở về bếp lửa trông coi bữa cơm chiều, Ruthie và Winfield nhìn mải mê.

Ruthie nói một cách nghiêm trang:

– Ông Nội nằm dưới ấy.

Winfield nhìn con chị với đôi mắt khiếp đảm.Rồi nó bỏ chạy trốn về chỗ bếp lửa và khóc nức nở. Bố lấp được nửa huyệt thì thở hổn hển, phải nghỉ để chú John làm nốt công việc. Chú đang định đắp xong nốt hình thù của nấm mồ thì Tom ngăn lại.

– Chú nghe cháu. – anh nói. – Nếu chúng ta đắp thành ngôi mộ thì nhoáng cái người ta sẽ đào lên. Phải dấu đi. San phẳng đất vào rồi phủ cỏ khô lên. Nhất thiết phải làm thế.

Bố nói:

– Tao không nghĩ tới điều đó. Không đắp cao lên thì không phải.

– Không thể làm thế nào khác được. – Tom nói. – Người ta sẽ không ngần ngại đào lên, và chúng ta sẽ bị tóm cổ vì không tuân theo pháp luật. Bố cũng biết con sẽ bị gì nếu con không theo pháp luật.

– Ờ – Bố nói. – Tao quên mất. Ông lấy cái xẻng từ tay chú John và san phẳng ngôi mộ.

– Mùa đông tới thì nó đã lún xuống.

– Không thể nào khác được. – Tom nói. – Mùa đông tới thì chúng ta đã cách xa đây rồi. Đầm cho kỹ rồi ta sẽ vất cỏ khô lên.

Khi thịt heo và khoai tây đã chín, cả hai gia đình lặng lẽ ngồi xuống đất bắt đầu ăn, mắt nhìn chăm chú vào bếp lửa. Wilson vừa lấy răng gỡ một miếng ở khúc xương, vừa thở dài một cách khoan khoái.

– Thịt lợn này ngon lắm.

– Ấy, – Bố nói. – Chúng tôi có hai con, nghĩ rằng ăn quách đi còn hơn. Có để lại cũng chả được thêm gì. Khi nào ngồi xe đã quen và Mẹ nó có thể làm bánh được thì phải biết. Với hai thùng thịt muối trên xe mà đi ngắm cảnh, thú vị thật. Chứ hai bác đây, hai bác lên đường từ lúc nào?

Wilson đưa đầu lưỡi xỉa răng rồi nuốt đánh ực.

– Chúng tôi thật không gặp may. Đi đã ba tuần lễ nay.

– Ôi lạy Chúa! Không thể thế được. Chúng tôi cứ đinh ninh là trong mười ngày nữa hoặc không đến thế, chúng tôi đã ở California.

Al xen vào:

– Biết đâu được, hở Bố? Xe chở nặng thế kia thì có thể chả đời nào tới nơi. Nhất là nếu phải qua đồi núi.

Ngồi xung quanh ai nấy im bặt, đầu gục xuống, tóc và trán lấp lánh trong ánh lửa. Phía trên vòm ánh sáng do lửa tạo nên, sao mùa hạ mỏng manh lấp lánh và khí nóng ban ngày bắt đầu dịu dần. Ngồi trên đệm xe lửa. Bà Nội bắt đầu thốt ra những tiếng rên rỉ ai oán. Tất cả mọi người đều ngoảnh đầu về phía cụ.

Mẹ nói:

– Này Rosasharn, gái ngoan của mẹ, con hãy đến nằm cạnh bà Nội. Bà cần có người bên cạnh. Bây giờ. Bà biết có chuyện gì rồi.

Rosasharn đứng lên và đến nằm dài trên đệm bên cạnh bà cụ già, tiếng lầm rầm của hai bà cháu vọng tới tận bếp lửa. Cháu gái và bà Nội đang thầm thì nói chuyện với nhau.

Noah nói:

– Thật kỳ cục… ông Nội mất, con vẫn không thấy gì khác hơn thường ngày. Trước sao nay vẫn vậy, không buồn hơn.

– Cũng như thế cả. – Casy nói. – Ông Nội với ngôi nhà cũ, đúng chỉ là một.

Al nói:

– Dẫu sao cũng là chuyện xúi quẩy. Ông hay kể với chúng ta ông sẽ là gì, ông lấy nho ép lên đầu cho nước nho chảy xuống râu, và đủ thứ chuyện linh tinh như vậy.

Casy cười:

– Ấy là ông giỡn thôi. Thật ra thì ông biết mình nói giỡn thôi. Và không phải chiều nay ông mới chết. Ông đã chết ngay từ giây phút nhà ta xốc nách ông ra khỏi nhà của ông.

– Ông có chắc thế không? – Bố kêu lên.

– Ồ không. Nhưng là thế này, – Casy tiếp tục – Ồ! ông Nội vẫn thở, cái đó là đúng, nhưng ông đã chết rồi. Ông với nơi kia là một, và ông biết rõ như thế.

Chú John hỏi:

– Ông đã biết là ông Nội sắp mất?

– Biết, tôi biết.

John tròn mắt nhìn mục sư, khuôn mặt lộ vẻ kinh hoàng.

– Thế mà ông không nói gì với ai?

– Ích gì đâu? – Casy nói.

– Thì… ta đã có thể làm thế nào đó.

– Làm gì?

– Tôi không biết, nhưng…

– Không. – Casy nói. – Các bác không thể làm gì được. Con đường của các bác đã được vạch ra mà ở đó không có chỗ cho ông Nội. Ông không hề đau đớn. Cả vào lúc tinh mơ sáng nay. Ông ở lại với ruộng đất của ông, ông không thể từ bỏ nó được.

Chú John thở dài não nuột.

Wilson nói:

– Chúng tôi, chúng tôi đã phải để Will, anh tôi, ở lại.

Ai nấy ngoảnh đầu nhìn ông ta.

– Will và tôi, chúng tôi có bốn mươi acre ở liền nhau. Anh ấy già hơn tôi. Cả hai chẳng ai biết lái xe. Chỉ biết là chúng tôi đã quyết định dứt khoát và có gì bán tất. Will đã mua một chiếc xe, và người ta cho một thằng bé đến dạy cho ông cách sử dụng. Thế là, cái hôm trước khi đi, Will và dì Minnie đi một vòng để tập dượt. Tới khúc quanh, Will bèn kêu tướng lên: “Ôi chà chà!” Will cho xe lùi lại phóng xe qua hàng rào, miệng kêu: “Tiến lên, đồ chó chết!”. Ông ấy dấn mạnh ga và lao thẳng xuống một cái khe. Và đây, ông ấy chẳng còn gì để bán, xe cũng chẳng còn. Nhưng lạy Chúa, lỗi tại ông ấy. Ông

ta giận như điên như cuồng nên không chịu đi với chúng tôi. Ông ta ở lại hết chửi rủa lại văng tục.

– Ông ta sẽ xoay xở làm sao?

– Tôi không biết. Chính ông ta cũng không biết nữa, vì giận phát rồ. Còn chúng tôi thì không đợi được ấy thế mà chỉ còn tám mươi đôla để sinh sống. Không thể cứ ngồi lỳ ở đấy mà chia xẻ tiền với nhau, nhưng muốn sao cũng phải nướng dần. Chưa đi được một trăm dặm thì bánh răng cửa phía sau gãy, mất ba mươi đôla để sửa chữa, sau đó lại phải mua một chiếc lốp, sau đó lại một cái bugi bị hỏng, rồi Sairy ốm. Phải nằm lại mười một ngày. Và bây giờ là thế, cái xe thổ tả này chết gí, còn tiền thì hao dần. Tôi tự hỏi liệu có bao giờ tới được California hay không? Giá như tôi biết sửa chữa thì còn khả dĩ, đằng này tôi mù tịt chuyện xe cộ.

Al hỏi, lên mặt quan trọng:

– Nó bị chuyện gì?

– Thì đấy, nó không chịu nhích lên cho. Chạy được một chút, nổ vài tiếng lạch bạch rồi ngừng. Một phút sau lại chạy nhưng chưa kịp nổ máy nó lại lẹt đẹt lẹt đẹt, rồi chết.

– Nó chạy được một phút lại ngừng?

– Đúng thế, và tha hồ đổ đầy xăng, nó vẫn không chịu đi cho. Và đã tồi tệ lại tồi thêm, bây giờ thì tôi không làm gì được, nó cứ ì cái thân xác ra.

Bây giờ Al cảm thấy quá đỗi kiêu hãnh, là người lớn hẳn hoi:

– Chắc ống xăng bị tắc. Tôi sẽ tháo nó ra.

Bố cũng quá đỗi tự hào:

– Cháu nó khá thạo xe hơi.

– Trời, được giúp một tay, chắc chắn tôi không từ chối. Chắc chắn là không. Tôi cảm thấy mình như... như một thằng nhóc con chả hiểu quái gì là sửa với chữa. Khi nào tới California, tôi có ý định mua một chiếc xe khác cho ra hồn. Như thế sẽ không bị hỏng hóc.

– Khi ấy hẵng hay. Đến được mới là khó.

– Nhưng thế mới bõ công. – Wilson nói – Tôi đã thấy những tờ quảng cáo, ở đó có nói họ cần nhân công, hái quả, và họ trả công khá cao. Thử nghĩ mà xem như thế nào, một khi ở đấy mình ngồi dưới bóng cây và hái quả, vừa chốc chốc cắn quả ngập răng. Chả là, lạy Chúa, mình có ăn một vài quả thì họ cũng chả thèm để ý, trái cây có chán vạn ra đấy mà. Hơn nữa, với tiền công cao, dễ chừng mình có thể mua một mảnh đất làm của riêng, trồng trọt riêng để tăng thu nhập. Ấy đấy, mẹ kiếp! Sau vài ba năm, tôi đánh cuộc là ta có đủ tiền để có được một góc riêng biệt.

Bố nói:

– Những tờ quảng cáo đó, chúng tôi đã thấy. Tôi có một tờ đây.

Ông lôi ví tiền ở túi ra, rút ra một tờ giấy vàng cam, chữ in đen, như sau:

Cần công nhân hái đậu ở California.

Công cao trong mọi mùa.

Cần 800 người.

Wilson tò mò xem xét tờ giấy:

– Ủa, thì chúng tôi đã thấy giấy này. In hệt... Phải chăng là họ đã có đủ tám trăm người ấy rồi?

Bố nói:

– Đấy chỉ là một phần nhỏ của California. Đúng thế, đó là bang lớn thứ hai của Hoa Kỳ. Cứ cho là họ đã có đủ tám trăm người, nhưng còn thiếu gì chỗ ở nơi khác. Vả lại, tôi thì tôi thích hái quả thôi. Như ông nói đấy, ngồi dưới bóng cây hái quả… E hèm, ngay bọn trẻ nhỏ nhà tôi cũng thích.

Đột nhiên, Al đứng lên, đi về phía chiếc xe hơi nhà Wilson. Hắn xem xét một lúc rồi trở lại chỗ cũ.

– Tối nay thì anh không thể sửa chữa được, – Ông Wilson nói.

– Cháu biết. Sáng mai cháu làm.

Tom quan sát kỹ thằng em.

– Anh cũng vậy, anh cũng có ý kiến giống thế.

– Hai đứa bay nói gì vậy? – Noah hỏi.

Tom và Al lặng im, người này đợi cho người kia nói trước.

– Anh, anh nói đi, – cuối cùng Al giục. – Là thế này, nhưng có lẽ chuyện này chẳng ăn nhằm gì vì cũng có lẽ ý con khác, ý Al khác. Dẫu sao, nó là thế này, xe nhà ta chở nặng quá, của ông bà Wilson thì không. Nếu một vài người nhà ta có thể sang xe ông bà, ta san bớt hành lý nhẹ nhất của ông bà sang xe chúng ta thì bằng cách đó xe ta không bị gãy lò xo và có thể leo lên đồi. Al và con, chúng con biết về xe hơi, cho nên, ta có thể trông nom cho chiếc xe kia chạy được. Chúng ta cùng đi với nhau và đôi bên cùng có lợi.

Wilson nhảy bật lên:

– Đúng thế còn gì. Lại còn phải nói. Thật là vinh dự cho chúng tôi. Chúng tôi nhận lời là cái chắc. Sairy, mình có nghe thế không?

– Như thế thì hay quá, Sairy nói. – Nhưng chúng tôi e sợ là gánh nặng cho nhà ta.

– Ôi lạy Chúa, không đâu, – Bố nói. – Làm gì có gánh nặng. Biết đâu ông sẽ còn giúp đỡ chúng tôi nhiều.

Wilson lại ngồi xuống, có vẻ băn khoăn.

– Thôi, không được đâu.

– Ông làm sao thế? Ông không thuận ư?

– Tại vì, ông hiểu cho… Tôi chỉ còn vẻn vẹn ba mươi đôla và tôi không muốn làm phiền ai.

Mẹ nói:

– Không có phiền gì hết. Ta giúp đỡ lẫn nhau, và ta sẽ ở California tất. Sairy Wilson đã giúp chôn cất cụ nhà tôi.

Nói xong Mẹ im bặt. Tình thân thuộc giữa hai nhà đã rõ ràng. Al kêu lên :

– Ta có thể dễ dàng ngồi sáu người trên xe này. Chẳng hạn con cầm lái, với Rosasharn, Connie và Bà Nội. Rồi ta lấy những đồ cồng kềnh nhưng nhẹ chất lên xe tải. Rồi chốc chốc ta lại thay đổi.

Hắn nói oang oang và cảm thấy trút được một gánh nặng. Mọi người mỉm cười ngượng nghịu và nhìn xuống đất.

Bố lấy đầu ngón tay khơi khơi cát bụi và nói:

– Với Mẹ chúng mày, hấp dẫn nhất là một ngôi nhà quét trắng, xung quanh trồng cam. Bà ấy đã trông thấy một cái tranh to như vậy trên một tờ lịch.

Sairy nói:

– Nếu tôi ốm lại, các bác cứ phải đi cho tới nơi. Chúng tôi không muốn làm gánh nặng cho ông bà.

Mẹ chăm chú nhìn Sairy và lần đầu tiên, bà hình như nhận thấy đôi mắt bị cơn đau đớn giày vò và khuôn mặt co rúm chống chọi với bệnh tật.

Bà nói: – Rồi chúng tôi sẽ trông nom săn sóc cho bà cũng tới nơi. Chính bà đã nói rằng “Đừng bỏ qua những dịp có thể giúp đỡ người khác”.

Sairy nhìn ngắm hai bàn tay nhăn nheo dưới ánh lửa:

– Đêm nay ta phải ngủ nhiều. – Nói rồi bà đứng lên.

Bà mẹ nói:

– Ông Nội… mới mất mà tưởng như đã được một năm.

Cả gia đình uể oải chuẩn bị nằm ngủ. Ai cũng ngáp sái quai hàm. Mẹ lau chùi qua mấy cái đĩa bằng sắt tây, và lấy một miếng bao tải lau sạch mỡ. Lửa tắt dần và các ngôi sao xuống thấp. Trên đường cái chỉ còn vài chiếc xe chạy qua, nhưng xe tải thì chốc chốc lại gầm lên làm đất rung chuyển. Nằm trong mương chỉ nom thấy lờ mờ các xe hơi dưới ánh sao. Một con chó bị xích gào sủa ở trạm xăng phía dưới đường cái. Cả hai gia đình nằm ngủ êm ả, những con chuột đồng đâm ra táo tợn chạy lon ton giữa các tấm nệm. Duy chỉ có Sairy Wilson là thức. Bà nhìn trời sao và bà dồn sức lực của toàn thân vật lộn với cơn đau.

Chương XIV

Ruộng đất miền tây lo lắng bồn chồn trước những dấu hiệu đầu tiên của sự thay đổi. Những bang miền Tây lo lắng bồn chồn như loài ngựa khi sắp tới cơn giông. Các điền chủ lớn lo lắng bồn chồn vì linh cảm được sự thay đổi nhưng bất lực không đoán được tính chất của thay đổi. Các điền chủ lớn đổ lỗi cho các sự việc trước mắt, cho chính phủ đang mở rộng ảnh hưởng, cho sự thống nhất đang phát triển của các nhóm thợ thuyền, cho thuế khóa mới, cho các kế hoạch; họ không biết rằng những sự việc đó là kết quả, chứ không phải là nguyên nhân. Nguyên nhân thì sâu xa mà đơn giản… nguyên nhân là cái đói, đói ở bụng nhân lên gấp triệu lần đói trong một tâm hồn duy nhất, đói niềm vui và một sự an ninh nào đó, nhân lên gấp triệu; đói của các cơ bắp và khối óc nhức nhối nỗi ham muốn được lớn lên, được lao động, được sáng tạo nhân lên gấp triệu. Chức năng cuối cùng của con người, rõ ràng và rất xác định… các cơ bắp đau đớn nỗi ham muốn lao động, khối óc đau đớn nỗi ham muốn sáng tạo vượt qua nhưng nhu cầu cá nhân… đấy, con người là thế. Xây một bức tường, xây một ngôi nhà, đắp một cái đập… và trên tường, trong nhà, trên đập, đặt một cái gì của chính con người và mang lại cho người ấy cái gì đó từ bức tường, từ ngôi nhà, từ cái đập. Hãy mang đến những cơ bắp rắn chắc nhờ khuân vác các vật nặng, mang đến những đường nét và hình thể trong sáng từ nhận thức, quan niệm. Bởi lẽ khác với các vật hữu cơ hay vô cơ trên trái đất, con người phát triển vượt quá sức lao động của y, leo lên các bậc thang tư tưởng của y, làm chủ các thành quả của chính y. Đấy là những

điều người ta có thể nói về con người. Khi các lý thuyết thay đổi và sụp đổ, khi mà các trường phái, các nền triết học, các ngõ cụt tăm tối của tư tưởng quốc gia, tôn giáo, kinh tế lớn lên và tan ra, thì con người vẫn vươn tới phía trước, lần mò, vấp ngã, đau đớn, đôi khi lầm lạc. Đã bước lên phía trước, có thể trượt lại sau, nhưng chỉ lùi nửa bước không bao giờ trọn vẹn cả bước. Điều đó, người ta có thể biết được. Điều đó, người ta có thể biết được. Biết được khi những trái bom từ cái máy bay đen ngòm rơi xuống bãi chợ, khi các tù nhân bị chọc tiết như những con lợn, khi những thân xác bị chà nát, thối rữa dơ dáy và hòa tan đi trong cát bụi. Anh có thể biết được là như thế. Nếu không tiến hành các bước đi, nếu mong muốn nhức nhối chập chững đi lên phía trước không tồn tại, sẽ không có những trái bom rơi, không có chuyện chặt cổ, phanh thây. Đáng sợ thay lúc bom không còn rơi xuống nữa nhưng máy bay vẫn còn tồn tại bởi vì mỗi trái bom là bằng cớ rằng trí tuệ còn sống, bởi lẽ mỗi một cuộc bãi công nhỏ bé bị trấn áp là bằng chứng đang có một bước tiến lên… Và điều này nữa, bạn cũng có thể biết được… hãy biết sợ cái lúc mà nhân loại sẽ không chịu đau khổ và xả thân vì một lý tưởng, bởi chăng chỉ có đặc tính duy nhất này mới là nền tảng của chính con người và đặc tính duy nhất này làm con người khác biệt hẳn trong toàn vũ trụ.

Các bang miền Tây lo lắng bồn chồn lúc sự thay đổi bắt đầu. Texas và Oklahoma, Kansas, New Mexico, Arizona, California. Một gia đình đơn độc đã rời bỏ quê hương xứ sở. Bố đã vay tiền ngân hàng và bây giờ ngân hàng muốn ruộng đất. Công ty ruộng đất – là ngân hàng khi nó sở hữu ruộng đất – muốn có máy cày, chứ không muốn có các gia đình. Máy cày nó có độc ác không? Cái

sức mạnh đang đào xới những luống cày dài, có nhầm lẫn không? Nếu chiếc máy cày thuộc của chúng ta, thì rất tốt – không phải thuộc của tôi, của chúng ta kia! Nếu máy cày của chúng ta cày những luống đất trên đất đai của chúng ta, thì rất tốt. Không phải đất của tôi, mà của chúng ta. Lúc đó chúng ta có thể yêu mến chiếc máy cày đó như chúng ta từng yêu mến đất đai của chúng ta. Nhưng chiếc máy cày đó làm hai điều: nó lật xới ruộng đất của chúng ta và đưa chúng ta ra khỏi ruộng đất. Không có khác biệt máy giữa chiếc máy cày đó với một chiếc xe tăng. Người ta bị xua đuổi, bị uy hiếp, bị thương bởi cả hai. Đó là điều mà chúng ta phải suy nghĩ.

Một người, một gia đình bị xua đuổi khỏi ruộng đất của họ, chiếc xe hơi cổ lỗ lúc la lúc lắc trên con đường đi về miền Tây. Tôi đã mất ruộng đất. Chỉ cần một chiếc máy cày là đủ cướp đất của tôi. Tôi đơn độc và tôi mất phương hướng. Một đêm kia, có một gia đình khác tới và lều được dựng lên. Cả hai người đàn ông ngồi xổm, phụ nữ và trẻ con lắng nghe. Cái nút là ở đây. Ông mà là người không thích những thay đổi và sợ các cuộc cách mạng, ông hãy tách xa hai người đàn ông đang ngồi xổm kia, hãy làm cho họ căm ghét nhau, sợ hãi nhau, ngờ vực nhau. Đó là mầm mống cái mà ông sợ. Đó là tiếp hợp tử. Bởi lẽ câu nói: “Tôi đã mất ruộng đất” đã thay đổi, một tế bào đã tự chia đôi và từ sự chia xẻ đó mà nẩy sinh ra cái ông căm ghét: “Chúng ta đã mất ruộng đất của *chúng ta*“. Mối nguy hiểm là ở đó, bởi vì hai con người đó không quá đỗi đơn độc, không quá đỗi hoang mang như một người. Và từ cái “chúng ta” đầu tiên đó, nẩy sinh một điều còn đáng sợ hơn: “tôi còn lại chút ít để ăn” thêm “tôi chẳng có gì”. Nếu bài toán được giải quyết bằng “chúng ta còn đủ để ăn”, thì

sự việc đã lên đường, phong trào đang có một hướng đi. Giờ đây chỉ một phép phân nhỏ, và ruộng đất đây, máy cày kia là của chúng ta. Hai con người ngồi xổm trong đường mương, bếp lửa leo lét, thịt ninh dừ trong một cái nồi độc nhất, các phụ nữ câm lặng, mắt chăm chú, phía sau là lũ trẻ con với tất cả tâm hồn của chúng, lắng nghe cái tiếng mà bộ óc của chúng không thể hiểu được. Đêm xuống. Bé sơ sinh bị lạnh. Đây, hãy lấy tấm chăn này. Chăn bằng len. Đó là chăn của mẹ tôi xưa… hãy lấy nó đắp cho cháu bé…Đấy là điều ông phải nã đạn vào mà hủy diệt, vì đấy là sự mở đầu từ "Tôi" đến "Chúng ta".

Các ông là những người sở hữu những thứ này, thứ nọ, nhưng nếu các ông có thể hiểu được rằng đáng lý những người khác cũng phải có những thứ đó thì dễ chừng các ông thoát được số mệnh đang chờ các ông. Nếu ông có thể tách rời nguyên nhân với kết quả, nếu các ông biết được rằng Paine, Marx Jafferson, Lenine là những kết quả chứ không phải nguyên nhân, các ông có thể sống sót được. Nhưng điều đó, các ông đâu có thể biết. Bởi vì một khi ông đã có của, ông bị đông cứng mãi trong cái "Tôi" và bị cắt lìa mãi mãi với cái "Chúng ta".

Các tiểu bang miền Tây lo lắng bồn chồn, lúc sự thay đổi đang bắt đầu. Nhu cầu kích thích tư tưởng, tư tưởng kích thích hành động. Một nửa triệu người di chuyển trong xứ, một triệu khác thì nôn nóng, sẵn sàng chuyển động, mười triệu người cảm thấy những triệu chứng đầu tiên của sự nóng nảy bực bội.

Còn cái máy cày thì đào xới vô vàn những luống cày trên các ruộng đất bị bỏ hoang.

Chương XV

Dọc đường cao tốc 66, những quán rượu nhỏ tạm bợ, – *Al và Suzy – Carl, ăn trưa – Joe và Minnie, nhà hàng*. Ăn nhẹ. Lều quán bằng ván ghép. Quán hành lạc. Hai vòi bơm xăng ở quầy trước một cánh cửa lớn có lưới sắt, một quầy rượu dài có ghế đẩu và thanh ngang để chân. Gần cửa, ba máy quay xu phô ra phía dưới tấm kính cái gia tài vẻn vẹn những đồng năm xu mà một bàn tay khéo léo có thể khoắng sạch. Và bên cạnh, chiếc máy quay đĩa tự động với những đĩa hát chồng lên nhau như bánh đa, sẵn sàng rớt xuống giá đĩa và chơi một điệu nhạc khiêu vũ : "Ti –pi – ti–pi–til" "Xin cám ơn đã nhớ đến", của Bing Crosby, của Benny Goodman. Ở một đầu quầy một ngăn bàn đủ thứ: thuốc ho viên, suynfa, cà phê Darpas, thuốc ngủ, kẹo, bánh, thuốc lá, lưỡi dao cạo, aspirin, Frono, Seltzo, Alke, Setzer. Tường dán đầy quảng cáo với những hình phụ nữ mặc đồ tắm tóc vàng hoe, may–ô trắng, ngực nở, eo thon, mặt trắng bệch, tay cầm một chai Coca – Cola, miệng nở nụ cười duyên...– uống Coca – Cola thì được lợi thế đấy. Quán rượu dài với các lọ muối, lọ hạt tiêu, bình mù tạt và khăn lau bằng giấy. Những thùng bia phía sau quầy và phía trong cùng là các bình lọc cà phê bóng loáng bốc hơi với những ống thủy tinh có ngấn chỉ mức cà phê. Còn có bánh kem trong lồng lưới sắt, những quả cam xếp thành hình kim tự tháp bốn tầng. Và những đống nhỏ các bánh ga tô, bánh bột ngô chồng lên nhau với nhiều cách sắp xếp thay đổi.

Những quảng cáo giấy bồi nổi lên dưới tấm mica lấp lánh: Bánh kem đặc sản địa phương. Không bán chịu. Mất lòng trước được lòng sau[27]. Các bà các cô có

quyền hút thuốc. Nhưng xin để ý đến mẩu tàn thuốc. Xin mời lại đây dùng bữa. Có bà nhà ngồi bên cạnh là hay nhất.

Ở một đầu quầy, những đĩa bày đủ các món ăn, khoai tây, bò hầm, bò chiên, lợn quay đang chờ được cắt thành miếng.

Phía sau quầy, Minie, Suzy hoặc Mae, lứa tuổi trẻ đã qua, già chưa tới, tóc cuốn búp, môi son má phấn, khuôn mặt nhẫy nhụa mồ hôi đáp lại nhỏ nhẹ khi khách gọi món ăn thức uống, báo lại với đầu bếp với tiếng kèn đồng, mạnh tay đưa giẻ lau mặt quầy, theo vòng tròn, đánh bóng các bình cà phê to bóng loáng. Gã đầu bếp tên là Joe, hoặc Carl, hoặc Al. Y nóng bức dưới chiếc áo vét–tông trắng và chiếc tạp dề, những giọt mồ hôi nhỏ giọt trên cái trán trắng dưới chiếc mũ bonê trắng của đầu bếp. Tính đồng bóng, ít nói, y chỉ ngước mắt lên một thoáng lúc có một người khách bước vào. Y lau chùi cái vỉ nướng thịt, ném miếng thịt thái lên chảo. Y lặp lại khe khẽ tên các món ăn đã đặt do Mae truyền lại, nạo vỉ nướng thịt và lau nó bằng một miếng vải thô, ủ rũ và lặng lẽ.

Mae là đầu mối tiếp xúc, tươi cười, cáu kỉnh, sẵn sàng bùng nổ, tươi cười trong khi mắt mơ màng nhìn về một quá khứ xa xăm…trừ phi có mặt những tay lái cam–nhông. Chính họ là xương sống của tiệm ăn. Chỗ nào mà có xe cam–nhông đỗ lại, thì chỗ ấy khách đổ tới. Không có cách nào đánh lừa được bọn lái cam nhông, họ lõi đời. Họ dẫn khách đến. Họ lõi đời. Cứ thử đưa cà phê cũ ra xem, họ sẽ không thèm đặt chân vào tiệm nữa. Nếu đối xử tốt, họ trở lại. Mae mỉm cười hở cả răng cả lợi khi thấy các chú tài bước vào quán. Cô ưỡn thẳng lên thột chút, sửa lại mái tóc phía sau để

cho đôi vú căng ra theo cử động của đôi bàn tay đang giơ lên, cô bắt chuyện phiếm, nói bâng quơ mấy chuyện to tát, chuyện nắng, trời mưa, chuyện tầm phào hay hay.

Al không nói chuyện bao giờ. Y không bắt liên lạc với khách hàng. Thỉnh thoảng nghe câu đùa vui, y nhếch mép mỉm cười, nhưng không bao giờ cười thành tiếng. Đôi khi y ngước mắt lên khi tiếng của Mae trở nên sôi nổi, rồi y lấy bay nạo vỉ nướng thịt, quệt hết mỡ dính ở mép chảo và rót nó vào một cái chậu sắt nhỏ. Y lấy chiếc bay đập bẹp một miếng thịt kêu xèo xèo. Y đặt các chiếc bánh bổ đôi để rán trên chảo. Y thu nhặt những nhát hành vương vãi trên đĩa, rải chúng lên thớt, lấy bay miết chặt. Y đặt một nửa chiếc bánh nhỏ trên thịt, lấy bơ phết vào nửa kia rồi rắc gia vị thảo mộc thái nhỏ lên cả chiếc bánh. Đặt bánh lên thịt, y luồn chiếc bay xuống tảng thịt mỏng và giật một cái, lật nó lên, đặt cái nửa có phết bơ lên trên và bỏ tất cả vào một chiếc đĩa con, một ít lá hẹ giấm, hai quả ôliu bên cạnh miếng xăng uých. Al cho cái đĩa trượt dọc quầy hàng như trượt hòn đảo. Rồi y lại lấy cái bay cạo cạo vỉ rán và buồn rầu nhìn chiếc nồi.

Những chiếc xe phóng nhanh trên đường 66. Biển số đăng ký Mass, Tenni, R.N.Y, Vi, Ohio. Lên đường về phía Tây. Những chiếc xe hơi đẹp chạy sáu lăm cây số…

Đấy kìa, một chiếc Card chạy qua. Nom giống một cỗ quan tài có bánh xe.

Đúng thế, nhưng trời, nó chạy mới khỏe chứ!

Cậu có thấy chiếc LaSalle kia không? Cái đó tớ mới cần.

Tớ đâu phải con lợn, tớ thích loại xe LaSalle.

Đã thế, sao không dùng Cadillac? To hơn một chút, nhanh hơn một chút.

Tớ giá có một Zerphya thì hơn. Không có vẻ gì là giàu sang nhưng trông cũng oách, mà chạy tốt. Một Zerphya..tớ chỉ cần có thế.

Thôi, có lẽ cậu sẽ cười vào mũi tớ…nhưng tớ sẽ chọn một Buik Puich. Tốt chán.

Mà, mẹ kiếp, giá cũng bằng chiếc Zerphya, lại không vất vả.

Tớ đếch cần, tớ chẳng muốn đụng đến bất cứ gì của hãng Henry Ford. Không ngửi được, không bao giờ. Tớ có một thằng em làm việc ở đó. Giá cậu nghe hắn nói?

Dẫu sao, lái Zerphya thì vất.

Những xe hơi to lao trên đường cái. Những bà, những cô xinh đẹp, uể oải vì nóng bức – những hạt nhân mà xung quanh có hàng ngàn đồ phụ tùng; kem, pho mát, thuốc dán, thuốc nhuộm đủ các màu đựng trong những lọ con – đen, hồng, đỏ, trắng, xanh, bạc – để thay đổi màu tóc, mắt môi, móng tay, lông mi, lông mày, mi mắt. Dầu, hạt và thuốc viên để cho dạ dày hoạt động. Một cái túi đựng chai lọ, ống tiêm, thuốc viên, thuốc bột lỏng, sáp nhờn để cho quan hệ tình dục thành vô hại, không mùi, không thụ thai. Đó là chưa kể số quần áo, phiền toái bỏ đời!

Những nếp nhăn của mệt nhọc xung quanh mắt, những nếp nhăn của bất bình xung quanh miệng, những nịt vú nhỏ hẹp, bụng và đùi bị ép trong những màng cao su. Và những cái miệng hé mở, thở hổn hển, đôi mắt bướng bỉnh căm ghét mặt trời, căm ghét gió, căm ghét đất, oán giận thức ăn, căm ghét sự mệt mỏi,

căm giận thời gian hiếm khi khiến họ xinh đẹp thêm và luôn làm cho họ già đi. Bên cạnh họ là những người đàn ông nhỏ bé, bụng như cái thùng, mặc quần áo màu sáng và đội mũ panama; những người đàn ông sạch sẽ, hồng hào với những cặp mắt bối rối phiền muộn, cặp mắt lo lắng băn khoăn. Phiền muộn vì các thể thức chẳng ra đâu vào đâu, đói khát sự an toàn tuy vẫn cảm thấy nó sẽ biến mất trên trái đất. Trên ve áo của họ có cái biểu hiệu của nơi hội họp và những câu lạc bộ dịch vụ – những nơi họ có thể lui tới và nhờ ảnh hưởng của một số ít những người tầm thường khác cũng buồn nản như họ, họ có thể tự trấn an, tự tin rằng, kinh doanh là việc cao quý chứ không phải chuyện trộm cắp được nghi thức hóa, ngộ nghĩnh mà họ biết; rằng những con người kinh doanh đều thông minh mặc dầu có những ghi chép nói lên sự ngu đần của họ; rằng họ tử tế và có lòng từ thiện bất chấp những nguyên tắc của sự kinh doanh hợp lý; rằng đời sống của họ phong phú chứ không phải những chuỗi ngày đầy dẫy những lề thói chán ngắt mà họ đã quen thuộc, và sẽ đến một lúc mà họ không còn sợ hãi nữa.

Và hai người kia, họ sẽ đi California, họ đi để được ngồi trong phòng lớn khách sạn Beverly – Wilshire, ngắm nhìn những núi non, nhìn cây cao sừng sững – chàng thì với đôi mắt lo âu, nàng thì mải băn khoăn chẳng biết mặt trời sẽ khiến da nàng se lại như thế nào. Họ đi để ngắm nhìn Thái Bình Dương, và tôi dám cuộc mất không với bạn một trăm ngàn đô la là chàng sẽ nói: "Nó chả lớn như anh từng tưởng". Còn nàng sẽ thèm khát những thân hình trẻ trung tròn trĩnh trên bãi biển. Đi California, thật ra với mục đích là lại trở về nhà. Để nàng có thể nói: "Có một mụ nào đó ngồi ở bàn gần chỗ chúng tôi, tại Trocadere, mụ ta quả là món hổ lốn,

nhưng phải công nhận là mụ biết ăn mặc chải chuốt". Còn chàng: "Tôi đã có dịp nói chuyện với những nhà doanh nghiệp đứng đắn ở đấy. Họ không thấy có chút cơ may nào trừ phi chúng ta gạt bỏ được cái thằng cha đó ra khỏi Nhà Trắng". Lại nói: "Tôi biết được cái đó do một người rất thạo tin tức, ông biết không, mụ ta bị giang mai. Mụ ta đóng trong phim Warner. Người đàn ông nói, mụ ta thành đạt là nhờ ngủ với mọi người đóng phim. Thế đấy, mụ ước gì được nấy!". Nhưng đôi mắt lo lắng không bao giờ thấy bình tĩnh và cái bĩu môi không bao giờ tỏ ý bằng lòng. Chiếc xe ca lớn vẫn đi sáu mươi dặm một giờ, chầm chậm như đi kiếm khách[28].

Em muốn uống cái gì mát.

Kìa đằng kia có chỗ. Muốn dừng không?

Liệu ở đấy có sạch không?

Cũng sạch như mọi thứ em đang đi tìm trong cái xứ bị Chúa bỏ rơi này.

Thôi, có thể mấy chai sôđa là đủ rồi.

Chiếc xe hơi kêu ken két rồi dừng lại. Người đàn ông béo mập lo lắng giúp vợ xuống xe.

Mae nhìn họ rồi nhìn đi chỗ khác lúc họ bước vào. Al đang nhìn vỉ nướng thịt bèn ngước mắt lên, rồi lại cúi mắt xuống. Mae biết tỏng. Người này sẽ uống một chai sôđa 5 xu rồi chê là không được lạnh. Mụ vợ sẽ dùng sáu cái khăn lau bằng giấy rồi vứt bừa bãi xuống nền. Gã chồng sẽ nghẹn và tìm cách đổ lỗi cho Mae. Mụ vợ sẽ hin hít như ngửi phải mùi thịt hôi thối, rồi chúng sẽ đi ra và sau đó suốt đời rêu rao rằng cái dân miền Tây bẩn tính. Và sau đó một khi đứng một mình với Al, Mae sẽ gán cho họ một cái tên. Cô gọi họ là đồ đê tiện. Cánh

lái xe cam–nhông! Món khách này mới ăn tiền đây!

Một chiếc cam–nhông to lớn đang tới. Mong nó dừng lại, xua tan cái mùi của quân đê tiện kia. Khi mình còn làm việc ở khách sạn Albuquerque, Al ạ, thấy mánh lới chúng ăn cắp…thượng vàng, hạ cám, đủ thứ. Xe của chúng càng to, chúng ăn cắp càng nhiều…khăn mặt, đồ bằng bạc và hộp xà phòng…không thể hiểu nổi.

Al, giọng rền rĩ: "Cô nghĩ họ lấy xe hơi cỡ lớn và các thứ đồ khác ở đâu? Sinh ra họ đã có sẵn rồi ư ? Cô thì chả bao giờ giàu được".

Chiếc xe tải, người lái và người phụ lái.

– Hay ta dừng lại làm một tách cà phê Java? Tớ biết cái ổ rác này.

– Thế còn giờ giấc?

– Ô, chúng ta chạy vượt rồi.

– Vậy thì đỗ lại. Ở đó có một ả nhớ nhiều chuyện tình xưa, mà nhộn lắm. Lại có Java ngon nữa.

Chiếc xe dừng lại. Hai người đàn ông mặc quần soóc khía kiểu kỵ mã, đi ủng, giắc–két ngắn, mũ nhà binh, có lưỡi trai bóng loáng. Cửa lớn có lưới sắt mở ra.

– Thế nào cô Mae?

– Ấy tưởng ai? Hóa ra anh Bill–Chuột Cống! Anh trở lại chạy con đường này từ bao giờ?

– Được một tuần.

Anh chàng kia bỏ một đồng năm xu vào máy hát tự động, nhìn đĩa hát đang trượt xuống giá đĩa đang quay. Giọng ca của Bing Crosby – giọng ca vàng.

Cám ơn đã nhớ đến – Phơi nắng ở bãi biển – Có thể bị rức đầu[29]. Nhưng không hề buồn chán".

Chú tài hát theo cố cho Mae nghe: “Em có thể là một con cá tuyết* – nhưng không bao giờ là đứa gái điếm*”.

Mae cười phá lên: “Ai là em của anh, hở Bill? Một người mới trên đường trường chăng?”

Người kia bỏ một đồng năm xu vào máy bán hàng tự động, được bốn thẻ tiền; anh lại bỏ chúng vào máy. Anh đi tới quầy.

– Nào, anh dùng gì?

– À, một tách cà phê. Có những bánh kem gì?

– Bánh kem chuối, dưa, sôcôla, bánh khoai.

– Cho bánh khoai – mà khoan, cái bánh to kia là bánh gì?

Mae cầm bánh lên ngửi, – bánh kem chuối.

– Cắt cho một khoanh, khoanh rõ to.

Người đứng trước máy quay xu nói: cắt hai miếng.

– Hai miếng đây, lấy đi. Gần đây có chuyện gì hay không, anh Bill?

– Ồ, có đấy.

– Hãy coi chừng, có đàn bà đấy.

– Ồ, chả có gì là tục đâu. Có một thằng bé đến trường muộn. Cô giáo hỏi: “Tại sao em đến trễ?”. Thằng bé đáp: “Em phải dẫn con bò cái đi tơ lấy đực ạ”. Cô giáo nói : “Thế ông già em không thể làm được việc đó sao?” Thằng bé nói: “Có chứ ạ, nhưng ông ấy không khỏe bằng con bò mộng”.

Mae cười the thé, cười rít lên. Al đang chăm chú thái hành ở bàn, ngước mắt lên, mỉm cười rồi lại cúi xuống. Cánh lái xe tải, chỉ có thế mà thôi! Thế mà cũng phải trả hăm lăm xu cho Mae. Cà phê và bánh kem mười lăm

xu, đãi Mae mười xu. Nhưng họ cũng không tìm cách tán tỉnh cô nàng.

Cùng ngồi với nhau trên ghế đẩu, cùi dìa cắm thẳng trong tách cà phê. Nói chuyện tào lao. Al vừa kỳ cọ chiếc vỉ nướng thịt, vừa lắng nghe nhưng không bình luận gì. Tiếng hát của ca sĩ Bing Crosby ngừng bặt. Các giá đĩa hạ xuống và đĩa rơi vào chồng đĩa. Ánh sáng màu tía tắt đi. Sau khi đã làm cho máy hoạt động, làm cho Crosby ca hát và dàn nhạc hòa tấu, đồng kền rơi vào trong hộp từ giữa các điểm tiếp xúc. Không như các đồng tiền lẻ khác, đồng kền đã thực sự làm được một việc khó khăn vất vả, đó là chịu trách nhiệm cụ thể về một sự phản ứng.

Hơi nước phun ra ở nắp bình cà phê. Máy nén của tủ lạnh nhè nhẹ phát ra tiếng bình bịch trong một lúc rồi ngừng hẳn. Quạt điện ở trong góc chậm rãi quay đầu từ trái sang phải, quét gian phòng bằng một làn gió ấm. Trên đường quốc lộ, đường 66, xe vẫn chạy vèo vèo. Mae nói:

– Vừa nãy có một chiếc xe ca Massachussetts đã dừng lại ở đây.

Anh chàng Bill cao to nắm chặt lấy miệng tách cà phê, cặp cùi dìa vào giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ rồi thời phù phù cho nguội cà phê.

– Cậu cứ đi trên đường 66 mà xem. Xe khắp cả nước đổ về đây. Tất cả đều đi về hướng Tây. Tớ chưa từng thấy nhiều xe đến thế. Chắc chắn trên đường cái có nhiều em kháu[30] lắm.

– Sáng nay, bọn tớ thấy một tai nạn xe hơi – bạn y nói – Xe to – Cad cỡ lớn, kiểu đặc biệt, xinh xắn, thấp, màu kem – đâm vào chiếc xe tải. Máy phát điện bẹp

dúm lại thúc vào người tài xế. Chắc phải chạy chín mươi cây số giờ. Tay lái đâm thẳng vào anh chàng, gã giãy giụa như con ếch mắc lưỡi câu. Chiếc xe tuyệt vời. Tông đến ngon mắt. Nhưng giờ thì có thể đổi lấy một nắm đậu phụng. Cũng may trong xe chỉ có một mình gã.

Al đang hí húi với món ăn, ngước mắt lên:

– Chiếc xe tải có bị gì không?

– Ôi lạy Chúa! Đâu phải tải tiếc gì! Một thứ hổ lốn, do nhiều xe chắp vá lại mà thành, đầy những nồi niêu xoong chảo, nệm trẻ con. Tóm lại cậu biết đấy, những thứ chở theo xe đi về miền Tây, ấy mà. Gã lái Cad đang phóng gần bọn tớ, chín mươi cây số giờ, đang chạy nghiêng trên hai bánh để vượt chúng tớ, thình lình một chiếc xe tải lao tới, đâm sầm vào chiếc Cad, lúc thằng lái đang băng lên như thằng say mờ mắt. Lạy Chúa! Giường nệm, gà qué, con nít bị hất tung lên, lả tả. Một đứa trẻ bị chết. Tai nạn chưa từng thấy. Bọn tớ dừng lại. Ông già lái xe đứng chết lặng nhìn xác đứa trẻ. Không nói được tiếng nào. Như câm. Trời! Trên đường đầy những gia đình đi về miền Tây. Tớ chưa từng thấy nhiều đến thế. Ngày càng thêm tồi tệ. Lạ một điều là không biết họ từ nơi ma quỷ nào.

– Tôi cũng lạ, tự nhủ không biết bọn họ đi về đâu, – Mae nói – thỉnh thoảng có người ghé lại đây mua xăng, nhưng hầu như chẳng mua cái gì khác. Thiên hạ đồn là họ hay ăn cắp. Chúng tớ chả có gì. Chúng tớ chưa hề bị mất cắp thứ gì.

Bill hộ pháp vừa nhai tóp tép miếng bánh kem vừa nhìn ra đường cái qua tấm cửa lưới sắt.

– Tốt nhất cậu nên buộc hành lý vào đi. Tớ nghĩ là

sắp có người đến bây giờ.

Một chiếc Nash 1926 mui kín nặng nề đỗ bên đường. Chỗ ngồi phía sau chồng chất tận tới mui, nào bao tải, nào nồi niêu, xoong chảo và gần sát nóc xe có hai thằng bé ngồi vắt vẻo. Trên mui xe một chiếc nệm và một lều vải ghép lại, các cọc lều buộc dọc theo bậc lên xuống. Chiếc xe dừng lại ngay chỗ bơm xăng. Một người đàn ông tóc đen, mặt lưỡi cày, chậm rãi bước xuống. Tiếp đó, hai thằng bé từ đống đồ đạc trượt xuống theo.

Mae đi vòng quanh quầy hàng và đứng ở giữa. Người đàn ông bận quần len xám, áo sơ mi xanh, lưng và nách đã xanh thẫm lại vì mồ hôi. Hai thằng bé mặc quần yếm, rách mướp, vá chằng chịt và chỉ có thế. Tóc chúng màu sáng, cắt ngắn đều một loạt, dựng đứng trên đầu. Mặt mũi chúng lem luốc bụi bặm. Chúng đi thẳng tới vũng bùn dưới vòi máy nước và sục ngón chân vào bùn.

Người đàn ông hỏi:

– Chúng tôi có thể xin một ít nước không, thưa bà?

Một vẻ buồn phiền thoáng qua trên khuôn mặt Mae.

– Hẳn rồi, ông cứ lấy đi.

Cô hơi quay đầu, nói khe khẽ qua vai: “Mình sẽ để mắt tới vòi máy”. Và cô đứng trông chừng trong khi người đàn ông từ từ vặn nút máy phát điện và cắm vòi nước vào.

Một người đàn bà ngồi trong xe, tóc màu gai nói: “Xem ở đây có bánh không?”.

Người đàn ông khóa vòi nước và đóng máy phát điện. Bọn trẻ con cầm lấy vòi nước, nâng cao lên và uống ừng ực. Người đàn ông cất chiếc mũ đen lem luốc và đứng trước cửa lưới sắt với vẻ quá khiêm nhường.

– Thưa bà, bà có thể có cách nào bán cho chúng tôi một ổ bánh mì không?

– Đây không phải tiệm bánh mì, – Mae đáp – chúng tôi chỉ có bánh để làm xăng–uých.

– Tôi biết, thưa bà – sự khiêm nhường đâm ra nài nỉ – Tôi biết. Chúng tôi cần bánh mì, mà nghe nói còn phải đi xa mới có hàng quán.

– Nếu bán thì chúng tôi hết bánh làm xăng uých, – Mae nói với giọng đã nao núng.

– Chúng tôi đói lắm, – người đàn ông nói.

– Sao ông không mua bánh xăng uých? Chúng tôi có xăng–uých nhồi xúc xích, ngon lắm.

– Chắc chắn chúng tôi ao ước được thế, thưa bà. Nhưng không thể được. Cả nhà chỉ có vẻn vẹn một hào, – Và ông nói lúng túng – Chúng tôi chỉ mua được ít thôi.

– Một hào thì ông không mua được ổ bánh đâu, – Mae nói

– Chúng tôi chỉ có ổ bánh mười lăm xu.

Phía sau cô, Al càu nhàu: “Trời ơi, cô Mae, bán cho họ đi.”

– Chúng mình sẽ hết bánh trước khi xe bánh tới.

– Hết bánh, thì đã làm sao? Al nói. Và anh buồn rầu nhìn xuống món salad khoai tây anh đang ngào dở.

Mae nhún đôi vai nõn nà và nhìn hai người lái cam–nhông như phân bua là cô khó xử biết chừng nào. Cô mở cửa lưới sắt, người đàn ông bước vào mang theo cùng ông ta mùi mồ hôi chua gắt. Bọn trẻ len vào sau ông, chúng đi thẳng đến tủ kính đựng kẹo và chúng

đứng nhìn chòng chọc – đôi mắt không tỏ vẻ đói khát hoặc hy vọng hoặc thậm chí thèm muốn, mà chỉ như quá đỗi kinh ngạc là tại sao có thể có những thứ đó. Chúng cao bằng nhau và khuôn mặt cũng giống nhau. Một đứa lấy ngón chân này gãi gãi cá chân lấm lem của chân kia. Đứa kia rỉ tai thì thầm cái gì đó và cả hai duỗi thẳng cánh tay đến nỗi bàn tay nắm chặt trong túi quần yếm cuộn lên qua làn vải xanh mỏng.

Mae mở ngăn kéo, lấy ra một ổ bánh mì gói trong giấy nền dài.

– Đây, một ổ bánh mười lăm xu.

Người đàn ông đội mũ lên đầu. Ông trả lời với vẻ khiêm nhường không lay chuyển:

– Xin bà vui lòng, bà xem có cách nào cắt cho một miếng mười xu không?

– Trời ơi, cô Mae, – Al cau có nói – bán cho họ ổ bánh đi.

Người đàn ông quay về phía Al: – Không chúng tôi chỉ muốn mua đúng với giá mười xu thôi. Chúng tôi đã tính sát nút rồi, thưa bà, để có thể đi tới California.

Mae nói với vẻ nhẫn nhục:

– Ông có thể lấy bánh với giá mười xu.

– Như thế là tôi ăn cắp của bà, – ông ta nói.

– Thôi, ông lấy đi, chính Al bảo ông thế, – Mae nói.

Và cô đẩy ổ bánh bọc giấy nến qua mặt quầy. Người đàn ông lấy ở túi sau ra một cái hầu bao bằng da, cởi dây thắt lưng và mở hầu bao ra, bên trong đựng đầy tiền bạc và những tờ giấy bạc lấm lem.

– Thật là kỳ quặc khi phải chi li chặt chẽ từng xu, –

ông ta biện bạch – chúng tôi phải đi ngàn dặm đường nữa, mà không biết có thể tới nơi được không…

Ông thọc ngón tay trỏ vào hầu bao, lần đúng đồng mười xu, rồi đưa ngón tay cái vào cùng ngón tay trỏ cặp chặt lấy đồng xu. Khi ông đặt nó lên quầy thì một đồng xu lăn ra theo. Ông toan bỏ đồng một xu vào hầu bao thì bỗng trông thấy mắt hai đứa con dại đi trước quầy bánh kẹo. Ông từ từ đi lại chỗ chúng. Ông trỏ vào những thanh kẹo bạc hà và hỏi:

– Thưa bà, có thứ kẹo một xu không?

Mae lại gần, nhìn vào tủ kẹo:

– Kẹo nào? – cô hỏi.

– Kìa, thứ có vạch kia.

Hai đứa bé ngước mắt nhìn khuôn mặt của cô và chúng nín thở, miệng há ra, thân mình ở trần trở nên cứng ngắc.

– Ờ… Những cái đó. À, không, những cái đó một xu hai chiếc.

– Vậy bà cho tôi cả hai chiếc.

Ông cẩn thận đặt đồng xu lên quầy. Bọn trẻ thở ra nhẹ nhõm. Mae trao các thanh kẹo cho chúng.

– Xin bà đi. Cầm lấy, – Người đàn ông nói.

Chúng rụt rè đưa tay ra nắm lấy mỗi đứa một chiếc, hai tay buông thõng giữ chặt thanh kẹo và không nhìn vào nó nữa. Nhưng chúng nhìn nhau, miệng nhoẻn nụ cười cứng nhắc, ngượng ngùng.

–Xin cám ơn bà.

Nói xong, người đàn ông cầm bánh đi ra xe, hai thằng bé đi theo sau, kẹo đại mạch kẹp chặt vào đùi.

Như những con chuột nhắt, chúng nhảy lên ghế trước, len lỏi lên nóc hàng rồi cũng như những con chuột nhắt chúng lại lẩn vào hang. Người đàn ông lên xe và mở máy, tiếng động cơ gầm rú, một làn khói dài xanh tỏa ra, chiếc Nash cũ lên đường phóng về miền Tây. Ngồi trong tiệm ăn, các lái xe, Mae và Al đưa mắt nhìn theo họ. Bill hộ pháp xoay ghế lại.

– Kẹo đại mạch không bán một xu hai chiếc đâu nhé! – Anh nói.

– Thì việc gì đến anh? – Mae nói gay gắt.

– Kẹo ấy năm xu một chiếc, – Bill nói.

– Thôi, đi thôi, – người lái phụ nói – Chúng ta bỏ mất nhiều thời gian rồi.

Hai người móc túi ra, Bill đặt một đồng tiền lên quầy, người kia thấy thế, lại thọc tay vào túi và cũng đặt lên một đồng tiền. Họ quay lại và ra cửa.

– Xin chào, – Bill nói.

– Khoan, – Mae gọi – chờ tí đã. Còn tiền thừa.

– Để làm quái gì! – Bill nói và tấm cửa lưới sắt đóng sầm lại.

Mae nhìn họ leo lên chiếc xe tải to, nhìn họ mở máy, sang số một, và nghe tiếng rên rỉ sang số hai khi chiếc xe tăng tốc độ.

– Al…– cô nói dịu dàng.

Al đang miết dẹp miếng thịt và lồng vào giấy nến, anh ngước mắt lên.

– Có gì thế? – Anh hỏi.

– Anh nhìn xem, – Cô chỉ hai đồng tiền cạnh mấy cái cốc – Hai đồng nửa đô la.

Al đi lại gần nhìn rồi trở lại tiếp tục công việc.

– Cánh lái cam–nhông thế đấy, – Mae nói với vẻ kính trọng. – Còn những bọn bần tiện…

Đàn ruồi đụng vào tấm lưới, kêu vo vo rồi bay đi. Máy ép kêu bình bịch chốc lát rồi ngừng. Trên đường cao tốc 66, sự giao thông đi lại vẫn o o, ve ve, ken ken náo nhiệt, xe tải, xe cọc cạnh, xe đạp dáng thuôn, và tất cả chạy trong tiếng ầm ầm nhức nhối.

Mae thu dọn đĩa, hất các mảnh bánh vụn xuống thùng gỗ, lấy giẻ ướt đẫm lau quầy hàng theo vòng tròn. Rồi mắt cô lại nhìn ra đường cái nơi mà cuộc sống đang ầm ào sôi động. Al chùi tay vào tạp dề. Anh nhìn vào tờ giấy dính ở tường phía trên vỉ nướng thịt. Ba cột ghi các cột dấu hiệu kẻ trên tờ giấy. Al đếm ở hàng dài nhất. Anh đi dọc quầy hàng tới số máy tính ghi tiền mặt thu được, bấm vào nút “Không bán” và lấy ra một nắm tiền năm xu.

– Anh làm gì đó? – Mae hỏi.

– Số ba sẵn sàng trúng – Anh đi lại máy quay xu thứ ba, bỏ những đồng năm xu vào, và khi bánh xe quay đến vòng thứ năm, ba cái chắn ngang hiện ra và số tiền góp lại rơi xuống đĩa. Al nhặt hết tất cả và trở lại quầy. Anh bỏ tiền vào ngăn kéo và đóng máy ghi tiền mặt. Sau đó, anh trở lại chỗ cũ và xoa dòng ghi điểm. Anh nói:

– Con số ba nhiều người đánh hơn. Có lẽ mình phải đảo hết vị trí mọi con số.

Anh nhấc một chiếc nắp lên và đảo món thịt hầm đang từ từ sôi.

– Em lấy làm lạ, họ đi tới Califonia để làm gì? – Mae hỏi.

–Ai?

– Những người vừa ở đây ban nãy.

– Có trời biết!

– Anh có cho là họ sẽ kiếm được việc làm không?

– Tôi biết thế quái nào được! – Al nói.

Cô nhìn về hướng đông dọc con đường cái.

– Lại có một xe vận tải đang tới. Liệu họ có dừng lại không? Hy vọng là thế.

Và khi chiếc xe to lớn nặng nề đỗ bên lề đường, Mae túm lấy giẻ lau khắp mặt quầy, chùi sơ qua các bình cà phê bóng loáng rồi nâng tay gạt cửa bình ga ở dưới lên. Khuôn mặt của Mae tươi hẳn lên khi cửa mở và hai tài xế mặc đồng phục bước vào.

– Chào em gái!

– Tôi không muốn là em gái của bọn đàn ông các anh – Mae nói.

Họ cười và Mae cũng cười,

– Dùng gì các chàng trai?

– Ồ, một tách cà phê. Cô có những bánh kem gì?

– Bánh kem dứa, kem chuối, kem sôcôla, kem khoai.

– Cho tôi bánh khoai, mà khoan, cái bánh to to kia, bánh gì vậy?

Mae gắp bánh lên ngửi:

– Kem dứa.

– Được, cắt cho tôi một khoanh.

Các xe tải vẫn vù vù một cách quái ác trên quốc lộ 66.

Chương XVI

Hai gia đình Joad và Wilson hợp lại làm một và tiếp tục trườn về phía Tây: El Reno và Bridgeport, Clinton, Elk City, Sayre và Texola. Biên giới đây rồi, và Oklahoma dã ở lại phía sau. Ngày hôm nay trên chiếc xe nối đuôi nhau trườn lên, lên mãi, qua vùng Alanreed, Groom và Yarnell, đến buổi chiều họ đi qua Amarillo. Chặng đường quá dài nên mờ tối thì họ cắm trại nghỉ. Al cũng mệt mỏi, người đầy bụi và nóng bức. Nóng quá nên bà Nội quằn quại vật vã khi họ dừng lại thì bà yếu lả hẳn.

Đêm đó, Al nhổ trộm một cọc rào làm một cái buộc vắt ngang ở hai đầu xe. Đêm đó họ chẳng ăn gì ngoài bánh qui nguội, cứng còn lại từ bữa sáng. Họ để nguyên cả quần áo vật mình xuống đệm và ngủ liền. Vợ chồng Wilson lại còn không dựng lều nữa.

Gia đình Joad và Wilson đã chạy trốn qua vùng Cán Xoong, một miền đất xám mấp mô mà do những trận lụt từ xa xưa đã đào thành những thung lũng và khứa thành những nếp nhăn nheo, như những vết sẹo. Họ chạy trốn khỏi Oklahoma và qua bang Texas. Những con rùa đất bò trong cát bụi, mặt trời quét tia nắng xuống mặt đất. Đến chiều tối, khí nóng đã ra khỏi bầu trời nhưng mặt đất vẫn còn bốc lên nhưng làn hơi nóng hầm hập.

Hai gia đình đã chạy trốn được hai ngày nhưng sang ngày thứ ba, họ thấy xứ này to lớn quá, cho nên họ thu xếp một cách sinh hoạt mới, con đường cái trở thành nhà và sự hoạt động trở thành phương tiện biểu đạt. Dần dà ngày một ngày hai, họ thích ứng với sinh hoạt

mới. Trước tiên Ruthie và Winfield, rồi Al, rồi Connie và Rosasharn và cuối cùng là những người nhiều tuổi. Đất đai nhấp nhô như đợt sóng ngầm to lớn và đứng im bất động. Wildorade và Vega và Bosie và Glenrio. Đây là hết ranh giới bang Texas. New Mexico với núi non trùng điệp. Xa xa, núi sừng sững, đỉnh cao chọc trời. Các bánh xe hơi ken két, các động cơ nóng ran ran, và hơi nước phụt ra xung quanh các nắp máy phát điện. Xe trườn bò tới sông Pecos và cắt ngang qua Santa Rosa. Và họ còn chạy thêm hai mươi dặm nữa.

Al lái chiếc xe du lịch, Mẹ ngồi bên cạnh hắn, Rosasharn bên cạnh Mẹ. Phía trước họ, chiếc xe tải chạy ì ạch. Không khí nóng hâm hấp như làn sóng cuốn tràn ngập miền quê làm núi đồi rung động. Gập cong người trên ghế, Al cầm lái một cách uể oải, bàn tay thoải một cách máy móc vào thanh ngang của tay lái, chiếc mũ xám chóp nhọn kéo lệch xuống một bên tai che lấp mất một mắt nom ngang ngược lạ thường, và thỉnh thoảng hắn quay lại khạc nhổ ra ngoài cửa xe.

Ngồi bên cạnh con, Mẹ khoanh tay lên bụng, thu hình lại như để chống chọi với cơn mệt mỏi. Bà ngồi mềm người lại để mặc cho đầu và mình đu đưa theo đà xe lúc la lúc lắc. Bố chớp chớp đôi mắt để nom cho rõ dãy núi phía trước. Chân bấm chặt lấy sàn xe, khuỷu tay phải thò ra ngoài cửa xe, Rosasharn cứng người lại mỗi lần xe lắc lư. Khuôn mặt tròn trĩnh của cô đanh lại mỗi khi xe lắc mạnh, đầu cô lắc lư dữ dội vì các cơ bắp ở cổ căng ra. Cô gắng hết sức cong người như một chiếc bình cứng ngắc để giữ cho bào thai khỏi bị xóc. Cô quay đầu về phía mẹ.

– Mẹ ơi! – cô nói – mắt bà sáng lên và bà chú ý nhìn về phía cô con gái. Đôi mắt của bà lướt qua khuôn mặt

đầy đặn, mệt mỏi, căng thẳng của cô và bà mỉm cười .

– Mẹ ạ, – người thiếu phụ trẻ nói, – lúc tới nơi nhà ta chỉ có việc hái quả cây và sống ở thôn quê, phải không?

Mẹ mỉm cười, điểm chút giễu cợt:

– Thì nào đã tới đâu, con. Sẽ ra sao, chúng ta biết sao được. Chờ xem.

– Connie với con, chúng con không thích sống ở nhà quê nữa. Chúng con đã trù định tất thảy phải làm gì rồi.

Khuôn mặt bà mẹ sầm lại trong một thoáng ưu phiền.

– Các con sẽ không ở với bố mẹ…với gia đình hay sao?

– Chuyện đó chúng con đã nghĩ kỹ rồi, mẹ ạ. Chúng con muốn ở thành phố – Rồi giọng cô sôi nổi – Connie kiếm việc làm ở một cửa hiệu, hoặc có thể ở một xưởng máy. Anh ấy sẽ học thêm ở nhà, có lẽ là vô tuyến điện, để trở thành một kỹ thuật gia, rồi sau này, có lẽ có một cửa hàng riêng. Rồi hễ muốn là chúng con đi xinê. Connie còn nói sẽ mời một ông bác sĩ tới nhà khi nào con sinh cháu bé, anh ấy lại nói nếu có phương tiện, có lẽ con vào nhà hộ sinh. Rồi chúng con sẽ có một chiếc xe hơi, nhỏ thôi. Rồi buổi tối khi anh ấy học xong, ôi chà…dễ chịu biết mấy. Anh ấy đã xé một tờ trong các sách *Truyện tình miền Tây,* anh ấy sẽ gửi thư bảo người ta gửi cho bài học hàm thụ chả là cái đó có mất gì đâu. Trên phiếu có ghi như vậy, con đã nhìn thấy. Và mẹ tính xem… Khi đã theo lớp đó – học vô tuyến ấy mà, người ta sẽ kiếm cho một chỗ làm, một nghề sạch sẽ, có tương lai. Rồi chúng con sẽ ở thành phố, thỉnh thoảng đi xinê. Và rồi, mẹ biết không, con sẽ

có một bàn là điện, cháu bé sẽ có toàn quần áo mới. Toàn quần áo mới, Counie nói thế, trắng tinh và… như Mẹ đã thấy trong các quyển mẫu hàng, những đồ nho nhỏ xinh xắn, làm cho trẻ con. Cố nhiên buổi đầu, lúc Connie còn phải học ở nhà, có thể không dễ dàng gì, nhưng lúc con sinh cháu thì có lẽ anh ấy đã học xong, chúng con sẽ có một căn nhà riêng, nhỏ bé thôi. Chúng con chẳng muốn cái gì kỳ lạ đâu, chỉ muốn những gì xinh xắn cho cháu bé thôi. – Khuôn mặt cô rạng rỡ hồ hởi – Và con đã nghĩ…thế này, có lẽ cả nhà ta cũng sẽ ở thành phố, và khi Connie có cửa hiệu rồi, Al có thể làm việc giúp anh ấy.

Mẹ vẫn không thôi quan sát sát nét mặt dào dạt háo hức. Bà đã nhìn thấy cái lâu đài trong ảo tưởng lớn dần nên bà để tâm trí theo dõi.

Al cười khẩy:

– Tôi, tôi làm việc cho Counie? Tại sao Connie lại không đến làm việc cho tôi? Anh ấy tưởng mình là thằng khốn[31] duy nhất có thể học tập ban đêm sao?

Mẹ hình như đột nhiên nhận ra rằng tất cả điều đó chỉ là một giấc mơ. Một lần nữa bà quay đầu lại nhìn thẳng phía trước mặt, ngồi lại một cách thoải mái, nhưng nụ cười kín đáo vẫn còn nấn ná xung quanh mắt bà.

– Mẹ không biết hôm nay bà Nội có thấy khỏe không, – mẹ nói.

Cúi xuống tay lái, Al trở nên chăm chú. Động cơ phát ra một tiếng kèn kẹt. Hắn tăng tốc độ, tiếng động tăng lên. Hắn cho nổ máy chầm chậm, lắng tai nghe nữa. Tiếng kèn kẹt lại tăng thêm, biến thành một thứ búa đập chan chát. Al bóp còi inh ỏi và lái xe tạt sang lề

đường. Phía trước, chiếc xe tải dừng lại rồi từ từ lùi. Ba chiếc xe hơi phóng vụt qua, đi về phía Tây, cái nào cũng bóp còi inh ỏi, và người tài xế ở xe sau cùng thò đầu ra hét:

– Muốn chết hay sao mà dừng lại kiểu đó, hả?

Tom lùi xe lại, bám chặt lề đường. Anh nhảy xuống và lại gần chiếc xe du lịch. Sau xe cam–nhông chở nặng, mấy cái đầu ngoái nhìn lại. Al cho nổ máy chầm chậm, lắng nghe động cơ chạy không, Tom hỏi:

– Có chuyện gì, hở Al?

Al rồ máy:

– Anh nghe xem. Tiếng động cơ lạch cạch bây giờ lại mạnh thêm.

Tom nghe ngóng:

– Cho chạy không xem sao, – anh mở nắp xe chúc đầu vào trong, – Giờ rồ máy đi xem.

Anh nghe ngóng chốc lát rồi đậy nắp lại, – Đúng, tao chắc là mày có lý Al ạ.

– Hả? – Al hỏi – Cuxinê biên?

– Đâu như thế.

– Nhưng em cho đủ cách mà nhớt vẫn không xuống được. Biên bây giờ khô cứng như cái vồ…Chó thật[32]. Thôi chả có cách gì khác trừ phi tháo nó ra.

– Thế này, tao cho xe tiến lên tìm một chỗ đất bằng để đỗ lại, mày cũng cho chạy từ từ, đừng làm cho cổ cacte.

Wilson hỏi:

– Có hỏng nặng không?

– Nặng. – Tom nói. rồi anh quay về chiếc cam–nhông và tiến tên từ từ.

Al phân trần:

– Con không hiểu tại sao lại có thể cháy biên. Con có để nó thiếu dầu đâu.

Al biết, chỉ có hắn là đáng bị chê trách. Hắn nhận thức ra sự thất bại của mình.

Mẹ nói:

– Không phải lỗi tại con. Phải làm những gì, thì con đã làm rồi. – Mẹ hơi rụt rè hỏi – Hỏng ghê lắm à?

– Tệ thật, kể cũng khó mà kiếm được, phải tìm được một chiếc biên khác, hoặc phải chữa lại Cuxinê. – Hắn thở dài não nuột, – May mà có anh Tom ở đây. Con chưa bao giờ sửa chữa Cuxinê. Lạy Chúa, con mong là anh Tom biết.

Một tấm biển quảng cáo rộng lớn màu hồng sừng sững ở lề đường phía trước mặt, chiếu xuống một bóng mát vừa dài vừa thuôn thuôn. Tom cho chiếc xe cam–nhông chạy thẳng xuống mương, vượt qua và dừng xe ở bóng râm. Anh bước xuống, đợi Al đi tới.

– Đi nhẹ, hê, – anh kêu to – rất nhẹ kẻo không thì lại đánh gãy thêm một chiếc lò xo nữa.

Al đỏ mặt tía tai. Hắn hãm bớt máy.

– Mẹ kiếp, – hắn gào lên – có phải tôi đã làm cháy Cuxinê đâu. Anh nói “thêm”, “thêm” là thế nào? Ý anh là tôi làm hỏng cả lò xo nữa sao?

Tom cười nhe răng, anh nói:

– Giữ cho xe thăng bằng đi, tao chả muốn nói gì hết. Cho xe xuống rãnh đi, từ từ thôi.

Vừa càu nhàu, Al vừa thận trọng lái chiếc xe xuống mương rồi vượt qua sang bờ bên kia.

– Anh đừng có làm cho những người khác hiểu lầm rằng em đã làm cháy Cuxinê.

Bây giờ máy nổ rất to. Al đậu xe vào chỗ bóng râm và tắt máy.

Tom mở nắp máy xe và chống nó lên.

– Chưa thể làm gì được, phải chờ cho nó nguội lại cái đã.

Cả gia đình xuống xe và chụm lại xung quang chiếc xe du lịch.

Bố hỏi:

– Hỏng thế nào? – Rồi ông ngồi xổm xuống đất.

Tom quay lại phía Al:

– Mày đã chữa máy này bao giờ chưa? – Anh hỏi.

– Chưa, chưa bao giờ. Dĩ nhiên em biết tháo Cacte.

Tom nói:

– Tốt, phải tháo cacte, rút biên ra, rồi lại phải tìm cho được một biên khác thay thế. Sau đó lại phải giũa, phải chèn, phải lắp vào cho khớp, mất đứt cả một ngày. Phải lộn lại chỗ cũ, Santa Rosa, để tìm cái thay thế. Alburquerque thì còn xa hơn, cách những bảy mươi lăm dặm… Ôi! Lạy Chúa, mai là chủ nhật rồi! Chủ nhật thì chả hi vọng kiếm được gì đâu…

Mọi người im lặng. Ruthie lại gần, liếc nhìn vào phía dưới nắp xe để ngỏ, mong thấy cái biên bị gãy. Tom bình tĩnh nói tiếp:

– Ngày mai là chủ nhật. Thứ hai ta sẽ kiếm đồ thay, và chắc chắn là không xong được trước ngày thứ ba. Ta

không có dụng cụ cần thiết nên khó làm hơn, sẽ vất vả lắm đây.

Bóng một con chim ó lướt trên mặt đất và cả gia đình ngước mắt lên nhìn con chim đen đang bay lượn trên bầu trời.

Bố nói:

– Điều tôi sợ nhất là hết tiền, không thể tới nơi được, không những chúng ta phải ở đây ăn không ngồi rồi mà lại còn phải mua xăng mua nhớt. Nếu hết tiền, chúng ta chẳng biết phải giải quyết sao đây.

Wilson nói:

– Xem như lỗi tại tôi. Cái xe cà tàng thổ tả này chỉ gây cho tôi bao nhiêu phiền toái. Các bác, các anh chị thật tử tế với chúng tôi. Bây giờ thì xin các bác thu xếp hành lý các bác và tiếp tục lên đường. Sairy và tôi sẽ ở lại đây. Chúng tôi sẽ tìm cách xoay sở. Chúng tôi thật không thể làm phiền các bác thêm được nữa.

Bố chậm rãi nói:

– Chúng tôi không làm thế được. Chúng ta đã gần như là chỗ bà con họ hàng rồi. Ông Nội đã mất trong lều của ông bà.

Sairy nói giọng mệt mỏi:

– Chúng tôi chỉ gây phiền hà cho các bác… chỉ gây phiền…

Tom thong thả cuốn một điếu thuốc, ngắm nghía rồi chậm rãi châm lửa hút. Anh cất chiếc mũ đã bị hỏng và lấy nó lau trán. Anh nói:

– Tôi có ý kiến. Có lẽ nói ra thì chẳng ai ưng, nhưng là thế này. Càng chóng đến California thì càng mau có tiền. Đấy…Đấy…chiếc xe hơi này cũng nhanh gấp đôi

chiếc cam–nhông. Bởi thế, ý kiến tôi là thế này: ta lấy một phần hành lý chở trên cam–nhông bỏ sang xe hơi, rồi đi tất, trừ tôi và ông mục sư Casy, tôi sẽ ở lại đây sửa chữa chiếc xe hơi, xong rồi sẽ phóng suốt ngày đêm và sẽ đuổi kịp. Ngược bằng không gặp nhau trên đường cái thì dẫu sao mọi người cũng đã tới nơi và có việc làm rồi, mà nếu chiếc xe cam–nhông có bị trục trặc thì đơn giản thôi, cứ đỗ lại bên đường, chờ chúng tôi tới. Như vậy chả thiệt hại gì, còn nếu đến nơi được thì sẽ có việc làm, mọi cái đơn giản hơn. Casy có thể giúp tôi sửa chữa cái xe cà tàng này, chúng tôi sẽ tới nơi gọn nhẹ như ru.

Cả gia đình tụ họp, suy nghĩ. Chú John ngồi xổm bên cạnh Bố.

Al nói:

– Anh có cần giúp một tay để chữa cái biên này không?

– Chính mày vừa nói mày chưa hề sửa chữa bao giờ kia mà?

– Đúng thế, – Al nói – Cần nhất là phải có một cái lưng to khỏe. Rất có thể là mục sư không muốn ở lại.

– Ồ, bất cứ ai cũng xong, – Tom nói – tao chẳng cần.

Bố đưa ngón tay trỏ gãi gãi mặt đất. – Theo tao thì Tom nói có lý, – Ông nói – Cả nhà ở lại đây thì chả đi đến đâu. Từ giờ đến tối, chúng ta có thể đi được từ năm mươi đến một trăm dặm.

Mẹ đâm lo:

– Thế họ làm thế nào gặp chúng ta?

– Cứ đi trên cùng một con đường. – Tom nói – Vẫn quốc lộ 66, không thay đổi. Cho tới một chỗ gọi là

Bakersfield. Con thấy trên bản đồ có ghi thế. Xe cam–nhông cứ việc đi thẳng tới đó.

– Được rồi, nhưng lúc đã tới Califomia rồi phải đi sang những đường khác thì sao?

– Mẹ đừng lo, Tom nói để mẹ yên tâm. – Chúng con sẽ tìm thấy cả nhà. California chứ đâu phải là cả trái đất.

– Nhìn bản đồ, xem ra là một xứ rộng lớn lắm – Mẹ nói.

Bố kêu gọi một ý kiến:

– Chú John, chú có thấy gì không đồng ý không?

– Không, – John nói. – Ông Wilson, xe là xe của ông. Ông có điều gì không ưng nếu cháu nó đem đi sửa chữa và đánh xe tới sau?

– Tôi thấy không có gì là không ưng. Gia đình ta đã giúp chúng tôi bao nhiêu là việc. Không vì lý do gì mà tôi lại không giúp đỡ cháu nó.

– Nếu chúng tôi không đuổi kịp, thì ai nấy cứ làm việc đi để dành lại chút đỉnh – Tom nói – Giả dụ tất cả chúng ta ở lại đây. Ở đây không có nước, mà chiếc xe đây lại không nhúc nhích được. Nhưng giả dụ nhà ta và hai bác đi tất, rồi tìm được công ăn việc làm. Lúc đó sẽ có tiền, tậu được một căn nhà để ở, thế thì tốt quá đi chứ. Casy, ông thấy được không? Ông có ưng ở lại với tôi, giúp tôi một tay không?

– Tôi muốn làm cái gì hay nhất cho nhà ta, – Casy nói – Nhà ta đã cho tôi ăn ở, đã cho tôi đi cùng. Cậu mà muốn bất cứ gì, tôi sẽ làm.

– Thế này, nếu ông ở lại, – Tom nói – ông sẽ phải nằm ngửa ra chịu cho xăng nhớt rơi đầy mặt.

– Càng hay.

Bố nói:

– Thế vậy, nếu chỉ còn có cách đó thì chẳng thà lên đường ngay đi thôi. Ta có thể đi thêm trăm dặm trước khi dừng lại nghỉ.

Mẹ bỗng bước lên đứng ngay phía trước ông.

–Tôi, tôi không đi đâu hết.

– Bà không đi đâu hết! Nói thế là thế nào? Bà phải đi. Bà phải săn sóc trông coi gia đình.

Bố sửng sốt trước sự nổi loạn này. Mẹ lại gần chiếc xe du lịch và lục tìm một cái gì đó ở dưới ghế phía sau. Bà lôi ra một cái chuôi kích rồi thong thả đu đưa trong tay.

– Tôi không đi, – bà nói.

– Bà phải đi, bà nghe chưa? Đã quyết định thế rồi.

Bây giờ thì miệng bà bặm lại. Bà nói lầu bầu: “Muốn cho tôi đi, chỉ có cách là ông cứ đánh tôi xem – một lần nữa, bà lại nhẹ nhàng lúc lắc chuôi kích – Rồi ông sẽ phải xấu hổ với tôi, Bố nó ạ. Tôi không chịu để ông đánh đâu, tôi chẳng khóc lóc, chẳng lạy van gì hết. Tôi sẽ nhảy bổ vào ông. Và đã lấy gì làm chắc là ông có thể đánh nổi tôi. Mà cứ giả dụ ông làm được như vậy thì, thề có Chúa, tôi chờ lúc ông ngoảnh lưng lại, ông ngồi xuống, tôi sẽ tống cả cái xô vào ông. Thề có đức Jesus chí thánh, tôi sẽ làm thế”

Bố chưng hửng, nhìn đám người đứng xung quanh.

– Xấc xược đến thế là cùng, – Bố nói, – Tôi chưa hề thấy bà ta xấc xược đến thế.

Ruthie cười khúc khích. Trong tay bà Mẹ, chiếc kích

vẫn vung vẩy, hăm dọa.

– Làm thử coi, – Mẹ nói. – Ông đã quyết rồi mà. Lại đây đánh tôi xem nào. Thử xem. Nhưng đừng hòng tôi đi. Mà giả có đi ông đừng hòng ăn ngon ngủ yên với tôi. Tôi cứ đợi, cứ đợi hễ ông vừa nhắm mắt là tôi sẽ phang thanh củi vào đầu ông.

– Đồ bướng bỉnh, chả khác gì con ngựa cái mất nết, – Bố làu bàu – Mà bà ấy còn trẻ nhỏ gì cho cam.

Ai nấy đứng theo dõi cuộc khởi loạn. Họ theo dõi Bố, chờ đợi ông nổi cơn thịnh nộ. Họ theo dõi đôi bàn tay của ông, đợi chứng kiến ông nắm chặt quả đấm. Vậy mà cơn giận của Bố không dâng lên, đôi tay vẫn cứ đung đưa cạnh sườn. Và một lát sau, cả nhóm hiểu rằng Mẹ đã thắng thế. Mà Mẹ cũng biết thế.

Tom nói: – Mẹ à, Mẹ sao vậy? Tại sao Mẹ lại làm như vậy? Sao bỗng dưng Mẹ lại sinh chuyện? Bây giờ Mẹ lại chống lại cả nhà ư?

Khuôn mặt bà mẹ dịu lại, nhưng mắt nom vẫn còn dữ tợn, bà nói:

– Mày thu xếp như vậy mà chẳng chịu suy nghĩ cặn kẽ. Chúng ta còn lại gì trên đời này. Chả còn gì, trừ chúng ta với nhau. Chỉ trừ gia đình chúng ta với nhau. Vừa cất chân ra đi, ông Nội đã phải nằm dưới ba tấc đất. Thế mà giờ đây mày còn muốn gia đình nhà ta ly tán sao?

Tom kêu lên:

– Nhưng bọn con sẽ đuổi kịp kia mà, Mẹ? Không lâu gì đâu.

Bà vung vẩy cái kích:

– Thế cứ giả dụ rằng các người đi qua chỗ nhà cắm

trại – mà không trông thấy. Cứ giả dụ các người đến trước, thì biết đâu mà nhắn gửi cho các người một chữ, các người biết đâu mà lần? Con đường chúng ta đi gian nan vất vả. Bà Nội đang ốm. Bà ở trên kia kìa, trên xe tải kia, cũng sắp sẵn khăn gói ra đi rồi. Bà kiệt sức rồi. Con đường phía trước chúng ta còn gian truân đầy cay đắng…

Chú John nói:

– Nhưng làm thế, chúng ta có thể kiếm được ít tiền. Có thể dành dụm tí chút chờ họ đến.

Tất cả mọi người lại dồn con mắt vào bà. Bà là quyền uy. Bà nắm lấy quyền điều khiển. Bà nói:

– Kiếm được đồng tiền thì được tích sự gì? Gia đình đoàn tụ, chúng ta chỉ còn lại có thế. Khác gì đàn bò vẫn ở với nhau lúc bầy sói lảng vảng xung quanh. Khi cả nhà chúng ta ai cũng ở đây, mọi người còn sống, thì tôi chẳng sợ chi hết, nhưng tôi không muốn thấy cảnh chia ly. Ông bà Wilson ở với chúng ta, ông mục sư cũng ở với chúng ta. Họ có ra đi thì tôi chẳng có quyền giữ, nhưng nếu người nhà tôi mà muốn đi để chia lìa nhau thì sẽ thấy thôi, tôi sẽ như một con mèo rừng với cái đồ này trong tay.

Bà nói giọng lạnh lùng, dứt khoát.

Tom lên tiếng để làm nguội lại.

– Mẹ ạ, không thể cắm trại tất tật ở đây được. Nước không có. Ngay cả bóng râm cũng không. Bà Nội cần bóng mát.

– Đúng quá – Mẹ nói – Chúng ta sẽ đi. Chúng ta sẽ dừng lại ngay chỗ nào có nước và bóng râm. Rồi…cam–nhông sẽ lộn lại đón mày và đưa mày tới thành phố để tìm đồ thay thế và lại đưa mày trở về. Mẹ không muốn

mày đi dưới trời nắng chang chang như thế này, và mẹ cũng không muốn mày có một mình vì ngộ nhỡ mày bị bắt thì có ai trong gia đình để cứu giúp?

Tom mím chặt môi rồi tặc lưỡi, ngao ngán, anh xòe tay rồi buông thõng xuống. Anh nói:

– Này Bố, nếu Bố đánh mẹ phía này, còn con thì đánh mẹ phía kia, rồi nếu cả nhà đè chồng chất lên mẹ, rồi từ trên cao bà Nội cũng nhảy xuống đè lên cả đống thì dễ chừng có thể trị được mẹ đấy. Nhưng ít ra cũng phải có hai hay ba người bị giết vì cái thanh sắt kia. Nhưng nếu Bố không thích bị bươu đầu thì con có ý kiến, ta chịu thua trắng đi. Trời, một người đã quyết thì có thể đánh bại một đống người khác. Thôi Mẹ, Bố chịu thua rồi, Mẹ hãy bỏ chiếc thanh sắt này đi kẻo lại có người bị thương.

Mẹ nhìn thanh sắt với vẻ ngạc nhiên. Tay bà run run. Bà để rơi vũ khí xuống đất và Tom, với điệu bộ thận trọng quá đáng, nhặt nó lên bỏ lại vào trong xe. Anh nói:

– Bố ạ, thế là Bố phải chịu thua rồi. Al, mày hãy chở cả nhà đi tới đâu đó thì cắm trại, rồi mày đánh xe cam–nhông lại đây. Ông mục sư với tao sẽ tháo cacte ra. Sau đó, nếu còn thời gian cả hai chúng tao sẽ phóng tới Santa Rosa và cố xoay cho dược một biên. Dễ chừng có thể kiếm được, vì mới là chiều thứ bảy. Thôi, giờ thì lẹ lên để chúng ta còn có thể đi. Khoan, đợi tao lấy lắc–lê và chiếc kìm còn để ở trong.

Anh vươn cánh tay thò xuống phía dưới mui xe sờ sờ chiếc cacte giây đầy mỡ.

– Ờ phải rồi, đưa tao một cái bi–đông, hay cái xô cũ kia cũng được, để tao hứng lấy dầu. Không thể chảy

phí.

Al trao cho anh chiếc xô, Tom đặt nó dưới chiếc xe du lịch và lấy kìm tháo nắm hộp dầu. Khi anh lấy ngón tay vặn nắp, dầu nhờn đen chảy theo cánh tay, rồi giòng nước đen lặng lẽ chảy vào xô. Xô vừa đầy được một nửa thì Al đã thu xếp xong xuôi cho mọi người ngồi trên cam nhông.

Mặt mũi dính đầy dầu mỡ, Tom nhìn qua bánh xe.

– Về mau nhé, – Anh nói.

Và anh tháo êcu ở chiếc cacte trong lúc chiếc cam–nhông từ từ vượt qua rãnh lên đường cái và ì ạch đi. Tom vặn mỗi êcu một vòng, và lần lượt nới hết ra như vậy để giữ gìn các miếng đệm. Mục sư quỳ gần các bánh xe.

– Tôi có thể làm gì được?

– Lúc này thì chưa. Khi nào dầu ra hết và nới lỏng tháo xong các êcu, ông có thể giúp tôi tháo cacte.

Anh bò sâu hơn vào gầm xe, lấy lắc lê nới lỏng các êcu rồi lấy ngón tay vặn lỏng ra nhưng vẫn để êcu mắc vào ở mỗi đầu đinh ốc để cacte khỏi rơi.

– Đất dưới xe còn nóng, Tom nói – Này ông Casy, mấy ngày nay sao ông im lặng gớm thế. Lạy Chúa, tôi còn nhớ, cái lần đầu tiên tôi gặp ông, lúc đó cứ nửa giờ một hay gần gần thế ông đều thuyết một bài. Thế mà đã hai ngày rồi, ông nói chưa quá mười tiếng. Có chuyện gì vậy? Nguội[33] rồi sao?

Casy đã nằm bẹp xuống và nhìn dưới gầm xe, cái cằm lởm chởm mấy sợi râu lưa thưa tì trên mu bàn tay. Ông đã kéo chiếc mũ ra sau để che.

– Lúc còn làm mục sư tôi đã nói chán rồi nên bây giờ

thì có thể nhịn nói đến hết đời.

– Phải, nhưng hồi đó ông nói những điều có ý vị lắm.

– Chính thế mới đáng lo, – Casy nói – Hồi đó tôi đâu có biết, lúc chạy lăng xăng thuyết giáo hết đông sang tây thì chính tôi lại đuổi gái tệ hơn con mèo hoang. Nếu tôi không thuyết giáo nữa, dễ chừng tôi phải lấy vợ. Tom à, cậu biết tại sao chứ? Da thịt người ta nó cứ dâm dật, nóng hừng hực.

– Tôi cũng vậy. Này nhé, cái hôm tôi được ra khỏi Mac Alester ấy mà, người tôi như bốc lửa[34]. Tôi háo hức lao theo một con gà mái tơ – thật ra thì một con điếm – như đuổi một con thỏ. Tôi sẽ không nói ông rõ rồi sau đấy thế nào. Cũng không thể nói cho ai biết được.

Casy bật cười:

– Tôi biết kết cục thế nào rồi. Có một hôm tôi đi vào sa mạc để ăn chay, lúc trở về thì cũng xảy ra cái chuyện chết tiệt như vậy.

– Chết tiệt thật đấy![35]– Tom nói. – Dù sao tôi cũng hà tiện được một món tiền, mà con mèo đó chả có gì phải phàn nàn. Nó tưởng tôi điên. Lẽ ra tôi phải trả tiền, nhưng tôi chi có năm đôla. Nó nói nó chả muốn lấy tiền của tôi. Mà này, ông chui xuống gầm xe đi, bám vào đâu đó chỗ cacte. Ta sẽ tháo dần dần, ông tháo êcu này, tôi tháo chiếc ở đầu kia, rồi nó sẽ rời ra dễ thôi. Chú ý đến cái doăng. Ông xem, tháo liền cả một khối. Những loại Dodge cũ này chỉ có bốn xi–lanh. Có lần tôi đã tháo một chiếc. Giờ thì..cho nó rơi…đỡ cẩn thận. Nắm lấy phần trên. Kéo về cái doăng này…chỗ còn dính ấy…nhẹ tay… xong”.

Chiếc cacte nhờn mỡ nằm dưới đất giữa hai người,

và một ít dầu còn lại ở dưới đáy. Tom sục tay vào một cái nồi điếu ở phía trước và kéo ra những mảng kim khí trắng.

– Nó đây rồi, – anh nói.

Anh lăn trở mảnh kim khí trong tay:

– Cái trục đã tháo rồi. Ông ra sau lấy chiếc tay quay, rồi cứ quay tới lúc tôi bảo ngừng.

Casy đứng lên, lấy maniven, lắp vào và hỏi:

– Sẵn sàng chưa?

– Quay đi..cẩn thận, nhè nhẹ tay…mạnh hơn một tí, mạnh nữa lên…Tuyệt.

Casy quỳ xuống và lại nhìn dưới gầm xe. Tom đập đập cái biên vào trục.

– Đây rồi.

– Theo cậu thì hư là do cái gì vậy? – Casy hỏi.

– Ấy lạy Chúa, tôi không biết. Chiếc xe cà tàng này đã chạy ba mươi năm. Đồng hồ chỉ sáu mươi ngàn dặm. Có nghĩa là trăm sáu mươi ngàn dặm, vì có Trời biết người ta quay lại số đồng hồ bao nhiêu lần. Máy nóng…ai đó đã để dầu xuống quá thấp nên cháy cacte. Anh tháo những chốt sắt và tra lắc–lê vào êcu của cuxinê. Anh vặn mạnh, lắc lê trượt, một vệt cắt hiện ra ở mu bàn tay. Tom liếc mắt nhìn…máu đều đều chảy ra gặp nhớt và nhỏ giọt vào cacte.

– Tệ quá, – Casy nói – Hay cậu để tôi thay thế, cậu băng lại tay cái đã, được không?

– Cần gì? Chưa bao giờ tôi sửa chữa xe mà không bị đứt tay. Đứt thì đã đứt rồi, tôi chả phải lo nữa – Anh lại tra lắc–lê, – Giá có được một lắc–lê cong thì hay.

Nói rồi anh lấy gan bàn tay đập đập vào lắc–lê để cho các êcu long dần. Anh tháo ra, bỏ vào cacte cùng các chốt sắt. Anh tháo êcu của cuxinê và lôi pittông ra, đặt cả pittông, cả biên vào cacte. Anh nói:

– Xong rồi, lạy Chúa.

Anh vặn vẹo bò ra khỏi gầm xe, mang theo cacte. Anh lấy một mảnh bao tải chùi tay và xem xét vệt cứa.

– Đồ khỉ gió, máu chảy vô thiên lủng. Nhưng thôi, có thể cầm máu được.

Anh đái xuống đất, ngào lấy một nắm bùn rồi đắp lên vết thương, máu còn chảy trong chốc lát rồi ngừng. Anh nói:

– Cầm máu thì nhất trần đời là nó.

– Mạng nhện cũng tốt, – Casy nói, – Một nhúm thôi.

– Tôi biết, nhưng tìm đâu ra mạng nhện, còn nước đái thì bao giờ chả có.

Tom ngồi bậc lên xuống và xem xét cái cuxinê bị cháy.

– Giờ nếu có tìm được một Dodge 25 với một cái biên cũ và mấy cái chèn thì ổn, có lẽ sửa chữa được. Thằng Al chắc đi xa lắm rồi.

Bóng tấm biển quảng cáo bây giờ đã dài sáu mươi bộ. Bóng chiều đang ngã dài. Ngồi trên bậc lên xuống, Casy nhìn về phía Tây.

– Chẳng mấy chốc chúng ta sẽ vào vùng núi – Ông nói và, sau một lúc im lặng – Tom ạ!

– Gì thế?

– Tom ạ, tôi đã quan sát các xe hơi chạy trên đường cái, những cái bị chúng ta vượt và những cái vượt

chúng ta. Tôi theo dõi kỹ.

– Theo dõi cái gì?

– Tom ạ, có hàng trăm, hàng trăm gia đình như chúng ta đang đi về miền Tây, tao đã quan sát. Không có chiếc nào đi về Đông. Hàng trăm, hàng trăm, cậu có để ý không?

– Có, tôi có để ý.

– Thế này…đúng…đúng như người ta chạy trốn giặc, như cả xứ đang di chuyển.

– Đúng. Cả nước đang di chuyển. Chúng ta cũng đang di chuyển.

– Vậy thì..giả dụ rằng tất cả bọn người đó, tất cả bàn dân thiên hạ…giả dụ người ta không tìm được việc làm ở kia, thì sao?

– Trời ơi là trời! Làm thế nào mà tôi biết được? Tôi chỉ biết đặt chân này trước chân kia. Trong bốn năm trời ở Mac tôi chỉ làm thế, ở xà lim ra, trở vào xà lim, vào nhà ăn, ra khỏi nhà ăn. Lạy Chúa, tôi đã nghĩ khi được tha thì không phải như thế này nữa. Ở đó, tôi chả suy nghĩ đến gì hết, nếu không thì đâm ra lẩn thẩn, còn bây giờ tôi cũng không thể suy nghĩ đến gì hết, – Anh quay về phía Casy, – Kia, một cái biên cháy. Ta đâu có biết là nó sẽ như thế này, cho nên ta cứ ung dung, chả lo mảy may. Bây giờ nó đã hỏng, thì chúng ta chữa lại. Thế đấy, lạy Chúa, mọi chuyện đều như thế cả. Chả tội gì mà lo phiền, ông thấy miếng kim khí trắng kia chứ? Thấy rõ chứ? Thì đấy nó là vật duy nhất trên đời mà đầu óc tôi đang nghĩ tới. Tôi tự hỏi, không biết thằng Al nó đang ở đâu.

Casy nói:

– Đúng, nhưng nghe tôi đây, Tom…ờ mà để làm quái gì nhỉ? Cái đó khó nói bỏ đời!

Tom cạy miếng bùn đắp ở tay vứt xuống đất. Mép vết thương còn dính bùn. Nhìn ông mục sư, anh nói:

– Ông đang định diễn thuyết, vậy thì xin tự nhiên cho. Tôi thích nghe diễn thuyết. Thỉnh thoảng dạo trước, lão giám ngục cũng diễn thuyết cho bọn tôi nghe. Cái đó chả hại gì cho ai nhưng nhờ đó mà ông ta lại ra vẻ quan trọng. Ông định thuyết gì vậy?

Casy gãi phía lưng các ngón tay sần sùi.

– Có những sự việc đang diễn ra và có những con người làm nên những sự việc. Những người đặt bàn chân này lên trước bàn chân kia, họ không nghĩ họ đi tới đâu, như cậu nói ấy mà…nhưng cái đó không ngăn trở họ đặt chân về cùng một hướng. Và nếu cậu lắng tai, cậu sẽ nghe như có cái gì đó đang cựa quậy, như cái gì đó đang bò, như tiếng sột soạt và cả…một sự lo lắng nữa. Có những sự việc diễn ra mà thậm chí những kẻ đang làm cũng không biết đến…chưa biết đến. Chắc có điều gì sẽ xảy ra, khi tất cả mọi người kia đi về phía Tây…xa nhà cửa bị bỏ hoang phế. Sắp xảy ra cái gì đó sẽ làm thay đổi cả xứ này.

Tom nói:

– Tôi, tôi vẫn cứ tiếp tục đặt chân nọ trước bàn chân kia.

– Đúng thế, nhưng khi gặp một hàng rào chắn ngang trước mặt mày nhất định phải vượt qua nó.

– Tôi sẽ vượt qua rào chắn khi có rào chắn phải vượt qua.

Casy thở dài:

– Tốt nhất là nên làm như vậy. Tôi phải chấp nhận thôi. Nhưng rào chắn ngang thì có năm bảy loại. Có những người như tôi đây, họ vượt qua đầu bờ rào ngay khi bờ rào chưa hiện ra, không thể nào dừng được.

– Có phải Al đến kia không? Tom hỏi.

– Hình như thế.

Tom đứng lên, lấy mảnh vải bọc cái tay đòn và hai mảnh biên.

– Tôi muốn chắc chắn mua được cái giống như hệt, – anh nói.

Chiếc cam–nhông đậu bên lề đường và Al cúi mình qua cửa xe.

Tom nói:

– Mày đi lâu khiếp. Cách đây bao xa?

Al thở dài:

– Anh đã tháo biên ra chưa?

– Rồi, – Tom nói – Kim khí gãy ra từng mảng.

– Dẫu sao cũng không phải lỗi tại em – Al nói.

– Đâu phải. Mày để gia đình ở đâu?

– Đến là loạn cả lên. Bà Nội đã bắt đầu gào um lên, rồi đến Rosasharn cũng gào. Chị ấy rúc đầu vào nệm để gào cho khỏe. Còn bà Nội sau đó chỉ rống lên như chó sủa trăng. Theo ý em thì Nội đã lẫn mất rồi. In như đứa sơ sinh. Bà không nói với ai và hình như cũng không nhận ra ai. Bà nói như nói chuyện với ông Nội.

– Mày để cả nhà ở đâu? – Tom gặng hỏi.

– Thế này, đến một cái trại có bóng mát có nước, muốn ở lại, mỗi ngày phải trả nửa đôla. Nhưng ai cũng

mệt mỏi, kiệt quệ, mà khốn khổ quá nên đành phải chịu. Mẹ nói phải thế vì bà Nội đã mệt lả kiệt sức. Ta đã dựng lều nhà Wilson lên, còn chúng ta cũng lấy bạt để làm lều. Em ngờ là bà Nội quẫn rồi.

Tom nhìn về phía mặt trời lặn.

– Ông Casy ạ, phải có người ở lại với chiếc xe này không thì có gì trong đó, chúng lấy trộm hết. Ông thấy có được không?

– Hẳn rồi. Tôi sẽ ở lại.

Al lấy trên ghế xe một cái túi giấy.

– Tôi đem bánh và thịt đến đây. Mẹ làm đấy. Hơn nữa, có cả một bình nước.

– Bà Mẹ không quên bất cứ ai, – Casy nói.

Tom lên cạnh Al, nói với Casy:

– Nghe này. Chừng nào xong là chúng tôi về ngay. Nhưng cũng không biết phải mất bao lâu.

– Tôi đợi mà.

– Tốt. Ông đừng có diễn thuyết cho mình ông nghe đấy nhé. Nào Al, tiến lên.

Chiếc xe cam–nhông bắt đầu lên đường trong buổi chiều tà.

– Lão ta thật tốt bụng – Tom nói, – Lúc nào cũng nghiền ngẫm đủ mọi chuyện.

– Thì lạ quái gì…Em nghĩ anh mà là mục sư thì anh cũng làm như thế thôi. Phải trả năm mươi xu chỉ để được cắm trại dưới bóng mát, Bố như phát điên. Ông già không thể nào chịu đựng được. Ông chửi thề um lên. Ông nói chắc chắn sắp tới ông sẽ bán không khí đựng trong bi đông. Nhưng Mẹ bảo là cần phải có bóng

mát và nước cho bà Nội.

Chiếc xe cam–nhông chạy rầm rầm trên đường cái giờ đây không phải chở nặng nữa, nó càng đung đưa lúc lắc sành sạch. Các tấm khung giường, các nồi niêu xoong chảo kêu lạch cạch. Al cho xe chạy sáu mươi cây số, máy nổ rầm rầm nặng nề, làn khói xanh nhạt của dầu bị đốt lọt qua các kẽ sàn xe.

– Đừng cho chạy nhanh quá, – Tom nói. – Kẻo không lại cháy tất, đến cả cái nắp trục bánh xe. Bà Nội làm sao?

– Em chả biết. Anh cũng nhớ là hai ngày nay bà cứ như trên trời rơi xuống thế nào ấy, bà chẳng nói với bất cứ ai. Ấy thế mà bây giờ bà lại gào la và nói chuyện, em nói không sai đâu, có điều bà nói chuyện với ông Nội. Bà rầy la ông khiến người ta phát sợ lên. In như Ông đang ngồi đấy, cười nhạo vào mặt bà như xưa ông từng làm, anh biết đấy, hồi đó ông vừa mân mê khắp người vừa cười ngạo. In như bà đang thấy ông ngồi trước mặt. Thế là bà rầy la ông. Mà này, Bố gửi em hai mươi đôla cho anh đây. Bố không biết anh cần bao nhiêu. Có bao giờ anh thấy Mẹ vặc lại như hôm nay không?

– Tao không nhớ có lần nào như thế. Chắc chắn tao đã chọn đúng lúc để được ra tù. Lúc đó tao hình dung sẽ sống cuộc đời êm ả, ngủ dậy muộn, về nhà thì được cho ăn no chén đẫy. Tao có ý định sẽ đi khiêu vũ, cưa gái…ấy thế mà tao chẳng có thì giờ để làm như vậy.

Al nói:

– Mà quên. Mẹ dặn em nói với anh đủ thứ chuyện. Mẹ dặn nói với anh đừng uống rượu, đừng cãi nhau hay đánh nhau với bất cứ ai. Vì mẹ nói mẹ sợ người ta

lại bắt anh, giải anh về Mac Alester.

– Mẹ đã có bao nhiêu chuyện để lo rồi, tao không làm cho mẹ phải lo thêm nữa.

– Nhưng ta có thể làm một vại bia, phải không? Em thèm uống bia quá.

– Tao không biết, – Tom nói – Bố mà biết chúng mình đem tiền sài bia thì Bố mắng cho thấy tổ.

– Anh Tom này. Em có sáu đôla. Ta có thể xài hai ba lít và cười đùa một mẻ cho hả. Chẳng ai biết em có sáu đôla. Lạy Chúa, anh em mình có thể cười đùa một quắn ra trò.

– Mày giữ lấy tiền. Lúc nào tới California ta lấy tiền đó nô giỡn một tí. Có lẽ là khi ta có công ăn việc làm…– Anh xoay người trên ghế – tao không tin rằng mày là đứa sa đà. Ngược lại, tao cho là mày ngăn người ta không được thế!

– Ôi mẹ kiếp, ở đây em chẳng quen ai. Nếu em cứ còn phải lang bạt kỳ hồ thế này, chắc em phải quyết định lấy vợ mất. Khi nào tới được California, em sẽ ăn chơi cho thỏa thích.

– Hy vọng thế.

– Người ta nói, anh không tin tưởng gì cả?

– Đúng, tao chả tin gì sất.

– Khi anh giết cái gã kia…anh có…sau này….anh có nghĩ tới chuyện đó không? Anh có lo lắng không?

– Không.

– Sao, anh không bao giờ nghĩ tới?

– Ờ có chứ. Tao lấy làm khó chịu vì đã giết nó.

– Anh không ăn năn à?

– Không. Tao đã chịu hạn tù, hạn tù của tao.

– Có, có…tệ mạt lắm không, ở đấy ấy mà?

Tom nói một cách nóng nảy:

– Nghe đây, Al. Tao đã chịu hạn tù. Nay thế là xong. Tao không thể mãi mãi nghĩ tới nghĩ lui chuyện đó. Kìa, có con sông trước mặt, và thành phố. Ta cố kiếm cho được một cái biên, còn mọi chuyện khác, vất mẹ nó đi.

– Mẹ quý anh ghê lắm, – Al nói – Khi anh đi khỏi, mẹ buồn phiền lắm. Chỉ âm thầm chịu đựng một mình. Hình như mẹ khóc thầm. Nhưng cả nhà vẫn biết mẹ đang nghĩ gì.

Tom kéo sụp chiếc cát két xuống tận mắt.

– Nghe tao, Al. Giá ta nói chuyện khác thì hơn. Tao biết…tao biết… Nhưng tao không thích nghe. Tao chỉ thích đơn giản, đặt chân nọ trước chân kia.

Al im lặng, có vẻ bị xúc phạm.

Một lát sau, hắn nói:

– Là nói để anh biết thế thôi…

Tom nhìn em còn Al thì bướng bỉnh cứ dán mắt ra phía trước. Chiếc xe chở nhẹ chạy lắc lư ầm ầm.

Tom nhếch môi cười khẽ.

– Tao biết, Al ạ. Có lẽ cái nhà pha đã khiến tao hơi tàng tàng. Có lẽ một ngày nào đó, tao kể mày nghe. Tao biết lắm, mày ngứa ngáy muốn biết. Kể cũng hay, là xét theo một mặt nào đó. Nhưng tao có ý nghĩ kể cũng ngộ, buồn cười, là tốt nhất nên quên nó đi một thời gian. Sau này có thể không như thế nữa. Vào lúc này hễ tao bắt đầu nghĩ đến đó là tao thấy như lộn ruột, cảm thấy buồn nôn. Al ạ, mày nghe đây, tao nói mày nghe cái

này: nhà lao cũng đại loại như một phương tiện khiến cho một thằng người bị hâm dần dần. Mày hiểu chứ? Và cái thằng người đó trở nên hâm thật, người ta trông thấy họ, người ta nghe họ nói chẳng mấy chốc, người ta cũng chẳng biết mình có hâm hâm hay không. Ban đầu khi nghe họ gào la, người ta tự hỏi có phải chính mình đang gào la hay không…mà đôi khi lại đúng thế thật.

Al nói:

– Ồ em sẽ không nói đến nữa, Tom ạ.

– Ba mươi ngày thì được. Trăm tám mươi ngày cũng được đi, nhưng quá một năm thì tao chẳng biết thế nào. Trong chuyện này có cái gì như không giống bất cứ gì với thế giới loài người. Cái gì gàn bát sách, gàn bát sách với nghĩa đem con người ta mà giam giữ. Ờ thôi, tao cóc cần. Tao không muốn nói đến tất cả chuyện đó nữa. Mày hãy nhìn mặt trời đang lấp lánh trên cửa sổ kia.

Chiếc cam–nhông đến nơi có nhiều trạm xăng và kia, ở mé tay phải, có một nghĩa địa xe hơi… một bãi đất rộng nửa mẫu có dây thép gai bao quanh, phía trước có một nhà kho mái lợp tôn lượn sóng cùng những chiếc lốp cũ xếp thành từng chồng cạnh cửa, có đề giá tiền. Sau nhà kho có một cái lều dựng bằng các mảnh vụn, ván vụn, sắt vụn. Các kính chắn gió cửa xe hơi gắn vào các vách, thay cho cửa sổ. Trên bãi cỏ um tùm ngổn ngang những xe hơi bị thải bỏ – những ô tô với máy phát điện cong veo, thủng, những chiếc ô tô hư hỏng nằm vật nghiêng với những trục không có bánh. Máy han rỉ nằm trơ dưới đất và tựa vào lều là một đống sắt vụn, những cái chắn xe, thành xe, bánh xe, trục xe, bao trùm lên tất thảy là một bầu không khí mủn nát, ẩm mốc, han rỉ; sắt cong queo, máy động cơ cháy dở, một

đống xác xe hư.

Al lái xe cam nhông vào trong đám sân loang lổ dầu mỡ, tận tới trước lán. Tom xuống xe, nhìn qua khe cửa tối lờ mờ.

– Chả thấy ai cả. – Anh nói, rồi gọi to, – Có ai đấy không? Lạy Chúa, tao mong họ có một Dodge.

Có tiếng cánh cửa đánh sầm phía sau lán. Một bóng ma người, một con người hiện ra nơi tranh tối tranh sáng. Da mặt mỏng, bẩn thỉu, nhớt dầu bám chặt trên những cơ đầy gân, y hỏng một con mắt. Y chớp mắt và khi con mắt sáng cử động thì các cơ rung rung khiến hốc mắt kia cũng rung. Quần và áo sơ mi dày cộm và bóng loáng dầu mỡ. Đôi bàn tay nứt nẻ lằn ngang dọc những vết đứt. Môi dưới trề xuống nặng nề, cáu kỉnh.

Tom hỏi:

– Ông là chủ ở đây ư?

Con mắt độc nhãn long lên.

– Tôi làm việc cho ông chủ, – y nói giọng sưng sỉa – Các anh muốn gì?

– Anh có Dodge 25 không? Chúng tôi đang cần một biên.

– Tôi không biết. Giá có lão chủ ở đây, lão có thể bảo cho các anh biết…nhưng lão không có ở đây. Lão về nhà rồi.

– Chúng tôi có thể tự tìm lấy được không?

Người ấy lấy tay xì mũi và chùi vào ống quần.

– Các anh là người miền này ư?

– Chúng tôi từ miền Đông tới và đi về miền Tây.

– Thôi thì tìm đi. Nếu các anh thích thì cứ đốt mẹ cái

nơi này đi, tôi cóc cần.

– Xem ra thì anh không mến ông chủ anh lắm phải không?

Người đàn ông lê chân lại gần, con mắt lành sáng rực, y nói:

– Tôi ghét lão, – Y nói khẽ – tôi ghét cái thằng con nhà điếm ấy, lão đã về rồi. Về nhà lão – tiếng y thốt ra, nặng nề – Lão có một cách gây chuyện, gây sự với mọi người ta, cắn xé người ta. Ôi, cái lão con nhà khốn nạn. Lão có một đứa con gái mười chín tuổi, xinh. Lão nói với tôi: “Mày không thích lấy nó sao?” Lão nói thẳng vào mặt tôi. Còn chiều nay, lão nói :“Có khiêu vũ đấy, mày có thích dự không?”. Với tôi đây, phải, với tôi đây mà lão dám nói thế, – Nước mắt y ứa ra và chảy quanh cái hốc mắt đỏ hỏn. – Có ngày, lạy Chúa…có ngày rồi tôi sẽ giấu một cái lắc–lê trong túi. Khi lão nói với tôi những chuyện như thế, lão bao giờ cũng nhìn vào mắt tôi. Rồi tôi, tôi sẽ dùng lắc lê, tôi giật cái đầu lão cho lìa ra khỏi cổ, giật từng miếng, từng miếng một.– Y thở hổn hển vì giận dữ. – Từng miếng rồi lại từng miếng một, kỳ cho nó lìa khỏi cổ.

Mặt trời lặn sau dãy núi. Al nhìn những chiếc xe hơi bỏ đi.

– Kia kìa, anh Tom, nhìn kia kìa. Cái kia nom giống một cái 25 hay 26.

Tom quay về phía người chột.

– Chúng tôi xem chút thì có gì phiền không?

– Ồ không, lạy Chúa, các anh thích cái chết tiệt gì thì cứ lấy.

Đi qua đống xe hơi cũ, họ tiến về một chiếc xe hòm

han rỉ nằm chết trên bốn bánh bẹp dí.

– Đúng là một cái 25, – Al kêu lên. Có thể tháo cacte ra không?

Tom quì xuống nhìn dưới gầm xe, rồi bảo em:

– Bị tháo rồi. Một biên bị lấy mất rồi. Còn một chiếc xem ra cũng đi đứt, – Anh luồn xuống gầm, – mày đi lấy cái kích và quay lên, Al ạ, – Anh đạp cái biên vào khoang, – Hình như nó chỉ bị cáu ghét.

Al quay kích thong thả.

– Quay đi, nhè nhẹ với.

Anh nhặt một miếng gỗ dưới đất và cạo cạo lớp mỡ bám ngoài cuxinê và các êcu của cuxinê.

– Có lỏng nhiều không?

– Ít thôi nhưng không tồi lắm đâu.

– Có mòn lắm không?

– Có thể xiết lại dược. Còn đủ tất cả êcu.

– Ừ…xuôi đấy. Quay đi, nhẹ tay thôi. Hạ dần dần… thế! Lại chiếc cam nhông của ta, tìm lấy các đồ nghề.

Người chột nói:

– Tôi sẽ kiếm cho các anh một hộp đồ nghề.

Nói rồi, y bước đi lệch xệch giữa đám xe hơi rỉ. Một lát, y trở lại với một hộp sắt tây đựng các đồ nghề. Tom moi ra một chiếc lê tròn và trao cho Al.

– Tháo ra. Đừng để mất nêm, đừng đánh rơi êcu, chú ý các chốt sắt. Gấp lên. Sắp tối rồi.

Ai bò xuống gầm xe.

– Phải có riêng một cái lê tròn. Lắc–lê thường chả làm ăn gì được đâu.

– Cầm hộ một tay thì gọi to lên, – Tom nói.

Anh chột đứng cạnh họ như anh vô công rồi nghề. Y bèn nói:

– Các cậu muốn tớ giúp một tay không? Các cậu có biết cái lão con nhà điếm đó hắn làm gì không? Hắn diện quần trắng, dẫn xác đến bảo tớ thế này: “Nào xuống du thuyền của tao, ta làm một vòng, đi”. Mẹ kiếp, có ngày rồi tớ sẽ tống cho nó một quả! – Y thở hổn hển – Từ dạo tớ hỏng một con mắt, tớ chưa bao giờ được gần đàn bà. ấy thế mà lão tới nói với tớ những chuyện như vậy đấy.

Những giọt nước mắt chảy xuống thành rãnh trong ghét bẩn bao quanh cái mũi của y.

Tom sốt ruột, nói:

– Thế sao cậu không cuốn xéo đi? Ở đây làm đếch gì có lính gác mà sợ chúng giữ lại?

– Ồ, nói thì dễ thôi. Tìm được công ăn việc làm đâu có dễ…nhất là đối với một thằng chột.

Tom quay về phía y:

– Bây giờ thì nghe đây, anh bạn. Sao lại để cái con mắt trợn trạo thế kia! Cậu bẩn thỉu hôi hám bỏ mẹ. Cậu muốn sao đã được vậy, chả trách ai được. Cậu thích thế mà. Có trách là trách lấy cậu ấy. Dĩ nhiên con mắt có lồ lộ vậy, cậu làm sao có đàn bà được. Hãy đắp cái gì lên đó, rửa mặt rửa mũi đi. Sẽ không cần phải đánh ai bằng lắc lê cả.

– Thì như tớ đã nói mà, đời một thằng chột thật gay, – Y nói.– Hắn không thể nhìn sự vật như những kẻ khác. Hắn không thể nhìn mà biết được vật này vật nọ cách xa bao nhiêu. Cái gì cũng cứ như lẹp bép.

Tom nói:

– Cậu ngốc khổ ngốc sở. Này, tớ có biết một con điếm cụt chân. Dễ chừng cậu tưởng nó lén lút vội vàng câu khách với băm lăm xu sao? Không hề! Lạy Chúa, nó bắt trả nửa đôla phụ thu. Nó nói thế này: "Ông đã dược ngủ với đàn bà cụt một chân mấy lần rồi? Chưa hề, phải không? O.K, thế thì em đem đến cho ông một cái gì đặc biệt, nên phải chi thêm nửa đôla". Mà mẹ kiếp, người ta phải trả đúng như thế, và lắm thằng còn cho là gặp may. Nó nói là thần tài thần lộc. Và tớ biết một thằng gù…hồi tớ ở đâu đó ấy. Hắn kiếm ăn bằng cách để cho người ta gãi gãi xoa xoa vào cái bướu của hắn để cầu phúc. Còn cậu, lạy Chúa, cậu chỉ thiếu có một mắt.

Gã kia nói lúng búng:

– Thấy người ta xa lánh mình, mình cũng tủi thân.

– Hãy dán vào đấy một miếng băng, mẹ kiếp! Đằng này, cậu cứ phơi ra trước thiên hạ như con bò cái khoe cái lỗ đít của nó. Rồi cứ thế mà đành ca với thán. Cậu có xấu xí gì cho cam. Sắm lấy một chiếc quần trắng. Tớ cuộc đấy, cậu cứ nốc cho say vào rồi cứ nằm trên giường mà khóc lóc chứ gì? Có cần đỡ một tay không, Al?

– Không cần. Em tháo lỏng cuxinê. Em chỉ thử hạ pittông xuống chút ít thôi.

– Đừng có đánh vào tay đấy.

Người chột nói khe khẽ:

– Cậu có chắc…có đứa con gái nào thích mình không?

– Ồ, hẳn chứ ly. Cứ nói phứt đi là từ khi cậu mất

một mắt thì cậu thêm cường dương ghê.

– Các cậu đi đâu thế?

– California. Gia đình đi tất. Tới đó tìm công ăn việc làm.

– Này, cậu có nghĩ là một thằng như tớ có thể kiếm được công ăn việc làm không? Nếu mắt dán băng đen?

– Sao lại không? Cậu chẳng què cụt gì.

– Vậy thì,...các cậu có thể đưa tớ đi cùng không?

– Ôi! Không. Chúng tớ nhét vào nhau như cá hộp đến nỗi không cựa quậy được. Cậu hãy xoay xở cách khác. Chắp vá lại một chiếc xe cũ rồi cứ một mình mà phới thôi.

– Lạy Chúa, có lẽ tớ sẽ làm thế.

Nghe có tiếng kim khí lách cách.

– Xong rồi, – Al nói.

– Tốt, vậy đưa tao xem thử. Đem nó ra đây.

Al đến trao cho anh cái biên, pittông và nửa dưới chiếc cuxinê. Tom lau bề mặt biên và nhìn dọc một bên.

– Xem ra O.K đấy, – anh nói – Lạy Chúa, giá như có đèn thì đêm nay có thể lắp xong.

– Anh Tom này, Al nói – Em vừa nghĩ điều này. Chúng mình chả có dây để giữ các secmăng. Như thế khó mà giữ cho các secmăng ở nguyên chỗ nhất là phía dưới.

– Có thằng cha nó nói với tao hãy lấy đồng nhỏ quấn ngoài secmăng.

– Đúng, nhưng sau đó làm sao gỡ dây ra được?

– Không phải gỡ. Nó chảy ra mà chẳng hư hại gì.

– Có dây đồng thì có lẽ tốt hơn. – Đồng không khỏe, –Tom nói, rồi ngoảnh sang phía người chột. – Cậu có dây thau thật nhỏ không?

– Tớ không biết. Tớ ngờ là có một cuộn ở đâu đó. Cậu có biết có thể tìm ở đâu một mảnh băng dính mắt cho người chột không?

– Tớ không biết. Cậu hãy xem có thể tìm được giây thau ở đâu đó không?

Dưới cái kho mái lợp tôn, họ đào bới trong các hòm mãi tới lúc tìm được cuộn dây. Tom để cái biên vào cái êto và cẩn thận quấn sợi dây thau quanh những secmăng của pittông, nhét nó ăn sâu vào khe, và chỗ nào mà sợi dây bị cong, anh lấy búa đập bẹp ra, rồi anh quay pittông, vừa quay vừa gõ gõ xung quanh sợi dây cho tới khi nó lọt hẳn vào khe. Anh đưa ngón tay lần để biết chắc là các secmăng và sợi dây đã khít vào gờ pittông. Trong kho chứa, trời bắt đầu tối. Người chột mắt mang tới một cái đèn pin, soi thẳng vào chỗ họ đang làm việc.

– Tốt quá, – Tom nói – Này, chiếc đèn này cậu lấy bao nhiêu?

– Ờ, nó chả tốt lắm đâu. Trong có một pin mới mười lăm xu. Tớ đề lại cho cậu chừng… thôi vậy, ba mươi lăm xu.

– O.K. Còn cái biên và pittông này, trả cậu bao nhiêu?

Anh chột đưa khớp ngón tay gãi trán, và một vạch bụi bong ra.

– Ồ, tớ cũng chẳng biết. Giá lão chủ ở đây, lão ta sẽ đến nhìn vào trong cuốn sách in giá các thứ, lão sẽ biết cái giá bao nhiêu, và trong khi các cậu đang làm việc,

lão tính toán có thể đòi ngần này, ngần kia, tùy theo chỗ cậu cần đến mức nào, với lại có bao nhiêu tiền trong túi. Rồi thì giả dụ trong sách ghi tám đôla…lão sẽ đòi năm đôla. Và nếu cậu cự nự lão sẽ để lại cho cậu ba đôla. Cậu nói tất cả tùy nơi tớ, nhưng mà lạy Chúa, lão là con nhà điếm. Lão tính toán theo chỗ cậu cần đến như thế nào. Tớ đã thấy lão bán một bộ bánh xe răng cưa đắt hơn cả giá chiếc xe lão mua.

– Được rồi, nhưng tớ phải trả cậu bao nhiêu?

– Có lẽ đến một đôla.

– Được rồi, tớ trả thêm hai lăm xu cho cái lắc lê tròn này. Có nó dễ làm gấp đôi. – Anh chìa tiền cho y – Cám ơn, nhớ dán băng che cái mắt tai ác kia.

Tom và Al lại bước lên xe: Trời tối đen, Al rồ máy, bật đèn pha.

–Tạm biệt, – Tom kêu to. – Dễ chừng chúng ta sẽ gặp nhau ở California cũng nên.

Họ vòng lên đường cái và phóng lộn lại về chỗ Casy. Người chột nhìn họ xa dần, rồi đi qua nhà kho, y vòng ra phía sau vào lều của y. Ở đây, tối như mực. Y lần mò tới chiếc đệm trải dưới đất rồi nằm xuống khóc rưng rức, và trên đường cái những chiếc xe chạy ầm ầm chỉ làm vững mạnh thêm những bước tường thành của sự cô quạnh bao quanh y.

Tom nói:

– Giá mày bảo tao là sẽ tìm ra các thứ này và tối nay trở về ngay, chắc tao đã nói mày là thằng dở hơi.

– Sẽ sửa chữa được thôi, – Al nói – có điều chính anh mới phải làm nhiều. Vì em sợ có thể em lỡ xiết các cuxinê quá chặt để lại bị cháy nữa, hoặc xiết không đủ

chặt để nó lại long ra.

– Tao sẽ lắp vào cho, – Tom nói – Mà nếu nó cháy, cứ việc cho nó cháy. Chả mất mát gì.

Al nhìn vào bóng đêm. Hai ngọn đèn pha không chọc thủng được màn đêm, nhưng phía trước họ, đôi mắt của một con mèo săn đêm lóe sáng xanh lè trong chùm ánh sáng.

– Vừa rồi anh mắng thằng cha đó dữ quá, – Al nói – Chắc anh lại dạy bảo phải nó đặt bàn chân ở đâu chứ gì.

– Thì mẹ kiếp, hắn đòi thế kia mà! Hắn cứ làm ra bộ ta đây hay lắm vì chỉ có một mắt, mà trăm sự đổ tại con mắt chột. Một thằng lười, một thằng bẩn thỉu con nhà điếm. Nếu hắn chẳng biết thiên hạ cũng khôn chán chả dễ gì mủi lòng thì chắc hắn bỏ được thói xấu đó.

Al nói – Anh Tom, cái cuxinê bị cháy là tại em phải không?

Tom im lặng một chốc.

– Al này, tao buộc phải mắng mày một chặp. Mày cứ tự dày vò mình chỉ vì sợ người ta chê trách điều gì. Tao biết tại sao mày bị day dứt. Một chàng trai nóng như lửa, sục sôi lúc nào cũng muốn chơi trội. Nhưng, lạy Chúa, đừng nên bao giờ cũng xù lông lên khi chả bị ai gây sự. Cứ thẳng đường mà tiến, đừng sợ.

Al không đáp lại. Hắn nhìn thẳng phía trước, chiếc cam–nhông lắc lư. Một con mèo nhảy vọt lên lòng đường, Al ngoẹo tay lái để nghiến nó nhưng trượt và con mèo nhảy vào bãi cỏ. Al nói:

– Suýt nữa thì trúng con mèo. Anh Tom này, anh có nghe thằng Connie nói chuyện muốn học ban đêm

chưa? Em nghĩ là em cũng rất có thể học đêm. Học vô tuyến, truyền hình hoặc động cơ Diesel. Bước đầu như thế là tốt.

– Có thể thế, – Tom nói – nhưng trước hết phải hỏi xem giá tiền các bài học là bao nhiêu đã. Rồi sau đó, phải biết có chắc học được không? Ở Mac Alester; tao có biết những đứa học hàm thụ. Nhưng tao chưa từng thấy đứa nào học đến nơi. Học thấy mệt, bỏ luôn.

– Trời! Quên mua cái gì để ăn, – Al kêu lên.

– Ôi dào, Mẹ đã gửi cho chúng ta quá đủ rồi, ông mục sư không thể ăn hết được. Thế nào chả còn thừa. Tao tự hỏi không biết đến bao giờ mới tới được California đây.

– Lạy Chúa, em chẳng biết được. Nhưng cũng ráng sức thôi. Họ im bặt, màn tối buông xuống, các ngôi sao hiện ra, trắng và trong như pha lê.

Casy đang ngồi ở ghế sau Dodge bèn đứng lên và bước tới bên lề đường khi chiếc xe cam–nhông lại gần.

– Tôi không ngờ các cậu về được sớm thế.

Tom nhặt các đồ phụ tùng gói trong miếng vải.

– Bọn tôi gặp may, – anh nói. – Còn đem về cả một chiếc đèn pin nữa. Tôi sẽ bắt tay sửa chữa ngay.

– Cậu quên bữa ăn rồi sao? – Casy nói.

– Khi nào xong, chén luôn. Al này, mày cho xe sát hơn vào lề đường và cầm đèn hộ tao.

Anh đi thẳng tới chiếc Dodge, nằm ngửa xuống và luồn vào gầm xe. Al bò mẹp, chiếu đèn pin.

– Ấy, đừng chiếu vào mắt tao. Thế, giơ cao lên một chút.

Tom tra pittông vào ống xylanh, vừa vặn vừa quay. Sợi dây thau hơi khít vào thành xylanh. Bằng một động tác đột ngột, anh đẩy mạnh nó qua các secmăng.

– Cũng may mà không chặt quá, – anh nói – nếu không, nó bị nghẹt. Tao tin thế là ổn rồi.

– Hy vọng là sợi dây thau không làm tắc nghẽn các secmăng.

– Chính vì thế nên tao mới lấy búa đập dẹt nó. Nó không bung ra được. Theo tao thì nó có thể sẽ chảy ra và có lẽ sẽ phủ màng xylanh một lớp thau mỏng.

– Anh không nghĩ là nó làm xây sát lòng xylanh sao?

Tom cười phá lên:

– Lạy Chúa, màng xylanh có thể chịu đựng được. Chưa gì nó đã hút dầu như lỗ chuột đấy. Thêm chút nữa cũng chả hề hấn gì.

Anh lồng cái biên lên trên đầu trục và thử nửa dưới.

– Cần phải có chèn, – anh nói, rồi gọi – Casy!

– Có tôi.

– Bây giờ tôi lắp cuxinê. Khi nào tôi bảo, ông hãy quay kích, nhè nhẹ thôi.

Anh xiết êcu.

– Quay đi, nhè nhẹ! – Trong khi cái cán khoan quay thì anh lắp cuxinê – Thử quay nữa đi, Casy – Và anh ấn biên – Còn hơi lỏng. Nếu tôi nới nêm ra một ít, liệu không biết có quá chặt không. Để tôi thử xem.

Anh lại tháo êcu và lấy ra hai miếng nêm khác.

– Bây giờ ông thử xem, Casy.

– Có vẻ trôi đấy. – Al nói.

Tom hỏi:

– Quay thế có nặng không, ông Casy?

– Không tôi chẳng thấy gì cả, nhẹ tênh.

– Vậy có lẽ là khít rồi đấy. Ít ra tôi cũng mong là thế. Không có dụng cụ thì không thể giũa được kim khí. Có cái lắc–lê tròn này công việc đỡ cực.

Al nói:

– Lão chủ kho sẽ phát điên lên khi lão tìm không thấy chiếc lắc lê.

– Do hắn bóp nặn mới có, – Tom nói. – Chúng ta chả đánh cắp nó.

Anh ấn từ từ các chốt sắt và bẻ cong xoắn các đầu mút lại.

– Tao cho là được rồi đấy. Ông Casy, ông cầm đèn soi, để Al và tôi nâng cacte lên.

Casy quỳ xuống cầm lấy đèn pin. Ông rọi đèn thẳng vào những bàn tay đang lắp doăng và chỉnh bù lông cacte cho khớp với các lỗ. Hai anh em hì hục dưới sức nặng của cacte. Họ lắp đinh bù lông ở hai đầu, rồi lắp những cái khác, và khi tất cả các bù lông đã ở đúng nguyên chỗ, Tom từ từ xiết chặt đến khi cái cacte đã thật chỉnh. Sau đó anh xiết hết các êcu.

– Tôi tin như thế này là ổn, – Tom nói.

Anh vặn nút dầu, xem xét cẩn thận chiếc cacte rồi cầm lấy đèn, anh soát lại mặt đất.

– Thôi, để cho nó uống ít dầu. Họ bò ra rồi lại rót xô dầu vào cacte. Tom soát lại các miếng doăng để xem có lỗ rò không.

– O.K rồi, Al ạ. Rồ máy coi.

Al bước lên xe dận máy. Động cơ nổ ầm ầm. Khói đen thoát ra từ ống thông hơi.

– Chậm lại, – Tom hét lên. – Nó sẽ ngốn hết dầu cho đến khi giây thau bật mẹ nó ra.

Tiếng nổ giảm đi. Và trong khi động cơ đang quay, anh lại cẩn thận nghe ngóng.

– Cho mạnh lên một ít rồi cứ để thế – Anh lại lắng nghe – O.K! Al, tắt máy đi! Xong rồi đấy, tin là thế. Nào, giờ thì bánh và thịt đâu?

– Thợ máy như anh giỏi thật đấy! – Al nói.

– Chớ sao! Tao đã làm ở xưởng một năm. Phải gượng nhẹ với nó trong hai trăm dặm, để nó có thời gian lấy trớn.

Họ chùi tay đầy dầu mỡ vào các đám cỏ, sau đó mới sát tay vào ống quần. Như bọn người sắp chết đói, họ xông tới ăn miếng thịt lợn luộc và uống nước ừng ực.

– Em đói quắt ruột, – Al nói.

– Bây giờ ta làm gì, hay trở về trại chăng?

– Tao chẳng biết. – Tom nói. – Có lẽ chúng bắt ta phải trả thêm nửa đôla. Ta đến bàn với gia đình một chút… nói là mọi việc đã ổn. Nếu chúng muốn bắt chúng ta trả tiền thật… thì ta lại dông luôn. Cả nhà chắc nóng lòng muốn biết tình hình. Lạy Chúa, tao rất bằng lòng là mẹ đã chặn chúng ta lại chiều hôm nay. Al à, rọi đèn xem có quên gì không. Cầm lấy cái lê này. Có thể còn cần đến nó.

Al bấm đèn pin soi xuống mặt đất.

– Không thấy gì cả.

– Tốt. Để tao lái cho. Mày lái cam–nhông.

Tom rồ máy. Ông mục sư leo lên chiếc xe du lịch. Tom cho xe đi từ từ qua cái mương nhỏ, giữ số một. Tom nói:

– Với những loại xe Dodge, có thể kéo theo cả một cái nhà mà vẫn giữ số một. Chạy chậm, dĩ nhiên rồi. Càng hay cho chúng ta… tao muốn cho cuxinê lấy trớn dầu.

Chiếc Dodge tiến lên từ từ trên đường cái. Những chiếc đèn pha mười hai vôn chiếu ra trên mặt đường nhựa một vũng ánh sáng hẹp, vàng nhờ nhờ, Casy quay về phía Tom:

– Anh em các cậu chữa được xe thì ngộ thật đấy. Các cậu mới xem qua là đã đâu vào đấy. Tôi thì chịu, không thể sửa chữa xe hơi được. Ngay cả bây giờ đã trông thấy các cậu làm hẳn hoi mà tôi vẫn chịu.

– Phải tập dần dần từ lúc còn nhóc con, – Tom nói – Biết chưa phải là đã đủ. Phải hơn thế kia. Ngày nay bọn nhóc có thể tháo tanh bành một chiếc xe mà chẳng cần phải suy nghĩ nhiều.

Một con thỏ lọt vào trong vùng ánh sáng, nó nhảy những bước dài ở phía trước xe, cứ mỗi bước nhảy thì đôi tai rộng lại đập đập. Chốc chốc nó cố nhảy tránh ra khỏi đường, nhưng bức tường bóng đêm lù lù lại ném nó ra. Phía xa xa, đèn pha lấp loáng đánh thẳng vào mắt họ. Con thỏ ngập ngừng, loạng choạng quay trở lại và lao thẳng vào ánh đèn mờ mờ của chiếc Dodge. Chiếc xe khẽ rung rung khi con thỏ luồn dưới các bánh xe. Chiếc xe hơi đi ngược chiều phóng nhanh tới và vút qua họ.

– Chắc chắn con thỏ bị nghiền nát rồi.

Tom nói:

– Có những kẻ thích dằn lên nó. Tao, mỗi khi làm thế, tao thấy hơi run run. Chiếc xe cà tàng này xem ra chạy ngon đấy. Giờ thì các secmăng chắc phải trơn dầu rồi. Khói không mù mịt như lúc nãy.

– Các cậu chữa cừ lắm – Casy nói.

Một căn nhà gỗ bé nhỏ nổi lên giữa đất cắm trại, và dưới hiên nhà, một ngọn đèn dầu kêu xì xì và chiếu ra một vòng ánh sáng trắng rộng hình tròn. Gần ngôi nhà có khoảng sáu chiếc lều với các xe hơi đậu sát bên. Bữa ăn tối đã xong nhưng những đám tro than vẫn còn lấp lánh ở dưới đất gần chỗ cắm trại. Một nhóm đàn ông đã tụ tập trước cửa chỗ treo đèn dầu, những khuôn mặt nom cương nghị và gân guốc trong ánh đèn trắng gắt – phản chiếu bóng đen của những chiếc mũ trên trán, trên mắt họ và khiến cằm mọi người như nhô ra. Họ ngồi trên các bậc cửa, một vài người đứng dưới đất khuỷu tay tì lên nền hiên. Người chủ là một gã gầy cao lêu đêu, ngồi trên chiếc ghế dưới hiên. Y tựa lưng vào tường, ngón tay gõ gõ lên đầu gối. Trong nhà, một ngọn đèn dầu cháy leo lét, ánh sáng mỏng manh bị nhòa đi trong ánh sáng chói lòa xịt xịt của chiếc đèn lồng. Nhóm người bao quanh lão chủ. Tom lái chiếc Dodge vào bên đường rồi dừng lại. Al lái thẳng chiếc cam–nhông qua hàng rào đi vào.

– Tao không cần phải vào – Tom nói.

Anh xuống xe đi qua hàng rào và tiến về phía ánh đèn. Lão chủ để cho hai chân trước của chiếc ghế chấm đất và cúi về phía trước.

– Ông muốn cắm trại ở đây ư?

– Không, – Tom đáp – Gia đình tôi ở đây. Này Bố…

Ngồi ở bậc cửa thứ nhất, Bố nói:

– Tao nghĩ là chúng mày phải mất đến tuần lễ. Chữa xong chưa?

– Thật là may hết chỗ nói, – Tom nói, – Bọn con tìm được một phụ tùng thay thế trước lúc tối. Ngày mai có thể đi thật sớm.

– Chà, thế thì tốt quá, – Bố nói – Mẹ mày đang lo. Bà Nội mày quẩn rồi.

– Con biết, Al đã nói với con. Bà có đỡ phần nào không?

– Ờ! Mãi rồi bà cũng ngủ được. Được thế là may.

Lão chủ nói:

– Nếu anh muốn cắm trại ở đây, anh phải trả nửa đôla. Anh hãy tìm lấy một chỗ rồi đi lấy củi nước. Chả phiền phiếc gì đâu.

– Lạy Chúa, cắm trại để làm gì? – Tom nói.

– Chúng tôi có thể ngủ trong mương bên đường và như thế chả mất gì cả.

– Ông phó quận trưởng sẽ đi tuần. – Lão chủ gõ gõ trên đầu gối – Anh sẽ gặp chuyện lôi thôi. Ở Bang này có luật cấm ngủ ngoài đường. Có luật cấm du đãng.

– Nếu tôi trả nửa đôla, tôi sẽ không phải là du đãng, hả?

–Đúng vậy.

Mắt Tom long lên giận dữ:

– Ông phó quận trưởng phải chăng là anh vợ ông?

Lão chủ ngả người ra phía trước:

– Không. Nhưng cũng chưa phải lúc mà chúng tôi, dân ở đây lại để cho bọn ăn bám vô tích sự, lên lớp.

– Giá ông lấy được của chúng tôi năm mươi xu, thì chắc ông không đến nỗi khó tính thế. Mà thử hỏi, bọn tôi là quân ăn bám từ cái thuở nào? Chúng tôi chả xin gì ông. Tất cả chúng tôi là quân ăn bám, hả? Nhưng muốn sao thì không phải chúng tôi đòi tiền ở ông để có thể được nằm nghỉ dưới đất.

Những người ngồi dưới hiên đều cứng đơ, bất động, im lìm. Khuôn mặt của họ như không hồn. Và dưới bóng những chiếc mũ đôi mắt của họ len lét ngước lên nhìn trộm lão chủ.

Bố làu nhàu:

– Thôi Tom, thôi đi.

– Vâng, con thôi đây.

Vòng người ngồi trên bậc cửa, chống tay vào nền hiên, vẫn im lặng. Đôi mắt của họ lóe lên dưới ánh sáng đèn treo. Khuôn mặt của họ thô cứng dưới ánh sáng khắc nghiệt, và họ im lìm như đá. Chỉ có con mắt của họ là theo dõi hai người đang đôi co và khuôn mặt của họ vẫn bình tĩnh không biểu lộ chút cảm xúc nào. Một con côn trùng tới rơi phịch vào đèn, rồi tự gỡ thoát, và rơi tõm trong bóng tối. Trong một cái lều, một đứa trẻ cất tiếng khóc rên ư ử, có tiếng phụ nữ dịu dàng vỗ về và nghe có tiếng ru cất lên: “Ngủ đi con hởi con hời – Chúa Jesus ở suốt đời bên con – Ngủ đi con ngủ cho ngoan… hà… ơ…ơ”.

Dưới hàng hiên, chiếc đèn treo kêu lèo xèo. Lão chủ gãi gãi qua chiếc áo sơ mi để hở hình chữ V, để lộ một bộ ngực đầy lông trắng xồm xoàm. Cảnh giác, lão để mắt quan sát e sợ có chuyện rắc rối. Lão quan sát những người ngồi vòng tròn, rình mò những biểu hiện thái độ của họ. Nhưng họ vẫn không cựa quậy. Tom im

lặng một lúc lâu. Đôi mắt tối sầm của anh từ từ ngước về phía lão chủ.

– Tôi không muốn làm chuyện ầm ĩ lôi thôi, – Anh nói. – Quả là khó chịu khi bị coi là ăn bám. Không phải tôi sợ hãi. – Anh nhẹ giọng. – Tôi sẵn sàng nhảy bổ vào ông hay vào tay phó quận trưởng của ông, lạy Chúa, ngay tức thời, bằng mấy cái nắm tay đây. Nhưng làm thế thì chẳng hay ho gì.

Những người đàn ông cựa quậy, đổi thế ngồi và ngước đôi mắt lấp lánh về cái mồm lão chủ, chờ đôi môi lão động đậy. Lão thấy an tâm. Lão cảm thấy lão đã thắng nhưng chưa thể coi là thắng một cách quyết định để chuyển sang tấn công. Lão hỏi:

– Anh không có nửa đôla sao?

– Có chứ, có. Nhưng tôi sẽ cần đến. Tôi không thể bỏ nó ra chỉ để được ngủ.

– Tôi có nói khác đâu. Nhưng chúng ta phải sống chứ.

– Phải sống, đúng. – Tom nói. – Nhưng có điều tôi mong có cách nào đó để sống được mà không rút mất cuộc sống của kẻ khác!

Đám người lại cựa quậy. Bố nói:

– Sáng sớm ngày mai chúng tôi sẽ đi. Ông biết cho. Chúng tôi đã trả tiền. Cháu đây là con tôi. Liệu hắn có ở lại được không? Chúng tôi đã trả tiền rồi.

– Cứ mỗi xe, năm mươi xu, – lão chủ nói.

– Phải, nhưng hắn không có xe. Hắn để xe ngoài đường.

– Anh ấy đã đến đây bằng xe, – lão chủ nói – Cứ bình tĩnh như vậy, ai nấy đều đỗ xe ngoài đường cái rồi tới

đây cắm trại không à?

Tom nói:

– Thôi chúng con đi đây. Sáng sớm mai, bọn con sẽ gặp Bố. Sẽ đợi Bố. Al có thể ở lại, còn chú John có thể đi với con. – Anh nhìn lão chủ – thế thì ông ưng chứ?

Lão chủ vừa quyết định nhanh, vừa nhân nhượng:

– Nếu số người vẫn nguyên như đã trả tiền, thế thì được!

Tom rút gói thuốc ra, nó chỉ còn là một miếng vải nhỏ xam xám mềm nhẽo với một chút thuốc vụn ở đáy. Anh cuốn một điếu thuốc khẳng khiu và vứt gói thuốc đi. Anh nói:

– Chẳng mấy chốc chúng ta lại ra đi.

Bố nói với tất cả mọi người.

– Thật điêu đứng khi phải rứt khỏi nhà khỏi cửa ra đi. Những người như chúng tôi có nhà cửa tử tế. Chúng tôi đâu phải dân du mục. Trước khi máy cày đến xua đuổi chúng tôi, chúng tôi là những người có trại có ấp đàng hoàng.

Một thanh niên người mảnh dẻ, bộ lông mày vàng hoe vì nắng đốt, từ từ quay đầu lại.

– Tá điền chắc? – Anh hỏi.

– Ừ tá điền, nhưng vẫn là chủ.

Người thanh niên lại nhìn thẳng ra phía trước.

– Cũng như chúng tôi thôi, – anh nói.

– Cũng may cho chúng ta là tình trạng này không kéo dài lâu – bố nói – Chúng tôi đi về miền Tây kiếm việc làm, rồi chúng tôi sẽ tậu được một ít đất đai có nước.

Một người đàn ông quần áo rách bươm đứng lên ở hiên. Các mảnh vải ở chiếc áo vét tông đều tả tơi buông xuống. Chiếc quần vải trúc bâu thủng ở đầu gối. Mặt y đen nhẻm bụi cát, mồ hôi nhễ nhại, chảy xuống thành những vạch y quay đầu nhìn người bố.

– Chắc ông có một hũ tiền đầy ắp nhỉ?

– Chúng tôi chả có tiền nong gì cả, – bố nói – Nhưng nhà chúng tôi có nhiều lao động, lại được cái khéo chân, khéo tay. Chúng tôi sẽ kiếm được công xá cao, đem góp lại với nhau. Sẽ xoay xở được thôi.

Trong khi ông nói thì người đàn ông rách rưới nhìn ông, rồi y bật cười, và tiếng cười của y chuyển sang một tiếng cười the thé như tiếng ngựa hí. Ai nấy đều quay đầu về phía y. Rồi tiếng cười không tắt biến thành tiếng ho sặc sụa. Lúc y cố nén được tiếng cười rũ rượi thì hai mắt y đỏ hoe và giàn giụa nước mắt.

– Các ông đi tới đó… Ôi! Lạy Chúa – Y lại cười – ông đi tới đó để lĩnh công xá cao…Ôi! Lạy Chúa – Y ngừng lại và nói một cách ranh mãnh – chắc các ông đến đó hái cam chứ gì? Hay hái đào?

Bố đáp lại một cách đĩnh đạc:

– Chúng tôi gặp gì làm nấy. Thiếu gì việc chúng tôi có thể làm được.

Con người rách rưới cười khẩy, vừa cười vừa thở.

Tom nổi cáu quay lại.

– Trong chuyện này, có cái quái gì là ngộ nghĩnh mà ông cười như vậy, hở?

Người kia im bặt, nhìn các ván hiên nhà một cách ủ rũ.

– Tôi đồ chừng tất thảy các ông đi California?

– Thì tôi đã nói rồi – Bố đáp – ông chẳng phải đoán già đoán non gì hết.

Con người áo quần rách rưới nói:

– Tôi…tôi từ đó về. Tôi đã ở đó.

Những cái đầu quay lại nhìn y. Người ngồi vẫn cứng đơ. Tiếng lèo xèo của chiếc đèn nhỏ dần và chỉ còn là một hơi thở dài, người chủ hạ cẳng ghế trước xuống chấm đất, lão đứng dậy, vặn đèn lên to cho tới khi tiếng lèo xèo lại sắc và to như cũ. Lão trở về ghế và không ngồi ngả người ra sau nữa. Người quần áo rách rưới quay nhìn các khuôn mặt.

– Tôi ở đó quay về để chết đói. Tôi thích chẳng thà chết đói ngay tức thì còn hơn.

Bố nói:

– Ông đang nói cái gì vậy? Tôi có một tờ quảng cáo nói là tiền công cao và cách đây chưa lâu, tôi đọc trong báo thấy nói người ta cần người để hái trái cây.

Người rách rưới quay về phía Bố:

– Ở chỗ quê nhà, ông không có nơi nào để tới nữa sao?

– Không. Người ta đã đuổi chúng tôi. Đã cho máy cày ủi nhà chúng tôi.

– Dẫu sao, ông cũng không thể quay về?

– Không, chắc chắn rồi.

– Đã thế tôi không muốn làm ông phiền muộn.

– Tôi nghĩ rằng ông không làm tôi phiền muộn được. Tôi có tờ quảng cáo nói là người ta cần nhân công. Nếu không phải thế thì vô lý lắm. In quảng cáo thì phải tốn tiền chứ. Không cần nhân công thì họ quảng cáo làm gì.

– Tôi không muốn làm ông phiền muộn.

Bố nổi nóng nói:

– Ông bắt đầu thở ra chuyện ngu ngốc rồi, ông không thắt miệng lại được nữa. Tờ quảng cáo của tôi nói là người ta cần nhân công. Ông thì ông cười nói là không đúng. Vậy thì bên nào nói dối?

Người rách rưới cúi mặt, nhìn sâu vào đôi mắt giận dữ của người bố, y có vẻ như hối tiếc.

– Tờ quảng cáo nói đúng. Họ cần nhân công thật đấy.

– Thế thì việc quái gì mà ông lại đùa để làm chúng tôi sốt ruột.

– Bởi vì các ông không biết là họ cần đến thứ nhân công nào.

– Ông nói gì lạ vậy?

Người rách rưới bèn dứt khoát:

– Thế này nhé, ông nói – tờ quảng cáo của ông nói họ cần bao nhiêu người?

– Tám trăm. Mà ở một cái xứ nhỏ bé.

– Tờ quảng cáo màu vàng?

– Với tên cái gã…hắn nói thế này…thế nọ…cai thầu phải không? – Bố tìm trong túi rút ra tờ giấy quảng cáo bị gấp lại. – Đúng vậy. Làm thế nào ông biết?

– Ông xem đây. Chả có nghĩa gì cả. Có một thằng cha cần tám trăm người. Thế là hắn in ra năm ngàn tờ như thế, mà có lẽ hai mươi ngàn người đọc nó. Và do tờ quảng cáo này mà dễ chừng có hai hay ba ngàn người bỏ nhà ra đi… những người đang như mất trí vì bao nỗi phiền muộn.

– Nhưng ông nói thế chả nghĩa lý gì!

– Khoan, cứ đợi thấy được cái gã đã chế ra tờ quảng cáo đã. Rồi ông sẽ gặp hắn hoặc thằng cha làm việc cho hắn. Ông sẽ cắm trại trong một cái mương, ông với năm mươi gia đình khác. Hắn sẽ đến nhìn vào lều ông để xem ông còn chút gì để ăn không. Nếu ông chả còn chút gì nữa, hắn sẽ nói với ông: "Ông muốn làm việc chăng?" ông đáp : "Ôi, chắc chắn thế, thưa ông. Nhất định là tôi rất đội ơn ông nếu may ra nhờ ông mà tôi có việc gì để làm". Hắn ta sẽ nói: "Tôi có thể thuê mướn ông". Ông hỏi: "Thế thì lúc nào tôi làm việc được". Thế là hắn nói cho ông rõ, ông phải đi đến đâu, ông phải tới vào khi nào, rồi hắn bỏ đi. Có lẽ hắn chỉ cần hai trăm người, nhưng hắn lại nói với năm trăm người, họ lại nói với những người khác. Thế là khi ông tới nơi hẹn thì đã có một ngàn người đang chờ chực. Gã kia sẽ bảo ông: "Tôi trả một giờ hai mươi xu" Thế là cứ cho một nửa bỏ đi. Nhưng còn lại năm trăm người đang chết đói nên phải ở lại để kiếm một mẩu bánh. Ông hiểu không, thằng cha đó đã ký hợp đồng cho phép hắn hái đào… hoặc hái bông. Giờ thì ông hiểu rồi chứ? Người đến càng nhiều và càng đói, hắn càng trả công hạ. Và nếu có thể, hắn sẽ mộ một tay nào đó có trẻ con, chả là… Nhưng thôi, lạy Chúa, tôi đã nói rồi mà, tôi không muốn khiến ông phải đâm lo.

Những gương mặt tụm lại thành vòng tròn nhìn y một cách lạnh lùng. Những đôi mắt phân tích lời y nói. Người rách rưới bắt đầu thấy lúng túng.

– Tôi đã bảo là không muốn làm ông đâm lo. Nhưng chính tôi lại đang làm thế. Bây giờ các ông đã lên đường rồi thì phải đi tiếp. Không quay lại được.

Bầu không khí im lặng đè nặng lên hàng hiên. Ánh

đèn lèo xèo và một quầng các con thiêu thân bay quay cuồng xung quanh chiếc đèn treo. Con người rách rưới tiếp tục với vẻ băn khoăn.

– Tôi mách cho ông hay phải làm gì khi ông gặp cái thằng cha đã nói là có việc cần người làm. Thế này. Hãy hỏi thẳng ngay là hắn có ý định trả bao nhiêu. Bảo hắn là định trả bao nhiêu thì viết ra giấy. Yêu cầu hắn như thế. Nếu không các ông sẽ bị lừa phỉnh, đó là cái chắc.

Lão chủ ngồi trên ghế, cúi ra phía trước để nom cho rõ con người rách rưới bẩn thỉu kia. Lão gãi gãi vạt lông xám trên ngực và nói một cách lạnh lùng:

– Liệu chừng anh có phải là một trong những kẻ đến gây rối không đấy? Anh có chắc mình không phải là kẻ đi lừa đảo chứ?

– Lạy Chúa, thề là không. – Người rách rưới kêu lên.

– Ngữ ấy thì nhiều nhan nhản – Lão chủ nói – chúng đi phất phơ khắp nơi để gây lộn xộn rối ren. Chúng kích động thiên hạ. Việc gì cũng chọc vào. Ngữ ấy thì thiếu giống. Cái bọn kích động đó, rồi có ngày cũng phải treo cổ chúng lên, ngày đó chẳng lâu đâu. Người ta sẽ tống cổ chúng đi. Ai muốn làm việc O.K. Nếu không muốn, cứ việc cuốn xéo, đừng để người ta phải đuổi cổ. Chúng ta không được để hắn gây rối loạn.

Người rách rưới ưỡn người lên:

– Tôi chỉ muốn nói với các ông sự tình như thế nào. Tôi phải mất một năm mới thấy ra. Tôi phải mất hai đứa con, tôi phải mất một người vợ rồi cuối cùng mới mở mắt ra. Nhưng tôi không thể nói cho các ông hay. Đáng lý ra tôi đã phải biết điều đó. Mà cũng không một ai đã có thể nói với tôi. Tôi không thể nói với các ông

chúng nằm đấy như thế nào, hai thằng bé khốn khổ ấy mà, bụng thì trương lên, chỉ còn da bọc xương, run rẩy và kêu i ỉ như hai con chó con, trong khi đó tôi tất tưởi chạy ngược chạy xuôi để cố tìm công ăn việc làm… – y gào lên – Không phải để có tiền, không phải vì công xá! Lạy Chúa, chỉ để kiếm một chén bột, một thìa mỡ. Thế rồi nhân viên điều tra tới, nói với tôi: “Bọn trẻ này chết “vì liệt tim”. Y nói thế rồi y viết như thế trên tờ giấy. Trời ơi! Chúng run, chúng run, bụng chúng phình lên như bong bóng lợn!

Đám người ngồi vòng quanh lặng im, miệng hơi hé ra như nín thở để lắng nghe. Và họ chờ đợi. Người rách rưới đảo mắt nhìn khắp nhóm, rồi quay ngoắt lại, y nhanh chân bước vào bóng tối. Bóng đêm nuốt chửng y, nhưng trước khi y mất hút, vẫn còn nghe vẳng tới, rất lâu tiếng chân bước lê trên đường cái. Một chiếc xe hơi chạy qua và trong ánh đèn pha, họ có thể nom thấy con người rách rưới đi xa dần, đầu cúi gầm, hai tay thọc vào túi chiếc áo vét tông đen rách tơi tả. Mọi người đều thấy bứt rứt. Một người nói:

– A! Muộn rồi. Phải đi ngủ thôi.

Lão chủ lên tiếng:

– Chắc hẳn là một thằng chây lười. Thời buổi này trên đường cái có ối thằng cha như thế.

Nói xong lão im bặt. Và một lần nữa, lão ngã hẳn người ra phía sau, lưng ghế đụng sát tường, và lão lấy tay mân mê cuống họng.

Tom nói:

– Con tới gặp Mẹ một chút, rồi bọn con sẽ đi trước một quãng đường.

Hai cha con và mục sư rời đi. Bố hỏi:

– Cái gã đó, ông có tin là hắn nói sự thật không?

Ông mục sư đáp:

– Hẳn rồi, gã nói đúng sự thực. Sự thực của riêng gã. Gã chẳng bịa đặt gì hết.

– Vậy về phía chúng ta thì sao? – Tom hỏi – Cũng là sự thực đối với chúng ta?

– Tôi không biết – Casy nói.

– Tao không biết – Bố nói.

Họ đi về phía cái lều có cái bạt căng trên một dây thừng. Trong lều tối om và yên lặng. Khi họ tới gần, có một khối đen mờ mờ cựa quậy ở gần cửa ra vào và khi đứng lên thì mang hình người. Bà Mẹ tới gặp họ.

– Cả nhà ngủ rồi, – Mẹ nói, – Cả bà Nội mãi rồi cũng ngủ được, Bà nhận ra Tom – Làm thế nào con tới được đây. Có gặp gì lôi thôi không?

– Chúng con đã sửa xong xe, – Tom nói – Lúc nào muốn đi cũng được Mẹ ạ, Chỉ còn chờ nhà ta thôi.

– Lạy Chúa lòng lành, Mẹ nói – Mẹ đứng ngồi không yên vì mẹ muốn đi ngay. Mẹ muốn đi tới nơi nào xanh um, giàu có. Mẹ muốn đến cho nhanh.

Bố hắng giọng:

– Có một thằng cha vừa mới nói…

Tom nắm lấy cánh tay bố lay mạnh:

– Y chỉ nói vớ vẩn. Y nói có hàng đống người trên đường cái.

Mẹ nhìn họ trong bóng đêm. Trong lều Ruthie ho mấy tiếng rồi lại ngáy đều.

– Tôi đã tắm rửa cho chúng, – bà nói – Lần đầu tiên

thấy có đủ nước để tắm rửa cho chúng nên hồn. Tôi đã để xô ở ngoài để các ông cũng có thể tắm rửa. Đi đường, không có cách nào giữ cho sạch sẽ được.

– Mọi người đều ở cả trong lều đấy chứ? – Bố hỏi.

– Tất cả trừ Connie và Rosasharn. Chúng đã đi ngủ ngoài trời. Chúng bảo là trong lều nóng quá không ngủ được.

Bố nhận xét với vẻ không bằng lòng:

– Cái con Rosasharn dạo này đâm dát và nhõng nhẽo rồi.

– Con đầu lòng của nó mà!– Mẹ nói – Connie và nó có khối chuyện để phải lo. Bố mày xưa kia cũng thế nữa là con.

– Chúng con đi trước, – Tom nói – để lợi được một quãng đường. Bố mẹ để ý trông chừng ngộ nhỡ con không trông thấy. Chúng con bao giờ cũng đi mé phải.

– Al ở lại?

– Vâng. Chú John đi với chúng con. Mẹ ngủ ngon nhé.

Họ đi qua cái trại đang ngủ im lìm. Trước một cửa lều, một bếp lửa nhỏ cháy bập bùng và một phụ nữ đang trông nom nồi nấu bữa ăn điểm tâm. Mùi đậu hầm thơm ngào ngạt. Lúc đi qua, Tom nói một cách lễ độ:

– Giá tôi được ăn một đĩa như thế thì hay quá.

Người phụ nữ mỉm cười:

– Đậu chưa chín, nếu không thì tôi rất vui lòng, bà nói, – Sáng rõ xin mời anh lại đây.

– Xin cảm ơn bà, – Tom nói.

Anh đi qua trước hàng hiên cùng với Casy và chú John. Lão chủ vẫn ngồi trên ghế còn ngọn đèn vẫn xì xì và lấp lánh. Lão quay đầu lại lúc ba người đi qua.

– Đèn của ông hết dầu rồi, – Tom nói.

– Dẫu sao cũng đã đến lúc tắt đèn rồi.

– Vậy là vào giờ này, những đống nửa đôla không còn lăn trên đường cái nữa sao?

Hai chân ghế đập mạnh xuống sàn nhà. Lão chủ cáu lên:

– Này, anh đừng có hành tôi nữa. Tôi biết anh rồi. Anh cũng thuộc bọn gây rối đấy nhé.

– Chứ sao, – Tom nói – Tôi là bônsêvit mà.

– Hạng người như anh, mẹ kiếp, cứ là nhan nhản trên đường cái.

Tom cười lởm trong khi họ vượt qua cửa lưới sắt và leo lên chiếc Dodge. Anh nhặt một cục đất ném vào chiếc đèn treo. Cục đất đụng vào nhà đánh bục một tiếng và họ thấy lão chủ nhảy bật dậy và nhìn soi mói trong bóng đêm. Tom rồ máy và cho xe chạy ra đường cái. Anh cẩn thận lắng nghe tiếng động cơ quay, sợ có trục trặc. Lòng đường mờ mờ giăng trải trong ánh sáng yếu ớt của đôi đèn pha.

Chương XVII

Các xe hơi của những người di tản xuất hiện từ các con đường ngang nẻo tắt, bò ra con đường cao tốc chạy xuyên qua tiểu bang, rồi cứ một mạch theo con đường di tản, chúng tiến vào miền Tây. Vào buổi bình minh, chúng đi gấp nom tựa những con rệp; khi bóng đêm bắt đầu chụp xuống, chúng tập họp lại cũng như những con rệp và đậu lúc nhúc xung quanh nơi trú ẩn hoặc nơi có nước. Và bởi vì họ cảm thấy lạc lõng và lúng túng, vì tất cả bọn họ đến từ một nơi đầy sự cô đơn lo phiền, một nơi mà họ phải chịu đựng sự nhục nhã của kẻ chiến bại, và bởi vì tất cả bọn họ cũng đi về một nơi đất khách quê người mới và bí mật cho nên theo bản năng, đoàn người di tản túm tụm lại với nhau, chia sẻ với nhau cuộc sống của họ, thức ăn thức uống của họ và tất cả những gì họ trông mong chờ đợi ở miền đất mới…. Cứ như vậy, khi một gia đình khác cũng đến đấy ở – do có nước mà cũng vì do còn có bầu bạn; rồi đến một gia đình thứ ba, bởi vì hai gia đình kia đã mở đường và thấy ở đó thuận lợi. Và khi đêm buông xuống, có thể có hai mươi gia đình và hai mươi chiếc xe cũng tập hợp lại ở cùng một nơi.

Vào một buổi tối, xảy ra một chuyện lạ lùng: cả hai mươi gia đình trở thành một gia đình duy nhất, trẻ con trở thành con chung. Nỗi mất nhà mất cửa riêng một gia đình được mọi gia đình chia sẻ và cái thiên đường miền Tây trở thành một giấc mơ chung. Và xảy ra tình trạng, một đứa trẻ bị ốm đã gieo nỗi thất vọng vào trái tim của hai mươi gia đình, của một trăm con người kia, một cuộc sinh đẻ ở dưới túp lều nọ khiến cho trăm con người nín tiếng và kinh sợ suốt đêm, và tới sáng, khi

đứa hài nhi chào đời thì cả trăm con người đó lòng tràn ngập niềm vui. Người ta thấy một gia đình đêm qua còn hoang mang sợ sệt, nay đã vội vàng lục lọi trong cái gói đồ đạc để tìm một quà mừng cháu bé sơ sinh. Buổi tối, ngồi quanh bếp lửa, cả hai mươi gia đình trở thành một bộ lạc duy nhất. Tất cả dần dần gắn bó với nhau thành từng đơn vị, đơn vị để cắm trại, đơn vị thức buổi đầu hôm, đơn vị để qua đêm. Ai đó mở bọc lấy ra một chiếc ghi–ta, so dây, và thế là những bài ca mà ai nấy đều biết, ngân vang trong đêm. Đàn ông hát lên lời ca và phụ nữ ậm ừ hòa điệu. Cứ mỗi buổi tối, một thế giới được tạo lập, một thế giới trọn vẹn với trang bị, với những bạn bè mới kết giao, với những mối hiềm thù đã rõ ràng, một thế giới trọn vẹn với những đứa trẻ khóc lóc, với những bọn hèn nhát, với những con người điềm đạm, những con người bình dị và tốt bụng. Vào mỗi buổi tối, được thiết lập những mối quan hệ tạo nên một thế giới và vào mỗi buổi sáng, thế giới đó lại tan rã tản mác như một gánh xiếc rong.

Mới đầu, các gia định tỏ ra rụt rè trong việc xây dựng và hủy diệt các thế giới, nhưng rồi dần dà đối với họ, kỹ thuật xây dựng thế giới trở nên quen thuộc, trở thành phương thức sống của họ. Chính vào lúc đó mà xuất hiện các thủ lĩnh, các luật lệ được thiết lập, các điều qui định được thành lập. Và các thế giới càng được xê dịch về phía Tây thì chúng càng trở nên trọn vẹn hơn, thêm trang bị hơn vì những người kiến tạo có nhiều kinh nghiệm hơn.

Các gia đình đã học hỏi được những quyền mà họ phải tôn trọng: đời sống riêng tư dưới các lều, quyền chôn vùi màu đen của dĩ vãng trong tận đáy lòng; quyền nói và nghe; quyền từ chối hay chấp nhận sự giúp đỡ; quyền đề nghị giúp đỡ hay thoái thác; quyền

của đứa con trai được tán tỉnh; và quyền của đứa con gái để cho người khác tán tỉnh; quyền dành miếng ăn cho kẻ bị đói; quyền của phụ nữ có thai nghén và những người ốm được giành cho sự ưu tiên, vượt lên trên tất cả các quyền khác. Và tuy không ai nói với họ, nhưng các gia đình vẫn học biết được những gì là quái gở nhất thiết phải bị thủ tiêu; quyền xâm nhập vào sự riêng tư thầm kín của kẻ khác; quyền làm ầm ĩ om sòm khi trại đang ngủ, quyền quyến rũ hay hãm hiếp, quyền ngoại tình, trộm cắp hay giết người. Các quyền đó bị trấn áp thẳng tay không thương xót, bởi vì không như thế thì cái thế giới nhỏ bé sẽ không thể tồn tại được, dù chỉ qua một đêm.

Và các thế giới càng chuyển động về phía Tây thì các qui tắc càng trở thành luật lệ, tuy không ai bảo cho các gia đình biết. Là phạm luật khi phóng uế gần trại, làm vấy bẩy nước ăn, là ăn nhiều thức ăn ngon lành bên cạnh kẻ đang đói, trừ phi người đói được mời chia sẻ.

Rồi cùng với các luật lệ, là những trừng phạt mà chỉ có hai sự trừng phạt – hoặc là ẩu đả chóng vánh và sát thương, hoặc trục xuất, mà trục xuất là điều nghiệt ngã nhất. Bởi vì bất cứ kẻ nào vi phạm luật lệ thì khi ra đi mang theo cả danh tính và cả gương mặt, y không còn chỗ đứng trong bất cứ thế giới nào được tạo lập ở bất cứ nơi nào.

Trong nội bộ các thế giới, các hành vi xã hội mang những hình thức cố định, cứng nhắc. Một người đàn ông phải chào trả người nào đã chào mình, y có thể mong kiếm được người đàn bà nào thuận theo y nếu y ở lại với bà ta, giúp bà ta nuôi dạy con cái bà, và che chở chúng. Nhưng một người đàn ông không được tối nay ngủ với người đàn bà này, tối mai ngủ với người

đàn bà khác, bởi vì nếu thế thì các thế giới sẽ lâm nguy. Các gia đình càng xê dịch về miền Tây thì kỹ thuật kiến tạo các thế giới càng được cải tiến, người ta cảm thấy an toàn hơn trong giới hạn thế giới của mình; và các qui ước chặt chẽ đến mức mà mọi gia đình đều hành động trong luật lệ đều biết chắc là mình được an toàn trong sự che chở của các luật lệ đó.

Trong các thế giới đó, các chính phủ được hình thành, các chính phủ có đủ các lãnh tụ và niên trưởng. Một con người khôn ngoan nhận thấy rằng sự khôn ngoan của mình rất có ích trong các trại; một thằng ngu ngốc không thể đem cái ngu ngốc của y mà đổi chác trong thế giới của y. Và trong các đêm như vậy một thứ bảo hiểm được phát triển. Một người có ăn phải nuôi ăn một kẻ đói và do đó tự dành cho mình một sự bảo hiểm chống đói. Và khi một bé sơ sinh lìa đời thì một chồng những đồng bạc cao dần lên ở gấu tấm vải che lều bởi vì một bé sơ sinh chết phải được chôn cất chu đáo, bởi vì trong cuộc đời ngắn ngủi của bé, bé chưa được hưởng bất cứ một thứ gì khác. Có thể chôn qua quýt một người già trong một cánh đồng nào đó, nhưng với bé sơ sinh thì không được thế.

Với một thế giới đang được xây dựng, phải có một khung cảnh tự nhiên: nước, bờ sông, bờ kênh, dòng suối, hay đơn giản là một vòi nước không ai canh giữ. Và cũng cần có một bãi đất bằng đủ để dựng lều trại, vài khóm bụi rậm hoặc một lùm cây nhỏ để lấy củi đun nấu. Nếu có một hố rác ở gần đâu đấy thì càng hay, bởi vì có thể kiếm được các đồ dùng lặt vặt, rãnh bếp lò, mảnh sắt cong để che lửa khỏi gió, các can sắt dùng vừa để đun nấu vừa để làm bát ăn.

Và các thế giới được tạo lập vào buổi chiều. Những

người từ đại lộ tới, tự họ xây dựng thế giới của họ, bằng lều vải, bằng trái tim, bằng khối óc của họ.

Mỗi buổi sáng, các lều được dỡ xuống, vải được gập lại, cọc bó lại vào buộc ở bậc xe, thường được chất lên xe đúng nơi, chén đĩa được xếp đúng chỗ. Các gia đình càng di chuyển về phía Tây thì việc xây dựng các nhà mỗi buổi chiều và dỡ đi mỗi buổi sáng, được thực hiện theo một kỹ thuật ngày càng chính xác hơn, đến nỗi vải lều có một chỗ trong một góc nhất định và các dụng cụ nhà bếp được tự động đếm lại trước khi xếp vào thùng. Và dần dà, mỗi người trong gia đình quen với chỗ dành cho mình và làm những công việc nhất định; từ đó, mỗi người, trẻ hay già đều tìm thấy lại chỗ của mình trong xe; vào những buổi tối nóng nực, mệt lả, lúc xe dừng lại chỗ cắm trại, ai nấy đều đi làm nhiệm vụ của mình, không đợi ai phải chỉ dẫn. Trẻ em đi kiếm củi và xách nước, đàn ông dựng lều và đưa giường trên xe xuống, đàn bà chuẩn bị bữa tối và trông chừng trong khi cả gia đình đang ăn. Ai làm việc nấy và không có ai chỉ huy. Xưa kia, các gia đình là những cộng đồng mà biên giới về đêm là ngôi nhà, ban ngày là đồng ruộng, bây giờ các biên giới đã thay đổi. Trong những ngày dài, dưới ánh nắng nóng bức, ai nấy đều câm lặng ở trên các xe đang từ từ chuyển về miền Tây, nhưng tối đến, họ sáp nhập vào các nhóm thứ nhất mà họ gặp. Chính như vậy mà họ thay đổi cách sống về mặt xã hội, một sự thay đổi mà trên toàn vũ trụ này chỉ con người là có khả năng làm được. Xưa là tá điền nay họ là những người di tản. Các ý tưởng của họ, các dự án của họ, các buổi im lặng trầm tư mà xưa kia nhằm vào ruộng đồng, thì bây giờ nhằm vào con đường cái lớn, vào khoảng cách phải vượt qua, vào miền Tây. Trí óc của con người nào xưa kia bị giam hãm trong phạm vi các sào các mẫu,

nay lại sống với hàng ngàn dặm đất, trên một dải xi măng chật hẹp. Và những ý nghĩ của y, những nỗi lo âu của y không còn hướng về các trận mưa rơi, gió thổi, bụi bặm hay sự phát triển của mùa màng. Đôi mắt trông chừng các bánh xe, đôi tai nghe ngóng tiếng lách cách của động cơ, các bộ óc vật lộn với dầu, với xăng, sự bào mỏng của cao su giữa đệm không khí và mặt đường. Một đồ phụ tùng bị gãy vỡ là cả một thảm kịch. Một khao khát duy nhất ám ảnh y: nước vào buổi tối và thức ăn trên bếp lửa. Bởi vì sức khoẻ, chỉ sức khỏe là quan trọng, sức khỏe để đi tới, sức mạnh để đi tới, và nghị lực để đi tới. Tất cả ý chí xô đẩy họ lên phía trước, ném họ về miền Tây và những nỗi lo sợ, xưa kia tập trung vào hạn hán hay lụt lội, bây giờ nấn ná lại trên tất cả những gì có cơ chặn đứng cuộc hành trình chậm rề rề của họ về miền Tây.

Các nơi cắm trại trở nên cố định, mỗi nơi cắm trại cách nơi tiếp theo sau chỉ một ngày đường ngắn ngủi. Đường trường rong ruổi, sự kinh hoàng khiếp đảm xâm chiếm một số gia đình, cho nên họ chạy suốt ngày thâu đêm, dừng lại để ngủ ngay trên xe tới sáng tinh mơ lại ra đi về miền Tây, trốn đường cái, trốn mọi chuyển động. Và những gia đình này vì quá khát khao có được nơi ăn chốn ở nên họ cứ hướng mặt về miền Tây, lao mạnh về miền Tây, thúc bách các động cơ kêu lích kích ngốn nhanh ngốn gấp những cung đường.

Nhưng phần lớn các gia đình đã thay đổi và nhanh chóng thích nghi với cuộc sống mới. Và khi mặt trời đã xuống thấp thì… Đã đến lúc phải kiếm một nơi nào đó để dừng lại.

Kia – phía trước đã có mấy lều.

Chiếc xe hơi ra khỏi mặt đường và dừng lại; bởi lẽ

một số gia đình đã đến trước rồi, nên cần phải có những lời thăm hỏi lịch sự. Và thế là người đàn ông, thủ lĩnh của nhóm gia đình, thò đầu qua cửa xe và hỏi:

– Chúng tôi có thể dừng xe để ngủ đêm ở đây được không?

– Ồ, tất nhiên rồi, lấy làm hân hạnh được có các ông. Ông ở bang nào đến?

– Đi miết trong Arkansas tới đây.

– Có những người Arkansas kia kìa, trong lều thứ tư.

– Thế ư?

Và câu hỏi đầu tiên:

– Nước thế nào?

– Được không ngọt lắm, nhưng có tha hồ.

– Xin cám ơn.

– Có gì đâu.

Nhưng những cung cách lịch sự xã giao là cần thiết. Chiếc xe hơi ì à ì ạch tới chiếc lều cuối cùng, và dừng lại. Thế rồi các người ngồi trên xe đã mệt nhoài lần lượt bước xuống co duỗi chân tay, vặn vẹo mình mẩy để hết tê cứng. Rồi chiếc lều mới được dựng lên; bọn trẻ con di xách nước, bọn lớn tuổi hơn đi kiếm củi hoặc những cành cây khô. Bếp được nhóm lên và thức ăn được hầm hay rán cho buổi ăn. Những người đến trước bước lại gần. Người ta làm quen với nhau, trao đổi những tên các tiểu bang và người ta phát hiện ra những chỗ bạn bè chung và cả họ hàng xa nữa.

– Oklahoma hả? Quận nào?

– Cherokee.

– Không nhẽ lại thế! Tôi có họ hàng ở đây. Ông có

quen biết gia đình Allen không?

– Khắp quận Cherokee có nhiều họ Allen. Ông có biết họ Willises?

– Ờ dĩ nhiên.

Chính vì thế mà một đơn vị mới hình thành. Hoàng hôn xuống, nhưng trời chưa tối hẳn thì gia đình mới đã là thành phần của trại. Các gia đình khác đã nói cho nhau biết tin này. Đây là chỗ quen biết, chỗ tử tế cả.

– Tôi quen biết họ Allen từ bao giờ. Simon Allen, ông già Simon ấy mà, có chuyện lôi thôi với người vợ trước. Họ hàng bà ta một nửa ở Cherokee. Mà đẹp, đẹp như… như sao sa[36].

– Đúng thế đấy. Còn Simon con, hắn đã lấy một cô Rudolf phải không?

– Tôi nghĩ chắc là thế. Họ đến sinh cơ lập nghiệp ở Enid và lèo lái khá lắm… đúng vậy. Đứa duy nhất trong họ Allen từng ăn nên làm ra. Hắn có xưởng chữa xe hơi.

Sau khi đã mang nước và củi về, bọn trẻ con cẩn thận, rụt rè lại gần các lều vải. Và chúng phải dùng đến các điệu bộ rối rắm để làm quen với nhau. Một thằng con trai dừng lại trước một đứa khác dán mắt nhìn một hòn sỏi, nhặt nó lên, xem đi xem lại kỹ, nhỏ nước bọt lên, kỳ cọ cho sạch bóng rồi lại tiếp tục xem xét cho tới khi nó buộc tên kia phải hỏi:

– Mày có cái gì đó?

Và với một vẻ hờ hững, thằng nhóc trả lời:

– Có gì đâu. Hòn đá cuội thôi mà.

– Ờ, nhưng là hòn cuội thì sao mày nhìn nó kỹ thế?

– Tao tưởng trong đó có vàng.

– Mày biết có vàng là làm sao? Là vàng thì không có sắc vàng; trong hòn sỏi, phải có sắc đen kia.

– Hẳn rồi. Ai chả biết thế.

– Vàng… vàng đá cuội ấy! Thế mà cứ cãi là vàng.

– Không đúng. Cha tao ấy mà, đã thấy vàng có ối. Ông nói cho tao biết cách nhận ra vàng.

– Mày muốn nhặt được một đống tiền vàng thật to hả?

– Ồ, mà này! Mày biết không, tao sẽ có một chiếc kẹo nuga to tổ bố… to chưa từng thấy. Người ta không để cho tao chửi thề. Nhưng tao cứ…

– Tao cũng vậy. Thôi ra suối múc nước đi!

Còn các cô gái thì tìm đến với nhau rụt rè khoe những thành công của mình, những hy vọng của mình. Các bà thì lăng xăng quanh bếp lửa, vội vã phân phát thức ăn cho những cái dạ dày lép kẹp.

Nếu có tiền thì là thịt, thịt với khoai tây, với hành. Những chiếc bánh tráng nấu theo lối cũ hoặc bánh ngô, nhúng ngập trong nước thịt. Sườn chặt nhỏ với một bi đông trà đen chát nấu xôi. Nếu tiền trở nên khan hiếm thì là bột rán rưới nước mỡ; bột rán dòn tan, chan với nước mỡ.

Các gia đình nào rất giàu hoặc hoang phí thường ăn đậu hộp, bánh và bánh ngọt mua ở tiệm, nhưng họ ăn kín đáo trong lều, chả là ăn những thức ăn ngon lành như vậy trước mắt mọi người là điều bất tiện. Dù họ đã ý tứ đến thế, nhưng ở bên ngoài, bọn trẻ con đang phải ăn bánh bột rán cũng ngửi thấy mùi đậu đun nóng, và chúng bèn thấy buồn rượi.

Sau bữa ăn, khi bát đĩa đã được rửa và lau chùi, cánh đàn ông ngồi xổm và chuyện trò trong bóng tối. Họ nói về ruộng đất mà họ đã rời bỏ.

– Tôi không biết tình hình này rồi sẽ đến đâu? Đất nước này đã bị cướp phá.

– Ô! Rồi nó sẽ trở lại bình thường thôi. Có điều lúc đó thì chúng ta đã không còn nữa.

– Dễ chừng, – họ nói – dễ chừng chúng ta đã phạm tội lỗi gì đó mà không biết chăng?

– Có một gã đã nói với tôi, một gã trong chính phủ, hắn nói thế này: "Các ông đã cho ruộng đất bị nước xói thành rãnh". Một gã trong chính phủ hẳn hoi nhé! Hắn nói "Nếu các ông cày ngang bờ quanh nó sẽ không bị rãnh". Chả bao giờ có dịp thử làm xem. Nhưng máy cày mới của họ, nó chả cần phải vất vả đến thế. Nó không cày xới vòng quanh, nó cứ việc vạch thẳng, mọi luống cày dài những bốn dặm. Nó có vòng quanh vòng kiếc gì đâu, mà có vòng quanh thì chắc là quanh Chúa Jesus…

Và họ khe khẽ nói đến việc nhà việc cửa:

– Tôi có một lò bánh mì dưới cối xay. Ở đó, tôi để sữa làm kem, với những quả dưa hấu. Buổi trưa, tôi ào vào đấy. Ngoài trời thì nóng như thiêu như đốt, trong đó thì mát đến ớn người. Bác xem, tôi cầm dao bổ một quả dưa, cắn vào lạnh buốt cả răng. Nước từ bể chứa chảy ra…

Họ nói cho nhau nghe những thảm cảnh của họ:

– Tôi có một chú em, chú Charley tóc vàng hoe như râu ngô. Đã là người nhớn hẳn hoi ấy nhé. Chơi phong cầm thì nhất, không ai bằng. Một hôm, hắn đang bừa, hắn chạy lên trước để gỡ cái dây bị vướng. Thình lình, một con rắn chuông chợt ở đâu xuất hiện, kêu o o. Mấy

con ngựa hoảng sợ lồng lên chạy, bừa trượt qua người Charley; răng bừa nhọn hoắt đâm thủng bụng, ruột gan tứa ra lòng thòng. Mặt bị cào nát. Lạy Chúa!

Họ nói đến chuyện tương lai:

– Tôi tự nhủ không biết ở nơi ấy, sẽ ra sao?

– Ấy, nhìn trên tranh ảnh thì dẫu sao cũng đẹp đấy. Tôi đã trông thấy một tranh có vẽ trời nóng ấm, lại có đào, có cây dâu và đứng ở phía sau, gần sát sạt như lông đít lừa, có một ngọn núi to phủ đầy tuyết. Kể ra nom cũng thấy đẹp.

– Nếu tìm được công ăn việc làm, mọi sự sẽ trôi chảy… Mùa đông, không bị lạnh. Bọn trẻ nhỏ đi học, không bị rét cóng. Tôi sẽ trông nom sao cho bọn nhỏ nhà tôi không còn trốn học nữa. Tôi biết đọc hẳn hoi, nhưng như thế vẫn không thích bằng những kẻ có học vấn.

Rồi không biết từ đâu có một người đàn ông tay cầm ghi–ta trong lều chui ra đứng trước cửa lều. Anh ngồi xuống một cái hòm và bắt đầu gảy đàn; cả trại bị tiếng nhạc thu hút, dần dần tập hợp lại quanh y. Có nhiều người cũng biết chơi võ vẽ nhưng có lẽ tay này chẳng phải loại chỉ biết búng phập phồng… Thật mấy khi… Tiếng giây trầm bùm bùm đệm nhịp. Rồi âm điệu du dương lướt trên các giây nghe như tiếng bước chân nhỏ nhẹ… Những ngón tay nặng nề dạo trên phím đàn. Người đàn ông vẫn chơi, mọi người dần dần lại gần cho tới khi thành một vòng tròn khép kín. Anh liền cất tiếng hát bài *Bông mười xu và thịt năm xu.* Vòng người ầm ừ hòa theo. Anh lại hát nữa: *“Em* ơi, sao em để tóc ngắn?”. Vòng người cùng hát với anh. Rồi đến bài bi ca: “V*ĩnh biệt quê hương Texas của ta”* một bài ca kỳ ảo có từ trước khi người Tây Ban Nha khác chăng là vào hồi

đó, lời ca bằng tiếng người da đen.

Và bây giờ, cử tọa đã đúc kết thành một khối duy nhất, một tâm hồn duy nhất: những đôi mắt hướng vào trong tâm tư, vào ý nghĩ chới với trôi về thời quá khứ xa xăm, và nỗi u hoài man mác giống như sự nghỉ ngơi, như giấc ngủ. Anh hát bài "*Nỗi buồn chán Mac Alester*". Sau đó, như để chuộc lỗi với các bậc già cả anh hát "*Jêsus gọi tôi đến bên người*". Bọn trẻ con say sưa tiếng nhạc, trở vào lều để ngủ, trong khi những tiếng hát vẫn bay theo đến thấm hòa vào giấc mơ của chúng.

Một lát sau, người chơi đàn đứng lên, ngáp dài và nói:

– Chúc mọi người ngon giấc.

Họ bèn đáp lại trong tiếng thì thầm:

– Chúc anh ngủ ngon.

Và ai nấy đều hối tiếc không biết chơi ghita, vì đó là một điều dễ chịu. Rồi họ đi nằm, cảnh im lặng bao trùm khắp cả trại.

Những con cú mèo chấp chới bay trên đầu, chó sói đồng sủa ở phía xa xa vì lũ chồn hôi lảng vảng tận trong trại tìm các vụn thức ăn rơi vãi; chúng cứ lạch bạch ngạo mạn, chẳng thèm sợ bất cứ gì.

Đêm trôi qua, ánh bình minh vừa rạng thì các phụ nữ đã ra khỏi lều, chuẩn bị củi lửa đun nước pha cà phê. Rồi đến lượt đàn ông, họ ra ngoài khe khẽ nói chuyện với nhau trong bóng tranh tối tranh sáng của ánh bình minh.

– Khi đã vượt qua bang Côlôrađô rồi, thì hình như sẽ gặp sa mạc. Coi chừng sa mạc. Gắng đừng để bị nhỡ. Trữ nước cho nhiều vào, đề phòng trường hợp bị nhỡ.

– Tôi sẽ chạy đêm cho qua sa mạc.

– Tôi cũng vậy, ai lại muốn chết thui ở đấy, mẹ kiếp!

Các gia đình ăn nhanh, chén đĩa được nhúng nước và lau chùi. Lều được tháo gỡ. Cơn sốt khởi hành xâm chiếm hết thảy mọi người. Lúc mặt trời lên, chỗ cắm trại đã trống trơn chỉ còn lại chút rác rưởi vương vãi ngổn ngang. Và nơi cắm trại lại đã sẵn sàng đón một cộng đồng mới vào đêm sắp tới.

Nhưng dọc con đường cái, đoàn xe di tản chậm chậm ì ạch như những con bọ vừng, và dải xi măng nhỏ khổ dàn trải phía trước đến chỗ xa tít tắp.

Chương XVIII

Gia Đình Joad chậm chạp đeo đuổi cuộc hành trình về phía Tây, leo đèo vượt núi ở bang New Mêxicô, vượt qua những đỉnh núi cao, những chóp nhọn trong dãy núi vùng thượng du. Họ đi xuyên sâu vào vùng cao nguyên của Arizona, và qua một kẽ nứt của đèo, họ thấy sa mạc như tranh vẽ ở tận phía dưới. Một người lính biên giới chặn họ lại:

– Các ông đi đâu?

– California, – Tom nói.

– Các ông định ở lại Arizona bao lâu?

– Vừa vặn thời gian để vượt qua thôi.

– Có mang theo cây cỏ gì không?

– Không có cây cỏ gì.

– Tôi phải xem hành lý của các ông.

– Thì tôi đã nói là chúng tôi không có cây cỏ gì hết mà.

Người lính gác dán nhãn hiệu nhỏ trên kính chắn gió.

– Thôi được, đi nhanh đi. Càng nhanh càng tốt.

– Ông yên chí. Chúng tôi chẳng nấn ná làm gì.

Họ từ từ bò lên dốc, những dốc phủ đầy những cây cằn cỗi vặn vẹo. Holbrook, Joseph City, Winslow. Rồi tới các cây to cao, đoàn xe hơi bắt đầu khạc khói mù mịt và ì ạch bò lên. Rồi tới đỉnh dốc cao nhất Flagstaff, từ đó đổ xuống vùng cao nguyên với con đường lớn ẩn hiện tít ở xa. Nước khan hiếm dần, bây giờ phải mua

một bi–đông năm xu, mười xu, mười lăm xu. Mặt trời khô hạn, đất cằn sỏi đá và trước mặt họ sừng sững những đỉnh núi nhấp nhô nham nhở; bức tường thành phía tây của bang Arizona. Bây giờ họ chạy trốn mặt trời và nắng hạn. Họ chạy suốt cả buổi chiều tối, đến đêm thì tới dãy núi và ánh đèn pha yếu ớt nhảy múa trên vách tái nhợt của các bức tường đá hai bên đường. Họ vượt qua đỉnh trong bóng đêm, đến hết đêm họ từ từ đổ dốc, ngang qua một khối chồng chất những tảng đã vỡ của dãy Oatman, và đến tảng sáng thì họ thấy sông Colorado hiện ra ở dưới chân đồi. Đến Topak, họ dừng lại ở đầu cầu và một người lính gác đến bóc nhãn ở chắn gió. Họ vượt qua cầu, đi vào vùng núi đá hoang vu. Bất chấp mệt lử, bất chấp khí nóng ban mai đang bắt đầu dâng lên, họ cũng đành dừng lại. Bố kêu to:

– Đến nơi rồi. Đã ở Califomia rồi. Với con mắt rầu rầu, họ ngắm nhìn các mảnh đá vụn lấp lánh dưới mặt trời, và những vách đá khủng khiếp của Arizona ở phía bên kia sông.

– Còn sa mạc nữa, – Tom nói – Phải cố đến nơi nào có nước hẵng nghỉ.

Con đường chạy song song với con sông và mãi tới gần trưa, khi máy xe hơi đã nóng dữ dội họ tới được Needles, nơi đây con sông vội vã xuyên qua bãi sậy. Gia đình Joad và Wilson lái xe tới bờ sông, họ ngồi trong xe nhìn nước chảy trong veo và các lau sậy xanh tươi nhẹ nhàng nghiêng ngả trong dòng nước. Ở gần sông, đã có một trại với mười một cái lều dựng lên trên bãi cỏ xanh rờn sát mép nước. Tom bèn thò đầu ra cửa xe hỏi:

– Chúng tôi muốn dừng lại đây một lát, có phiền gì cho các ông không?

Một người đàn bà to béo đang giặt quần áo trong

chậu ngẩng đầu lên:

– Có phải của chúng tôi đâu. Ông muốn thì cứ dừng lại. Sắp có cảnh sát tới kiểm soát.

Và bà lại tiếp tục giặt dưới ánh mặt trời chói chang.

Hai chiếc xe hơi đỗ lại ở một bãi đất trống trên đám cỏ mọc rậm rịt. Người ta bỏ các lều vải xuống, ông bà Wilson dựng lều của họ, còn gia đình Joad căng bạt trên dây.

Winfield và Ruthie từ từ bước xuống phía đám lau sậy, qua các bụi rậm và những cây liễu.

– California đây rồi. Chúng mình đang đứng giữa California đấy nhé!

Winfield bẻ gẫy một cây lau, xoắn cho nó toe ra rồi bắt đầu nhau các nõn trắng. Chúng lội xuống sông, rồi đứng im, nước ngập bắp vế.

– Đang còn bãi sa mạc, – Ruthie nói.

– Sa mạc, nó thế nào?

– Tao không biết. Có lần tao thấy những tranh mà người ta nói là vẽ sa mạc. Chỗ nào cũng có xương.

– Xương người à?

– Chắc phải có, nhưng nhiều là xương bò kia.

– Theo mày thì ta sẽ được thấy xương à?

– Biết đâu đấy, tao không chắc. Nhà ta đi qua sa mạc ban đêm! Anh Tom nói thế. Anh ấy nói đi ban ngày thì cháy da cháy tóc mất.

– Mát ơi là mát! – Winfield vừa nói vừa dúi sâu ngón chân vào cát dưới đáy nước.

Bỗng nghe tiếng Mẹ gọi:

– Ruthie? Winfield! Về ngay!

Chúng bèn len lỏi qua lau sậy, bụi rậm để từ từ quay về. Những lều khác vẫn im lặng. Trong phút chốc khi hai chiếc xe hơi vừa đến, có một vài cái đầu thò ra khỏi lều rồi biến đi rất nhanh. Hai lều đã mắc xong đàn ông bèn tụ tập lại.

– Con đi xuống sông tắm một trận đây, – Tom nói. – Trước khi đi ngủ phải tắm cái đã. Nằm trong lều bà nội thế nào?

– Tao chẳng biết. Không có cách nào đánh thức bà dậy được.

Bố nói và nghển cổ về phía lều; từ đó vẳng tới một tiếng nói rên rỉ, lảm nhảm.

– Bà đã dậy. – Noah nói. – Suốt đêm qua ở trên xe hình như bà chỉ rên rỉ càu nhàu. Bà không còn biết gì nữa.

Tom nói:

– Lạy Chúa, bà không kham nổi được nữa? Bà mà không được nghỉ ngơi ngay thì bà chả sống được mấy nỗi. Bà kiệt sức rồi, chỉ tại thế thôi. Có ai thích tắm không? Tôi đi tắm rửa, sau đó sẽ nằm dưới bóng cây ngủ đến hết ngày.

Anh đi và những người khác đi theo anh. Họ vào đám cây liễu cởi quần áo rồi xuống ngâm mình trong nước. Họ ngồi rất lâu, chân bấm xuống cát, chỉ thò đầu lên.

– Trời ơi, được thế này là nhất[37] – Al nói.

Hắn lấy một nắm cát dưới đáy và chà xát lên khắp mình. Nằm dài trong nước, họ ngắm nhìn ở phía xa xa, dãy núi gọi là Needles và các ngọn núi trắng xóa, lởm

chởm của bang Arizona.

– Mình đã vượt qua các ngọn núi đó rồi, – Bố nói, chưa hết thán phục.

Chú John hụp đầu xuống nước:

– Đúng, chúng mình đã ở đây rồi. Đúng đây là California. Nhưng mà, nom nó chẳng có gì là trù phú.

– Còn phải qua sa mạc nữa, – Tom nói. – Nó ác nghiệt lắm đấy.

– Tối nay đi một lèo chứ? – Noah hỏi.

– Ý kiến bố thế nào? – Tom hỏi.

– Ồ, tao cũng chả biết nữa. Nghỉ một chút tưởng không có hại gì, nhất là với Bà nội. Nếu không thì tao thích vượt qua cho nhanh, để có nơi ăn làm yên ổn. Chúng ta chỉ còn có bốn mươi đôla nữa thôi. Tốt nhất là hết thảy ai cũng có việc làm và dần dần có đồng ra đồng vào.

Ngâm mình trong nước, ai cũng thấy dòng nước chảy xiết. Ông mục sư để cánh tay và bàn tay lập lờ trên mặt nước. Các thân hình đều trắng toát tới cổ và cổ tay, rồi ngả màu nâu sẫm trên mặt và bàn tay, với những hình tam giác rám nắng ở kẽ hở sơ mi. Họ vốc từng nắm cát xoa khắp người. Thế rồi Noah nói một cách uể oải lười nhác:

– Tôi thích ở lại đây. Tôi thích sống mãi mãi ở nơi đây. Không bao giờ sợ đói. Không bao giờ buồn chán. Suốt đời nằm trong nước, ươn lười như con lợn cái trầm mình trong bùn.

Ngắm nhìn qua bên kia sông những ngọn núi bị băm xẻ, sừng sững ở chân trời, và thành phố Needles ở hạ lưu, Tom nói:

– Chưa bao giờ con từng thấy núi hắc búa như thế. Có dám giết người mới dám ở một xứ như vậy. Đâu phải là một xứ, chỉ là bộ xương của một xứ. Con tự hỏi liệu có một nơi nào con người sống được mà không phải vật lộn với sỏi đá. Trước đây thấy những bức tranh màu vẽ một xứ bằng phẳng, xanh um, có những ngôi nhà nho nhỏ và, như mẹ thường nói, trắng toát. Mẹ thì mẹ để tâm trí vào một ngôi nhà trắng nhỏ bé. Con bắt đầu nghĩ rằng với một xứ thế này làm gì có chuyện đó – những bức tranh con đã xem vẫn chỉ là tranh.

– Chờ đến California đã. – Bố nói. – Rồi mày sẽ thấy nó xinh đẹp.

– Nhưng lạy Chúa! Thì đây chính là Califomia, bố ơi!

Có hai người đàn ông mặc quần chéo và áo sơmi xanh đẫm mồ hôi đi qua đám cây liễu, nhìn về phía những người đang tắm, họ hỏi:

– Bơi lội thích chứ?

– Không biết nữa, – Tom nói – Chưa bơi thử. Nhưng ngồi đây khoái là cái chắc.

– Chúng tôi có thể xuống ngồi được không?

– Sông này đâu phải của chúng tôi. Tuy vậy vẫn có thể cho ông mượn một khúc ngăn ngắn đấy.

Những người mới tới cởi quần, cởi áo và lội xuống nước. Bụi bám dính vào cẳng họ tới tận đầu gối, bàn chân trắng đẫm mồ hôi. Họ ngâm mình một cách khoan khoái, uể oải kỳ lưng và cạnh sườn. Bị nắng thiêu đốt chín cả người, cả hai, cha và con, rên rỉ khoái trá trong nước.

Bố hỏi một cách lễ độ:

– Ông đi về miền Tây?

– Không. Chúng tôi ở đấy về. Chúng tôi quay về nhà. Không có cách nào kiếm sống ở đấy được.

– Các ông quê ở đâu? – Tom hỏi.

– Texas. Miền Cán Xoong, về phía Pampa.

– Ở quê nhà, ông có đủ sống không? – Bố hỏi.

– Không. Nhưng ít ra có thể chết đói giữa những người mình quen biết. Còn hơn là sống giữa những người căm ghét mình, không tài nào ngửi được mình.

Bố nói:

– Kỳ cục thật. Ông biết không, ông là người thứ hai nói với chúng tôi như vậy. Cớ sao họ lại căm ghét ông?

– Chẳng biết sao – người đàn ông nói.

Y khum bàn tay vốc nước và rửa mặt, vừa cọ sát vừa thở phò phò và khịt khịt mũi. Nước bẩn từ tóc y chảy xuống cổ thành hai vệt xám.

Bố nói:

– Giá được nghe ông nói kỹ hơn về chuyện này thì hay.

– Tôi cũng vậy, – Tom nói – Chuyện làm sao mà cái bọn người miền Tây ấy mà, lại ghét ông?

Người đàn ông lướt nhìn Tom:

– Các ông đang đi về miền Tây ư?

– Đúng thế.

– Các ông chưa từng ở California?

– Chưa hề.

– Thế thì tôi có nói thì các ông cũng chả tin. Các ông cứ đi mà thấy cho tận mắt.

– Úi chà! – Tom nói – Đành là thế, nhưng biết được cái gì đang đợi, vẫn cứ thích đi.

– Đã thế thì thế này! Nếu các ông thực muốn biết thì nghĩ sao tôi nói vậy. Vì các ông đã hỏi mà. Nói là xứ tươi đẹp thì tươi đẹp thật đấy nhưng nó đã bị ăn cắp từ lâu rồi. Người ta vượt qua sa mạc và tới chỗ kia, về phía Bakersfield ấy. Ô, đời ông chưa từng thấy một xứ đẹp đến thế – toàn là những khu vườn ăn quả và vườn nhỏ, đẹp chưa từng thấy khắp nơi ông đi qua, chỉ toàn là đất đai tốt, bằng phẳng, đào chưa tới ba mươi bộ đã có nước – mà đất lại đang bỏ hoang. Nhưng các ông đừng hòng có được một ít đất. Nó thuộc quyền "Công ty Đồng cỏ và Chăn nuôi". Họ mà không muốn cho ai cày bừa thì đất đó không được cày bừa trồng trọt. Nếu vô phúc ông đi vào đấy, gieo vào một ít hạt ngô, thế là ông đi tù.

– Đất tốt mà không ai cày cấy, ông nói thế, phải không?

– Tôi nói chính thế đấy. Đất tốt và không ai đụng tới. Đúng thế, thưa ông. Nghe chừng đó, ông cũng đã tức lộn ruột lên rồi. Nhưng khoan đã, chưa hết đâu. Người ta tới nhìn ông bằng con mắt thật lạ lùng. Họ tới nhìn thẳng vào ông, có vẻ nói: "Đồ con nhà khốn nạn trông bộ mặt không thương được!". Rồi còn có nào những cảnh sát trưởng, nào phó cảnh sát trưởng, đến quấy rầy ông, bẻ hành bẻ tỏi. Nếu chúng thấy ông cắm trại bên lề đường, chúng sẽ bắt ông phải dời đi. Cứ nhìn mặt chúng là biết chúng căm ghét người ta đến đâu. Và, nói thêm với ông điều này: Chúng căm ghét các ông vì chúng sợ. Chúng biết khi người ta đang đói thì thế nào cũng phải kiếm cái gì ăn cho dầu phải cướp lấy. Chúng biết lắm, đất ruộng đang bị bỏ hoang, thế là có tội, và

ai đó sẽ đến chiếm nó. Mẹ kiếp! Chưa bao giờ ông bị gọi là “Okie” chứ? Mẹ kiếp!

– Okie. – Tom hỏi. – Nghĩa là gì vậy?

– Thế này. Xưa kia đó là biệt hiệu dành cho dân ở Oklahoma. Bây giờ, nghĩa là con nhà điếm, là Okie, tức là một cái gì hèn hạ nhất đời. Tự nó cái tên Okie chẳng có nghĩa gì hết. Nhưng tôi không thể nói gì hơn được, mà có nói cũng thế thôi. Tự các ông đến đó mà xem. Tôi nghe nói đâu có khoảng ba trăm ngàn người như chúng ta ở đấy. Họ sống khổ như súc vật, bởi vì cả xứ California đều là của đại điền chủ. Chả còn gì cho ai nữa. Và bọn điền chủ thì chúng cứ bám chặt lấy đất và chúng chẳng thà tàn sát cả thiên hạ còn hơn là buông đất ra. Chúng sợ, nên chi chúng phát điên. Phải đến đó, mắt thấy, tai nghe mới biết được. Mẹ kiếp! Một xứ sở đẹp chưa từng thấy nhưng chúng không tử tế với ông được. Chúng sợ vỡ mật, lo sốt vó nên thậm chí giữa chúng với nhau cũng chả tử tế nữa là…

Tom nhìn xuống nước, vùi gót trong cát.

– Vậy giả dụ người ta có việc làm, dành dụm được ít tiền, cũng không thể tìm được một mảnh đất hay sao?

Người đứng tuổi mỉm cười và nhìn con y, và thằng con cũng nhoẻn một cái cười lặng lẽ, gần như là thắng thế. Người cha bèn nói:

– Không bao giờ ông có việc làm ổn định được. Ngày nào cũng phải đi tìm lần mò kiếm chút việc để có mẩu bánh ăn. Và lúc nào cũng phải chạm mặt với cái bọn cứ nhìn ông như cú vọ. Cứ hái đi chắc chắn ông sẽ bị cân điêu. Cũng có thể có cân đúng, có thể cân điêu. Nhưng rồi ông nghĩ mọi cân đều điêu, đích xác thế nào thì lại không biết, muốn sao ông cũng chả thể làm gì được.

Bố thong thả hỏi:

– Thế vậy… thế vậy, ở đấy chẳng có gì là tốt đẹp sao?

– Ấy, đẹp là cái chắc nhưng chỉ để mà ngắm, chứ không có quyền mó vào. Các ông thấy một vườn cây đầy quả vàng rực, với một thằng canh gác cầm súng, hắn có quyền giết chết ông, nếu vô phúc ông đụng vào một quả. Có một thằng cha, chủ một tờ báo, ở gần bờ biển, có tới một triệu acre của riêng hắn…

Casy ngẩng phắt đầu lên:

– Một triệu acre? Y làm thế nào được với một triệu acre ấy?

– Tôi không biết. Chỉ biết là y có, thế thôi. Với một ít gia súc vỗ béo để ăn thôi. Chỗ nào y cũng đặt người gác, để không cho ai vào đất của y. Đi phất phơ khắp nơi trong chiếc xe bọc sắt. Tôi có thấy ảnh của y. Một gã béo phị, mềm nhẽo, mắt ti hí, và miệng như lỗ đít lừa. Y sợ chết. Y có một triệu acre và y sợ chết.

Casy hỏi:

– Nhưng hắn có thể làm quái gì với một triệu acre? Hắn cần một triệu acre, để làm gì nhỉ?

Người đàn ông rút đôi bàn tay xanh rớt, nhăn nheo, xòe nó ra, cắn chặt môi dưới lại và ngoẹo đầu sang bên.

– Tôi không biết, – y đáp. – Đoán là y điên, không thể khác được. Tôi thấy một tấm ảnh của y, y có vẻ điên. Điên độc ác nữa.

– Ông nói y sợ chết à? – Casy hỏi.

Chính– người ta kể cho tôi nghe thế.

– Sợ Chúa sẽ bắt y đi?

– Không biết. Chỉ biết y sợ thế thôi.

– Y thích cái gì nhỉ? – Bố nói – Không nhẽ y lại không có trò vui. Trước đây ông nội không biết sợ. Khi nào ông thấy cái chết đến sát sườn thì ông lại càng đùa giỡn nhất. Như cái hồi ông cùng một người nữa, vào một đêm tối tăm, rơi tõm vào giữa một bầy da đen Navajos. Tối hôm ấy, họ được đùa giỡn một mẻ ra trò, ấy thế mà lúc đó, tính mạng họ chẳng đáng giá một chiếc bánh kẹp.

Casy nói:

– Đúng sự tình nó là thế. Một đằng thì là một kẻ thích đùa, coi cái sống chả đáng một đồng trinh, một đằng là một gã độc ác, cô đơn, già nua và chán chường… thì lại sợ chết.

Bố hỏi:

– Y chán cái nỗi gì, khi y dã có một nửa triệu hécta?

Ông mục sư mỉm cười, vẻ mơ màng. Ông đưa tay búng một con ruồi nước té ra xa.

– Nếu y cần đến nửa triệu hecta để cảm thấy mình giàu, thì theo tôi, chắc là y cảm thấy trong lòng nghèo ghê gớm; mà nếu trong lòng đã nghèo đến thế thì có một nửa triệu hecta, y cũng không cảm thấy giàu hơn được. Có lẽ y thất vọng vì cố xoay sở đủ trăm phương nghìn cách mà y không tài nào cảm thấy giàu được… tôi nói giàu đây là giàu như bà Wilson, đã nhường lều cho ông nội lúc ông nội đang hấp hối. Không phải tôi đang thuyết giáo đâu, nhưng tôi chưa từng thấy một gã suốt cả đời chỉ bận rộn thu vén cóp nhặt như con chó hoang góp nhặt rác rưởi mà rốt cuộc lại không thất vọng – ông cười nhe răng – Nói thế có giống như một bài thuyết giáo không, hả?

Bây giờ mặt trời đổ lửa dữ dội. Bố nói:

– Tốt hơn là cứ ngâm mình dưới nước, không thì sẽ cháy da cháy thịt đến thấy ông bà ông vải[38].

Vừa nói ông vừa nằm ngửa ra và để cho dòng nước êm ái bập bềnh quanh cổ ông. Rồi ông hỏi:

– Mà nếu một ai đó sẵn lòng làm việc cật lực, y cũng không thể thoát ra được sao?

Người đàn ông ngồi thẳng lên nhìn ông:

– Ông bạn già ơi, tôi nói ông hay. Không phải cái gì tôi cũng biết. Cứ cho là ông đi tới đó, ông tìm kiếm được một công việc cố định; lúc đó tôi sẽ là một thằng nói phét. Mặt khác nếu ông không tìm được việc làm, lúc đó ông trách tôi đã không nói trước cho ông biết. Tôi chỉ có thể nói được với ông là phần lớn những người mà tôi gặp ở nơi kia đều cơ cực quá – Y lại nằm ngửa trong nước – Đời thủa có ai lại biết được tất tật mọi cái.

Bố ngoảnh đầu nhìn chú John.

– Chú là người không hay nói. Từ ngày bỏ nhà ra đi, chú chưa mở miệng quá hai lần. Không phải thế thì cứ cho quỉ bắt tôi đi. Nhưng còn cái chuyện vừa rồi, chú nghĩ sao?

Chú Jonh nhăn nhó :

– Tôi chẳng nghĩ gì hết. Chúng ta đang trên đường đi tới đó, phải không nào? Tất cả những câu chuyện vừa rồi không ngăn chúng ta khỏi đi tới đó được. Khi nào tới được sẽ hay. Nếu có công ăn việc làm thì ta làm, không có việc làm thì chúng ta ngồi bó gối mà nhìn, thế thôi. Nói nhiều hay không nói, đều rứa như nhau cả, chẳng ích lợi gì.

Tom nằm ngửa ra, ngậm nước đầy miệng; rồi anh phun lên trời và cười:

– Chú John không nói nhiều, nhưng đã nói là chí lý. Tối nay lại khởi hành chứ Bố?

– Phải đi thôi. Chẳng thà đi cho xong quách.

– Nếu vậy con vào trong bụi đánh một giấc.

Tom đứng lên và trở lại bờ sông lầm cát. Anh vắt quần áo lên người đang ướt và nhăn mặt vì vải nóng đốt da thịt anh. Những người khác đi theo anh.

Ngồi xổm trong nước, hai cha con người lạ nhìn những người trong gia đình Joad đi xa. Người con nói:

– Lạy Chúa, con muốn thấy sáu tháng nữa họ sẽ ra sao đây?

Người cha đưa ngón tay trỏ khẽ lau mắt:

– Đáng lẽ tao không nên nói mới phải. Người ta bao giờ cũng tỏ ra mình không ngoan hơn, muốn lên lớp thiên hạ.

– Ồ! Lạy Chúa! Bố ơi, tại họ hỏi đấy chứ?

– Đúng tao biết.

– Nhưng như câu hát *“Dù sao thì họ cũng tới đây”*. Câu chuyện bố nói với họ chẳng ăn nhằm gì, trừ ra chỉ khiến họ thấy cực khổ quá sớm trước khi chui vào tròng[39]

Tom len lỏi qua các lùm liễu, và anh bò tới một cái hốc bóng râm. Noah đi theo anh.

– Em ngủ ở đây.

– Tom này!

– Gì cơ?

– Tom ạ, tao không muốn đi xa thêm nữa.

Tom bật nhổm dậy:

– Anh định nói gì thế?

– Tom ạ, tao không muốn rời khỏi dòng nước đây. Tao sẽ đi dọc con sông này.

– Anh dở hơi rồi, – Tom nói.

– Tao sẽ kiếm một cái cần câu. Tao câu cá. Bên con sông xinh đẹp thế này, người ta không chết đói được. – Thế còn gia đình? Còn mẹ? Thì sao?

– Tao không thể bỏ con sông đây được. Chịu thôi.

Đôi mắt rất cách xa nhau của Noah lim dim.

– Mày cũng biết rõ đấy, Tom ạ. Mày biết cả nhà rất tốt với tao. Nhưng xét cho cùng họ không quan tâm đến tao.

– Anh điên rồi.

– Không, tao không điên đâu. Tao biết phận tao. Tao biết họ rất buồn. Nhưng… thôi, tao không đi xa thêm nữa, thế thôi. Mày nói với Mẹ nhé Tom?

– Này, anh nghe em một tí.

– Không chẳng ích gì. Tao đã tắm trong dòng nước này. Vì tao không rời bỏ nó. Bây giờ tao đi đây, Tom ạ, tao đi dọc sông. Tao sẽ bắt cá hoặc các thứ khác, nhưng tao không thể rời bỏ nó được!

Anh bò ra khỏi bóng râm.

– Nói với Mẹ, nghe Tom…

Và anh bỏ đi.

Tom theo anh ra bờ sông.

– Anh điên khổ điên sở, anh nghe đây…

– Chẳng để làm gì, – Noah nói – Tao rất buồn nhưng tao không thể làm khác được. Tao phải đi thôi.

Anh quay ngoắt và cứ men theo bờ sông mà đi. Tom muốn đuổi theo, nhưng rồi anh thay đổi ý kiến. Anh thấy Noah biến mất vào bụi rậm rồi lại hiện ra trên bờ, xa hơn một chút. Anh đưa mắt nhìn theo, bóng Noah mờ dần và cuối cùng mất hút sau một lùm cây liễu. Thế là Tom bỏ mũ gãi đầu rồi anh trở lại hốc bóng râm trong lùm cây liễu nằm xuống để ngủ. Bà Nội nằm trên đệm dưới chiếc bạt bằng giấy dầu căng rộng, và mẹ ngồi bên cạnh bà. Nắng như thiêu như đốt, đàn ruồi vo ve trong bóng lều. Bà Nội nằm ngủ, không quần không áo, trên người chỉ có một mảnh vải màn màu hồng. Bà không ngớt quay đi quay lại cái đầu bạc phơ, lầm bầm những tiếng đầu cua tai nheo và thở một cách khó khăn. Ngồi dưới đất cạnh bà, tay cầm một mảnh giấy bồi thay quạt, mẹ phe phẩy xua đuổi đàn ruồi, và khiến cho một luồng không khí nóng thổi vào khuôn mặt già nua. Rosasharn ngồi phía nệm bên kia nhìn mẹ.

– Will! Will! – Bà Nội gào một cách hách dịch – Lại đây? Will!

Mắt bà mở trừng trừng và bà nhìn xung quanh một cách hung dữ.

– Bảo lão lại ngay lập tức, – bà nói – không thì tao sẽ túm được. Rồi tao nắm lấy tóc tao lôi cho biết tay.

Bà nhắm mắt lại và bắt đầu quay đầu bên nọ sang bên kia, miệng lẩm bẩm lè nhè. Mẹ vẫn quạt cho bà bằng mẩu giấy bồi.

Rosasharn nhìn bà cụ với vẻ chán nản và nói khe khẽ:

– Bà ốm nặng quá.

Mẹ ngước mắt nhìn con gái. Cái nhìn của bà đầy vẻ kiên nhẫn, nhưng trên trán lộ vẻ căng thẳng. Mẹ quạt liền tay, xua ruồi ra xa.

– Rosasharn ạ. Khi người ta còn trẻ mọi việc đều là chuyện riêng. Chỉ cho riêng mình thôi, mẹ biết, mẹ nhớ điều đó, Rosasharn ạ.

Bà thốt ra tên con gái bà, với biết bao lòng thương mến.

– Con sắp có con, Rosasharn ạ, và điều đó cũng là việc riêng của mình con, khiến con cảm thấy xa cách thêm với những người khác. Con sẽ đau đớn và con sẽ một mình với nỗi đau đớn của con và con thấy không, Rosasharn, các lều kia cũng trơ trọi cô độc trên cõi đời này.

Trong một lúc, Mẹ phất mạnh vào không khí để xua đuổi một con nhặng xanh; con vật cánh lấp loáng quay đi quay lại hai vòng xung quanh lều rồi lao vù trong ánh sáng lóa mắt. Mẹ tiếp tục nói.

– Tới một thời sự đời thay đổi. Lúc đó mỗi cái chết là một phần của cái chết chung, một sự sinh đẻ là một phần của toàn bộ những sự sinh đẻ, cái chết và sự sinh đẻ là hai bộ phận của cùng một sự việc. Và lúc đó sự đời sẽ không còn đơn độc nữa. Đến lúc đó một thương tổn sẽ không gây tổn thương nặng nề như người ta tưởng, bởi vì, Rosasharn con gái mẹ ạ, đó không phải là một tổn thương riêng rẽ nữa. Mẹ muốn gắng cho con thấu hiểu điều đó, nhưng mẹ không thể làm được như vậy.

Và trong tiếng nói của mẹ, tràn ngập biết bao sự dịu đàng, biết bao nỗi yêu thương, khiến mắt Rosasharn trào ra giàn giụa.

– Này, con quạt cho bà đi. – Mẹ vừa nói vừa trao mảnh giấy bồi cho con gái – làm thế là tốt cho con đấy. Mẹ cũng muốn làm sao cho con thấu hiểu…

Bà nội mắt nhắm nghiền, lông mày nhíu lại, kêu choe chóe:

– Will! Ông tởm lắm. Không tài nào có cách làm cho ông sạch sẽ lên được.

Đôi bàn tay nhăn nheo bé nhỏ thò lên mặt và cào cấu vào má. Một con kiến đỏ bò lên rèm và đang cố leo lên các nếp da lùa dùa ở cổ của bà cụ già. Nhanh tay, Mẹ chộp lấy nó bóp nát giữa cạnh ngón tay trỏ và ngón cái, sau đó chùi ngón tay vào áo. Rosasharn phe phẩy chiếc quạt giấy bồi, ngước mắt nhìn mẹ, hỏi:

– Có phải bà nội…?

Tiếng nói ngưng lại trong cổ họng cô. Bà nội gào.

– Will! Có định chùi chân đi không đấy? Đồ bẩn như lợn.

Mẹ đáp:

– Mẹ không biết. Có lẽ nếu đưa được bà tới chỗ nào đỡ nóng hơn thì… nhưng Mẹ không biết. Con đừng vận cái lo vào mình. Con cứ phải bình tĩnh, đó là điều cốt yếu.

Một người đàn bà to béo, mặc một chiếc áo dài đen rách thò đầu vào trong lều. Hai mắt mụ lờ mờ, những u thịt mềm nhẽo lệch thệch ở hai bên hàm mụ. Đôi môi hở, môi trên thì như một cái màn gió che lấy hàm răng, môi dưới vì nặng quá nên trễ xuống, để hở cả lợi.

– Chào bà, – mụ nói. – Chào! Sáng danh Chúa trời.

Mẹ quay lại đáp:

– Chào bà.

Người đàn bà chui vào lều và cúi xuống nhìn bà Nội.

– Hình như ở đây có một linh hồn sắp sửa về chầu Chúa! Sáng danh Chúa Trời!

Nét mặt Mẹ đanh lại và đôi mắt dữ tợn.

– Bà cụ mệt, có thế thôi, – Mẹ nói – Cứ mải đi dưới nắng thế này, cụ không kham nổi. Mệt thôi, chả có gì khác. Quí hồ được nghỉ ngơi, cụ sẽ khỏe ngay.

Mụ cúi sát người quan sát gần hơn gương mặt của Bà Nội, chẳng khác gì mụ đang hít hít đánh hơi. Tiếp đó, mụ quay lại nhìn bà mẹ, lắc đầu làm cho đôi môi khẽ đưa đẩy và đôi má sệ rung rung.

– Một linh hồn đáng quí sắp về chầu Chúa.

– Đâu phải thế? – Mẹ kêu lên.

Mụ lại lắc đầu, lần này thì thong thả, và mụ đặt một bàn tay béo mập lên trán bà Nội. Mẹ định gạt tay mụ ra, nhưng kìm lại đúng lúc.

– Không, bà chị ạ, đúng là thế, – Mụ nói. – Trong các lều của chúng ta, có sáu người đã chịu ơn thánh sủng. Để tôi đi tìm họ, ta sẽ tập hợp lại đọc kinh cầu nguyện Thiên Chúa. Tôi là người Jehovites. Tất cả sáu, kể cả tôi. Tôi đi gọi họ tới.

Mẹ cau mày:

– Không… không. Không, bà Nội đang mệt. Bà không chịu đựng nổi một cuộc họp đâu.

– Thế cụ không chịu cầu ơn của Thiên Chúa sao? – Mụ kêu to – Cụ không chịu được hơi thở êm dịu của Chúa Jesus sao? Bà chị ơi, bà nói chuyện gì lạ vậy?

– Không, không họp ở đây, – Mẹ nói – Cụ mệt quá

rồi.

Mụ kia nhìn mẹ với vẻ trách móc:

– Thế ra bà không tin đạo hay sao, thưa bà?

– Chúng tôi luôn sống nhờ ơn Thánh sủng. Nhưng có điều, cụ nội mệt. Chúng tôi đi suốt đêm còn gì. Chúng tôi không dám làm phiền bà.

– Có gì mà phiền. Mà nếu có đi nữa thì nhất thiết phải làm vì một linh hồn đang khao khát được về chầu đức Jésus.

Mẹ ngồi nhổm dậy.

– Chúng tôi cảm ơn bà, – Mẹ vội nói, giọng lạnh lùng – Nhưng không thể họp trong lều chúng tôi được.

Mụ đàn bà nhìn bà rất lâu.

– Thế này, không thể để một chị em của chúng ta ra đi mà không có sự an ủi. Chúng tôi sẽ họp trong lều của chúng tôi vậy, thưa bà. Chúng tôi sẵn lòng tha thứ cho bà về sự khắc nghiệt của bà.

Mẹ lại ngồi xuống và ngồi ngoảnh về phía bà Nội, mặt mẹ còn đanh lại.

– Bà mệt, – Mẹ nói – Chỉ mệt thôi!

Bà Nội lắc lư đầu phía nọ sang phía kia và lẩm bẩm. Mụ đàn bà to béo ra khỏi lều, người cứng ngắc. Mẹ vẫn tiếp tục cúi xuống nhìn khuôn mặt tàn tạ héo hắt. Rosasharn vẫn luôn tay phe phẩy khí nóng với chiếc quạt giấy bồi. Cô gọi:

– Mẹ ơi!

– Gì vậy?

– Tại sao mẹ không để họ hội họp cầu nguyện? – Mẹ cũng không biết. Các người Jehovites là những người

tử tế. Chỉ hay la hét om sòm và nhảy nhót. Mẹ không biết, bỗng dưng mẹ bị thế nào đó. Mẹ nghĩ rằng mẹ không chịu đựng được… Mẹ sẽ quị mất… sẽ tung ra từng mảnh.

Cách đấy không xa có tiếng ồn ào nổi lên. Cuộc hội họp bắt đầu, trước tiên là tiếng ê a hát lời cổ vũ. Lời hát bị át đi, nhưng giọng điệu thì nghe rõ ràng. Tiếng người vang lên, hạ thấp rồi tiếp đó cứ theo từng đợt mà cao dần cao mãi. Một câu đáp len vào quáng ngắt, lời cổ vũ vút lên trong một giọng đắc thắng hòa lẫn với một tiếng gầm gào đầy quyền uy. Lời cổ vũ phình ra rồi ngưng bặt nhường chỗ cho câu đáp lại trong một tiếng lầm bầm. Rồi các lời cổ vũ dần dần rút ngắn, và gay gắt hơn chẳng khác những mệnh lệnh, và một điệu ai oán xen vào các câu đáp. Nhịp điệu nhanh hơn. Cho tới lúc đó, tiếng đàn ông và tiếng đàn bà vẫn đều đều một giọng, nhưng giờ đây, giữa câu đáp, đột nhiên có tiếng đàn bà vút cao, rên rỉ, man rợ và dữ tợn giống tiếng một con thú; bên cạnh đó là một tiếng đàn bà trầm lắng hơn – đúng là một tiếng sủa trong khi tiếng đàn ông vươn lên đầu thang âm để trở thành tiếng sói hú. Lời cổ vũ ngừng lại. Chỉ còn nghe văng vẳng tiếng hú hung dữ, tiếng chân nện thình thịch trên đất. Mẹ rùng mình. Rosasharn thở hổn, thở gấp. Bản hòa tấu những tiếng la hét kéo dài rất lâu đến nỗi tưởng chừng những lá phổi phải vỡ tung.

Mẹ nói: “Nó làm thần kinh mẹ căng thẳng. Chẳng biết mẹ bị làm sao ấy!”.

Đột nhiên tiếng gào rú trở nên điên loạn, biến thành tiếng kêu inh ỏi của loài linh cẩu và tiếng uỳnh uỵch mỗi lúc một to ra. Các tiếng hát rạn nứt, vỡ tan, toàn bản hợp xướng lắng xuống trong tiếng gầm gào, tiếng

khóc nấc, tiếng đen đét vào da thịt, tiếng thình thịch nện xuống đất rồi tiếng khóc nức nở chuyển thành tiếng rên rỉ thút thít, tựa như tiếng ư ử của lũ chó con trước đĩa thức ăn.

Rosasnarn khóc tấm tức khó chịu. Bà Nội lấy chân gạt tấm rèm ra, để hở hai cẳng giống như hai cái gậy xám gồ ghề những mẩu. Rồi bà Nội bắt đầu rên rỉ hòa vào tiếng rên rỉ ở phía xa xa. Mẹ đắp lại tấm rèm che cho bà Nội. Thế rồi bà Nội thở dài, hơi thở dần dà trở nên đều đặn và dễ dàng, đôi mắt nhắm lại không nhấp nháy nữa. Bà ngủ giấc ngủ say và ngáy đều, miệng hé mở.

Những tiếng rên rỉ từ lều bên kia vọng tới cũng lắng dần, lắng dần, và cuối cùng tắt hẳn.

Rosasharn nước mắt rưng rưng, nhìn mẹ với đôi mắt ngây dại.

– Tiếng nguyện cầu khiến bà đỡ ra, – Cô nói – Bà ngủ rồi.

Mẹ cúi đầu xuống, có vẻ hổ thẹn.

– Có lẽ mẹ không phải với những con người tử tế đó. Bà Nội đang ngủ.

– Tại sao Mẹ không hỏi ông mục sư nếu Mẹ phạm tội?

– Rồi Mẹ sẽ hỏi... nhưng ông ấy kỳ cục quá. Dễ chừng có lẽ vì ông ấy mà mẹ ngăn không để những người kia vào lều chúng ta. Ông Casy, ông ấy cứ nghĩ rằng khi người ta làm cái gì, thì đúng là điều phải làm.

Mẹ nhìn bàn tay rồi nói:

– Rosasharn ạ, chúng ta phải ngủ. Muốn tối nay khởi hành, thì phải ngủ.

Mẹ nằm dài xuống đất sát cái nệm. Rosasharn tỏ ra lo lắng:

– Nhưng ai quạt cho bà Nội?

– Giờ thì bà đang ngủ, nằm xuống mà nghỉ đi.

– Con cứ nghĩ mãi không biết anh Connie đi đâu? Con cứ tưởng như không trông thấy anh ấy từ lâu lắm rồi.

– Suỵt! Ngủ đi.

– Mẹ ơi, Connie sẽ học thêm, anh ấy muốn làm nên gì đó.

– Thôi. Chuyện ấy con đã nói với mẹ rồi. Ngủ đi.

Rosasharn nằm dài sát với nệm của bà Nội.

– Connie lại có một ý kiến mới nữa. Anh ấy cứ nghĩ suốt. Khi nào anh ấy đã thông thạo về điện, anh ấy sẽ có cửa hiệu riêng, và lúc đó mẹ đoán xem, chúng con có thứ gì?

– Thứ gì?

– Nước đá… tha hồ nước đá. Sẽ có một tủ lạnh. Cố sao lúc nào cũng đầy. Có nước đá cho các thức ăn không bị hỏng.

– Connie bao giờ cũng nghĩ ra chuyện mới. – Mẹ nói và cười khe khẽ – Giờ thì ngủ đi.

Rosasharn nhắm mắt lại. Mẹ nằm ngửa nhìn trần nhà và chắp hai tay kê đầu. Bà bỗng nghe tiếng thở của bà Nội và con gái. Bà rút tay xua đuổi một con ruồi trên trán. Trại lặng yên trong bầu không khí oi bức, nhưng trong cỏ vẫn âm ỉ những tiếng động, tiếng dế kêu, tiếng ruồi vo ve – gần gũi với sự im lặng. Bà thở dài một tiếng, ngáp một cái và nhắm mắt lại. Trong giấc ngủ

chập chờn, bà nghe có tiếng chân bước lại gần, nhưng lại là tiếng đàn ông khiến bà giật mình thức dậy:

– Ai ở trong ấy?

Mẹ ngồi bật dậy, một người đàn ông, mặt rám nắng, cúi xuống và thò đầu vào phía trong. Y đi ủng, mặc quần kaki, một chiếc sơ mi kaki có cầu vai, một khẩu súng lục để trong bao da đeo ở thắt lưng; một ngôi sao lớn màu bạc ghim ở phía trên ngực bên trái. Chiếc mũ calô nhà binh đội hất ngược ra phía sau. Y vỗ mạnh trên vải bạt căng, tấm bạt kêu như tiếng trống.

– Ai ở trong kia?

Bà mẹ hỏi:

– Ông muốn hỏi gì, thưa ông?

– Ta vừa nói cho mụ biết. Ta muốn biết ai ở trong đó.

– Thì ở đây chỉ có ba người… bà Nội, tôi và con gái tôi.

– Đàn ông nhà mụ đi đâu cả?

– Ồ… họ ra sông tắm. Chúng tôi chạy xe suốt đêm.

– Gần Sallisaw bang Oklahoma.

– Vậy thì, các người không thể ở đây được.

– Chúng tôi định chiều nay đi để vượt qua sa mạc.

– Các người làm thế là tốt nhất đấy. Nếu ngày mai tôi còn thấy các người ở đây vào giờ này, tôi sẽ tống giam. Bọn ta không muốn trông thấy một mống nào trong các người ở lại đây.

Mẹ giận tím mặt. Bà từ từ đứng lên, cúi xuống lấy xoong bằng sắt trong chiếc hòm đựng đồ làm bếp.

Bà nói:

– Thưa ông, mặc cho ông có cái phù hiệu bằng sắt tây với một khẩu súng lục, nhưng tôi có từ đâu đến đi nữa ông vẫn phải nói năng từ tốn.

Tay cầm cái xoong, bà tiến lại gần y. Y mân mê khẩu súng lục trong bao da.

– Cứ bắn đi! – Bà nói – Dọa một người đàn bà. May mà đàn ông nhà tôi không ở đây, không thì họ sẽ xé xác ông ra. Ở xứ tôi những người như ông phải biết trông chừng lời ăn tiếng nói.

Người kia lùi lại hai bước:

– Ô, nhưng ở đây không phải là xứ của các người. Các người đang ở California, mà chúng ta không muốn thấy bọn Okies khốn kiếp ở đây.

Bà đang bước tới thì bỗng đứng sững lại.

– Okies? – Bà lẩm bẩm – Quân Okies?

– Đúng, quân Okies. Nếu ngày mai ta tới mà còn trông thấy các người ở đây, ta sẽ tống giam.

Nói xong, y quay ra và đến gõ lều bên cạnh rồi lại hỏi như cũ.

– Ai ở trong ấy?

Mẹ từ từ trở vào bạt rồi đặt cái xoong vào hòm. Rồi bà từ từ ngồi xuống. Rosasharn nhìn trộm mẹ. Khi thấy mẹ cố gắng giữ cho nét mặt được điềm tĩnh khỏi cau lại, cô nhắm mắt giả vờ ngủ. Mặt trời đã xuống thấp ở phía chân trời, nhưng khí nóng hình như không giảm. Dưới cây liễu, Tom thức dậy, mình đẫm mồ hôi, miệng khô, đầu nặng trình trịch. Anh lảo đảo đứng lên và đi xuống sông. Tới nơi anh cởi quần áo và lội xuống nước. Thân mình anh vừa ngâm dưới nước thì cơn khát cũng

tan biến. Anh nằm ngửa để cho người nổi lên lềnh bềnh. Anh giữ cho người thăng bằng bằng cách tì sâu khuỷu tay vào cát và ngắm các đầu ngón chân thò trên mặt nước.

Một thằng bé xanh xao gầy gò bò tới như một con vật trườn qua đám lau sậy. Hắn tụt quần áo rồi lội ngoằn ngoèo như một con chồn hương, chỉ có mũi và mắt là thò lên khỏi mặt nước. Thình lình, hắn trông thấy đầu Tom và biết là Tom đang nhìn mình, hắn ngừng trò chơi và ngồi xuống nước. Tom nói: "Chào em!"

– Chào! Hình như em dang chơi trò chồn hương thì phải?

– Ờ, đúng!

Nó lần lần dịch ra xa bơi ngoặt về phía bờ, lúc đầu thì có vẻ lơ đãng, rồi đột nhiên nó vọt lên, quơ vội quần áo, rồi chạy biến vào lùm liễu. Tom cười lặng lẽ. Và đột nhiên có tiếng the thé gọi tên anh.

– Anh Tom ơi, anh Tom.

Vẫn ngồi ngâm mình trong nước, Tom cho tay lên miệng huýt sáo, một tiếng sáo lảnh lói. Đám lau sậy rung rung, rồi thấy Ruthie đứng đấy nhìn anh. _

– Mẹ gọi anh, – nó nói. – Mẹ bảo anh phải về ngay.

– Được rồi.

Nói xong, anh đứng lên, sải chân trong nước đi vào bờ; còn Ruthie thì thích thú và kinh ngạc nhìn cái thân hình trần truồng của anh. Thấy đứa em hướng con mắt chĩa vào mình, Tom nói:

– Mày có cút đi không?

Ruthie bỏ chạy. Tom nghe tiếng nó vừa chạy vừa gọi

Winfield một cách háo hức. Anh mặc quần áo nóng trên thân mình mát lạnh ướt át và chậm rãi đi qua các bụi liễu để về lều. Mẹ đã nhóm bếp bằng những cành liễu khô và để sẵn một xoong nước sôi. Trông thấy con, bà có vẻ được nhẹ nhõm:

– Có chuyện gì thế, hở mẹ?

– Mẹ sợ quá con ạ, – bà nói – Có một tên cảnh sát tới đây. Hắn nói chúng ta không thể ở đây được. Mẹ sợ hắn đi tìm con nói với con biết rồi con lại đánh hắn.

– Con đánh một tên cảnh sát để làm gì?

Mẹ cười :

– Thế này… hắn ăn nói quá vô lễ. Suýt nữa thì mẹ đập vỡ mặt hắn ra.

Vừa cười, Tom vừa túm lấy cánh tay mẹ mà lắc mạnh, nhưng không thô bạo. Anh ngồi xuống đất, vẫn cười mãi.

– Lạy Chúa, Mẹ… Mẹ dịu dàng hiền lành lắm cơ mà… Có chuyện gì xảy ra vậy?

Nom bà có vẻ nghiêm trang:

– Mẹ không biết, Tom ạ.

– Thoạt đầu mẹ cầm cán kích hăm dọa chúng con, bây giờ mẹ lại muốn đánh một thằng cớm.

Anh cười lặng lẽ, với một cử chỉ âu yếm anh vuốt ve hai bàn chân để trần của mẹ.

– Mẹ đúng là một con hổ cái. – Anh nói.

– Tom này.

– Gì cơ mẹ?

Bà ngập ngừng rất lâu:

– Tom này, gã cảnh sát vừa rồi… hắn gọi chúng ta là bọn Okies. Hắn nói: “Ta không muốn cái bọn Okies khốn nạn như các người ở lại đây”.

Tom quan sát mẹ một cách chăm chú, một tay vẫn dịu dàng đặt lên bàn chân mẹ.

– Một người khác cũng đã nói cho bọn con nghe chuyện đó. Về cung cách mà ở đây chúng gọi bọn ta ấy mà!

Anh suy nghĩ một lát.

– Mẹ ơi, theo ý mẹ, người ta không thể nói rằng con là một đứa xấu xa chứ? Con muốn nói con không phải là đứa đáng phải nhốt ở nhà giam chứ?

– Không, – bà nói – Con đã bị xét xử nhưng… không – Sao con hỏi mẹ như thế?

– Thế này, con nói mẹ biết, phải tay con thì con sẽ đấm vào mặt cái thằng cớm đó.

Mẹ mỉm cười thích thú.

– Chính ra đáng lý mẹ phải hỏi con cái đó, chả suýt nữa mẹ cầm cái xoong đập vào mặt hắn.

– Này mẹ, tại sao hắn nói ta không thể ở lại đây được?

– Hắn chỉ nói đơn giản là hắn không muốn trông thấy bọn Okies khốn nạn ở lại đây thôi. Hắn nói nếu ngày mai hắn còn thấy ta ở đây, hắn sẽ tống giam.

– Nhưng ta đâu có thói quen để cho bọn cớm muốn làm gì thì làm?

– Chính mẹ nói với hắn như vậy. Hắn bảo xứ này không phải xứ nhà ta. Ta đang Ở Califonlia, chúng làm gì ta tùy thích.

Tom nói vẻ bứt rứt:

– Mẹ ơi, con muốn nói với mẹ một điều này, Noah… đã đi dọc bờ sông… Anh ấy không muốn đi xa thêm nữa.

Mãi một lúc sau mẹ mới hiểu:

– Tại sao thế – bà khẽ hỏi.

– Con không biết. Anh ấy nói anh ở lại. Anh ấy phải ở lại. Bảo con thưa lại với mẹ như thế.

– Nó lấy gì mà ăn?

– Con không biết

– Anh ấy nói sẽ bắt cá.

Mẹ im lặng trong một lúc lâu rồi nói:

– Gia đình ta tan tác hết. Chả biết sao! Hình như mẹ không thể suy nghĩ hơn được nữa. Không tài nào suy nghĩ được! Xảy ra bao nhiêu việc!

Tom nói tuy anh không tin tưởng lắm:

– Anh ấy sẽ xoay sở được thôi mẹ ạ. Anh ấy kỳ cục lắm.

Mẹ quay mắt sững sờ nhìn ra sông:

– Hình như mẹ không còn có thể suy nghĩ được nữa.

Tom đưa mắt nhìn dãy lều, thấy Ruthie và Winfield đứng trước một cửa lều, đang sôi nổi nói chuyện với ai đó ở bên trong. Ruthie đang xoắn gấu áo còn Winfield đang lấy ngón chân cái dụi dụi một cái lỗ con.

– Ê Ruthie!

Nó ngước mắt trông thấy anh và chạy lon ton tới, có Winfield theo sau. Lúc nó tới nơi, Tom nói:

– Em đi tìm tất cả người nhà ta về. Họ đang ngủ

trong mấy bụi rậm kia. Chạy đi. Còn em, Winfield, em đi báo cho ông bà Wilson là ta ra đi, càng sớm càng tốt.

Hai đứa bé quay gót và lao vù đi.

Tom hỏi:

– Bà Nội bây giờ thế nào, mẹ?

– Bà đang nằm nghỉ. Hôm nay bà chợp mắt được một ít. Có lẽ bà đỡ hơn. Bà đang ngủ.

– Tốt lắm. Trong thùng còn thịt muối không?

– Ít lắm. Một góc thịt lợn thôi.

– Thế thì phải lấy thùng kia đổ đầy nước vào. Phải mang theo nhiều nước.

Họ có thể nghe tiếng Ruthie the thé gọi những người nằm ở các lùm liễu Mẹ đẩy các nhánh liễu vào lửa, củi tanh tách khô giòn, và những ngọn lửa to bốc lên xung quanh cái nồi ám đen khói. Bà nói:

– Con cầu xin Đức Chúa chóng cho chúng con chỗ nghỉ ngơi. Con cầu xin Đức Chúa Jesus sao cho có được một nơi dễ chịu để ngả lưng.

Mặt trời chìm xuống sau các rặng núi bị nung đốt và nham nhở ở phía Tây. Trên bếp lửa, nồi nước sôi sùng sục. Mẹ lại góc bạt lấy đầy một tạp dề khoai tây và bỏ vào luộc.

– Con cầu xin Chúa cho chúng con sắp được tắm giặt, chưa bao giờ chúng con bẩn như thế này. Ngay cả khoai tây chúng con cũng không rửa trước khi nấu. Con không hiểu tại sao lại như vậy. Tưởng như chúng con không còn thiết đến điều gì hết.

Đàn ông nằm ở trong lùm liễu, kéo về, mắt ngái ngủ, mặt đỏ hum húp vì ngủ ngày.

– Có chuyện gì vậy? – Bố hỏi.

– Chúng ta đi. – Tom nói – Có một tay cảnh sát đến bảo là chúng ta phải đi. Thôi thì đi quách. Đi sớm thế này, dễ chừng có thể qua được. Còn những ba trăm dặm nữa mới tới nơi.

– Tao tưởng ta phải nghỉ ngơi chứ? – Bố nói.

– Thôi không nghỉ được. Phải đi, – Tom nói – Noah không về nữa đâu. Anh ấy lần theo dọc sông bỏ đi rồi.

– Sao? Nó không đi nữa ư? Có chuyện gì mà nó lại không đi?

Rồi ông lại tự dày vò mình.

– Lỗi tại tôi, – ông nói một cách khổ sở – thằng con trai ấy… lỗi tại tôi cả. – Không. – Tôi không muốn nhắc đến chuyện đó nữa, – Bố nói – Không thể nào… Lỗi tại tôi.

– Dẫu sao cũng nên đi thôi, – Tom nói.

Đúng lúc này ông Wilson bước lại gần:

– Vợ chồng tôi không thể ra đi được, các bạn ơi! Sairy kiệt sức rồi, phải nghỉ ngơi. Bà ấy sẽ không sống nổi mà vượt qua sa mạc.

Tất cả đứng chết lặng. Tiếp đó, Tom cất tiếng: –

Có một gã cảnh sát nói là sẽ bỏ tù chúng ta nếu ngày mai ta còn ở đây. Wilson lắc đầu. Vì quá lo lắng nên mắt ông mờ đi và làn da rám nắng đã bắt đầu xanh xao.

– Thì đấy, phải như thế thôi, không khác được. Sairy không có sức mà đi, chúng bỏ tù chúng tôi thì cứ việc bỏ tù. Nhà tôi phải nghỉ ngơi, phải lấy lại sức.

Bố nói:

– Có lẽ chúng ta nên đợi, để cùng đi một thể.

– Không – Wilson nói – Các bác đã tử tế với chúng tôi nhiều; các bác có lòng, nhưng các bác không thể ở lại đây được. Các bác phải đi đi để tìm công ăn việc làm. Chúng tôi không đời nào chịu để các bác ở lại.

Bố tức tối phản đối:

– Nhưng ông bà không có xu dính túi.

Wilson mỉm cười:

– Khi các bác cho chúng tôi đi theo, chúng tôi cũng chả có gì. Đây là việc riêng của chúng tôi. Các bác đừng làm cho tôi phát khùng. Các bác phải đi thôi, không thì tôi phát điên lên mất.

Mẹ ra hiệu gọi Bố vào lều và thì thầm gì đó với Bố. Wilson quay về phía Casy:

– Sairy yêu cầu gặp ông đấy?

– Tôi sẽ đến ngay, – mục sư nói.

Ông đi về phía cái lều bé tẹo và xám xịt của Wilson; ông vén màn bước vào. Ở đây nóng và tối. Chiếc đệm trải ngay xuống đất, tất cả đồ đạc vương vãi đây đó bởi vì mọi thứ vừa được bốc từ trên xe xuống ngay sáng nay. Sairy nằm dài trên đệm, đôi mắt to và sáng chói. Casy đứng nhìn, thấy cái đầu to của bà ngoẹo sang bên, gân cổ hai bên nổi căng. Ông bèn cất mũ cầm tay.

Bà nói:

– Chồng tôi đã báo cho ông biết chúng tôi không thể đi tiếp được rồi chứ?

– Ông nhà đã bảo thế.

Bằng giọng trịnh trọng, bà nói tiếp:

– Tôi muốn tất cả chúng ta phải đi. Tôi biết sang tới bên kia thì tôi không sống nữa nhưng ít ra tôi cũng tới

được. Nhưng nhà tôi không muốn đi. Ông ấy có biết gì đâu, cứ tưởng mọi việc sẽ khá hơn. Nhà tôi không biết…

– Ông nhà nói là ông không muốn đi.

– Tôi biết, ông ấy bướng bỉnh lắm. Tôi cho mời ông đến để ông cầu kinh cho.

– Tôi không là mục sư nữa. – Ông nói nhẹ nhàng. – Kinh nguyện của tôi không có giá trị gì.

Bà liếm môi:

– Khi ông cụ già mất, tôi có ở đấy. Lúc đó ông đã đọc kinh.

– Đó không phải là một bài kinh nguyện.

– Đấy cũng là một bài kinh.

– Không phải là bài kinh thực sự của mục sư.

– Đấy là một bài kinh tốt. Tôi mong muốn ông đọc cho tôi một bài.

– Tôi không biết nói gì.

Bà nhắm mắt lại trong giây lát và rồi lại mở ra.

– Vậy ông hãy cứ cầu nguyện thầm. Không cần phải nói ra lời, thế cũng đủ.

– Tôi không có Chúa.

– Ông vẫn có Chúa. Ngay dù ông không biết Chúa thế nào, thì cũng vẫn thế, không có gì khác.

Mục sư cúi đầu. Bà quan sát ông một cách lo sợ. Và khi ông ngẩng đầu lên, bà có vẻ thư thái.

– Như thế là tốt, – bà nói – Đó là điều mà tôi cần. Phải có một người khá gần gũi để cầu nguyện.

Ông mục sư lắc đầu như để đánh thức mình dậy:

– Tôi không hiểu bệnh tình bà đang như thế nào?

Bà bèn đáp: – Có, ông có biết… phải không?

– Phải, tôi biết, tôi biết, nhưng tôi không hiểu. Có lẽ bà nghỉ ngơi vài ngày rồi sau đó sẽ đi.

Bà chậm rãi lắc đầu.

– Tôi chỉ là sự đau đớn có bộ da bọc ngoài. Tôi biết là gì rồi, nhưng tôi không muốn nói với nhà tôi. Ông ấy sẽ đau buồn quá. Vả chăng, ông ấy sẽ chẳng biết xoay xở ra sao. Dễ chừng trong ban đêm… lúc ông ấy ngủ… khi thức dậy… đỡ đau đớn hơn.

– Bà có muốn tôi đừng đi, ở lại với ông bà không?

– Không. Không. Thuở còn bé nhỏ, tôi hay hát. Các người ở quê tôi thường nói tôi hát cũng hay như Jenny Lind. Người ta hay tới nghe tôi hát. Và khi họ xúm quanh nghe tôi hát, thì thế đấy, tôi cảm thấy tôi hòa vào với họ làm một như chưa từng thấy. Lòng tôi tràn ngập biết ơn. Không mấy người được như thế đâu, được cảm thấy chan chứa tình cảm, gần gũi nhau đến thế, lúc họ đứng kia và tôi cất tiếng hát. Tôi nghĩ là có thể một ngày nào đó tôi hát trên sân khấu, nhưng chưa bao giờ tôi hát ở đó. Nhưng thế cũng đủ sung sướng rồi. Không có gì đến chắn ngang giữa tôi và họ. Chính vì vậy mà tôi xin ông cầu nguyện cho tôi. Một lần nữa, tôi muốn có một sự gần gũi thân mật đó. Hát ca và cầu nguyện cũng là một điều như nhau, hoàn toàn như nhau. Giá ông có thể nghe tôi ca hát!

Ông nhìn xuống Sairy, nhìn thẳng vào mắt bà.

– Xin tạm biệt, – ông nói.

Bà chậm rãi lắc đầu và mím chặt môi. Ông mục sư bèn ra khỏi cái lều mờ tối trong ánh nắng chói lóa mắt.

Đàn ông đang chất đồ đạc lên xe, chú John đứng trên cao, những người khác chuyển đồ đạc lên cho chú. Chú xếp cẩn thận cố giữ cho có một mặt bằng. Mẹ bỏ nốt một góc thịt muối vào nồi, Tom và Al đem hai thùng ướp muối ra sông chùi rửa. Hai anh em buộc chặt thùng trên bậc lên xuống rồi lấy xô đổ đầy nước. Sau đó họ lấy một tấm bạt phủ lên trên để cho nước khỏi bị sóng sánh trên đường đi. Chỉ còn phải đưa bạt và nệm của bà Nội lên.

Tom nói:

– Chất chở nặng như thế này, cái đầu tàu cũ kỹ này sẽ sôi sùng sục lên đây? Phải trữ thật nhiều nước.

Mẹ phân phát những củ khoai tây luộc, lôi ở dưới đáy lều cái túi khoai tây còn non một nửa và đặt gần nồi thịt lợn. Mọi người đứng ăn, vừa chốc chốc đổi chân vừa chuyển củ khoai tây từ tay nọ sang tay kia cho mau nguội.

Mẹ đến tìm ông bà Wilson, ở lại độ mười phút trong lều của họ, rồi bà lặng lẽ đi ra.

– Đến lúc phải đi rồi, – Mẹ nói.

Đàn ông luồn xuống dưới tấm bạt căng thẳng. Bà nội vẫn ngủ, miệng há hốc. Họ thận trọng nâng tấm đệm và cố hết sức đưa lên nóc xe. Bà rụt đôi cẳng chân xương xẩu vào và cau mày, nhưng vẫn không thức giấc. Chú John và Bố buộc mép bạt vào hai bên thành xe, tạo nên một cái lều nhỏ ở trên nóc xe. Mọi việc đã xong xuôi. Bố rút ví tiền ở túi, lấy ra hai tờ giấy bạc nhàu nát. Bố tới chỗ Wilson và đưa tiền cho ông ta.

– Xin ông bà vui lòng cầm lấy cho… – và lấy ngón tay chỉ miếng thịt lợn muối và mấy củ khoai tây ông nói thêm – và thứ này nữa.

Wilson gục đầu xuống và cương quyết lắc đầu.

– Không làm thế được, – ông nói – các bác chả có nhiều nhặn gì.

– Chúng tôi còn đủ để đi tới đó, đâu có để lại hết. Chúng tôi sẽ có công ăn việc làm ngay thôi.

– Tôi không làm thế được – Wilson nói – Bác đừng có nài khiến tôi đâm cáu.

Mẹ cầm lấy hai tờ giấy bạc ở tay Bố. Bà gấp lại cẩn thận, đặt nó xuống đất rồi lấy cái nồi đựng thịt đặt lên trên.

– Tiền nằm đấy, – bà nói – ông bà không lấy thì người khác lấy.

Wilson đầu vẫn cúi xuống, quay gót vào lều, hai mảnh vải dùng làm cửa lều khép lại.

Gia đình chờ đợi một lúc, rồi Tom nói:

– Đi được rồi đấy, – Tom nói – Có lẽ sắp bốn giờ chiều rồi.

Cả nhà trèo lên xe. Mẹ ngồi trên cùng sát cạnh bà Nội, Tom, Al và Bố ở phía trước, Winfield ngồi trên đầu gối Bố. Connie và Rosasharn áp sát vào buồng tài xế. Ông mục sư, chú John và Ruthie ngồi lộn xộn trên đống đồ đạc. Bố kêu to:

– Tạm biệt ông bà Wilson.

Trong lều không có tiếng đáp lại. Tom rồ máy và chiếc cam–nhông nặng nề lăn bánh, ì ạch như một con bọ hung khổng lồ trên con đường sỏi đá lởm chởm dẫn tới Needles và đường cao tốc. Ngồi trên nóc xe, Mẹ ngoái nhìn ra sau. Wilson đứng trước cửa lều, đưa mắt nhìn theo họ. Tay ông cầm chiếc mũ. Mặt trời chiếu thẳng vào mặt ông. Mẹ vẫy vẫy bàn tay chào vĩnh biệt,

nhưng ông không đáp lại.

Để cho khỏi hại lò xo, Tom chạy số hai trên con đường gồ ghề sỏi đá. Tới Needles, họ vào một trạm xăng kiểm soát lại lốp xe, cả bánh xe phụ tùng buộc ở phía sau. Anh đổ đầy xăng, mua thêm hai bi–đông xăng hăm nhăm lít và một bi–đông dầu mười lít. Anh đổ đầy nước bình phát điện, mượn một bản đồ địa phương và nghiên cứu xem xét bản đồ.

Nhân viên trạm xăng, một thanh niên mặc đồng phục trắng, có vẻ hết băn khoăn lúc Tom đã thanh toán tiền. Y nói:

– Các ông bạo gan thực.

Tom ngước mắt lên hỏi:

– Sao lại thế?

– ừ… dám qua sa mạc trong một cái xe cọc cạch thế này.

– Ông đã qua chưa?

– Hẳn rồi, có ối lần, nhưng không phải với cái xác tàu đắm như thế này.

– Nếu xe bị trục trặc, liệu có tìm thấy được ai giúp một tay không?

– Có thể. Nhưng thiên hạ họ sợ phải dừng lại ban đêm. Tôi chẳng dám làm như anh. Phải bạo gan mà tôi thì không có đủ.

Tom nhe răng cười:

– Cần gì phải bạo gan để làm việc gì khi mà không thể làm cách nào khác. Thôi, cảm ơn. Bọn tôi đi đây.

Nói xong anh lên xe, rồ máy chạy. Gã thanh niên mặc đồng phục trắng trở vào trong lán lợp tôn, ở đó có

người bạn của gã đang chúi mũi trên cuốn sổ.

– Đ.m… nom thằng cha ăn mặc mới tởm chứ!

– Bọn Okies ấy à? Bọn chúng thì đứa nào mà chả tởm.

– Lạy Chúa! Có cho vàng tao cũng không đi trên cái xe ọp ẹp như thế.

– Nói hay nhỉ, mày với tao có phải là đồ hâm đâu. Bọn Okies khốn kiếp ấy, chúng chả có lấy một xu phán đoán và tình cảm. Bọn ấy đâu phải là người. Đời nào người lại sống như vậy được. Người không thể chịu đựng được bẩn thỉu cơ cực như vậy. Bất quá chúng chả hơn lũ khỉ đột là mấy.

– Muốn sao tao cũng lấy làm sung sướng không bị buộc phải vượt qua sa mạc trên chiếc Hudson Super 6 thế kia. Nó ầm ĩ như máy đập lúa vậy.

Gã kia lại nhìn xuống cuốn hóa đơn. Một hạt mồ hôi to chảy từ tay xuống một tờ hóa đơn màu hồng.

– Mày biết không, chúng chả lo lắng mấy nỗi. Chúng ngu xuẩn thế kia nên đâu có biết là nguy hiểm nguy hiếc gì. Ôi mà lạy Chúa, chúng được thế là khá lắm rồi, nào có biết gì hơn đâu! Băn khoăn mà làm gì?

– Tao chẳng băn khoăn gì hết.

– Tao chỉ nghĩ đơn giản, vào địa vị chúng, tao không thích làm thế.

– Bởi vì mày biết nhiều hơn. Chúng chả biết gì khác.

Nói xong gã lấy tay áo, quệt giọt mồ hôi rơi trên tờ hóa đơn màu hồng.

Chiếc xe cam–nhông đi vào con đường lớn dần lên một cái dốc dài, giữa vách đá lởm chởm nứt nẻ. Máy

bắt đầu nóng dữ, Tom phải cho chạy chầm chậm. Con đường cứ lên dốc, lên dốc mãi, chạy ngoằn ngoèo qua một vùng hoang vu, một phong cảnh trắng nhờ nhờ không có dấu vết của sự sống. Tom chỉ dừng lại một lần cho máy nguội đi, rồi lại đi tiếp. Họ leo qua đèo lúc mặt trời còn cao và ngắm nhìn sa mạc trải rộng dưới chân; những dãy núi màu tro đen, và ánh mặt trời cằn cỗi, ngang ngạnh in những bóng nhỏ lên cát và đá sỏi. Mặt trời chói lóa ở thẳng phía trước họ. Tom phải lấy tay che mắt để thấy rõ đường đi. Khi đã vượt qua đỉnh, Tom tắt ga cho nguội máy rồi lặng lẽ đổ xuống vòng cong lớn để đi vào mặt đất bằng phẳng của sa mạc. Ở ghế đằng trước, Tom, Al, Bố và Winfleld ngồi trên đầu gối Bố, bị ánh mặt trời lóa mắt chiếu thẳng vào mặt, mặt họ cứng ra, và khuôn mặt rám nắng ướt đẫm mồ hôi. Đất bị nung khô và những dẫy đồi màu xi than phá vỡ sự hài hòa của phong cảnh ở phía xa xa và nom nó khủng khiếp đáng sợ trong ánh chiều tà đỏ rượi.

Al nói:

– Trời ơi, cái xứ quái quỉ gì mà thế này? Nếu phải đi bộ qua thì anh thấy thế nào?

– Có những người đã làm thế. – Tom nói. – Khối người mà họ làm được thì chúng ta cũng làm được.

– Chắc cũng có một số bị chết.

– Ừ, không thể nói trước rằng chúng ta ra khỏi mà không có sứt mẻ.

Al im lặng một lát nhìn sa mạc đang ngả sang màu hồng vẫn chạy vun vút ở hai bên thành xe. Tom liếc nhìn nhanh mức dầu.

– Linh tính báo cho tao biết là chẳng ai sẽ còn gặp lại bà Wilson nữa.

Winfield nói.

– Bố, con muốn xuống.

Tom quay mắt về nó :

– Con nghĩ là chúng ta ai nấy nên xuống một lát để lấy sức chạy đêm.

Anh hãm máy và dừng lại. Winfield tụt xuống cửa xe và đứng đái bên lề đường. Tom thò đầu ra ngoài: “Còn ai nữa không?”

– Không bọn tao ở trên này thôi. – Chú John nói. – Vẫn vững vàng.

– Winfleld, trèo lên trên kia mà ngồi. – Bố nói – Cứ ôm mày mãi trên đùi, tao bại cả cẳng.

Thằng bé vội cài khuy quần, lao lên phía sau xe rồi bò lổm ngổm tới chỗ chất đồ đạc, tận đến đệm của bà Nội, rồi nó luồn lại chỗ Ruthie. Chiều xuống dần, chiếc xe vẫn chạy, chạy mãi. Mặt trời đã chạm đến bờ chân trời nham nhở nhuốm cả sa mạc trong màu đỏ rực.

Ruthie hỏi:

– Mày không được ngồi dưới ấy nữa à?

– Tao chả muốn. Không thích bằng trên này. Ở đó không nằm được.

– Thế thì đừng quấy tao, đừng có nói chuyện huyên thuyên. – Ruthie nói – Để tao ngủ đây, lúc nào dậy là đến rồi. Anh Tom nói thế mà! Nhìn đồng quê xinh đẹp chắc là khoái lắm.

Mặt trời lặn hẳn, để lại trên bầu trời một vầng hào quang rộng lớn. Và phía dưới bạt đã tối đen như một con đường hầm được soi sáng ở mỗi đầu bởi vạt ánh sáng hình tam giác. Connie và Rosasharn tựa lưng vào

cabin làm gió nóng lùa vào bạt quất vào gáy họ, khiến cho tấm bạt kêu lật phật ở trên đầu. Họ nói chuyện thì thầm, tiếng chìm vào tiếng bạt đập thình thình cho nên chẳng sợ ai nghe thấy. Khi nói, Connie quay đầu ghé vào tai Rosacharn thì thầm, và cô cũng làm như hắn.

Cô nói:

– Có lẽ không bao giờ làm cái gì khác mà cứ chạy mãi chạy hoài thế này… em mệt lắm.

Hắn quay đầu rỉ vào tai vợ:

– Có lẽ sáng ngày mai… giờ đây, em không thích chỉ có mình chúng ta sao.

Trong bóng tối, tay hắn mân mê mông của vợ.

– Đừng anh… anh làm em phát cuồng. Đừng làm thế. – Và cô quay đầu lại để nghe hắn trả lời.

– Có thể… Chờ cho họ ngủ cả rồi…

– Có thể… nhưng để họ ngủ đã. Anh làm em điên lên mất… và biết đâu họ chẳng ngủ ngáy gì.

– Anh không thể dằn lòng được nữa.

– Em biết. Em cũng thế thôi. Ta hãy nói chuyện khác, tới đó sẽ ra sao? Mà anh dịch ra đi, không thì em điên hẳn lên đây này.

Y hơi né ra:

– Thế này nhé! Anh sẽ học đêm.

Cô thở dài.

– Anh sẽ mua một cuốn mẫu hình trong đó có ghi rõ, rồi cắt ngay quảng cáo gửi đi.

– Theo anh thì mất bao lâu?

– Mất bao lâu cái gì? Trước khi anh kiếm được nhiều

tiền và chúng mình có nước đá, ấy mà.

– Không thể nói trước được. – Y làm ra vẻ quan trọng. – Không thể nói chính xác được. Có điều chắc là từ nay đến Noel, anh phải học được nhiều rồi.

– Thế là khi nào anh đã học hành ra trò là chúng ta sẽ có nước đá, và nhiều thứ khác nữa, phải không?

Hắn cười khúc khích:

– Chỉ tại nóng bức thế này… Chứ Noel thì em cần nước đá mà làm gì.

Cô cười rúc rích:

– Đúng đấy. Nhưng em thích có nước đá quanh năm… Thôi đi, em đã bảo mà. Anh làm em điên lên mất.

Hoàng hôn chuyển sang bóng đêm, và trên bầu trời êm dịu, các ngôi sao vùng sa mạc hiện ra; long lanh và sắc, thoáng điểm những chấm vạch, và bầu trời như bằng nhung. Rồi khí nóng thay đổi. Lúc mặt trời còn ở trên cao, khí nóng như làn roi quất vào da thịt, nhưng bây giờ, khi nó từ dưới bốc lên, từ chính ngay mặt đất, thì nó dày đặc làm ngạt thở. Đèn pha xe hơi bật lên, soi sáng một mẩu đường từ phía trước và một dải sa mạc nhỏ ở hai bên. Thỉnh thoảng có đôi mắt lấp lánh trong ánh sáng phía trước, nhưng không có con vật nào hiện ra. Bây giờ dưới lều tối om om. Chú John và ông mục sư co rúm lại ở giữa xe, một khuỷu tay chống lên mắt nhìn đăm đăm qua cái tam giác ánh sáng ở đầu kia đường hầm. Họ nhận rõ hai cái bóng gù của bà Nội và bà Mẹ in trên nền sáng. Họ trông thấy Mẹ chốc chốc lại cựa quậy, cánh tay đen của bà in trên nền trời.

Chú John nói với ông mục sư:

– Casy, ông là người biết suy xét, chắc ông phải biết làm thế nào?

– Biết làm gì và làm cái gì?

– Tôi không biết.

– Ấy đấy, thế mới càng dễ dàng cho tôi.

– Thì xưa ông là mục sư mà.

– Ông nghe đây, John! Mọi người đều nhằm vào tôi mà kêu vì tôi là mục sư, mục sư cũng chỉ là người, chứ có khác đâu.

– Đúng vậy nhưng là… một con người thế nào đó, không thì không là mục sư được. Có một điều tôi muốn hỏi ông…Ông có tin rằng có thể một ai đó đem lại tai họa cho những người khác không?

– Tôi không biết…Tôi không biết.

– Ông biết cho…chính vì tôi đã lấy một người con gái tốt nết, tử tế hết chỗ nói. Thế rồi một đêm cô ấy đau ruột thừa. Cô ấy bảo tôi: "Ông phải đi mời thầy thuốc". "Ồ!" Tôi bảo, "Cô nói gì thế, tại cô ăn nhiều quá đấy thôi!"

Chú John đặt tay lên đầu gối Casy và đôi mắt xuyên qua bóng tối, nhìn chằm chằm vào Casy.

– Cô ấy nhìn tôi như thế nào ấy. Cô ấy rên rỉ suốt đêm và chiều hôm sau cô ấy chết.

Ông mục sư lầm bầm điều gì đó.

– Ông biết không, – John lại nói – chính tôi giết cô ấy. Và từ ngày hôm đó trở đi, tôi cố chuộc tội, nhất là đối với trẻ con. Tôi cố gắng ăn ở cho tốt, nhưng không tài nào được, tôi lại đâm ra uống rượu và đâm ra ngông cuồng rồ dại.

– Ai cũng ngông cuồng rồ dại, trước hết là tôi.

– Đúng vậy, nhưng ông khác tôi, lương tâm ông không tội lỗi.

Casy ôn tồn nói:

– Chắc chắn là tôi cũng có. Ai cũng mắc tội lỗi. Tội lỗi một điều gì người ta không biết chắc. Tất cả những bọn người tự huênh hoang rằng ta đây biết chắc mọi điều và ta đây không có tội lỗi, thì thế này, với các loại khốn nạn đó, giá tôi là Chúa trời, tôi sẽ đá đít tống cổ chúng ra khỏi Thiên đường. Tôi không chịu được chúng.

Chú John nói:

– Tôi có cảm tưởng như tôi mang tai họa cho chính gia đình tôi. Có cái gì đó bảo tôi phải đi đi thôi, để cho họ được yên ổn. Cứ như thế này thì tôi thấy bứt rứt không yên.

Casy nói:

– Tất cả những gì tôi biết, là thế này, người ta phải làm những gì người ta cần phải làm, tôi không thể nói gì với ông được. Không thể. Tôi không tin số may hay vận rủi. Có một điều mà tôi biết chắc chắn ở dưới trần thế này, ấy là không có ai có quyền xen vào đời sống riêng tư của bất cứ ai khác. Ai cũng phải tự lo liệu lấy phận mình. Giúp đỡ người, có thể được, nhưng không được bảo người ta phải là thế này thế nọ.

– Thế là ông không biết? – John thất vọng nói.

– Tôi không biết.

– Ông có nghĩ rằng để vợ mình chết, đó có phải là một tội lỗi không?

– Thế này, với bất cứ ai, đó là một sai lầm: nhưng

nếu ông thấy đó là tội lỗi, thì nó là tội lỗi. Người ta tự mình dựng nên tội lỗi của chính mình, chồng chất lên nhau từng tội một.

– Tôi phải suy nghĩ một chập mới được.

Nói xong, ông nằm khoanh tròn, tay ôm lấy đầu gối. Chiếc xe bon bon trên đường nóng bỏng, giờ khắc trôi qua. Ruthie và Winfield đã ngủ say. Connie rút một tấm chăn ở bọc ra, choàng lên người Rosasharn, choàng cả lên người mình, hai người nín thở, ôm riết lấy nhau trong hơi nóng dâm dấp. Một lát sau Connie hất tung chăn ra, và luồng gió ấm ấm quạt mát rượi trên da thịt đẫm mồ hôi của họ.

Phía sau xe, mẹ nằm dài trên đệm bên cạnh bà nội, mắt mẹ không thấy gì nhưng mẹ cảm thấy trái tim bà nội đang cố đập, thân hình bà nội đang giãy giụa, và bên tai mẹ tiếng thở chỉ còn là một tiếng rên nức nở. Mẹ luôn miệng nhắc.

– Bà ngủ yên. Chóng khỏi thôi.

Và với tiếng khàn khàn:

– Bà cũng biết là phải vượt qua sa mạc. Bà biết.

Chú John kêu:

– Bà có khá không bác gái?

Mãi sau mẹ mới đáp.

– Có lẽ tôi đã ngủ mất.

Và chẳng mấy chốc, bà Nội nằm im không cựa quậy và Mẹ nằm dài thẳng đuột bên bà. Đêm khuya giờ khắc trôi nhanh và bóng đêm bao trùm chiếc xe tải. Thỉnh thoảng có những chiếc xe chạy qua họ, thẳng đường về miền Tây, thỉnh thoảng lại có những chiếc xe tải nặng nề từ miền Tây ngược về phía Đông. Và một thác

những ngôi sao lấp lánh từ từ sa xuống chân trời phía Tây. Gần nửa đêm họ tới sát Daggert nơi có trạm kiểm soát. Đường ngập ánh sáng, trên một biển sáng có ghi dòng chữ: "Nép sang phải. Đỗ lại". Lính cảnh sát đang ăn không ngồi rồi trong phòng giấy nhưng lúc Tom dừng xe, họ đã ra và đứng dưới mái nhà kho dài. Một viên cảnh sát ghi số xe và nậy nắp máy lên.

– Có chuyện gì vậy – Tom hỏi.

– Kiểm soát nông phẩm. Chúng tôi phải khám xe của ông. Ông có đem theo rau hay hạt giống không?

– Không.

– Dẫu sao cũng phải khám xem. Dỡ hàng trên xe xuống.

Mẹ gắng gượng bước xuống. Mặt bà sưng húp, cái nhìn của bà nghiêm khắc và cương quyết.

– Xin các ông hãy nghe. Trong xe chúng tôi có người ốm. Chúng tôi phải đưa tới thầy thuốc. Chúng tôi không thể đợi được.

Nom như bà đang cố đấu tranh với cơn kích động thần kinh.

– Các ông không thể bắt chúng tôi phải chờ đợi trong bịnh tình như thế được.

– Thế sao? Cứ vẫn phải khám đồ đạc.

– Xin thề với ông là chúng tôi không có gì hết, – Bà nói to – Tôi xin thề, bà Nội chúng tôi ốm nặng lắm.

Với một cố gắng phi thường, bà leo lên phía sau xe.

– Ông nhìn đây, – bà nói.

Viên cảnh sát chiếu đèn vào cái đầu già nua tàn tạ.

– Ồ, mà đúng thật, y nói.

– Bà đã thề là không có hạt, trái cây, rau, ngô, cam, tất tật chứ?

– Vâng! tôi xin thề.

– Thôi bà đi đi. Đến Barstow có thầy thuốc. Chỉ cách đây tám dặm thôi. Bà đi ngay đi.

Tom lại lên xe rồ máy. Viên cảnh sát quay về phía đồng sự của y.

– Mình không giữ họ lại được.

– Có lẽ chúng nói láo đấy.

– Ôi! Không dâu. Nếu cậu nom thấy đầu bà già kia thì tớ bảo đảm, không phải chuyện láo toét đâu.

Tom tăng tốc độ để tới Barstow, và tới thị trấn nhỏ này, anh dừng xe, bước xuống vã đi vòng quanh xe, Mẹ cúi xuống anh.

– Được rồi, – mẹ nói – Mẹ không muốn dừng lại ở kia, sợ rằng chúng ta không qua được.

– Phải, nhưng bà Nội, bà thế nào?

– Đỡ lắm, khá lắm. Cứ chạy đi. Cần phải đi qua mới được.

Tom lắc đầu và trở lại phía đầu xe.

– Al này, – anh nói – tao đổ đầy xăng rồi mày lái nhé.

Anh dừng lại trước kho, đổ đầy xăng dầu và đổ đầy nước vào phát phát nhiệt. Tiếp đó, Al luồn phía dưới tay lái để cho Tom ngồi sang phía kia còn bố ngồi ở giữa. Họ đi xa dần trong đêm tối, để lại phía sau những dãy đồi của thị trấn Barstow.

Tom nói:

– Con không biết mẹ có chuyện gì. Mẹ đâm ra hay

cáu hơn cả con chó bị con bọ chấy chui vào tai. Có phải khám đồ đoàn thì cũng chẳng lâu cho lắm. Mà mẹ nói bà nội bị ốm, bây giờ lại nói đỡ. Con không biết mẹ có chuyện gì. Hình như mẹ đâm thất thường. Theo bố, có phải hành trình đã làm cho mẹ loạn óc chăng?

Bố nói:

– Mẹ mày lúc còn trẻ như thế nào thì nay cũng như vậy. Một người rất bạo, không sợ gì hết. Tao tưởng khi đã có nhiều con lại công việc bề bộn đủ thứ, thì chắc mẹ mày sẽ đằm tính. Nhưng phải nói là không. Lạy Chúa, lúc mẹ mày vớ lấy cái tay quay kia, tao không dám liều lĩnh giằng lấy nó, tao nói thật đấy.

– Con vẫn không hiểu mẹ có chuyện gì? Có lẽ mẹ đã kiệt sức.

Al nói:

– Sang được bên kia là em thấy nhẹ nhõm. Em cứ lo ngay ngáy với cái xe thổ tả này.

– Đừng băn khoăn, – Tom nói – Chọn được cái xe này mày thính lắm rồi. Dẫu sao thì ta cũng chưa bị phiền phức gì nhiều với nó.

Suốt cả đêm, họ xuyên qua bóng tối ngột ngạt và bầy thỏ rừng lon ton trước ánh đèn pha rồi chạy trốn với những bước nhảy hỗn loạn. Rồi rạng đông bừng lên phía sau họ khi họ trông thấy ánh sáng của Mojave. Trong ánh bình minh các núi cao in hình ở phía Tây xa xa. Đến Mojave, họ cho xe ăn xăng nhớt và trong ánh sáng của rạng động đang tỏa khắp nơi, chiếc xe ì ạch đi vào giữa các dãy núi.

Tom nói:

– Hay rồi, lạy Chúa! Qua sa mạc rồi. Bố ơi! Al ơi! Lạy

Chúa, qua sa mạc rồi.

– Em cóc cần, mệt chết đi được.

– Mày có muốn để tao lái không?

– Không, đợi tí nữa đã.

Họ chạy qua Techachapi trong ánh sáng vàng rực của bình minh, mặt trời lên phía sau họ và rồi…bất thình lình, họ phát hiện ra thung lũng mênh mông ở dưới chân họ. Al dấn mạnh hãm và dừng xe ngay ở giữa đường.

– Lạy Chú! Trông kìa! – Hắn nói.

Vườn nhà, vườn cây, thung lũng bằng phẳng xanh um tùm và lộng lẫy, những hàng cây ăn quả dài tít tắp, các trại ấp. Bố nói:

– Đức Chúa toàn năng!

Những thành phố ở xa xa, những làng nhỏ thu mình trong hốc các lùm cây và mặt trời ban mai nhuốm thung lũng vàng rực. Một chiếc xe bóp còi phía sau họ, Al cho xe nép sang lề đường.

– Tôi muốn xem phong cảnh.

Những cánh đồng ngũ cốc, vàng óng trong ánh sáng ban mai, những rừng liễu và những hàng khuynh điệp. Bố thở dài:

– Không bao giờ tao lại ngờ có một nơi nào như thế được, một xứ thần tiên.

Những cây đào, những lùm bồ đào và những mảnh đất trồng cam xanh thẫm. Và những mái ngói đỏ giữa những lùm cây, và những vựa ngũ cốc – những vựa dồi dào.

Al xuống xe, duỗi chân duỗi cẳng. Hắn gọi to:

– Mẹ ơi, xuống mà xem. Đến rồi!

Ruthie và Winfield toài xuống xe rồi đứng chôn chân tại đấy lặng lẽ, bối rối và kinh hoàng trước quang cảnh vùng thung lũng rộng lớn. Qua lớp sương mù cảnh vật hiện ra mờ mờ ảo ảo và đất đai mỗi lúc một mịn hơn giăng trải tận tới chân trời xa xa. Một cối xay gió lấp lánh dưới mặt trời và nhìn những cánh quạt nhợt nhạt, người ta tưởng đây là một máy quang báo ở xa xa.

Ruthie và Winfield nhìn nó và Ruthie thì thầm:

– California đấy.

Đôi môi Winfield lặng lẽ mấp máy:

– Bao nhiêu là trái cây.

Casy, chú John, Connie và Rosasharn bước xuống. Họ đứng sững sờ, câm lặng. Rosasham đang vuốt tóc thì nhìn thấy thung lũng và cô buông thõng tay xuống.

Tom nói:

– Mẹ đâu? Tôi muốn mẹ trông thấy cảnh này. Mẹ ơi, nhìn xem kìa. Lại đây mẹ.

Mẹ nhọc nhằn bước xuống xe. Nhưng vừa thấy mẹ, Tom kêu lên:

– Lạy Chúa, mẹ ơi, mẹ ốm sao?

Khuôn mặt bà xám ngoét như hóa đá, đôi mắt bà như lún sâu và hốc mắt, nỗi mệt nhọc đã khiến cho đôi mi mắt sưng húp và đỏ lên. Vừa đặt chân xuống đất thì bà đã phải gắng gượng lắm để vịn vào thành xe. Tiếng của bà khàn khàn:

– Con nói là ta đã vượt qua rồi, phải không?

Tom chỉ về thung lũng rộng lớn: “Mẹ trông kìa!”

Bà quay đầu và miệng hé mở. Ngón tay bà lần lên cổ

họng, nắm lấy một mảnh da kéo ra một cách nhẹ nhàng.

– Ơn Chúa, – bà nói – Cả nhà ta đang ở đây.

Gối bà khuỵu xuống và bà phải ngồi lên bậc xe.

– Mẹ ốm sao?

– Không, chỉ mệt, thế thôi!

– Mẹ không ngủ à?

– Không.

– Bà Nội ốm nặng ư?

Mẹ cúi xuống nhìn đôi bàn tay đang nắm trong vạt áo của mình như đôi nhân ngãi mệt mỏi.

– Ngay giờ đây. Mẹ những mong làm sao chưa nói vội. Mẹ mong muốn mọi việc sẽ êm ái dễ chịu!

Bố nói:

– Vậy là bà Nội mệt lắm?

Mẹ ngước mắt ngắm nhìn thung lũng:

– Bà Nội đã mất!

Ai nấy nhìn Mẹ.

Rồi Bố hỏi :

– Khi nào?

– Trước khi họ chặn xe chúng ta lại tối qua.

– Chính vì thế mà Mẹ mày không muốn chúng nhìn vào hay sao?

– Tôi sợ là ta không thể đi qua được. Tôi đã nói với bà là chúng ta không thể làm gì được cho bà. Gia đình phải đi qua. Tôi đã nói với Bà…tôi nói với Bà lúc bà đang nằm hấp hối ở đấy. Ta không thể dừng lại ngay

giữa sa mạc. Còn có lũ nhỏ…và đứa bé trong bụng Rosasharn. Tôi đã nói chuyện với Bà. Bà lấy tay úp mặt vào ngồi như vậy một lúc.

– Ta có thể chôn cất bà Nội, ở một chỗ xinh đẹp có cây cối – Mẹ nói khe khẽ, – Một miếng đất xinh xắn xung quanh có cây cối. Bà phải được nghỉ ngơi ở California.

Hoảng hốt trước một sức mạnh như vậy, cả nhà nhìn Mẹ với vẻ sửng sốt hòa lẫn nỗi kinh sợ.

Tom kêu lên:

– Lạy Chúa! ấy thế mà Mẹ nằm ở đấy, suốt đêm nằm bên cạnh bà.

Tom lại gần Mẹ và định đặt bàn tay lên vai Mẹ.

– Con đừng chạm tới mẹ, – Mẹ nói, – Sẽ ổn thôi, nếu con không chạm tới mẹ.

Bố nói:

– Bây giờ phải đi. Phải xuống dốc.

Mẹ ngước mắt nhìn chồng:

– Tôi…tôi có thể ngồi phía trước được không? Tôi không muốn trở lại trên kia nữa. Tôi rã rời kiệt sức rồi.

Họ lại leo lên trên đống đồ đạc, nhưng thận trọng tránh cái thân hình dài cứng đơ dưới một tấm chăn, cả cái đầu cũng đã được phủ lại.

Và ai nấy ngồi vào chỗ cũ tránh không nhìn về phía đó, tránh không nhìn cái cục u mà có thể là cái mũi, và cái đường dốc có thể là cái cằm. Họ tránh không nhìn nhưng không thể đừng được. Thu mình trong một góc, cố xa khỏi cái xác chết, Ruthie và Winfield trố mắt nhìn cái hình thù phủ vải. Ruthie thì thầm:

– Bà Nội đấy, mà bà chết rồi.

Winfield gật đầu một cách trang trọng.

– Bà không thở nữa. Chết thật rồi.

Và Rosasharn khẽ nói với Connie.

– Bà đang hấp hối khi chúng mình…

– Biết thế nào được, – Connie nói để cho vợ yên lòng.

Al leo lên nóc xe để cho mẹ ngồi ở phía trước. Và Al làm ra vẻ ung dung, vì hắn đau buồn, hắn gieo mình cạnh Casy và chú John.

– Ôi! Bà già rồi. Đến cõi rồi. Rốt cuộc thì ai cũng chết.

Casy và chú John quay mắt nhìn hắn, một cái nhìn không biểu lộ tình cảm, tưởng hồ trước mắt họ là một cái bụi rậm kỳ quặc biết nói:

– Thì thế mà, không đúng sao? – Hắn hỏi.

Và họ quay mặt di, để cho Al rầu rĩ và chưng hửng.

Casy vẫn chưa hết sững sờ.

– Suốt cả đêm, mà một mình, John ạ, trước mặt ông là một phụ nữ quá đỗi giàu tình yêu thương khiến tôi phải sợ. Bên cạnh bà ta tôi cảm thấy mình bé nhỏ đến thế, xấu xa đến thế.

John hỏi:

– Đó có phải là một tội lỗi không? Trong việc này có cái gì có thể gọi là tội lỗi không?

Casy nhìn ông với vẻ kinh ngạc quá đỗi.

– Tội lỗi ư? Không, tôi chẳng thấy có gì giống như tội lỗi cả.

– Đời tôi, tôi chưa làm cái gì mà không có chút tội

lỗi, – John vừa nói vừa nhìn cái hình thù dài phủ chăn.

Tom, Mẹ và Bố ngồi ở phía trước. Tom để cho xe đổ dốc. Chiếc xe nặng nề chuyển động và phía trước mắt họ, nó khịt khịt, nó giật giật, nó nổ lộp bộp chạy xuống đồi. Mặt trời ở phía sau họ, thung lũng vàng rực xanh tươi giăng trải trước mặt họ. Mẹ nhẹ nhàng lắc đầu:

– Đẹp quá đi mất! Bà nói – Tiếc rằng ông, bà không được nom thấy.

– Tôi cũng nghĩ thế.

Tom nhè nhẹ vỗ vỗ tay lái với bàn tay xòe rộng.

– Ông bà già quá rồi. Các cụ không hề thấy cảnh đó, ông nội có thấy là thấy một xứ man rợ đâu đâu cũng có người da đen, như hồi ông còn trẻ. Còn bà Nội có lẽ bắt đầu nhớ lại, và có thấy là thấy ngôi nhà bà đã ở thuở còn bé thơ. Ông bà già quá rồi.

Bố nói:

– Đấy, thằng Tom ăn nói như người lớn, chả mấy chốc như một mục sư.

Và Mẹ mỉm cười buồn bã:

– Nó đã thế rồi. Nó là người lớn rồi. Tom đã lớn khôn, khôn đủ mọi đường khiến nhiều lúc mẹ không thể theo kịp.

Họ xuống núi. Đường dốc quanh co, vòng vèo tưởng như không dứt. Thỉnh thoảng thung lũng biến mất trước mặt họ rồi lại hiện ra. Và hơi thở nóng của thung lũng dâng lên tận tới họ, nồng nặc mùi hăng hắc và xanh của nhựa thông, của bách ly hương. Dọc đường, dế kêu ran ran, một con rắn chuông trườn qua, Tom đè lên nó và đi, để mặc nó quằn quại trong bụi đất. Tom nói:

– Con có ý kiến lúc tới nơi, ta phải tìm đến cảnh sát tư pháp. Phải mai táng bà cho tử tế, nếu làm thế thì Bố nghĩ tốn hết khoảng bao nhiêu tiền nữa?

– Khoảng bốn mươi đôla.

Tom cười lớn:

– Ôi! Chư vị quỉ thần ôi! Cũng cầm bằng như ra đi tay không. Không thể nói là ta đã mang theo được thứ gì đi cả.

Anh còn cười một lát nữa, nhưng khuôn mặt anh bất giác trở nên nghiêm nghị. Anh kéo sụp mũ xuống mắt chiếc xe cam–nhông xuống núi, tiến sâu vào thung lũng mênh mông bát ngát.

Chương XIX

Xưa kia, bang California thuộc nước Mexicanh và đất ruộng thuộc của người Mexicanh, nhưng rồi có một đoàn người Mỹ rách rưới điên cuồng ào ạt đổ tới. Vì thèm khát đất nên chúng đã cướp luôn đất này. Chúng ăn cắp ruộng đất của người Sulier, ruộng đất của người Guerrero và cướp luôn các đồn điền của họ. Sau đó thì những bọn người háu đói cuồng nộ ấy chia xẻ đất đai, tranh giành nhau, vừa gầm ghè vừa nhe nanh. Và chúng đã lăm lăm tay súng canh giữ đất mà chúng đã ăn cắp được. Chúng dựng nhà cưa, làm chuồng bò, chúng cày cấy, đất đai và trồng trọt hoa màu. Tất cả các thứ đó trở thành sở hữu của chúng, và sự sở hữu biến thành tư hữu.

Một đời sống ăn no chén đầy trên một vùng đất, phì nhiêu đã khiến cho người Mexicains yếu hèn, đi Họ không có đủ sức chống cự lại bọn người kia, bởi lẽ lòng ham muốn của họ đối với bất cứ thứ, gì trên đời này, đều không có thể so sánh được, với lòng ham muốn điên cuồng thúc đẩy người Mỹ, phải có cho được ruộng đất. Với thời gian, bọn, người Spuatters[40] chiếm đất biến thành chủ đất; con cái của họ lớn hơn, và lại sinh đẻ con cái cũng trên đất này.

Cho tới lúc ấy, họ thôi không còn bị giày vò bởi, cơn đói man rợ, cơn đói ngẫu nghiến cấu xé, đói, khát ruộng đất, nước, đất màu mỡ và bầu trời tốt, lành trên đầu, cơn đói khát những đồng cỏ xanh um và những rễ củ căng nhựa sống. tất cả những, thứ đó, họ đã có rồi, có quá nhiều đến nỗi họ, không còn trông thấy chúng nữa. Họ không còn bị, giày vò bởi lòng tham xé ruột xé

gan về mấy sào, đất tơi xốp, một chiếc cày có lưỡi sáng loáng để, trồng trọt, những hạt giống để tung xuống và một chiếc cối xay gió, cành quay tít trên không. Trong lúc chờ cho bầu trời sáng để lao động trên những, mẫu đất thân yêu, họ không còn thức giấc trong bóng đêm để nghe tiếng rít đầu tiên của bầy chim còn ngái ngủ hoặc làn gió nhẹ ban mai vờn quanh nhà. Họ đã mất đi ý thức về các điều đó, và bây giờ mùa màng được tính theo đôla, ruộng đất được đánh giá bằng tiền vốn sản sinh ra tiền lợi nhuận, và hoa màu được bán được mua trước kỳ giao hạt. Thế rồi, mùa màng thất bát, một kỳ hạn hán, một trận ngập lụt không phải là những chết chóc nhỏ cắt ngang đời sống, nhưng chỉ là những thua lỗ đơn giản về tiền bạc. Và những gì là lòng yêu thương họ mang trong trái tim đã bị loãng đi một khi tiếp xúc với đồng tiền; tất cả nhiệt tình mãnh liệt đến tan rỉ giọt và mất đi trong những vấn đề vụ lợi bẩn thỉu cho tới lúc, xuất thân là những tá điền, họ trở thành những người lái buôn thảm hại về nông sản, những người sản xuất nhỏ buộc phải bán hàng của mình trước khi hàng được làm ra. Thế rồi những trại chủ nào mà không phải là những chủ hiệu khôn ngoan tháo vát đành chịu để ruộng đất rơi vào tay những chủ hiệu lắm mánh khoé, và cho dẫu thông minh đến mấy, tha thiết đến mấy với ruộng đất cùng những thứ trồng trên đó, một con người không thể tồn tại được nếu đồng thời y không phải là một tay chủ hiệu có tài xoay sở. Thời gian trôi qua, những nhà kinh doanh chiếm được các trang trại, các trang trại mỗi ngày một mở rộng, nhưng các trại chủ lại ít đi.

Nông nghiệp trở thành một kĩ nghệ, các điền chủ vô tình đi theo nước La Mã cổ đại. Họ nhập cảng nô lệ, tuy rằng họ không gọi đó là nô lệ: người Trung Hoa, người

Nhật, người Mêxicô, người Phi Luật Tân. Theo lời bọn người kinh doanh nói những người nô lệ đó chỉ ăn cơm và đậu. Họ không có nhu cầu. Họ không biết làm gì với tiền công cao. Thì đấy, cứ nhìn xem họ sống như thế nào.Chỉ cần xem họ ăn những gì. Mà nếu họ tỏ vẻ ca cẩm thì, cứ việc trục xuất họ, thế là ổn.

Trang trại ngày càng rộng lớn thêm nhưng chủ trại ngày càng ít đi. Duy chỉ còn lại một dúm tá điền thảm hại vẫn bám lấy ruộng đất. Và những nông nô nhập cảng bị đánh đập, bị hăm doạ, phải ăn uống đói khổ đến nỗi một số trong đám họ phải trở về xứ sở quê hương còn những người khác thì trở nên hung dữ để rồi bị giết chết hoặc bị trục xuất khỏi vùng. Và trang trại càng bành trướng thêm còn các chủ sở hữu càng ít đi.

Rồi hoa màu thay đổi. Cây ăn quả thay thế những cánh đồng ngũ cốc; và đủ các thứ rau để nuôi sống cả toàn cầu. Giăng trải bát ngát trong các thung lũng rau diếp, xúp lơ, khoai – các thứ cây củ mà người ta phải cúi gập người mới thu lượm được. Người ta có thể đứng khi cầm liềm hái, cầy bừa, chống nạng, nhưng phải đi bốn chân như con bọ hung giữa các luống xà lách, phải còng lưng kéo các bao tải dài giữa các luống bông, và quỳ gối mà lê lết như người chịu tội, trong các vườn xúp lơ.

Rồi đến một lúc các chủ điền chấm dứt hẳn công việc của họ ở trang trại. Họ trồng trọt trên giấy tờ và họ quên ruộng đất, quên mùi ruộng đất, quên cảm giác về ruộng đất, họ chi nhớ rằng đất đai thuộc về họ, chỉ nhớ độc nhất những món lời lãi nó đem đến cho họ và vì nó mà đến bao nhiêu. Và một số các trang trại đã bành trướng đến mức mà một người thậm chí không

thể tưởng tượng nổi, bành trướng đến mức cần phải có một đội quân những người kế toán để nắm cho được đầu mối các lợi tức, tiền lỗ lãi, các nhà hoá học để thử nghiệm chất đất, khiến cho nó phì nhiêu, và những tay– giám thị để trông coi sao cho những con người đang cúi lom khom dọc các hàng cây kia phải chuyển động thật nhanh, nhanh đến mức tận cùng sức chịu đựng của thân xác. Từ đó người chủ trại thực ra đã trở thành một thương gia, trông nom một cửa hiệu. Y trả công người làm, bán cho họ thực phẩm bằng cách đó lấy lại số tiền y đã chi ra. Ít lâu sau, y chẳng còn phải trả công cho họ nữa và như thế đỡ phải sổ sách lôi thôi. Các trang trại đó bán chịu thực phẩm. Mọi người công nhân có thể lao động và mua chịu thức ăn; và khi công việc đã xong xuôi đâu vào đấy, lúc đó anh ta mới có thể thấy mình nợ tiền của công ty. Và không những các chủ trại không làm việc ở trại nữa, mà một số lớn bọn họ thậm chí cả đời chưa nhìn thấy trang trại mà họ sở hữu.

Vào lúc đó, đám người bị tước mất ruộng đất bị lôi cuốn về miền Tây – tràn tới từ Kansas, Oklahoma, Texas. New Mexico, Nevada và Arkansas; họ đến từng gia đình, từng bộ lạc, bị bụi xua đuổi, bị máy cày xua đuổi. Chồng chất trên xe tải, trên từng đoàn xe, những con người đói khát, không nhà không cửa; hai mươi ngàn rồi năm mươi ngàn, rồi trăm ngàn, rồi hai trăm ngàn. Họ từ các núi cao tràn xuống như cơn lũ, bụng rỗng mà đứng ngồi không yên . – lăng xăng như những con kiến bận rộn tìm công việc gì đó để làm – để bốc vác, để đẩy để kéo, để cuốc, để chặt – bất cứ gì, bất cứ vật nặng nào để mang hòng đổi lấy một chút thức ăn. Bọn trẻ con đang đói. Chúng tôi không có nơi sinh sống. Giống như đàn kiến suốt đời tìm kiếm việc làm, thức ăn và trên hết là ruộng đất.Chúng ta đâu có phải người

nước ngoài. Là người Mỹ đã bảy thế hệ, con cháu người Liêclan Xcốt, Anh, Đức. Một trong các tổ phụ của chúng ta đã chiến đấu trong cách mạng – một số đông trong chúng ta đã dự cuộc chiến Nam Bắc phân tranh – ở cả hai phe. Người Mỹ chính cống!

Họ đòi và họ nổi khùng. Nơi mà họ mong mỏi tìm thấy một căn nhà ấm cúng, họ chỉ thấy sự thù hằn. Quân Okies! Bọn chủ ghét họ vì chúng biết chúng bị mềm yếu bởi một cuộc sống quá sung túc còn quân Okies thì khoẻ, vì chúng ăn no chén đẫy mà quân Okies lại đói; và có thể bọn chủ đất đã nghe ông cha chúng kể lại rằng cướp ruộng đất của một con người ươn lười thì dễ biết bao, khi mà bản thân mình đói khát, tàn bạo mà lại có vũ khí trong tay. Bọn chủ đất ghét họ. Và vào các thành phố những người buôn bán căm ghét họ vì họ không có tiền để tiêu xài. Không có con đường nào ngắn hơn dẫn đến sự khinh miệt của một tay chủ hiệu; và mọi sự ngưỡng mộ của y hoàn toàn ngả về hướng đối lập. Dân thành thị, các nhà ngân hàng nhỏ ghét quân Okies vì chả moi được gì ở mọi người khố rách áo ôm này. Họ chỉ có hai bàn tay không, còn dân thuyền thợ ghét quân Okies, bởi vì một người đang đói cần có công ăn việc làm, nếu họ phải lao động, sống chết gì cũng cần phải lao động, thì thế nào? Tay chủ thuê lập tức trả cho họ một tiền công ít ỏi hơn; và sau đó thì không ai có được tiền công cao hơn.

Và những kẻ bị tước đoạt, trở thành dân di tản, tràn vào California như dòng nước lũ – hai trăm năm mươi ngàn, rồi ba trăm ngàn. Ở nơi kia, nơi quê hương bản quán, sự xâm lăng ngày càng bành trướng của máy cày ném ra đường cái những đoàn tá điền mới, những làn sóng mới đang ào ạt đổ tới – làn sóng những người bị tước đoạt, không nhà cửa, dạn dày, quyết chí và nguy

hiểm.

Trong khi người dân California thèm khát đủ thứ của cải tích luỹ, thành đạt xã hội, lạc thú, xa hoa và bảo hiểm ngân hàng thì người di tản, quân rợ mới, chỉ muốn có hai điều – ruộng đất và cái ăn; và đối với họ, hai điều nhưng chỉ là một. Và trong khi những thèm khát của người California mơ hồ không xác định, thì mong muốn của quân Okies đã trải rộng dọc bên đường cái ngày dưới mất và khiến phải thèm khát những cánh đồng phì nhiêu có sẵn nước gần đây; những cánh đồng xanh tươi, đất màu mỡ của người ta có thể bóp vụn trong tay để thử nghiệm; cỏ thơm và những thân lúa mạch mà người ta nhai nhấm cho tới lúc cảm thấy trong cố họng cái hương vị ngọt sắc.

Đứng trước một cánh đồng bỏ hoang hoá biết bao con người đã mường tượng trong đầu óc mình đang bắt tay vào việc, vì họ biết rằng cái lưng họ cúi xuống và cánh tay gần bắp của họ căng ra sẽ làm nẩy ra trong ánh sáng các thứ xu hào, bắp cái, cà rốt và ngô vàng óng.

Một người đói khát không nhà cửa, chạy xe trên các nẻo đường với vợ bên cạnh và những đứa con gầy gò ngồi ở phía sau, nhìn vào những cánh đồng bỏ hoang có thể sản xuất lương thực chứ không phải lợi nhuận, và con người đó có cảm tưởng rằng bỏ hoang ruộng đất là có tội, không sử dụng đất đai là một tội ác chống lại đàn trẻ con đói khát.

Và khi con người đó chạy xe dọc các nẻo đường , bị giày vò bởi sự cám dỗ trước mỗi cánh đồng, bị giày vò bởi lòng ham muốn chiếm lấy các cánh đồng đó, và từ đó rút ra cái gì đem lại sức khỏe cho con cái y và một ít tiện nghi cho vợ y. Sự cám dỗ mãi mãi ra trước mắt ý.

Các cánh đồng thúc vào y, các con kênh tưới tiêu của công ty mà nước chảy dồi dào, là một cái gậy nhọn đâm vào y.

Khi tới miền Nam y trông thấy những quả cam vàng ối lủng lẳng trên cành, những quả cam nhỏ vàng rực treo trên các vòng lá xanh thẫm, và y cũng thấy bọn người cầm súng đi tuần canh gác trại cam; ngăn không cho người cha hái một quả cam cho một đứa con còi cọc – những quả cam đó sẽ bị đem đổ thành những đống rác nếu giá cả trên thị trường bị đánh sụt.

Y lái chiếc xe cũ kỹ vào một thành phố và đi khắp các trang trại để kiếm việc làm.

Đêm nay ta sẽ ngủ ở đâu?

Thôi, có thành phố Hooverville trên bờ sông. Ở đấy đã có một đám đông người Okies.

Y đánh chiếc xe cũ kỹ tới Hooverville. Sau đó y không cần hỏi han gì thêm nữa vì trên bờ sông của mỗi thành phố, đã có một Hooverville.

Thành phố xơ mướp nằm sát bờ sông, nhất là những lều vải, những túp bằng lau sậy, những chòi bằng giấy bồi – toàn cảnh là một đống những thứ tạp nhập bỏ đi. Người đàn ông đưa gia đình vào chỗ cắm trại và trở thành công dân của Hooverville– tất thảy đều gọi là Hooverville. Y cố dựng lều càng gần nước càng hay, mà nếu không có lều, y sẽ đi kiếm những mẩu giấy bồi ở đống rác thành phố và tự tay lắp dựng một nhà giấy bồi mái chấp nhô. Trận mưa đầu tiên vừa ập xuống thì nhà đã nhão ra và sụp đổ tan tành. Y bám lấy Hooverville, từ đó sẽ đi khắp xứ để tìm công ăn việc làm, và món tiền nhỏ nhoi mà y có tan biến thành etxăng. Buổi tối đàn ông túm tụm lại nói chuyện. Họ

ngồi xổm, họ nói đến những ruộng đồng mà họ đã trông thấy.

Có ba mươi ngàn mẫu, ở kia ở mạn Tây – Lạy Chúa, đất nằm đấy mà bỏ hoang. Có ruộng đất kia, chỉ cần năm mẫu thôi, tôi có thể làm được bao nhiêu chuyện! Ô, mẹ kiếp nó, tha hồ thừa ăn. Bác có nhận thấy điều gì không? Họ không có gia cầm, có rau, cũng không có lợn trong trang trại. Họ chỉ trồng độc một thứ – bông, chẳng hạn, hay đào hay rau diếp. Nơi khác, chỉ độc là gà. Họ mua đủ các thứ mà lý ra họ có thể trồng ngay ở trước cửa.

Lạy chúa, giá có một hay hai con lợn, tôi sẽ được bao nhiêu thứ!

Ối chà! Bác không có được đâu, sắp tới đây cũng không có đâu.

Làm ăn thế nào bây giờ? Với cung cách này thì trẻ con lớn làm sao được.

Một tiếng đồn đại mơ hồ lan đi trong khắp các trại. Hình như ở Shafter có việc làm. Thế là đang đêm xe hơi lại hối hả chồng chất đồ đạc chạy ngổn ngang trên đường cái – một cuộc đổ xô đi tìm việc làm như đi tìm vàng. Ở Shafter, người người chen chúc, giày xéo nhau đông gấp mười so với công việc. Một cuộc chạy đua tìm công ăn việc làm. Họ lẻn ra đi trong đêm như kẻ trộm, điên cuồng lên với ý nghĩ được thuê làm. Và suốt dọc các nẻo đường, sự cám dỗ vẫn sờ sờ trước mắt: những cánh đồng có thể nuôi sống họ.

Cánh đồng đó, đã có chủ rồi. Đâu phải của chúng ta.

Ồ! Dễ chừng ta có thể có được một khoảnh nhỏ – một khoảnh bé tẹo thôi mà. Ấy, kia kìa – cái mảnh đầu thừa đuôi thẹo kia. Hiện giờ ở đây chỉ có cây gai. Lạy

Chúa. Tôi có thể trồng một ít khoai tây đủ để nuôi cả gia đình, ở cái mảnh thừa ấy!

Thửa đất đó không phải của chúng ta. Thì đã bảo mà, ở đây chỉ có gai góc mọc thôi.

Thỉnh thoảng, có một người thử đánh liều xem sao, y lẻn vào trong thửa đất, dọn sạch cả một góc nhỏ, cố đánh cắp của đất một ít sự phì nhiêu của nó. Những khu vườn bí mật được bụi rậm che dấu.Một gói hạt giống cà rốt, vài củ xu hào, khoai tây.ban đêm lẻn đến cuốc mảnh đất lấy trộm.

Cứ để cỏ dại, cây gai mọc xung quanh – Thế là ai mà thấy được chúng ta đang làm gì. Cũng để một ít cỏ dại ở giữa nữa.

Những buổi làm bí mật vào ban đêm; nước tưới dựng trong một hộp sắt tây rỉ. Thế rồi, một ngày nọ viên phó quận trưởng cảnh sát ập tới:

– Thế nào đây, cái anh kia, anh định làm gì đấy

– Tôi có định làm gì bậy đâu ạ?

– Ta đã theo dõi anh rồi. Đất này không thuộc của anh. Anh đã phạm luật.

– Đất không được cày cấy, như thế chả hại cho ai!

– Một giuộc như nhau, cái bọn Okies khốn kiếp! Nếu cứ để anh làm, chẳng mấy chốc anh tưởng đâu ruộng đất là của anh. Đến lúc đó anh mới thấy đau như hoạn. Anh tưởng đâu đất là của anh ? Thôi, cuốn xéo ngay, cút!

Thế là các mầm xanh mới nhú của cà rốt và xu hào bị dẫm xéo tan hoang. Thế rồi gai góc cỏ dại lại mọc đầy. Nhưng gã cảnh sát nói đúng quá. Một thứ hoa màu – thì tức là quyền sở hữu chứ còn gì. Cày xới đất đai, có

cà rốt ăn. Một con người sẽ liều mạng đánh lộn để gìn giữ mảnh đất đã từng nuôi sống hắn. Phải tống khứ hắn ngay lập tức. Hắn sẽ cho là đất thuộc của hắn. Thậm chí hắn có thể liều mạng vì một góc đất nằm lút giữa cỏ dại gai góc.

Ông đã trông thấy cái mặt hắn khi người ta phá cái mảnh xu hào của hắn chưa? Chẳng khác cái mặt thằng giết người, nói thật đấy mà! Cái ngữ ấy, phải trị thẳng tay, không thể chúng sẽ chiếm cả nước. Hết cả nước, ông nghe chửa?

Toàn lũ tứ chiếng giang hồ, toàn bọn ngoại bang.

Chúng cũng nói tiếng như chúng ta, cái đó thì đồng ý nhưng dẫu sao chúng không giống chúng ta. Ông chỉ cần xem chúng sống thế nào. Ông có thấy ai trong chúng ta sống như thế không? A. mẹ kiếp, không !

Buổi tối, lại ngồi xổm rồi lại trò chuyện– và đột nhiên, một người hăng tiết

– Cớ sao ta không rủ lấy hai mươi người để chiếm lấy một mảnh đất? Ta có súng. Ta cứ chiếm rồi nói vào mặt chúng “Bây giờ thử tống bọn ta ra ngoài xem”. Sao ta lại không làm thế?

– Chúng sẽ hạ chúng ta như những con chó.

– Thì sao? Các anh, các anh muốn thế nào hơn ? Muốn chết hay muốn ở đây mà sống vất vưởng ?Nằm dưới ba thước đất hay nằm dưới một cái chái lều bằng những mảnh khố tải chắp lại? Các anh thích thế nào hơn cho các cháu nhà các anh? Để cho chúng chết ngay lập tức, hay sau hai năm mới chết vì … người ta nói thế nào nhỉ… thiếu dinh dưỡng? Các ông có biết cả tuần chúng ta có gì ăn không nào? Bột tầm ma và bánh kẹp! Mà bột làm bánh lấy ở đâu, các anh biết không? Quét

sàn toa tàu chở hàng hoá!

Chuyện trò cứ râm ran trong các trại. Bọn nhân viên phụ tá béo mập, mặt đỏ gay, to mông, khẩu súng lủng lẳng bên đùi, nghênh ngang đi qua đi lại các nhóm: Phải trị thẳng tay cho chúng biết thân. Chỉ có cách đó mới khiến chúng ngồi yên.Không thế thì chỉ có Trời biết những tụi chó chết ấy chúng sẽ làm gì? Ôi, lạy Chúa chúng cũng nguy hiểm như quân da đen khốn kiếp ở Miền Nam! Nếu để yên cho chúng kết đoàn kết toán thì thôi, chả có gì chặn chúng lại được.

Chú ý: tại Lawrenceville một viên phó quận trưởng, tiến hành việc trục xuất một gã di tản. Gã di tản chống cự khiến viên cảnh sát buộc phải dùng bạo lực. Đứa con trai gã di tản, mười một tuổi dùng khẩu súng trường 22 bắn chết viên phó quận trưởng.

Đã bảo rồi, chúng là loại rắn chuông! Đừng có dây dưa với bọn chúng: nếu chúng cãi lý, phơ luôn. Một thằng oắt con mà dám bắn một viên cảnh sát, thì người lớn còn dám làm tới đâu? Vấn đề là mềm nắn rắn buông[41]. Thẳng tay với chúng, thế thôi, cho chúng phải khiếp chứ.

Nhưng nếu chúng không sợ thì sao? Nếu chúng chống lại và bắn trả? Từ thuở còn là trẻ con, tay chúng đã cầm súng rồi. Với chúng, khẩu súng là một gạch nối dài con người của chúng. Vậy nếu chúng không sợ bị uy hiếp thì sao? Và nếu một ngày nào đó một đội quân những hạng người đó tràn vào xứ, như xưa kia, rợ Lombard vào Ý, người Đức vào xứ Gaule, người Thổ vào Byzantium thì sao? Bọn rợ đó cũng đòi đất đai, bọn rợ đó cũng chỉ là quân ô hợp với vũ khí thô sơ, ấy thế mà Đạo quân lê dương đâu có ngăn chặn được chúng? Làm thế nào cho một con người biết sợ, khi cơn đói

không chỉ hành hạ dạ dày y mà cơn đói còn giày vò ruột gan con cái y? Đừng hòng bắt y phải sợ – Chả có gì khiến y phải sợ. Có bị sét đánh y cũng chả sợ.[42]

Tại Hooverville cánh đàn ông bàn tán: Đất của y là do ông nội y chiếm đoạt của người da đen.

À, không, nói thế tôi không đồng ý. Của ấy là của phi nghĩa, của ăn cắp, tôi đây, tôi không phải là thằng ăn cắp.

– Thật không? Thế chiều hôm kia, anh đã đánh cắp một chai sữa ở trước cửa nhà nào đó. Cũng đánh cắp một ít dây đồng đem đổi lấy một miếng thịt…

Ờ ờ … nhưng tụi nhỏ đang đói.

Muốn sao vẫn cứ là ăn cắp.

Anh có biết lão Fairfield có được trại nuôi gia súc như thế nào không? Tôi kể anh nghe. Hồi xưa cả xứ là tài sản của chính phủ, ai cũng có thể xin một khoảnh đất. Lão Fairfield, lão đi tới tận San–Francisco, tới đó lão đi khắp các tiệm rượu, chèo kéo dụ dỗ bọn người say rượu hoặc vô gia cư. Lão dẫn về ba trăm đứa. Bọn người đó xin đất chính phủ. Fairfield đãi họ ăn, đãi rượu whisky khi họ đã lấy đủ giấy tờ chứng nhận rồi, lão già thu lại tất. Lão nói là cứ là cứ một acre lão phải chi ra một lít rượu mạnh. Cái đó, các anh nghĩ xem, có phải là ăn cắp hay không?

Ờ, kể ra thì làm thế là không đúng, nhưng có bao giờ lão phải đi tù vì chuyện đó?

Không đời nào lão bị tù … Còn cái thằng cha đã giấu một cái thuyền trong xe, hắn làm tờ trình khiến người ta tin là của cải đồ đạc đã bị chìm cả dưới nước bởi lẽ lão đã đi thuyền tới. Cũng vậy, lão này chả bao giờ phải tù. Và những kẻ đã mua các ông nghị, các hội viên Hội

đồng, chúng cũng không bao giờ đi tù. Trong khắp Tiểu bang, khắp các ngoại ô Hooverville thiên hạ cứ đồn kháo lung tung. Thế là bắt đầu những cuộc vây ráp. Bọn cảnh sát vũ trang xông vào các trại di tản.

Đi khỏi nơi đây – theo lệnh của Bộ Y tế vệ sinh.Trại này uy hiếp đến sức khoẻ.

Chúng tôi đi đâu?

Không phải việc chúng tôi. Chúng tôi nhận được lệnh trục xuất các người. Trong nửa giờ nữa, chúng tôi đốt trại.

Trong các trại ở kia, đã có những trường hợp bị thương hàn. Các người muốn bệnh lan tràn khắp hay sao?

Nửa tiếng sau, các căn nhà bằng giấy bổi, các túp lều cỏ, tan tành theo mây khói. Người ta lại lếch thếch ra đi, xe lại chạy nườm nượp trên đại lộ, tìm một Hooverville khác.

Và trong các báng Kansas , Oklahoma, Texas và New Mexico, sự xâm lăng ngày càng bành trướng của các máy xay xua đuổi thêm những tá điền ra khỏi nhà của họ.

Đã có ba ngàn người ở California, và những đoàn người khác còn kéo đến thêm nữa. Và ở California đường xá đầy tràn những hạng người liều mạng chạy ngược chạy xuôi khắp nơi như loại kiến, tìm việc làm, kéo, đẩy, bốc, vác. Một món hàng chỉ cần một người bốc dỡ, nhưng có mười cánh tay vươn lên. Vì một phần thức ăn, năm cái miệng đã há ra.

Và những đại điền chủ mà vì một cuộc nổi dậy sẽ bị mất hết ruộng đất – những đại điền chủ đã biết đến các bài học lịch sử, có mắt để đọc, để nhận ra cái chân lý

lớn lao này: lúc của cải tích luỹ vào tay một dúm người quá ít ỏi, nó sẽ bị tước đi… và chân lý khác bạn đồng hành với nó: một số đông người lâm vào đói rét, họ sẽ dùng sức mạnh chiếm lấy những gì họ cần… và chân lý khác nữa, cái chân lý hiển nhiên vang vọng qua lịch sử: sự đàn áp chỉ đem lại kết quả củng cố thêm ý chí đấu tranh của những người phải gánh chịu sự trấn áp và thắt chặt tình đoàn kết. Nhưng các đại điền chủ vẫn đút nút lỗ tai để khỏi phải nghe ba lời cảnh cáo đó của lịch sử. Ruộng đất tích luỹ trong một số người ngày càng ít ỏi: đám người bị tước đoạt ngày càng đông lên, và mọi cố gắng của các điền chủ đều hướng tới tăng cường đàn áp. Để bảo vệ các tài sản ruộng đất lớn, người ta tiêu phí tiền bạc để mua sắm vũ khí, hơi cay: người ta sai các tay chỉ điểm phát hiện những ý định bạo loạn dẫu chỉ là thoáng qua, sao cho mọi mưu toan khởi nghĩa bị bóp chết trong trứng. Người ta mù tịt sự tiến bộ kinh tế, người ta mù tịt các dự án cải cách. Người ta chỉ nghĩ đến cách đè bẹp khởi nghĩa, trong khi các nguyên nhân khởi nghĩa lại vẫn tiến triển.

Những máy cày vất con người ra khỏi lao động, những đường xe điện vành đai chuyên chở hàng, những máy móc để sản xuất, tất cả đã ngày càng gia tăng: ngày càng có nhiều những gia đình chạy nhốn nháo hỗn loạn trên đại lộ, tìm kiếm một mẩu bánh từ những điền trang rộng lớn, khao khát ruộng đất đang trải dài trải rộng hai bên đường và ở trong tầm tay. Các đại điền chủ liên kết lại, thành lập các hội tương trợ và họp bàn các biện pháp uy hiếp, giết chóc, phóng hơi ngạt. Và bao giờ cũng như bao giờ, lại lơ lửng trên đầu họ nỗi kinh sợ chủ yếu – ba trăm ngàn con người, nếu có lúc nào đó, chúng chuyển động dưới quyền một thủ lĩnh – thì thôi, ngày cáo chung đã tới. Ba trăm ngàn con người

đói khát, khốn khổ, nếu có bao giờ họ ý thức được sức mạnh của họ, đất ruộng sẽ thuộc về họ, và lúc đó, cả súng, cả lựu đạn hơi cay trên thế giới đều bất lực không chặn họ lại được Và những đại điền chủ, thông qua những tài sản ruộng đất của họ dần dần trở nên ít nhiều không còn là con người nữa, họ sẽ lao đầu vào chỗ huỷ diệt, sử dụng những biện pháp mà về lâu về dài sẽ tiêu diệt chính họ. Mọi biện pháp nhỏ, mọi bạo lực, mọi cuộc vây ráp, mọi phó quận trưởng cảnh sát, đi nghênh ngang vênh váo qua các trại rách nát xác xơ đó, đang làm cho ngày cáo chung chậm lại một ít nhưng gia cố sự không tránh khỏi cái ngày tận số đó.

Những người đàn ông ngồi xổm; những người có khuôn mặt xương xẩu hốc hác vì đói khát, và đanh lại vì phải chống lại cái đói; những người đàn ông mắt tối sầm, hàm răng rắn chắc.

Ông có hay tin gì về các thằng bé ở lều thứ tư kia chưa?

Chưa, tôi vừa mới đến đây.

Thế này, cháu vừa ngủ vừa khóc và cứ giẫy giụa hoài hoài.

Lúc đó, ở đây họ tưởng cháu bị giun sán. Họ cho cháu uống một liều thuốc tẩy và vì thế cháu chết. Lưỡi cháu đen kịt. Đâu hình như chỉ tại không có gì để ăn.

Tội nghiệp thằng bé.

Ờ, thế mà người nhà không biết lấy gì để chôn cất cháu. – Phải vào nghĩa địa người bần cùng mất thôi!

Ấy, mẹ kiếp, đợi tí đã nào! Rồi những bàn tay lục lọi trong túi áo lấy ra vài ba đồng xu nhỏ. Trước của lều, một đồng tiền nho nhỏ cao dần. Và gia đình thấy tiền ở trước cửa.

Dân ta là những người tử tế, dân ta là những người tốt lòng tốt dạ. Ta hãy cầu nguyện Chúa cho một ngày nào đó, những con người tử tế ấy không còn đói khổ nữa. Nguyện xin Chúa cho một ngày nào đó trẻ con có gì để ăn.

Và những Hiệp hội Điền chủ biết rằng một ngày nào đó, những lời cầu nguyện sẽ chấm dứt.

Lúc đó sẽ là ngày cáo chung.

Chương XX

Ngồi ngất nghểu trên đống đồ đạc, Connie, Rosasharn, hai đứa bé và ông mục sư đã cứng người và tê cẳng. Họ ngồi giữa trời nắng chang chang trước văn phòng cảnh sát tư pháp, đợi Bố, Mẹ và chú John đã vào trong đó.Một lát sau, người ta đưa ra một cái nom như một cái giỏ lớn và người ta hạ cái bọc dài từ trên xe xuống. Và cả đám người ngồi dưới nắng chang chang trong khi cuộc điều tra tiếp diễn để xác định lý do chết, chờ tới lúc ký giấy.

Al và Tom đi dạo trên đường phố, nhìn vào các cửa hàng và ngắm những con người xa lạ trên các vỉa hè.

Cuối cùng Bố, Mẹ và chú John đi ra, im lặng, chịu khuất phục. Chú John lại lên trên nóc hàng còn Bố, Mẹ thì trở lại chỗ ngồi ở phía trước. Cuối cùng Al và Tom trở lại và Tom lên ngồi ở chỗ tay lái. Không nói một lời, anh ngồi đấy chờ đợi một quyết định. Bố nhìn ra phía xa, vẻ lơ đãng, chiếc mũ đen kéo sụp xuống tận mắt. Mẹ đưa ngón tay xoa hai bên mép, mắt mơ hồ, đờ đẫn vì quá mệt mỏi.

Bố thở dài nặng nề

– Chả biết làm thế nào khác được.

– Tôi biết, – Mẹ nói – Thế nhưng bà Nội thường muốn có đám ma to. Bà nhắc lại luôn.

Tom liếc nhìn Bố Mẹ:

– Đất chung của quận ư?

Rồi Bố lắc đầu quầy quậy như bàng hòang trở về với thực tại.

– Ta không đủ tiền. Không thể làm được.

Ông quay về phía bà mẹ:

– Không nên nghĩ ngợi nhiều mẹ nó ạ. Cho dù chúng ta ráng sức đến mấy, cho dầu xoay sở đủ vành, ta cũng không làm gì được, vì ta không có gì. Ướp xác, quan tài, ông mục sư, mua đất nghĩa địa, có lẽ tốn gấp mười lần số tiền ta có. Ta đã ráng hết sức rồi.

– Tôi biết lắm. – Mẹ nói – Nhưng Bà quá thiết cốt đến một đám ma linh đình nên tôi không làm sao khỏi nghĩ tới điều đó. Phải chịu vậy thôi.

Mẹ thở dài não nuột và xoa xoa bên miệng.

– Ở trong đó, có một ông tử tế quá. Hách dịch ghê, nhưng rất tốt bụng.

– Phải. – bố nói. – Ông ta đã nói thẳng với chúng ta, thế là phải.

Mẹ đưa tay chải tóc ra phía sau. Bà nghiến chặt răng:

– Thôi, ta phải đi, – Bà nói – Ta phải tìm một góc nào đó để ở. Kiếm công ăn việc làm. Không phải là lúc để bọn nhỏ bị đói. Giá còn sống, bà cũng không bao giờ để như thế. Hồi trước có cỗ đám ma, bao giờ bà cũng muốn ăn ngon.

– Bây giờ đi đâu ? – Tom hỏi

Bố nhấc mũ gãi đầu.

– Cắm trại . – Bố nói – Không được tiêu pha chút gì còn lại cho tới khi có việc làm. Lái xe ra vùng quê.

– Ồ!

Tom mở máy, chạy qua các con đường phố và rẽ thẳng về phía vùng quê. Đến gần cầu, họ trông thấy một đám lều vải và các túp nhà lụp xụp.

Tom nói:

– Có thể dừng lại chỗ kia. Để tính nên làm thế nào, xem nơi nào có việc.

Anh cho xe xuống một con đường dốc nhỏ và đỗ xe ở bên rìa trại.

Trại lộn xộn, chẳng có hàng có lối; những lều vải nhỏ, chòi ván, xe hơi nằm rải rác bừa bộn.Chỗ ở thứ nhất không ra hình thù gì. Ba tấm tôn rỉ ghép ở mặt nam, một mảnh thảm mốc meo căng giữa hai tấm ván, là mặt đông; mặt bắc, một mảnh giấy dầu và một mảnh vải rách bám; và mặt tây là sáu tấm bao tải cũ. Trên các khung nhà vuông này và trên những cành liễu không tỉa bớt lá, người ta chồng xếp không phải rơm rạ mà là những bó cỏ hình lăng trụ. Cửa vào, phía bao tải, ngổn ngang các đồ dùng lặt vặt. Một bi đông dầu hoả năm galông dùng làm bếp lò, đặt nằm và ở một đầu lắp một ống sắt rỉ. Một thùng giặt cũ lăn lóc ở bên cạnh, chênh vênh và rải rác đó đây một dãy dài hàng hòm để ngồi, hòm để làm bàn ăn. Một chiếc Ford cũ loại T và một rơmoóc hai bánh đặt gần túp nhà lụp xụp, khắp cả trại bày ra cảnh nhếch nhác và tuyệt vọng.

Xa hơn một chút là một cái lều vải xám đã bạc màu do mưa nắng, nhưng căng rất cẩn thận, các hòm gỗ xếp hàng ngày ngăn trước lều; một đoạn ống bếp thò ra ngoài của một phía trước, người ta đã quét bụi và tưới nước. Một chậu giặt đầy quần áo ngâm nước đặt trên một chiếc hòm. Chỗ cắm trại có dáng dấp ngăn nắp và khắc khổ. Một xe kiểu A và một rơmoóc bé nhỏ lấp vội dùng chở chăn đệm, gối mềm, đậu áp sát lều.

Tiếp theo là một lều lớn rách tả tơi, há hoác tứ tung, những miếng rách được vá đụp bằng dây thép. Tấm cửa lều đã vén lên và từ ngoài nhìn vào trong, thấy có

bốn đệm trải dưới đất. Trên một dây phơi căng sát vách lều, có những áo bằng vải bông màu hồng và nhiều quần yếm. Có tất thảy bốn mươi lều hoặc lán, và ở sát nách mỗi lều, có một thứ xe hơi ba vạ. Tận ở đầu trại, một vài đứa bé đứng im, trố mắt nhìn chiếc xe cam nhông mới tới rồi chúng sán lại gần. Chúng mặc quần yếm đi chân đất, tóc tai xám vì bụi bậm.

Tom dừng xe quay về phía bố:

– Không tốt đẹp gì lắm. Bố có muốn đi tìm chỗ khác không?

– Không thể đi chỗ khác chừng nào chưa biết đây là đâu – Bố nói. – Trước hết hãy hỏi xem chuyện công ăn việc làm thế nào.

Tom mở cửa xe nhảy ra. Cả gia đình đều tuột xuống và nhìn trại một cách tò mò. Theo thói quen Ruthie và Winfield, kéo chiếc xô xuống và tiến về phía đám lau sậy để múc nước; đám trẻ con đứng thành một dãy dãn ra cho chúng đi rồi khép lại.

Tấm cửa lều thứ nhất vén lên và một người đàn bà hiện ra. Tóc mụ xám, tết thành một bím duy nhất, mụ mặc áo vải hoa to rộng loè xoè, ghét bẩn bám đầy. Gương mặt mụ tàn héo nom u mê đần độn, những túi thịt xám, sưng húp phía dưới đôi mắt không hồn, và một cái miệng nhẽo.

Bố hỏi:

– Có thể dựng trại ở bất cứ đâu được không?

Đầu mụ thụt vào trong lều. Trong một lát im ắng, một người đàn ông râu xồm, mặc áo sơmi ngắn tay, bước ra. Người đàn bà nhìn theo lão nhưng không ló ra ngoài.

Lão xồm nói:

– Chào ông bà.

Và đôi mắt của lão luôn luôn động đậy, nhìn hết người này sang người khác và cuối cùng đứng lại ở chiếc xe chất đầy đồ đạc. Bố nói:

– Tôi vừa hỏi bà nhà hiện có thể dựng trại ở đâu đó, được không?

Lão râu xồm nhìn người bố một cách trang trọng, tựa hồ bố đã nói một điều gì thật thông minh cần phải được suy nghĩ:

– Dựng trại đâu đó, ở tại đây ư?

– Chính thế. Có ai là chủ đất này, và trước khi cắm trại phải hỏi ai?

Lão râu xồm lim dim một mắt và chăm chú nhìn Bố:

– Ông muốn cắm trại ở đâu?

Bố đã thấy sôi tiết. Qua chỗ lều thủng, người đàn bà tóc xám hé mắt nhìn ra.

– Ông không nghe thấy tôi hỏi sao?

– À nếu ông muốn cắm trại ở đây, thì tại sao không làm đi. Đâu phải tôi ngăn cản ông?

Tom bật cười:

– Lão đã thủng rồi đấy.

Bố cố nén:

– Đơn giản tôi chỉ muốn biết đây thuộc của ai.Có phải trả tiền thuê không?

Lão xồm nhô cằm ra.

– Thuộc của ai ư?

Bố quay mặt đi chỗ khác.

– Quỷ bắt lão đi.

Lão xồm tiến lại, vẻ hăm doạ.

– Đất này của ai à? – Lão nói – Kẻ nào dám tống cổ chúng ta ra khỏi đây, hả? Kẻ nào, ông nói cho tôi đây nghe thử?

Tom đứng giữa hai người và bảo lão xồm:

– Tốt nhất là ông hãy cho ngủ đi một giấc đẫy.

Lão xồm há miệng một cách đần độn và thò một ngón tay bẩn thỉu vào lợi. Lão đứng nhìn Tom với vẻ thâm trầm, sau đó lão quay đi và biến vào trong lều theo sau mụ vợ tóc xám.

Tom ngoảnh lại nhìn Bố:

– Cái thứ người gì mà quái gở thế?

Bố nhún vai. Ông đang nhìn qua trại. trước một cái lều ở xa hơn một ít, có một chiếc Buick đã tháo nắp xilanh. Một thanh niên đang mải mê dũa van; tì mạnh vào dụng cụ, anh vặn vẹo người, vừa liếc nhìn chiếc xe nhà John. Họ thấy anh cười một mình. Khi lão xồm đã biến đi, anh bỏ dở công việc về uể oải tiến về phía hai cha con Tom.

– Ổn chứ! – Đôi mắt xanh của anh lấp lánh sự láu lỉnh. – Tôi đã thấy ông làm quen với ông xã trưởng.

– Có chuyện chết tiệt gì mà lão lại thế nhỉ?

Anh thanh niên cười khúc khích.

– Thì lão cũng hâm như ông và tôi thôi. Có thể hâm hơn tôi một ít. Cũng chả biết sao.

Bố nói:

– Tôi chỉ hỏi lão có thể cắm trại ở đây không?

Anh thanh niên chùi tay đầy dầu mỡ vào ống quần.

– Dĩ nhiên. Sao không được? Ông vừa mới qua sa mạc đến đây? Ông chưa bao giờ tới Hooverville ?

– Hooverville , là đâu thế?

– Đây chứ đâu! – Ra thế, – Tom nói – Bọn tôi mới tới đây sáng nay.

Winfield và Ruthie trở về, khênh một xô nước đầy

– Thôi, dựng lều lên. – Mẹ nói. – Tôi kiệt sức rồi. Có lẽ ai cũng phải nghỉ ngơi.

Bố và chú John leo lên nóc xe dỡ bạt và giường xuống. Tom đi lại phía anh thanh niên và cùng anh trở lại bên chiếc xe anh đang sửa chữa. Chiếc khoan cầm tay đặt trên chiếc động cơ để mở và một hộp nhỏ màu vàng đựng bột đá nhám ngất ngưởng trên cái hút xăng. Tom hỏi:

– Cái lão râu xồm kia, lão làm sao thế?

Anh thanh niên nắm lấy khoan và lại bắt đầu làm việc, oằn người sang phải rồi sang trái, sang phải sang trái.

– Xã trưởng ấy à? Có trời biết. – Anh nói. – Có trời biết. Mình đoán có thể lão bị cớm đánh nên đâm ra ngớ ngẩn.

– Cớm đánh là thế nào?

– Nghĩa là bị bọn cớm xô đẩy khắp nơi nên đến giờ lão vẫn còn choáng.

– Cớ sao cớm lại xô đẩy một người như vậy?

Anh thanh niên ngừng tay, nhìn thẳng vào Tom.

– Có trời biết. Cậu vừa mới đến. Có lẽ cậu đoán ra. Kẻ thì nói thế này kẻ nói thế khác. Nhưng các anh cứ

chỉ cần ở lại một thời gian ngắn, các anh sẽ thấy, bọn quận phó cảnh sát sẽ có cách xúc các anh đi.

Anh thanh niên nâng van và tra bột nhám vào phía trọng.

– Nhưng tại sao lại đuổi?

– Ồ, tôi chẳng biết gì hết. Có người bảo là chúng sợ người ta bỏ phiếu, xua đuổi chúng ta từ nơi này sang nơi nọ để ngăn không cho chúng ta bỏ phiếu. Lại có những kẻ khác nói là chúng làm như thế để ta khỏi nhận được tiền cứu tế. Kẻ khác lại nói là để ngăn chúng ta không thể lập đoàn lập hội. Tôi chẳng biết sao. Chỉ biết là lúc nào cũng phải chạy hết hơi. – Đợi tí rồi anh sẽ thấy.

– Bọn tôi đâu có phải loại đầu đường xó chợ.Bọn tôi đi tìm việc làm. Bất cứ việc gì!

Anh thanh niên ngừng tay. Anh tìm Tom với vẻ sửng sốt.

– Tìm việc làm? – Anh nói – À, ra thế, anh tìm việc làm? Vậy anh nghĩ chúng tôi thì tìm cái gì?Kim cương chắc? Mà nếu như từ hôm tôi tới đây, tôi phải rã rời cái thân xác ra thì thử hỏi theo ý anh, để kiếm gì nào?

Anh ta lại cầm lấy khoan và lại quay.

Tom đưa mắt nhìn các lều trại cáu bẩn, các thứ đồ đoàn hổ lốn, những chiếc xe cũ kỹ, những nệm rơm lồm cồm trải dưới mặt trời và những bi đông sạm đen đặt phía trên các lỗ ám khói, dùng làm bếp, anh bình tĩnh hỏi:

– Vậy là không có việc làm?

– Tôi không biết. Có thể là có. Nhưng hiện giờ ở đây không phải mùa thu hoạch. Hái nho thì sau này, bông

cũng về sau này. Tôi sẽ đi xa hơn khi nào đã rà xong van. Còn vợ và các cháu nhỏ. Hình như có thể tìm được việc làm thuê, ở trên mạn Bắc kia. Sẽ đi tận tới Salinas.

Tom thấy chú John , có Bố và ông mục sư giúp sức, đang đẩy tấm bạt lên các cọc lều, còn ở phía trong, mẹ đang quì xuống trải nệm. Một đám trẻ con lặng lẽ tụ tập quanh những người mới tới và nhìn họ bố trí chỗ ăn ở – một đám trẻ con câm lặng, đi chân đất, mặt mũi lem luốc. Tom nói:

– Ở quê tôi có mấy gã tới mang theo những tờ quảng cáo, giấy màu vàng. Trong mỗi giấy nói là cần công nhân để thu hoạch mùa.

Anh thanh niên bật cười:

– Hình như ở đây có chừng ba trăm ngàn người, tôi lấy đầu ra mà cuộc, tất cả bọn họ đều đã trông thấy những tờ quảng cáo chết tiệt đó.

– Có thể thế. Những nếu họ không cần nhiều người cớ sao họ lại chịu tốn công tốn của để cho in những thứ đó?

– Anh hãy động não lên một chút… Anh chờ đợi cái gì nhỉ? – Nhưng tôi muốn biết rõ…

– Anh nghe nhé. – Giả dụ là anh có việc làm, cần một người làm, có một người đến nhận. Hắn đòi bao nhiêu, anh buộc phải trả bấy nhiêu. Nhưng giả dụ có trăm người tới …

Anh ta đặt dụng cụ xuống. Mắt anh đanh lại và tiếng sắc cạnh:

– Cứ cho là có một trăm người đến xin việc. Cứ cho là tất cả họ ai cũng có con nhỏ, mà các cháu nhỏ đang đói. Cứ cho là một đồng mười xu đủ để mua một hộp

bột ngô cho chúng. Cứ cho là một đồng kền[43] đủ để mua một thứ vớ vẩn gì đó cho bọn trẻ. Thế mà có một trăm người đến. Hãy thử trả họ chỉ một đồng kền thôi, tôi cam đoan với anh, họ sẽ giết nhau vì đồng kền đó. Anh có biết ở chỗ tôi làm trước đây, họ trả bao nhiêu không? Mười lăm xu một tiếng. Mười giờ một đô la rưỡi mà lại không có quyền ở tại chỗ. Đi đi về về, phải có xăng.

Anh thở hổn hển vì giận dữ và sự căm hờn lấp lánh trong đôi mắt anh.

– Chính vì vậy mà họ cho in quảng cáo. Với số tiền họ tiết kiệm được khi trả mười lăm xu một giờ cho công việc đồng áng, họ thừa sức in hàng đống giấy quảng cáo.

– Nói thế chẳng thông chút nào.

Anh thanh niên cười châm biếm:

– Anh hãy cứ ở lại đây ít lâu, nếu anh thấy đời tươi anh mách cho tôi biết, tôi đến xem tận mắt.

– Nhưng thế nào chẳng có việc làm. – Tom khăng khăng – Lạy Chúa! Nhẽ nào không có, cây cối ngồn ngộn thế kia: Vườn cây ăn quả, vườn nho, rau…Tôi thấy rõ mà. Họ phải thuê người chứ. Chính mắt tôi trông thấy.

Trong lều cạnh chiếc xe hơi, một đứa trẻ sơ sinh khóc Anh thanh niên đi vào lều và từ trong nghe tiếng anh vọng ra nhè nhẹ qua lớp vải lều.

Tom túm lấy khoan, tra vào khe van bắt đầu quay, thân mình vặn vẹo theo chiều tay. Tiếng khóc của đứa bé ngừng lại. Anh thanh niên lại ra ngoài và nhìn Tom làm việc.

– Anh biết làm đấy. Biết thế là tốt. Mẹ kiếp, sẽ có ích cho cậu.

– Cái chuyện tôi nói với anh vừa nãy thì thế nào? Tôi thấy ở đây mọi thức mọc đầy rẫy.

Anh thanh niên ngồi xổm xuống.

Tôi nói anh biết. – anh nói bình tĩnh – tôi đã làm việc trong các trại cây khốn nạn. Từ đầu năm chí cuối, cần chín người làm. – Anh ngừng lại để lời nói thêm trọng lượng – Nhưng khi đào chín rộ, thì cần ba ngàn người làm mười lăm ngày ròng rã. Phải thế, không thì đào thối hết. Thế là, họ làm thế nào? Họ sẽ tung đi các tờ quảng cáo mà anh đã thấy đấy. Họ cần ba ngàn nhưng sáu ngàn người kéo tới. Họ thuê và muốn trả bao nhiêu tuỳ họ. Nếu anh thấy như thế là thiệt thì đấy. Lạy Chúa, sau lưng anh có một ngàn người đang chờ chực. Thế là anh đành phải hái, ra sức hái, và nhoáng cái, xong sạch. Hầu như khắp xứ, chỉ toàn đào là đào. Đào chín cùng vào một lúc. Anh hái được một quả thì tất thảy các quả khác đã có người hái sạch. Thế là trong xứ, chẳng có quái gì để làm. Sau đó, bọn chủ không muốn thấy mặt anh nữa. Nghĩ xem các anh những ba ngàn người! Công việc đã xong gọn. Anh có thể chơi, uống rượu say bí tỉ, anh có thể làm đủ vành đủ vẻ. Vả chăng, nom anh không được tốt mã, lại sống trong một cái lều cũ nát. Cánh đồng quê thì xinh đẹp, nhưng anh lại làm cho nó thối hoang. Họ không muốn thấy cái mặt anh ở cái vùng này. Thế là họ tống anh ra, buộc anh đi nơi khác. Sự tình nó là thế.

Liếc nhìn về phía lều nhà, Tom thấy mẹ anh nặng nề và chậm chạp thêm bởi nỗi vất vả nhọc nhằn, đang còng lưng xuống những chiếc xoong mà bà đặt trên bếp lửa củi nhánh lá vụn.

Vòng tròn trẻ con xiết chặt lại, những đôi mắt bình tĩnh, mở to hau háu theo dõi các động tác của bà. Một ông già lụ khụ lách ra khỏi một cái lều như một con chồn, len lên tới gần hít hơi xung quanh. Lão chắp tay sau lưng và nhập vào đám trẻ con để xem bà làm. Ruthie và Winfield đứng cạnh gần bà mẹ, nhìn những người lạ với vẻ sừng sộ gây gổ.

Tom giận dữ nói:

– Những quả đào kia phải hái tức thì, có đúng không nào?

– Dĩ nhiên.

– Thế vậy, cứ cho là tất cả mọi người đồng lòng với nhau và nói: “Cho nó cứ việc thối hỏng”. Chả mấy chốc. Lạy Chúa! Công xá lại cao thôi mà! Anh thanh niên đang cắm cúi làm bèn ngẩng lên và nhìn Tom với vẻ nhạo báng.

– Thế đấy? Thế đấy! Tự anh nghĩ ra điều đó à?

– Tôi mệt quá. Lái xe suốt đêm. Tôi không muốn tranh cãi làm gì, mệt rã rồi nên chỉ muốn bàn bạc thoải mái. Đừng giở trò láu lỉnh với tôi. Tôi yêu cầu đấy.

Anh thanh niên cười nhăn nhở:

– Tôi không có ý định thế đâu. Anh không phải người vùng này. Cũng đã có người có ý kiến như vậy. Còn những tay chủ các vườn đào cũng biết như vậy. Cậu biết đấy, nếu mọi người thoả thuận với nhau, thì tức là có một người cầm đầu – buộc phải thế – hay kẻ giật dây. Thế thì, chúng chẳng để cho hắn ta kịp mở miệng, chúng tóm ngay và nhét hắn ta vào tù. Nếu một anh khác ló ra, chúng cũng tóm luôn.

Tom nói:

– Dẫu sao, ở tù thì bao giờ cũng được ăn.

– Phải, hắn được ăn, nhưng con cái hắn nhịn.

Con cái cậu đang chết đói thì cậu có thích bị nhốt không?

– Tôi hiểu, hiểu quá đi chứ.

– Mà khoan, đâu đã hết. Anh có nghe nói đến sổ đen chưa?

– Nó là cái gì vậy?

– Thế này, chỉ cần anh thử mở một cuộc họp hay làm gì đại loại thế, rồi anh sẽ thấy. Họ sẽ chụp hình anh và gửi đi khắp nơi. Sau đó, chẳng nơi nào anh tìm được việc cả. Và nếu anh có con…

Tom bỏ mũ và xoắn nó trong tay

– Vậy là, người ta muốn cho gì phải lấy nấy phải không? Hoặc chịu chết đói, mà nếu ca cẩm thì cũng chết đói.

Anh thanh niên khoát tay một cái trong khoảng không, như muốn chỉ bao quát tất thảy cái lều rách xơ mướp và các xe hơi rỉ.

Một lần nữa, Tom lại cúi mắt nhìn mẹ đang cạo khoai tây. Bọn trẻ con đã nhích lại gần hơn. Anh nói:

– Tôi không muốn như thế. Mẹ kiếp! Tôi và nhà tôi không phải là đàn cừu. Tôi sẽ tống một quả đấm vào họng ai đó.

– Một thằng cớm, chẳng hạn?

– Bất kể ai, tôi đếch cần.

– Anh dở hơi rồi. Anh sẽ bị tóm ngay tức khắc, chẳng ai biết anh. Anh chẳng có của cải. Người ta sẽ tìm thấy anh trong một cái rãnh, mồm mũi đầy máu

đông đặc rồi. Anh sẽ được nhắc đến trên báo chí. Là thế nào, anh biết không? Vẻn vẹn thế này “Tìm thấy xác của một tên du đãng” Hết. Rồi anh sẽ thấy hàng đống những tin vẫn như vậy. “Tìm thấy xác của một tên du đãng”.

Tom nói:

– Ừ được nhưng dù sao người ta cũng thấy một người khác nằm chết bên cạnh tên du đãng kia.

– Anh lại hâm rồi. Chẳng có ích lợi gì.

– Thế thì anh, anh sẽ làm gì trước sự thể đó?

Tom hỏi và ngắm nhìn gương mặt đầy dầu và mỡ. Đôi mắt của anh thanh niên để lộ một vẻ khang khác gần như giả dối[44].

– Không làm gì cả. Anh từ đâu tới?

– Bọn tôi ấy à? Gần Sallisaw, bang Oklahoma.

– Anh tới bao giờ?

– Ngày hôm nay.

– Anh có nán lại đây lâu không?

– Cũng chẳng biết nữa. Người ta sẽ ở lại chỗ nào tìm được việc làm. Sao anh hỏi thế?

– Không sao cả.

Và một lần nữa đôi mắt lại lộ vẻ khang khác.

– Tôi sẽ đi ngủ một giấc. – Tom nói – Ngày mai bọn tôi sẽ đi tìm việc làm.

– Có thể cứ thử xem.

Tom quay đi và trở về lều nhà.

Anh thanh niên cầm lấy cái hồ nhám rồi nhúng một ngón tay vào. – Hê này?..

Tom quay đầu lại hỏi: “Anh muốn gì?”

Anh thanh niên ra hiệu với một ngón tay dính một chút hồ.

– Chính ra tôi muốn nói với anh: đừng có kiếm chuyện. Anh có nhớ cái lão ăn nói ngớ ngẩn hồi nẫy nom như thế nào không?

– Cái lão ở chỗ lều trên kia phải không?

– Ồ, cái lão nom ngu ngốc, đần độn ấy mà.

– Thì sao?

– Thế này, lúc bọn cảnh sát đến, mà chúng cứ đến luôn luôn anh hãy bắt chước giống hết lão. Cứ làm ra vẻ ngu si. Không biết gì cả, không hiểu gì cả. Chính bọn cảnh sát lại thích người ta như thế. Đừng có động đến cảnh sát. Động đến thì coi như là tự tử. Hãy cứ làm ra vẻ ngớ nga ngớ ngẩn.

– Để cho tụi cảnh sát chết dẫm chết tiệt muốn làm gì mình thì làm mà chịu khoanh tay hay sao?

– Không phải thế. Anh nghe đây. Tối nay tôi sẽ tới gặp anh. Làm thế có lẽ là tôi sai, vì ở đây chỗ xó xỉnh nào cũng có bọn mật thám. Kể ra thì thật mạo hiểm, hơn nữa tôi còn có thằng nhỏ. Nhưng tôi sẽ đến gặp anh, mà nếu có thấy một thằng cảnh sát, thì thế này, anh chỉ là một thằng Okies khốn kiếp thôi, hiểu chưa?

– Thế là đúng, vì chúng ta muốn làm một cái gì mà. – Tom nói.

– Anh đừng lo. Ta sẽ làm cái gì đó, có điều đừng có thò mặt ra mà dại. Một thằng bé con , nó chết đói nhanh lắm. Hai hay ba ngày là cùng.

Anh lại bắt tay vào công việc, bôi hồ nháp vào lòng van và tay anh nhanh nhẹn quay đi quay lại cái mũi

khoan. Khuôn mặt anh rầu rầu và lầm lì.

Tom chậm rãi trở về lều.

– Làm thằng đần độn, – anh lầm rầm – Hừ, làm thằng đần độn…

Bố và chú John trở về, tay ôm củi khô, vất xuống cạnh bếp lửa và ngồi xổm xuống. Bố nói:

– Chả lượm được mấy nỗi ở đây. Muốn kiếm củi kha khá phải đi xa hơn.

Ông ngước mắt nhìn đám con quây vòng tròn:

– Lạy Chúa lòng lành, – ông kêu lên – Các cháu ở đâu ra mà đông thế?

Cùng một lúc bọn trẻ con cúi đầu xuống và nhìn chằm chằm chôn chân của chúng với vẻ ngượng ngùng.

– Tôi nghĩ là chúng ngửi thấy mùi thức ăn đấy.

– Mẹ nói – Wifield, đừng có xoay quanh gấu váy tao nữa nào. – Bà gạt nó ra để lấy lối đi – Tôi cố gắng làm món thịt hầm. Từ hôm rời nhà ra đi chưa được một bữa ra hồn. Bố nó hãy ra tiệm mua cho tôi một ít thịt. Nhớ lấy miếng thịt cổ ấy. Ta sẽ làm món thịt hầm.

Bố đứng lên, đi liền tức thì.

Al nậy nắp xe lên và nhìn động cơ bóng láng mỡ. Lúc Tom đi tới, hắn ngước mắt lên và nói:

– Trông anh vui như đi đưa đám vậy[45].

– Tao vui như ếch gặp mưa rào. – Tom nói.

– Anh nhìn động cơ xem. Khá chứ, hả?

Tom nhìn sâu vào dưới nắp xe:

– Có vẻ khá đấy.

– Khá? Tuyệt vời thì có! Không rỉ một giọt dầu.

Hắn tháo bugi và nhúng ngón tay vào lỗ.

– Tuy có muội than nhưng khô.

Tom nói:

– Mày tinh mắt khi chọn chiếc xe này. Mày muốn tao nói thế chứ gì?

– Thế này, em thú thật với anh là suốt dọc đường, em lo quá đi mất anh ạ. Em sợ nó vỡ…tung ra, mà đó là lỗi tại em.

– Không, mày tinh lắm. Nhưng có gì thì làm cho xong nốt đi vì ngày mai ta đi kiếm việc làm.

– Ồ, xe sẽ chạy ngon lắm. Anh chả phải lo về chuyện đó.

Al rút con dao bỏ túi và cạo cạo ở đầu bugi.

Tom đi vòng ra sau lều và thấy Casy ngồi dưới đất ngắm nhìn bàn chân để trần một cách trầm ngâm. Tom gieo phịch xuống bên cạnh.

– Ông tin chúng có trụ được không?

– Cái gì?

– Các ngón chân của ông.

– Ôi ! Chính tao đang ngồi đây để suy nghĩ một cách đường hoàng. – Tom nói.

Casy ngọ ngoạy ngón chân cái, rồi ngón thứ hai, và cười nhẹ nhàng:

– Tập trung tư tưởng thế này đã gay lắm rồi, chả cần phải để cho sái khớp mới suy nghĩ được.

– Đã bao nhiêu ngày nay chẳng nghe ông nói một lời. – Tom nói – Suốt ngày suy nghĩ sao?

– Ờ suốt ngày suy nghĩ.

Tom bỏ mũ ra, bây giờ nó đã cáu ghét và nom thảm hại, cái lưỡi trai nhọn hoắc như mỏ chim.

Anh lật cái băng đẫm mồ hôi ở phía trong và thay vào đó một cái dải dài làm bằng giấy báo cuộn lại

– Mồ hôi cứ vã ra hoài nên giấy nát hết.

Anh nhìn ngón chân Casy ngọ nguậy luôn luôn.

– Ông có thể ngừng suy nghĩ nghe tôi nói một chút!

Casy quay đầu trên một cái cổ cao như ống khói:

– Lúc nào tao cũng lắng nghe. Chính vì thế tao mới phải suy nghĩ . Tao nghe thiên hạ nói và chẳng mấy chốc tao biết rõ tâm trạng của họ. Luôn luôn như thế… Tao nghe họ nói và tao thông cảm với họ. Họ có khác những con chim đập cánh trong vựa thóc. Và họ sẽ lại gẫy cánh khi đập đầu vào một cửa sổ lờ mờ để cố thoát ra.

Tom nhìn ông, mắt trợn tròn, rồi anh quay đầu nhìn một cái lều xám dựng cách đây khoảng mười mét. Có mấy chiếc quần vải chéo, mấy chiếc sơ mi và một chiếc áo dài phơi trên dây lều. Tom nói khe khẽ :

– Chính vì tôi muốn nói với ông cũng đại loại như thế, và chưa gì ông đã nhận thấy rồi.

– Ừ, tao đã nhận thấy. Chúng ta là một đoàn quân thả lỏng quân hồi vô phèng.

Ông cúi đầu, và đưa mấy ngón tay xỉa vào tóc. Ông nói thêm:

– Tao đã nhận thấy ngay từ đầu. Bất cứ chỗ nào tao dừng lại, tao đều nhận thấy những người đói khát thèm một chút mỡ, và khi làm thế nào đó để có mỡ rồi, họ lại không ăn được nữa. Khi họ đói queo đói quắt không chịu được nữa, họ nhờ cầu nguyện cho họ; và nhiều khi

tao cũng chiều họ.

Ông chắp tay khoanh gối và rụt chân lại. Ông nói:

– Xưa kia, tao cứ tưởng làm thế cũng đủ quên đói. Tao giật trong đầu óc một mẩu kinh, tất cả các nỗi buồn lo đến bám vào đó giống như bẫy ruồi. Thế là lời cầu nguyện bay theo gió mang luôn cả các mối ưu phiến. Nhưng bây giờ thì chẳng ăn thua gì nữa.

Tom nói:

– Cầu nguyện không bao giờ đem lại mỡ ăn. Muốn có mỡ phải có con lợn.

– Ừ đúng.– Casy nói. – Và Đấng Toàn năng chưa bao giờ tăng tiền công. Tất cả những người ở đây chỉ cầu xin được sống tươm tất và nuôi con cái một cách tươm tất. Lúc nào về già, họ có thể ngồi ở ngưỡng cửa để nhìn mặt trời lên. Và khi còn trẻ trung, họ thèm khát nhảy múa, ca hát và ngủ với nhau. Họ muốn ăn no, uống say và lao động – ừ đúng thế đấy, đơn giản họ thấy cần sử dụng các cơ bắp để vung vẩy, để múa may cho đến mệt mỏi. Ôi, lạy chúa, tao đang nói lẩm cẩm gì thế này.

– Tôi biết đâu, – Tom nói. – Ông nói nghe dễ chịu lắm. Khi nào thì ông tin là ông có thể ngừng suy nghĩ chốc lát và bắt đầu làm việc ? Phải kiếm việc làm thôi. Tiền sắp cạn ráo rồi. Bố tôi đã vừa phải chi năm đô la để cắm lên mộ bà Nội một cây thánh giá sơn qua quýt. Chúng ta chả còn lại bao nhiêu.

Một con chó gầy, lông sắc hung vừa đi quanh lều vừa đánh hơi. Nó coi bộ lo lắng và lúc nào cũng gầm ghè. Nó tới gần mà không thấy hai người ngồi đấy; đột nhiên khi ngẩng đầu lên, nó nom thấy họ; nó nhảy vọt sang bên cụp tai, chạy trốn, cái đuôi gầy guộc gập lại

như để phòng ngừa. Caysy đưa mắt theo dõi nó và thấy nó chạy ra phía sau lều để trốn hai người. Casy thở dài:

– Tao chẳng giúp ích gì được cho ai cả. Cả cho tao lẫn người khác– Tao có ý nghĩ bỏ đi một mình. Tao ăn thức ăn, choán chỗ ở của nhà mày. Mà tao chẳng đem lại được chút gì. Có lẽ tao có thể tìm được một công việc cố định và trả lại một chút những gì nhà mày dành cho tao.

Tom há miệng, trề hàm dưới ra, lấy một nhánh cỏ khô cào cào vào răng. Anh nhìn một cách mơ hồ trên đầu các túp lều bằng lau sậy, tôn và giấy bồi.

– Giá có gì mà đổi lấy một bao thuốc Durham nhỉ? – Anh nói – Quá lâu lắm rồi, chưa được hút. Ở Mác – Alester, tôi có thuốc hút. Chính vì thế mà ở nhà rồi có khi lại vẫn như hối tiếc sao không ở mãi trong tù?

Anh lại cào cào răng, và bất thình lình, quay về phía ông mục sư:

– Đã ở tù chưa?

– Chưa, – Casy đáp – Chưa bao giờ!

– Khoan đã, đừng đi vội. Đừng nên đi ngay.

– Càng đi sớm để tìm việc, càng chóng tìm ra.

Tom lim dim mắt nhìn ông và đội lại mũ:

– Ông này, đây không phải là xứ sở có sữa và mật ong chảy tràn trề như lời các mục sư đã nói. Ở đây, có chuyện tệ mạt lắm. Họ sợ chúng ta, sợ tất cả những người mà họ thấy đi về miền tây. Cho nên họ mưu mô làm sao để bọn cảnh sát doạ chúng ta phải sợ, buộc chúng ta phải trở về.

– Đúng. Tao biết. Nhưng cớ sao mày lại hỏi tao đã ở tù chưa?

Tom đáp lại chậm rãi:

– Trong tù … mãi rồi… người ta cũng đâm ra nhạy thính về một vài việc. Phạm nhân không được nói chuyện với nhau, hai người còn khả dĩ… chứ cả nhóm thì không đời nào. Thế là mãi rồi người ta cũng đâm thính tai thính mắt. Khi nào có việc gì sắp bùng nổ… Chẳng hạn một thằng cha nổi khùng cầm cán xẻng bổ vào cai ngục… thì đây, chuyện chưa xảy ra mà người ta đã biết trước rồi. Và khi sắp có vượt ngục hoặc sắp nổ ra bạo động chẳng cần ai báo anh cũng biết. Biết rõ

– Thật thế ư?

– Hãy ở quanh đây. – Quanh quẩn ở đây cho tới mai. Sắp có chuyện gì xảy ra. Tôi đã nói chuyện với một thằng cha, ở đằng kia. Thằng ấy ranh ma, lén lút hơn chó sói đồng, có điều rất khôn. Chó sói đồng thì nó chỉ dính dáng vào việc của nó, hiền lành, dễ thương, chỉ nô đùa và không làm hại, nhưng thôi, có một chuồng gà gần đây.

Casy chăm chú quan sát anh, định hỏi một câu gì đó nhưng lại thôi và mím chặt môi. Ông ta ngọ ngoạy ngón chân, buông rơi tay ở gối ra và duỗi dài cẳng để nhìn rõ bàn chân.

– Ờ, tao chưa đi ngay đâu.

Tom nói:

– Thế ngày mai đánh xe đi tìm việc làm.

– Được, Casy vừa đáp vừa ngọ nguậy ngón chân cái từ trên xuống dưới và xem xét chúng một cách nghiêm trang.

Tom chống khuỷu tay ra sau và nhắm mắt lại.

Anh nghe thấy ở trong lều, tiếng thì thầm của

Rosasharn, và tiếng Connie đáp lại. Cái bạt hất xuống một bóng đen tối dày. Cái vạt ánh sáng hình nón ở hai đầu nom rõ hơn. Đậm hơn Rosasharn nằm dài trên đệm. Connie ngồi xổm cạnh cô.

– Đáng lý em phải tới giúp mẹ, – cô nói. – Em đã cố nhưng mỗi lần cựa mình thì lại nôn mửa.

Connie nét mặt ủ rũ buồn thiu.

– Nếu biết bình tĩnh như thế này thì anh đã không đi. Anh sẽ ở lại nhà và ban đêm đi học lái máy cày và rồi mỗi ngày kiếm được ba đôla, với ba đôla có thể sống đường hoàng, mà tối nào cũng còn đi xem xinê nữa.

Rosasharn tỏ vẻ lo lắng, bèn hỏi cặn kẽ:

– Anh đi học vô tuyến ban đêm chứ?

Lâu lắm y không đáp

– Anh không thích nữa sao?

– Có chứ, cố nhiên là có. Nhưng chờ cho ổn ổn đã; lúc nào dành dụm được ít tiền.

Cô chống khuỷu tay tay hơi nhổm người dậy.

– Anh không được bỏ dở.

– Không, không … nhất định là không. Nhưng . ..anh không ngờ lại sắp bị bó buộc phải sống một nơi như thế này.

Cái nhìn của người vợ trẻ đanh lại:

– Anh phải học cho được. – Cô bình tĩnh nói.

– Chắc chắn là thế rồi, anh biết. Chờ khi nào ổn ổn. Có thì giờ dành dụm ít tiền. Đáng lẽ tốt nhất là anh ở lại nhà để học lái máy cày. Họ kiếm được ba đôla một ngày, chưa kể tiền kiếm thêm.

Đôi mắt của Rosasharn dò xét, suy tính; khi Connie cúi mắt nhìn vợ, y thấy cô đang đánh giá cân nhắc y.

– Nhưng anh sẽ học mà. Lúc nào ổn ổn là học ngay.

Cô nói một cách dữ tợn:

– Ta phải có căn nhà để cho con ra đời. Em không muốn sinh con trong một cái lều

– Đồng ý thế. Ngay lúc nào ổn định.

Y bước ra khỏi lều, thấy mẹ đang cúi xuống bếp lửa. Rosasharn nằm ngửa, hai mắt thao láo nhìn mái lều. Rồi cô nhét ngón tay trỏ vào miệng để khỏi khóc oà lên và bắt đầu khóc âm thầm.

Mẹ quỳ xuống cạnh bếp lửa củi khô, bẻ những nhánh củi con để mỗi ngọn lửa dưới nồi. Lửa bùng lên, rồi leo heo, bùng lên rồi lại leo heo. Bọn trẻ con – mười lăm đứa – lặng lẽ nhìn bà. Và khi mùi thịt hầm xông lên mũi, chúng khẽ nhăn mũi lại.

Tóc chúng đầy bụi đỏ hoe lấp lánh trong ánh mặt trời. Chúng cảm thấy thèn thẹn khi đứng ở đây. Nhưng chúng không tỏ vẻ bỏ đi. Mẹ nói chuyện với một đứa bé gái đứng giữa cái vòng tròn háu đói.

Bé lớn tuổi hơn bọn kia . Nó lò cò một chân, lấy chân kia gãi gãi bắp vế. Tay chắp chặn sau lưng, nó nhìn bà với đôi mắt trân trân, bé nhỏ, xám. Rồi bé gợi chuyện.

– Nếu bà muốn, cháu có thể bẻ củi giúp bà.

Mẹ ngước mắt lên:

– Cháu muốn ta cho cháu ăn phải không?

– Thưa bà vâng ạ – em bé đáp không nao núng.

Mẹ đẩy những nhánh củi xuống phía dưới nồi và lửa cháy lép bép!

– Cháu chưa ăn sáng ư?

– Chưa, thưa bà! Ở đây không có việc làm. Bố cháu cố bán các thứ lặt vặt mua xăng để có thể đi tiếp đến nơi khác.

Mẹ ngước mắt:

– Còn chúng nó, chúng nó cũng chưa ăn?

Cái vòng trẻ con rục rịch. Thấy khó chịu, chúng ngoảnh đi không nhìn cái nồi đang sôi nữa. Một bé trai muốn làm ra vẻ:

– Cháu, cháu ăn rồi, cháu này, thằng em cháu này, và cả hai thằng kia nữa; cháu trông thấy chúng ăn. Ăn ngon lắm. Tối nay chúng cháu đi về miền Nam.

Bà mẹ mỉm cười:

– Thế là cháu không đói. Cái nồi đây không đủ thức ăn cho mọi người.

Thằng bé bĩu môi:

– Chúng cháu ăn nhiều rồi.

Nói xong, hắn quay ngoắt, chạy biến vào trong một cái lều. Mẹ đưa mắt nhìn theo, bóng nó mất hút đã lâu, rất lâu mà bà vẫn ngồi sững sờ, khiến con bé phải nhắc.

– Thưa bà, lửa sắp tắt. Bà cho phép thì cháu bỏ củi vào.

Ruthie và Winfield đứng trong vòng tròn, tỏ ra lạnh nhạt, xa cách. Chúng làm bộ dửng dưng nhưng bản năng về quyền tư hữu vẫn lấn át. Ruthie quay nhìn đứa bé gái một cách giận dữ. Nó ngồi xuống và bẻ củi cho mẹ.

Mẹ nhấc cái vung lên và lấy một khúc củi quấy thịt băm.

– Trong bọn các cháu có những đứa đã ăn rồi.

Dẫu sao thì cháu bé vừa rồi cũng không đói. Thế là bác đỡ băn khoăn.

Con bé cười nhạo:

– Chà ! Thằng đó, nó chỉ làm bộ làm tịch thế thôi bác ạ. Nó chả có gì để ăn, mà nó làm gì, bác biết không? Tối qua, nó khoe nhà nó ăn thịt gà. Nhưng cháu, cháu đã nhìn nhà nó ngồi ăn: chỉ ăn bánh bột lúa mạch in như mọi nhà thôi.

– Thế đấy! ôi ! …

Mẹ liếc nhìn về phía lều mà thằng bé đã đi vào. Rồi bà quay về phía con bé.

– Cháu đến California đã lâu chưa?

– Chao. Gần sáu tháng ạ. Chúng cháu ở trong trại của Chính phủ, sau đó chúng cháu lên miền Bắc và lúc trở lại thì trại đã đầy ứ người. Ở chỗ ấy, sướng lắm, bà ạ.

– Chỗ nào thế? – Mẹ hỏi.

Mẹ lấy các nhánh cúi từ tay Ruthie và đẩy vào lửa. Ruthie hằn học nhìn con bé.

– Ở đây, về phía Weedpatch. Có nhà xí đẹp, bồn tắm và những bể giặt có nước bên cạnh, nước uống ngon lắm; buổi tối họ chơi nhạc và thứ bẩy lại có khiêu vũ. Ôi chao! Bà không thấy đấy thôi, đẹp ơi là đẹp! Lại có một chỗ riêng cho trẻ con chơi, những nhà xí có giấy vệ sinh. Kéo một cái dây chuông là nước chảy xuống dội sạch mà lại không có cảnh sát lúc nào cũng đến nhòm ngó vào lều, còn cái ông trông trại thì không làm bộ làm tịch. Ông ấy đến chơi mọi nhà, chuyện trò rất tử tế, lịch sự. Cháu mong làm sao có thể quay lại sống ở đó.

Mẹ nói:

– Bác chưa bao giờ nghe nói đến; bác ước gì bác có cái chậu lớn để giặt giũ, bác nói thật với cháu thế.

Con bé lại nói rất hăng.

– Lạy Chúa, bác có tưởng tượng được không?

Những ống dẫn, có nước nóng, ta đứng dưới vòi sen là có nước nóng chảy xuống. Không bao giờ bác đã trông thấy một nơi như thế. – Như cháu nói, bây giờ đã đầy người rồi?

– Vâng, lần sau cùng chúng cháu hỏi thì đã đầy người.

– Chắc phải đắt lắm, – mẹ nói.

– Vâng, khá đắt, nhưng không có tiền thì có thể làm việc để trả. Một tuần hai ba tiếng là đủ, lau chùi, đổ thùng rác, đại loại những việc như thế và buổi tối, có nhạc, rồi mọi người chuyện trò với nhau, rồi lại có nước nóng trong ống dẫn. Bác không biết đấy thôi, đẹp lắm cơ bác ạ.

Mẹ nói:

– Chắc chắn là bác cũng thích đi tới đấy.

Ruthie không chịu đựng lâu được nữa.

– Bà nội đã chết trên xe cam nhông đấy! – Nó văng ra một cách dữ tợn.

Con bé nhìn nó vẻ thắc mắc:

– Đúng quá còn gì, – Ruthie nói thêm – Chính cảnh sát tư pháp đã đến đưa bà nội đi.

Nó bặm môi và bắt đầu bẻ các nhánh cây.

Sự tấn công táo bạo đã lay chuyển Winfleld. Nó phụ hoạ với con chị.

– Trên nóc xe cam nhông ấy. Cảnh sát tư pháp đã bỏ bà vào một cái giỏ to.

– Chúng bay hãy yên đi, cả hai đứa. – Mẹ nói – Nếu không mẹ đuổi đi.

Và mẹ lại bỏ thêm củi vào lửa.

Ở đằng xa, Al đã tiến lại gần anh chàng đang rà các van.

– Anh sắp xong chưa? – Al hỏi.

– Mình còn hai cái.

– Trong trại có gái không?

– Tớ đã có vợ. Tớ chả còn thì giờ nghĩ đến con gái.

– Tôi thì bao giờ cũng có thì giờ. – Al nói – Thậm chí không có thì giờ cho chuyện khác.

– Hãy chờ lúc nào đói, cậu sẽ thấy thay đổi ngay.

Al cười to:

– Có thể. Nhưng cái chuyện tụi con gái, thì tớ chưa thay đổi.

– Cái anh chàng nói chuyện với tớ vừa rồi, đi cùng cậu hả?

– Ờ, anh tôi đấy, anh Tom. Đừng có đùa với anh ấy. Anh ấy đã giết người đấy.

– Không đùa đấy chứ? Tại sao?

– Đánh lộn. Thằng ấy cầm dao đâm anh tôi một nhát. Tom lấy xẻng đập chết hắn.

– Không đùa chứ? Thế toà án họ làm gì?

– Họ đã thả anh ấy ra, vì đánh lộn mà lại.

– Anh ta trông không có vẻ một tay gây gổ.

– Không phải loại gây gổ. Nhưng anh ấy không để cho ai bắt nạt. – Al nói một cách hãnh diện – Anh ấy đằm tính… nhưng coi chừng, đừng có tin.

– Ồ, tớ đã nói chuyện với hắn. Hắn chả có vẻ gì độc ác.

– Anh ấy không độc ác đâu. Lành như một con cừu[46], trừ phi là bị chọc tức, và lúc đó thì, coi chừng.

Anh thanh niên rà cái xupap cuối cùng. Al hỏi:

– Anh có muốn tôi giúp anh lắp lại van và quy lát không?

– Còn gì hơn, nhưng nếu cậu không bận gì khác kia.

– Lẽ ra tôi phải ngủ. Nhưng lạy Chúa, tôi không thể nhìn một động cơ tháo rời mà lại không thấy ngứa ngáy. Tôi phải làm ngay.

– Đã thế thì tôi không dám từ chối sự giúp đỡ của cậu. Tôi là Floyd Knowles.

– Còn tôi, Al Joad.

– Rất hân hạnh được làm quen với cậu.

– Tôi cũng thế, – Al nói – Anh vẫn lắp lại cái doăng ấy sao?

– Phải thế thôi.

Al rút con dao bỏ túi ra và cạo máy.

– Mẹ kiếp! Không gì thích bằng khi thấy cái môtơ xe hơi.

– Còn gái thì sao?

– Ờ cả bọn con gái nữa! Còn gì hơn là được tháo rời và lắp lại một Roll – Royce. Có lần, tôi đã nhìn dưới nắp máy một cái Cadillac 16 xi lanh. Ôi! Cha mẹ ơi!

Anh chưa trông thấy cái nào đẹp như thế đâu – tôi thấy chiếc xe đó đỗ trước một tiệm ăn, thế là tôi nâng nắp lên. Một thằng cha chạy ra, hỏi: “Anh định làm cái quái gì thế” Tôi đáp: “Tôi nhìn xem, thế thôi. Xem có đẹp không? – Hắn cứ đứng đực ra. Tôi nghĩ là hắn chưa bao giờ mở nắp nhìn vào trong. Hắn cứ đứng đực ra. Một tay giàu có, đội mũ rơm, áo sơ mi kẻ sọc và đeo kính. Tôi và hắn không nói gì, hai bên cứ nhìn nhau. Rồi đùng một cái hắn bảo: Anh thích lái xe này lắm sao?”

Floy nói: “Thật thế”?

– Thật – “Anh có thích lái xe này không?” – Hắn lại hỏi – Ôi anh tính thử, lúc đó tôi mặc quần yếm... Bẩn ơi là bẩn. “Tôi làm bẩn xe ông mất”. Hắn nói: “Cứ lái đi, làm một vòng quanh khu nhà này”. Thế là, ông bạn ơi, tôi ngồi vào tay lái, làm tám vòng quanh khu nhà, và cha mẹ ơi sướng mê đi!

– Dễ chịu chứ? – Floy hỏi.

– Ôi lạy Chúa? – Al nói.– Nếu được tháo nó ra thì, trời ạ, tôi sẽ đổi bất cứ thứ gì.

Floyd từ từ tay vặn. Anh tháo cái van cuối cùng và xem xét.

– Tốt nhất là cậu cần làm quen với một chiếc xe cà tàng. – anh ta nói – vì còn lâu cậu mới có xe 16 xylanh để mà lái.

Nói xong anh đặt khoan xuống bậc xe lấy một con dao cạo muội bám trên máy. Hai phụ nữ to béo đầu trần, chân đất, đi qua tay xách một xô đầy sữa. Họ bước đi núng nính vì xô nặng, và cả hai mắt cứ dán xuống đất. Mặt trời bắt đầu xuống.

– Không có gì làm anh thích thú ư?

Floyd khiến cái đục hăng hơn . Anh nói:

– Tớ ở đây đã sáu tháng rồi. Sáu tháng trời tớ quờ quạng khắp cái xứ khốn nạn này để tìm công ăn việc làm, chạy ngược chạy xuôi để cố kiếm thịt và khoai tây cho vợ con. Tớ chạy rông như con thỏ rừng mà chẳng có kết quả gì. Tớ xoay xở đủ cách, chả bao giờ có đủ ăn. Tớ bắt đầu chán ngấy ra rồi. Mệt mỏi đến nỗi ngủ cũng không còn là sự nghỉ ngơi nữa. Tệ nhất là hiện nay tớ chẳng biết làm gì.

– Thế không có cách nào tìm được một công việc đều đặn hay sao? – Al hỏi.

– Không, không có công việc đều đặn.

Với cái đục, anh nạo khói ở xilanh, sau đó anh lấy giẻ tẩm dầu, chùi đục.

Một chiếc xe du lịch han rỉ đi vào trại. Trong xe có bốn người đàn ông, mặt khắc khổ, rám nắng. Chiếc xe từ từ qua trại. Floyd gọi họ:

– Hê! Có may mắn gì không?

Xe dừng lại. Người lái đáp:

– Bọn tớ chạy không biết bao nhiêu đồng đất rồi. Cả cái vùng này, chẳng có gì dành cho một bàn tay lao động. Bắt buộc phải đi thôi.

– Đi đâu thế? – Al hỏi.

– Có trời biết. Ở đây chẳng có gì để phải tìm.

Y lại nắm tay lái cho xe chạy từ từ.

Al đưa mắt theo dõi họ:

– Giá chỉ một người đến xin việc thì có dễ dàng hơn không? Làm như thế, nếu chỉ có việc cho một người thì ý có thể được nhận.

Floyd đặt con dao xuống và mỉm cười chán nản:

– Cậu còn khối điều phải học hỏi, – Anh ta nói – Phải có xăng mới chạy khắp xứ được. Xăng giá mười lăm xu một bi dông. Bốn anh chàng kia không thể đi bốn xe được. Thế là họ bỏ mỗi người mười xu và mua chung xăng. Phải học hỏi để biết.

– Anh Al!

Al cúi xuống nhìn thấy Winfield đang đứng bên cạnh, ra vẻ quan trọng lắm.

– Anh Al ạ, mẹ làm món cháo thịt hầm. Mẹ bảo “Ăn thôi”.

Al chùi tay vào quần.

– Hôm nay nhà tôi chưa ăn gì.– Hắn nói. – Ăn xong tôi sẽ đến ngay giúp anh một tay.

– Cậu đứng cố… trừ phi cậu thích.

– Không, tôi thích như vậy.

Al theo Winfield trở về lều của gia đình.

Bây giờ thì ở đây có cả một đám đông. Bọn trẻ con lạ đã nhích lại gần nồi hơn nữa đến nỗi, mỗi lần cử động thì bà mẹ lại đụng phải chúng. Tom và chú John đứng gần bà.

Bà nói giọng chán nản:

– Tôi chẳng biết làm thế nào. Tôi phải nuôi cả gia đình. Làm thế nào với các trẻ nhỏ này đây?

Bọn trẻ con đứng sững trước bà và nhìn bà. Vẻ mặt của chúng lầm lì, cứng đờ và mắt chúng cứ đảo từ cái nồi đến cái đĩa sắt tây bà cầm ở tay.

Đôi mắt chúng theo dõi chiếc muỗng từ nồi đến chiếc đĩa và khi bà trao chiếc đĩa hơi bốc nghi ngút cho

chú John thì các con mắt lại nhìn theo. Chú John nhúng thìa vào múc thịt băm thì những đôi mắt ngong ngóng lại dồn vào cái thìa. Một miếng khoai tây lọt vào miệng chú John, và những con mắt ngong ngóng lại dán vào mặt chú, xem chú phản ứng ra làm sao. Có ngon không nhỉ? Chú ấy có thích không nhỉ?

Đến lúc đó, chú John mới hình như thấy chúng lần đầu tiên. Chú nhai chậm rãi.

– Này, cháu bưng lấy ăn đi. – Chú nói với Tom – Chú không đói.

– Hôm nay chú đã ăn gì đâu. – Tom nói.

– Chú biết, nhưng chú đang đau bụng. – Chú không đói.

Tom nói một cách điềm tĩnh:

– Chú bưng lấy đĩa vào lều mà ăn.

– Chú không đói. Có vào trong lều chú vẫn trông thấy chúng.

Tom quay về phía lũ trẻ con.

– Chúng mày đi đi, – anh nói – Nào, đi!

Những đôi mắt nhìn nghiêng rời nồi cháo thịt và ngạc nhiên dán vào khuôn mặt Tom

– Chúng mày có đi không thì bảo! Ích gì mà đợi. Có nhiều nhặn gì mà cho chúng mày.

Mẹ lấy cái môi múc cháo ra mấy chiếc đĩa sắt tây, lõng bõng một tí thịt; bà đặt cái đĩa xuống đất .

– Mẹ không muốn đuổi chúng đi. Mẹ chẳng biết làm thế nào cả. Ai nấy bưng lấy đĩa, vào lều mà ăn. Còn lại chút nào, mẹ cho chúng. Này, bưng một đĩa vào cho Rosasharn.

Mẹ ngừng đầu lên và mỉm cười với tụi trẻ.

– Các cháu nghe nhé, – Mẹ nói – các cháu mỗi đứa đi lấy một mẩu gỗ, còn lại gì bác san lên đó cho. Nhưng không được đánh nhau đấy.

Nhanh như chớp, lặng lẽ, nhóm trẻ con chạy tán loạn. Chúng chạy đi tìm các mẩu ván, lao vào dưới đều nhà và trở lại, tay cầm thìa. Mẹ vừa mới múc cháo cho cả nhà ăn thì chúng đã quay đến câm lặng và hung dữ. Mẹ lắc đầu:

– Bác chẳng biết làm thế nào được, bác không thể truất phần người nhà bác được. Ruthie, Winfield, Al – Mẹ kêu to – Lại bưng lấy đĩa ăn. Nhanh lên. Vào lều mà ăn, nhanh đi.

Mẹ nhìn bọn trẻ con và nói như để xin lỗi, một cách thật nhún nhường:

– Không có đủ cháo. Thế này, bác đặt cái nồi ở chỗ kia, tất cả các cháu có thể nếm tí chút nhưng không đỡ đần gì được đâu.

Tiếng của Mẹ lạc đi:

– Bác không làm khác được. Đây, các cháu ăn đi.

Bà nhấc nồi và đặt nó xuống đất.

– Đợi tí đã, còn nóng lắm.

Nói xong, bà vội chạy ào vào lều để khỏi phải nhìn lũ trẻ. Cả gia đình ngồi dưới đất, trước đĩa thức ăn; và bà nghe thấy ở phía ngoài bọn trẻ con vét, cạo nồi quèn quẹt, với các mẩu gỗ, thìa và những mảnh sắt rỉ. Chiếc nồi bị che kín giữa một đám đông hỗn độn, lúc nhúc. Bọn trẻ không nói năng, không đánh nhau hoặc cãi cọ nhưng háo hức một sự hăng hái lặng lẽ và dễ sợ. Mẹ ngồi quay lưng về phía chúng để khỏi phải nhìn.

– Tình trạng thế này không thể kéo dài được.

Mẹ nói – Phải thu xếp để ăn riêng biệt thôi.

Có tiếng cạo sồn sột vào kim khí, rồi cái đống trẻ con tan rã, tản mát, để lại dưới đất chiếc nồi sạch như chùi. Mẹ nhìn các đĩa sạch ngoét:

– Cả nhà chả một ai được lửng bụng.

Bố đứng lên và lặng lẽ ra khỏi lều. Ông mục sư mỉm cười một mình, nằm xuống đất, tay chắp sau gáy. Al đứng lên:

– Con phải đi giúp một thằng cha sửa lại xe.

Mẹ thu xếp các đĩa lại mang ra ngoài để rửa.

– Ruthie, Winfield, – Mẹ gọi. – Đi lấy nước cho mẹ nhanh lên. Mẹ đưa cái xô cho chúng, và hai đứa lon ton chạy ra bờ sông.

Một người đàn bà vạm vỡ đi lại gần. Chiếc áo bà ta bụi bám đầy và loang lổ vết dầu. Bà ngẩng cao đầu một cách kiêu hãnh. Bà đứng trân trân cách bà mẹ mấy bước và nhìn mẹ có vẻ khiêu khích. Cuối cùng bà ta đi lại gần:

– Chào bà, – Bà ta nói một cách lạnh nhạt.

– Chào bà – Mẹ chào trả.

Mẹ đứng lên và đẩy một cái thùng ra phía trước.

– Mời bà ngồi.

Người đàn bà đến sát hơn:

– Không, tôi không ngồi.

Mẹ nhìn bà ta với vẻ thắc mắc:

– Tôi có thể giúp bà được gì?

Mụ ta chống nạnh nói:

– Điều bà có thể làm được, là bà nên trông nom lấy con cái của bà, và để con cái tôi được yên.

Mẹ mở to mắt:

– Tôi có làm gì đâu…

Người đàn bà cau lông mày, nhìn thẳng vào mẹ:

– Thằng bé nhà tôi lúc ở đây về, toàn mùi thịt hầm. Chính bà đã cho nó ăn. Nó nói với tôi thế.

Tôi xin khuyên bà đừng làm bộ làm tịch và khoe khoang ta đây ăn thịt hầm. Bà đừng có làm như vậy Tôi đã buồn phiền lắm rồi. Ấy thế mà nó về nhà, hỏi tôi: “Mẹ ơi, tại sao nhà ta lại không có thịt hầm?”

Tiếng bà run run giận dữ.

Mẹ bước lại gần:

– Mời bà ngồi. Mời bà ngồi xuống đi, chúng ta nói chuyện một lát.

– Không, tôi không muốn ngồi. Tôi đang cố gắng nuôi các con tôi thì bà ở đâu đến với món cháo thịt băm.

– Bà ngồi xuống đã nào. Chúng tôi mà còn chưa tìm được công ăn việc làm thì chắc chắn đây là dịp cuối cùng chúng tôi ăn thịt băm. Bà nghĩ xem, bà đang làm cháo thịt băm thì có một lũ trẻ kéo tới thơ thẩn đứng nhìn. Vào hoàn cảnh bà, bà sẽ làm thế nào? Chúng tôi không có đủ ăn nhưng không thể không cho chúng được mà chúng thì cứ nhìn như thế kia!

Người đàn bà buông thõng tay xuống, sững sờ nhìn bà mẹ trong chốc lát, rồi bà ta quay ngoắt bỏ đi thật nhanh. Bà bước vào một cái lều rồi bỏ cửa lều xuống. Mẹ đưa mắt nhìn theo và lúc bóng bà ta đã khuất. Mẹ lại quỳ xuống cạnh chồng đĩa.

Al chạy tới:

– Tom ơi! Mẹ ơi, anh Tom có trong lều không?

Tom thò đầu ra:

– Mày gọi gì thế?

– Anh đến với tôi, – Al nói, rất háo hức.

Hai anh em cùng đi, Tom hỏi:

– Có chuyện gì thế?

– Rồi anh sẽ biết. Có điều, hãy đợi tí.

Al dẫn Tom lại chỗ chiếc xe hơi tháo dở và nói:

– Đây là Floyd Knowles.

– Biết rồi, tao đã nói chuyện với anh ấy. Xong chưa?

– Tôi đã lắp vào hẳn hoi rồi.

Tom đưa ngón tay sờ vào các xylanh.

– Mày còn điên đầu vì chuyện gì thế, Al?

– Floyd vừa mới kể cho em nghe. Nói cho anh ấy biết đi, anh Floyd.

– Nhẽ ra thì không nên, – Floyd nói – Nhưng thây kệ, tớ nói cho cậu biết. Có một tay vừa qua đây nói với tớ là ở miền Bắc có công ăn việc làm đấy

– Miền Bắc à?

– Ừ, thung lũng Santa Clara. Đi tới đó xa ghê lắm.

– Thế hả? Mà công việc gì?

– Hái đào, mận, và làm việc trong một xưởng đồ hộp. Nghe đâu là sắp bắt đầu rồi.

– Cách đây xa không?

– Ôi! Có Trời biết… Dễ chừng hai trăm dặm.

– Xa bỏ đời. – Tom nói. – Có gì chắc chắn là có việc thực sự để làm không? Chúng mình đang ở đây thì làm sao biết được?

– Cái đó, chả ai biết – Floyd nói. – Nhưng ở đây thì không có việc gì hết. Cái thằng cha cho mình biết tin vừa nhận được thư của anh hắn; hắn chuẩn bị tới đó. Hắn dặn đừng nói với ai, sợ nhiều người quá. Phải đi đêm. Phải gấp lên, cố gắng tìm được công việc đều đặn.

Tom nhìn anh ta chăm chú.

– Sao lại phải đi lén thế?

– Thế này, nếu ai cũng đi tới đấy, thì chả ai có việc làm cả.

– Lạy Chúa? Xa tổ bố. – Tom nói.

Floyd có vẻ phật ý:

– Tớ, tớ mách tuyô cho cậu, thế thôi. Chẳng ai bắt buộc cậu phải theo. Thằng em cậu đây đã giúp tớ một tay, thì tớ, tớ trao lại tuyô cho cậu, thế thôi.

– Anh có chắc chắn ở đây không có việc làm hay không?

– Nghe tớ đây… đã ba tuần nay tớ chạy rông như thằng điên mà chả mảy may tìm được việc làm.. Nếu cậu nhất thiết muốn làm như tớ và đốt nhiều xăng, thì cứ việc. Không phải tớ đây mời cậu tới miền Bắc. Đến càng đông thì tớ càng ít may hơn.

Tom nói:

– Chuyện này thì chẳng có gì phải bàn cãi. Chỉ có điều là xa quá đi mất. Mà chúng tôi lại cứ hy vọng tìm được việc làm ở đây và biết đâu có lẽ thuê được một căn nhà để ở.

Floyd cố gắng kiên nhẫn:

– Tớ biết là các cậu vừa mới đến. Các cậu còn nhiều điều phải học. Nếu cậu chịu khó nghe tớ thì đỡ cho các cậu nhiều. Nhược bằng các cậu không muốn nghe thì cậu sẽ học được nhiều điều cay đắng. Các cậu sẽ không ăn ở được nơi đây, bởi vì, không có công ăn việc làm thì ở làm sao được? Mà rồi cái dạ dày nó không để cậu ở yên. Bây giờ, thế là rõ.

– Tuy thế, tôi cũng muốn thử tìm kiếm một chút xung quanh vùng này, – Tom nói giọng kém tin tưởng.

Một chiếc xe hòm chạy qua trại và dừng lại trước lều bên cạnh. Một người mặc quần yếm, áo sơmi xanh bước xuống. Floyd gọi y:

– Ê! Có may mắn gì không?

– Chả có lấy chút công việc chết tiệt nào trong cái xứ đáng nguyền rủa này; ít ra cũng tới vụ hái bông.

Nói xong, y đi vào căn lều rách nát.

– Cậu thấy chưa?

– Ờ, thấy rồi. Nhưng xa những hai trăm dặm, lạy Chúa!

– Đúng thế, nhưng gần như là cậu chẳng ở một nơi nào nhất định kia mà. Nghĩ kỹ điều đó.

– Ta phải đi tới đó thì hơn. – Al nói.

Tom hỏi:

– Khi nào thì ở đây có việc làm?

– Một tháng nữa, mùa hái bông bắt đầu. Nếu cậu có tiền dư dật, cậu có thể đợi mùa bông.

– Mẹ tôi không muốn cựa quậy nữa. – Tom nói – Mẹ tôi kiệt sức rồi.

Floyd nhún vai:

– Tớ đâu có ý định thúc cậu đi lên miền Bắc.

Các cậu thu xếp lấy. Tớ chỉ nhắc lại những gì người ta nói với tớ.

Anh lấy miếng doang quilát vấy dầu nằm ở bậc xe, lắp vào máy và ấn thật mạnh cho nó khít vào, Al nói:

– Bây giờ anh hãy giúp tôi một tay để lắp quilát.

Tom nhìn họ thận trọng đặt cái quilát nặng trên các bulông và hạ nó xuống thật cân trên máy.

– Chuyện này còn phải bàn – anh nói.

– Tớ không muốn ai khác ngoài gia đình cậu biết. – Floyd nói. – Chỉ gia đình cậu biết thôi. Mà có lẽ tớ đã không nói nếu như em cậu không giúp tớ một tay.

Tom nói:

– Dẫu sao, tôi cũng cảm ơn anh đã cho tôi biết.

Phải xem xét việc này. Dễ chừng bọn tôi đi cũng nên.

Al nói:

– Lạy Chúa? Em nghĩ không có ai đi với, em cũng đi một mình. Em không muốn chết già ở đây.

– Và bỏ gia đình ư? – Tom hỏi.

– Cố nhiên. Em sẽ trở lại, túi rủng rỉnh tiền. Sao lại không nhỉ?

– Mẹ chẳng thích như vậy chút nào đâu. Bố cũng không.

Floyd lắp những chiếc bulông và cố dùng ngón tay vặn thật chặt. Anh nói:

– Tớ và vợ tớ cùng với gia đình tới đây. Lúc ở nhà, chẳng ai hề có ý nghĩ là phải xa nhau. Không hề.

Nhưng, lạy Chúa, thế nào đây! Đến miền Bắc cả nhà ở với nhau được một thời gian, thế rồi tớ xuống lại đây còn họ cũng đã đổi chỗ ở… Và bây giờ có Chúa biết họ ở đâu bây giờ. Tớ cứ cố tìm kiếm họ và hỏi thăm tin tức họ.

Anh lắp lắc lê vào đầu êcu, đều tay vặn mỗi êcu một vòng, vít đi xiết lại các bulông thật chặt.

Tom ngồi xổm cạnh chiếc xe và, mắt lim dim, nhìn lơ lửng dọc dãy lều. Một ít rạ bị xéo nát lộ ra giữa các lều.

– Không được đâu, tao nói cho mày biết, – Tom nói – Mày bỏ đi thì Mẹ chả ưng chút nào.

– Tuy vậy, theo em nghĩ, đi một mình thì dễ tìm được việc làm hơn.

– Đành là thế, nhưng nhất định là Mẹ không ưng.

Hai chiếc xe hơi chở đầy những con người chán nản lại trở về trại. Floyd ngước mắt lên nhưng không hỏi han gì họ. Mặt họ xám xịt bụi bặm, rầu rĩ và nom lì lợm. Mặt trời xuống dần, đổ ánh nắng vàng xuống Hooverville, xuống các đám cây liễu ở phía sau.

Trẻ con bắt đầu ra khỏi lều và đi lang thang khắp trại. Đàn ông ngồi tụm năm tụm ba nói chuyện gẫu.

Một chiếc Chevrolet hai chỗ ngồi kiểu mới từ đường cái rẽ vào trại đừng lại giữa các lều. Tom hỏi:

– Ai thế nhỉ? Họ không phải người ở đây.

Floyd đáp:

– Không biết… bọn cảnh sát cũng nên.

Cửa xe mở, một người bước ra và đứng tựa vào xe. Bọn y vẫn ngồi ở trong. Tất cả mọi người ngồi xổm dưới đất, câm bặt và nhìn những kẻ mới đến.

Đám phụ nữ bận trông coi bếp lửa, liếc nhìn trộm chiếc xe bóng loáng. Bọn trẻ con đi vòng đi vèo một cách thành thạo, lách lại gần chiếc xe.

Floyd đặt lắc lê xuống. Tom đứng lên. Al chùi tay vào quần. Cả ba uể oải lại gần chiếc Chevrrolet. Người vừa bước xuống xe, mặc một quần kaki, một áo sơmi bằng nỉ. Y đội một chiếc mũ phớt dẹp vành. Ở túi sơmi lộ ra một tập giấy cài chặt bởi một hàng bút máy và bút chì; một cuốn số bìa bằng giấy bạc tòi ra ở túi súng lục. Y tiến lại một nhóm người đang ngồi xổm; họ ngước đôi mắt lặng lẽ và ngờ vực nhìn y. Họ quan sát y mà không chút cử động; chỉ thấy mắt họ trắng dã vì họ không ngẩng đầu lên để nhìn y. Tom, Ai và Floyd làm như thể vô tình bước lại gần.

Người lạ nói:

– Thế nào, các người có muốn công ăn việc làm không?

Họ nghe hỏi, nhưng họ vẫn lặng lẽ quan sát y với vẻ ngờ vực. Từ bốn phía trại, những người khác cũng dần dà tới đứng quanh y.

Cuối cùng, một người lên tiếng:

– Hẳn là bọn tôi muốn việc làm. Nhưng làm ở đâu thế?

– Ở quận Tulare. Sắp tới mùa hái quả. Cần nhiều người hái.

Floyd cao tiếng – Chính ông thuê người ư?

– Nghĩa là tôi bao thầu việc hái quả.

Mọi người bây giờ đã túm tụm lại thành một nhóm dày đặc. Một người trong bọn họ, mặc quần yếm, cất chiếc mũ đen và lấy tay vuốt tóc hỏi:

– Ông trả bao nhiêu? – Thế này, tôi chưa thể nói đúng là bao nhiêu. Khoảng chừng ba mươi xu, tôi nghĩ thế.

– Tại sao ông lại không thể nói ra được? Ông làm giao kèo, chứ?

– Đồng ý, – người mặc kaki nói. – nhưng vẫn để giá cả thì còn tuỳ. Có thể là hơn một chút, có thể là kém một chút.

Floyd tách ra khỏi nhóm và tiến lên. Anh nói một cách trầm tĩnh:

– Tôi thì tôi đồng ý đi. Ông là chủ thầu và ông có môn bài. Ông cho chúng tôi xem, ký cho chúng tôi một cái giấy là ông thuê chúng tôi làm, ở đâu và lúc nào, và ông trả công bao nhiêu, ông ký vào, chúng tôi đi tất.

Gã thầu khoán quay đầu, lông mày nhíu lại:

– Này cái anh kia, anh dạy tôi cách làm ăn hay sao đấy?

Floyd đáp lại:

– Chúng tôi làm việc cho ông, vị chi việc của ông cũng là việc của chúng tôi.

– Đúng thế, nhưng tôi không cần ai dạy cho tôi phải làm ăn thế nào. Tôi đã nói là tôi cần người.

– Ông không nói cần bao nhiêu người, – Floyd xẵng giọng – và ông cũng không nói sẽ trả bao nhiêu.

– Nhưng, trời ạ, tôi đã biết thế nào đâu.

– Ông không biết thì ông không có quyền thuê công nhân – Tôi có quyền điều khiển việc làm ăn của tôi theo cách riêng của tôi. Nếu các người thích ngồi yên cho khoái cái tì[47] mà ngáp dài thì, O.K, cứ tự do. Còn tôi,

tôi thuê người đến làm ở quận Tulare. Phải có nhiều người.

Floyd quay về phía những người đàn ông. Tất cả đã đứng lên nhưng vẫn im lặng, đưa mắt nhìn hai người đang cãi nhau. Floyd nói:

– Đây là lần thứ hai tôi bị mắc lừa cái trò xỏ xiên này. Có thể là ông ta cần một ngàn người. Ông ta sẽ đưa năm ngàn tới chỗ đó và rồi sẽ trả một giờ mười lăm xu. Rồi những người khốn khổ nhà các anh, các anh buộc phải nhận bởi vì các anh đói. Ông ta muốn thuê người thì được thôi, ông ấy cứ thuê, nhưng phải có giấy tờ, ghi rõ trả bao nhiêu. Các anh hỏi xem môn bài của ông ta. Ông ta không được phép thuê công nhân mà không có môn bài.

Gả thầu khoán quay lại chiếc Chevrrolet, gọi:

– Joe!

Bạn của y nhìn ra ngoài, rồi bất thình lình mở cửa xe nhảy xuống. Y bận chiếc quần cưỡi ngựa, ủng có dây buộc. Một cái bao da nặng đeo ở thắt lưng có quai vắt chéo qua vai. Chiếc phù hiệu cảnh sát trưởng cài trên ngực áo sơmi.

Y bước lại một cách nặng nề. Nét mặt y đanh lại trong một cái mỉm cười nửa nạc nửa mỡ.

– Chuyện gì vậy?

Cái bao da khẽ đập đập trên mông y.

– Đã trông thấy thằng này chưa. Joe?

Phó cảnh sát trưởng hỏi.

– Thằng nào?

– Thằng này.

Lão thầu khoán chỉ Floyd.

– Hắn làm gì vậy? – Gã vừa mỉm cười vừa nhìn Floyd.

– Hắn ăn nói như một thằng Đỏ, gây rối.

– Hừm…

Tên phó cảnh sát trưởng tiến lại để nhìn Floyd rõ hơn. Floyd dần dần đỏ mặt lên.

– Các anh thấy đấy, – Floyd kêu to. – Nếu thằng cha kia thật lòng, thì y dẫn cảnh sát đến làm gì.

– Anh đã trông thấy nó chưa? – tay thầu khoán nhấn mạnh.

– Ư hừm… Hình như tôi thấy hắn rồi. Tuần trước, lúc có vụ trộm ở trại bán xe hơi cũ. Hình như thằng này lảng vảng quanh đó. Ờ, đúng rồi, không phải hắn thì tôi chịu treo cổ.

Đột nhiên nụ cười biến mất trên khuôn mặt y.

– Lên xe, nhanh lên – Gã vừa nói vừa mở bao súng lục.

– Ông không có chứng cớ gì để bắt anh ta. – Tom can thiệp.

Gã cảnh sát quay phắt lại

– Mày, nếu mày thích đi với hắn thì cứ mở miệng một lần nữa xem sao. Cả hai đứa mày đã lảng vảng quanh trại xe hơi.

– Tuần trước, nào tôi đã tới Bang đây, – Tom cãi.

– Có lẽ mày đang bị tầm nã nơi khác. Nhưng giờ thì cứ câm cái miệng lại.

Một lần nữa, lão thầu khoán nói với đám người.

– Các bạn đừng có nghe cái bọn đỏ chó đẻ đó, các bạn ạ. Chúng chỉ gây rối, lộn xộn, rồi các bạn lại phải tội vạ, tôi nhắc lại, tôi có việc cho tất cả mọi người, ở quận Tulare.

Đám người vẫn nín thinh.

Tay phó cảnh sát trưởng quay lại phía họ:

– Có lẽ các anh đi tới đó làm là hay nhất.

Cái nụ cười rối rắm lại hiện ra trên mặt y.

– Sở Vệ sinh đã ra lệnh cho chúng tôi phải dọn sạch cái trại này. Mà chẳng may họ biết ở đây có bọn đỏ thì… ai đó sẽ bị lôi thôi to. Các anh tất cả đi Tulare là hay nhất. Ở đây chẳng có quái gì để làm. Tôi lấy tình bạn khuyên các anh như vậy. Sắp tới, nếu các anh không đi, sẽ có một bọn kéo đến, đem cuốc xẻng hốt các anh đi.

Tay thầu khoán nói:

– Tôi đã nói với các anh là tôi cần người. Nếu các anh không muốn làm – thì đấy, nhân tâm tuỳ thích.

Gã cảnh sát mỉm cười.

– Họ không muốn làm việc, thì ở đây cũng không có chỗ cho họ ở. Chẳng mấy chốc, sẽ tống khứ họ đi.

Floyd đứng bên cạnh hắn, người cứng đờ, ngón tay trỏ xỏ vào chiếc nịt. Tom lén nhìn anh một cái, rồi cúi mặt nhìn xuống đất.

Có thế thôi! – Gã thầu khoán nói. – Ở quận Tulare cần nhân công. Công việc có ê hề.

Tom từ từ ngước mắt nhìn bàn tay của Floyd, anh thấy gân nổi rõ phía trên cổ tay. Hai bàn tay Tom cũng lần lên, và ngón cái ngoắc vào thắt lưng.

– Đấy, có thế thôi. Sáng ngày mai, tôi không còn muốn trông thấy bóng một ai trong vùng này.

Gã thầu khoán bước lên xe Chevrrolet.

– Còn anh, – viên cảnh sát nói với Floyd – lên xe theo bọn ta. Bàn tay to của y vươn ra chụp lấy cánh tay trái của Floyd. Phát một cái, Floyd xoay người đập luôn. Anh tống một quả đấm vào cái mặt to bè, và theo đà, anh chuồn thẳng, nép theo dãy lều mà chạy. Tên cảnh sát loạng choạng, Tom khèo chân hắn, tên cảnh sát nặng nề đổ xuống lăn quay, tay sờ tìm súng lục. Floyd chạy vòng vèo, khi ẩn khi hiện giữa các lều. Còn nằm dưới đất, tên cảnh sát bắn theo. Một phụ nữ đứng trước một cửa lều rú lên một tiếng, rồi bà ta nhìn bàn tay bị gãy. Mấy ngón lủng lẳng đầu những giây gân tái nhợt nhạt, mất máu. Floyd lại hiện ra ở xa xa, lao thẳng vào đám liễu. Ngồi dưới đất, tay cảnh sát đang giơ súng lên thì đột nhiên mục sư Casy tách khỏi đám đông, bước tới phóng một cú đá trúng gáy tên cảnh sát; rồi mục sư đứng lùi lại trong khi gã cảnh sát to béo lại ngã gục xuống, ngất xỉu.

Động cơ Chevrrolet gầm rú và chiếc xe chồm lên, khuấy tung bụi mù mịt, chạy ra đường cái và lao đi như tên bắn. Nằm trước cửa lều, người phụ nữ mải nhìn chằm chằm bàn tay rách tả tơi. Từ vết thương máu bắt đầu rỉ ra. Một tiếng cười điên loạn cùng cục trong cổ họng bà ta rồi bật ra trong tiếng cười hí hí, mỗi lúc một ầm ĩ dữ dội hơn theo nhịp mỗi hơi thở.

Viên cảnh sát nằm nghiêng mồm há hốc trong bụi đất.

Tom nhặt khẩu súng, rút băng đạn ra và vất vào bụi cây; rồi anh tháo cactut còn nằm trong vỏ đạn.

– Một cái ngữ như thế này không có quyền mang súng ngắn. – anh nói, và thả súng rơi xuống đất.

Đám đông xúm xít quanh người phụ nữ mà bàn tay đã bị gãy nát. Tiếng cười của kẻ mất trí càng to và mang âm sắc một tiếng kêu thất thanh.

Casy lại sát bên Tom.

– Mày phải trốn đi, – ông nói. – Vào nấp trong bụi rậm và chờ xem sao. Hắn không trông thấy tao đá vào gáy hắn, nhưng hắn thấy mày giơ chân khoèo hắn ngã.

– Tôi không muốn bỏ trốn. – Tom nói.

Casy ghé đầu sát anh và thì thầm:

– Chúng sẽ lấy dấu tay mày. Mày đã sai lời hứa, nên chỉ chúng sẽ tống mày vào nhà pha trở lại.

Tom bình tĩnh thở mạnh:

– Lạy Chúa! Tôi quên khuấy đi mất.

– Nhanh lên. – Casy nói. – Nó tỉnh lại bây giờ.

– Tôi muốn lấy cả súng ngắn của hắn.

– Không được. Để lại đây. Nếu mọi việc trôi chảy, tao sẽ huýt sáo bốn tiếng để báo mày biết.

Tom làm như vô tình bỏ đi, nhưng khi đã ra khỏi đám đông, anh rảo bước và biến vào các lùm cây liễu ở ven sông.

Al tiến lại cái thân hình bất động của viên cảnh sát

– Lạy Chúa. – hắn tấm tắc khen – Ông quật hắn nằm lả như thế này!

Đám người tiếp tục đứng nhìn con người nằm ngất dưới đất. Rồi bỗng nhiên ở phía xa, rất xa, nghe có tiếng còi xé tai rú lên. Lảnh lói rồi lại tắt rồi lại hú lên,

và lúc này thì sát gần. Đám người đột nhiên đâm lo lắng. Họ phân vân trong chốc lát rồi lảng đi xa, ai về lều nấy. Chỉ có Al và ông mục sư ở lại.

Casy quay về Al:

– Chuồn đi. Nhanh lên, chạy về lều. Mày không hay biết gì hết, nghe chưa?

– Thế ư? Còn ông thì sao!

Casy mỉm cười với hắn.

– Phải có người chịu trách nhiệm. Tao, tao chả có trẻ con. Chúng chỉ có thể bỏ tù tao là cùng, mà đàng nào thì tao cũng chả làm gì khác hơn là ngồi mòn đít.

Al lại nói:

– Đấy không phải là lý do để…

– Trốn đi, tao bảo mà. – Casy nói giọng khàn – Mày không dính líu gì đến chuyện này.

Al vặn lại:

– Tôi không nhận lệnh của bất cứ ai.

Casy đấu dịu:

– Nếu mày dây dưa vào chuyện này thì cả gia đình mày, tất thảy mọi người trong nhà mày sẽ bị lôi thôi. Tao chẳng sợ gì cho mày cả. Nhưng còn bố mẹ mày, họ sẽ bị lôi thôi. Có thể chúng sẽ giải Tom về Mac Alester.

Al cân nhắc một lát, rồi nói.

– O . K. Dẫu sao việc ông làm vẫn cứ là rồ dại.

– Hẳn thế. Còn sao nữa?

Tiếng còi vẫn rúc liên hồi, mỗi lúc lại gần hơn.

Casy quỳ xuống cạnh gã phó cảnh sát trưởng và lật gã lại. Y càu nhàu, mắt hấp háy. Y cố gắng nhìn, Casy

lau bụi ở môi y. Giờ đây các gia đình đã rút về lều, và cửa khép lại. Mặt trời đang lặn nhuốm đỏ không trung và tô màu đồng lên các lều.

Tiếng bánh xe nghiến kèn kẹt trên đường cái và một chiếc xe mui trần lao vào trong trại. Bốn người tay cầm súng hối hả bước xuống cùng một lúc Casy đứng lên và bước lại bọn đó.

– Có chuyện quái quỉ gì ở đây thế này, hả?

Casy đáp:

– Tôi đã hạ một người của các ông, kia kìa.

Một trong mấy người có vũ trang, tiến lại gần tên phó cảnh sát trưởng. Y đã hồi tỉnh và đang gắng gượng đứng lên.

– Thế nào, chuyện gì thế?

– Thế này, – Casy nói. Ông ta làm căng nên tôi có đấm ông ta một cái, thế là ông ta giơ súng bắn trúng phải một phụ nữ ở đằng kia. Tôi bèn bồi cho ông ta một cú khác.

– Được rồi, nhưng lúc đầu người đã làm thế nào?

– Tôi cãi lại.

– Lên xe.

– Sẵn lòng thôi. – Casy nói.

Ông leo lên xe ngồi ở phía sau. Hai người giúp viên phó cảnh sát trưởng bị đánh đứng lên. Y mân mê gáy. Casy nói:

– Ở chỗ kia có người phụ nữ đang bị mất hết máu do ông kia không biết dùng súng.

– Để xét sau. Mike, có phải người này đánh ông không?

Tên phó cảnh sát trưởng còn đang bàng hoàng, cố gắng chăm chú nhìn Casy, y nói:

– Có vẻ không phải tên này.

– Nhưng chính là tôi, – Casy nói. – Thằng cha kia hắn sai trái nhưng với hắn, ông cũng khí mạnh tay.

Mike chậm rãi lắc đầu.

– Không, hình như không phải y. Ôi lạy Chúa! Tôi muốn nôn.

Casy nói:

– Tôi sẽ đi với các ông, chẳng dám lôi thôi gì.

Tốt hơn là các ông hãy xem người phụ nữ có bị nặng không?

– Mụ ở đâu?

– Ở lều kia kìa.

Tay trưởng nhóm đi lại lều, súng lăm lăm. Y đứng ở ngoài nói qua vách lều rồi chui vào. Sau đó một chút y đi ra, trở lại chỗ đồng bọn, vẻ tự hào.

– Lạy Chúa! Với khẩu 45, thiệt hại quái gì đâu! Họ đã buộc vải cầm máu cho mụ ta rồi. Sẽ phái thầy thuốc đến xem cho mụ.

Hai tên lính lên ngồi hai bên Casy. Tay xếp thổi còi. Trại im phăng phắc. Các lều đều đóng kín và ai nấy ở dí bên trong. Xe rồ máy, lộn trở lại và ra khỏi trại. Ngồi giữa hai tên gác, Casy kiêu hãnh ngẩng đầu, cơ bắp ở cổ nổi lên. Một nụ cười thoáng hiện trên môi ông và gương mặt ông tỏ vẻ đắc thắng.

Khi bọn cảnh sát đã đi rồi, mọi người ra khỏi lều, mặt trời đã lặn và cả trại thắm trong một thứ ánh sáng xanh dịu. Ở phía đông những dãy núi còn vàng rực

trong ánh mặt trời. Phụ nữ trở về bên bếp lửa đã tắt. Đàn ông lại tụ tập lại, ngồi xổm thành vòng tròn và rì rầm chuyện trò.

Al luồn ra khỏi lều nhà, tiến về phía các bụi rậm, huýt sáo cho Tom biết. Sau đó. Mẹ bước ra, nhen một bếp lửa cành.

– Bố nó à, chẳng còn nhiều nhặn gì để ăn. Chúng ta ăn muộn quá…

Bố và chú John ngồi sát tận lều nhìn Mẹ gọt khoai tây, cắt thành lát mỏng và thả vào chảo mỡ.

Bố nói:

– Lạy Chúa, tôi tự nhủ không hiểu ma quỷ nào xui khiến mà ông mục sư lại lại làm như thế.

Ruthie và Winfield len lén bò tới nghe trộm, Chú John lấy một chiếc đinh rỉ cào cào trên đất.

– Ông ấy biết rõ thế nào là tội lỗi: tôi đã nói với ông ta chuyện đó, ông ta đã giải cho tôi nghe, nhưng không biết ông ta nói có đúng không. Ông ta nói ai tin mình đã phạm tội tức là đã phạm tội.

Đôi mắt chú buồn bã và mệt mỏi.

– Suốt đời tôi là người ít nói. – Chú nói. – Tôi đã làm những điều mà chưa bao giờ kể lại với ai.

Mẹ quay đầu nhìn chú.

– Chú đừng có kể nữa, chú John ! Hãy dành đó để kể với Chúa. Đừng có đem gánh nặng tội lỗi của chú mà chồng chất lên người khác. Thế chả hợp lý tí nào.

– Cái đó cắn rứt tôi.

– Mặc kệ, đừng kể ra. Chú hãy đi xuống sông nhúng đầu vào nước và thì thầm với dòng nước.

Bố chậm rãi gật đầu.

– Bà ấy nói có lý đấy. Nói ra được thì thấy nhẹ nhõm, nhưng thế lại là phơi bày những chuyện không được trong sạch mà mình đã làm.

Chú John ngước mắt nhìn về phía những dãy núi vàng rực, núi in bóng vào trong mắt chú.

– Tôi những muốn vùi sâu chôn chặt trong đáy lòng tôi, nhưng không thể được. Ruột gan tôi đau như cắt.

Phía sau chú. Rosasharn đi ra khỏi lều, vẻ choáng váng.

– Connie đâu rồi? – Cô hỏi một cách giận dữ. – Đã lâu lắm, con không trông thấy Connie. Anh ấy đi đâu?

– Mẹ không thấy hắn. – Mẹ nói – Nếu thấy, mẹ sẽ báo hắn là con đang tìm.

– Con thấy không được khoẻ. – Cô nói. – Lẽ ra Connie không được để con ở một mình thế này.

Mẹ ngước mắt nhìn khuôn mặt sưng húp của con gái.

– Con lại khóc rồi.

Rosasharn lại trào nước mắt:

– Con đừng thờ thẫn thế. – Mẹ khuyên – ở đây còn có ba má, anh em. Đừng than thân trách phận như thế.

Người thiếu phụ trẻ tỏ ra có ý định quay vào lều. Cô cố tránh cái nhìn nghiêm khắc của Mẹ nhưng đôi mắt Mẹ buộc cô phải vâng lời, và cô chậm rãi bước tới bếp lửa.

– Lẽ ra anh ấy không được để con một mình, – cô nói nhưng đã ráo nước mắt.

– Con cần phải làm cái gì đó. – Mẹ nói – Cứ ngồi

trong lều mà than thân trách phận là không hay đâu. Mẹ đã không có thì giờ chăm sóc con. Nhưng giờ thì với mẹ, con yên tâm. Hãy cầm lấy con dao đây, gọt khoai đi. Cô gái quì xuống và làm theo lời mẹ. Cô nói một cách hung dữ.

– Cứ đợi anh ấy về đây. Con nói cho mà nghe.

Mẹ mỉm cười nhẹ nhàng:

– Nó có thể đánh con đấy. Ai bảo con cứ rên rỉ suốt ngày, cứ nhõng nhẽo hoài. Nếu nó có đánh con để cho con biết điều ra một chút, mẹ cám ơn nó vô cùng.

Đôi mắt cô bừng bừng sự oán giận, nhưng cố lặng im.

Chú John lấy ngón tay cái to ấn sâu chiếc đinh rỉ xuống đất, và nói.

– Tôi phải nói ra.

– Thế thì, nói đi, lạy Chúa! – Bố kêu lớn – chú đã giết ai?

– Chú John thọc ngón tay cái vào túi để đồng hồ của chiếc quần xanh, rút ra một tờ giấy bạc bẩn thỉu, gấp tư. Chú giở ra và phô:

– Năm đôla, – chú nói – Chú ăn cắp được ư?

– Không, tôi có từ trước và để dành.

– Có phải của chú thật không?

– Phải, nhưng tôi không có quyền giữ nó.

– Tiền là tiền của chú, – Mẹ nói – Chú cố giữ lấy thì có tội lỗi gì ghê gớm đâu?

– Đâu phải chỉ là chuyện giữ hay không giữ. – chú John thong thả đáp lại – Tôi giữ lại để uống.

Tôi biết , một lúc nào đó tôi sẽ uống say, lúc mà lòng tôi bị giày vò đau đớn. Bây giờ tôi phải uống. Tôi nghĩ rằng còn chưa đến lúc thì… thì ông mục sư tự buộc tội để cứu nguy cho Tom…

Bố gật gù và nghiêng đầu sang bên để nghe rõ hơn. Ruthie nằm rạp, chống khuỷu tay bò tới như một con chó con Winfield bắt chước con chị Rosasharn lấy mũi dao khoét một mắt ở củ khoai tây. Ánh sáng chiều hôm càng dày đặc và xanh hơn.

Mẹ nói với giọng rành rọt, bình tĩnh:

– Ông ta cứu Tom thì việc gì chú lại phải uống cho say mềm?

John buồn rầu đáp lại:

– Tôi chẳng biết nói sao. Tôi cảm thấy kinh sợ quá. Ông ta làm chuyện đó mà ung dung đến thế… chỉ việc tiến lên và nói: “Chính tôi đã đánh ngã ông ta”. Và chúng đã dẫn ông đi. Thế là tôi định đi uống.

Bố vẫn gật gật cái đầu.

– Tôi không hiểu cớ sao chú thấy cần phải nói điều đó. Vào địa vị chú, đã đến lúc phải uống thì tôi chỉ việc đi uống.

– Chính đây là lúc tôi đã có thể làm một cái gì để cất bỏ tội lỗi trong lương tâm tôi. – Chú John nói một cách buồn bã – ấy thế mà tôi đã bỏ lỡ. Tôi đã không chộp lấy thời cơ và thế là dịp may tuột mất. Này bác, bác có tiền lẻ, cho tôi hai đôla.

Bố miễn cưỡng thọc tay vào túi lấy ra một cái ví da.

– Chắc chú chẳng cần đến bảy đôla mới uống được say. Chú không uống rượu sâm banh chứ?

Chú John chìa cho ông tờ giấy bạc nguyên.

– Bác cầm lấy và cho tôi hai đôla. Với ngần này tôi có đủ để say mềm rồi. Tôi không muốn mắc thêm tội hoang phí. Tôi có sẵn bao nhiêu, tôi tiêu bấy nhiêu, trước sao nay vậy.

Bố cầm lấy tờ bạc cáu ghét và trao hai đôla cho chú John. Bố nói:

– Này, chú đã thấy nhất thiết phải uống thì chú cứ việc uống đi. Chẳng ai có đủ khôn mà ngăn cản chú.

Chú John cầm lấy tiền:

– Bác không giận đấy chứ? Bác cũng biết là tôi phải làm thế chứ?

– Lạy Chúa, tôi biết. Chỉ có chú biết chú phải làm gì thôi.

– Đêm nay tôi không có cách nào làm khác được.

– Chú quay về bà mẹ – chị không giận tôi đấy chứ?

Mẹ không ngẩng đầu lên:

– Không . – Mẹ đáp khẽ. – Không. Chú đi đi.

Chú John đứng lên, vẻ đau khổ, đi dần trong bóng chiều bảng lảng. Chú bước ra con đường lát ximăng, vượt qua lòng đường, đi dọc vỉa hè cho tới cửa hàng tạp phẩm. Đến trước cửa có lưới sắt chú lật mũ, vắt xuống bụi đất và lấy chân giày xéo lên trên như để tự hành xác. Rồi chú bỏ lại chiếc mũ dạ đen nhàu rách và bẩn thỉu, chú bước vào, tiến lại phía các quầy bày những chai Whisky sau lưới sắt.

Bố, Mẹ và bọn trẻ con đưa mắt nhìn theo chú John. Rosasharn bực bội vẫn cúi mặt, gọt khoai tây

– Tội cho chú John. – Mẹ nói – Tôi tự hỏi chú làm thế có ích… gì không … Không … chắc chắn không. Tôi

chưa hề thấy ai bị bế tắc đến thế bao giờ.

Ruthie nằm trên bụi đất, xoay người lại. Nó ghé đầu sát đầu Winfield và kéo tai thằng em sát miệng nó :

– Tao cũng đi uống rượu đây.

Winfield khịt mũi ra chiều kinh tởm và mím chặt môi. Hai đứa trẻ nín thở, bò đi xa, mặt đỏ dừ vì cố nhịn cười. Chúng bò vòng qua lều rồi đứng bật dậy và kêu the thé. Chúng chạy tới chỗ các bụi liễu và tới nơi, ẩn mình sau các đám lau sậy chúng cười ngặt, cười nghẽo. Ruthie giả bộ chép chép miệng[48] ra vẻ thèm thuồng, tay chới với, chới với, chân nam đá chân chiêu, trượt chân ngã, lưỡi thè lè, và nói:

– Tao say rồi.

– Nhìn đây. – Winfield kêu to. – Nhìn tao, chính tao mới là chú John đây

Nó đập đập không khí, thở phe phe, xoay tròn cho tới lúc chóng mặt, ngã quay.

Ruthie nói :

– Không, đếch phải thế. Thế này mới đúng. Tao mới là chú John. Say say tổ bố.

Al và Tom lặng lẽ đi qua các bụi rậm; và họ rơi đúng vào chỗ hai đứa trẻ đang múa may lảo đảo như hai đứa mất trí. Bóng tối dày đặc. Tom đứng lại và dò xét bóng tối.

– Có phải Ruthie và Winfield đấy không? Chúng làm cái trò quái quỉ gì đấy nhỉ? – Họ lại gần hơn.

– Chúng mày hoá rồ[49] đấy à? – Tom hỏi.

Bọn trẻ đứng sững, lúng túng. Ruthie nói:

– Chúng em… chơi đùa thôi.

– Chơi trò gì mà điên rồ như vậy? – Al nói.

– Còn bao nhiêu chuyện khác còn rồ dại hơn ấy chú. – Ruthie xấc xược đáp.

Al tiếp tục đi. Hắn nói với Tom:

– Cái con Ruthie dạo này ghê gớm thật. Rồi cũng phải cho nó một trận mới xong. Cũng đáng thôi, nó sắp nhớn rồi.

Sau lưng họ, con Ruthie giở đủ trò tinh quái để trêu tức anh, nó nhăn mày méo mặt, đưa hai ngón tay trỏ vạch miệng cho méo xệch ra, nhổ bắn nước bọt về phía thằng anh, nhưng Al không quay lại nhìn. Nó quay về chiếc Winfield để làm lại trò chơi nhưng trò chơi đã nhạt nhẽo. Chúng biết ra như vậy

– Chúng mình ra sông ngâm đầu xuống nước đi.– Winfield bàn. Chúng bèn rẽ qua rặng liễu. Xuống bờ sông và tỏ ra giận dữ với Al.

Al và Tom vẫn lặng lẽ bước đi trong bóng tối.

– Lẽ ra thì Casy không nên làm như thế. – Tom nói. – Mà lẽ ra tao cũng phải biết trước. Ông ta đã nói với tao là chưa làm được gì cho nhà ta. Người đâu mà kỳ cục. Al nhỉ. Lúc nào cũng suy tư

– Do tại ông ta trước là mục sư. Đầu óc nhồi nhét trăm thứ bà giằn.

– Theo ý mày thì thằng Connie đi đâu.

– Đi tụt quần thôi.

– Không, có vẻ nó đi xa lắm.

Họ tiến về phía dây lều, men sát các vách. Đến ngay lều của nhà Floyd thì nghe có tiếng ai khẽ gọi. Họ dừng lại, rồi đi tới gần cửa lều và ngồi xổm xuống. Floyd khẽ

vén cửa lều lên, hỏi:

– Các cậu đã quyết định đi chưa?

– Chưa biết. – Tom nói – Theo ý anh, thì đi là cách hay nhất phải không?

– Cậu đã nghe thằng cớm nói gì rồi đấy. – Floyd cười chua chát. Cậu không đi thì chúng sẽ thúc vào đít. Cậu mà cứ nghĩ rằng thằng cha ấy chịu bị tẩn mà không trở lại thì cậu hâm rồi. Nó sẽ kéo cả bọn đến để hun khói chúng ta.

– Cớ sự như vậy thì tôi có ý kiến là ta phới thôi, – Tom nói – Anh đi đâu?

– Lên miền Bắc chứ đi đâu, tớ nói rồi.

– Này. – Al nói – có một thằng cha nói với tôi có một cái trại của chính phủ ở gần đây, là đâu vậy?

– Ôi theo mình thì đầy ứ rồi.

– Nhưng ở mạn nào?

– Theo đường 99 đi về phía Nam, khoảng mười hai, mười lăm dặm ngoặt sang phía đông tới Weedpatch.

– Có thằng cha nói ở đó tuyệt lắm.

– Tuyệt, cái đó đã hẳn. Người ta đối xử với mình như những con người chứ không phải như những con chó. Mà ở đấy lại không có cớm. Nhưng đầy ắp rồi.

Tom nói:

– Có điều tôi không hiểu tại sao thằng cớm ấy lại ác như vậy. Tưởng như hắn chỉ thích tìm chuyện lôi thôi: Phải gây sự với một ai đó để rồi làm ngậu xị lên.

Floyd nói:

– Ở đây thế nào thì tớ không biết; nhưng ở mạn Bắc,

tớ có quen một thằng cha cảnh sát; y cũng khá tử tế. Y có nói với tớ là ở chỗ y bọn phó cảnh sát buộc phải bắt người. Cảnh sát mỗi ngày được bảy mươi lăm xu nếu bắt được một thằng bỏ tù, mà cho tù ăn uống mất hăm lăm xu. Y nói là đã tám hôm rồi y chưa tóm được ai, cảnh sát trưởng doạ là nếu y không có mang về một ai đó, thì tốt hơn là trả phù hiệu cho rồi. Cái thằng cha hôm nay, chắc chắn như là hắn đang tìm cách này cách khác để tóm ai đó.

– Phải đi thôi. – Tom nói – Tạm biệt Floyd.

– Tạm biệt. Chắc sẽ gặp lại các cậu. Hy vọng thế.

– Tạm biệt. – Al nói – và qua bóng tối mờ mờ hai anh em trở về lều nhà. Cái chảo đầy khoai tây kêu lèo xèo trên bếp lửa. Mẹ lấy cùi dìa đảo những miếng khoai cắt dày. Bố ngồi cạnh lửa, tay bó gối. Rosasharn ngồi trong lều.

– Ô! Thằng Tom, – Mẹ kêu lên – Lạy Chúa lòng lành.

– Phải đi khỏi đây thôi. – Tom nói.

– Lại chuyện gì nữa thế?

– Thế này, Floyd nói là đêm nay chúng sẽ tới đốt trại.

– Mẹ kiếp, sao lại thế? Bố hỏi. – Có ai làm gì đâu?

– Chả làm gì hết, chỉ đánh một thằng cớm thôi. – Tom nói.

– Nhưng không phải chúng ta đánh.

– Theo như thằng cớm nói, chúng sẽ đẩy chúng ta đi cho nhanh.

Rosasharn hỏi:

– Có thấy Connie đâu không?

– Ơ – Al nói – Biệt tăm. Đâu về phía bờ sông Hắn

xuống miền Nam.

– Có phải… có phải hắn bỏ đi thật hay sao?

– Biết đâu.

Bà mẹ nói với con gái:

– Rosasharn, con nói năng lạ quá. Connie hắn đã nói với con thế nào?

– Anh ấy nói đáng lẽ anh ấy ở lại nhà để học lái máy cày – cô đáp với vẻ ủ rũ. – Mà như thế mới phải.

Im lặng. Rosasharn nhìn lửa, mắt cô long lanh trước ánh lửa sáng. Khoai tây nổ lèo xèo trong chảo. Người vợ trẻ khịt mũi và lấy mu bàn tay chùi sống mũi.

Bố nói:

– Thằng Connie chả được cái tích sự gì. Tôi cảm thấy thế từ lâu rồi. Loại gan sứa, chỉ được cái nhớn xác.

Rosasharn đứng lên trở vào lều, nằm dài trên đệm, vật vã vùi đầu vào hai cánh tay.

– Thiết tưởng đuổi theo tìm hắn thì chả có ích gì – Al nói.

– Không. Hắn đã là thằng vô tích sự thì nhà ta chẳng cần.

Mẹ liếc nhìn vào trong lều, thấy Rosasharn đang nằm vật trên nệm.

– Suyt! Đừng nói như vậy.

– Thì đúng là thằng vô tích sự chứ còn gì nữa

– Bố vẫn khăng khăng giữ ý kiến – Lúc nào cũng thấy hắn nói hắn làm cái này, hắn làm cái nọ… Rồi chẳng làm quái gì hết. Có nó ở đây, tao chẳng muốn nói làm chi, nhưng bây giờ nó đã bỏ rơi chúng ta.

– Suyt! Mẹ kẽ nói.

– Nhưng, lạy Chúa! Sao mà cứ suỵt suỵt hoài như vậy… Bà muốn thế nào? Không phải là nó bỏ rơi chúng ta hay sao vậy?

Mẹ lấy thìa trở khoai tây, mỡ cháy lèo xèo. Mẹ bỏ thêm các nhánh củi vào lửa, lửa bùng lên coi sáng lều. Mẹ nói:

– Rosasharn sắp sinh đẻ, và đứa bé đó là con thằng Connie. Nói với một thằng bé đang lớn lên rằng bố nó vô tích sự, đó là điều không tốt.

– Cứ nói toẹt ra thế, chẳng hơn nói dối nó sao? – Bố nói.

– Chính bố mày nhầm. – Mẹ nói – Chỉ có việc cứ làm như nó chết rồi. Nếu Connie chết thì bố mày không được nói điều không hay về nó.

Tom xen vào:

– Ôi, Bố mẹ khoan hẵng lo vội. Chắc đâu Connie đã đi hẳn. Chúng ta không có thì giờ bàn bạc nữa đâu. Phải ăn cho xong rồi lên đường.

– Lên đường là thế nào? Vừa mới đến sao đã đi? – Mắt mẹ nhìn anh con qua bóng tối nhập nhoạng ánh lửa.

Anh kiên nhẫn giải thích:

– Đêm nay chúng sẽ đốt trại, Mẹ ạ. Mà mẹ cũng biết đấy, con đâu có phải là cái đứa buông thõng tay đứng nhìn đồ đạc của ta bị cháy. Bố cũng thế, mà chú John cũng vậy. Chúng con sẽ xông vào đánh bừa và con không thể liều để cho chúng bắt, rồi bị chúng tống giam lại. Hôm nay, nếu mục sư không nhảy vào cuộc thì chỉ xuýt nữa là con cũng làm như ông ta.

Mẹ trở đi lật lại khoai tây trong mỡ sôi. Đột nhiên và dứt khoát:

– Thôi, nhanh lên! – Mẹ kêu to – ăn quàng ăn quấy đi, rồi lên đường cho nhanh.

Mẹ bày các đĩa ra. Bố hỏi:

– Thế chú John thì sao?

– Chú John đâu? – Tom hỏi

Bố và Mẹ lặng im một lát, rồi Bố nói:

– Chú đi uống rượu.

– Khỉ thật, – Tôm nói – Chọn đúng lúc này để đi uống rượu. Chú đi về phía nào?

– Tao không biết. – Bố nói.

Tom đứng lên

– Bố Mẹ ạ, – anh nói – Bố Mẹ ăn chóng lên và chở đồ đạc lên xe. Con đi tìm chú John . Chắc chú đã đi thẳng tới cửa hiệu bên kia đường thôi.

Tom rảo bước. Những bếp lửa nhỏ cháy trước các lều, các làn ánh lửa soi sáng các gương mặt đàn ông và đàn bà ăn mặc rách rưới và bọn trẻ con ngồi thu lu. Trong một số ít lều, ánh đèn dầu lọt qua vải bạt in lên đó những bóng người khổng lồ.

Tom bước lên con đường bụi bặm, vượt qua đại lộ bóng láng xi măng, đi tới cửa hàng tạp phẩm.Anh dừng lại trước tấm cửa lưới sắt và nhìn vào trong. Chủ hiệu là một người bé nhỏ, tóc hoa râm, ria mép lù xù, mắt kèm nhèm đang dựa vào quầy đọc một tờ báo. Ông sáo xảo lên để lộ đôi cánh tay gầy guộc, y mang một chiếc tạp dề trắng. Xung quanh y chồng chất tầng tầng lớp lớp những thành luỹ, những núi, những hình chóp về

những thứ đồ hộp. Khi Tom bước vào, y ngẩng đầu lên, lim dim đôi mắt như thể ngấm bấm anh.

– Xin chào – Y nói – Mất cái gì ư?

– Mất ông chú. Hoặc là chú tôi đã thất lạc hoặc đại loại là thế.

Sự kinh ngạc và lo lắng lướt qua gương mặt chủ hiệu. Y nhẹ nhàng sờ lên đầu mũi và bắt đầu gãi gãi cho khỏi ngứa.

– Hình như lúc nào các ông cũng để mất một ai đó. – Y nói – mỗi ngày có đến trên mười lần, tôi cứ thấy người ta đến nói: “Nếu ông có thấy một người tên là thế này, nom giống thế nọ, ông làm ơn nhắn giùm là chúng tôi đã đi lên miền Bắc”. Hay đại để thế… Lúc nào cũng như lúc nào.

Tom bật cười:

– Vậy thì thế này, ông ạ. Nếu ông trông thấy một thằng hãy còn thò lò mũi, tên là Connie, gần gần giống một con chó sói đồng ông bảo nó cuốn xéo đi. Còn chúng tôi đi xuống miền Nam. Nhưng tôi không đi tìm nó đâu. Ông có thấy một người trạc sáu mươi, quần đen, tóc hơi hoa râm, tới đây mua Whisky, hay không?

Đôi mắt chủ tiệm sáng lên:

– Chắc chắn ông ta có đến. Thậm chí tôi chẳng thấy ai như ông ta. Ông ta đến đứng trước cửa tiệm, vất mũ xuống đất rồi lấy chân dẫm dẫm lên nó. Đây, tôi giữ chiếc mũ đấy – Vừa nói, y vừa rút từ phía dưới quầy hàng, một chiếc mũ bám đầy bụi, chả còn ra hình thù gì.

Tom cầm lấy chiếc mũ và nói.

– Đúng ông ấy rồi, không thể lầm được.

– Thế này, anh ạ. ông ta mua ở đây hai chai Whisky, chẳng nói chẳng rằng, mở nút dốc ngược chai rồi cứ thế mà tu. Tôi không được giấy phép cho uống tại chỗ. Tôi nói: “Này ông không được uống ở đây. Ông phải đi ra ngoài kia!’. Thế là, anh có tin được không? Vừa mới ra khỏi cửa thì, tôi cuộc đấy, ông ta tu một lèo bốn hơi và chai cạn ráo. Sau đó ông ta vất chai, đứng tựa vào tường, mắt đùng đục. Ông ta nói “Cảm ơn ông lắm, thưa ông”. Nói rồi, đi thẳng. Đời tôi, tôi chưa hề thấy ai uống như thế bao giờ.

– Ông ấy đi rồi ư? Đi phía nào? Tôi phải đưa ông ấy về.

– Ồ, đúng lúc lắm, tôi có thể nói được cho anh hay. Tôi chưa hề thấy ai uống như thế, tôi bèn để ý nhìn theo. Ông ta đi về phía bắc, có một chiếc sẽ hơi đi tới, đèn pha chiếu vào ông ta. Ông ta bèn đi xuống con mương. Hai chân ông ta bắt đầu lảo đảo, và ông ta đã mở chai thứ hai ra. Chưa đi xa đâu. Say như thế thì đi xa sao được.

– Xin cảm ơn. – Tom nói – Tôi phải đi tìm ông ta.

– Anh có cần lấy mũ của ông ta không?

– Có, có chứ! Ông ta sẽ cần đến. Thôi, cảm ơn.

– Ông ta làm sao thế? Hình như không phải ông ta uống để mua vui.

– Ôi! ông ta dở hơi một chút. Thôi, chào ông. Và nếu ông có thấy thằng Connie oắt con, ông làm ơn nói với nó là chúng tôi xuống miền Nam.

– Tôi phải nhắn quá nhiều chuyện với quá nhiều người nên tôi không thể nhớ cho xuể được.

– Ông cũng đừng mệt óc cho lắm. – Tom nói.

Anh bước tới cửa có lưới sắt, mang theo chiếc mũ đen đầy bụi của chú John. Anh vượt qua con đường láng ximăng, đi dọc theo phía lòng đường bên kia. Ở phía dưới anh, trong cánh đồng thấp, ngoại ô Hooverville trải rộng; những đám lửa nhỏ nhấp nháy, những chiếc đèn treo chiếu sáng qua lều vải. Có tiếng đàn trầm trầm vang lên ở đâu đó trong trại; ai đó đang tập gẩy, mò mẫm bấm phím không theo nhịp điệu gì cả.

Tom dừng lại, lắng nghe, rồi anh từ từ bước lên dọc theo đường cái, thỉnh thoảng dừng lại nghe ngóng. Đi được khoảng một phần tư dặm, anh bắt được cái tiếng mà anh để ý. Ở đâu đó, dưới chân bờ đường, có tiếng hát ồm ồm, buồn tẻ. Tom cúi đầu xuống để nghe cho rõ hơn.

Tiếng hát uể oải cất lên: “Tôi đã dâng trái tim lên chúa Jesus, Jesus đã gọi tôi về với Ngài. Tôi đã hiến hồn tôi cho Jesus ở trong tôi”. Tiếng hát hạ xuống thành tiếng rì rầm rồi tắt ngấm. Tom, vội tụt xuống bờ đi lại chỗ có tiếng hát. Rồi một lần nữa, anh dừng lại lắng nghe. Tiếng hát lại cất lên, lần này rất gần, vẫn với cái giọng đều đều, lê thê và sai điệu: “Ôi? Cái đêm nàng Maggie mất, nàng đã gọi tôi lại bên nàng – Chiếc quần cũ màu đỏ hoe – Phồng lên ở chỗ đầu gối”.

Tom thận trọng tiến lại. Anh nhận thấy cái bóng đen ngồi dưới đất, anh ren rén lại gần và ngồi xuống . Chú John dốc ngược chai rượu và rượu ùng ục chảy ra.

Tom nói khe khẽ:

– Ê! Khoan đã! Còn phần của tôi đâu?

Chú John quay đầu lại:

– Mày là đứa nào?

– Sao, ông quên tôi rồi sao? Ông đã tu bốn ngụm, mà tôi mới có một.

– Đừng Tom. Đừng có mà đánh lừa tao. Tao ở đây có một mình. Từ nãy đến giờ chỉ có mình tao.

– Thế thì, hiện giờ cháu đang ở đây là cái chắc. Chú không cho cháu một ngụm sao?

Chú John lại dốc chai, rượu chảy ùng ục, rồi chú lắc chai, chai đã cạn ráo.

– Chẳng còn nữa. – Chú nói – Mày biết không, tao thèm được chết quá. Thèm ghê gớm. Chết một chút. Phải thế. Như khi ngủ. Chết một chút… Mệt mỏi quá rồi. Nhưng mệt mỏi… có lẽ tao không thức dậy nữa – Tiếng của chú than vãn – tao sẽ đội một vòng hoa – một vòng hoa bằng vàng…

Tom nói:

– Chú John, chú nghe tôi nói. Chúng ta soạn sửa đi. Chú trở về đi cùng, và chú có thể ngủ trên nóc xe

John lắc đầu:

– Không. Mày về đi. Tao không đi. Tao sẽ nghỉ lại ở đây. Trở về chả hay ho gì hết. Chả ích cho ai. Tao chỉ kéo lê tội ác như kéo lê cái quần bẩn giữa đám người thanh lịch. Không, không đi.

– Chú hãy về. Không có chú, không thể đi được.

– Đi đi, tao bảo mà. Tao chả được tích sự gì hết, chỉ kéo lê tội lỗi, làm bẩn mất mọi người.

– Chú cũng chẳng có tội lỗi hơn ai.

John dựa đầu vào người Tom, và chớp mắt một cách hiểu biết. Tom chỉ thấy lờ mờ gương mặt của chú dưới ánh sao.

– Không ai biết được tội lỗi của tao. Không ai hết trừ Jesus. Chúa biết.

Tom quì xuống, đặt tay lên trán chú John, trán nóng bỏng và khô ráo. John gạt tay Tom ra một cách vụng về.

– Về nào, – Tom nài nỉ – Thôi, về đi, chú John.

– Tao không muốn về. Mệt quá chừng. Tao sẽ nghỉ ở đây. Đúng ở đây.

Tom ở sát chú . Anh đặt nắm tay áp sát quai hàm chú John. Hai lần cánh tay Tom khoanh thành một đường cung nhỏ để tính đúng khoảng cách, rồi nhoài tới với tất cả sức nặng của vai, anh móc một quả đấm thật khéo léo vào cằm John. Hàm John khép lại đánh một tiếng các và chú ngã hất ra sau nhưng định ngồi dậy. Nhưng Tom vẫn cúi xuống chú và lúc chú đương chống khuỷu ngồi lên. Tom lại bồi tiếp cú khác. Chú John ngã sóng sài, im lìm trên đất. Tom đứng lên, cúi khom người, nâng cái thân hình mềm nhẽo lắc lư và xốc lên vai. Tom loạng choạng. Tay đung đưa của John đập vào lưng anh, còn anh thì miệng thở phù phù, chân leo lên bờ đường. Một chiếc xe hơi đi qua, chiếu sáng vào cái thân hình mềm oặt trên vai anh. Chiếc xe đi chậm lại một chút rồi ầm ầm lao vút đi.

Tom thở dốc lúc bước xuống con đường nhỏ trở về Hooverville; và đến gần xe nhà Joad, chú John đang tỉnh lại, và đang vùng vẫy một cách yếu ớt. Tom nhẹ nhàng đặt chú xuống đất.

Trong lúc anh vắng mặt, lều trại đã được tháo dỡ. Al chất các bao đồ lên xe. Chỉ còn phải phủ tấm bạt lên đống đồ đạc là xong. Al nói:

– Anh Tom không đến nỗi để phí thì giờ.

Tom nói như xin lỗi:

– Tao buộc phải đánh chú một tí để đưa chú về. Tội nghiệp cho chú.

– Con không làm chú bị đau gì chứ? – Mẹ hỏi.

– Chắc là không– Chú đã tỉnh rồi kia kìa

Chú John nằm dưới đất, người yếu lả, vừa thở hổn hển vừa nôn oẹ. Mẹ nói:

– Mẹ để dành cho con một đĩa khoai tây đấy, Tom à.

Tom cười khúc khích:

– Mẹ biết đấy, lúc này thì con chẳng lòng dạ nào mà ăn với uống.

Bố kêu to:

– Xong rồi. Al ném tao cái bạt.

Đồ đạc đã chất xong, chiếc xe sẵn sàng ra đi. Chú John đã ngủ. Tom và Al khiêng chú lên trên đống đồ đạc, trong khi ở phía sau, thằng Winfield giả vờ nôn oẹ, còn con Ruthie thì lấy tay bít miệng để khỏi cười ré lên.

– Xong rồi. – Bố nói.

Tom hỏi:

– Rosasharn đâu?

– Kia – Mẹ đáp. – Lại đi. Rosasharn. Ta sắp sửa đi.

Người thiếu phụ trẻ ngồi im, đầu cúi gục xuống. Tom lại chỗ cô em.

– Đi thôi.

– Em không muốn đi, – cô nói.

– Cô phải đi chứ.

– Em muốn chờ Connie. Anh ấy chưa về thì em

không đi đâu.

Đã có ba chiếc xe ra khỏi lều, lao lên dốc đi ra đường cái. Xe chở đầy đồ đạc và người, chạy lắc lư cho tới lòng đường và xa dần, ánh đèn pha lờ mờ loé sáng dọc theo đường cái.

Tom nói:

– Connie sẽ tìm thấy chúng ta. Anh đã nhắn lại ở hiệu tạp hoá. Nó sẽ tìm thấy chúng ta.

Mẹ tới đứng bên cạnh Tom:

– Đi thôi. Rosasharn. Nào con gái yêu của mẹ, đi thôi – Mẹ dịu dàng nói.

– Con muốn đợi anh ấy.

– Chúng ta không thể đợi được. – Mẹ cúi xuống nắm lấy cánh tay người con gái, dìu cô ta đứng lên.

– Hắn sẽ tìm thấy chúng ta. – Tom nói – Đừng có lo. Hắn sẽ tìm thấy.

Họ đứng hai bên cô và dìu cô đi.

– Có lẽ anh ấy đi tìm sách để học. – Rosasharn nói – Biết đâu anh ấy không muốn khiến ta bất ngờ?

– Rất có thể thế. – Mẹ nói.

Họ dẫn cô lại xe và đỡ cô lên trên đống đồ đạc. Cô luồn xuống dưới bạt và mất hút trong cái hang tối đen.

Chính vào lúc đó lão râu xồm ở cái lều cỏ rụt rè lại gần xe. Lão chờ đợi một cách bâng quơ, tay chắp sau lưng. Cuối cùng lão hỏi:

– Hoạ may ông có bỏ lại những thứ gì còn dùng được nữa không?

Bố đáp:

– Tôi nghĩ là chẳng còn gì. Chẳng có gì thừa bỏ lại

– Thế vậy, ông không đi à? – Tom hỏi.

Lão xồm nhìn anh một lúc lâu rồi mới đáp:

– Không.

– Nhưng nó sẽ phóng lửa đốt tất.

Đôi mắt lưỡng lự cúi nhìn xuống đất.

– Tôi biết lắm. Trước đây chúng cũng đã đốt rồi.

– Lạy Chúa, đã vậy thì ông còn đợi gì mà chưa chuồn đi?

Đôi mắt lơ láo của lão nhìn lên một lúc rồi lại cúp xuống, ánh lửa của bếp tàn chiếu đỏ mắt lão.

– Tôi không biết tại sao. Gói ghém đồ đạc thì lâu quá.

– Nếu chúng tới đốt trại thì cháy rụi cả, còn gì?

– Tôi biết. Nhưng các ông có bỏ lại thứ gì còn dùng được không?

– Không có gì hết. Gói ghém sạch. – Bố đáp.

Lão xồm phân vân bỏ đi.

– Lão ta bị làm sao vậy? – Bố hỏi.

– Bị bọn cớm đánh mụ người. Có đứa đã nói với con. Hoàn toàn đần độn vì bị đánh vào đầu quá nhiều.

Một đoàn xe thứ hai ra khỏi trại, đi lên đường cái và xa dần.

– Đi thôi, Bố. Chúng ta phải đi. Bố ngồi phía trước với Al và con. Mẹ ngồi trên cao. À không ổn…

Mẹ ngồi phía trước ở giữa. Này Al – Tom lục lọi dưới ghế dài phía trước lôi ra một cái lắc lê to tướng – Al, mày trèo ra phía sau. Cầm lấy cái này, Là để phòng xa nếu có ai leo lên đống đồ đạc, mày nện cho hắn một

nhát.

Al với chiếc lắc lê lăm lăm trong tay, leo lên thành xe, ngồi bắt tréo chân ở phía sau. Tom lôi ở dưới ghế ra một cái tay kích nặng, đặt xuống sàn buồng lái dưới bàn hãm.

– Ổn rồi, – anh nói – Mẹ ngồi vào giữa đi.

– Tao không cầm cái gì trong tay, – bố nói.

– Nếu cần, Bố cúi xuống lấy cái tay quay. Nhưng lạy Chúa ! Mong sao Bố không phải dùng đến.

Tom dận máy; chong chóng bắt đầu quay với những tiếng lanh canh, động cơ nổ, rồi dừng lại và hoạt động hẳn. Tom bật đèn pha, sang số một để leo dốc. Chùm ánh sáng lờ mờ lần mò đường cái một cách bực dọc. Họ leo lên lòng đường, rẽ theo hướng nam.

– Có những lúc cơn giận bốc lên và không thể nhịn nổi. Quá sức chịu đựng. – Tom nói.

Mẹ xen vào:

– Tom này… con đã nói… con đã hứa với mẹ là con không bao giờ như thế nữa. Con đã hứa rồi.

– Con biết. Mẹ à, con cố. Nhưng cái bọn cảnh sát… Mẹ đã thấy một thằng phó quận trưởng nào mà cái mông không bành ra không? Lúc nào chúng cũng núng nính cái đít bự và mân mê súng ngắn. Mẹ ạ, nếu chúng thực sự làm thế để buộc phải tôn trọng pháp luật, còn khả dĩ. Nhưng chúng đâu có đại diện cho pháp luật pháp liếc gì. Chúng cố gắng làm tinh thần chúng ta phải suy sụp. Chúng muốn thấy chúng ta bò lê nem nép như con chó ngoan ngoãn. Chúng muốn bẻ gẫy chúng ta. Mẹ kiếp. Mẹ xem, đến một lúc nào đó, cách duy nhất để sống cho ra con người, là đấm vỡ mặt một thằng cảnh

sát. Chúng đang không muốn ta sống như con người.

Mẹ nói:

– Con đã hứa. Tom ạ. Chính Pretty Bay Floyd đã làm thế. Mẹ quen mẹ hắn. Chúng đã xúc phạm hắn.

– Con đang cố đây. Mẹ ạ. Con thề con cố gắng. Nhưng dẫu sao Mẹ cũng không muốn thấy con bò lê sát mặt đất như con chó bị đánh chứ.

– Mẹ xin, Tom ạ, con phải tránh những chuyện đó. Gia đình ta đang tan tác. Con phải tránh gây chuyện.

– Con sẽ cố. Mẹ ạ. Nhưng khi mà một cái thằng mông núng nính kia đánh con thì thật khó mà cố nhịn. Nếu là chuyện hợp pháp, con không nói làm gì. Đằng này, đốt trại, đâu có phải luật pháp.

Chiếc xe chạy cà rịch cà tàng xóc nảy lên. Phía trước mặt một chùm đèn đỏ chắn ngang đường.

– Chỗ ngoặt chắc? – Tom nói.

Anh định chạy chậm lại rồi dừng xe. Ngay lúc đó, một đám người vây quanh chiếc xe, kẻ cầm cán cuốc, kẻ mang súng, đội mũ nằm hầm và mũ nồi của Đoàn Lê Dương Mỹ. Một tên cúi xuống ghé vào cửa xe phả ra mùi rượu Whisky âm âm.

– Ê, các người định đi đâu?

Cái mặt đỏ dừ cửa hắn nghé sát mũi Tôm.

Tom cứng người lại. Tay anh luồn xuống sàn xe, tìm thay quay. Mẹ túm chặt cánh tay anh, xiết mạnh. Tom nói:

– Nhưng mà… – Tiếng anh rên rỉ quỵ lụy – Chúng tôi ở xa đến. Ngời ta cho chúng tôi biết ở mạn Tulanre có công ăn việc làm.

– Thế thì, đ… m… các người lầm đường rồi. Bọn ta không muốn thấy lũ Obies khốn kiếp ở đây.

Vai và tay Tom đột nhiên cứng ngắc. Anh rùng mình, Mẹ níu chặt lấy cánh tay anh. Phía trước xe lố nhố những kẻ cầm vũ khí. Một vài đứa, muốn cho có vẻ quân sự, mặc đồng phục và đeo dây da bắt chéo qua vai.

Tom hỏi với giọng rên rỉ

– Phía nào thế, thưa ông?

– Quay xe lại, đi theo mạn Bắc. Mà chờ đến mùa hái bông mới được trở lại, nghe chưa?

Tom run rẩy từ chân đến tóc.

– Thưa ông vâng, – anh đáp. Anh cho lùi xe và quay lại con đường vừa mới đi xong. Mẹ buông cánh tay anh ra và vỗ nhè nhẹ lên vai anh. Và Tom vất vả lắm mới kìm được những tiếng khóc uất ứ ở cổ họng.

– Con đừng để tâm làm gì. – Mẹ nói – Đừng để tâm.

Tom hỉ mũi qua cửa xe và lấy ống tay áo chùi mũi.

– Lũ chó má !

– Con làm thế là tốt – Mẹ nói dịu dàng – Rất tốt con ạ.

Tom dẫn vào con đường tắt ngang, đi độ trăm thước rồi tắt máy tắt đèn. Anh bước xuống, tay cầm cái chuôi kích.

– Con đi đâu – Mẹ hỏi.

– Chỉ nhìn qua xem sao thôi. Ta không lên miền bắc.

Những chiếc đèn xách di chuyển trên đại lộ.

Tom thấy ánh đèn vượt qua ngã tư và đi xa dần. Và

lát sau, vang lên những tiếng gọi, tiếng la hét và một đám lửa rừng rực bùng lên từ phía Hooverville. Ngọn lửa bốc lên cao, toả rộng và nổ lách tách ở xa. Tom lại ngồi vào chỗ tay lái, quay lộn lại và leo lên dốc nhỏ nhưng anh đã tắt hết đèn pha. Đến đường cái, anh lại chạy theo con đường về phía nam rồi bật lại đèn pha.

Mẹ rụt rè hỏi:

– Ta đi dâu vậy Tom?

– Về mạn Nam. Dẫu sao ta cũng không nên để quân khốn nạn ấy xô đẩy mình. Không thể thế được. Ta cố đi qua đây, nhưng đi vòng thành phố.

– Ờ được, nhưng đi đâu. – Lần đầu tiên Bố lên tiếng. – Tao muốn biết là ta đi đâu mới được.

– Cố tìm trại của chính phủ. – Tom nói. – Có một gã hắn nói với con là ở đó , họ không cho cảnh sát bước vào. Mẹ ạ… Con phải tránh mặt chúng. Nếu không con sợ là phải giết chết một thằng.

– Bình tĩnh lại. Tom – Mẹ nói với giọng khuây khoả – Bình tĩnh lại, con. Con đã nhịn được một lần rồi. Con có thể nhịn được lần khác.

– Vâng, nhưng trong ít lâu nữa, con sẽ chẳng còn sống cho ra hồn một thằng người nữa.

– Bình tĩnh. – Mẹ nói – phải kiên nhẫn Tom ạ, con xem – Chúng ta và những người cùng cảnh sẽ còn sống mãi trong khi bọn kia đã chết lâu rồi. Con phải hiểu thế, Tom ạ. Đúng, chúng ta là những người sống mãi. Họ không thể tiêu diệt chúng ta được. Đúng chúng ta là dân mà, quan một lần, dân vạn đại[50] con ạ.

– Vâng nhưng cứ phải chịu ăn đòn suốt đời.

– Mẹ biết. – Mẹ cười khúc khích. – Có lẽ, chính vì

vậy mà chúng ta dai như chão. Lũ nhà giàu, chúng tới rồi chúng lại mất đi, con cháu chúng là lũ vô tích sự, nòi giống chúng sẽ lụi dần. Còn chúng ta, đời đời đều có. Con đừng tự giày vò mình. Sẽ tới thời kỳ mà mọi chuyện sẽ khác.

– Làm sao Mẹ biết?

– Mẹ cũng không rõ.

Họ đi vào thành phố và Tom lái xe vào một con đường hẻo lánh để tránh trung tâm. Nhờ ánh đèn đường phố, anh nhìn mẹ anh. Gương mặt bà thanh thản và đôi mắt bà có một vẻ lạ lùng, tương tự như cái nhìn vĩnh hằng ở các pho tượng. Tom đưa tay phải đặt vào vai mẹ. Một cử chỉ cần thiết. Rồi anh rụt tay lại.

– Đời con, chưa từng nghe Mẹ nói nhiều như thế.

– Vì mẹ đã không có nhiều lý do để nói.

Lái xe theo con đường hẻo lánh, anh đi né sang bên thành phố, rồi chạy quay lộn lại. Đến một ngã tư, có một biển chỉ đường: 99. Anh rẽ sang phía nam đi vào con đường đó.

– Dẫu sao chúng cũng không đẩy chúng ta lên mạn Bắc được, – anh nói – Chúng ta vẫn đi tới nơi nào chúng ta thích, dù có thể phải bò để giành cái quyền ấy.

Ánh đèn pha mờ ảo dò thăm con đường rộng và tối đen phía trước mặt.

Chương XXI

Đám người di động, đám người đi tha phương cầu thực bây giờ đã trở thành đám người di tản. Cho tới nay các gia đình đã từng sống trên một khoảnh đất, đã từng sống và chết trên bốn mươi mẫu, đã từng nuôi sống mình hoặc chịu chết đói với sản phẩm của bốn mươi mẫu đất – các gia đình đó bây giờ đã có cả toàn bộ miền tây làm chốn đi lang thang phiêu bạt. Và họ đảo qua hết nơi này đến chỗ khác, để tìm công ăn việc làm, từng làn sóng người ùn ùn trên các con đường cái, và các dòng người dừng lại trên bờ các mương các rãnh. Phía sau họ, lại thêm những đám khác đổ tới. Các đường cao tốc cuồn cuộn dòng thác những dân di tản. Cho tới nay ở miền tây – Trung và tây – Nam, vẫn có một dân cư nông nghiệp bình thường chưa từng biến đổi vì công cuộc kỹ nghệ; những người nông dân bình thường chưa từng biết canh tác với máy móc hoặc biết đến uy lực và mối nguy hiểm của máy móc trong tay cho một con người. Họ không lớn lên trong những cảnh nghịch lý của kỹ nghệ hoá, và vẫn giữ được một đầu óc sắc bén để phân biệt được tất cả các phi lý của đời sống kỹ nghệ.

Thế mà bất thình lình, máy móc đẩy họ ra khỏi nhà, đẩy họ đi từng đoàn đông đúc trên đường cái. Sự di động đã thay đổi họ; đường cái, các trại dọc đường, nỗi sợ cái đói và chính cái đói đã khiến họ thay đổi. Lũ con cái không có gì ăn đã làm họ thay đổi; sự di chuyển không ngừng không nghỉ đã làm họ thay đổi. Họ đã trở thành những người di tản. Và sự thù nghịch họ gặp phải khắp nơi đã khiến họ thay đổi, gắn bó họ lại, đoàn kết họ lại. Cũng chính sự thù nghịch kia đã thúc đẩy

dân cư thành thị bé nhỏ tụ họp lại, cầm lấy vũ khí như để đẩy lùi kẻ xâm lăng – có toán thì cầm cán cuốc, những chủ tiệm và nhân viên bán hàng thì cầm súng săn – để bảo vệ thế giới chống lại chính đồng bào ruột thịt của mình.

Một nỗi hoang mang, sợ hãi bao trùm lên miền tây thì làn sóng người mỗi ngày càng đổ thêm lên đường cao tốc. Các điền chủ kinh hoảng cho tài sản của họ. Những kẻ không bao giờ biết đói đang nhìn thấy những đôi mắt của cái đói. Những người chưa từng phải thèm muốn thứ gì đang nhìn thấy ánh lửa của sự thèm khát loé sáng trong những đôi mắt của người di tản. Và để tự vệ, người dân thành phố liên kết với người dân một vùng ngoại ô ôn hoà, và chẳng khác gì những con người trước khi vào cuộc chiến. Họ tự trấn an mình bằng cách cứ mải nhắc đi nhắc lại rằng họ là những người tốt, còn bọn xâm lăng là lũ người xấu xa độc ác. Họ nói: cái bọn Okies khốn khiếp đó bẩn thỉu và ngu muội, là những bọn thoái hoá, bọn người phát điên vì thú nhục dục. Bọn Okies khốn kiếp là bọn trộm cắp. Chúng trộm cắp bất cứ thứ gì. Chúng không có một ý thức gì về quyền tư hữu.

Không có ý thức về quyền tư hữu, điều này thì đúng, bởi lẽ một con người không có tài sản làm sao hiểu được nỗi đau nhức nhối của các điền chủ? và những người đứng ra để tự vệ nói: chúng mang theo bệnh tật, nom chúng ghê tởm. Chúng ta không thể nhận chúng vào nhà trường của chúng ta. Chúng là những bọn nước ngoài. Lẽ nào ông lại muốn em gái ông đi lại với một đứa trong bọn chúng?

Dân địa phương tự quất vào tâm địa mình và kích động lẫn nhau để rồi ai nấy phải khuôn theo sự tàn bạo

mà hành động. Thế là họ lập đoàn lập toán, vũ trang cho chúng bằng dùi cui, bằng lựu đạn hơi cay, bằng súng. Xứ sở thuộc của chúng ta. Chúng ta không thể buông lơi thả lỏng nó cho bọn Okies khốn kiếp kia. Những con người được người ta vũ trang đâu có phải những người có ruộng đất, nhưng mãi rồi họ cũng nghĩ rằng đất ruộng thuộc của họ. Những người nhân viên bán hàng ban đêm tập luyện sử dụng vũ khí, họ chả có gì là của riêng; những chủ tiệm nhỏ chỉ có một ngăn kéo ngập đầy những món nợ, nhưng ngay dù nợ thì cũng đã là cái gì của mình rồi; ngay dù một chỗ làm ăn cũng đã là cái gì thiết thân rồi. Gã nhân viên nghĩ: mỗi tuần mình lĩnh được mười lăm đôla, nếu có một thằng Okies chết tiệt nào đó nhận làm với mười hai đôla, thì sẽ sao đây? Còn tay chủ tiệm nho thì nghĩ; không bao giờ mình có thể cạnh tranh với một kẻ không có nợ nần gì hết. Những người di cư cuồn cuộn trên những con đường cái và cái đói hiện ra trong đôi mắt họ, sự túng thiếu khó khăn in trong đôi mắt của họ. Họ không có lý lẽ về họ, không có phương pháp, họ chỉ có số đông và những nhu cầu. Khi có công ăn việc làm cho một người, thì mười người đổ tới đánh nhau để giành giật nó – đánh nhau bằng những cú tiền công thấp hơn. Nếu gã kia nhận công ba mươi xu, tôi sẽ chỉ lấy hai mươi lăm xu.

Mà nếu hắn nhận hăm lăm xu? Thì tôi nhận hai mươi xu.

Đừng, thuê tôi đây. Tôi đang đói. Tôi xin làm với mười lăm xu. Tôi xin làm không công, chỉ xin thức ăn thôi. Bọn trẻ nhỏ. Nếu ông trông thấy bọn trẻ nhỏ? Thảm thương chưa! Người mọc đầy nhọt, chúng khó có thể chạy nhảy được. Tại cho chúng ăn nhiều quả rụng, bây giờ bụng chúng trương lên. Lấy tôi đây. Tôi làm,

đổi lấy một miếng thịt.

Chu quá đi rồi, vì tiền công hạ dần mà giá cả lại đứng vững. Bọn đại điền chủ xoa tay và lại gửi thêm những tờ quảng cáo để kéo nhiều người đến nữa. Tiền công hạ mà giá hàng vẫn cao. Chả mấy chốc chúng ta sẽ lại có nông nô như xưa.

Tới đó rồi, các đại điền chủ và các công ty phát minh một phương pháp mới. Một đại điền chủ mua một xưởng làm đồ hộp. Khi đào và lê đã chín, y bèn đánh sút giá quả cây, thấp hơn vốn chi phí cho cây quả. Và với tư cách là chủ xưởng đồ hộp, y mua trái cây với giá thấp, nâng giá các đồ hộp lên, và nhờ đó mà lãi to. Thế là các trại chủ nhỏ vì không có xưởng đồ hộp, đành chịu mất trang trại, họ rơi vào tay các đại điền chủ, các nhà ngân hàng, các công ty có xưởng chế đồ hộp. Thời gian trôi qua, các trang trại càng ít đi. Các trại chủ nhỏ di chuyển vào ở thành thị một thời gian, một thời gian đủ để dốc kiệt vốn liếng, để biến thành gánh nặng cho bè bạn, cho bà con. Và đến lượt họ, họ cũng trôi dạt lên đường cái. Và các ngả đường lại kìn kịt những con người đói khát công ăn việc làm, giết người vì công ăn việc làm.

Và các công ty, các ngân hàng ra tay tự tiêu diệt mình, nhưng họ đâu có biết thế. Đồng ruộng ngập trái cây, đường sá nườm nượp người di tản đói ăn. Các vựa thóc đầy ăm ắp còn con cái người nghèo khổ lại trở nên còi cọc, da thịt nổi đầy mụn nhọt. Các công ty lớn không biết rằng ranh giới giữa cái đói và cái giận là một ranh giới mỏng manh. Và tiền của có thể bỏ ra cho tiền công, thì lại đổ vào lựu đạn hơi, vào súng, vào cai, vào mật thám, vào sổ đen, vào sự tập tành rèn luyện. Tràn các đại lộ, người người lang thang như lũ kiến và

tìm kiếm công ăn việc làm, tìm kiếm cơm ăn. Cơn uất giận bắt đầu lên men.

Chương XXII

Đêm đã khuya khi Tom Joad rẽ vào một con đường địa phương, đi tìm trại Weedpateh. Một vài ánh lửa lấp lánh đây đó trong vùng quê. Phía sau họ, duy chỉ có một vầng sáng ở trên trời, chỉ hướng về Bekersfield. Chiếc xe tải chạy lắc lư, khiến những con mèo săn đêm phải bỏ chạy khỏi mặt đường. Tới một ngã tư, có một dẫy nhà nho nhỏ bằng gỗ sơn trắng.

Mẹ ngồi ngủ trên ghế còn Bố thì đã im lặng từ lâu. Tom nói:

– Con không biết trại ở đâu. Có lẽ phải đợi tảng sáng, gặp ai hỏi mới được.

Tới một chỗ ngã tư đường. Tom dừng lại khi thấy tín hiệu sáng. Một chiếc xe khác tới đỗ bên cạnh xe tải. Tom nhìn qua cửa.

– Ông làm ơn cho biết… ông có biết trại lớn ở đâu không?

– Thẳng phía trước.

Tom cho xe chạy qua đại lộ sang phía bên kia đường, được khoảng trăm mét, anh dừng lại. Gần đường có một hàng rào dây thép và ở giữa có một cánh cổng lưới sắt cho xe chạy vào trong. Cách đấy một quãng có một căn nhà nhỏ cửa sổ còn sáng ánh đèn. Tom cho xe vào cổng, xe camnhông chồm lên rồi rơi xuống rầm rập.

– Mẹ kiếp! – Tom nói – Thế mà con không nhận ra cái ụ đất này.

Một người canh đêm từ hiên đứng lên và tiến lại gần xe. Y tì khuỷu tay vào thành xe.

– Anh đi nhanh quá đấy. – Y nói – Lần sau, hãy đi từ từ.

– Mà lạy Chúa, thế là thế nào vậy.

Người canh đêm bật cười.

– Là thế này! Tại đây lúc nào cũng có một bầy trẻ nô đùa. Bao nhiêu lần đã dặn các tài xế hãy chú ý, bao nhiêu lần họ lại quên. Để các chú vấp phải cái ụ đất kia một phen, chắc các chú chẳng dễ gì sớm quên…

– À ra thế! Tôi hy vọng chưa làm gãy gì. Thế nào, ông có còn chỗ cho chúng tôi không?

– Có một trại bỏ không. Nhà ta bao nhiều người?

Tom đếm ngón tay:

– Có tôi là một. Rồi bố và mẹ, Al và Rosasharn, chú John, rồi Ruthie và Winfleld. Hai đứa này còn bé.

– Thế thì, tôi nghĩ là có thể bố trí được. Anh có gì để cắm trại không?

– Một tấm bạt to và mấy cái giường.

Người gác đêm leo lên bậc xe.

– Anh đi theo hết lối này rồi ta rẽ sang phải. Sẽ tới trạm vệ sinh số bốn.

– Nơi đó là thế nào?

– Có nhà vệ sinh, phòng tắm, bồn rửa mặt.

Mẹ hỏi:

– Có bồn rửa mặt… nước chảy chứ ạ?

– Hẳn rồi.

– Ôi! Tạ ơn Chúa! – Mẹ nói.

Tom đi dọc theo cái lối tăm tối giữa hai dãy lều. Trạm vệ sinh có ánh sáng yếu ớt.

– Anh dừng chỗ này. Ở đấy dễ chịu lắm. Những người ở đây vừa mới dọn đi xong.

Tom dừng xe.

– Kia ư!

– Phải. Và bây giờ, hãy để những người khác bốc dỡ đồ đạc xuống, còn anh theo tôi để đăng ký. Xin mời đi ngủ. ủy ban trại sáng mai sẽ đến gặp nhà ta và thu xếp mọi chuyện.

Hai mắt Tom nheo lại:

– Cảnh sát ư? – Tom hỏi.

– Không có cớm đâu, – người canh vừa nói vừa cười – chúng tôi có cảnh sát riêng. Ở đây, do người của trại cáng đáng. Ta đi.

Al từ trên xe nhảy xuống và lại gần.

– Ta ở lại đây ư?

– Ồ, – Tom đáp – Bố và mày, dỡ đồ xuống. Để tao lại phòng giấy.

– Cố đừng làm ồn quá. Có nhiều người đang ngủ. – Người gác đêm nói.

Tom đi theo y trong đêm tối, bước lên bậc và đi vào một căn phòng nhỏ có một chiếc bàn cũ và một chiếc ghế. Người gác đêm ngồi vào bàn và lấy một tờ khai.

– Họ tên?

– Tom Joad

– Bố anh, ở đây phải không?

– Vâng.

– Tên ông cụ?

– Cũng Tom Joad.

– Từ đâu đến?

– Bang California

– Từ bao giờ? Làm việc gì?

Người canh đêm ngước mắt lên.

– Không phải tôi tò mò đâu. Nhưng chúng tôi phải nắm được những điều đó.

– Tôi hiểu. – Tom nói.

– Còn nữa… các ông có tiền không?

– Chút ít.

– Không phải là người cùng khổ chứ?

– Chúng tôi còn có chút đỉnh. Để làm gì ạ?

– Thế này, chúng tôi thu mỗi tuần một đôla về tiền cắm trại, nhưng các ông có thể trả tiền thuê bằng công việc, như khênh thùng rác, quét dọn trại, tóm lại, những việc đại loại thế.

– Chúng tôi sẽ làm việc, – Tom quyết định.

– Ngày mai anh sẽ gặp uỷ ban trại. Họ sẽ bảo cho anh biết qui chế ở đây như thế nào.

– Mà này, xin ông cho tôi hay… – Tom nói – Thế là thế nào? Trước tiên ủy ban đó là gì vậy?

Người canh đêm thoải mái ngả người trên ghế.

– Làm việc không đến nỗi tồi. Có năm Trạm Vệ sinh mỗi trạm bầu lấy đại biểu vào ủy ban Trung ương. Và chính ủy ban Trung ương đặt ra luật. Khi ủy ban quyết nghị cái gì thì phải nghe theo.

– Mà nếu họ ngoan cố thì sao?

– Ồ lúc đó các anh có thể lật đổ họ. Cũng dễ như lúc bầu họ lên. Họ làm việc đắc lực lắm. Tôi sẽ kể anh

nghe họ đã làm gì nhé. Anh có biết những người truyền giáo của dòng Hooverville Roller, cứ bám lấy thiên hạ mà thuyết hươu thuyết vượn và quyên tiền, anh biết chứ? Thế đấy, họ muốn thuyết giáo ở trại đây. Các cụ già thì ngả về họ. Ủy ban Trung ương bèn bắt tay giải quyết. Ủy ban họp lại và quyết định thế này: “Tất cả những người truyền giáo đều có quyền giảng đạo trong trại. Không một ai có quyền quyên tiền trong trại.” Với các cụ già kể cũng hơi buồn, bởi vì từ hôm đó, không hề thấy bóng dáng một nhà truyền giáo nào nữa.

Tom bật cười:

– Ông định nói, những người lãnh đạo trại chỉ là những người . .. đang cắm trại ở đây?

– Hẳn rồi. Mà chạy việc lắm.

– Còn cảnh sát thì.

– Uỷ ban Trung ương bảo đảm trật tự và định ra quy chế, lại còn ủy ban Phụ nữ nữa. Họ sẽ đến gặp mẹ anh . Họ chăm lo đến trẻ con và các đơn vị sức khoẻ. Nếu mẹ anh không làm việc, bà sẽ trông nom con cái của những bà có việc làm. Họ làm, công việc vá may và có một nữ hộ lý tới, chỉ bảo cho họ. Đại loại một mớ những công việc như vậy

– Thật sự là không có cảnh sát hay sao?

– Cái đó thì tôi bảo đảm. Không có lệnh bắt ai thì cảnh sát không có quyền vào đây.

– Nhưng cứ giả dụ có một thằng cha ba bửa, uống say bét nhè và thèm đánh lộn… thế thì sao?

Người gác đêm đút chiếc bút chì vào trong tập giấy cầm tay.

– Thì thế này, lần đầu tiên, ủy ban nhắc nhở y, lần

thứ hai cảnh cáo y nghiêm khắc. Và lần thứ ba tống y ra ngoài.

– Lạy Chúa, có thể thế được sao! Tôi chưa dám tin. Hồi hôm có một toán cảnh sát cùng những thằng khác đầu đội mũ nồi đã đốt trại bên bờ sông.

– Chúng không chõ mũi vào đây đâu. Một số tối, có nhiều người canh gác dọc bờ rào, nhất là tối nào có khiêu vũ.

– Khiêu vũ ư? Lạy Chúa! – Tối thứ bảy nào cũng có khiêu vũ, mà lại tuyệt nhất ở xứ này.

– Ôi! Mẹ kiếp? Đã thế tại sao lại không tổ chức thêm những trại như thế này?

Gương mặt người gác đêm nom rầu rầu:

– Cái đó thì tự anh phải tìm hiểu lấy. Thôi đi ngủ!

– Ngon giấc – Tom nói – Chắc Mẹ tôi sẽ thích chỗ này lắm. Đã lâu lắm rồi bà không được đối xử như con người.

– Ngủ ngon. Cố mà ngủ. Ở đây, người ta hay dậy sớm.

Tom ra về giữa hai dãy lều. Mắt anh quen dần với ánh sáng sao. Anh thấy các lều căng có hàng có lối ngay ngắn và xung quanh không có rác rưởi bẩn thỉu. Lối đi ở giữa được quét dọn và tưới nước. Từ trong lều, vẳng ra tiếng ngáy của những người đang ngủ. Cả trại đều vang tiếng ngáy o o cùng loạt. Tom đi thong thả. Tới chỗ Trạm vệ sinh số bốn, anh ngắm nhìn nó một cách tò mò. Đó là một căn nhà gỗ không sơn, thấp và cất thô sơ. Dưới một chái nhà, thồng rỗng ở hai đầu, có từng dãy bồn rửa mặt. Gần đấy là chiếc xe của gia đình Joad. Bạt đã được căng và bên trong yên lặng. Một

bóng người tách ra khỏi bóng xe cam nhông và tới gặp anh.

Mẹ nói khẽ:

– Con đấy hở Tom?

– Vâng.

– Suỵt, cả nhà đang ngủ. Họ mệt rũ

– Mẹ nữa, đáng lý Mẹ cũng phải ngủ rồi.

– Mẹ muốn đợi con. Con nghĩ là có ổn không?

– Tuyệt vời. Con chưa muốn nói gì cho Mẹ biết. Sáng ngày mai Mẹ sẽ biết. Mẹ sẽ thích.

Mẹ thì thầm:

– Nghe nói có nước nóng chứ?

– Vâng, bây giờ mẹ đi ngủ đi. Đã bao nhiêu lâu mẹ không được ngủ.

Mẹ năn nỉ:

– Có điều gì mà con không chịu nói cho hay?

– Không. Mẹ đi ngủ đi.

Đột nhiên bà nũng nịu như thời kỳ còn con gái:

– Mẹ ngủ làm sao được hở con, nếu mẹ cứ phải nghĩ tới những gì con không muốn cho mẹ biết.

– Không , mẹ đừng nghĩ ngợi gì. Sáng mai thật sớm, mẹ phải thay áo khác, rồi mẹ sẽ biết.

– Mẹ không thể ngủ được vì cái bí mật đang treo lơ lửng trên đầu Mẹ.

– Mẹ phải đi ngủ. – Tom cười rất vui vẻ – Nhất định Mẹ phải đi ngủ.

– Con ngủ ngon. – Mẹ nói khe khẽ.

Rồi Mẹ khom mình lách vào trong chiếc lều tối om.

Tom bước qua tấm ván phía sau xe. Anh nằm trên sàn xe, đầu kê trên hai bàn tay đan lại và hai cẳng tay áp sát mang tai. Đêm trở nên mát dịu hơn. Tom cài khuy áo và nằm xuống lại. Trên nền trời sao lấp lánh với ánh sáng đậm và tinh khiết.

Lúc anh tỉnh giấc thì trời hãy còn tối. Tiếng động nhẹ của kim khí đã làm anh chợt tỉnh dậy. Tom lắng tai nghe ngóng, và một lần nữa nghe tiếng sắt va chạm nhau leng leng. Anh cựa quậy chân tay tê cóng và rùng mình vì khí lạnh ban mai. Trại đang còn ngủ yên. Tom ngồi lên nhìn qua thành xe. Ở phía đông, các dãy núi tắm trong một thứ ánh sáng xanh thẫm và trong khi anh đang nhìn, thì ánh sáng yếu ớt của buổi sáng tinh mơ rạng lên sau dẫy núi, các ngọn núi đều nhuốm một màu đỏ nhạt, càng lạnh hơn, xám hơn, sẫm hơn khi ánh sáng càng tỏa lên cao cho tới một vùng ở chân trời phía tây thì hoà lẫn vào bóng đêm. Phía dưới kia, trong thung lũng, đất nhuốm màu xám nhạt của buổi rạng đông. Tiếng kim khí lại nghe lích kích. Tom đưa mắt nhìn về phía dãy lều dài màu xám có phần sáng hơn mầu đất. Gần một chiếc lều, anh thấy một ánh lửa màu vàng cam lọt qua khe hở của một chiếc chảo gang cũ. Một làn khói xám phụt ra trên đầu ống thông khói. Tom nhảy xuống xe và từ từ tiến đến chỗ bếp lò. Anh nom thấy một thiếu phụ đang bận rộn quanh lửa, anh thấy cô ta bế một bé sơ sinh trong vòng cánh tay và đang cho nó bú, đầu đứa bé rúc vào dưới yếm. Người thiếu phụ vẫn bận rộn, quạt lửa, gạt các ống sắt đi để lửa bén thêm, trong lúc đó đứa bé vẫn bú chép chép và bà mẹ khéo léo chuyền nó từ cánh tay này sang cánh tay khác. Đứa bé không làm vướng công việc của bà mẹ trẻ cũng như không cản trở động tác nhanh và duyên dáng của bà.

Lửa màu vàng cam liếm ra ngoài các khe hở của bếp lò và chiếu trên mái lều những ánh nhảy múa chập chờn.

Tom lại gần. Anh ngửi thấy mùi mỡ rán và bánh nướng. Ở đây, ánh sáng lan tràn nhanh chóng. Tom tiến lại gần bếp lò và hơ tay sưởi. Người thiếu phụ nhìn anh và gật đầu khiến đôi bím tóc lắc mạnh. – Chào anh. – Cô vừa nói, vừa đảo mỡ trong chảo.

Cửa lều vén lên và một anh thanh niên bước ra theo sau là một người già hơn. Họ mặc áo quần vải trúc bâu xanh, còn mới, hồ còn cứng, có những chiếc khuy đồng bóng loáng. Khuôn mặt họ xương xẩu, rất giống nhau. Người trẻ hơn có chòm râu màu nâu còn người già, thì chòm râu xám. Đầu và mặt họ hãy còn ướt đẫm, nước từ tóc râu chảy xuống, và má của họ bóng loáng. Cả hai cùng dừng lại, bình thản nhìn về phía đông sáng bừng, họ cùng ngáp và nhìn ánh sáng trên các ngọn núi. Tiếp đó họ quay lại và nom thấy Tom:

– Chào anh. – Người nhiều tuổi hơn nói. Gương mặt của ông bình thản, không lộ vẻ thiện cảm hay ác cảm.

– Chào bác, chào anh.

– Chào anh – người trẻ tuổi nói.

Mắt họ đã khô ráo dần. Họ đi lại phía bếp lò để hơ tay.

Người thiếu phụ vẫn tiếp tục công việc. Có một lúc cô đặt đứa bé xuống, lấy dây buộc tóc và khi cô cử động thì hai bím tóc lại giật giật, đung đưa. Cô đặt trên một chiếc hòm to những chiếc đĩa bằng sắt tây, thìa và nĩa. Rồi cô múc thịt rán còn ngập trong mỡ, bỏ vào một đĩa thiếc to, thịt còn kêu lèo xèo trong khi co lại. Cô mở cánh cửa bếp lò, lôi ra một khay vuông đựng những chiếc bánh quy nở phồng.

Mùi bánh nóng toả ra thơm phức và hai người đàn ông hít thật mạnh. Anh thanh niên kêu khe khẽ:

– Lạy Chúa!

Ông già quay về phía Tom:

– Anh ăn sáng chưa?

– Thưa… chưa. Nhưng gia đình tôi hiện đang ở đây kia. Cả nhà chưa ai dậy, cần ngủ lấy lại sức.

– Ồ, vậy thì ngồi ăn với chúng tôi. Còn đủ chán. – Xin tạ ơn Chúa!

– Bác và anh chị tử tế quá, – Tom nói. – Thức ăn thơm thế này, có lẽ tôi không thể từ chối được.

– Đúng là thơm thật chứ, nhỉ? – Anh thanh niên nói – Anh đã ngửi thấy thứ gì ngon như thế này chưa?

Họ lại bên chiếc hòm và ngồi xuống xung quanh.

– Anh làm việc quanh đây? – Anh thanh niên hỏi.

– Chúng tôi có ý định thế. – Tom nói. – Chúng vừa mới tới khi đêm. Chưa có dịp đi quanh vùng xem sao.

– Chúng tôi đã làm việc được mười hai ngày. – Anh thanh niên nói:

Vừa hối hả quanh bếp lò, người thiếu phụ nói:

– Thậm chí hai cha con còn sắm được quần áo mới.

Cả hai người nhìn bộ trúc bâu mới và mỉm cười, có hơi ngượng nghịu. Người thiếu phụ mang tới đĩa thịt áp chảo, bánh bích qui to mầu nâu, một bát nước mỡ và một bình cà phê, rồi tiếp đó cô ngồi xổm gần bên cái hòm. Đứa bép vẫn bú, đầu rúc xuống dưới yếm. Ai nấy cho đầy thức ăn vào đĩa, rưới nước mỡ lên bích quy và cho đường vào cà phê.

Người nhiều tuổi ăn đầy mồm, nhai ngồm ngoàm và nuốt lấy nuốt để.

– Lạy Chúa quyền uy! Ngon quá!

Rồi ông lại nhai đầy mồm.

Anh thanh niên nói:

– Mười hai ngày nay chúng tôi đều ăn ngon. Mười hai ngày không ai phải nhịn một bữa ăn. Chúng tôi có việc làm, lĩnh tiền công và ăn no thì thôi.

Anh lại yên lặng và bỏ thức ăn đầy đĩa, gần như cuồng nhiệt. Họ uống cà phê nóng bỏng, gạt cặn xuống đất rồi lại rót đầy tách.

Bây giờ ánh sáng đã nhuốm màu đỏ nhạt.

Hai cha con ngừng ăn. Họ ngồi ngoảnh về phía đông và ánh hoàng hôn chiếu sáng gương mặt họ. Bóng núi và ánh sáng trên núi phản ánh trong mắt họ. Hai cha con hắt cà phê xuống đất và đứng lên cùng một lúc. Ông già nói:

– Đến lúc phải đi rồi.

Anh thanh niên quay về phía Tom:

– Này anh, chúng tôi đang đặt ống dẫn. Nếu anh muốn đi cùng chúng tôi, có thể họ sẽ thuê anh chúng tôi có thể nói giùm.

– Ôi, bác và anh tử tế quá. Mà tôi còn rất cảm ơn về bữa sáng.

– Rất mừng là có anh, – Người lớn tuổi nói. – Nếu anh ưng thì chúng tôi cố sao anh có việc làm.

– Ôi thế tôi còn muốn thế nào nữa? – Tom nói – xin đợi tôi một chút để kịp báo với gia đình.

Anh vội chạy về lều nhà và cúi xuống nhìn vào bên

trong. Trong bóng tối, dưới tấm bạt, anh nom thấy hình thù của những người nằm ngủ. Nhưng có cái gì khẽ động đậy trong đám chăn. Ruthie chui ra, oằn oèo như con rắn, tóc phủ lút mắt, áo nhàu nát. Nó thận trọng bò ra rồi đứng lên. Sau một đêm nghỉ ngơi, mắt nó trong sáng và bình thản chứ không còn vẻ tinh quái nữa. Tom tránh ra xa lều, ra hiệu cho nó đi theo. Lúc anh quay lại nó ngước mắt nhìn anh:

– Trời ơi là trời, em nhớn mau quá đấy. – Anh nói.

Nó quay mặt đi, đột nhiên thấy ngượng.

– Nghe nhé, – Tom nói – Nhất là đừng đánh thức ai, nhưng khi họ dậy, em nói là có lẽ may ra anh tìm được việc làm, và anh đi xem sao, Nói với Mẹ là anh đã ăn với láng giềng rồi. Em hiểu kỹ chứ?

Ruthie gật đầu và quay đi, đôi mắt của nó bây giờ là mắt đứa con gái bé nhỏ. Tom dặn theo:

– Nhớ nhất là đừng đánh thức ai dậy.

Anh vội vã đến gặp các bạn mới. Ruthie rón rén đến Trạm vệ sinh và thò đầu qua cánh cửa hé mở.

Khi Tom tới nơi thì hai người đang đợi anh. Người thiếu phụ trẻ đã lôi một tấm nệm ra ngoài đặt đứa bé sơ sinh nằm xuống rồi rửa chén đĩa.

Tom nói:

– Tôi muốn báo cho gia đình biết tôi đi đâu. Họ ngủ chưa dậy. Cả ba người bước dọc lối đi chính, giữa các dãnh lều.

Trại bắt đầu hoạt động trở lại. Phụ nữ nhóm bếp, cắt thịt, ngào bột làm bánh ăn trong ngày. Còn đàn ông thì hối hả quanh các lều và xe hơi. Trời nhuốm màu hồng. Trước văn phòng, một ông già gầy gò đang cẩn

thận cào đất, kéo cái bừa cào thành những luống sâu và thẳng.

– Làm việc sớm quá vậy, Bố già? – Anh thanh niên nói khi đi ngang qua.

– Ờ, ờ, Lão phải làm để trừ tiền thuê trại.

– Bố cứ nói thế! – anh thanh niên nói, rồi ngoảnh sang phía Tom – Thứ bảy trước lão say mềm. Hát hỏng suốt đêm trong lều. Ủy ban bắt phải làm lao động.

Bây giờ họ đi trên con đường nhựa, hai bên trồng bồ đào. Mặt trời nhô lên trên dãy núi.

Tom nói:

– Kể cũng ngộ. Cháu đã ăn với bác mà lại không xưng tên, bác cũng không cho cháu biết tên. Cháu là Tom Joad.

Ông già nhìn anh và khẽ cười mỉm.

– Anh ở California chưa lâu phải không?

– Được hai hôm nay.

– Tôi cũng đoán thế. Kỳ cục thật, người ta để mất thói quen xưng tên xưng tuổi. Chả là đông người quá, khiếp đi được. Toàn người là người mà …thế này, tôi là Timothy Wallace,. còn đây là Wilkie, con tôi.

– Rất hãnh diện được làm quen với bác và anh. Nhà ta ở đây đã lâu chưa?

– Mười tháng. – Wilkie đáp – Chúng tôi tới đây đúng sau các trận lụt năm ngoái. Lạy Chúa ! Lúc đó sao mà gay go, gay go quá anh ạ! Gần chết đói anh ạ.

Gót giầy của họ nện lộp bộp trên đường nhựa. Một chiếc xe chở đầy người đi qua, ai nấy đều có vẻ trầm ngâm suy nghĩ, họ bám chặt vào thành xe và nhíu mày,

vẻ mơ màng.

– Toán thợ của Công ty Hơi đốt, – Timothy nói – Họ tìm được việc làm tốt lắm.

– Lẽ ra tôi nên đưa xe nhà tôi đi. Tom nói.

– Thôi.

Timothy cúi xuống nhặt một quả bồ đào xanh. Ông lấy ngón tay cái mân mê, rồi ném một con chim đang đậu trên một bờ rào bằng dây thép. Con chim bay vụt lên, trở lại đậu trên cành rào, bình thản rỉa bộ lông đen bóng loáng.

Tom hỏi:

– Thế bác không có xe hơi?

Hai cha con Wallce nín lặng và Tom nhìn họ thấy họ xấu hổ. Wallce nói:

– Chỗ làm cách xa đây có một dặm thôi.

Timothy đáp lại một cách giận dữ:

– Không … không có xe hơi. Bán mất rồi. Cực chẳng đã. Hồi đó không có gì ăn, thiếu thốn đủ vành. Không có cách nào tìm được công ăn việc làm. Tuần lễ nào cũng có những tay đi qua mua xe hơi. Chúng cứ đi bâng quơ như vậy và nếu thấy mình đói, chúng sẽ mua xe của mình. Thấy mình thì chả có thứ gì để nhá, chúng gần như là lấy không. Mà chúng tôi… thì đang đói, đang đói. Nên khi chúng trả mười đôla… – Ông nhổ xuống đường. Wilkie bình tĩnh nói: – Tuần qua, tôi đã đến Bekersfield thấy nó nằm ngay ở một trại Ô tô cũ … .ngay chính giữa, có gắn một cái biển ghi bảy mươi lăm đô la.

– Chúng tôi không thể làm khác được, – Timothy nói. – Hoặc giả chúng tôi để họ đánh cắp xe chúng tôi, hoặc

chúng tôi đánh cắp thứ gì của họ, chúng tôi chưa đến nỗi phải anh trộm ăn cắp nhưng mẹ kiếp… cũng sắp phải thế thôi.

Tom nói:

– Trước khi bỏ nhà ra đi, người ta nói với chúng tôi ở đây có nhiều việc làm. Tôi đã thấy những tờ quảng cáo yêu cầu công nhân.

– Ờ chúng tôi cũng thấy. Nhưng việc làm thì chả có nhiều đâu. Thêm vào đó tiền công cứ sụt xuống luôn. Phải nghĩ nát óc để cố tìm kiếm miếng ăn, mẹ kiếp! Tôi đã chán ngấy ra rồi.

– Nhưng ngay lúc này, bác có việc làm – Tom nói.

– Đúng thế, nhưng rồi cũng chẳng lâu đâu. Chúng tôi làm công cho một người tử tế. Y có một ấp nhỏ. Cùng làm việc với chúng tôi. Có điều, rồi anh xem, chả lâu gì đâu, mẹ kiếp!

– Nhưng, lạy Chúa, thế tại sao bác lại muốn họ thuê tôi làm? – Tom hỏi – Có tôi thì việc lại càng ít đi. Tôi không hiểu cớ sao bác lại vì tôi mà để chịu cắt cổ.

Timothy lắc lư cái đầu:

– Chẳng biết sao. Có lẽ vì dại dột! Định mỗi người mua một cái mũ. Chắc chắn là không tài nào mua nổi. Kia, chỗ làm ở kia, về bên phải. Công xá khá: lĩnh ba mươi xu một giờ. Ông chủ tử tế lắm, làm cho ông ta dễ chịu lắm.

Họ rời con đường cái và đi xuống một con đường rải sỏi, băng qua một thửa vườn nhỏ, và sau rặng cây họ tới trước một trại nhỏ màu trắng, có một ít cây to có bóng mát và một kho lúa, sau kho lúa là một vườn nho và một cánh đồng bông. Lúc ba người đi qua trước trại,

một cánh cổng có lưới sắt mở ra lách cách và một con người thấp, da rám nắng từ các bậc cửa bước xuống. ông đội một cái mũ bằng giấy bồi, vừa bước ngang qua sân vừa xắn tay áo lên. Cặp lông mày rậm và cháy ánh mặt trời, … cau lại, đôi má rám nắng đỏ như tiết bò.

– Chào ông Thomas. – Timothy nói.

– Chào ông, – Tiếng đáp lại cáu kỉnh.

Timothy nói:

– Đây là anh Tom Joad. Tôi nghĩ chẳng hay ông có thể thuê anh ta làm cùng chúng tôi không.

Thomas cau mày nhìn Tom. Rồi ông bật cười, nhưng đôi mày vẫn cau lại.

– Chắc chắn tôi sẽ thuê y. Tôi thuê tất thảy mọi người, nếu cần tôi thuê trăm người. – Chúng tôi nghĩ rằng… – Timothy nói như để xin lỗi.

Thomas cắt ngang:

– Phải, tôi cũng vậy, tôi đã nghĩ… – Đột nhiên ông ngoảnh phắt lại, nhìn thẳng vào họ – Tôi có nhiều điều muốn nói với ông.

– Ngày nào tôi cũng trả công ông ba mươi xu một giờ, đúng không nào?

– Ờ … đúng thế, thưa ông Thomas…. nhưng …

– Và ông làm cho tôi cũng đáng với ba mươi xu – Ông chắp hai bàn tay lai, xiết thật mạnh.

– Chúng tôi cố gắng làm công việc cho tốt. – Timothy nói.

– Đúng, nhưng thế này, từ nay trở đi, các ông chỉ được hai mươi lăm xu một tiếng, lạy Chúa… nhận hay thôi, tuỳ các ông.

Sắc mặt đỏ dừ bèn sầm lại vì tức giận.

Timothy nói:

– Chúng tôi lúc nào cũng cố làm công việc cho tốt. Chính ông cũng nói thế.

– Tôi biết cái đó. Nhưng hình như bây giờ không phải chính tôi đây thuê riêng lấy thợ của tôi.

Ông nuốt nước bọt:

– Ông xem… ông biết tôi có ba mươi acre đất. Ông có nghe nói đến “Hiệp hội các chủ trại” không?

– Có chứ ạ.

– Thì đấy, tôi là hội viên. Tối qua có cuộc họp. Và bây giờ, ông có biết ai đứng đầu “Hiệp hội các Chủ trại” không? Tôi nói ông nghe: Ngân hàng Miền Tây. Chính Ngân hàng làm chủ hầu hết vùng thung lũng, và nó có giấy nợ đối với đất ruộng nào không thuộc sở hữu của nó. Thế là, tối qua, gã đại diện Ngân hàng, hắn nói với tôi thế này:“Hiện nay ông trả công ba mươi xu một tiếng. Tốt nhất là ông cắt giảm xuống hai mươi lăm xu”. “Tôi có thợ của tôi tốt lắm, họ đáng được ba mươi xu’. Tôi trả lời thế. Và hắn nói: “Từ nay, tiền công là hai mươi lăm xu. Nếu ông trả ba mươi xu, ông chỉ gây xáo trộn. À mà này. – Hắn nói – ông có cần vay như thường năm để làm mùa năm sau không đấy?”

Thomas ngừng lại. ông thở hổn hển:

– Ông hiểu chứ? Giá biểu, hai mươi lăm xu, ông có thích hay không cũng thế thôi.

– Chúng tôi làm việc chu đáo – Timothy nói một cách chán nản.

– Ông còn chưa hiểu hay sao? ông chúa Đại Ngân hàng thuê ba ngàn thợ còn tôi thuê ba người. Tôi có

những khoản nợ phải trả. Bây giờ, nếu ông thấy có cách nào khác để chúng ta thoát khỏi bế tắc thì, lạy Chúa, tôi sẽ chấp nhận! Tôi hết đường cựa quậy! Timothy lắc đầu:

– Tôi không biết nói với ông làm sao đây.

– Đợi tôi một chút, – Thomas nói rồi chạy vào trong nhà đóng sầm cửa lại. Nhoáng một lát sau, ông ta đã quay lại, tay cầm một tờ báo.

– Ông trông thấy tờ báo này chưa? Chờ tí, tôi đọc cho ông nghe: "Bất bình vì những mưu mô phá rối của bọ Đỏ, dân thành thị đã đốt một trại của thợ làm theo mùa. Đêm hôm trước, một nhóm thanh niên tức giận trước sự khuấy động tiếp diễn trong một trại của bọn thất nghiệp ở địa phương, đã đốt trụi các lều của chúng và cảnh cáo bọn quấy rối là phải rời ngay khỏi quận. .

– Nhưng tôi... – Tom nói nhưng rồi anh im bặt. Thomas cẩn thận gập tờ báo bỏ vào túi. Ông ta đã dần lòng tự chủ được. ông nói một cách bình tĩnh:

– Chính Hiệp Hội đã phái những người đó tới. Giờ thì các ông biết chuyện rồi đây. Và nếu không may mà họ biết được là tôi đã hở chuyện ra với các ông, thì sang năm tôi sẽ không có trại để trồng trọt nữa.

– Thật tình tôi chẳng biết nói thế nào. – Timothy nói – Nếu quả có bọn xúi giục thì việc họ tức giận là cũng dễ hiểu.

Thomas nói:

– Từ lâu, tôi đã thấy được tại sao có chuyện này. Bao giờ cũng vậy, trước khi cắt giảm tiền công là người ta lại nói đến bọn xúi giục đó. Không trật được. Biết làm thế nào được? Tôi đã sa vào bẫy của họ rồi. Tôi bị kẹt. Lạy Chúa! Bây giờ, ông quyết định thế nào? Hai mươi

lăm xu chứ?

Timothy nhìn xuống đất:

– Tôi xin làm.

– Tôi cũng vậy.

Tom nói:

– Hình như tôi đang chui vào cái gì đó. Tôi cũng xin làm. Tôi cần có việc làm.

Thomas rút ở túi sau ra một chiếc khăn tay kẻ ô vuông, lau miệng và cằm:

– Tình trạng này, tôi không biết nó còn kéo dài mãi đến bao giờ. Ôi không biết ông làm thế nào để nuôi cả một gia đình với công sá như lúc này.

– Hễ còn việc làm thì còn có thể được. – Wilkie nói – Chỉ khi nào không có việc…

Thomas xem đồng hồ.

– Thôi, ta làm đi. Và lại đào rãnh. Ô! Mặc kệ! Tôi sẽ nói tất tật với các ông. Cả ba ông, ở trong trại của chính phủ, phải không?

Timothy đớ người:

– Vâng, thưa ông.

– Và tối thứ bẩy, các ông có khiêu vũ?

Wilkie mỉm cười:

– Cái đó thì có.

– Vậy thì, tối thứ bẩy tới, phải cẩn thận.

Bất thình lình Timothy đứng thẳng người lên, lại gần Thomas.

– Ông định nói gì vậy? Tôi là thành viên ủy ban Trung ương. Tôi phải biết.

Thomas có vẻ lo lắng:

– Nhất là đừng để ai biết là tôi đã nói với ông.

– Về chuyện gì vậy? – Timothy nói một cách cương quyết.

– Chuyện thế này, Hiệp hội không thích các trại của chính phủ. Cảnh sát không thể phái người tới đó được. Những người ở trong trại , tôi nghe nói tự bảo đảm lấy trật tự ở đấy và không thể bắt một ai mà không có giấy tầm nã. Vậy giả dụ có một trận ẩu đả lớn và có thể có súng nổ nữa… Lúc đó một toán cảnh sát sẽ xông vào can thiệp đuổi sạch tất cả ra khỏi trại.

Timothy thay đổi hẳn. ông nhô thẳng vai, mắt lạnh lùng:

– Ông nói thế là thế nào?

– Nhất là ông đừng kể với ai là tôi nói, – Thomas dặn lại, vẻ bứt rứt – Tối thứ bẩy tới sẽ có một cuộc ẩu đả trong trại. Và cảnh sát sẽ có mặt ở đây sẵn sàng để xông vào.

Tom hỏi:

– Nhưng, lạy Chúa! Sao lại thế? Những người ở trại có làm hại ai đâu.

– Tôi sẽ nói ông biết tại sao. Thế này, những người trong trại bắt đầu quen được đối xử như những con người. Khi họ trở lại các trại khác, họ không để người ta muốn làm gì họ, tuỳ ý.

Một lần nữa, ông lại thấm mồ hôi mặt.

– Thôi, bây giờ ta đi làm, Lạy Chúa, quý hồ tôi không mất trại của tôi vì đã dại dột nói toẹt ra. Nhưng biết sao được, tôi quí mến các ông mà!

Timothy tiến lên đứng đối diện với ông ta và chìa ra một bàn tay xương xẩu rắn rỏi và Thomas xiết chặt bàn tay đó.

– Không một ai biết là ông đã báo cho chúng tôi. Chúng tôi xin cảm ơn ông. Sẽ không có ẩu đả.

– Đi làm việc thôi. – Thomas nói. – Mà hai mươi lăm xu nhé.

– Chúng tôi xin nhận, cứ coi như là do ông định.

Thomas bỏ đi về phía nhà.

– Trong chốc lát tôi sẽ trở lại, – ông ta nói – cứ làm đi. – Rồi cánh cửa đóng sầm lại sau lưng ông ta.

Cả ba người đi qua trước nhà kho nhỏ quét vôi rồi đi dọc theo bờ cánh đồng. Họ đến trước một cái hào dài, miệng rất hẹp trên đó nằm lăn lóc các đoạn ống xi măng.

– Công trường của chúng ta đây – Wilkie nói. Ông bố mở cửa kho, trao cho họ hai chiếc cuốc và một cái xẻng. ông nói với Tom: – Người đẹp của anh đây.

Tom cầm cuốc nhấc lên và kêu tướng:

– Ôi! Cha mẹ ơi! Cầm cái cuốc sao mà thú vị thế này.

– Hãy đợi cho tới mười một giờ đã, – Wilkie nói. Lúc đó anh sẽ thấy thú vị đến thế nào.

Họ đi tới đầu hào. Tom cởi áo ngoài, ném lên bờ, trật mũ ra và bước xuống. Rồi anh nhỏ nước bọt xoa tay, chiếc cuốc vung lên rơi xuống lấp loáng ánh thép. Tom khẽ hầm hừ. Chiếc cuốc vung lên hạ xuống; mỗi lúc chiếc cuốc bổ sâu vào đất làm đất rã ra từng mảng thì anh lại lầm bầm.

– Bố này., – Wilkie nói – Bố xem, chúng ta có một

anh thợ đất lành nghề số một đấy. Chắc anh chàng này với cái cuốc nhỏ kia, đẹp đôi đấy chứ bố nhỉ?

Tom nói:

– Học cuốc đất bao nhiêu lâu (hà!). Hàng năm hàng năm chứ chơi đâu (hà!). Đúng thế đấy, bác à (hà!).

Đất lở vụn ra trước mặt anh. Mặt trời lấp lánh qua những lùm cây ăn quả, tô vàng lên màu xanh lá cây nho. Đã đào dài sáu bộ, Tom bước tránh ra thấm thấm mồ hôi trán. Wilkie thay phiên cho anh. Chiếc xẻng giơ lên, hạ xuống, đất hất đi, đống đất ở bờ càng ùn lên cao và kéo dài thêm.

– Tôi có nghe nói đến ủy ban Trung ương – Tom nói – Thế ra bác ở trong đó à?

– Hẳn rồi, – Timothy nói – Một trách nhiệm. Trách nhiệm với tất cả mọi người. Chúng tôi làm hết sức mình. Mà mọi người ở trại cũng đều làm hết sức mình. Có điều, tôi mong sao bọn trại chủ lớn kia không gây tai hoạ cho chúng ta như vậy. Được thế thì phúc biết mấy.

Tom lại nhảy xuống hào. Wilkie nhường chỗ cho anh. Tom nói:

– Vậy còn cái chuyện ẩu đả (hà) ở buổi khiêu vũ mà ông ta nói vừa rồi (hà!) họ muốn kiếm chuyện gì vậy (hà)?

Timothy theo sau Wilkie, và chiếc xẻng của Timothy san đáy hào cho phẳng để dễ đặt ống dẫn. Ông nói:

– Có vẻ như chúng quyết đuổi chúng ta đi. Chúng sợ chúng ta tổ chức lại. Mà chúng sợ thì kể ra cũng có lý. Trại của chúng ta là một tổ chức không hơn không kém. Mọi người tự cai quản lấy nhau. Chúng tôi có một dàn

nhạc dây hay nhất trong vùng, lại có một số tiền nhỏ ký gửi ở cửa hàng để bán chịu cho những ai bị túng bấn. Năm đô la; người ta có quyền mua tới năm đô la thức ăn. Trại bảo hiểm cho họ. Chúng tôi không hề có chuyện rắc rối với luật pháp. Tôi cho rằng chính cái đó khiến những tay đại điền chủ đều sợ. Họ không thể bắt chúng ta bỏ tù được – thế là họ phát hoảng. Tôi nghĩ rằng nếu chúng ta có thể tự cai quản lấy nhau thì chúng ta cũng có thể làm những chuyện khác.

Tom bước ra khỏi hào, lau mồ hôi đang chảy xuống mắt.

– Bác đã nghe báo chí nói gì về những kẻ xúi giục ở trên đó, ở Bekersfield, chứ?

– Rồi, – Wilkie đáp, – Lúc nào họ chả nói thế.

– Thế này! Tôi đã ở đấy. Chẳng có kẻ nào xúi giục hết. Nghĩa là bọn đỏ, như họ nói ấy mà, mà thử hỏi, bọn đỏ là bọn thế nào vậy?

Timothy san phẳng một ụ đất nhỏ trong đáy hào. Những sợi râu bạc của ông lởm chởm óng ánh dưới ánh mặt trời.

– Có ối kẻ muốn biết bọn đỏ là thế nào, – ông bắt đầu cười. – Một người trong bọn chúng tôi đã khám phá ra điều đó – bằng những nhát xẻng ông san phẳng cẩn thận đống đất – Chuyện thế này: một lão tên là Hines, có khoảng đâu mười lăm ngàn mẫu đào và nho và một xưởng làm đồ hộp, một máy ép nho. Lão ta luôn mồm kêu về "bọn đỏ khốn kiếp" đó. Lão nói: "Cái bọn đỏ khốn kiếp, chúng sẽ đưa cả xứ này đến chỗ bại vong", lại thế này: "Phải tống cổ bọn đỏ đi, cái bọn đồ chó đẻ ấy mà". Có một anh chàng vừa mới đặt chân tới miền Tây đang đứng đó nghe được, và anh ta bèn gãi

đầu gãi tai hỏi: "Thưa ông Hines, tôi tới đây chưa được bao lâu, tôi không được biết, thế cái bọn đỏ ấy ra là bọn nào vậy? " Lão Hines nói với anh ta như vầy: "Thằng đó là bất cứ thằng con nhà điếm nào đòi ba mươi xu một giờ trong lúc người ta trả cho hắn mười lăm xu!" Thế là anh chàng kia lại có vẻ suy nghĩ một chút, gái đầu gãi tai rồi nói: "Nhưng lạy Chúa! Thưa ông Hines, tôi thì chả phải con nhà điếm nhà điếc gì cả, nhưng nếu như thế là đỏ thì tôi đây, tôi cũng muốn ba mươi xu một giờ. Tất cả mọi người đều muốn thế. Mẹ kiếp, người ta đều là đỏ tất tật, ông Hines ạ"

Timothy đẩy cái xẻng trên đáy hào, và mỗi khi lưỡi thép xúc qua, đất cứng lại bóng lên.

Tom cười phá :

– Đã thế tôi cũng là đỏ.

Chiếc cuốc của anh vạch một đường cong trong không khí rồi bổ xuống. Đất nứt bị chẻ ra. Mồ hôi chảy như suối trên trán, dọc sống mũi và lấp lánh phía sau gáy anh.

– Mẹ kiếp, – anh nói – cuốc là một dụng cụ tốt (hà!) nếu mình không gây gổ với nó (hà!)– chỉ cần đồng tâm cùng nhau mần việc (hà!).

Kẻ phía trước, người phía sau, ba người làm việc liền tay, con hào dài thêm từng tấc từng tấc một, mặt trời mỗi lúc lên cao và mỗi lúc càng toả khí nóng xuống họ…

Sau khi Tom đã rời nó, còn Ruthie vẫn còn đứng im một lúc để nhìn vào Trạm Vệ sinh. Không có thằng Winfielđ ở đấy để nó loè, nó thấy cũng không có đủ can đảm. Nó đặt bàn chân không lên nền ximăng, rồi rụt chân lại. Cách đây không xa, có một phụ nữ ở lều đi ra

và đang chuẩn bị nhóm lửa trong một cái lò dã chiến. Ruthie đi vài bước về phía đó, nhưng không sao có thể rứt khỏi Trạm Vệ sinh. Nó bò vào tới cửa lều nhà nó và nhìn vào trong. Một bên thì chú John nằm dài dưới đất, miệng há hốc sùi rớt dãi, cổ họng để thoát ra những tiếng ngáy và tiếng khè khè. Al nằm ở bên đối diện, tay vất lên mắt. Mẹ và Bố đắp một cái mền phủ lên đầu để che ánh sáng. Rosasharn và Winfield nằm gần cửa vào, sau đó là chỗ nằm bỏ trống của Ruthie, phía sau Winfield. Nó ngồi xổm xuống và đôi mắt dán vào đám tóc rối bù của thằng em. Thằng này chợt tỉnh dậy, mở mắt thao láo và nó nhìn con chị với vẻ nghiêm trang. Ruthie đưa một ngón tay lên môi và bàn tay kia ra hiệu cho thằng em đi theo. Winfield đảo mắt nhìn về phía Rosasharn; cô nằm ngủ miệng hé mở, đôi má hồng áp gần sát mặt thằng bé. Winfiela nâng nhẹ chăn lên và luồn ra. Nó rón rén bò ra khỏi lều và đến với Ruthie, hỏi thì thầm:

– Mày dậy lâu chưa?

Đề phòng một cách quá đáng, Ruthie lôi thằng em ra một chỗ và lúc đoán chừng không ai nghe thấy được, con chị mới đáp:

– Tao chả ngủ nghê gì. Cả đêm tao chả nằm tí nào.

– Không phải. Đồ nói điêu, dơ lắm.

– Được rồi nhé! Tao là con nói điêu, đừng hòng tao kể cho mày nghe chuyện gì đã xảy ra. Tao không nói cho mày biết tại sao người ấy lại bị giết bằng con dao nhọn, và có một con gấu đến bắt đứa bé như thế nào.

– Làm gì có gấu, – Winfiela nói và đã nao núng. Nó lấy tay vuốt tóc và xóc lại chiếc quần yếm.

– Đúng… đúng, làm gì có gấu, – Ruthie nói một cách

châm biếm – Mà cũng là gì có những vật trăng trắng như cái đĩa vẽ trong các cuốn mẫu hàng.

Winfield nhìn con chị với vẻ nghiêm trang, chỉ về phía Trạm Vệ sinh và hỏi.

– Ở trong kia à?

– Ờ, tao là đứa nói điêu bẩn thỉu mà. Tao chả dại gì mà đi kể với mày.

– Ta vào trong ấy xem đi.

– Tao đã vào trong đó rồi – Tao đã ngồi lên đó.

Lại còn đái lên đó nữa kia.

– Không, mày chưa bao giờ vào đấy.

Chúng đi đến Trạm Vệ sinh, và lúc này Ruthie không thấy sợ nữa. Nó bạo dạn dẫn đường vào ngôi nhà. Ở một bên căn phòng lớn, có một dãy buồng cầu tiêu, mỗi buồng có cửa riêng biệt. Men sứ trắng bong. Ở phía tường đối diện có những chậu rửa mặt trong khi ở tường thứ ba có bốn buồng tắm có vòi sen. Ruthie bảo:

– Kia là những cầu tiêu. Tao đã thấy trong quyển mẫu hàng.

Hai đứa lại gần một trong các buồng cầu tiêu. Để tỏ ra ta đây bạo dạn, Ruthie vén váy ngồi xuống.

– Tao đã bảo là tao đã tới đây rồi. – Nó nói, và như để chứng tỏ điều đó, nghe có tiếng nước chảy lanh tanh trong hố tiêu, Winfield lúng túng. Tay hắn nắm giệt cái đòn bẩy xối nước. Nước chảy ào ào Ruthie nhảy bật lên và chạy ra xa. Nó và Winfield đứng ở giữa căn phòng và nhìn vào buồng cầu tiêu. Nước vẫn xả xuống hố.

– Tại mày, – Ruthie nói – Mày làm vỡ nó, tao thấy.

– Đời nào. Thế là không đời nào.

– Tao thấy mà. Có cái gì đẹp đem chỉ cho mày là mày phá ngay, không tin được.

Winfield xịu mặt xuống. Nó ngước nhìn Ruthie và nước mắt đầy tròng. Cằm nó run run. Và ngay liền đó. Ruthie thấy hối hận: – Đừng lo. Tao không mách đâu. Chúng mình cứ coi như nó đã hỏng từ trước rồi. Cứ nói là chúng mình chưa hề vào đây.

Nói vậy rồi nó đẩy thằng em đi ra.

Mặt trời bây giờ đã ló ra[51] trên các ngọn núi, chiếu sáng xuống các mái tôn của năm Trạm Vệ sinh, chiếu sáng xuống các dãy lều xám và xuống các lối đi nằm giữa các dãy lều đã được quét dọn sạch sẽ. Trại đang thức dậy. Lửa cháy trong các bếp lò dã ngoại làm bằng thùng xăng cũ và bằng các mảnh kim khí. Không khí đượm mùi khói. Cửa rèm được vén lên và người qua lại trên các lối đi. Đứng trước cửa lều nhà mình, bà mẹ đảo mắt nhìn. Bà nom thấy tụi trẻ con và đi lại phía chúng.

– Tao đang lo không biết chúng mày đi đâu.

– Chúng con đi xem các nơi.

– Thế anh Tom đi đâu? Mày có thấy anh nó đâu không?

Ruthie làm ra vẻ quan trọng.

– Có, Mẹ ạ. Anh Tom anh ấy đánh thức con dậy và bảo con nói với Mẹ – Nó ngừng nói để mẹ chú ý đến sự quan trọng của nó.

– Thế anh ấy nói gì?

– Anh ấy bảo dặn với mẹ – Nó lại ngừng nói và chờ Winfield phải thán phục nó.

Mẹ giơ tay lên định cốc vào đầu Ruthie: “Dặn gì?”

– Anh ấy tìm được việc làm. – Ruthie đáp – Anh ấy đi làm.

Nó lo lắng nhìn bàn tay của Mẹ, bàn tay đó hạ xuống, nắm lấy Ruthie, ghì chặt lấy vai nó, rồi lại buông ra.

Ruthie lúng túng nhìn xuống đất, và nói lảng sang chuyện khác. – Có nhà vệ sinh ở chỗ kia. – Nó nói. – Trắng toát nhé.

– Chúng mày đã vào đấy ư?

– Con với thằng Winfield – Nó nói và mách lẻo – Thằng Winfield đánh vỡ mặt một hố tiêu.

Winfield đỏ mặt, nhìn Ruthie trừng trừng.

– Nó đái vào trong đó. – Nó nói một cách hằn học.

Mẹ thấy lo lắng:

– Bây giờ chúng mày lại còn giở trò gì nữa? Nói tao coi. Bà lôi hai đứa tới cửa và đi vào trong.

– Nào, chúng mày giở trò gì nào.

Ruthie lấy ngón tay, chỉ:

– Có tiếng xì xì… rào rào. Bây giờ hết rồi.

– Nói tao biết chúng mày đã làm gì?

Winfield miễn cưỡng đi tới hố vệ sinh.

– Con không kéo mạnh, Con chỉ nắm lấy cái này và …

Nước chảy xuống tồ tồ . Nó chạy ra xa Mẹ ngả đầu ra sau cười ngất, còn hai đứa nhìn Mẹ phật ý. Mẹ nói:

– Người ta dội nước như thế đấy. Trước đây mẹ đã thấy rồi. Khi nào đi ngoài xong thì kéo như thế.

Thấy mình dốt nát, hai đứa trẻ xấu hổ quá chừng.

Chúng ra ngoài lều và đi tới nhìn xem một gia đình đông người đang ăn sáng bên cạnh lối đi rộng rãi.

Mẹ nhìn theo chúng đi ra ngoài rồi nhìn khắp gian phòng. Bà đi tới chỗ hố vệ sinh và ngó vào trong. Bà bước lại chỗ chậu rửa và đưa ngón tay miết trên sứ trắng. Bà khẽ mở vòi cho nước chảy để ngón tay vào tia nước, và rụt tay lại khi thấy nóng. Bà nhìn cái chậu rửa một lúc và rồi, đậy cái nút ở chậu, bà mở vòi nước lạnh, pha nước âm ấm rửa tay rồi rửa mặt. Bà đang nhúng ngón tay vào nước và chải lên tóc thì bỗng nghe tiếng chân dẫm trên nền ximăng phía sau bà. Bà vội quay phắt lại. Một người đàn ông đứng tuổi đang đứng nhìn bà với vẻ sửng sốt khó chịu. Ông ta nói gắt gỏng; – Sao bà lại vào đây?

Bà nuốt nước bọt, cảm thấy nước chảy từ cằm và thấm qua áo.

– Tôi không biết, – bà nói để biện bạch – Tôi tưởng cái này là để cho mọi người sử dụng.

Người đứng tuổi nhíu lông mày, nghiêm khắc nói:

– Đây là chỗ của đàn ông, – ông ta đi ra cửa và chỉ một cái biển có đề: Đàn ông. – Biển đây này. Rõ ràng thế. Bà không thấy, sao?

– Không, – bà nói, có vẻ xấu hổ – Tôi không hề thấy. Vậy có chỗ nào tôi có thể đến rửa được?

Người đàn ông hết giận, nói dịu dàng hơn:

– Bà vừa mới đến?

– Nửa đêm hôm qua!

– Vậy bà chưa nói chuyện gì với ủy ban ư?

– Ủy ban nào ?

– Ở ủy ban phụ nữ.

– Thưa, chưa.

Ông nói một cách hãnh diện:

– Ủy ban sắp tới thăm bà và thu xếp chỗ ở. Chúng tôi săn sóc đến những người mới tới. Bây giờ nếu bà cần một phòng rửa mặt của phụ nữ, bà hãy đến đầu nhà bên kia. Bà cứ tự nhiên như ở nhà.

Mẹ vẫn băn khoăn.

– Ông nói một ủy ban Phụ nữ tới lều chúng tôi sao?

– Sắp thôi, tôi nghĩ thế, – ông ta gật đầu.

– Cảm ơn ông, – Mẹ nói rồi vội vã đi ra và chưa về đến lều đã gọi – Bố nó, chú John, dậy thôi! Al nữa. Dậy và rửa ráy đi.

Những con mắt còn ngái ngủ bừng mở ra nhìn Mẹ ở bên ngoài.

– Ai nấy dậy ngay. Rửa mặt và chải đầu nhanh. – bà giục

Chú John nom xanh xao và như ốm, ở chỗ cằm chú có một vệt thâm tím.

Bố hỏi: "Có chuyện gì vậy?" – Ủy ban. – Mẹ đáp to tiếng – Một ủy ban phụ nữ sắp đến thăm chúng ta. Dậy ngay đi, và rửa ráy nhanh lên. Chúng ta thì nằm ngủ ngáy thoả thuê, còn thằng Tom lại đã đi tìm việc làm. Dậy thôi.

Tuy còn ngái ngủ, họ cũng ra khỏi lều. Chú John hơi lảo đảo và mặt chú nom đau khổ. Mẹ nói như ra lệnh.

– Đến rửa mặt ở nhà đàng kia kìa. Chúng ta phải ăn sáng và sẵn sàng khi ủy ban đến.

Bà bước tới một chồng củi đã chẻ nhỏ ở đống củi dự

trữ của trại. Bà nhóm lửa và đặt nồi lên.

– Cháo ngô, – bà thầm nghĩ – Cháo ngô với ít nước mỡ, kể cũng nhanh thôi. Phải nhanh tay mới được.

Cứ thế bà nói một mình trong khi Ruthie và Winfield đứng bên, tỏ vẻ rất ngạc nhiên.

Khói bếp lửa nấu ăn sáng bốc lên khắp trại và tiếng nói chuyện râm ran khắp nơi.

Rosasharn đầu tóc rối bù và mắt ngái ngủ chưa ra khỏi lều. Mẹ đang bốc từng nắm bột ngô bèn quay lại. Bà nhìn quần áo bẩn thỉu nhăn nhúm của cô gái, tóc xoăn rối bời của cô. Bà nói một cách sôi nổi.

– Con phải đi rửa ráy cho sạch sẽ. Lên chỗ kia mà rửa. Áo con, mẹ giặt sạch rồi đấy, thay đi.Cũng chải tóc đi với.

Rosasharn nói một cách buồn bã:

– Con mong Connie trở về. Không có Connie con chẳng thiết làm gì.

Mẹ xoay hẳn người về phía con gái. Bột ngô vàng bắn đầy tay và cổ tay bà. Bà nói nghiêm khắc:

– Rosasharn con phải đứng đắn lên. Nhăn nhó như thế là đủ rồi đấy. Sắp có ủy ban Phụ nữ tới nhà ta. Lúc họ tới đây, họ không chê cười nhà ta được.

– Nhưng con thấy không được khoẻ.

Bà tiến lại chỗ con gái, xoè hai bàn tay dính đầy bột ra, nói: – Này con, có những lúc mà ta cảm thấy điều gì thì cũng hãy giữ lấy trong bụng.

– Con sắp nôn mửa rồi đây này, – cô gái rên rỉ.

– Được, đi nôn mửa đi. Cố nhiên là con sẽ nôn mửa. Ai ai cũng thế. Cho xong đi rồi rửa ráy cho sạch, rửa cả

chân cẳng rồi xỏ giầy vào. – Bà quay lại với công việc – Và chải tóc cho gọn ghẽ vào.

Một chảo mỡ sôi xèo xèo trên lửa và mỗi lần bà lấy thìa đổ bột ngô vào thì mỡ bắn ra và kêu lách tách. Với một cái xoong khác, bà nhào bột với mỡ, cho nước với muối vào và trộn đều. Cà phê bắt đầu sôi ở trong bình, mùi cà phê bốc thơm lừng.

Bố từ trạm Vệ sinh lững thững đi về, và Mẹ nhìn Bố với vẻ chỉ trích. Bố hỏi:

– Mẹ mày nói là thằng Tom đã có việc làm?

– Đúng vậy ông ạ! Nó đi trước khi chúng ta dậy.

Bây giờ ông hãy tìm trong hòm kia, lấy một chiếc quần và một chiếc sơ mi sạch. Mà, Bố nó ạ, tôi bận quá chừng. ông dẫn Ruthie và Winfield đi tắm rửa cho chúng. Có nước nóng đấy. Ông làm được chứ, kỳ tai kỳ cổ cho chúng cẩn thận. Phải cho chúng sạch tinh tươm.

– Chưa bao giờ tôi thấy mẹ mày tất tả như vậy.

Mẹ nói:

– Đây là lúc gia đình mình phải tỏ ra tề chỉnh. Đi đường thì không có dịp nào, nhưng bây giờ thì có thể được. Ông vất quần áo bẩn của ông vào trong lều, lát nữa tôi giặt.

Bố đi vào bên trong lều, và một lát sau, ông đi ra với bộ quần áo xanh nhạt, sạch sẽ và chiếc sơ mi. Rồi ông dẫn hai đứa bé tiu nghỉu và ngạc nhiên, đến nhà tắm.

Mẹ gọi với theo:

– Kỳ cọ cho chúng thật sạch đấy.

Chú John đến trước cửa ngăn buồng dành cho đàn ông, vào ngồi trên hố tiêu một lúc rất lâu, hai tay ôm

lấy cái đầu đau như dần. Mẹ đã nấu xong một xoong bột ngô và đang đổ từng muỗng bột nhào vào mỡ để làm một mẻ thứ hai thì một bóng người hiện ra in lên nền đất bên cạnh bà. Bà liếc nhìn thấy một người đàn ông mặc toàn đồ trắng đứng sau bà – một người có khuôn mặt rám nắng, nhiều nếp nhăn, với đôi mắt vui tươi, người khẳng khiu như que củi. Quần áo trắng sạch bong của ông bị sờn ở các mép. Ông ấy mỉm cười:

– Chào bà.

Bà nhìn quần áo trắng của ông, mặt nghiêm lại vì mối ngờ vực:

– Vâng. – Bà nói

Rawley nói:

– Đêm qua, lúc nhà ta đến thì tôi đang ngủ. – May mà chúng tôi có chỗ dành cho nhà bà. – Tiếng ông ta ấm áp.

Bà đáp lại một cách giản dị:

– Ở đây tốt lắm. Nhất là có phòng rửa ráy, tắm giặt.

– Bà hãy đợi xem lúc các bà ấy đi giặt áo. Chả mấy nữa. Chưa bao giờ bà thấy ầm ĩ như vậy. Chả khác họp mít tinh. Bà Joad này, bà có biết hôm qua họ làm gì không? Họ có một buổi đồng ca. Vừa hát thánh ca vừa vò quần áo suốt buổi. Nghe rất vui, bà ạ.

Mối ngờ vực biến mất trên khuôn mặt bà mẹ.

– Chắc phải là hay lắm. Ông là chủ ở đây?

– Không. – ông ta nói – Dân chúng ở đây miễn cho tôi mọi công việc. Họ trông nom trại được sạch sẽ, ngăn nắp, họ làm hết thảy mọi việc. Tôi chưa hề trông thấy những người như thế. Họ may quần áo trong phòng họp, làm các đồ chơi cho trẻ con. Chưa bao giờ trông

thấy những con người như thế.

Mẹ liếc nhìn cái áo bẩn của mình.

– Chúng tôi ăn mặc còn lôi thôi lắm. Đi đường trường thì không thể giữ cho sạch sẽ được.

– Tôi biết chứ, bà yên tâm. – ông ta đánh hơi – Này bà, có phải là cà phê của bà thơm đến thế không?

Mẹ mỉm cười:

– Có đúng là thơm không ạ? Người ngoài thì bao giờ cũng thấy thơm. – Rồi bà nói với giọng kiêu hãnh – Chúng tôi lấy làm hân hạnh được mời ông dùng bữa sáng với chúng tôi.

Ông ta lại bên bếp lửa, ngồi xổm xuống, và cuối cùng thì chút ngờ vực nào còn sót lại cũng tiêu tan. Bà nói:

– Chúng tôi lấy làm hãnh diện được ông nhận lời. Chúng tôi không có gì sang trọng, nhưng xin lấy lòng thành thực mời ông.

Ông khách cười hở cả lợi.

– Tôi đã ăn sáng rồi. Nhưng chắc chắn là nếu bà cho một tách cà phê kia thì tôi không dám từ chối. Thơm đến thế.

– Ồ, ồ xin mời ông.

– Bà cứ thong thả.

Mẹ lấy bình cà phê rót đầy một tách, và nói:

– Chúng tôi chưa kiếm được đường. Có thể hôm nay mới mua được. Nếu ông quen dùng đường thì uống thế này không ngon.

– Tôi không bao giờ dùng đường. Nó làm hỏng vị ngon của cà phê.

– Tôi thì tôi chỉ dùng ít thôi. – Mẹ nói và đột nhiên nhìn ông ta một cách chăm chú, tự hỏi làm sao mà ông ta chóng thân mật đến thế. Bà dò xét nguyên cớ trên gương mặt ông ta, nhưng chẳng thấy gì ngoài tình thân ái. Rồi bà nhìn đến các gấu áo sờn rách và bà yên tâm.

Ông ta nhấm nháp cà phê.

– Tôi nghĩ rằng sáng nay các bà ấy sẽ tới đây thăm bà.

– Chúng tôi còn luộm thuộm lắm. Giá các bà ấy khoan hẵng đến, để chúng tôi có thì giờ rửa ráy thì hay.

– Ồ, cái đó thì họ biết quá rồi. Lúc mới tới đây họ cũng thế thôi. Bà đừng băn khoăn làm gì. Trong trại này, ủy ban họ tốt lắm vì họ biết thông cảm với mọi người.

Ông cạn tách cà phê và đứng lên:

– Thôi, tôi phải đi thăm nơi khác. Thế này nhé, nếu bà thấy cần gì, mời bà tới văn phòng. Lúc nào tôi cũng có mặt ở đấy. Cà phê ngon lắm. Xin cảm ơn bà.

Ông đặt chiếc tách lên thùng cùng với những tách khác, vẫy vẫy tay và đi ra giữa các dãy lều. Và Mẹ nghe ông ta chuyện trò với những người khác khi qua trước cửa lều của họ.

Mẹ gục đầu xuống và cố nén tiếng khóc thổn thức muốn bật ra.

Bố trở về dẫn theo hai đứa trẻ con rơm rớm nước mắt vì bị kỳ cọ đau, nhưng sạch sẽ tinh tươm. Bố nói.

– Nhìn đây, nhẹ bớt hai lần da và một lớp ghét.

Gần như phải đét cho chúng chúng mới chịu đứng yên.

Mẹ ngắm chúng như để đánh giá:

– Nom chúng xinh lắm. Ông ăn đi, có cháo ngô và nước xốt đấy. Chúng ta còn phải dọn đẹp trong ngoài cho được sạch sẽ ngăn nắp.

Bố múc cháo vào đĩa cho tụi trẻ và cho mình.

– Không biết thằng Tom tìm được việc ở đâu?

– Tôi không rõ.

– Thôi, nó tìm được thì chúng ta cũng tìm được.

Al chạy về lều, nom có vẻ kích động. Hắn nói.

– Chỗ kia mới tuyệt – hắn vừa ăn vừa rót cà phê – Có một thằng cha ở đằng kia, gã làm thế nào. Bố Mẹ có biết không? Gã đang làm một chiếc xe lăn, đứng ở phía sau dãy lều kia, có đủ giường, bếp lò và các thứ. Gã ăn ở luôn trong đó. Lạy Chúa! Sống thế mới là sống chứ! Dừng lại chỗ nào thì chỗ ấy là nhà.

Mẹ nói:

– Tao thì tao thích một căn nhà nhỏ. Khi nào xem ra có thể được là tao muốn có ngay.

Bố nói:

– Al ạ, ăn xong thì tao, mày và chú John đánh xe đi tìm việc làm.

– Hẳn rồi, – Al nói – Nếu có việc làm thì con thích làm trong một xưởng sửa chữa xe hơi. Con thích nhất là thế. Con sẽ sắm một chiếc Ford cũ. Con sơn xe màu vàng rồi.. lái xe đi dạo phố. Vừa nãy con nom thấy một cô gái đi trên đường cái. Con cũng nháy mắt với cô nàng. Trời, đẹp ơi là đẹp.

Bố nghiêm khắc nói:

– Tốt hơn là mày hãy tìm được việc làm rồi Hẵng

nghĩ đến trò chim chuột[52].

Chú John ở nhà vệ sinh ra và lê bước đi tới. Mẹ chau mày.

– Chú không rửa mặt, – bà nói nhưng khi trông thấy chú nom ốm yếu, buồn thảm, bà nói tiếp – Chú vào trong lều mà nằm nghỉ. Chú không được khoẻ

– Không, – chú John vừa nói vừa lắc đầu – Tôi phạm tội lỗi, tôi phải gánh lấy trừng phạt.

Chú ngồi xổm xuống, vẻ thất vọng, và tự tay rót một tách cà phê.

Mẹ ăn bột ngô còn lại trong xoong, vừa ăn vừa nói một cách bâng quơ :

– Ông quản trị trại có tới đây, ông ấy nán lại uống một tách cà phê.

Bố thong thả ngước mắt lên:

– Thế à? Ông ấy muốn gì mà đến sớm vậy?

– Ông ấy đi qua, tạt vào thăm. Ông ta ngồi lại uống một tách cà phê. Ông ta nói là không mấy khi được uống cà phê ngon.

– Nhưng ông ấy muốn gì? – Bố lại hỏi

– Chả muốn gì cả. Chỉ đến xem chúng ta xoay xở ra làm sao.

– Tôi không tin, – Bố nói – Chắc hẳn hắn đến đánh hơi để chõ mũi vào công việc người khác.

– Không phải thế, – Mẹ giận dữ kêu lên – Tôi cũng như ai cũng biết ngay được kẻ nào chõ mũi vào việc của người khác chứ!

Bố lắc lắc cái ly và đổ cặn cà phê xuống đất.

– Bố mày đừng đổ bẩn như thế, – Mẹ nói – ở đây sạch sẽ lắm.

– Mẹ mày phải trông chừng, đừng có sạch sẽ quá để đến nỗi người ta không sống được trong đó – Bố nói với vẻ đố kỵ – Nhanh lên Al. Còn đi tìm việc làm chứ.

Al lấy tay chùi mép nói: “Con xong rồi”

Bố quay về phía chú John:

– Chú đi không?

– Có, tôi cũng đi.

– Nom chú không được khoẻ lắm.

– Tôi không khoẻ lắm, nhưng tôi cứ đi.

Al trèo lên xe:

– Con phải cho xăng xuống đã, – rồi hắn rồ máy. Bố và chú John bước lên ngồi bên hắn và chiếc xe chạy ra khỏi trại.

Mẹ nhìn theo họ. Rồi bà lấy một cái xô đi về phía ngăn buồng giặt giũ ở Trạm Vệ Sinh. Bà lấy nước nóng đầy xô mang về trại. Bà đang rửa chén đĩa thì Rosasharn trở về.

– Mẹ để phần thức ăn cho con trên đĩa ấy. – Nói xong bà nhìn kỹ con gái. Tóc cô còn nhỏ giọt, chải mượt, da dẻ sáng sủa, hồng hào. Cô đã mặc chiếc áo dài xanh in hoa trắng nhỏ, đi đôi giày gót cao của hồi mới cưới. Thấy mẹ nhìn mình chằm chằm, cô đỏ mặt:

– Con tắm rồi đấy! – Cô nói.

Rosasharn nói với tiếng khàn khàn:

– Con đang ở trong đó thì có một bà đi vào tắm.Mẹ có biết người ta làm thế nào không? Người ta vào một cái như cái chuồng vặn quả nắm và thế là nước chảy ào

ào xuống người – nước nóng hay nước lạnh là tuỳ thích… thế là con cũng làm như vậy

– Mẹ cũng sẽ đi tắm. Dọn dẹp xong đây là đi ngay. Con chỉ cho mẹ nhé.

– Ngày nào rồi con cũng tắm, – cô gái nói – Cái bà ấy, bà trông thấy con, biết là con có nghén, Mẹ có biết bà ấy nói thế nào không? Nói là tuần nào cũng có một nữ y tá đến. Con sẽ phải tới gặp cô ta chỉ bảo cách thức làm sao cho đứa hài nhi được khoẻ mạnh. Bà ấy nói là mọi bà ở đây đều làm thế cả. Rồi con cũng làm thế – cô trở nên sôi nổi – Và mẹ có biết không? Tuần lễ trước có một hài nhi ra đời, thế là cả trại tổ chức liên hoan, rồi kẻ cho quần áo, tã lót, người cho quà cáp, lại cả một cái xe trẻ con bằng liễu gai. Xe không mới, nhưng người ta sơn một lớp sơn hồng và thế là nó cứ như mới ấy. Rồi họ lại làm lễ rửa tội cho đứa trẻ, có cả bánh ngọt nữa. Ôi, lạy Chúa !

Cô ngừng lại, thở nặng nề.

Mẹ nói:

– Sáng danh Chúa, chúng ta lại như trở về với anh em họ hàng hồi trước. Mẹ đi tắm đây.

– Ôi, đẹp lắm Mẹ ạ – cô nói.

Mẹ lau những đĩa sắt tây, chồng lên nhau và nói:

– Chúng ta là gia đình họ Joad. Chúng ta chưa bao giờ phải cầu cạnh ai. Cụ cố đẻ ra Nội đã tham gia cánh mạng. Chúng ta là những tá điền cho tới ngày mắc công mắc nợ. Rồi tiếp đó có bọn người khác tới thì hình như chúng quất roi vào mẹ, vào tất cả nhà. Rồi đến tên cảnh sát ở Needles. Hắn làm Mẹ thay đổi, khiến Mẹ cảm thấy mình hèn hạ, thấy xấu hổ. Giờ thì không xấu hổ nữa. Những người trong trại này là người của chúng ta – là

người thân của chúng ta. Còn cái ông quản trị kia, ông ta tới đây, ngồi uống cà phê. chuyện trò nào là “bà Joad” thế này, nào là “bà Joad” thế kia, lại nào là “bà ăn ở thế nào, thưa bà Joad” – Mẹ ngừng lại và thở dài – Thế đấy, mẹ thấy như mình trở lại làm người.

Mẹ chồng cái đĩa cuối cùng lên, rồi đi vào lều, sục tay vào hòm quần áo lấy ra đôi giày và chiếc áo sạch. Mẹ cũng tìm thấy một hộp con bằng giấy đựng một đôi hoa tai. Lúc đi ngang qua Rosasharn Mẹ nói: “Nếu các bà ấy đến, con nói là Mẹ sẽ về ngay”. Rồi bà đi khuất quanh sau Trạm Vệ sinh.

Rosasharn nặng nề ngồi xuống một cái thùng và nhìn đôi giày mua ngày cưới: đôi giày da đan xinh xắn với cái nơ bướm đen. Cô lấy ngón tay lau mũi giầy rồi chùi ngón tay vào phía trong chiếc váy. Khi cô cúi xuống thì cả thân hình ép vào cái bụng đã to. Cô lại ngồi thẳng lên, lấy ngón tay mâm mê bụng, và vừa làm như vậy cô vừa như mỉm cười kín đáo.

Có một người đàn bà to bè bè, chắc nịch, đi dọc con đường chính về phía chỗ tắm giặt, tay xách một cái thùng đựng đầy quần áo bẩn. Mặt bà ta rám nắng, mắt đen, sôi nổi. Phía ngoài chiếc áo dài vải bông kẻ, bà khoác một cái tạp dề bằng vải bố, chân đi giầy oxford đàn ông, màu nâu. Bà ta thấy Rosasharn đang xoa vuốt bụng, và bắt gặp cả cái nụ cười chúm chím trên môi cô.

– Thế đấy? – Bà kêu lên và cười vui vẻ – Theo ý cô thì bao giờ nằm nơi?

Rosasharn mặt đỏ dừ cúi xuống nhìn đất rồi lại hé nhìn lên và đôi mắt đen sáng của người phụ nữ, bà ta tỏ ý hiểu.

– Cháu không biết – cô lúng búng đáp.

Người đàn bà đặt cái thùng xuống đất, nói:

– Cô đã to bụng rồi đấy – tiếng bà quang quác như gà mái đẻ – Cô thích trai hay gái?

– Cháu không biết– Có lẽ là trai. Chắc chắn trai.

– Cô vừa mới vào trại này, phải không?

– Đêm qua, rất khuya.

– Ở lại đây chứ?

– Cháu không biết. Nếu có thể kiếm được việc gì làm chắc là chúng cháu ở lại.

Một bóng mờ lướt qua khuôn mặt người đàn bà lạ và đôi mắt đen bé nhỏ trở nên dữ tợn.

– Nếu tìm được việc làm. Tất cả chúng ta đều nói như nhau.

– Anh tôi đã tìm được việc làm sáng hôm nay rồi.

– Thế ư? Có thể may mắn cho cô đấy. Cô phải coi chừng số may. Không thể tin vào sự may mắn được – bà ta sán lại gần – Vận may chỉ có một mà thôi. Không có nhiều hơn đâu. Cô phải ăn ở cho ngoan. Mụ ta nói một cách dữ dội – “Phải cho ngoan. Nếu cô chuốc lấy tội lỗi, tất nhiên là cô phải trông chừng đến đứa bé trong bụng cô ấy”. Mụ ngồi xổm trước mặt cô – “Trong cái trại này đã xảy ra nhiều chuyện tai tiếng” – mụ nói một cách ảm đạm – “Tối thứ bảy nào họ cũng khiêu vũ, nhưng không phải là điệu vũ bình thường, không. Họ ghì chặt lấy nhau, uốn éo quấn quýt với nhau. Tôi thấy mà!”

Rosasharn nói một cách dè dặt:

– Cháu thích khiêu vũ, vũ hội ô vuông – Rồi cô nói thêm một cách thẳng thắn – Cháu không nhảy điệu nào

khác.

Mụ đàn bà da rám nắng lắc đầu một cách phiền muộn:

– Tốt thôi, một số người cũng như cô. Mà Chúa sẽ không bỏ qua chuyện này đâu, không. Cô đừng có nghĩ là Chúa bỏ qua.

– Không đâu, thưa bà, – cô gái nhỏ nhẹ đáp lại.

Mụ thò bàn tay rám nắng, da nhăn nheo, sờ lên đầu gối Rosasharn, và cô gái thấy ngần ngại.

Mụ ta nói:

– Bây giờ để tôi phải báo cho cô biết. Những con chiên lành của Chúa chỉ còn một ít thôi. Chiều thứ bảy nào cũng vậy, khi dàn nhạc nổi lên đáng lẽ phải hát những bài hát thánh ca như xưa thì, trời ạ, họ lại múa may, múa may quay cuồng. Tôi đã trông thấy họ. Tôi không bao giờ tới gần, cũng không để cho người nhà tôi đến gần. Họ xoắn xuýt lấy nhau ghì chặt lấy nhau. Thế đấy. – Mụ ta ngừng lại để cho có vẻ quan trọng và rồi nói trong tiếng thì thầm khàn khàn – Họ còn chơi tệ hơn. Họ diễn kịch.

Mụ ta né ra sau một chút, vênh vênh cái đầu lên chờ xem thái độ của Rosasharn trước một sự tiết lộ như vậy.

– Có diễn viên ạ? – Cô gái nói một cách kinh sợ.

– Không đâu ạ! – Mụ ta bùng lên – Đâu có diễn viên diễn viếc nhà nghề gì. Chỉ là người như chúng ta. Người trong trại chúng ta. Mà lại là tụi trẻ con, chả biết kịch cọt là cái gì, bị họ đòi làm những việc không phải của chúng. Tôi chẳng đến gần, nhưng tôi nghe người ta kể lại. Ôi! Ma quỉ đã hiện hình trong trại này.

Rosasharn trố mắt, há mồm, lắng nghe.

– Có lần ở nhà trường nhân lễ giáng sinh, chúng cháu đã diễn kịch về đức chúa Jesus.

– Thế này, tôi không nói cái đó tốt hay xấu. Có những người tử tế nghĩ rằng diễn kịch về Thiên chúa là tốt. Nhưng tôi không nói chuyện đó, mà đây không phải là kịch của Chúa Jesus hài đồng, chỉ là chuyện tội lỗi, bịp bợm, trò ma quỉ mà thôi. Cũng đi khệnh khạng, cũng điệu bộ, cũng ba hoa làm ra vẻ ta đây ghê lắm. Rồi lại nhảy nhót, còn ôm ghì lấy nhau xoắn xuýt lấy nhau…

Rosasharn thở dài.

– Mà không phải chỉ một ít người như thế đâu nhé! – Mụ nói tiếp – Họ nhiều đến nỗi bây giờ những con chiên lành của Chúa, chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay. Mà cô đừng có nghĩ rằng các bọn tội lỗi đó đánh lừa được Chúa. Ô đừng có hòng! Chúa đang ghi trên bảng từng tội lỗi một của chúng, rồi Chúa gạch ngang ở dưới, cộng lại từng tội một với nhau. Chúa có mắt, và tôi cũng có mắt. Chúa đã phát hiện ra hai đứa trong bọn chúng, đã hun khói chúng. Rosasharn thở hổn hển: "Thật ư?"

Tiếng nói của mụ đàn bà da rám nắng mãnh liệt thêm.

– Tôi đã thấy điều đó. Một đứa con gái cũng có mang, hệt như cô. Cũng diễn kịch, cũng múa xoắn xuýt nhau. Và rồi – tiếng nói của mụ trở nên lạnh lẽo ghê rợn – hắn gầy rốc đi, còn da bọc xương và khi sinh ra thì đứa bé đã chết.

– Ối trời! – Cô gái tái nhợt đi

– Chết và máu lênh láng. Cố nhiên không ai nói

chuyện với nó nữa, nó phải bỏ trại trốn đi. Không thể dạy bày cho kẻ khác phạm tội mà mình lại không mắc tội được. Đời nào. Có đứa khác cũng làm như vậy, nó cũng gầy rộc đi, và cô biết thế nào không? Một đêm kia nó bỏ đi, được hai ngày thì quay lại nói rằng phải thăm viếng bà con. Nhưng, không thấy có đứa con nữa. Cô có biết thế nào không? Tôi ngờ chính tay quản trị trại đã dẫn nó đi để trút bỏ đứa hài nhi. Lão ta không tin có chuyện tội lỗi. Chính lão ta nói với tôi. Lão ta nói, tội lỗi là cái đói, thêm nữa, tội lỗi là cái rét. Chính lão ta nói với tôi, không thấy Chúa có dính dáng gì đến những chuyện đó. Lão ta nói, những đứa con gái ấy gầy đi chỉ vì đã không có đủ ăn. Thế là, tôi chỉnh cho lão một trận – mụ ta đứng thẳng lên, lùi lại một bước, mắt mụ ta long sòng sọc, mụ xỉa ngón tay cứng nhắc vào sát mặt Rosasharn – Tôi bảo: "Xéo đi!". Tôi văng vào mặt lão: "Ta biết có quỷ dữ đang hoành hành trong trại này. Giờ thì ta biết ai là con quỷ đó. Cút đi, đồ quỷ Xa tăng". Thế rồi, lạy Chúa, lão bỏ đi. Vừa đi vừa run, mà lén lén nữa nhé. Lão nói: "Xin bà, xin bà đừng làm cho người khác phải khổ sở". Tôi nói: "Khổ, khổ cái gì? Thế linh hồn của họ thì sao? Thế những đứa hài nhi bị chết, những người mẹ tội lỗi vì cái trò kịch cọt, thì sao?". Lão đứng nhìn, nhăn nhở nhe răng như kẻ ốm và bỏ đi. Lão biết, lão đang đụng phải một chứng nhân thật sự của Chúa. Tôi nói: "Tôi đang giúp chúa Jesus trông nom trại này cho được yên ổn. Còn ông với những kẻ tội lỗi khác, sẽ không thoát khỏi đâu" – Mụ xách lấy thùng quần áo bẩn. – Tôi đã báo cho cô biết, cô hãy cẩn thận. Hãy chú ý đến đứa hài nhi tội nghiệp trong bụng cô và hãy tránh đừng để mắc tội lỗi.

Nói xong mụ bỏ đi, bước chân dài và đường bệ, đôi mắt sáng ngời đạo đức.

Rosasharn nhìn theo mụ, rồi gục xuống, hai tay ôm lấy đầu cô khóc thút thít. Một giọng nói êm dịu cất lên ở cạnh cô. Cô ngước mắt, xấu hổ. Đó là ông quản lý mặc đồ trắng, người bé nhỏ.

– Cô đừng lo buồn, – ông nói – Đừng lo buồn.

– Nhưng cháu đã làm điều đó – Cô khóc, nước mắt dàn giụa – Cháu đã khiêu vũ kiểu ôm chặt người. Cháu không nói với bà điều đó. Cháu đã nhảy như vậy với Connie ở Sallisaw.

– Đừng lo.

– Bà ta nói cháu sẽ sẩy thai.

– Tôi biết bà ta đang làm gì…

Chú để mắt theo dõi bà ta. Bà tốt bụng, nhưng lại làm khổ người khác.

Rosasharn khụt khịt trong nước mắt:

– Bà ta có biết hai cô gái đã mất con trong cái trại này.

Ông quản lý trại ngồi xổm xuống trước mặt cô.

– Này, – ông nói – Cô nghe tôi. Tôi cũng biết các cô đó. Chẳng qua họ đói quá và mệt quá, làm việc quá vất vả lại đi xe bị xóc nhiều. Họ bị ốm. Lỗi không phải ở họ.

– Nhưng bà ta nói…

– Đừng lo. Cái bà kia thích sinh chuyện rắc rối.

– Nhưng bà ta nói ông là quỉ dữ.

– Bà ấy nói, tôi biết chứ. Chỉ vì tôi không muốn để bà làm khổ người khác, – ông khẽ vỗ vai cô – Cô đừng lo phiền. Mụ ta không biết gì đâu.

Nói xong, ông bước nhanh ra ngoài.

Rosasharn nhìn theo ông ta, đôi vai gầy gò của ông rung lên theo bước chân đi. Cô đang còn chăm chú nhìn con người mảnh khảnh kia thì mẹ trở về, sạch sẽ và hồng hào; tóc còn ướt chải kỹ thắt lại một búi ở sau gáy. Mẹ mặc chiếc áo vải hoa, đi đôi giầy cũ đã nứt và đeo đôi hoa tai nhỏ.

– Mẹ tắm rồi, – Mẹ nói – Mẹ đứng dưới vòi vặn cho nước ấm chảy xuống khắp người, chảy ào ào như suối. Có một bà nói là ngày nào cũng có thể tắm thoả thích. Mà các bà ở uỷ ban ấy đã tới chưa?

– Ờ … ờ!

– Con cứ ngồi yên đây không thu xếp dọn dẹp gì cả! – Bà vừa nói vừa xếp lại các chén đĩa bằng sắt tây – Ta phải cho nó tươm tất một tí, thôi, cựa quậy lên nào! Lấy cái bao tải lau nhà đi.

Bà thu nhặt các đồ vặt, bỏ các xoong nồi vào trong thùng và bưng thùng vào lều – Xếp dọn lại giường đệm cho ngắn nắp. Mẹ nói con biết mẹ thấy không có thứ nước nào tốt hơn nước ở trong kia.

Rosasharn làm theo lời mẹ một cách lờ phờ.

– Mẹ liệu xem Connie hôm nay có trở về không?

– Có thể mà cũng không có thể. Mẹ biết sao được.

– Mẹ có chắc là anh ấy biết tìm chỗ chúng ta không?

– Chắc.

– Mẹ ạ… mà Mẹ có nghĩ là.. họ sẽ có thể giết anh ấy khi họ đốt trại không?

– Không đâu – Mẹ nói một cách tin chắc – Khi nào nó muốn thì nó có thể chuồn đi, nhanh như thỏ, ranh như

cáo ấy chứ.

– Con muốn anh ấy trở về.

– Nó trở về khi nào nó muốn trở về.

– Mẹ ơi!

– Mẹ muốn con hãy bắt tay vào công việc đi.

– Mẹ ơi, theo Mẹ thì khiêu vũ và diễn kịch có phải là tội lỗi khiến bị sẩy thai không?

Mẹ ngừng công việc và chống tay vào hông: “Bây giờ con lại ăn nói gì thế? Con có đóng kịch đâu?

– Thế này, có một số người đóng kịch, và một người con gái đã sẩy thai, tựa như một phán xét của Chúa.

Mẹ chằm chằm nhìn cô:

– Ai nói với con như thế?

– Một bà vừa qua đây. Và cái ông mặc đồ trắng, ông ấy cũng ghé qua và ông ấy nói nguyên do không phải như thế.

Mẹ chau mày. Bà nói:

– Rosasharn, con đừng tự dày vò nữa. Con chỉ làm thế để mà khóc thôi. Mẹ không hiểu con có chuyện gì. Gia đình ta không có ai lại như vậy. Chúng ta bình tĩnh chịu đựng những gì xẩy ra, không khóc lóc kêu than. Mẹ cam đoan chính thằng Connie đã nhồi nhét vào đầu óc con những ý nghĩ đó vì nó cứ nghĩ đến những chuyện quá to tát.

– Và … – Bà nói một cách nghiêm khắc – Rosasharn ạ, con chỉ là một người trong trăm ngàn người khác. Con nên giữ đúng phận mình. Mẹ biết có những kẻ cứ phóng đại tội lỗi của mình lên đến nỗi tưởng rằng họ chỉ là cái vỏ đậu tầm thường dưới con mắt của Chúa.

– Nhưng, Mẹ…

– Thôi! Hãy im đi, và làm công việc đi. Con không quá lớn lao gì, mà cũng không quá tầm thường để khiến Chúa phải lo nghĩ. Và nếu con không chịu thôi day dứt mình như vậy thì mẹ đánh đòn bây giờ. Bà đang quét tro than trong bếp lò và quét gờ lò thì nom thấy ủy ban đang đi tới.

– Nhanh tay lên, – Mẹ nói – Các bà ấy đang tới kia rồi. Nào nhanh lên, sao cho mẹ có thể lấy làm hãnh diện được.

Bà không nhìn ra cửa nữa, nhưng bà biết ủy ban đang lại gần.

Không nghi ngờ gì nữa, đúng là ủy ban phụ nữ: Bà ăn mặc những quần áo sang trọng nhất của họ, một bà gầy gò, tóc vàng hoe buông dài xuống, đeo kính gọng thép; một bà béo mập tóc xoắn lốm đốm hoa râm với một cái miệng chúm chím; và một bà hộ pháp, chân to, mông to, ngực đồ sộ, vai u thịt bắp như con ngựa kéo xe, có vẻ quyền uy và tự tin, ủy ban tiến lại với vẻ đàng hoàng trịnh trọng.

Mẹ cố ý quay lưng về họ khi họ tới. Họ dừng lại và đứng thành hàng. Bà người to béo nói giọng như lệnh vỡ:

– Chào bà Joad, bà có được mạnh khoẻ không?

Mẹ xoay phắt lại như thể bị bất ngờ.

– Ấy chết… Thưa vâng, vâng. Sao các bà biết tên tôi?

– Chúng tôi trong ủy ban Phụ nữ, – bà to béo nói – ủy ban Phụ nữ trạm số Bốn. Tên bà có ghi ở văn phòng.

Mẹ bối rối:

– Chúng tôi chưa được chỉnh tề, tươm tất lắm. Tôi

lấy làm hãnh diện được các bà đến thăm. Xin các bà ngồi chơi để tôi pha cà phê.

Cái bà to béo nói:

– Bà Jessie, hãy giới thiệu tên chúng ta đi. Giới thiệu tên chúng ta với bà Joad. Chủ tịch Jessie!

Jessie nói trịnh trọng:

– Xin giới thiệu với bà Joad. Đây là bà Annie Littlefield và bà Ella Summers, còn tôi là Jessie Bullitt!

– Tôi lấy làm hãnh diện được quen biết các bà. – Mẹ nói – Các bà không ngồi chút ư? Mà cũng chưa có gì để ngồi – Mẹ nói thêm – nhưng tôi xin pha cà phê để các bà dùng.

– Ôi không, – Annie nói – Xin bà cứ .tự nhiên cho. Chúng tôi chỉ tới đây tham gia và xem nhà ta thế nào, cố gắng sao cho bà cảm thấy như ở nhà.

Jessie Bullitt nói có vẻ nghiêm khắc:

– Annie, xin bà nhớ chờ cho, tôi mới là chủ tịch.

– Ồ! Nhớ chứ, nhớ chứ, nhưng tuần sau tôi đã là chủ tịch.

– Đúng, vậy thì bà hãy đợi tuần sau. Bà Joad ạ, mỗi tuần chúng tôi thay đổi Chủ tịch một lần. – Bà ta giải thích cho Mẹ hay.

– Các bà không dùng với tôi một ly cà phê sao?

– Không, xin cám ơn, – Jessie đảm đương lấy trách nhiệm chủ tịch – chúng tôi trước hết chỉ cho bà biết, thế nào là Trạm Vệ Sinh. Và sau đó nếu bà muốn chúng tôi xin đăng tên bà vào Câu lạc bộ Phụ nữ và giao cho bà một nhiệm vụ. Dĩ nhiên bà không bó buộc phải gia nhập.

– Gia nhập hội… có tốn tiền lắm không?

– Không tốn kém gì hết, chỉ phải cáng đáng công việc thôi. Và bà đã được người ta biết đến, bà có thể được bầu vào ủy ban này…

Annie cắt ngang.

– Bà Jessie đây thuộc ủy ban Toàn trại. Đó là một nhân vật cao cấp của uỷ ban.

Jessie mỉm cười kiêu hãnh.

– Tôi được toàn thể nhất trí bầu – bà ta nói – này bà Joad, tôi nghĩ đã đến lúc chúng tôi phải nói với bà về hoạt động của trại.

– Đây là Rosasharn, con gái tôi.

– Chào cô, – cả ba đồng thanh nói.

– Tôi hỏi là cô cũng gia nhập nữa.

Bà Jessie to lớn cất tiếng nói, dáng điệu của bà ta đầy vẻ trịnh trọng và ân cần, lời bà nói đã được luyện trước.

– Bà Joad, bà đừng nghĩ là chúng tôi xen vào công việc của bà. Trại đây chúng tôi có nhiều cơ sở phục vụ mọi người. Chúng tôi có nội quy do chúng tôi đặt ra. Bây giờ chúng ta đi thăm Trạm Vệ Sinh. Ở đây ai cũng có quyền sử dụng, ai nấy cũng phải trông nom cho thật sạch sẽ.

Họ đi tới khu nhà bị dỡ mái ở đó có một dãy hai mươi cái bồn giặt. Tám bồn đang có người giặt, các phụ nữ cúi khom khom xuống, vò quần áo, quần áo vắt rồi được bỏ chồng đống lên nền xi măng sạch.

Jessie nói:

– Bây giờ thì bà có thể giặt giũ ở đây bất cứ lúc nào

bà muốn. Điều duy nhất là phải giữ gìn cho sạch sẽ.

Những phụ nữ đang giặt ngẩng lên nhìn họ chăm chú, Jessie nói to:

– Đây là bà Joad và cô Rosasharn. Họ tới ở đây.

Họ đồng thanh chào Mẹ. Mẹ khẽ cúi chào với vẻ mặt buồn buồn và nói:

– Rất hân hạnh được gặp các bà.

Jessie dẫn cả toán vào thăm khu vệ sinh và phòng tắm.

– Tôi đã tới đây, lại còn tắm nữa – Mẹ nói.

– Đây là phòng vệ sinh và phòng tắm – Jessie nói – Qui chế đều như nhau, là phải giữ gìn sạch sẽ. Mỗi tuần lễ, có một ủy ban mới phụ trách quét dọn mỗi ngày một lần. Có thể bà cũng trong uỷ ban đó. Bà phải mang xà phòng của mình đến.

– Tôi cần phải đi kiếm xà phòng. – Mẹ nói – Hiện nay chúng tôi hết sạch.

Giọng của bà Jessie trở nên trịnh trọng:

– Bà đã vào nhà vệ sinh này chưa? – Bà ta nói và chỉ các phòng vệ sinh.

– Thưa bà, sáng nay tôi đã vào.

Jessie thở dài ‘Thế thì tốt”

Ella Summers nói: “Đúng tuần lễ trước…”

Jessie cắt ngang một cách nghiêm khắc:

– Bà Summers, Bà để tôi kể lại

Ella nhượng bộ:

– Ờ đúng thế.

Jessie nói:

– Tuần trước, lúc bà là Chủ tịch, bà đã nói tất tật rồi. Bà làm ơn, tuần này bà cố gắng đừng nói nữa.

– Thôi, bà hãy kể người đàn bà kia đã làm gì.

– Thế này, – Jessie nói – công việc của ủy ban không phải là tiết lộ chuyện khác, vậy nên tôi không nói rõ tên ai cả. Cái bà ấy tới đây tuần trước, ủy ban chưa kịp dặn dò gì thì bà ấy đã vào đây, bà ấy dúng luôn cái quần của chồng bà ta vào hố vệ sinh và nói: “Chậu gì mà thấp quá, lại bé nữa. Cúi gãy cả lưng. Sao họ không để cao nó lên?”.

Ủy ban mỉm cười với những nụ cười bề trên.

Ella xen vào:

– Bà ta nói: “Không thể bỏ tất thảy quần áo vào cùng một lúc được …”

Nhưng bà ta lúng túng trước cái lườm nghiêm khắc của Jessie. Jessie nói:

– Chúng tôi khó xử nhất là vấn đề giấy vệ sinh. Nội quy đã định là không ai được lấy một tờ mang ra ngoài – bà tặc lưỡi – Toàn trại phải đóng tiền để mua giấy vệ sinh – bà nín lặng một lát và thú nhận – Trại số 4 dùng nhiều hơn bất cứ trại nào khác, một số người nào đó đánh cắp giấy. Chuyện được đưa ra ở cuộc họp toàn thể phụ nữ. “Phía Nhà vệ sinh Phụ nữ. Trạm Bốn dùng quá nhiều giấy”. Nói thế ngay giữa cuộc họp!

Mẹ nín thở theo dõi câu chuyện:

– Ăn cắp… để làm gì?

– Thế này, – Jessie nói – trước đó chúng tôi đã làm phiền rồi. Lần vừa rồi, có ba đứa con gái nhỏ ngồi trong lấy giấy cắt hình người. Chúng tôi bắt được quả tang. Nhưng lần này thì không biết ai, vì vừa để cuộn

giấy vào là mất biến ngay. Giữa cuộc họp, vấn đề được đưa ra bàn. Một bà già đề nghị buộc cái chuông nhỏ để khi nào cuộn giấy quay thì chuông reo. Làm như vậy có thể tính được mỗi người đã dùng bao nhiêu. – Bà ta lắc đầu – Tôi chả biết ra làm sao nữa và khó chịu cả tuần. Chắc phải có người nào đó ăn cắp giấy vệ sinh ở Trại Bốn.

Từ ô cửa có tiếng nói rên rỉ:

– Bà Bullitt.

Tất cả uỷ ban quay lại.

– Bà Jessie, tôi đã nghe bà nói… Một người đàn bà mặt đỏ gay, mồ hôi đầm đìa đứng chờ ở cửa, bà ta nói:

– Bà Jessie, ở cuộc họp tôi không thể đứng lên nói. Đúng là không thể được. Tôi sợ người ta cười hay thế nào đó.

Bà nói chuyện gì vậy? Jessie tiến lại.

– Thế này, tất cả nhà tôi… có thể… cả nhà tôi. Nhưng bà Jessie ạ, không phải chúng tôi ăn cắp đâu.

Jessie tiến về phía người đàn bà, và mồ hôi toát thành từng giọt trên trán kẻ thú tội đang bối rối.

– Chúng tôi không thể nào làm khác được. – Bà ta nói.

– Nào, bà đang định nói gì thì nói nốt đi, – Jessie nói – trạm đây mang tiếng xấu vì chuyện giấy vệ sinh đấy.

– Suốt cả tuần, bà Jessie ạ, chúng tôi không thể nào đừng được. Bà cũng biết tôi có năm cháu gái.

– Thế chúng lấy giấy để làm gì?

– Chỉ dùng giấy để đi ngoài thôi. Thật đấy, chỉ để đi ngoài thôi.

– Chúng nó không có quyền lấy nhiều – bốn năm tờ là đủ. Chuyện gì mà chúng lại làm thế?

Kẻ thú tội nói nhỏ mà như kêu be be:

– Đi tướt. Cả năm đứa bị. Chúng tôi hết tiền. Chúng phải ăn những quả nho xanh. Cả năm đứa đều đi tướt kinh khủng. Cứ cách mười phút lại đi. Chỉ tại thế chứ chúng có ăn cắp đâu.

Jessie thở dài.

– Đáng lẽ bà phải nói ra. Bà phải nói ra. Bây giờ, vì bà không nói mà Trại Bốn mang tiếng xấu. Ai cũng có thể mắc bệnh đi tướt.

Tiếng nói của bà kia thêm rên rỉ.

– Tôi không thể ngăn chúng đừng ăn nho xanh. Và thế là bệnh mỗi lúc một nặng thêm.

Ella Summers:

– Phải trợ cấp. Bà ta phải được trợ cấp.

– Ella Summers, – Jessie nói. – Tôi nói với bà một lần cuối, bà không phải là Chủ tịch. Nói thế xong bà ta quay lại phía người đàn bà mặt đỏ au.

– Bà Joyce, bà không có tiền ư?

Bà Joyce xấu hổ cúi đầu nhìn xuống.

– Không, nhưng một lúc nào đó chúng tôi có thể có làm việc.

– Bây giờ bà hãy ngẩng đầu lên, – Jessie nói – Chuyện đó chẳng phải tội phạm. Bà hãy đến hiệu tạp hoá và mua ít thức thực phẩm phụ. Trại có thể mua chịu ở đây hai mươi đôla. Bà mua lấy năm đôla chứ. Rồi bà sẽ trả sau cho ủy ban Trung ương khi tìm được việc làm. Joyce này, bà đã biết điều đó – bà ta nói một

cách nghiêm khắc – Vậy làm sao bà lại để cho các con bà phải đói?

– Chúng tôi chưa bao giờ xin của bố thí – Bà Joyce đáp.

– Đây không phải là của bố thí, mà bà cũng đã biết thế rồi, – Jessie cáu – Đã nói đi nói lại nhiều lần rồi. Trong trại này không có chuyện bố thí. Chúng tôi không muốn làm thế. Bây giờ bà hãy đi ngay và mua một ít thực phẩm, rồi bà mang hoá đơn về cho tôi.

Bà Joyce rụt rè nói:

– Nhưng nếu nhỡ ra thì chúng tôi không trả được thì sao? Vì đã lâu chúng tôi không có việc làm.

– Khi nào có, bà sẽ trả. Mà nếu không trả được thì đó không phải là việc của chúng tôi, mà cũng không phải việc của bà. Có một người trước kia cũng thế bỏ đi và hai tháng sau gửi tiền về trả. Bà không có quyền để con cái bà đói ở trong trại này.

– Vâng, thưa bà – Bà Joyce nói vẻ sợ sệt.

– Bà hãy mua cho tụi nó một ít phomat, ăn phomat sẽ khỏi đi tướt.

– Thưa bà vâng. – Nói xong bà Joyce chạy vụt ra cửa.

Jessie có vẻ cáu giận quay về phía ủy ban.

– Bà ta không có quyền được ương ngạnh như thế. Không có quyền gì hết.

Annie Littlefield nói:

– Bà ta ở đây chưa lâu. Có thể bà ta không biết. Có thể bà ta đã có lần nhận của bố thí. Bà Jessie, bà đừng có tìm cách bắt tôi ngậm miệng. Tôi có quyền nói – bà

ta quay về phía bà Mẹ – Nếu một lúc nào đó, một người xin bố thí nó sẽ gây nên một vết bỏng không thể lành được. Đây không phải của bố thí, nhưng nếu đã nhận nó, người ta không thể quên được. Tôi dám chắc rằng bà Jessie chưa bao giờ phải chịu qua cảnh đó.

– Quả là chưa, Jessie nói.

– Ấy thế mà tôi đã trải qua rồi. – Annie nói – Mùa đông năm ngoái, cả nhà tôi, bố nó, và bọn trẻ con suýt chết đói. Trời mưa tầm tã… Có người mách với chúng tôi đi tìm tổ chức cứu tế – Mắt bà trở nên dữ tợn – Lúc đó chúng tôi đói, nên họ bắt chúng tôi phải luồn cúi để kiếm miếng ăn. Họ lấy mất nhân phẩm cua chúng tôi. Tôi căm thù họ. Có thể bà Joyce cũng đã xin bố thí. Có thể bà ta không biết đây không phải chuyện bố thí. Ở trại này không có chuyện bố thí. Bà Joad ạ, ở trại này, chúng tôi không cho phép bất cứ ai tự đề cao mình bằng cách cho bố thí, không cho phép người nào cho người khác bất cứ gì. Họ có thể tặng cho trại, rồi trại đem phân phối. Chúng tôi không muốn có chuyện bố thí. – Tiếng bà dữ tợn, gay gắt – Tôi căm ghét. Tôi chưa thấy ông ấy nhà tôi chịu khuất phục bao giờ, ấy thế mà bọn người ở Sở Cứu tế kia, đã khiến nhà tôi phải chịu quị lạy.

Jessie gật đầu, nói nhẹ nhàng:

– Tôi hiểu, tôi hiểu. Bây giờ chúng ta hãy đưa bà Joad đi quanh đây cho biết tình hình.

Mẹ nói:

– Được thế thì hay quá.

– Chúng ta lại phòng may quần áo, – Annie gợi ý – ở đây có hai máy để vá may quần áo. Chắc bà sẽ thích làm việc ở chỗ đó.

Khi uỷ ban tạt vào thăm mẹ chúng. Ruthie và Winfield kín đáo biến đi rất nhanh.

– Sao chúng mình không đi theo nghe ngóng họ nói chuyện? – Winfield hỏi.

Ruthie túm chặt lấy cánh tay thằng em, nói:

– Không. Tại mấy con điếm đó mà tao với mày phải tắm rửa. Tao không đi với bọn chúng nữa.

Winfield nói:

– Mày đã mách tao làm hỏng nhà vệ sinh. Tao mách lại, mày gọi các bà ấy là con nhà điếm.

Khuôn mặt Ruthie thoáng lộ chút bóng sợ hãi:

– Đừng mách, – nó nói – tao có mách mày đâu mà. Mắt tao thấy rõ là mày đâu có làm hỏng.

– Chỉ khéo nói dối.

Ruthie nói: “Ta đi xem một vòng”.

Chúng đi dọc theo dãy lều, liếc nhìn vào mỗi căn lều, nom bộ ngớ ngẩn, ngượng ngùng. Ở đầu trại, trên một vạt đất bằng phẳng có một sân chơi cầu. Độ sáu đứa trẻ con đang chơi một cách thật sự. Một người đàn bà già ngồi trên chiếc ghế dài trước lều và trông coi chúng chơi. Ruthie và Winfield nhảy xông vào sân.

– Chúng tao chơi với! – Ruthie kêu to.

Bọn trẻ con ngẩng nhìn lên. Một đứa con gái tóc bím nói:

– Ấy, không được. Chờ ván sau.

Ruthie tiến vào sâu với vẻ hăm doạ:

– Tao cứ chơi.

Con bé tóc bím giữ chặt lấy vồ, Ruthie nhảy xổ vào

tát con bé, đẩy nó ra, giằng lấy vồ và nói với giọng đắc thắng:

– Tao đã bảo tao cứ chơi mà.

Người đàn bà đứng tuổi đứng lên và đi vào sân. Ruthie quắc mắt dữ tợn, tay vẫn nắm chặt cái vồ. Bà kia nói:

– Cho nó chơi với. Cũng như tuần trước các cháu đã nhường cho Ralph chơi.

Bọn trẻ con đặt vồ xuống đất và lặng lẽ đứng túm tụm lại phía ngoài sân, và cứ thế đứng xa nhìn vào với đôi mắt hờ hững. Ruthie nhìn chúng lảng xa, rồi lấy vồ đập một quả cầu, chạy đuổi theo bảo Winfield.

– Lại đây Winfield. Cầm lấy một cái vồ, chơi đi.

Nhưng rồi nó ngạc nhiên đứng nhìn. Winfield đã đứng nhập vào lũ trẻ và cũng đứng nhìn nó một cách thờ ơ. Như để khiêu khích, nó lại đập quả cầu, làm tung bụi lên. Nó làm như ta đây đang chơi thoả thuê. Còn bọn trẻ vẫn đứng nhìn Ruthie xếp hai quả cầu trước mặt rồi đập cả hai cùng một lúc, nó xoay lưng lại bọn trẻ con, rồi quay lại phía chúng. Đột nhiên nó bước lại chỗ bọn trẻ con với chiếc vồ trong tay và nói:

– Chúng mày lại chơi đi.

Lúc nó tới gần, bọn trẻ lặng lẽ lùi lại. Nó nhìn chúng chằm chằm rồi vất vồ, vừa chạy về nhà vừa khóc. Bọn trẻ con lại vào sân chơi.

Con bé tóc bím nói với Winfield:

– Mày có thể chơi ván sau.

Người đàn bà trông coi chúng bèn răn bảo:

– Khi nó đã quay lại muốn tỏ ra biết điều thì để nó

chơi với chứ? Mày cũng chẳng ra làm sao, Amy ạ.

Trò chơi lại tiếp tục, trong khi trong lều nhà Joad, Ruthie khóc nức nở.

Chiếc xe tải chạy dọc theo những con đường đẹp đẽ, hai bên có những vườn trồng cây với những quả đào đang bắt đầu ửng chín, những vườn nho với những chùm quả xanh nhạt, xe đi qua dưới những hàng cây bồ đào cành toả ra quá nửa phía trên đường đi, mỗi cổng ra vào, Al cho xe chạy chậm lại, và ở mỗi cổng đều có treo biển: "Không thuê nhân công. Cấm vào".

Al nói:

– Bố này, khi những trái cây này chín thì bắt buộc phải thuê người làm. Thế mà, cái xứ này buồn cười thật! Chưa có ai đến xin việc nhưng họ đã nói là không mướn người– Al cho xe chạy từ từ.

– Ta có thể vào chỗ nào đó hỏi xem họ có biết ở đâu thuê người làm không. Có thể cứ hỏi xem.

Một người đàn ông mặc quần yếm xanh, sơ mi xanh đi ở rìa đường. Al cho xe đi cạnh ông ta và hỏi:

– Này ông, ông có biết ở đâu có việc làm không?

Người đàn ông dừng lại nhe răng cười, để lộ cái lợi khuyết hai răng cửa.

– Không . – Y nói – Ông có tìm được không? Tôi đi cả tuần này rồi mà. Không tìm đâu ra việc làm.

– Ở trong trại chính phủ ư? – Al hỏi

– Phải!

– Vậy ông lên đây. Ngồi phía sau xe, chúng ta cùng đi xem sao. Người đàn ông leo qua thành xe và ngồi phịch xuống.

Bố nói:

– Tao không linh cảm là sẽ tìm được việc làm. Tuy vậy, vẫn phải cứ tìm. Nhưng, khổ một nỗi là không biết tìm ở chỗ nào.

– Lẽ ra phải hỏi người trong trại, – Al nói – Chú John, chú thấy trong người thế nào?

– Tao thấy đau, đau khắp người, mà thế cũng đáng đời cho tao. Đáng lẽ tao phải bỏ đi để tránh mang lại sự trừng phạt cho chính người nhà của tao.

Bố đặt tay lên đầu gối chú John:

– Chú nghe tôi . – Bố nói – Đừng bỏ đi đâu hết. Dọc đường chúng ta đã bỏ mất bao nhiêu người máu mủ – ông Nội, bà Nội thì chết, Noah và Connie bỏ đi… còn ông mục sư thì vào nhà pha.

– Tôi vẫn có linh cảm chúng ta sẽ còn gặp lại ông mục sư đó – chú John nói.

Al lấy ngón tay mân mê núm cần số. Hắn nói:

– Chú có khoẻ gì đâu mà linh với cảm! Cháu ngấy lắm rồi. Ta hãy trở về bàn bạc và tìm xem chỗ nào có việc gì đó mà làm. Chứ làm thế này có khác gì săn chồn hôi dưới nước – Hắn dừng xe, cúi ra ngoài cửa xe, hét với về phía sau – Này! Nghe đây! Cánh ta quay về trại, cố hỏi xem ở đâu có công việc gì không. Cứ đốt phí xăng như thế này thì vô lý quá.

Người đàn ông ló đầu ra ngoài thành xe và nói:

– Rất hợp ý tôi. Chân cẳng tôi muốn long khớp ra rồi, thậm chí cũng chưa được miếng gì mà gặm.

Al quay vòng xe giữa đường và lái xe trở lại.

Bố nói:

– Mẹ mày chắc bực mình lắm đấy, nhất là khi thằng Tom kiếm được việc dễ dàng đến thế.

– Có thể anh ấy chưa có việc đâu, – Al nói – Chẳng qua anh ấy cũng đang đi tìm như chúng ta. Con muốn sao được làm trong một xưởng sửa chữa xe. Học chóng thôi mà con lại thích việc đó.

Bố làu bàu và họ lặng lẽ chạy xe trở về trại.

Khi uỷ ban đã đi rồi, Mẹ ngồi xuống một cái thùng đối diện với lều nhà Joad, và như chưa hết bàng hoàng, bà nhìn Rosasharn:

– Này, con, đã bao nhiêu năm chưa bao giờ mẹ thấy phấn khởi thế này. Các bà ấy tử tế quá nhỉ?

– Con sẽ làm việc ở nhà trẻ, – cô nói – Các bà ấy bảo con thế mà. Con có thể biết ra cách săn sóc trẻ sơ sinh như thế nào, làm dần rồi sẽ biết.

Mẹ gật đầu với vẻ kinh ngạc.

– Đàn ông ai cũng có công ăn việc làm thì đẹp biết mấy nhỉ? – Bà nói – Có việc làm, và kiếm được ít tiền, thế là đẹp, phải không? – Đôi mắt bà thơ thẩn nhìn ra khoảng không – Đàn ông đi làm, còn chúng ta thì làm ở đây, với tất cả mọi người tử tế khác. Việc đầu tiên của mẹ trước mắt, là sắm một cái bếp lò nho nhỏ, nhưng thật xinh. Chẳng đắt là bao. Rồi sau đó, phải có một cái lều, khá rộng, và cũng có thể mua những đệm lò xo cũ trải giường. Rồi chúng ta chỉ dùng cái lều này để làm nơi ngồi ăn. Rồi tối thứ bẩy, chúng ta xem khiêu vũ. Và nếu muốn, có thể mời khách tới chơi. Mẹ ước ao có được vài người bạn, mời họ đến nhà cho vui. Có thể là đàn ông họ có quen biết ai đó để mời chăng.

Rosasharn nhìn ra đường và nói:

– Kia! Cái bà đã nói là con sẽ mất đứa bé…

– Thôi, đừng nhắc đến nữa, – Mẹ mắng át.

– Con thấy bà ta, – cô nói khẽ – Bà ta đang sắp vào đây. Đúng rồi, bà ta đang tới. Mẹ ơi, đừng để bà ta..

.Mẹ quay lại và nhìn con người đang tới gần.

– Chào bà, – người đàn bà nói – Tôi là Sandry. Lisabeth Sandry. Sáng nay tôi đã gặp cháu.

– Chào bà, – Mẹ nói.

– Bà có được sung sướng trong lòng Chúa không?

– Cũng khá.

– Bà đã được xoá sạch tội chưa?

– Đã sạch tội, – khuôn mặt mẹ có vẻ căng và chờ đợi.

– Ô, thế thì tôi lấy làm mừng. Ở đây, bọn người tội lỗi bướng bỉnh đáng sợ. Bà đã tới một nơi ghê gớm, khắp mọi chỗ đều đầy rẫy tội lỗi. Toàn những bọn tội lỗi, tội lỗi đến mức một con chiên lành của Chúa khó có thể chịu đựng nổi. Xung quanh chúng ta đâu đâu cũng có bọn người tội lỗi.

Mẹ hơi đỏ mặt, mím chặt môi.

– Tôi thấy hình như ở đây toàn người tử tế, – bà nói cộc lốc.

Mụ Sandry nhìn trừng trừng:

– Tử tế! – Mụ kêu lên – Những bọn khiêu vũ nhẩy nhót ôm ghì lấy nhau mà bà bảo là tử tế, hở? Tôi nói cho bà biết, ở cái trại này thì bà có cơ bị mất linh hồn. Tối qua, tôi đã tới dự cuộc họp ở Weedpatch. Bà có biết ông mục sư nói gì không? Ông ấy nói: “Tội lỗi đang ở trong trại này. Người nghèo đang cố làm như người giàu. Đáng lẽ phải quì gối khóc than rên rỉ thì họ lại

khiêu vũ, ôm riết lấy nhau". Ông ta nói thế đấy – "Mọi kẻ ở tại đây đều là những kẻ tội lỗi đen tối". Tôi nói cho bà biết, ai mà được nghe ông ta nói thì thấy khoan khoái dễ chịu lắm. Và chúng tôi biết, chúng tôi cứ bình yên vô sự, vì chúng tôi không khiêu vũ.

Mặt Mẹ đỏ bừng bừng, Bà từ từ đứng lên nhìn thẳng vào mụ Sandry.

– Bà đi đi, – Mẹ nói. – Bà đi ra ngay, đừng để tôi mắc tội lỗi khi phải nói thẳng là bà nên đi tới đâu. Đi đi mà than khóc rên rỉ.

Mụ Sandry há hốc miệng. Mụ lùi lại mấy bước và rồi lại trở nên hung dữ.

– Thiết nghĩ bà là người công giáo đấy chứ?

– Chúng tôi vẫn là công giáo.

– Không, đâu phải thế. Các người là những kẻ tội lỗi sẽ bị thiêu trong hoả ngục. Tất thảy các người. Rồi tôi cũng sẽ nêu việc này ra cuộc họp nữa. Tôi thấy linh hồn đen tối của bà cháy trong hoả ngục. Tôi cũng thấy cái đứa hài nhi vô tội trong bụng con gái bà, bị cháy thiêu.

Rosasharn bật ra một tiếng khóc rên rỉ. Mẹ cúi xuống nhặt một que củi.

– Cút đi. – Mẹ nói lạnh lùng – Đừng có bao giờ quay lại đây. Cái ngữ nhà bà, tôi cũng đã thấy trước rồi. Phải làm khổ được những người khác, các người mới thấy thích thú sao?

Mẹ vừa nói vừa tiến lại mụ Sandry.

Mụ Sandry bỏ đi nhưng thoáng chốc, đột nhiên mụ ngả đầu ra sau và gào rú. Mắt trợn trạo, tay mụ buông xõng xuống cánh sườn, và một tia nước bọt đặc quánh sùi ra ở góc mép. Mụ vẫn gào, vẫn rú, tiếng gào rú dài

của những con vật. Từ các lều, đàn ông và đàn bà chạy ra, tới đứng gần mụ, lặng lẽ và sợ hãi. Dần dần, hai đầu gối của mụ khuỵu xuống và tiếng rú chìm xuống thành tiếng rên rỉ rùng rợn. Mụ ngã nghiêng, chân tay co giật. Đôi mắt trắng dã, mở to.

Một người đàn ông khẽ nói:

– Quỉ ám. Mụ ta bị quỷ ám.

Mẹ đứng cúi mắt nhìn cái hình thù đang co giật. Ông quản trị bé người tình cờ đi qua. Ông nhìn xuống người phụ nữ:

– Trầm trọng lắm, – ông nói – Có ai giúp đưa giùm mụ ta về lều được không?

Đám người lặng lẽ lảng ra và bỏ đi.

Hai người đàn ông cúi xuống nâng người đàn bà dậy, một người xốc nách, một người nắm lấy chân. Họ khiêng mụ về lều và đám người từ từ đi theo sau. Rosasharn chui vào dưới tấm bạt, nằm xuống và vùi đầu trong chăn.

Ông quản trị nhìn thấy bà mẹ rồi nhìn chiếc gậy bà cầm ở tay. Ông mỉm cười đầy vẻ mệt mỏi.

– Bà đã đánh mụ hay sao?

Mẹ vẫn nhìn theo đám người đang ra về, Bà chậm rãi lắc đầu.

– Không… nhưng suýt nữa tôi đánh. Ngày hôm nay đã hai lần mụ ta tới giày vò con gái tôi.

– Cố nhịn đừng đánh mụ. Mụ ta không được khoẻ. Chỉ là mụ không được khoẻ thôi. – Và ông khẽ nói thêm – Tôi muốn mụ và cả gia đình mụ đi nơi khác. Riêng một mình mụ đã gây bao nhiêu phiền phức, cả trại có hợp sức lại mà làm thế cũng không bằng.

Mẹ tự chủ được.

– Nếu mụ trở lại, có thể tôi lại đánh mụ. Tôi không dám nói chắc. Tôi không thể cho mụ ta cứ làm khổ con gái tôi.

– Bà đừng lo chuyện đó, bà Joad ạ. Bà không trông thấy mụ ta nữa đâu. Mụ ta nghĩ bà là một người tội lỗi rồi.

– Vâng, tôi cũng là người có tội. – Mẹ nói.

– Hẳn như thế. Ai cũng có tội nhưng không phải như mụ ta hiểu. Mụ ta không được khoẻ, bà Joad.

Mẹ nhìn ông với vẻ viết ơn, và bà gọi to:

– Con nghe rồi chứ, Rosasharn? Mụ ta không khỏe. Mụ loạn trí.

Nhưng cô gái không nhấc đầu lên. Mẹ nói:

– Tôi xin báo trước với ông đây, thưa ông. Nếu mụ ta còn quay lại, thì chẳng biết thế nào. Có lẽ tôi sẽ đánh mụ ta.

Ông ta cười gượng.

– Tôi biết tâm trạng của bà. Nhưng cố đừng đánh mụ ta. Tôi chỉ mong có thế, cố đừng đánh mụ.

Rồi ông thong thả đi về phía lều mà mụ Sandry được khiêng tới. Mẹ đi vào lều và ngồi xuống bên cạnh Rosasharn.

– Ngẩng mặt lên xem nào! – Bà nói. Nhưng cô gái vẫn không cựa quậy. Mẹ nhẹ nhàng lật cái chăn đang trùm mặt con gái. Bà nói:

– Cái mụ kia bị mất trí. Con chớ có tin bất cứ những gì mụ nói, xằng bậy cả.

Rosasharn thì thầm với vẻ kinh hãi.

– Lúc mụ ta nói đến chuyện thiêu cháy, con cảm thấy như bị thiêu cháy thật.

– Mụ ta nói vớ vẩn – Mẹ nói.

– Con mệt quá chừng, – cô gái thì thầm – Con mệt vì chuyện đã xảy ra. Con buồn ngủ, muốn ngủ lắm.

– Thế thì con ngủ đi. Ở đây tốt lắm. Con có thể ngủ yên.

– Nhưng mụ ấy có thể trở lại.

– Mụ không thể trở lại đâu. – Mẹ nói. – Mẹ sẽ ngồi ngay ở ngoài, không thể cho mụ trở lại. Giờ thì nghỉ đi vì con sắp có việc làm chỗ nhà nuôi trẻ, chỉ nay mai thôi.

Mẹ cố gắng đứng lên và đến chỗ ở ngay cửa ra vào. Bà ngồi trên một cái thùng. Khuỷu tay tì lên đầu gối. Bàn tay ngửa ra đỡ lấy cằm. Bà trông thấy sự hoạt động của trại, nghe tiếng ồn ào của trẻ con, tiếng búa nện trên vòng sắt, nhưng mắt vẫn nhìn ra phía trước.

Bố đi bộ trở về, thấy Mẹ ở đây, bèn đến ngồi gần mẹ. Mẹ thong thả nhìn ông với vẻ dò xét.

– Có tìm được việc làm không?

– Không, – Bố nói với vẻ ngượng ngập – Chúng tôi đang cố tìm.

– Thằng Al và chú John, với chiếc xe đâu rồi?

– Al đang mượn mấy thứ dụng cụ để sửa xe. Người ta bắt phải sửa tại chỗ, không cho đem về.

Mẹ buồn rầu nói:

– Chỗ này tốt quá. Chúng ta có thể sống sung sướng ở đây một thời gian.

– Nếu như kiếm được công ăn việc làm.

– Phải! Nếu như kiếm được công ăn việc làm.

Bố thấy Mẹ rầu rầu, nên chăm chú nhìn mẹ:

– Vậy mẹ nó còn buồn bã về cái nỗi gì nữa? Nếu ở đây tốt thế này thì cớ sao mẹ nó lại buồn?

Bà nhìn ông chầm chầm rồi thong thả nhắm mắt lại:

– Buồn cười quá đi mất! Suốt bao ngày đi đường lặn lội ngồi chết vào nhau trên xe, tôi không hề nghĩ ngợi gì. Và bây giờ, những người ở đây tử tế với mình quá, ân cần với mình hết sức… thì điều đầu tiên tôi nghĩ đến, bố nó có biết là gì không? Tôi ôn lại trong tâm trí tất cả những nỗi buồn đau, nhớ lại cái đêm ông Nội mất, nhớ lại lúc chôn cất ông. Nhưng từ đó đường trường bao nhiêu gian nan vất vả, ngồi trên xe, bị lắc lư, bị lèn chặt, nên tôi chưa thấy thấm thía. Nhưng khi đã vượt qua và tới được đây, thì sự tình lại đau xót hơn. Bà Nội mất… Noah bỏ đi như thế… bỏ đi cắm cúi dọc bờ sông như thế… Đó là những mẩu chuyện lẻ tẻ rời rạc trong những chuỗi dài các chuyện cay đắng, và giờ đây chúng kéo nhau trở về trong tâm trí tôi, hàng đàn hàng lũ. Bà Nội sống nghèo khổ và bị chôn vùi như người nghèo khổ. Nghĩ đến mà đứt ruột, như dao cắt. Rồi thằng Noah lùi lũi bỏ đi, dọc bờ sông. Nó không biết đó là đâu, không biết được, mà chúng ta cũng không biết. Chúng ta sẽ không bao giờ biết được nó sống hay chết. Không bao giờ biết được. Thằng Connie len lén trốn đi. Bao nhiêu ý nghĩ trước đây không đọng lâu trong đầu tôi thì bây giờ chúng lũ lượt kéo về. Ấy thế mà lẽ ra tôi nên bằng lòng với một nơi ở tốt như thế này mới phải.

Bố nhìn miệng Mẹ trong khi Mẹ nói. Mắt mẹ nhắm, mẹ nói tiếp:

– Tôi có thể nhớ lại những ngọn núi nó như thế nào, nhọn hoắt như những cái răng nhô ra bờ sông mà Noah đã đi qua. Tôi có thể nhớ lại những gốc rạ trên mặt đất đã phải đào lên cho Bà Nội nằm xuống. Tôi có thể hồi tưởng lại cái mặt thớt ở nhà với một cái lông dính trên đó, hằn ngang hằn dọc những vết chặt cắt, đen kịt máu gà máu vịt.

Tiếng của Bố cất lên rập theo giọng của Mẹ.

– Hôm nay tôi trông thấy những con vịt trời từng đàn dầy đông đặc bay rất cao thẳng về phương nam. Trông chúng đến là ngon mắt. Tôi cũng trông thấy những con sáo đậu trên bờ rào, – Mẹ mở mắt nhìn Bố, Bố nói tiếp – tôi trông thấy một cơn gió xoay, nom như một người đang quay tít qua cánh đồng… Về những con vịt trời bay, bay vút thẳng xuống phương nam.

Mẹ mỉm cười:

– Bố nó còn nhớ không? Có nhớ lúc ở nhà ta thường nói gì không? Nói “Mùa đông đến sớm” lúc thấy vịt trời bay. Bao giờ chúng ta cũng nói như vậy. Đúng mùa đúng tiết thì nó đến. Nhưng chúng ta vẫn nói: “Mùa đông đến sớm”. Tôi tự hỏi, nói thế là có ý nghĩa gì?

– Tôi thấy chim sáo đậu trên dây thép. Đậu sát vào nhau. Và đàn bồ câu. Không có gì im lìm như chim câu đậu trên hàng rào, cả những lúc hai con đậu bên nhau. Và cái cơn gió xoáy kia, như một con người to cao, vừa nhảy múa quay tròn ngang qua cánh đồng. Nom bao giờ cũng giống như bọn trẻ nhỏ, tuy to cao như người lớn.

– Mong sao tôi không nghĩ đến nhà cửa . – Mẹ nói – Chúng ta không có nhà cửa nữa. Thà quên đi cho rồi. Và thằng Noah…

– Nó không hề có đầu óc minh mẫn, tôi muốn nói là

… do lỗi tại tôi.

– Tôi đã bảo rồi, bố nó không bao giờ được nói thế. Đáng lẽ, nó đã không thể sống được.

– Nhưng tôi cũng nên biết cho rõ thêm.

– Thôi, đừng nói nữa, – Mẹ nói – Thằng Noah lạ lùng lắm. Có lẽ nó thấy sung sướng được ở bên sông. Có lẽ thế mà hoá hay. Chúng ta không được phép buồn phiền. Đây là chỗ rất tốt, có thể bố nó sẽ sớm tìm được việc làm. Bố chỉ lên trời:

– Trông kìa… lại thêm những con vịt – một đàn lớn. Mà Mẹ nó này, "Mùa đông đến sớm"

Mẹ cười:

– Có những cái người ta làm chẳng biết tại sao.

– Chú John kia rồi. Lại đây ngồi, chú John.

Chú John đến với họ. Chú ngồi xổm trước Mẹ.

– Không ở đâu tìm được việc làm, – Chú nói – Chạy khắp nơi, rạc cả cẳng. Này, Al muốn gặp bác đấy, nó bảo phải mua một lốp mới, vỏ cũ đã lòi vải ra ngoài.

Bố đứng lên:

– Hy vọng là nó mua được rẻ. Chúng ta chẳng còn bao nhiêu tiền. Al đâu?

– Dưới kia, tới ngã tư gần đây thì rẽ sang phải. Nó nói không mua lốp mới thì sẽ bị nổ hư mất xăm .

Bố thong thả bước đi, mắt theo dõi đàn vịt trời bay thành hình chữ V khổng lồ.

Chú John nhặt một hòn cuội dưới đất, để nó rơi xuống rồi lại nhặt lên. Chú nói mà không nhìn bà mẹ.

– Không có việc gì cả.

– Tại ta chưa đi tìm khắp nơi.

– Chưa, nhưng đâu đâu cũng treo biển báo không cần người làm.

– Đã vậy thì chắc Tom đã có việc làm nên chưa thấy nó về.

Chú John nêu ý kiến:

– Có thể nó cũng bỏ đi như Connie, như Noah.

Mẹ bỗng nhìn xoáy vào chú, nhưng rồi đôi mắt bà dịu lại:

– Có những điều mà người ta biết, có những chuyện mà người ta nắm chắc. Tom đã có việc làm, tối nay nó sẽ về. Đúng như thế – bà nở nụ cười thoả mãn – Thằng ấy nó ngoan đến thế! Tốt, hiền thảo đến thế!

Các xe hơi và xe cam nhông bắt đầu đi vào trại và đàn ông tụ tập cạnh Trạm Vệ Sinh. Ai nấy đều cầm áo ngoài sơmi ở tay.

Mẹ như chợt tỉnh:

– Chú John, chú hãy đi tìm anh và đến hiệu tạp phẩm. Mua cho tôi đậu, đường, một miếng thịt rán và càrốt. Nói với anh mua cái gì ngon ngon, gì cũng được, nhưng phải ngon cho buổi tối nay. Tối nay, ta phải có cái gì đó ăn ngon.

Chương XXIII

Trong khi vội vàng tất tưởi đi săn lùng công ăn việc làm, quờ quạng tìm kiếm kế sinh nhai, đám dân di tản luôn luôn chực rình những cơ hội để có thể giải trí, xoay xở đào bới tìm sự giải trí, và do quá khát khao giải trí mà nhiều lúc họ bày đặt ra các cuộc vui đùa. Có khi sự tiêu khiển nằm ngay trong những buổi chuyện trò. Một câu chuyện buồn vui, một câu nói ngộ nghĩnh cũng nâng cao đời sống họ lên. Khiến họ tạm quên những nỗi nhọc nhằn cơ cực. Chính vì thế mà tại các trại rải rác dọc đường, trên các bờ mương, cạnh những con sông, dưới bóng những cây bạch phong, những người kể chuyện đã trở thành một nhân vật không thể thiếu được đến nỗi người ta tụ họp quanh những bếp lửa bập bùng để nghe những người có duyên ăn nói. Câu chuyện càng rôm rả, người ngồi càng lắng nghe, và nhờ sự tham gia của họ mà câu chuyện trở nên hào hứng vĩ đại.

Cái hồi tôi được tuyển mộ để đi đánh tên da đỏ Geronimo.

Thế ai nấy chăm chú lắng nghe trong khi đôi mắt vẫn êm ả phản chiếu ánh lửa đang sắp lụi tàn.

Cái bọn Da đen ấy mà, chúng tinh khôn đáo để, quỷ quyệt như rắn và nếu muốn thì chúng lặng im hơn rắn. Chúng có thể đi trên lá khô không gây tiếng xào xạc. Này, thỉnh thoảng các bạn thử xem làm như thế xem sao.

Thế là thính giả lắng nghe, nhớ lại tiếng lá khô sột soạt dưới bàn chân họ.

Đến kỳ mùa nọ tiếp mùa kia, và mây ùn lên phủ đầy trời. Thời tiết bất lợi quá. Các bạn có bao giờ nghe nói quân đội làm được việc gì ra hồn chưa? Mười lần ra quân thì lầm lỡ cả mười. Rồi lúc nào cũng cái lối điều ba binh đoàn đi giết một trăm kẻ thù dũng cảm, bao giờ cũng thế.

Và ai nấy đều lắng nghe, mải mê lắng nghe nên gương mặt càng bình thản im lìm. Những người kể chuyện nắm bắt sự chú ý theo dõi của đám đông, tìm những nhịp điệu hùng mạnh, nói những lời đầy hùng khí, bởi vì chuyện là những bài hùng ca và người nghe nhờ đó mà cũng thêm phần kỳ vĩ.

Lúc đó có một dũng sĩ đứng cao vòi vọi trên ngọn núi, đối mặt với mặt trời. Y biết y đứng lồ lộ biến thành mục tiêu. Y đứng hiên ngang, hai tay dang thẳng. Rõ ràng như ban mai, đối với mặt trời. Y điên rồ cũng nên. Tôi cũng không biết được.

Chỉ biết y đứng sừng sững trên kia, hai tay dang thẳng, nom chẳng khác một cây Thánh giá. Cách xa độ bốn trăm thước. Còn quân ta, thì thế này, quân ta đặt súng ngắm, nhấm ướt ngón tay để lượng chiều gió, rồi họ cứ nằm duỗi dài không động tĩnh, không tài nào nổ súng được. Có thể y biết thế nào đó. Biết bọn mình không thể bắn. Bọn mình cứ nằm ì, súng lên đạn rồi, nhưng không thể bắn. Họ nhìn y đầu quấn một cái băng cài một chiếc lông. Nom y rõ mồn một, như mặt trời. Bọn mình cứ nằm đấy mà nhìn y. Y không hề nhúc nhích. Thế rồi tay chỉ huy nổi điên, hét tướng: “Bắn đi, đồ khốn kiếp điên rồ, bắn đi.”. Bọn mình vẫn cứ nằm im. Viên chỉ huy gào: “Tôi đếm đến năm, ai không bắn, tôi ghi tên!”. Các bạn biết thế nào không? Bọn mình từ từ giơ súng lên nhưng ai cũng mong người nào đó bắn

trước. Thấy thế tôi buồn não cả ruột, cả đời chưa thấy buồn đến thế bao giờ. Và tôi ngắm súng vào bụng y, chả là với người Da đen, chỉ có bắn vào bụng mới hạ nổi… Tôi "đoàng" một phát. Y ngã cúi nhào, lăn xuống. Chúng tôi ùa cả lên núi. Y không to lớn lắm, tuy lúc còn đứng trên núi nom y cao lồng lộng. Y bị xé rách nát và bé nhỏ. Các bạn đã từng thấy con chim trĩ chưa? Khi nó đứng cứng đơ, xù bộ lông đủ màu sắc, đôi mắt hé mở xinh xắn, nom nó đẹp biết bao! Nhưng "đoàng". Một phát bắn, nhặt nó lên thấy nó vật vã, bê bết máu. Bạn đã cướp đi một cái gì tốt đẹp hơn bạn, và khi ăn thịt nó, bạn cũng không hề thấy được đền bù chút nào, bởi chính bạn đã cướp mất một cái gì trong bản thân bạn! Không bao giờ lấy lại được.

Những người ngồi nghe gật đầu tán thành và có lẽ vào lúc đó bếp lửa bắn ra một tia lửa nhỏ, chỉ thấy đôi mắt của họ đang nhìn sâu thấu vào bản thân họ.

Đối mặt với mặt trời, hai tay dang rộng, nom vĩ đại – vĩ đại như Chúa trời vậy!

Và có lẽ cũng có người tay cầm hai mươi xu mà lòng phân vân chút đỉnh: dành tiền mua cái ăn hay để giải trí? Nhưng rồi tặc lưỡi một cái, y đi tới một rạp chiếu bóng ở Marysville hay Tulare, ở Ceres hay Mountain View. Rồi y trở về cái trại bên bờ Kênh, ký ức chồng chất biết bao nhiêu chuyện… Y bèn kể lại chuyện phim như sau:

Có một gã nhà giàu, giả làm một người nghèo khổ, lại có một cô gái nhà giàu cũng làm ra vẻ như con nhà bần cùng, hai anh chị gặp nhau trong một tiệm bán khoai rán.

Sao lại thế nhỉ?

Tôi chả biết tại sao – chỉ biết thế là thế.

Tại sao họ lại làm ra vẻ nhà nghèo nhỉ?

Ồ có gì đâu, vì quá giàu nên cũng đâm mệt.

Cứt[53] thật!

Bạn có muốn nghe nữa hay thôi?

Này tiếp tục đi. Muốn nghe là cái chắc. Nhưng, giá tớ giàu, giá tớ giàu tớ sẽ mua cả đống sườn heo rõ nhiều vào, tớ lấy dây thừng buộc quanh người như người ta bó củi, thế là vừa đi vừa gặm. Kể tiếp đi.

Được rồi. Thế là bên này tưởng bên kia nghèo. Và họ bị bắt, bị tống vào nhà pha, nhưng họ không tìm cách để được tha ra vì chẳng ai muốn để người kia biết mình giàu. Và tên cai ngục, hắn cũng xử tệ với họ, vì hắn tưởng họ nghèo. Các bạn xem, khi hắn phát hiện ra thì thế nào? Hầu như hắn ngất xỉu.

Nhưng vì sao hai đứa bị bắt vào nhà pha?

Thế này, chúng bị bắt trong cuộc họp của bọn cấp tiền nhưng cấp tiền tiếc gì chúng! Tình cờ chúng có mặt tại đấy thôi. Và hai đứa chả đứa nào muốn lấy nhau vì tiền, hiểu chứ?

Thế là bọn khốn kiếp đó bắt đầu lừa dối nhau ngay tức thì phải không, hở?

Thế đấy, trong phim chúng làm như thế gọi là cho đúng kiểu. Có như thế mới hấp dẫn, cậu thấy không?

Có lần tôi xem một cuốn phim, chẳng khác phim về tôi, nhưng vượt quá tôi, về cuộc đời của tôi, vượt quá cuộc đời của tôi, nên chỉ thấy cái gì cũng vĩ đại hơn.

Ôi! Lúc đó, tôi cảm thấy khá đau buồn. Tôi muốn đi khỏi nơi đó. Thật đấy. Các cậu có tin được thì tin.

Thế họ lấy nhau và rồi mới vỡ nhẽ! Và tất cả nhưng người đối xử với họ một cách bỉ ổi cũng mới ngã ngửa ra. Có một thằng cha tự cao tự đại, gần như ngã ngất khi thấy gã nhà giàu bước vào với một cái mũ ba chạc trên đầu. Đúng là suýt ngất. Lại có những phim thời sự chiếu cảnh quân Đức đi bước chân ngỗng, thằng sau đá vào đít thằng trước – Buồn cười đến chết được.

Và bao giờ cũng vậy, nếu có một ít tiền thì có người đem uống rượu say. Lúc đó không còn cảm thấy cô đơn, bởi lẽ trong đầu óc y chỉ có những bạn bè thân thiết, và y cũng tìm được kẻ thù để tiêu diệt chúng. Ngồi trên bờ con mương, y thấy đất mịn màng. Những thất bại đỡ nhức nhối đi và tương lai không phải là mối hăm dọa. Cái đói khát không lảng vảng xung quanh mà trần gian lại êm ả dễ chịu và một con người có thể đạt tới địa vị mà y định nhằm tới. Các vì sao xuống thấp sát gần một cách kỳ lạ và bầu trời êm dịu. Cái chết là một người bạn và giấc ngủ là anh em của cái chết. Những thời xa xưa trở lại… một cô gái có bàn chân xinh đẹp đến nhà, khiêu vũ… một lúc… cô đi ngựa… cách đây đã lâu lắm rồi, một con ngựa với một cái yên. Yên bằng da trang trí rất đẹp. Bây giờ là bao giờ? Phải tìm cô gái để chuyện trò tâm sự. Dễ chịu biết bao! Cũng có thể ăn nằm với cô ta. Ở đây ấm.

Và các vì sao xuống sát quá, nỗi buồn niềm vui kề sát với nhau, thực sự buồn vui chỉ là một. Muốn ở lại say sưa tối ngày. Ai bảo như thế là xấu? Ai dám nói như thế là xấu? Các ông mục sư chứ gì?

Những người đàn bà gầy lép, hiếm hoi, nhưng họ khổ cực quá thì biết thế nào là xấu tốt. Các nhà cải cách… nhưng họ có cần ngập vào cuộc sống đâu mà họ biết được. Không… các ngôi sao gần kề và thân thiết và

tôi hoà mình vào tình bác ái bao la của trần gian. Và ở đó tất cả mọi thứ đều thiêng liêng, tất cả, tất cả, ngay cả chính tôi đây.

Khẩu cầm là một dụng cụ dễ mang theo. Hãy rút nó ở túi sau ra, hãy vỗ vỗ nó vào lòng bàn tay của bạn cho hết bụi, hết lông tơ, hết sợi thuốc lá. Giờ thì đã chơi được rồi đấy. Với chiếc khẩu cầm người ta có thể chơi bất cứ điều gì: giọng đơn the thé mảnh khảnh hoặc hợp âm, hoặc giọng hoà âm nhẹ nhàng du dương. Bạn có thể thổi tha hồ, chơi xong lại bỏ vào túi. Nó luôn luôn ở với bạn, luôn luôn nằm trong túi bạn. Và khi bạn chơi khẩu cầm, bạn học được nhiều ngón mới, nhiều cung cách nắn giọng với đôi bàn tay, để tỉa giọng với đôi môi. Và cứ thế chả cần ai bày dạy cho bạn. Bạn tập thổi lần mò dần dần – đôi khi ngồi một mình giữa trưa dưới bóng râm mát, đôi khi ngay trước cửa lều sau bữa ăn tối, lúc mà đàn bà đang rửa chén đĩa. Miệng thổi, chân đánh nhịp nhẹ nhàng trên đất, lông mày của bạn dướn lên hạ xuống theo nhịp điệu. Còn nếu bạn đánh mất hay làm hỏng nó thì thôi vậy, chả mất mát nhiều cho lắm. Bạn có thể mua cái khác với một phần tư đô la.

Đàn ghita quí hơn. Phải học hỏi nhiều mới gảy được. Ngón tay của bàn tay trái phải thành chai và đầu ngón tay cái bên phải rắn như sừng, những ngón tay trái xoè ra, xoè ra như chân nhện để nhấn xuống phím đàn.

Cái hộp đàn này là của cha tôi. Hồi tôi còn bé tí[54] tẹo lần đầu tiên ông cụ dạy tôi bấm dây C và khi tôi đã chơi gần bằng ông, hầu như ông không bao giờ gảy nữa. Ông hay ngồi ở cửa, lắng nghe tôi gảy và chân ông đánh nhịp. Khi tôi gảy sai một nốt nhạc, ông cau mày cho tới khi tôi đánh được lúc đó ông ngồi ngả ra sau rất

thoải mái, rồi ông gật gù: “Chơi đi – ông nói – Chơi khá thật đấy”. Đấy là một chiếc đàn tốt. Anh có thấy cái mặt sau nó mòn đi thế nào không? Chúng tôi đã chơi hàng triệu bản nhạc nên gỗ đã mòn. Ngày nào đó nó sẽ bẹp dúm dó lại như cái vỏ trứng. Nhưng không nên ráp nối vá níu nó hoặc vần vỗ nó quá, nó sẽ mất giọng. Tối nay tôi sẽ chơi ghi ta, có người ở lều bên cạnh sẽ chơi khẩu cầm. Hai cái này hoà nhau thì mê lắm.

Vĩ cầm thì hiếm, khó học. Không có thầy dạy, không biết bấm ngón tay chỗ nào cho đúng.

Anh hãy lắng nghe một người nói chuyện chơi vĩ cầm thế nào và thử tìm hiểu xem. Y không nói cách chuyển tay thế nào. Y nói đấy là bí quyết, nhưng tôi đã chăm chú theo dõi. Hắn làm như thế này này.

Tiếng vĩ cầm nó gào hú như gió, nó lướt nhanh, sôi nổi, the thé. Chiếc vĩ cầm này không đáng mặt vĩ cầm. Tôi mua hai đôla. Có người nói có những vĩ cầm cũ đến bốn trăm năm và nó ngọt giọng như rượu Whisky, giá tới năm, sáu mươi ngàn đôla. Là họ nói thế, tôi biết đâu đấy. Xem ra như là nói điêu thôi. Chiếc đàn tiếng rè phải không? À mà bạn có muốn khiêu vũ không? Tôi sẽ lấy sáp xoa mã vĩ, rõ nhiều sáp. Cậu cả ơi! Rồi nó sẽ quang quác, cách đây một dặm cũng nghe tiếng.

Thế là vào buổi tối, cả ba thứ, khẩu cầm, vĩ cầm, ghita cùng chơi điệu vũ quay, tiếng giây trầm của ghita rung lên như trái tim thổn thức, xen với tiếng lảnh lót của khẩu cầm và tiếng thánh thót của vĩ cầm. Mọi người không sao đừng được, phải tiến lại gần. Bây giờ là “Điệu vũ Gà con”. Chân bắt đầu gõ nhịp, rồi một thanh niên mảnh khảnh, diện sang, tiến nhanh lên ba bước, hai tay đung đưa lả lướt. Thế là đám người xếp hình vuông đứng sát lại. Cuộc khiêu vũ khai mào,

những bàn chân để trần uể oải, gót chân đánh thịch, tay quần lấy nhau, tóc sổ tung, hơi thở hổn hển, người lúc lắc nghiêng ngả về một bên.

Hãy nhìn cái chàng trai miền Texas với đôi ống chân dài và dẻo, mỗi bước nhảy dận gót bốn lần. Chưa từng trông thấy một chàng trai quay tít như vậy. Hãy nhìn anh chàng quay tít cô gái Cherokec kia, má đỏ hồng hồng và ngón chân cái tòi ra ngoài. Hãy nhìn cô ta thở hổn hển, hãy nhìn ngực cô phập phồng. Bạn tưởng cô ta mệt ư? Bạn tưởng cô hết hơi chăng? Đâu có. Anh chàng Texas tóc phủ xuống mắt, miệng há thở không ra hơi nhưng mỗi bước nhảy anh lại dận gót bốn lần, anh vẫn nhảy đều với cô gái Cherokec.

Vĩ cầm kêu ken két, đàn ghita làu bàu. Người chơi ghita mặt đỏ dừ. Chàng trai Texas và cô bé Cherokec hổn hà hổn hển chân vẫn dậm kịch kịch trên đất. Những người lớn tuổi khẽ mỉm cười, vỗ tay dậm chân đánh nhịp.

Em nhớ lại, thuở còn ở quê nhà, ở trường học cũng xảy ra một chuyện. Hôm đó, mặt trăng tròn vành vạnh lơ lửng trên bầu trời, trôi về phía Tây. Em nhớ lại, em và anh ấy, hai đứa chúng em sánh vai đi một quãng đường. Chúng em không nói với nhau, vì cổ họng đã tắc nghẽn, không nói với nhau nửa lời. Bất chợt chúng em thấy một đống rơm, chúng em đi thẳng tới đó và nằm xuống. Thấy cái chàng trai Texas lẻn ra ngoài với con bé nên em nhớ lại chuyện xưa, thế thôi. Họ ngỡ rằng chẳng ai trông thấy họ chuồn ra. Ôi! Lạy chúa! Sao mà em muốn đi chơi một vòng với cái chàng trai Texas. Trăng sắp lên rồi. Kìa, kìa, ông bố cô bé đã đứng lên định ra ngoài. Để ngăn chặn họ. Nhưng rồi ông cụ đã nghĩ lại. Ông biết. Chẳng thà muốn ngăn mùa thu đến

sau mùa hạ, chẳng thà ngăn nhựa sống leo lên thân cây… Mà chẳng mấy chốc mặt trăng đã lên rồi. Chơi nữa đi… Chơi các bản có chuyện kể… Chơi cho chúng tôi nghe. “Khi tôi đi dạo trên đường phố Laredo”.

Lửa đã tàn. Khơi lại ngọn lửa thì thật đáng xấu hổ. Chỉ chút nữa là mặt trăng đã lên rồi. Đừng khơi lại ngọn lửa làm gì.

Trên bờ con mương, một nhà đi truyền giáo đang gào thét, thét đến vỡ phổi, còn đám đông đang khóc. Nhà truyền giáo đi dọc đi ngang như con hổ trong lồng, ném ra những tiếng cay độc để quất xé họ, để bắt họ phải quì mẹp xuống đất, phải rên rỉ khóc than.

Ông tính toán uy lực của ông đối với họ, ông ước lượng họ, đùa giỡn với họ và lúc thấy họ đã phủ phục trong cát bụi, ông cúi người xuống, và dùng đôi cánh tay lực lưỡng, ông nâng lên từng người, từng người một, ném tõm họ xuống nước, rồi hét to:

– Hỡi Chúa Jesus, xin hãy nhận lấy họ.

Và một khi mọi người đã ở trong mương nước ngập đến thắt lưng, nhìn ông ta với đôi mắt kinh sợ lúc đó ông bèn quì xuống bờ mương cầu nguyện cho họ, ông cầu nguyện sao cho tất cả lũ đàn ông và đám đàn bà phải lăn lóc trên đất, mà kêu gào mà rên la. Còn đàn ông và đàn bà thì quần áo ướt dính vào da thịt, nhìn ông truyền giáo cầu nguyện. Sau đó họ trở về trại, nước trong giày kêu ùng ục và bắn phọt ra, và lòng tràn ngập nỗi sợ hãi dị đoan, họ thầm thì với nhau:

Chúng ta đã được cứu rồi. Chúng ta đã được rửa sạch tội lỗi. Chúng ta trong trắng như tuyết. Không bao giờ chúng ta còn phạm tội nữa.

Còn bọn trẻ, khiếp sợ và ướt trụi, thì thào với nhau.

Chúng mình đã được cứu vớt, không đời nào chúng mình phạm tội nữa.

Tôi những muốn biết tất cả những tội lỗi đó thế nào, để ít ra thử phạm tội một lần xem sao.

Trên các ngả đường, những người di tản khiêm nhường tìm cách để vui đùa giải trí.

Chương XXIV

Sáng Thứ Bảy, có một đám đông chen chúc ở các bồn giặt quần áo. Phụ nữ giặt áo dài bằng vải trúc bâu màu hồng, hoặc vải bông in hoa, rồi họ treo phơi ngoài nắng, lấy tay vuốt vuốt chiếc áo được phẳng phiu. Ngay từ lúc xế trưa, cả trại đã nhộn nhịp hẳn lên, ai cũng náo nức như lên cơn sốt. Cơn sốt lây sang bọn trẻ con cho nên chúng tỏ ra ầm ĩ hơn thường ngày. Xế chiều, người ta bắt tay vào việc tắm rửa cho lũ trẻ. Mỗi lần một đứa bé bị túm gáy bị lôi đi tắm rửa, tiếng huyên náo ầm ĩ lắng bớt dần ở trên sân chơi. Trước năm giờ chiều, tất cả lũ trẻ đã được kỳ cọ sạch tinh tươm và được nghe những lời răn đe trừng phạt nếu chúng còn để vấy bẩn, bởi vậy chúng đành đi lang thang quanh quẩn, người cứng đơ trong bộ quần áo sạch sẽ và nom khốn khổ vì cứ phải để tâm giữ gìn.

Trên cái bục rộng lớn dùng làm nơi khiêu vũ ngoài trời, một uỷ ban đang chộn rộn tới tấp.

Tất cả những mẩu dây điện mà có thể mò ra, đã được trưng dụng. Người ta đã bới trong đống rác thành phố, đã lục lọi tất cả các hộp dụng cụ để tìm cho ra một mẩu dây ngắn ngủn. Và giờ đây, dây điện đã được chắp nối, được chăng lên phía trên sàn nhảy với những cổ chai dùng làm vật cách. Tối hôm nay. Lần đầu tiên sàn nhảy được ánh đèn chiếu sáng. Sáu giờ chiều, đàn ông đi làm về hoặc đi tìm việc làm trở về, và thêm một làn sóng người mới lại đổ dồn về phía các phòng tắm. Bảy giờ tối mọi nhà đã ăn xong, đàn ông mặc quần áo đẹp nhất – quần áo lao động mới giặt tinh tươm, áo sơ mi xanh sạch bóng, đôi khi lại có những bộ đồ đen luôn

luôn hợp thời. Các cô gái đã sẵn sàng với những áo dài in hoa, sạch sẽ, phẳng phiu, tóc tết thành bím sau lưng vắt thắt băng. Các bà mẹ thì lo lắng giám sát gia đình và rửa chén đĩa. Trên bục, ban nhạc đang diễn tập, giữa hai hàng rào trẻ con vây quanh. Ai nấy đều náo nức, bồn chồn.

Năm thành viên trong ủy ban Trung ương đang họp dưới lều của chủ tịch Erza Huston. Người cao lớn gầy gò, da sạm nắng gió mắt bé nhỏ và sắc, Erza Huston đang nói với ủy ban mà mỗi thành viên đại diện cho mỗi Trạm Vệ Sinh. Ông nói:

– Chả biết là may hay rủi, vừa có tin báo là họ sẽ cố phá cuộc khiêu vũ của chúng ta.

Đại biểu của Trại ba, một người to béo lên tiếng.

– Theo tôi thì cứ cho chúng một trận đòn nên thân, cho chúng sáng mắt ra.

– Không được, – Huston nói – Chính là chúng đang muốn như thế. Nhất thiết, không được. Nếu chúng tạo được một vụ loạn đả, lúc đó chúng có thể gọi cảnh sát can thiệp, lấy cớ là chúng ta không giữ được trật tự. Chúng đã giở cái đòn đó ra rồi. Ở các nơi khác.

Ông quay về phía đại biểu của Trại 2, một thanh niên da nâu, mắt buồn bã:

– Anh đã tập họp các thanh niên để canh gác xung quanh hàng rào và trông coi không cho ai len lách vào trại chưa?

Anh thanh niên ưu tú khẽ gật đầu xác nhận:

– Rồi! Mười hai đứa. Tôi đã dặn tụi nó là không được đánh họ. Chỉ đẩy họ ra ngoài thôi.

Huston nói:

– Anh có thể đi tìm Willie Eaton được không?

– Anh ta là chủ tịch ủy ban Khánh tiết, phải không?

– Được.

– Tốt. Bảo với anh ta tôi muốn nói chuyện cần.

Anh thanh niên đi và sau đó một lát, anh quay về đi kèm theo một người Texas gân guốc. Willie Eaton cằm dài và mảnh, tóc màu tro, dáng người lêu nghêu, cẳng tay cẳng chân dài ngoẵng, mắt xám trong, đầy ánh nắng của vùng Cán Xoong[55].

Anh đứng thẳng người dưới lều, nhe răng cười, hai bàn tay xoay xoay quanh cổ tay một cách nôn nóng.

Huston nói:

– Anh đã được tin báo về tối nay chưa?

Willie cười hở cả lợi.

– Rồi.

– Anh đã chuẩn bị gì đề đối phó chưa?

– Đã.

– Nói chúng tôi nghe xem.

Willie cười thoả mãn:

– Nói thế này. Theo thường lệ, ủy ban Khánh tiết có năm người. Tôi lấy thêm hai mươi người, toàn những tay lực lưỡng. Vừa khiêu vũ, họ vừa phải mở mắt căng tai đề phòng. Hễ có dấu hiệu gì khả nghi, bàn bạc hay tranh cãi nhau, họ phải xúm quanh lại bám sát. Cứ như là vô tình. Làm như thể đi ra ngoài và luôn thể lùa bọn khả nghi ra.

– Bảo họ là đừng đánh đập ai.

Willi vui vẻ cười cùng cục:

– Tôi đã dặn rồi.

– Thì dặn, nhưng nói sao cho họ hiểu.

– Ồ! Họ hiểu chứ. Tôi cắt năm người ở cổng sắt để giám sát tất cả những ai vào trại trở lại, cố dò cho ra chúng trước khi chúng ra tay.

Huston đứng lên, đôi mắt xám nghiêm nghị:

– Cẩn thận đấy, Willie ạ, tôi báo cho anh biết thế. Không, chúng tôi không muốn bọn kia bị xúc phạm. Có lẽ sẽ có cảnh sát ở trước cổng. Nếu các anh kích động người của họ, họ sẽ tóm các anh liền.

– Chuyện đó đã được dự liệu rồi, – Willie nói – Bọn tôi sẽ dẫn bọn khả nghi ra lối sau, tắt qua đồng. Tôi đã cắt người đứng sẵn ở đây trông chừng sao cho chúng đã đi là đi luôn, không quay lại nữa.

– Được, như thế có vẻ ổn rồi, – Huston nói một cách lo lắng – nhưng nhớ đừng để xảy ra chuyện gì Willie ạ. Anh là người chịu trách nhiệm. Nhất là đừng đánh bọn đó. Đừng dùng gậy, dùng dao, hay bất cứ thứ gì đại loại thế.

– Không, không, chúng tôi không đánh đấm gì đâu! Nhưng Huston vẫn nghi ngại.

– Mong sao tôi vẫn có thể trông cậy vào anh.

– Nếu buộc phải đả, thì cứ đả, nhưng nhằm vào chỗ khó đổ máu ấy.

– Thưa ông, vâng.

– Anh có tin vào những người mà anh đã chọn không?

– Tin, thưa ông.

– Được rồi. Nếu có chuyện gì trục trặc, thì đến gặp

tôi, ở bên phải bục ấy. Willie chào có vẻ chế giễu và đi ra. Huston nói:

– Ôi! Chả biết sẽ ra sao. Quí hồ mấy tay thanh niên của Willie đừng hạ thủ một người nào. Nhưng mẹ kiếp, cái bọn cảnh sát chết tiệt kia, sao chúng lại muốn phá rối trong trại chúng ta, mà làm gì nhỉ? Tại sao chúng không để cho chúng ta yên?

Anh thanh niên buồn bã của Trại 2 nói:

– Tôi đã ở trong trại của Công ty Nông nghiệp và Chăn nuôi. Nhung nhúc những bọn cớm. Tôi thề là cứ mười người dân thì có một thằng. Và một vòi nước cho hai trăm con người.

Người to béo nói:

– Lạy chúa, mày nói cho ai nghe, hở Jeremy?

– Mẹ kiếp, tao đã ở trại đó rồi. Một lô một lốc những lán bề dài ba mươi làm bộ, bề rộng mười lăm. Tất thảy chỉ có mười hố xí, mà cha mẹ ơi, mùi hôi thối bay ra đến một dặm. Chính một thằng cảnh sát đã nói với tao thế: "Những quân bẩn thỉu trong trại chính phủ ấy mà, khi bắt đầu cho chúng nước nóng thì sau đó không có chúng cứ đòi cho có được nước nóng. Cho chúng những cầu tiêu có xối nước thì sau đó, không có không được". Hắn nói: "Cứ dành cho cái bọn Okies khốn khiếp này những thứ đó, thì rồi về sau cứ muốn có cho được ". Hắn nói:

"Trong các trại của chính phủ, bọn Đỏ tổ chức hội họp, quần tam tụ ngũ. Đứa nào đứa nấy, chỉ tìm cách làm sao ghi tên vào Cứu tế". Hắn nói thế đấy.

Huston hỏi:

– Thế không có ai đấm vỡ mồm nó ra ư?

– Không, có một gã nhỏ con hỏi: “Cứu tế nghĩa là thế nào?”

– Là cứu tế chứ còn gì – Gã cảnh sát đáp – Cứu tế, nghĩa là những người đóng thuế như bọn tao phải dốc tiền, là cái quân Okies đốn mạt như các người rút tiền ra.

– Chúng tôi nạp thuế Nhà nước, thuế xăng, thuế thuốc lá – người nhỏ con nói.

Và y nói thêm:

– Những chủ trại nhận được của chính phủ cứ một cây bông là bốn xu, đấy có phải là cứu tế không? Lại nữa. Những công ty hàng hải và Hỏa xa lãnh tiền trợ cấp, đấy có phải là cứu tế không?

– Cái đó là những chuyện phải làm, – cảnh sát nói.

– Được rồi, – người nhỏ con nói – nhưng chúng tôi không ở đây, thì ma nào hái những trái cây chết tiệt của các ông, hở?

Con người to béo liếc nhìn vòng quanh đám thính giả.

– Thế viên cảnh sát trả lời ra sao? – Huston hỏi.

– Ấy, hắn nổi dóa và nói: “Cái bọn đỏ khốn kiếp nhà các ngươi, lúc nào cũng muốn khuấy động phá rối. Hãy theo ta”. Thế là hắn xách nách anh ta đi, giáng cho anh ta sáu mươi ngày tù vì tội du đãng.

– Chúng làm thế nào được, vì anh ta có công ăn việc làm kia mà? – Timothy Wallace ngạc nhiên.

Con người to béo cười:

– Ông thì còn lạ cái nỗi gì! Y nói – Ông cũng biết chán ra rồi. Ông cũng biết khi cảnh sát muốn kiếm

chuyện với ai thì người đó dễ là du đãng lắm.

– Nếu chỉ chúng ghét cay ghét độc cái trại này.

– Cớm không có quyền đặt chân vào đây. Đây là nước Hoa Kỳ chứ đâu phải Bang Califomia?

Huston thở dài:

– Ước gì có thể ở lại đây nhưng cũng sắp phải dọn đi thôi. Tôi thích nơi này. Mọi người đều hòa thuận với nhau, nhưng, lạy Chúa, cớ sao họ không thể để chúng ta sống yên ổn, chả hơn là lúc nào cũng làm chúng ta khổ cực và bắt chúng ta bỏ nhà pha? Tôi xin thề trước Chúa, rồi có ngày họ buộc chúng ta phải đánh nhau với họ nếu không thôi làm khổ chúng ta.

Rồi ông trấn tĩnh lại:

– Bằng bất cứ giá nào, ta phải giữ cho được êm thấm, – ông nói tiếp như tự nhắc nhở mình – uỷ ban không được quyền để mất bình tĩnh.

Con người to béo ở Trại 3 nói:

– Ai đó mà cứ đinh ninh rằng uỷ ban chúng ta đều tốt đẹp[56] thì cứ đến thử xem. Sáng nay, ở trại chúng tôi xảy ra vụ đánh lộn giữa đàn bà với nhau. Bắt đầu thì họ lời qua tiếng lại bằng đủ những câu chửi bới tục tĩu, rồi sau thì ném lên đầu nhau những thứ rác rưởi. Ủy ban Phụ nữ bất lực, họ tìm đến tôi. Họ muốn đưa việc này ra trước uỷ ban chúng ta. Tôi nói rằng chuyện giữa đàn bà với nhau thì uỷ ban Phụ nữ phải giải quyết lấy. Ủy ban Trung ương đâu có mất thì giờ với những cuộc giao tranh bằng củ cải.

– Ông làm thế đúng quá, – Huston tán thành.

Bây giờ đã nhá nhem tối, bóng đêm càng dày đặc thì cuộc diễn tập của ban nhạc giây nho nhỏ càng vang to

hơn. Điện đã bật sáng và hai người đi kiểm soát lại đường dây dẫn tới sàn khiêu vũ.

Trẻ con đứng dày đặc trước các nhạc công. Một thanh niên chơi ghita, hát bài “Xa quê hương”, tay chốc chốc bấm phím đàn đệm cho bài hát. Đến điệp khúc thứ hai, thì ba khẩu cầm và một vĩ cầm hoạ theo. Người người từ các lều đổ ra, lũ lượt kéo về phía chiếc bục, đàn ông mặc vải bông chéo, phụ nữ mặc vải bông kẻ. Lúc đã tới gần, họ bèn đứng lại. Lặng lẽ chờ đợi. Khuôn mặt bóng loáng và háo hức trong ánh đèn điện. Lặng lẽ chờ đợi.

Một hàng rào cao bằng dây thép bao quanh trại, và dọc theo bờ rào này, cứ cách từng quãng hai mươi mét, có một người ngồi dưới cỏ để canh gác.

Xe hơi của các khách mời đang tới: những chủ trại nhỏ cùng gia đình, những người di tản từ các trại khác tới. Và khi đi qua cổng rào mỗi người đều nói tên họ người ở trại đã mời mình. Giàn nhạc dây chơi một điệu vũ quay mà chơi thật ầm ĩ vì bây giờ họ không phải diễn tập gì nữa.

Những người Sùng Chúa, ngồi trước lều để mắt theo dõi với vẻ mặt đanh và khinh khỉnh. Họ không lên tiếng, họ rình mò tội lỗi, và vẻ mặt của họ cũng tỏ rõ họ lên án tất cả các trò mà họ coi là lố lăng đó.

Ở nhà Joad, Ruthie và Winfield đã nuốt chửng bữa ăn tối và vội vàng đi nghe nhạc. Mẹ gọi chúng lại nâng cằm chúng lên, xem xét lỗ mũi, kéo vạch tai để nhìn vào trong, và bắt chúng ra Trạm Vệ Sinh để rửa tay một lần nữa. Chúng lách đi sau dẫy nhà, không vào trạm vệ sinh, và lủi về phía cái bục rồi mất hút trong đám trẻ con chen chúc quanh các nhạc công.

Al ăn xong bữa ăn và dành một nửa tiếng để cạo mặt với chiếc dao của Tom. Al mặc một bộ comlê bó sát người và một chiếc sơ mi kẻ sọc. Hắn vào buồng tắm, kỳ cọ cẩn thận và chải ngược tóc ra sau. Và lợi dụng lúc trong phòng rửa mặt vắng người, hắn đứng trước gương cười duyên, xoay xoay người để nhìn nghiêng hình dáng của mình trong khi miệng vẫn cười tủm tỉm. Hắn đeo băng đỏ vào và mặc chiếc vettông bó sát. Rồi hắn lấy một mảnh giấy vệ sinh lau đôi giày màu vàng. Một người về chậm bước vào phòng tắm. Al vội đi ra, hướng về bục nhảy, vẻ dương dương tự phụ, mắt hau háu rình các cô gái. Ở gần bục, hắn thấy một cô gái xinh đẹp, tóc vàng ngồi trước một cái lều. Hắn rẽ về phía đó, cởi khuy áo vét để phô chiếc sơ mi.

– Tối nay cô em có nhảy không ?

Cô gái quay mặt đi, không đáp.

– Ồ, chả nhẽ một anh con trai lại không nói với cô em được một lời hay sao? Em có muốn chúng ta nhảy một bài với nhau không? Và hắn nói một cách lửng lơ:

– Anh biết nhảy van.

Cô gái ngước đôi mắt lên một cách bẽn lẽn:

– Thì có khó gì, ai mà chả biết nhảy van.

– Đâu có như anh được. – Al nói. Nghe tiếng nhạc nổi lên. Al lấy một chân gõ nhịp. – Nào ta đi nào.

Một bà béo phị thò đầu ra khỏi lều và cau có nhìn Al.

– Thôi anh nhóc kia – bà nói đanh đá. – Con gái tôi nói cho anh biết, nó sắp cưới và chồng chưa cưới của nó sắp đến đón nó bây giờ.

Al liếc nhìn cô gái một cách trâng tráo và vừa đi vừa nhảy nhót theo nhịp đàn, vai nhún nhảy, tay đung đưa

theo điệu van. Cô gái chăm chú nhìn theo.

Bố đặt đĩa xuống và đứng lên: – Chú có tới không, chú John?

Và như để phân bua với Mẹ, bố nói:

– Chúng ta đi gặp thiên hạ, hỏi xem có việc làm không.

Thế là chú John đi theo Bố tới nhà ông quản trị.

Tom lấy mẩu bánh cạo cạo trong đĩa ragu, anh nuốt mẩu bánh và trao chiếc đĩa cho mẹ. Mẹ nhúng nó vào trong nước nóng, rửa sạch rồi đưa cho Rosasharn lau đi.

– Con có đi khiêu vũ không? – Mẹ nói.

– Có chứ – Tom đáp – Họ đã cử con vào một ban. Chúng con có nhiệm vụ đón khách.

– Đã vào uỷ ban rồi kia à? Theo mẹ thì sở dĩ thế vì con đã có việc làm.

Rosasharn quay lại để xếp chén đĩa. Tom trỏ cô và nói – Ôi! Lạy Chúa, cô ấy to béo chưa kìa! Rosasharn đỏ mặt, vội cầm lấy một chiếc đĩa Mẹ trao cho.

– Cái đó đã hẳn. – Mẹ nói – Mà cô ấy lại đẹp ra, – Tom lại nói.

Người thiếu phụ đỏ dừ mặt và cúi đầu xuống.

– Thôi đi anh!

– Hẳn rồi, – Mẹ nói – Gái một con trông mòn con mắt[57].

Tom bật cười.

– Nếu cô ấy cứ phình lên mãi như vậy thì dễ chúng ta phải có xe cút kít mới chở xuể.

– Đã bảo thôi đi mà – Rosasharn nói.

Nói xong, cô lẩn vào trong lều để khỏi ai nhòm ngó.

Mẹ cười nhẹ nhàng, bảo Tom:

– Con không nên chế nhạo em.

– Cô ấy thích thế.

– Mẹ biết, nhưng cũng làm cho nó phiền lòng. Vả lại nó cứ buồn rầu về việc thằng Connie.

– Thì rồi cô ấy sẽ quên nó đi, và thế là hay, thằng ấy thì chắc lúc này nó đang học tập để trở thành Tổng thống Hoa Kỳ.

– Đừng có trêu chọc em, – Mẹ nói – Em nó đang gặp khó khăn đấy.

Willie Eaton đi lại gần, nhe răng cười và nói:

– Anh là Tom Joad?

– Vâng.

– Tôi là chủ tịch uỷ ban Khánh tiết. Chúng tôi sắp có việc phải nhờ đến anh. Có người đã nói với tôi về anh.

– Đồng ý. Xin vui lòng, – Tom nói – Đây là mẹ tôi.

– Bà khoẻ không? Xin chào bà.

– Xin chào anh.

Willie nói:

– Thoạt đầu, tôi sẽ cắt anh canh gác ở cổng rồi sau đó trong buổi khiêu vũ. Phải cố gắng dò cho ta bọn ngáo ộp khi chúng dẫn xác tới. Tôi cử thêm một người đến với anh. Sau đó anh chỉ việc khiêu vũ nhưng phải để mắt trông chừng.

– Vâng. Cái đó tôi làm được.

– Không có chuyện gì lôi thôi chứ? – Mẹ lo lắng hỏi.

– Thưa bà, không đâu. Không có chuyện lôi thôi đâu.

– Không có chuyện gì đâu, Mẹ ạ. – Tom xác nhận – Thế là, đồng ý. Tôi đi ngay. Con đi mẹ ạ, Mẹ ra xem khiêu vũ nhé.

Hai anh thanh niên đi về phía cổng. Mẹ chồng chén đĩa trên mặt hòm.

– Con đi ra thôi, – bà nói to, rồi nói tiếp không nghe tiếng đáp lại – Rosasharn, con ra đi chứ! Người thiếu phụ ra khỏi lều và lại rửa chén đĩa.

– Tom chỉ đùa giỡn cho vui thôi.

– Con biết. Con chẳng bực mình nhưng con không thích người ta nhìn con.

– Con cấm làm sao được. Muốn nhìn thì người ta cứ nhìn. Có điều, nhìn thấy một đứa con gái có chửa sau khi ăn hỏi đàng hoàng thì ai cũng mừng. Có thể nói là họ hài lòng thích thú. Con có ra xem khiêu vũ không.

– Con định đi nhưng để xem sao đã, con muốn giá có Connie ở đây. – Cô nói to hơn – Mẹ ạ, con muốn có anh ấy ở đây, con khó mà chịu đựng nổi.

Bà mẹ chăm chú nhìn con.

– Cái đó thì mẹ biết rồi. Nhưng con nghe đây, Rosasharn, con đừng bôi nhọ gia đình.

– Con có ý định như thế đâu, Mẹ.

– Thế thì cô đừng làm cho gia đình phải xấu hổ. Nhà ta đã có bao nhiêu nỗi lo lắng rồi, không nhẽ lại phải gánh thêm sự sỉ nhục nữa.

Môi cô run run.

– Con, con không đi xem khiêu vũ đâu. Không thể. Mẹ ơi, Mẹ giúp con với.

Cô ngồi vùi đầu vào đôi cánh tay.

Mẹ chùi tay với chiếc khăn làm bếp, ngồi xổm xuống trước mặt con gái, rồi đặt hai tay lên đầu tóc con:

– Con là đứa con ngoan. Xưa nay bao giờ con cũng là đứa con gái ngoan. Mẹ sẽ để ý săn sóc đến con. Con đừng mua não chuốc sầu vào mình.

Rồi tiếng mẹ dạt dào mối quan tâm.

– Con có biết hai Mẹ con ta sẽ làm gì không con? Mẹ con ta sẽ đi đến chỗ khiêu vũ, ngồi xem họ khiêu vũ. Và nếu có ai đó đến mời con nhảy…thì thế này, Mẹ sẽ nói là con không đủ sức, con thấy không được khoẻ. Như vậy con sẽ nghe được nhạc và mọi thứ đại loại thế, con ạ.

Rosasharn ngẩng đầu lên.

– Mẹ đừng để con nhảy nhé.

– Không, mẹ không để con nhảy đâu.

– Và mẹ không để ai đụng tới con chứ?

– Không.

Người thiếu phụ trẻ thở dài, nói với giọng thất vọng:

– Con không biết rồi đây con sẽ làm gì. Mẹ ạ. Thật là con không biết. Con không biết.

Mẹ vỗ vỗ đầu gối con.

– Con này. – Mẹ nói – Nhìn mẹ nào! Mẹ sẽ nói con hay. Chẳng mấy chốc con sẽ thấy khá hơn.

Chóng thôi mà. Con cứ tin mẹ. Còn bây giờ, ta đi rửa ráy sạch sẽ mặc áo đẹp vào, và đến ngồi xem khiêu vũ.

Mẹ kéo Rosasharn vào phòng tắm rửa.

Bố và chú John ngồi xổm cùng với một nhóm đàn

ông bên cạnh hàng hiên văn phòng, Bố nói:

– Suýt nữa thì chúng tôi tìm được việc làm, chỉ chậm hai phút thôi. Họ vừa thuê hai người mất rồi. Thế này, chuyện mới ngộ làm sao chứ! Ở đây có một tay chủ quèn, ý bảo tôi: “chúng tôi vừa nhận hai người, tiền công hăm lăm xu. Nhưng chúng tôi có thể còn lấy thêm nhiều người, cứ lấy công hăm lăm xu. Vậy các người, hãy về trại và báo cho họ muốn làm thì cứ hăm lăm xu một giờ…ai muốn đến cứ đến”.

Đám đông cựa quậy một cách nóng nảy. Một người có đôi vai rộng, khuôn mặt hoàn toàn bị bóng chiếc mũ đen che lấp, vỗ tay đánh đét vào đầu gối : – Mẹ kiếp! Tôi biết tỏng ra rồi, – ông nói to – Chúng ta sẽ tìm ra ối người, những người đang chết đói ấy mà. Với hai lăm xu thì không thể nuôi sống gia đình nhưng khi đã đói thì thế nào cũng nhận tất. Chúng ra sức bắt chẹt mình. Chúng phân phát việc làm theo kiểu đấu thầu, chả phiền toái gì. Lạy Chúa! Rồi có một ngày chúng bắt bọn ta trả tiền để có việc làm! – Khéo không chừng chúng tôi lại phải nhận vậy.

Bố nói – Nhà tôi chẳng có việc làm. Nói thật với các bác, tôi đã sẵn sàng để nhận, nhưng trông thấy cái bọn đó làm bộ làm tịch, chúng tôi thấy ớn.

– Cứ nghĩ đến cái đó là phát điên lên được! – Mũ đen nói –Tôi làm cho một người, mà sao nhỉ? Y không thể nào thuê hái hết trái cây được. Có gì đâu, tiền thuê hái trái cây bây giờ lại nhiều hơn tiền bán trái cây, cho nên y loay hoay chẳng biết xoay xở làm sao.

– Theo ý tôi. – Bố nói nửa chừng.

Cả đám người im lặng chờ đợi.

– Là thế này. – Tôi tự nhủ thế này, giả dụ như một

cha nào đó có một mẫu đất riêng, một mẫu thôi. Tôi chẳng hạn. Lúc đó bà vợ có thể trồng trọt vớ vẩn gì đó và nuôi một hai con lợn với đàn gà. Cánh đàn ông sẽ đi làm, sau đó về nhà nghỉ. Lũ trẻ sẽ đến trường học, có thể thế lắm chứ. Chưa từng thấy ở đâu có trường học như thế này.

– Trong các trường học đó, con cái chúng ta có sung sướng nỗi gì – Mũ đen nói.

– Sao không? Tôi thấy những trường đó khá xinh đẹp mà! – Thế này nhé. Một đứa bé quần áo rách như xơ mướp chân không giày dép. Bên cạnh đó, bọn trẻ khác có giày có tất, bận quần áo đẹp, lại gọi thằng bé là giống Okie. Thằng con tôi cũng đã tới trường. Ngày nào nó cũng đánh nhau.. Mà hễ đánh là đánh ra trò. Mà cái thằng quỉ sứ, nó lại cứng cỏi ra phết. Nên chi, nó buộc phải đánh nhau hàng ngày. Về nhà thì quần áo rách tươm, chảy máu mồm máu mũi. Lại nữa, về nhà mẹ nó lại cho một trận đòn. Nhưng tôi cản được. Tội nghiệp thằng bé! Cơn cớ gì mà ai cũng nhè vào nó mà đánh! Nó làm gì tụi chúng đâu, lạy Chúa, trừ ra mấy đứa khốn kiếp có quần áo đẹp là nó dần ngửa ra mà nện. Thật chả biết thế nào.

– Thế vậy tôi làm thế nào được đây? – Bố hỏi – Nhà tôi hết tiền. Một thằng con tôi quả là đã kiếm được việc, vài ba ngày, nhưng nó đâu có nuôi nổi cả nhà. Tôi sẽ tới đấy chịu lấy hăm lăm xu vậy thôi. Biết làm thế nào khác được.

Mũ đen ngẩng đầu lên, ánh sáng chiếu rõ một cái cằm râu xồm xoàm, một cái cổ gân guốc dưới đám tóc dài loã xoã.

– Phải đấy, – Y nói chua chát – Cứ đi đi. Tôi là người hăm lăm xu. Bác tới chiếm chỗ của tôi với hai chục xu.

Sau này thì bụng tôi lép kẹp, tôi chiếm lại chỗ làm đó đổi lấy mười lăm xu. Cứ đi đi. Cứ làm đi.

– Lạy Chúa! Nhưng tôi biết làm thế quái nào bây giờ? – Bố nói – Dẫu sao thì tôi không thể chết đói để bác vẫn lĩnh hăm lăm xu.

Mũ đen lại cúi đầu xuống và cằm của y lại lẫn vào bóng tối.

– Tôi không biết sao, – Y nói – Đúng là tôi không biết sao. Phải làm mười hai tiếng một ngày, ăn không đủ no, thế đã khá cơ cực rồi, thêm vào đó lại còn vắt óc ra mà suy tính. Thằng bé nhà tôi thiếu ăn. Tôi không thể lúc nào cũng cứ suy nghĩ được. Rồi sẽ phát điên lên mất! Bứt rứt khó chịu, vòng người lặng lẽ lắc lư đôi cẳng.

Ở cổng ra vào, Tom kiểm soát những người đến dự buổi khiêu vũ. Một đèn pha soi sáng khuôn mặt khách mời. Willie Eaton nói: – Trông chừng đấy. Tớ cho Jules Vileta đến với cậu. Nó có dòng máu da đen, nửa Cherokec, tốt bụng. Hãy tinh mắt phát hiện cho được những đứa tình nghi.

– Ok – Tom đáp Anh chăm chú nhìn các tá điền đi vào cùng với cả gia đình, con gái có bím tóc dài, con trai ăn mặc chải chuốt để khiêu vũ. Jules đi tới đứng bên anh.

– Tớ đứng với cậu – Y nói.

Tom nhìn kỹ cái mũi khoằm, gò má cao dưới làn da nâu và cái cằm hơi lẹm.

– Họ nói cậu lai da đen. Mà da đen chính cống chứ còn lai gì! – Không. Chỉ một nửa thôi. Mình thích là da đen nguyên vẹn kia. Ít ra cũng có vùng đất dành riêng cho da đen. Một số da đen chính cống có khá nhiều

ruộng đất.

– Cậu nhìn hộ tớ những người kia kìa. – Tom nói.

Khách mới ùn ùn kéo vào cổng – là những tá điền nhỏ cùng với gia đình, những người di tản ở các trại lân cận. Trẻ con thì cố giằng khỏi tay bố mẹ để được đi tự do, cha mẹ trầm tình cố níu giữ chúng lại.

– Những buổi khiêu vũ như thế này mới thật ngộ nghĩnh. – Jules nói – Người trong trại chúng ta chả có quái gì, nhưng chỉ cứ là mời được bạn bè thân thuộc tới khiêu vũ, thế cũng đủ mở mày mở mặt với thiên hạ, khiến họ thêm hãnh diện.

Và người ta kính trọng họ chính nhờ vào những buổi khiêu vũ này. Có một tay điền chủ nhỏ chỗ tôi vẫn làm thuê, có một lần đã tới khiêu vũ ở đây. Tôi đã mời y, và y tới. Y nói đây là cuộc khiêu vũ đúng đắn, khuôn phép nhất trong quận mà người ta có thể dẫn vợ và con gái tới được.

– Ê! Trông kìa.

Ba thanh niên có vẻ là ba công nhân mặc quần xanh đi qua cổng. Họ đi cạnh nhau. Người gác cổng hỏi, họ đáp lại rồi đi qua.

– Chú ý theo dõi chúng, – Jules nói, rồi anh tới gặp người gác, hỏi, – Ai đã mời ba thằng cha đó?

– Một người tên là Jackson, Ở Trại Bốn.

Jules trở lại nói với Tom.

– Tớ ngờ là chính chúng nó đấy.

– Làm sao cậu biết?

– Tớ không biết sao. Thoáng nghĩ như vậy, nom chúng có vẻ sợ sệt. Cậu đi theo chúng, nói với Willie để

ý chúng cẩn thận, và lên gặp Jackson ở Trại Bốn hỏi cho rõ thế nào. Thể nào Jackson cũng phải thấy mặt chúng và cho biết chúng có phải là những tay đứng đắn không. Tớ ở lại đây.

Tom đi theo ba gã thanh niên. Chúng tiến về phía bục nhảy và bình tĩnh đứng ở hàng đầu. Tom bắt gặp Willie gần dàn nhạc, và ra hiệu cho ông ta.

– Có chuyện gì vậy? – Willie điềm tĩnh hỏi.

– Ba thằng kia.– ông thấy không? Kia kìa!

– Ờ… ờ…

– Chúng nói là có người tên là Jackson ở Trại Bốn mời chúng.

Willie nghển cổ, tìm thấy Huston và gọi Huston tới gặp họ.

– Ba gã ngồi kia kìa. – Willie nói – Phải đến tìm Jackson ở Trại bốn hỏi xem y có mời chúng không.

Huston quay gót đi, và một lát sau, trở về với một thanh niên gầy gò, vùng Kansas.

– Jackson đây.

– Này Jackson, anh thấy ba anh thanh niên kia chứ?

– Thấy.

– Anh mời họ đấy à?

– Không.

– Anh đã trông thấy mặt họ bao giờ chưa? Jackson quan sát chúng một cách chăm chú.

– Hẳn là thấy rồi, tôi với họ làm thuê ở nhà Gregoric.

– Thế thì họ biết tên anh?

– Hẳn rồi, tôi làm việc ngay bên cạnh họ.

– Được rồi. – Huston nói – Nhất là không nên đến gần họ. Nếu họ cư xử đứng đắn thì chúng ta không đuổi họ ra đâu. Cám ơn, Jackson.

– Giỏi lắm – Ông nói với Tom – Tôi ngờ đúng là chúng rồi.

– Chính Jules đã dò ra chúng.

– Tom nói – Cái thằng Jules cừ thật. Mà cũng chẳng có gì lạ. Dòng máu da đen của hắn đã đánh hơi ra chúng. Thôi tôi sẽ chỉ chúng cho các anh em khác biết.

Một chú bé trạc mười lăm tuổi chạy qua đám đông và thở hổn hển, đứng lại nói.

– Ông Huston ạ, hắn nói – cháu đã làm đúng như ông dặn, có một xe hơi chở sáu người đã dừng lại ở đường kia, dưới cây khuynh diệp. Mới lại một chiếc khác chở bốn người đỗ ở chỗ đường ngang, cháu đã vờ xin họ lửa. Họ có súng ngắn, cháu thấy. Đôi mắt Huston ánh lên vẻ nghiêm khắc dữ tợn.

– Willie ạ, anh có chắc là đã bố trí đâu vào đấy rồi chứ?

Willie cười nhăn nhở, khoái trá:

– Ông Huston ạ, ông có thể yên trí. Không có chuyện lôi thôi đâu.

– Được, đừng có đánh họ. Cẩn thận. Mà nếu có cách nào đó, cứ êm thấm, lịch sự. Tôi muốn gặp bọn chúng. Đưa chúng vào lều tôi.

– Để tôi đi xem nên thế nào, – Willie.nói.

Theo quy định buổi khiêu vũ thật sự chưa bắt đầu nhưng Willie đã bước lên bục. – Vào chỗ chuẩn bị nhảy Quađri – ông thét to.

Tiếng nhạc ngừng bặt, con trai, con gái thanh niên, thanh nữ từ các phía ùa đến, hòa lẫn vào nhau cho tới lúc dàn thành tám hình vuông trên bục rộng, rồi họ háo hức, chờ đợi. Các cô gái chìa tay ra phía trước, ngón tay ngoe nguẩy, còn bọn con trai, náo nức không yên lấy chân gõ nhịp.

Người già cả, ngồi yên khắp xung quanh sàn nhảy, mỉm cười hổn hển, ngăn không cho lũ trẻ chen lấn vào đám người khiêu vũ. Và ở đằng xa, những người Sùng kính Chúa, vẻ mặt khắc nghiệt, thù nghịch quan sát sự tội lỗi.

Mẹ và Rosasharn, ngồi xem trên một chiếc ghế dài. Mỗi lần có một chàng trai đến mời cô nhảy, bà lại nói:

– Không, em nó không được khoẻ.

Còn Rosasharn thì đỏ mặt và đôi mắt long lanh.

Người xướng lệnh tiến ra chính giữa bục và giơ cánh tay lên. – Sẵn sàng chưa? Cử nhạc lên! Ban nhạc cử bản nhạc Quađri “Cuộc khiêu vũ của đàn gà con”. Tiếng nhạc dâng lên dồn dập, và trong sáng – tiếng ò e của vĩ cầm, tiếng giọng mũi và nhọn sắc của khẩu cầm, tiếng dây trầm của đàn gita bùm bùm điểm nhịp. Người xuống lệnh loan báo các tiết mục, các ô vuông chuyển động rồi bắt đầu nhún nhảy, bước lên trước, lùi ra sau.

– Xoay vũ nữ, nào! – Người xướng lệnh lại hô.

Và bị cuốn theo đà mê loạn, ông ta cũng khẽ đập chân cũng khệnh khạng bước lui bước tới, vạch đường đi qua các hình ô vuông.

– Xoay vũ nữ đi, hấp la! Tay nắm tay, tiến lên, lên.

Tiếng nhạc lúc bổng lúc trầm, và những gót giày thanh thoát gõ trên bục gỗ, bục gỗ vang vang như mặt

trống.

– Một vòng sang phải – một vòng sang trái! Tách nhau ra nào! – Tách nhau ra, nào! Tách nhau ra – Lưng tựa lưng, nào! – Người xướng lệnh ngân nga cái giọng đều đều rung vang.

Chính vào lúc này, tóc tai các cô gái mà đã được chải chuốt, đang sổ tung. Chính lúc này mồ hôi chảy nhỏ giọt trên trán đám thanh niên. Chính lúc này mà các tài ba biểu diễn điệu nhảy đập đập chân. Những người già ngồi xung quanh bục, bị nhịp đập lôi cuốn cũng khẽ dẫm chân, khẽ khẽ vỗ tay đánh nhịp, và mỉm cười với nhau khi các ánh mắt giao nhau, đều lắc lư tỏ dấu tán thưởng.

Mẹ ghé tai Rosasharn:

– Nói thì con không tin, chứ xưa kia Bố con lúc còn trẻ, ông ấy là tay nhảy giỏi nhất, mẹ chưa từng thấy – Bà mỉm cười nói tiếp – Nhìn người ta khiêu vũ mẹ nhớ lại thời thuở trước.

Và trên khuôn mặt các khán giả, những nụ cười cũng đượm nét xa xưa.

– Cách đây hai mươi năm, về phía Musgokee tôi biết một người mù chơi vĩ cầm.

– Có lần tôi thấy một thanh niên nhảy một cái đập gót bốn lần.

– Ở trên kia, vùng Dalita, có những người Thụy Điển. Bác có biết nhiều lúc họ làm gì không? Họ rắc hạt tiêu lên sàn. Hạt tiêu bốc lên dưới váy các cô gái khiến các cô đâm ra nhí nha nhí nhảnh đến dễ thương là. Họ nhún nhảy như con búp bê cái tơ động đực. Bọn người Thụy Điển thỉnh thoảng họ chơi thế đấy.

Cách xa đấy một quãng những người Sùng Kính Chúa trông coi giữ gìn con cái ngang bướng của họ. Họ nói:

– Chúng mày hãy nhìn tội lỗi phơi bày như thế nào. Bốn người đó rồi sẽ xuống thẳng hỏa ngục, cưỡi trên que cời lửa mà xuống. Thật là một sự hổ nhục cho những con chiên của Chúa buộc phải trông thấy cảnh tượng đó.

Lũ con của họ lặng lẽ bứt rứt.

– Thêm một vòng nữa rồi tạm nghỉ – người xướng lệch gào to.

Các cô gái nóng bức, đỏ dừ. Trong khi nhảy họ há mồm, nét mặt nghiêm trang trịnh trọng. Và bọn con trai, hất tóc ra sau, nghênh ngang, nhún mũi chân, đánh gót kịch kịch. Các ô vuông tiến lên, lùi gót, giao nhau tứ phía, quay tròn, và nhạc thêm cuồng nhiệt.

Rồi đột nhiên tất cả ngừng bặt. Các cặp nhảy đứng im phắt, hổn hển. Thế là lũ trẻ con, giằng khỏi những bàn tay níu giữ, nhảy lên choán sàn nhảy, đuổi bắt nhau loạn xạ chạy thình thịch, giật cướp mũ nhau, kéo tóc nhau. Người nhảy ngồi xuống, lấy tay quạt gió. Các nhạc công đứng lên duỗi chân duỗi tay cho khỏi bị tê, rồi lại ngồi xuống. Còn các tay chơi ghi ta vẫn tiếp tục bấm nhẹ trên dây đàn.

Tiếng của Willie bỗng lại vang lên: – Đôi bạn nhảy? Sửa soạn nhảy một Quađri. Nếu còn hơi.

Các người nhảy lại đứng lên, và những tài tử mới nhào đi tìm bạn nhảy. Tom đứng gần ba thanh niên. Anh thấy chúng rạch đường đi qua bục nhảy và tiến về phía một trong những ô vuông đang hình thành. Anh đưa tay ra hiệu cho Willie, Willie nói cái gì đó với tay chơi vĩ cầm. Anh này đưa mã vĩ lướt ken két trên dây.

Hai mươi anh con trai từ từ lững thững đi ngang qua bục nhảy. Ba gã kia vừa tới ô vuông, một tay trong bọn nói:

– Tớ mời cô kia.

Một thanh niên bé nhỏ, tóc hoe, ngạc nhiên ngước mắt lên.

– Cô ta nhảy với tớ.

– Này, cái thằng khốn khiếp! Xa xa, trong bóng đêm, một tiếng còi rít lên xé tai. Nhưng chưa gì, cả ba gã thanh niên đã bị vây kín, bị những bàn tay thép giữ chặt. Và từ từ, từ từ bức tường sống đi ra khỏi bục nhảy.

Willie gào lên:

– Phát đi! Nhạc bùng lên, người xướng lệnh ngân nga báo hiệu hình nhảy, và các bàn chân nện thình thịch trên bục. Một chiếc xe du lịch đỗ lại trước cổng. Người lái nói:

– Mở ra? Hình như chỗ các anh định dấy loạn?

Người gác đứng nguyên ở vị trí:

– Chỗ tôi làm gì có dấy loạn. Nghe âm nhạc kia kìa. Ông là ai vậy?

– Cảnh sát.

– Ông có lệnh khám xét không?

– Đã có dấy loạn thì chả cần tờ lệnh.

– Vậy thì, ở đây không có dấy loạn. Những người ngồi trên xe lắng nghe, nhưng chỉ nghe tiếng nhạc và tiếng người xướng lệnh. Thế là chiếc xe rồ máy, chạy từ từ và đến đậu tại một con đường ngang gần đấy.

Ở giữa khối người đang chuyển động, ba gã thanh

niên không tài nào cựa quậy hoặc kêu được một tiếng, miệng mỗi đứa bị một bàn tay bít lại còn cổ tay bị xiết giật cánh khuỷu, lúc họ đi tới chỗ tối nhóm người giãn ra.

Tom nói:

– Thế này mới gọi là ra tay! Anh giữ rịt lấy cổ tay của nạn nhân ở phía sau. Willie chạy ra khỏi bục và đến gặp họ – Tuyệt quá! – Anh nói – giờ thì sáu người cũng đủ. Huston muốn thấy mặt quân này.

Huston đích thân từ trong bóng tối hiện ra:

– Chính bọn này à?

– Đúng. – Jules nói. – Chúng đã dẫn xác đến. Đã tìm cách bắt đầu gây chuyện, nhưng không đủ thì giờ múa máy.

– Xem mặt mũi chúng ra sao nào?

Ba tù nhân bị xoay ngoắt lại, đứng trước mặt ông ta. Chúng cúi đầu. Huston chiếu đèn pin, soi cái mặt tiu nghỉu của từng đứa một.

Ông hỏi:

– Tại sao các anh lại làm ăn thế?

Không có trả lời.

– Lạy chúa! Ai xui các anh làm như vậy?

– Lạ chưa, chúng tôi chả làm gì sất! Chúng tôi chỉ muốn khiêu vũ thôi.

– Nói láo! – Jules nói – Chúng mày định đấm thằng bé ngoài kia.

– Thưa ông Huston, – Tom xen vào – Chính lúc mấy người anh em kia xông vào, thì nghe một tiếng huýt còi.
– Phải, tôi biết! Cảnh sát đã tới trước cổng.

Ông ta quay lại:

– Chúng tôi không làm gì các anh đâu.

- Giờ thì nói tôi biết, ai sai các anh phá đám tối vui của chúng tôi?

Ông chờ đợi một tiếng đáp:

– Các anh đều là những người cùng cảnh với chúng tôi. Làm sao mà các anh lại tới đây? – Ông nói với giọng buồn bã. Các anh là những người như chúng tôi. Chúng tôi biết rõ cả rồi.

– Mẹ kiếp! Người ta phải ăn chứ!

– Thế vậy ai sai các anh đến? Ai thuê tiền các anh đến đây?

– Chúng tôi chưa được trả tiền.

– Và các anh cũng sẽ không được trả nữa đâu. Không có đánh lộn, không có tiền công đánh lộn. Tôi nói thế, có đúng không nào?

Một trong bọn bị bắt, nói:

– Các ông muốn làm gì thì làm. Chúng tôi không chịu nói đâu.

Huston cúi đầu một lát, rồi ông nói khe khẽ.

– Ok, đừng nói gì hết. Nhưng các anh nghe đây. Việc các anh làm vừa nãy chẳng khác thọc dao vào lưng anh em. Chúng tôi cố tìm cách sống yên ổn, giải trí một chút nhưng vẫn giữ trật tự. Các anh đừng đến phá hoại tất tật. Hãy suy nghĩ một chút. Các anh tự mình làm hại mình thôi. Thôi các cậu, dẫn họ ra lối sau, trèo qua hàng rào. Và đừng có đánh đập họ. Họ làm bậy mà họ không biết.

Toán người từ từ chuyển động tới phía bên kia trại.

Huston đưa mắt nhìn theo.

Jules nói:

– Chúng cháu đá đít cho mỗi đứa một cái chứ?

– Không, không được! – Willie nói. – Ta đã nói là không làm thế.

– Ôi! Đá khẽ tí chút thôi mà bác, – Jules nài nỉ – Chỉ đánh võng chúng qua đầu bờ rào thôi mà.

– Không là không, – Willie khăng khăng. Rồi nói với những tên kia – các anh nghe đây, lần này chúng tôi châm chước cho các anh. Nhưng các anh hãy nhớ lấy. Nếu vô phúc mà để xảy ra lần nữa, người ta sẽ tẩn cho các anh một trận gẫy xương. Báo cho đồng bọn của các anh biết, Huston có nói các anh đúng là những người cùng cảnh như chúng tôi. Có thể lắm. Nhưng nghĩ đến điều đó, tôi thấy não cả ruột.

Họ đi tới bờ rào. Hai người đứng gác ở đấy đứng lên và lại gần. Willie nói với họ:

– Mấy anh này vội về.

Cả ba đứa leo qua hàng rào và biến đi trong đêm. Cả toán hối hả quay trở lại dự cuộc khiêu vũ. Giàn nhạc đang chơi bài Lão già Dan Tucker, nhạc rên rỉ, te te. Ngồi xổm ở gần văn phòng, đám đàn ông vẫn mải bàn luận, và những nhạc điệu lanh lảnh vẫn vọng tới tai họ. Bố nói:

– Sắp sửa có chuyện thay đổi đây. Tôi không biết đích xác thế nào. Dễ chừng chúng ta không còn ở đây để chứng kiến. Nhưng sắp có thay đổi.

Phảng phất như có cái gì không yên. Người ta thấy bứt rứt quá nên chả biết được là cái gì. Mũ Đen lại ngẩng đầu lên, và ánh sáng chiếu rõ bộ râu tua tủa. Y

lượm mấy hòn sỏi nhỏ dưới đất lên lấy ngón tay cái bắn đi như bắn hòn bi.

– Tôi không biết thế nào, nhưng đúng như bác nói, cứ tình hình này thì sắp có gì thay đổi. Có người nói với tôi, chuyện đã xảy ra ở Akrim, ở Chio, ở các công ty Cao su. Họ thuộc người miền núi đến làm vì công sá hạ. Nhưng những thằng cha miền núi đó, chúng bắt đầu ghi tên vào nghiệp đoàn. Lúc đó thì cứ gọi là lung tung phèng! Thế là bọn chủ hiệu, bọn lê dương, chúng tập luyện và kêu om sòm: “Bọn đỏ!”. Chúng định quét sạch nghiệp đoàn ra khỏi A. Kron. Các mục sư đã bắt đầu giảng thuyết về chuyện đó, báo chí thì tru tréo còn các Công ty Cao su thì phân phối cán cuốc với mua lựu đạn hơi. Tưởng chừng mấy thằng cha miền núi là quỉ dữ hiện hình.

Y ngừng lại, tìm thêm mấy hòn sỏi, rồi tiếp tục:

– Chuyện xảy ra vào tháng ba vừa rồi. Thế là một ngày chủ nhật, năm ngàn gã miền núi tổ chức một cuộc bắn thi, ở cổng ra vào thành phố. Năm ngàn. Và họ chỉ vác súng diễu hành qua thành phố. Bắn thi xong họ lại diễn qua thành phố để trở về. Trước sau, họ chỉ làm có thế, nhưng từ đó họ chẳng mảy may bị chuyện lôi thôi. Tất cả những uỷ ban công dân đã trả lại cán cuốc, các chủ tiệm trở về tiệm của mình, chả ai bị nện dùi cui, chả ai bị phết dầu hắc ín trộn lông chim[58], chả ai bị giết.

Im lặng một lúc lâu, rồi Mũ Đen nói tiếp:

– Ở đây, chúng đang bắt đầu trở nên hiểm độc. Hôm trước chúng đã đốt trại và dùng dùi cui đánh khắp lượt. Tôi tự nhủ, chúng ta có súng trong tay, tôi tự nhủ có lẽ chủ nhật nào chúng ta cũng tổ chức thi bắn và họp mặt.

Những người đàn ông ngước mắt nhìn y rồi lại cúi mặt xuống đất, luôn luôn đổi chân đứng một cách bứt rứt.

Chương XXV

Mùa xuân ở California đẹp tuyệt với. Các thung lũng là những biển cạn ngạt ngào thơm đầy cây nở hoa, nước màu hồng và trắng xoá. Chẳng mấy chốc những tua cuốn đầu tiên hiện ra trên cây nho, ồ ạt tuôn xuống như thác nước che phủ thân cây vặn vẹo. Những quả đồi phì nhiêu xanh rờn, tròn trĩnh mượt mà như những cặp vú và trên những đám đất bằng phẳng dành cho việc trồng rau, những cây diếp xanh nhạt, những xúp lơ bé tí và những atisô xám xanh huyền ảo giăng dài đến vô tận.

Rồi bất thình lình là bung ra trên cành, cánh hoa trên cây rơi xuống bao phủ mặt đất như một thảm hồng và trắng. Các mầm hoa phình lên thành hình dáng, màu sắc : anh đào, táo, lê và những quả vả mà hoa ẩn náu kín trong lớp quả. Cả tiểu bang California tươi lên dạt dào vẻ huy hoàng trù phú, trái cây nặng trĩu thêm, cành lá ngày một nặng hơn và sà xuống dần buộc phải có nạng chống đỡ.

Phía sau sự phong phú phì nhiêu này là công lao của những con người uyên thâm, những con người tài năng, đã đắm mình vào những cuộc thí nghiệm về hạt giống, cây con, không ngừng cải tiến những kỹ thuật tăng gia thu hoạch của cây trồng, tạo cho rễ cây những vũ khí để chống lại hàng triệu kẻ thù lúc nhúc dưới đất, chuột chũi, côn trùng han rỉ, bệnh tàn rụi. Những con người đó ngày đêm miệt mài cải tiến hạt giống, rễ cây. Về phía mình các nhà hoá học tưới thuốc cho cây để bảo vệ chúng chống lại côn trùng, tưới nước lưu toan cho gốc nho, cắt tỉa những đoạn cây ốm, diệt trừ sự thối

ruỗng và bệnh lá nho mốc.

Các sĩ phòng bệnh nữa, họ đóng ở các biên giới để tìm kiếm bệnh, hoa quả do ruồi muỗi, bọ rầy Nhật bản, bắt buộc các cây bệnh phải kiểm dịch trong bốn mươi ngày, bới tìm phát hiện và đốt các cây bị bệnh để dập tắt sự truyền nhiễm…Họ là những nhà bác học. Và còn những người khác nữa tiếp ghép các cây nhỏ, các gốc nho, đó là những người khéo léo hơn cả vì họ làm một công việc cũng tinh vi, cũng tế nhị như những người giải phẫu; và cũng phải có những bàn tay, một trái tim người giải phẫu, để khía vỏ, ghép nhánh, băng bó vết thương và tránh cho nó không tiếp xúc với không khí. Đó là những người lỗi lạc.

Dọc theo các hàng cây, mới xới hoạt động, nhổ mầm cỏ, xới đất để cho đất thêm màu mỡ và vỡ đất giữ cho nước không ngập gốc cây, đắp những bờ trữ nước để tưới tiêu và diệt trừ cỏ xấu uống mất nước dành cho cây. Giữa lúc đó, trái cây phình to dần và hoa nở thành những chùm dài trên cây nho. Tháng nối tiếp tháng, ánh nắng mỗi ngày thêm gắt gao, lá ngả màu xanh thẫm. Quả mận to và dài ra, giống như trứng chim sáo, các cành nặng trĩu gục xuống các nạng chống. Những quả lê nhỏ và rắn thành hình, các quả đào bắt đầu có lông tơ mịn màng.

Hoa nho rụng cánh, những hạt ngọc nhỏ bé và cứng trở thành những viên bi xanh, và các hòn bi nặng ra. Những người làm ruộng, những chủ các vườn cây ăn quả trông chừng và tính toán. Năm được mùa bội thu. Và con người hãnh diện bởi vì nếu hoa màu bội thu được thế này chính là nhờ tri thức của họ.

Tri thức của họ đã biến cải thế giới. Lúa mì ngắn và mảnh khảnh đã trở nên to cây và lắm hạt. Những quả

táo nhỏ và chát đã to ra và ngọt, và những gốc nho cằn cỗi mọc giữa các đám cây khác, quả bé tẹo chỉ nuôi sống loài chim, bây giờ đã sản sinh ra hàng trăm giống nho: đỏ đen, xanh, hồng nhạt, đỏ thắm, vàng, mỗi thứ chứa chất hương vị đặc biệt. Những người lao động trong các trại thí nghiệm đã tạo ra những loại quả mới, xuân đào, bốn mươi loại mận, hạnh đào vỏ mỏng. Và không ngừng không nghỉ, miệt mài ngày tháng, họ đeo đuổi công việc, chọn lọc, chiết ghép, đổi vụ, tự mình bắt buộc mình, bắt đất phải sản sinh.

Anh đào chín đầu tiên. Công hái là một xu rưỡi một cân Đ.m. Giá ấy thì hái làm sao được. Anh đào đen, anh đào đỏ, cứ mọng nước, ngọt lịm, quả nào cũng bị chim ăn mất một nửa và ong bò vẽ đến vo ve quanh những lỗ do chim khoét. Và các hạt còn dính nham nhở ít thịt, rơi xuống đất và khô lại. Rồi đến lượt các quả mận đỏ mềm dần thấm đượm hương vị.

Lạy chúa, không thể nào cho hái, phơi khô rồi phun bột lưu huỳnh cho những quả đó. Không có cách nào trả đủ công xá, cho dù hạ đến đâu chăng nữa. Thế là mận đỏ trải thảm trên đất. Trước tiên, da héo hắt đi một ít, hàng hà sa số ruồi muỗi hối hả đến tranh ăn và một mùi thối rữa, dìu dịu toả ngập thung lũng. Ruột trái đen lại và cả một thời vụ khô đét đi. Quả lê chín vàng, ruột mềm mại.

Năm đôla một tấn. Năm đôla cho bốn mươi thùng hai lăm cân, cây cối được tỉa cành, chăm nom cẩn thận, vườn cây được bảo quản – hái quả, đóng thùng, chất lên xe, giao cho xưởng máy đồ hộp bốn mươi thùng, năm đôla. Chúng ta không thể làm như thế được. Thế là những quả lê vàng rơi xuống đất, vỡ nát ra. Bầy ong bò vẽ đào khoét sâu vào ruột mềm, bầu không khí phảng

phất mùi lên men lẫn mùi thối rữa.

Và cuối cùng là nho.

Chúng tôi không thể cất được rượu vang ngon.

Thiên hạ không thể nào mua rượu vang ngon.

Thế là người ta bứt các chùm nho, xấu tốt, lành mốc, bứt nháo nhào. Vất vào máy ép, tất cả, ép luôn cả cuống cả thối ruỗng cả dơ bẩn. Nhưng trong các thùng còn có axit phoocmic và thuốc chống mốc. Thây kệ nó. Thêm vào một ít lưu huỳnh và thuốc thuộc da là xong tất. Nhưng mùi men mốc không phải là mùi thơm ngào ngạt của thứ vang ngon. Đấy là mùi rữa nát và mùi dược liệu.

– Ôi! Cần quái gì. Dẫu sao trong đó vẫn có chất rượu, uống vào vẫn say như thường. Những trại chủ nhỏ trông chừng những món nợ đang len lén trườn tới để rồi cuối cùng như làn nước triều dâng, đổ ập lên đầu họ. Họ chăm chút cây, nhưng không bán được hoa màu, họ tỉa cành xén lá, cây ghép nhưng không thể thuê hái quả… Các nhà bác học hăm hở vùi đầu vào công việc, đã lao tâm khổ trí để những trái cây đang thối nát trên đất, rượu chua lên men trong các thùng rượu xông mùi đầu độc bầu không khí.

Hãy thử nếm rượu vang xem, chẳng thấy mùi vị nho: mà chỉ toàn mùi ta nanh, diêm sinh và cồn. Năm tới cái vườn cây ăn quả bé nhỏ này sẽ bị một Công ty lớn nuốt mất, bởi vì các chủ trại nhỏ bị nghẹt thở vì các món nợ. Vườn nho này sẽ rơi vào tay Ngân hàng. Chỉ có những chủ điền lớn là có thể sống sót, bởi vì đồng thời họ có cả những xưởng đồ hộp. Bốn quả lê gọt vỏ, bổ đôi, hấp chín và đóng hộp, vẫn giá mười lăm xu. Và các quả lê đóng hộp không hư hỏng được, có thể để hàng năm.

Sự thối rữa xâm chiếm toàn xứ California, và cái mùi ngon ngọt là một đau buồn lớn cho xứ sở.

Những con người có khả năng cấy ghép thành công, cải tiến hạt giống để nó to ra và sinh sản nhiều lại bất lực không tìm kiếm được cách thức khiến người đói khát có thể ăn những trái cây đó. Những người đã tạo nên những quả mới cho thế giới lại bất lực không tạo ra được một hệ thống khiến cho mọi người ai cũng có thể ăn được quả cây đó. Và sự thất bại này treo lơ lửng trên toàn bang như một nỗi đau buồn lớn lao. Sản phẩm của gốc nho, của cây cối phải bị huỷ diệt để cho giá cả thị trường đứng vững, và đó là cái đáng buồn nhất, chua xót nhất. Hàng ngàn xe tải đem cam đi đổ thành hàng đống rác ngồn ngộn.

Những người ở xa tới lấy, nhưng không làm được điều đó. Tại sao họ lại phải mua cam với hai mươi xu hai quả, nếu họ chỉ cần đánh xe đi nhặt cam không mất tiền? Thế là những người tay cầm giáo tưới dầu hỏa lên các đống cam, bèn nổi giận vì đã đang tay phạm phải tội ác này, rồi trút giận lên đầu những người tới để lượm lặt cam. Một triệu người đói khát cần đến những quả cây, thế mà người ta lại tưới dầu hoả lên các núi cam vàng rực. Mùi thối rữa tràn ngập cả vùng.

Người ta đốt cà phê trong các nồi súp de. Người ta đốt ngô để sưởi ấm, chả là lửa ngô rất đượm. Người ta đổ khoai tây xuống sông và cất người gác trên đôi bờ để cấm những người khốn khổ không được vớt lên. Người ta chọc tiết lợn rồi đem chôn và sự thối rữa ngấm vào lòng đất.

Đây là một tội ác ghê tởm vượt quá mọi sức tưởng tượng. Đây là một nỗi đau khổ không thể được biểu tượng bằng nước mắt. Đây là một sự phá sản lớn lao

đến nỗi nó huỷ bỏ tất thảy những thành công trước đây. Một vùng đất phì nhiêu, những hàng cây thẳng tắp, thân cây vạm vỡ và quả chín. Và bọn trẻ con mắc bệnh Penlagrơ phải chết vì mỗi quả cam phải đem lại lợi nhuận. Và các viên cảnh sát tư pháp phải ghi trên những biên bản khai tử: chết do thiếu ăn. Mà sở dĩ như vậy là do lương thực phải bị thối rữa, do người ta buộc nó phải thối rữa.

Nhưng thiên hạ cầm vợt đến vớt khoai tây trong sông lại bị những người gác xua đuổi, họ lái các xe cà tàng đến cố nhặt vài ba quả cam, nhưng cam đã bị tưới dầu hỏa. Thế là họ đứng lặng lẽ nhìn cam nổi lềnh bềnh trôi theo dòng nước, họ nghe được tiếng rống của những con lợn bị chọc tiết trong hố và sau đó bị lấp vội bột, họ nhìn các núi cam dần dần biến thành thứ cháo hôi thối; và sự phá sản in rõ trong đôi mắt của sự đói khát.

Trong tâm hồn những người đó, những chùm nho của sự căm giận căng lên, nặng dần, trĩu xuống, báo hiệu những mùa hái nho sắp tới.

Chương XXVI

Ở trại Weedpatch, vào một buổi chiều, ánh lửa hoàng hôn đốt cháy đỏ rực các bờ mây dài kẻ dọc treo lơ lửng phía trên mặt trời. Gia đình Joad còn ngồi nán lại sau bữa ăn tối. Mẹ vẫn do dự chưa bắt đầu rửa chén đĩa.

Ta phải làm cái gì đó thôi. – Mẹ nói và chỉ vào Winfield – nhìn xem đây, ban đêm nó cứ giật mình và trăn trở, nước da nó xấu lắm nhìn xem.

– Toàn bánh tráng, – Mẹ nói – Đã được một tháng nay. Tom chỉ làm thuê được năm ngày, vẻn vẹn năm ngày. Còn các ông, các ông vẫn cứ chạy ngược chạy xuôi rạc cả người, hết ngày nọ sang ngày kia, nhưng việc làm, không vẫn hoàn không.

– Chúng ta không còn tiền nữa. Các ông không dám nói ra. Các ông sợ không dám nói ra. Tối tối ăn xong, các ông lại bỏ đi tha thẩn. Các ông không chịu nói ra. Thế không được. Phải nói ra. Rosasharn sắp đến ngày ở cữ và các ông nhìn sắc mặt nó mà xem. Phải quyết định làm cái gì đi. Vậy chưa tìm ra được cách gì đó thì tôi chẳng muốn ai đứng lên, hãy ngồi lại đã. Chúng ta còn mỡ đủ ăn một ngày, bột hai ngày, với mười củ khoai tây. Ai ở đâu cứ ngồi đấy, vắt óc nghĩ xem sao! Họ vẫn mắt dán xuống đất. Bố lấy con dao nhíp cạo cạo móng tay. Chú John búng búng một cái mảnh gỗ trên cái thùng chú ngồi. Tom trề môi dưới kéo nó xuống để hở cả răng. Rồi anh buông tay, nói:

– Mẹ ạ, vẫn tìm đấy. Từ ngày không thể nào cứ phí hoài xăng, thì toàn đi bộ. Đã dừng lại trước mọi cổng, trước mọi nhà, ngay dù đã biết là sẽ chẳng tìm được gì.

Mãi rồi cũng thấy chán ngán, khổ tâm vì phải tìm kiếm một cái gì đó mà mình biết là không có.

Mẹ nói giọng dữ tợn:

– Con không có quyền chán nản. Gia đình ta đang xuống dốc. Con không có quyền buông xuôi.

Bố ngắm nghía cái móng tay cắt xén:

– Phải đi thôi, – Ông nói. – Kể ra thì cũng chả muốn dời đi. Ở đây dễ chịu, toàn những người tử tế. Đi thì sợ lại rơi vào một trong các ngoại ô Hooverville. Thôi, nếu bất đắc dĩ mà phải đi, thì cứ đi. Cốt nhất làm sao có ăn.

Al xen vào:

– Con đã cố gắng đổ đầy một thùng xăng để trên xe. Con không cho bất cứ ai đụng tới. Tom mỉm cười:

– Thằng Al nhà ta, nom hùng hùng hổ hổ, nhưng nó sáng ý ra phết.

– Đã thế thì suy nghĩ đi, – mẹ nói – Tôi không muốn đứng đây mà nhìn cả nhà chết đói. Mỡ ăn chỉ còn vừa vặn cho một ngày. Tất tật có thế. Rosasharn chẳng mấy lúc sẽ ở cữ, và phải nuôi nó. Các người hãy nghĩ xem!

– Ở đây có nước nóng và các nhà vệ sinh. – Bố nói.

– Những thứ đó không ăn được.

Tom nói:

– Hôm nay có một thằng cha đi tìm người để đưa đến Marysville hái quả.

– Vậy thì, còn đợi gì mà không đi Marysville? – Mẹ hỏi.

– Con cũng không biết sao. – Tom nói – Xem ra chuyện này chả có gì đúng đắn. Hắn ta có vẻ lo lắng thế nào ấy, không muốn nói rõ định trả bao nhiêu. Hắn

nói hắn không biết đích xác.

Mẹ quyết định.

– Chúng ta đi Marysville. Hắn trả bao nhiêu mẹ cũng chả cần. Đi Marysville.

– Xa lắm Mẹ ạ – Chúng ta không có tiền mua xăng. Không thể đến nơi được. Mẹ bảo chúng con phải suy nghĩ. Thì đầu óc con có thảnh thơi lấy được một phút đâu. Chú John nói:

– Có người mách với tôi là sắp đến lúc hái bông rồi, ở trên miền bắc, phía Tulare. Theo y thì chẳng xa lắm.

– Đã thế thì Tulare, mà xoắn lên. Ở đây dễ chịu, ai cũng tử tế, nhưng nhất định tôi không ở đây thêm nữa.

Mẹ xách xô đi lấy nước nóng ở nhà tắm rửa.

– Mẹ dạo này đâm ra khó tính quá – Tom nói – Gần đây con thấy Mẹ giận dữ cáu kỉnh thế nào ấy. Cứ là sôi sục lên.

Bố nói, có vẻ khuây khoả.

– Dẫu sao thì tình hình thế nào, bà ấy cũng đã nói trắng ra. Bao nhiêu đêm, tao cứ thao thức suy nghĩ nát óc. Bây giờ, ít ra ta cũng có thể nói thẳng ra; chả phải úp mở gì.

Mẹ trở về với xô nước nóng bốc hơi.

– Thế nào? – Mẹ nói – Bố con đã nghĩ được gì chưa?
– Đang bàn tính vấn đề, – Tom nói – Tại sao chúng ta không đi lên miền Bắc, ở đấy sắp đến mùa bông? Chúng ta đã lặn lội khắp xứ này rồi, đã biết là ở đây chẳng có gì – thế vậy, giá ta thu xếp hành lý và đi lên miền Bắc, có hơn không? Như thế, lúc mùa hái bông mềm mại trong bàn tay, con thích thích là.

– Al ạ, bình xăng có đầy không?

– Gần đầy. Còn thiếu chừng ba đốt ngón tay.

– Như thế thì chắc là đi được tới trên kia.

Mẹ đang rửa một chiếc đĩa, bèn hỏi:

– Thế sao?

Tom nói:

– Mẹ thắng rồi, mẹ ơi. Con thiết nghĩ ta nên dời đi. Thế nào hở bố?

– Ờ, tao nghĩ là chúng ta phải đi. – Bố nói. Mẹ liếc nhìn ông.

– Bao giờ?

– Ờ, chả cần phải đợi. Chi bằng sáng mai.

– Sáng mai là phải đi. Chúng ta còn lại những gì, tôi đã nói rồi đấy.

– Này, mẹ nó ạ, đừng tưởng là tôi không muốn đi đâu nhé. Đã mười lăm ngày nay, tôi nào có được ăn no, hay ít ra, ăn cái gì đó để cầm hơi.

Mẹ nhúng chén đĩa vào nước, nói:

– Sáng mai chúng ta đi.

Bố khịt khịt mũi, nói giọng mỉa mai:

– Hình như chuyện đời đổi thay. Ngày trước, đàn ông quyết định. Xem ra ngày nay đàn bà giành hết quyền ăn nói. Thiết nghĩ đã đến lúc tôi phải đi kiếm một chiếc gậy.

Mẹ vừa đang đặt chiếc đĩa còn ướt ròng ròng lên một cái hòm cho ráo nước. Bà vừa cắm cúi vào công việc vừa mỉm cười.

– Việc ông cứ đi mà tìm gậy, bố nó. Lúc nào nhà ta

có cái ăn và cái góc nào đó để ở. Lúc đó, ông có thể dùng gậy, giữ cho da thịt lành lặn. Còn bây giờ, việc ông ông chưa làm, đầu óc để không, đôi tay để không. Nếu làm được thế, ông có thể dùng gậy, và ông sẽ thấy đàn bà chúng tôi không dám ho he, len lén một phép. Nhưng giờ đây, ông có gậy mặc ông, ông không đụng tới tôi được đâu, ông sẽ phải đánh nhau với tôi, vì tôi cũng có cái gậy sẵn sàng để hầu ông.

Bố cười gượng gạo:

– Trước mặt con cái. Mẹ mày ăn nói như thế mà nghe được à?

– Ông hãy xoay xở sao cho chúng có cái gì nhét vào bụng chúng trước khi bàn đến chuyện tốt xấu đối với chúng. Bố phẫn nộ bỏ đi, chú John đi theo.

Đôi bàn tay Mẹ hối hả trong nước nhưng mắt vẫn nhìn theo hai người, và bà kiêu hãnh nói với Tom:

– Không có chuyện gì đâu. Bố con đâu có chịu thua. Trái ý bố, bố vẫn còn có thể nện cho Mẹ một cái tát bốp.

– Mẹ cố tình chọc tức bố hay sao? – Tom vừa hỏi vừa cười.

– Cố nhiên rồi. Con hiểu không, một người đàn ông có thể tự làm khổ mình rồi bực bội cáu gắt cho tới một ngày nào đó y lăn ra mà chết, không còn đủ tinh thần mà chống chọi nữa. Nhưng, nếu người ta kích thích y, khiến y nổi đoá, thì thế nào? Y sẽ bật dậy ngay. Con xem. Bố chả nói gì, nhưng lúc này ông ấy đang giận tím ruột. Mẹ nói không sai, sẽ thấy thôi. Bây giờ thì bố vững vàng rồi.

Al đứng lên.

– Con đi dạo một tí, ở dãy lều kia thôi.

– Tốt hơn là mày nên xem cho chắc, xe đã sẵn sàng chưa. – Tom khuyên.

– Sẵn sàng rồi.

– Nếu có trục trặc thì coi chừng đấy, tao sẽ để mặc cho Mẹ nói chuyện với mày.

– Sẵn sàng rồi, em đã bảo mà. – Và nó khoái trá bỏ đi dọc các dãy lều.

Tom thở dài:

– Con đã thấy mệt mỏi lắm rồi. Mẹ ạ. Sao mẹ cũng không làm cho con phải tức giận lên?

– Con có ý có tứ hơn. Tom ạ. Mẹ chả cần phải chọc cho con giận. Nếu Mẹ có chỗ nương tựa, thì chính là con đấy. Những người khác. Mẹ cảm thấy có phần nào xa lạ. Còn con, ít ra, con cũng không chịu bỏ cuộc.

Tất cả mọi trách nhiệm đổ lên vai Tom. Anh nói: – Con không thích như vậy. Con muốn làm sao cũng có thể đi nhởn nhơ như thằng Al. Và con cũng muốn có thể căm giận như Bố, uống say mèm như chú John.

Mẹ lắc đầu:

– Không thể được đâu. Tom ạ. – Mẹ biết chứ, Mẹ biết thế thuở con còn bé tí. Con sinh ra không phải để như họ. Có những kẻ chỉ biết đến bản thân họ, ngoài ra chẳng biết gì khác. Cứ nhìn thằng Al mà xem, nó chỉ là một thằng chỉ biết bám lấy bọn con gái. Nhưng con, con, chưa bao giờ thế Tom ạ.

– Có chứ Mẹ! Con vẫn còn như thế.

– Không hề. Những gì con làm đâu phải chỉ vì con. Mẹ hiểu ra điều đó chính khi họ bắt bỏ tù con. Cái đó

đã rõ quá rồi. – Thôi, thôi. Mẹ ơi, cái đó không đúng đâu. Mẹ chỉ tượng tượng ra thế thôi.

Mẹ đặt dao, nĩa lên chồng đĩa.

– Có thể lắm, Có thể là Mẹ tưởng tượng ra thế. Rosasharn này, hãy lau khô chén đĩa và xếp dọn đi.

Người thiếu phụ nặng nhọc đứng lên, cái bụng to nhô ra phía trước. Cô nặng nề đi lại gần cái hòm và cầm lấy một chiếc đĩa sạch.

Tom nói: – Bụng cô ấy cứ căng lên thế kia thì rồi cô ấy chả có thể mở to mắt được.

– Con có thôi đi không, sao cứ đùa em nó thế! – Mẹ nói – Rosasharn nó ngoan lắm. Đi đi, chào từ biệt bà con, những ai đó tùy ý con.

– O.k – Tom nói – Con sẽ đi hỏi xem phải đi bao nhiêu đường đất.

Mẹ nói với người thiếu phụ:

– Anh nói đùa tếu đấy thôi. Chứ chẳng có ý gì làm cho con phải buồn đâu. Ruthie và Winfield đi đâu rồi?

– Chúng đã lỉnh đi, theo sau Bố. Con thấy.

– Thôi mặc kệ chúng.

Rosasharn đi lại một cách nặng nề. Bà mẹ dõi mắt trông chừng.

– Con thấy có khoẻ không? Nom mặt con hơi sút đấy.

– Con không có sữa, người ta bảo con đáng lẽ phải uống sữa.

– Mẹ biết. Nhà không có sữa, biết sao được?

Rosashanl nói giọng rầu rầu:

– Nếu Connie không bỏ đi, chắc giờ đây, chúng con

đã có một căn nhà, anh ấy chắc đang học tập. Đáng lẽ con đã có sữa đủ dùng. Được thế, thì đứa bé mới xinh. Giờ thì chắc nó không xinh được nữa. Lẽ ra con đã có sữa ăn.

Cô thò tay vào túi tạp dề rút ra cái gì đó và bỏ vào miệng.

– Con nhai cái gì đấy?

– Không.

– Thế cái gì lúng búng trong miệng ấy?

– Chỉ có một mẩu phấn thôi. Con đã kiếm được một cục to.

– Nhưng này, ăn thế có khác gì ăn đất!

– Con thèm ăn như thế quá! Mẹ im lặng một lát. Bà duỗi chân, kéo căng vạt áo, và bà nói:

– Mẹ biết là tại sao rồi. Hồi có nghén, mẹ đã ăn than. Một cục to. Bà Nội bảo là không được ăn bậy bạ như vậy. Đừng nói chuyện ngốc nghếch về đứa bé. Thậm chí con không được phép nghĩ đến.

– Con không có chồng! Con không có sữa!

– Con mà khoẻ mạnh thì dễ chừng mẹ đã đánh cho con mấy cái tát.

Bà đứng lên và đi vào lều. Chốc sau bà trở lại, đứng trước mặt con gái và chìa bàn tay xoè rộng:

– Nhìn đấy! Những đôi khuyên tai bằng vàng lóng lánh trong lòng bàn tay của bà. Của con đấy! Đôi mắt của người thiếu phụ rực sáng trong giây lát rồi cô quay mặt đi.

– Con chưa xỏ lỗ tai.

– Ô, chóng thôi mà, mẹ sẽ xỏ tai cho.

Mẹ lại quay vào lều rồi lại ra ngay, với một chiếc hộp giấy bồi. Thoắt một cái, bà xỏ chỉ vào kim chắp đôi lại và thắt một dây nút. Bà lại xỏ chỉ một chiếc kim khác và cũng làm tương tự. Bà tìm được một mảnh nút chai nhỏ.

– Ôi! Đau lắm! Đau lắm! Con chả đâu.

Mẹ tiến về phía con gái, đặt miếng nút chai sát dái tai rồi đẩy kim xuyên qua thịt.

Thiếu phụ tỏ ra một cử chỉ nôn nóng.

– Ái đau, đau lắm

– Thế này thì đau gì?

– Ôi! Đau chứ, đau lắm.

– Thôi sang tai kia.

Bà lại để miếng nút chai theo như cũ và xuyên tai kia.

– Đau quá, mẹ à.

– Suỵt, xong rồi.

Rosasharn nhìn bà bằng đôi mắt tròn xoe. Mẹ cắt chỉ để rút kim ra và thắt một cái nút chỉ qua dái tai, bà nói:

– Bây giờ mỗi ngày phải kéo thêm một nút độ mười lăm ngày sau là con đeo hoa tai được. Bây giờ là của con đây. Con giữ lấy.

Rosasharn khẽ sờ tai và nhìn những giọt máu nhỏ xíu trên ngón tay.

– Không đau Mẹ nhỉ! Chỉ hơi rát thôi.

– Lẽ ra phải xâu tai cho con đã lâu rồi. – Mẹ nói.

Bà nhìn thẳng vào khuôn mặt con gái và mỉm cười với vẻ đắc thắng.

– Bây giờ, con hãy rửa bát đĩa gấp lên. Đứa bé của con sẽ rất xinh. Suýt nữa mẹ để con sinh đẻ mà không xuyên tai cho con. Nhưng thôi giờ thì con chả còn phải sợ gì nữa.

– Làm thế này, hay lắm hở mẹ?

– Hay đứt đi chứ – Mẹ nói – Còn phải hỏi!

Al ung dung bước dọc lối đi hẹp, tiến về phía bục khiêu vũ. Đến trước một cái lều nom có vẻ ngăn nắp, hắn huýt sáo khe khẽ, rồi lại bước đi.

Đến đầu bãi, hắn ngồi xuống cỏ. Ở phía tây, các đám mây đã mất đi các đường viền đỏ và bắt đầu tối mờ dần ở giữa. Al gãi gãi bắp vế và ngắm nhìn bầu trời buổi hoàng hôn.

Chỉ một lát sau, một cô gái tóc vàng hoe xinh xắn, mảnh dẻ, bước lại gần, cô ta lẳng lặng ngồi xuống chỗ gần Al, Al đưa tay lần ôm ngang thắt lưng của cô và ngón tay hắn lần mò khắp người cô.

– Thôi. – Cô nói – Anh đừng cù em nữa.

– Sáng mai nhà anh đi.

Cô ta ngửng đôi mắt, thảng thốt:

– Mai? Đâu thế?

– Lên miền Bắc – Hắn trả lời.

– Nhưng, chúng mình sắp cưới nhau, không à?

– Cố nhiên, chờ ít lâu nữa thôi.

– Thế mà anh lại nói sắp sửa! – Cô kêu lên giận dữ.

– Thì sắp sửa hay ít lâu, cũng như nhau thôi.

– Anh đã hứa.

Hắn lại đưa ngón tay lần mò xa hơn.

– Thôi đi – cô kêu to – Anh nói chúng ta sẽ cưới nhau.

– Thì chính thế mà lại.

– Chính thế, nhưng bây giờ anh lại bỏ đi.

Al hỏi:

– Em làm sao thế? Có bầu rồi à?

– Không, em chưa có bầu.

Al cười:

– Thế ra, anh nhọc công vô ích sao, hả?

Cô ta vênh cằm lên, đứng bật dậy:

– Al Joad, đừng có động đến tôi. Tôi không muốn nom thấy cái mặt anh nữa.

– Ồ, thôi mà. Chuyện gì mà phải thế.

– Anh tưởng anh muốn gì được nấy, hả?

– Đừng nóng giận.

– Anh tưởng em buộc phải ra đây với anh phải không? Vậy là nhầm. Em có ối dịp.

– Ồ? Đừng nóng lên thế.

– Không, ông ơi, ông đi đi. Bất thình lình, Al nhảy lên, chộp lấy mắt cá chân cô ta, ngoéo chân cô ta ngã ngửa, nhưng hắn lại vội túm lấy cô và lấy tay úp lấy miệng cô. Cô cố gắng cắn gan bàn tay hắn, nhưng hắn khum tay lại, còn với cánh tay, hắn dằn cô xuống đất.

Trong chốc lát, cô ta nằm im và sau đó cả hai đứa nô đùa lăn lóc trong cỏ khô. Al nói:

– Chẳng mấy chốc nữa, bọn anh sẽ trở về. Tiền rủng rỉnh đầy túi. Chúng mình sẽ đi Hooverville xem xinê.

Cô nằm ngửa, Al cúi xuống mặt cô. Và trong đôi mắt

cô, hắn thấy lấp lánh ngôi sao hôm và một bóng mây đen.

– Chúng ta sẽ đi tàu hoả. – Al nói.

– Theo anh thì bao lâu nữa?

– Ôi! Dễ chừng một tháng – Hắn trả lời.

Trời tối dần. Ngồi xổm dựa vào bờ hè của trụ sở. Bố và chú John bàn luận với các người cha gia đình khác. Họ dò xét màn đêm và dò xét tương lai. Viên quản trị người nhỏ bé, quấn áo trắng tinh tươm sơn gấu ngồi chống khuỷu tay vào lan can. Nét mặt ông mệt mỏi, cau lại.

Huston ngược mắt nhìn ông ta:

– Ông anh ạ, đi chợp mắt một chút thì tốt hơn.

– Đúng, như thế thì tốt hơn. Đêm qua ở trại ba, có trẻ sơ sinh ra đời. Tôi đang sắp sửa trở thành một bà đỡ đẻ mát tay đấy.

– Đàn ông phải biết thế! – Huston nói – Đàn ông có vợ phải biết chuyện đó.

Bố nói:

– Sáng mai chúng tôi lên đường.

– Thế hả! Phía nào vậy?

– Thế này, chúng tôi nghĩ là nên đi về mạn Bắc thêm một tí, thì tốt hơn. Cố gắng tới đúng vụ bông. Ở đây, chúng tôi không tìm được việc làm. Hết cả thực phẩm rồi.

– Bác biết trên đó có việc làm chưa?

– Chưa, nhưng điều chắc là ở đây không có.

– Muộn một chút sẽ có, – Huston nói – Chúng ta hãy

cố cầm cự cho tới lúc đó.

– Phải ra đi, chúng tôi buồn tiếc lắm, – Bố nói – Anh em ở đây tốt với chúng tôi đến thế. Ở đây có buồng vệ sinh, có tất tật, nhưng cần phải có ăn. Chúng tôi còn một thùng xăng đầy. Mong kiếm được ít tiền trên đường trường. Ở đây, ngày nào cũng tắm một lần. Chưa hề sạch sẽ như thế. Kể cũng ngộ, hồi trước, mỗi tuần tôi chỉ tắm có một lần, ấy thế mà không thấy hôi hám. Nhưng bây giờ nếu một ngày không tắm được một lần, thì tôi cảm thấy hôi hám. Tôi tự hỏi, không biết có phải tại mình tắm luôn chăng?

– Có lẽ trước đây bác không để ý đấy thôi. – người quản trị nói.

– Có lẽ thế, ước gì có thể ở lại đây.

Người quản trị nhỏ bé đưa tay ôm lấy thái dương:

– Tôi nghĩ là đêm nay lại sẽ có thêm một cháu bé.

– Chẳng lâu la gì nữa, chúng tôi cung sắp có một cháu. Chỉ ước gì nó sinh ở đây.

Tom, Willie và anh người lai Jules ngồi trên bờ bục nhảy và đu đưa cẳng.

– Tớ có một túi thuốc Bull Durham – Jules nói – Cậu có muốn cuốn một điếu không?

– Còn phải hỏi, – Tom nói – từ đời tám hoánh nào, mình chưa được hút một điếu.

Anh cẩn thận cuốn điếu thuốc nâu nâu, cố sao cho đỡ rơi vãi.

– Này, thấy cậu ra đi, bọn mình buồn lắm, – Willie nói.– Các cậu đều là những người tốt bụng.

Tom châm thuốc.

– Lạy chúa, mình không ngớt nghĩ đến tất cả điều đó. Chỉ là muốn có nơi ăn chốn ở nào đó cho ổn định. Jules lấy lại gói Durham.

– Không thể cứ thế này mãi được, – anh nói – Mình có một cháu bé gái. Mình nghĩ, một khi đã ăn ở tại đây, mình có thể gửi nó đến trường. Nhưng khốn nỗi, không có cách nào ở đâu lâu một chút tại một chỗ nữa. Phải luôn luôn chực sẵn để đi, có bò lê bò càng cũng phải đi tiếp.

– Mình hy vọng sao cho đừng rơi vào một khu Hooverville của chúng, – Tom nói – ở đây, mình đã khiếp vía thật sự.

– Bọn cảnh sát quấy nhiễu các cậu à?

– Mình sợ có ngày phải giết chết một thằng mất thôi, – Tom nói – Mình không ở đây lâu, nhưng lúc nào cũng sôi me lên. Đã có một thằng cảnh sát bắt đi một người bạn của mình chỉ vì anh ta cãi lại. Lúc nào mình cũng thấy nóng tiết, đến ngạt thở.

– Đã tham gia bãi công bao giờ chưa? – Willie hỏi.

– Chưa.

– Thế thì mình đã suy nghĩ nhiều về điều đó. Cớ sao cái bọn cảnh sát khốn nạn kia lại tới đây cũng như khắp bất cứ nơi đâu, để mà làm rối tùng phèo lên? Cậu tưởng cái ông nhỏ bé ở văn phòng chặn đứng được chúng, hay sao? Không đời nào.

– Vậy thì là tại sao? – Jules hỏi.

– Tớ nói cậu nghe. Chính vì bọn ta đồng tâm sát cánh với nhau. Một tay cảnh sát không thể động tới ai ở đây, bởi vì sẽ động đến cả trại. Hắn không dám làm thế. Chỉ cần kêu lên một tiếng, và ngay tức thì có hai trăm

người nhảy bổ vào hắn. Chính vừa mới đây có một tay tổ chức Nghiệp đoàn đi qua đây đã nói như thế. Y nói chúng ta có thể làm việc đó bất cứ ở đâu. Chỉ cần sát cánh nhau. Chúng không dại gì mà kiếm chuyện với hai trăm con người. Chúng chỉ dám động đến một người đơn độc thôi.

– Cứ cho là vậy, – Jules nói – Nhưng giả dụ là cậu dựng lên một Nghiệp đoàn như cậu nói. Cậu cần phải có thủ lĩnh. Thế vậy, chúng túm lấy các thủ lĩnh của cậu, và rồi Nghiệp đoàn của cậu sẽ như thế nào?

– Ấy – Willie nói – Muốn sao thì cũng phải nghĩ ra cách nào chứ. Tớ ở đây được một năm, công xá cứ giảm hạ mãi. Hiện lúc này, với tiền công của tớ một người không nuôi sống nổi gia đình mà càng ngày thêm tồi tệ. Chỉ ngồi đây, mà gặm móng tay và chờ chết đói, thế là không ổn. Tớ không biết nên làm thế nào. Một gã có một đôi ngựa kéo xe buộc phải cho chúng ăn tuy chưa làm việc gì, gã cũng không kêu ca gì hết. Nhưng với những con người làm công cho gã, gã đếch cần biết họ sống chết thế nào. Mẹ kiếp, ngựa lại quí hơn người. Thật tớ chẳng hiểu ra sao.

– Sự đời đến cái mức tớ chẳng muốn nghĩ đến nữa, – Jules nói – ấy thế mà cứ buộc phải nghĩ tới. Con bé gái tớ kia, các cậu biết đấy, nó kháu khỉnh lắm: Tuần trước, anh em đã cho nó một giải thưởng, vì nó kháu khỉnh. Thế đấy, rồi nó sẽ ra sao? Chẳng mấy chốc chỉ còn như que củi. Tớ không chịu đựng được thế. Nó xinh xinh là.

– Có ngày nào đó, tớ sẽ phải bung ra mất. – Như thế nào? – Willie hỏi – Cậu sẽ làm gì? Ăn cắp rồi đi tù chắc? Hay cậu giết một ai đó để rồi sẽ đung đưa đầu dây thừng?

– Chả biết, cứ nghĩ đến là muốn phát điên lên. Đầu óc cứ như bị búa nện.

– Có một điều là mình phải thiếu mặt ở các tối khiêu vũ – Tom nói – Cừ thật. Chưa bao giờ có những cuộc khiêu vũ đẹp đến thế. Thôi, mình về đi ngủ. Tạm biệt các cậu. Ta sẽ lại gặp nhau, ở đâu đó… Anh xiết chặt tay họ.

– Nhất định là gặp – Jules nói.

– Thôi tạm biệt! Tom đi xa trong bóng đêm.

Trong lều tối tăm của nhà Joad, Ruthie và Winfield nằm dài trên nệm, bên cạnh bà mẹ Ruthie thì thầm:

– Mẹ ơi!

– Gì vậy? Con chưa ngủ ư?

– Mẹ ơi, đi đến chỗ mới, có trò chơi cầu không?

– Mẹ biết đâu đấy. Ngủ đi. Mai đi sớm.

– Con muốn ở lại đây, ít ra cũng chắc chắn là có trò chơi cầu.

– Suỵt!

– Mẹ ơi, hồi hôm, thằng Winfield có đánh một thằng bé.

– Thật là không tốt.

– Con biết thế, con đã bảo với nó, nhưng nó đã đấm vào mũi thằng bé, rồi, eo ôi! Mũi thằng bé đái ra máu!

– Không được ăn nói như thế. Nói thế là bậy bạ.

Winfield trở mình dưới tấm chăn. – Thằng ấy nó nói nhà ta là quân Okies, – nó nói với giọng bất bình – Nó bảo nó chẳng phải là giống Okies, vì nó từ Oregon tới. Bảo chúng ta là giống Okies bẩn thỉu. Con đã thụi cho

nó mấy cái.

– Suỵt! lẽ ra con không được làm thế. Ai chửi nấy nghe[59] can gì đến mình.

– Được rồi nó có giỏi cứ nói lại xem – Winfleld nói một cách dữ tợn.

– Suỵt! Ngủ đi.

Ruthie nói:

– Chà! Mẹ mà trông thấy máu nó chảy ròng ròng nhé. Be bét hết quần áo nhé! Mẹ thò một bàn tay ra và béo cho nó một cái vào má. Con bé sững sờ một lát rồi khóc thút thít.

Bố và chú John ngồi ở buồng vệ sinh, mỗi người trong một cầu tiêu liền nhau.

– Chi bằng tận hưởng một lần cuối. Dẫu sao thì kể ra cũng khoái. Chú nhớ đấy chứ, lần đầu tiên khi xối nước, bọn trẻ nhà ta chúng chết khiếp.

– Mới đầu tôi cũng chả thoải mái hơn gì chúng, chú John thú nhận. – Chú cẩn thận tụt quần xuống quá đầu gối, nói tiếp – Tôi lại đâm ra xấu xa rồi. Tôi cảm thấy tội lỗi bắt đầu day dứt tôi.

– Chú không thể phạm tội lỗi được, chú chả có lấy một đồng xu sứt. Chú cứ ngồi cho vững. Một tội lỗi đáng giá hai đôla, mà tất cả nhà ta chả có lấy hai đôla.

– Đành thế rồi, nhưng tôi có những ý nghĩ tội lỗi.

– Chú có thể phạm tội bằng ý nghĩ, cái đó chẳng mất gì.

– Thì như vậy cũng là xấu.

– Nhưng thế lợi càng kinh tế hơn.

– Bác đừng đùa với tội lỗi.

– Tôi có đùa đâu. Chú cứ việc tha hồ phạm tội trong ý nghĩ. Bao giờ cũng vậy, hễ gặp tình cảnh bí bét là chú lại thấy chú mắc tội lỗi.

– Tôi biết thế. Bao giờ tôi cũng thế, nhưng chưa bao tôi kể lại một phần tư các chuyện đã làm.

– Vậy thì chú cứ giữ kín, mình biết mình hay.

– Chính những cái cầu tiêu tiện nghi này khiến tôi có những ý nghĩ tội lỗi.

– Vậy thì ra ngoài bụi bờ mà bĩnh. Thôi kéo quần lên, rồi về đi ngủ.

Bố xóc dây đeo chiếc quần yếm lên, ông kéo cái xối nước cuốn xoáy trong hố tiêu.

Trời hãy còn tối nhưng Mẹ đã thúc mọi người dậy. Các ngọn đèn thức rọi ánh sáng yếu ớt qua các cửa để ngỏ của Trạm. Những tiếng ngáy hoà vào nhau vẳng ra từ các lều giăng hàng ở bên bờ lối đi. Mẹ nói:

– Nào, dậy đi để lên đường. Sắp sáng rồi.

Bà nâng chụp đèn, thắp lên.

– Nào, ai ấy nhanh lên.

Một tiếng lục đục vặn vẹo chậm rãi trên nền lều. Gối và chăn bị hất tung ra, những con mắt ngái ngủ nhấp nháy trong ánh đèn. Mẹ mặc thêm chiếc áo dài ra ngoài chiếc áo lót mẹ mặc khi đi ngủ.

– Không có cà phê, – bà nói – Còn mấy chiếc bánh tráng, sẽ ăn dọc đường. Đứng lên, dọn đồ lên xe. Nào, nhanh lên. Đừng làm ồn ào, để hàng xóm người ta ngủ.

Phải một lúc sau ai nấy mới tỉnh hẳn. Bà mẹ đe hai đứa bé:

– Bây giờ thì chúng mày không được chạy đi đâu cả.

Cả nhà bận quần áo đã xong. Đàn ông dỡ chiếc bạt vào thành xe.

– Xong rồi đấy, Mẹ ạ – Tom nói – Đi được rồi.

Mẹ chìa cho họ một đĩa bánh tráng nguội.

– Đây, mỗi người một chiếc. Tất cả chỉ còn ngần ấy.

Ruthie và Winfield chụp lấy bánh tráng rồi lao lên trên nóc đồ đạc. Chúng chúi xuống dưới tấm chăn và ngủ lại, tay cầm chiếc bánh nguội và cứng.

Tom luồn vào chỗ tay lái, mở khoá công tắc. Máy rồ một tí rồi ngừng bặt. Anh kêu lên:

– Al ơi, mày đã để hở bình điện mất rồi.

Al vặc lại:

– Em biết làm thế quái nào được, hở? Em không có xăng, đành phải để nó bị khô.

Đột nhiên, Tom cười phá lên.

– Được rồi, mày làm thế quái gì, tao không biết, nhưng lỗi không phải tại mày. Giờ thì mày hãy chịu khó quay maniven.

– Em đã nói rồi, lỗi không phải tại em.

Tom bước xuống, tìm chiếc maniven dưới ghế ngồi:

– Lỗi là tại tao đây.

– Trao em tay quay.

Al cầm lấy tay quay.

– Cho máy nổ chầm chậm nếu không em sẽ gãy tay.

Tom điều chỉnh ga. Tom rồ máy chạy thật nhanh rồi hãm tốc độ.

Mẹ trèo vào ngồi bên cạnh anh.

– Chúng ta đã đánh thức cả trại dậy.

– Họ sẽ ngủ lại mà.

Al bước lên ở phía bên kia. Hắn nói:

– Bố với chú John ở trên cao, muốn ngủ lại cứ ngủ.

Tom đánh xe tới cổng chính. Người canh đêm ra khỏi phòng giấy và chiếu đèn pin về chiếc xe.

– Đợi một chút đã,– Có chuyện gì vậy? – Các anh đi thật à?

– Vâng.

– Thế thì phải gạch tên trong sổ.

– Các anh có biết các anh đi đâu không?

– Ôi, về mạn bắc thử xem sao.

– Chúc may mắn.

– Cũng xin chúc bác may mắn. Tạm biệt.

Chiếc xe thận trọng tránh cái sống lừa và lên đường cái. Tom đi lại con đường mà trước đây đã đi, vượt qua Weedpayth theo hướng Tây cho tới đường 99, và từ đó đi về hướng bắc theo con đường cái tới Bakersfield. Lúc đó tới các khu ngoại ô thành phố thì trời sáng.

Tom nói:

– Chỗ nào cũng có tiệm ăn. Chỗ nào cũng có quán cà phê. Nhìn vào quán kia kìa, mở suốt đêm. Tao dám cuộc là họ có đến mười bình cà phê trong đó mà nóng sôi nhé!

– Thôi, thôi, đừng nói nữa, – Al nói.

Tom nhìn về phía thằng em, nhăn răng cười:

– Này, tao thấy chỉ nhoáng một cái mày đã cưa được con bạn gái.

– Thì sao?

– Mẹ ạ, sáng nay nó cáu kỉnh đấy. Đừng đụng vào nó.

– Có ngày rồi tôi sẽ đi một mình – Al cáu kỉnh nói. Không đi với gia đình thì dễ xoay xở hơn.

Tom nói:

– Chín tháng nữa thì mày có gia đình riêng. Tao thấy mà.

– Anh hâm rồi, – Al nói – Em sẽ tìm được chỗ làm ở xưởng chữa xe, em sẽ ăn tiệm.

– Và chín tháng nữa, mày có vợ với một nhóc.

– À, em bảo là không.

– Al ạ, mày ranh ma lắm. Sẽ có ngày, có đứa nó phang cho vỡ sọ.

– Đứa nào?

– Bao giờ chẳng có những đứa chúng làm thế?

– Anh tưởng thế vì anh…

– Mày có im đi không, Al! – Mẹ cắt ngang:

– Chính con đã nói trước. – Tom nói – Con muốn chọc cho nó nổi khùng. Không có ác ý gì đâu Al ạ. Tao không biết là mày phải lòng con bé đến thế.

– Chả phải lòng con bé nào cả.

– Hay! Thế thì mày không phải lòng, tao không dám nói khác.

Chiếc xe tới địa đầu thành phố. Tom nói:

– Nhìn xem cái quán ăn lưu động kia. Có đến hàng trăm.

Mẹ nói: – Tom này! Mẹ để dành được một đô la đấy.

Nếu con thèm cà phê đến thế, con cứ việc uống.

– Không đâu Mẹ ạ. Con đùa tếu thôi.

– Con cứ uống, nếu thèm không nhịn được.

– Con không muốn uống đâu. – Đã thế thì đừng chuyện cà phê cà pháo nữa. – Al nói…

Tom im lặng một lát.

– Con có cảm tưởng lúc nào cũng như con kiến leo cành cụt[60]. Kia, con đường chúng ta đi tới hôm nào đấy kia. – Mẹ mong sao không gặp phải chuyện như thế nữa. Mẹ nói – Cái đêm tồi tệ quá!

– Con cũng không thú gì cái đêm đó.

Mặt trời đang lên ở phía phải họ, cái bóng lù lù của chiếc xe chạy bên cạnh họ, bay là là trên các cọc bờ dậu bên đường. Xe phóng nhanh khi đi qua trước Hooverville đã được dựng lại.

– Nhìn kìa, – Tom nói. – Lại có những người khác đến ở. Xem ra không có vẻ gì thay đổi.

Al bây giờ mới hết sưng sỉa.

– Có một thằng cha nói ở đó có những người đã cháy đồ đạc đến hai mươi lần. Hắn nói là họ chỉ chạy nấp vào các bụi rậm, sau đó lại mò về dựng một lều khác với lau sậy. Như lũ chuột cống. Có những kẻ đã quá quen nên cũng chả buồn giận dữ nữa. Họ cam chịu chuyện đó như cam chịu thời tiết xấu vậy.

– Hẳn rồi, với tao đêm đó cũng như đêm thời tiết xấu. – Tom nói.

Xe tiến lên trên con đường rộng lớn. Những tia nắng ấm đầu tiên khiến họ run rẩy.

– Buổi sáng, trời đã bắt đầu se lạnh. – Tom nói – Mùa

đông sắp tới. Quí hồ nhặt nhạnh được ít tiền trước khi đông tới. Nằm dưới lều chả vui thú gì rét mướt.

Mẹ thở dài, rồi ngẩng đầu lên, bà nói:

– Tom ạ. Mùa đông này, ta phải có một căn nhà. Nhất thiết phải cho có. Con Ruthie khoẻ mạnh, thằng Winfield ọp ẹp lắm. Chúng ta phải có một căn nhà phòng khi mùa mưa bắt đầu. Hình như ở xứ này, đã mưa là mưa xối xả.

– Ta sẽ có nhà. Mẹ ạ, Mẹ cứ an tâm. Mẹ sẽ có nhà.

– Mẹ chỉ mong muốn một mái nhà và một sàn gỗ. Để bọn nhỏ không phải ngủ dưới đất.

– Ta sẽ có, Mẹ ạ.

– Có điều là nhiều lúc, mẹ phát hoảng. Đúng là mẹ mất tinh thần.

– Chưa bao giờ con thấy mẹ mất tinh thần.

– Có đôi khi, ban đêm.

Nghe một tiếng xì chói tai ở phía đầu xe. Tom bám chặt vào tay lái, dấn mạnh bàn hãm trên sàn xe. Chiếc xe lắc lư một chút và dừng lại. Tom thở dài một cái.

– Ôi! Thế mới chết.

Anh ngả người ra lưng ghế. Al nhảy ra khỏi xe chạy tới xem bánh xe phía trước.

– Một cái đinh to tướng! – Al nói

– Có còn miếng vá lốp không?

– Không, Al đáp – Em dùng hết rồi. Có các thứ, có nhựa vá, nhưng không có vá lốp.

Tom quay lại nhìn mẹ một cách ngao ngán.

– Nhẽ ra Mẹ không nên nói đến đồng đô la đó, – anh

nói – Ta sẽ cố xoay xở để sửa chữa cách này hay cách khác.

Đến lượt mình, anh xuống xe và đến xem chiếc lốp trước.

Al chỉ một chiếc đinh to tòi ra khỏi chiếc lốp bẹp dí.

– Nó đấy! Dễ chừng cả xứ này chỉ có một cái đinh, nhưng nhất thiết chúng lại phải đâm vào xe nhà ta.

– Hỏng có nặng không? – Mẹ lo lắng hỏi.

– Không, không nặng nhưng phải chữa lại.

Cả nhà từ trên đống đồ đạc, leo xuống:

– Nổ lốp ư?

Rồi mọi người im lặng khi nhìn chiếc bánh bị nổ.

Tom khẽ ẩy Mẹ nhổm lên và lôi dưới ghế ra hộp đồ chữa. Anh gỡ cuộn cao su, túm lấy ống nhựa và bóp nhẹ nhàng.

– Gần hết sạch – anh nói – Hy vọng ta cũng đủ. Làm đi thôi. Al. Chèn bánh sau lại, đặt kích dưới bánh trước.

Tom và Al làm việc với nhau rất ăn ý. Hai anh em lấy đá chèn bánh sau, đặt kích dưới trục trước và tháo bánh xe thủng. Họ gỡ lốp khỏi vành bánh, tìm thấy lỗ thủng, nhúng một chiếc giẻ vào bình xăng và hùi kỹ xung quanh lỗ thủng. Tiếp đó, trong lúc thằng em căng xăm quanh đầu gối, thì Tom lấy lưỡi dao cắt ống nhựa rồi phết một lớp keo mỏng trên miếng cao su để vá.

– Bây giờ, đợi cho nhựa se lại, còn tao cắt. Anh tỉ mẩn cắt một miếng ở mảnh cao su màu xanh và cố cắt thật tròn. Al căng chắc ruột xe còn Tom kéo, khéo léo dán miếng vá.

– Được rồi! Giờ mày đặt trên bậc xe cho tao gõ.

Anh lấy một chiếc búa, cẩn thận trên miếng vá, rồi kéo căng ruột xe để chắc chắn là cái mép dính khít.

– Thế là xong! Chắc lắm. Cho xăm vào lốp, ta bơm lại. Mẹ ạ, con nghĩ rằng Mẹ có thể giữ nguyên đồng đôla của mẹ.

Al nói:

– Em muốn sao có một chiếc lốp phòng hờ. Phải có một cái, Tom ạ. Một bánh lắp sẵn bơm sẵn. Như vậy, đêm tối cũng sửa chữa được.

– Khi nào có tiền mua một chiếc lốp thay thế, chúng ta sẽ dùng tiền đó mua cà phê và mỡ. – Tom nói.

Trời hãy còn sớm, những chiếc ô tô còn ít ỏi đi qua, kêu vù vù, và mặt trời trở nên ấm áp, lấp lánh. Cơn gió hiu hiu rì rào từ tây nam thổi qua, một lần sương mù màu xám ngọc trai che khuất các ngọn núi ở hai bên thung lũng. Tom đang mải miết bơm xe thì một chiếc xe roadster từ phía bắc đi tới, đậu lại phía bên kia đường; một người đàn ông mặt rám nắng, mặc bộ complê thành thị màu xám xanh, từ xe bước ra và đi qua đường. Y để đầu trần. Y mỉm cười để lộ hàm răng trắng, nổi bật trên nước da nâu. Y đeo một chiếc nhẫn cưới to ở ngón giữa tay trái, và một quả cầu nhỏ bằng vàng đeo lủng lẳng ở dây đồng hồ và vắt ngang trước áo gilê.

– Xin chào.– Y nói giọng ân cần.

Tom ngừng bơm xe và ngước mắt lên:

– Chào!

Người đàn ông xọc ngón tay vào đám tóc ngắn, xoắn và lốm đốm hoa râm:

– Các ông tìm việc làm chăng?

– Đúng là thế, thưa ông.

– Các ông có biết hái đào không?

– Chúng tôi chưa hái bao giờ. – Bố nói.

Tom vội nói xen vào.

– Gì chúng tôi cũng biết làm. Có gì chúng tôi hái nấy. Người kia mân mê quả bóng vàng:

– Đã thế thì các ông sẽ có việc làm hàng loạt cách đây độ bốn mươi dặm, về mạn bắc.

– Chúng tôi chỉ ao ước có thế, – Tom nói – Ông chỉ cần cho chúng tôi biết đi tới đó bằng đường nào rồi nhoáng cái chúng tôi tới ngay.

– Thế này nhé, các ông cứ theo hướng bắc đi thẳng tới Pixley cách đây khoảng ba lăm ba sáu dặm, sau đó rẽ về phía đông, khoảng sáu dặm nữa. Bất cứ ai cũng nói cho các ông biết trại Hooper. Ở đó công việc có đầy, muốn bao nhiêu cũng có.

– Chúng tôi sẽ đi.

– Ông có biết những ai khác cần việc làm không?

– Biết lắm. Ở trại Weedpayth, có đống người đang tìm việc làm.

– Tôi sẽ tới đó. Chúng tôi cần nhiều người. Cẩn thận đừng lầm đường, tới Pixley, rẽ bên phải rồi đi thẳng theo hướng đông, tới trại Hooper.

– Đồng ý, Tom nói – Rất cám ơn ông. Chúng tôi đang cần việc làm, cần ghê gớm.

– Tốt lắm. Các ông đi nhanh lên, càng nhanh càng tốt. Y lại sang đường, lên xe Roadster mui trần và phóng thẳng theo hướng nam. Tom lại bắt đầu vật vã với chiếc bơm – Mỗi người hai mươi nhát, – anh nói.–

Một, hai, ba, bốn.

Đến nhát hai mươi, Al thay anh, rồi đến Bố và chú John. Chiếc bánh xe căng tròn dần, cứng lên. Chiếc bơm chuyển lần lượt qua ba vòng tay.

– Hạ kích xuống, để thử xem. – Tom nói.

Al rút kích ra, chiếc xe hạ xuống, ngay ngắn.

– Quá đủ rồi, – hắn nói, – Dễ chừng hơi căng quá.

Họ vứt dụng cụ vào xe. – Đi thôi! – Tom nói – Cuối cùng, thế là có việc làm.

Mẹ lại lên ngồi giữa hai anh em. Lần này thì Al cầm lái.

– Đi từ từ thôi, Al ạ. Đừng làm nóng máy.

Họ đeo đuổi hành trình qua những cánh đồng rực nắng ban mai. Sương mù đã tan và các đỉnh núi màu xám nhạt in rõ nét trên nền trời. Những con chim bồ câu rừng đậu trên các bờ dậu, bay vụt lên lúc xe đi qua. Al vô tình tăng tốc độ.

– Chầm chậm với, – Tom dặn – Mày mà thúc nó chạy nhanh, nó tung ra đấy. Phải đi được tới đó. Có thể chúng ta bắt đầu làm ngay ngày hôm nay cũng nên.

Mẹ nói sôi nổi.

– Với bốn người làm việc, dễ chừng họ sẽ ủng hộ tiền trước cho mẹ. Cái cần trước nhất, là cà phê, mày thèm khát khá lâu, sau đó là bột, mỡ và thịt nữa. Còn thịt quay, tốt nhất chưa nên vội. Sau hẵng hay, dễ dành đó, thứ bảy chẳng hạn. Mà xà phòng nữa. Phải có xà phòng. Mẹ tự nhủ, không biết chúng ta sẽ ở đâu.

Bà đã bốc:

– Lại sữa nữa. Mẹ sẽ mua sữa. Phải có sữa cho

Rosasharn. Chính cái bà y tá đã nói thế.

Một con rắn đang duỗi mình trên mặt đường âm ấm. Al khuỳnh tay lái, nghiến bẹp con rắn rồi lại chạy thẳng.

– Rắn bắt chuột, – Tom nói – Lẽ ra mày không được nghiến nát nó.

– Em ghét chúng, – Al vui vẻ nói – Ghét tất. Thấy chúng là ruột gan cứ cồn cào.

Mặt trời lên dần, sự giao thông càng thêm tấp nập, các người lái buôn trên những chiếc xe con hai chỗ ngồi, trưng ra ở cửa xe nhãn hiệu hãng của họ; các xe chở xăng sơn đỏ và trắng lôi kéo theo sau cả một chuỗi dây xích kêu lách cách, các xe tải đồ sộ cửa vuông của những hãng thực phẩm bán buôn, đi giao hàng. Con đường cái lớn đi qua một miền trù phú. Những vườn cây nặng trĩu lá đầu mùa, những vườn nho với những dây tua dài và xanh phủ thảm lên mặt đất giữa các luống cây, những thửa ô vuông trồng dưa và những cánh đồng ngũ cốc. Những ngôi nhà màu trắng trên cây cỏ xanh um, ẩn mình sau những bụi hồng leo.

Ở phía trước xe, Mẹ Tom, và Al tràn ngập niềm vui. Mẹ nói:

– Đã lâu lắm rồi, bây giờ mẹ mới thấy sung sướng như thế này. Nếu ta hái được rõ nhiều đào, dễ chừng ta có thể có một căn nhà, thậm trí trả tiền thuê trong vài tháng. Nhất định phải có nhà.

– Con sẽ dành dụm tiền rồi con sẽ ra thành thị kiếm một chỗ làm ở một xưởng sửa chữa xe hơi. Con sẽ thuê một căn buồng và ăn ở tiệm. Và tối nào con cũng đi xem xi nê. Cái đó không đắt lắm. Phim cao bồi.

Bàn tay hắn xiết chặt tay lái. Bình phát nhiệt sôi sùng

sục và khạc hơi.

– Mày đã đổ đầy nước chưa?

– Rồi. Nhưng em ngờ gió thổi phía sau lưng nên bình nhiệt nó mới nóng thế.

– Trời đẹp ghê, – Tom nói – Hồi ở Mac – Alester vừa làm việc con vừa nghĩ lan man đến những gì mà một ngày nào đó con sẽ làm. Con thấy mình sẽ cứ thế mà lái thẳng và không dừng lại bất cứ đâu. Chuyện đó có vẻ xa lắm rồi, con có cảm tưởng là đã bao nhiêu năm. Có một thằng cai tù, nó hành con đến khổ sở. Con đã quyết thanh toán nó cho xong. Chắc vì thế mà thấy bọn cảnh sát, con như nổi điên. Hình như thằng nào cũng có khuôn mặt như nó. Con nhớ, nó thường hay đỏ dừ mặt. Giống con lợn. Người ta nói nó có một thằng em, ở miền tây, những gã được tạm tha, nó gửi tới cho em nó và thằng này bắt họ làm việc không công. Nếu họ bới thối ra, họ bị tống trở lại nhà pha vì đã sai lời hứa. Người ta kể lại như vậy đấy.

– Con đừng nghĩ đến chuyện đó nữa. – Mẹ van nài – Các con sẽ thấy, Mẹ dự trữ đủ cái ăn, tha hồ bột và mỡ.

– Tốt nhất là cứ cho ý nghĩ như thế bật ra. Cứ cố nhịn nhét nó, đầu óc lại càng như bị búa nện. Trong nhà pha còn có một thằng gàn bát sách. Con chưa bao giờ nói cho cả nhà nghe về y. Đầu y như đầu con rối. Chả làm hại ai. Bao giờ y cũng nói đến chuyện vượt ngục. Ai cũng gọi y là Con Rối.

Tom cười lặng lẽ.

– Con đừng nghĩ đến chuyện ấy nữa. – Mẹ nài nỉ.

– Cứ kể đi, – Al nói – kể đi.

– Bây giờ có kể thì cũng chẳng hại gì, Mẹ ạ – Tom

nói – Lúc nào y cũng tính chuyện vượt ngục, vạch kế hoạch này kế hoạch nọ. Nhưng y không kín miệng được nên chỉ phút chốc là người ta biết được mưu mô của y, kể cả tay giám đốc. Người ta cứ để y vượt ngục rồi sau đó bắt y trở lại nhà pha. Một ngày nọ, y vạch ra kế hoạch như thường lệ có cả sơ đồ và tất tật. Dĩ nhiên, y đem phô hết với người này người khác, nhưng người ta cứ tảng lờ. Thế rồi y núp đi một nơi, ai cũng vẫn cứ tảng lờ. Chẳng biết y kiếm đâu ra một dây thừng. Y bèn leo tường. Có sáu thằng lính gác đã chờ đợi y ở bên kia bờ tường với một cái bao tải to. Anh chàng Con Rối ta cứ bình tĩnh nắm dây tuột xuống và rơi tõm vào túi. Bọn lính thắt miệng túi lại và kênh y trở về. Anh em được một mẻ cười vỡ bụng.

Nhưng sau đó thì nghị lực con Rối suy sụp. Y khóc suốt ngày và trông bộ mặt thật thiểu não. Cuối cùng thì y lăn ra ốm, vì tinh thần mất hết. Y lấy một chiếc kim băng xuyên qua mạch máu ở cổ tay, máu túa ra lênh láng và y chết, chả là đã mất hết tinh thần, nói cho cùng y chả làm hại ai. Trong nhà tù có đủ hạng người tàng tàng.

– Đừng nói chuyện đó nữa, – Mẹ nói – Mẹ biết bà mẹ của Pretty Bay Floyd. Hắn không phải là thằng con trai hư hỏng. Chỉ tại người ta đẩy nó vào đường cùng, có thế thôi.

Mặt trời đã đứng bóng, bóng chiếc xe tải mảnh dần và rồi ẩn náu dưới bánh xe, Al nói:

– Chắc kia là Pixley, trên kia kìa. Em đã trông thấy một dấu hiệu chỉ đường.

Họ vào thị trấn nhỏ bé, đi theo một con đường hẹp hơn về phía Đông. Vườn cây nối tiếp vườn cây và chẳng khác gì họ đang đi dưới một cái thuyền lật úp.

– Con hy vọng dễ tìm đến nơi.

– Người đàn ông kia nói là trại Hooper. – Mẹ nhắc nhở – Nói là bất cứ ai cũng biết họ. Quí hồ gần đây có một cửa hàng. Với bốn người làm. Có lẽ họ sẽ cho Mẹ mua chịu. Giá được mua chịu, Mẹ sẽ sửa soạn cho bố con một cái gì thật ngon để ăn tối. Có thể là một món thịt hầm.

– Với cà phê nữa, – Tom nói – Và có lẽ cả một gói thuốc Durham. Bao lâu rồi, con chưa được một hơi thuốc.

Phía xa đường bị tắc nghẽn, và một dãy xe môtô sơn trắng đỗ dài bên lề đường.

– Chắc xảy ra tai nạn. – Tom nói:

Lúc tới gần họ thấy một người thuộc đội cảnh sát Bang, đi ủng và đội mũ rộng vành. Y đang đi lởn vởn quanh chiếc xe sau cùng. Y giơ tay, Al dừng xe lại; y uể oải tựa vào cửa xe.

– Các anh đi đâu? – Y hỏi.

Al trả lời:

– Có người bảo chúng tôi là ở đây có thuê người hái đào.

– Thế ra các anh muốn có việc làm ư?

– Đúng thế – Tom nói.

– O.k. Đợi đấy một phút.

Y nhìn lề đường và kêu to:

– Thêm một xe nữa. Cả thảy sáu xe đã sẵn sàng.

Tốt nhất là cho cái mẻ này qua đi.

Tom gọi:

– Hê! Có chuyện chi vậy?

Viên tuần tra đủng đỉnh trở lại:

– Trên kia có lộn xộn tí chút. Đừng sốt ruột. Các anh qua được thôi. Chỉ việc theo sau đoàn xe này.

Có tiếng mô tô chuyển động, inh ỏi như tiếng pháo. Đoàn xe hơi rồ máy, xe nhà Joad đi cuối cùng. Hai tay lái mô tô đi trước đoàn xe, hai tay khác đi sau.

Tom hỏi, giọng lộ vẻ lo lắng:

– Chẳng biết có chuyện gì.

– Đường bị chắn chăng? – Al hỏi.

– Cần gì phải bốn cảnh sát để áp tải chúng ta. Tao không thích như vậy.

Phía trước họ, các xe mô tô tăng tốc. Đoàn xe cũ kỹ rậm rịch đi theo. Al phải thúc xe bám sát để khỏi bị cách quãng. Tom nói:

– Tất cả bọn họ cũng thuộc cánh như chúng ta. Tao chả thú gì chuyện này.

Bất thình lình, viên cảnh sát dẫn đầu vòng tay lái và đi vào một cổng lớn rải đá sỏi. Những chiếc xe cũ bám theo sau. Các mô tô rống to hơn. Tom thấy cả một dãy người đang trong con mương bên lề đường. Anh thấy họ há mồm ra như để gào thét, nắm tay họ giơ lên và khuôn mặt đầy giận dữ. Một bà to béo chạy đổ xô tới mấy chiếc xe, nhưng một chiếc mô tô gào rống chặn đường bà ta lại. Một rào chắn lưới sắt cao mở ra. Sáu chiếc xe cũ đi vào trong cổng và rào chắn khép lại. Cả bốn chiếc mô tô quay lại phóng hết tốc lực. Và lúc tiếng môtô đã tắt rồi, lúc giờ người ta nghe tiếng kêu thét của những người đứng trong mương. Có hai người đã đứng cạnh con đường rải sỏi, tay súng lăm lăm.

Một trong hai người kêu to:

– Nào, đi đi. Còn chờ đợi cái quái gì nữa! Cả sáu chiếc xe lại lăn bánh, rẽ vào một chỗ ngoặt và đột nhiên đến trước một cổng của một trại Đào. Tại đấy có mười căn nhà hộp vuông bé nhỏ, mái bằng, có một cửa sổ và một cửa ra vào, tất cả tạo nên một hình tứ giác. Ở đầu trại có một bể nước, và ở bên kia có một hiệu tạp hoá nhỏ. Có hai người cầm súng, phù hiệu sao của cảnh sát găm trên sơmi, đứng gác ở đầu mỗi dãy nhà vuông. Sáu xe hơi dừng lại. Hai viên kế toán đi từ xe nọ đến xe kia:

– Các anh muốn có việc làm?

Tom đáp:

– Cố nhiên. Nhưng tất cả cái chuyện này là thế nào?

– Cái đó không việc gì đến anh. Anh muốn làm việc không?

– Hẳn là muốn.

– Tên anh?

– Joad.

– Bao nhiêu đàn ông?

– Bốn.

– Đàn bà?

– Hai

– Trẻ con – Hai

– Ai cũng có thể làm việc được chứ?

– Ồ. Tôi cũng có thế.

– Tốt. Hãy tìm nhà 63. Công hái mỗi thùng năm xu. Không lấy quả thâm dập. Thôi, tới đó đi. Bắt tay ngay

vào việc.

Mấy chiếc xe lại chuyển bánh. Trên cửa mỗi hộp vuông đỏ có ghi số.

– Sáu mươi, – Tom nói – Sáu mươi kia kìa. Chắc ở đấy rồi. Kìa, sáu mốt, Sáu hai. Đây rồi.

Al cho xe đậu sát cửa căn nhà. Cả gia đình xuống xe và trố mắt nhìn sửng sốt. Hai tay cảnh sát bước lại gần. Chúng đi từ xe này đến xe khác, sói mói nhìn tận mặt tất thảy mọi người.

– Tên anh?

– Joad, – Tom đáp với giọng bực bội – Này chuyện gì mà lôi thôi thế?

Một trong hai viên cảnh sát giở ra một tờ danh sách dài.

– Không phải chúng nó. Cậu đã trông thấy bọn này ở đâu chưa? Nhìn số xe không phải. Bọn này không có. Xem ra bọn này O.k đây.

– Bây giờ tất cả các người, hãy nghe đây. Bọn ta không gây phiền hà gì cho các người. Việc mình làm, đừng có nhúng vào những việc không phải của mình. Thế thì, mọi việc sẽ suôn sẻ.

Nói xong họ quay ngoắt lại và đi xa. Tới đầu con đường bụi bặm, mỗi người ngồi lên một cái hòm và từ đó họ có thể kiểm soát suốt dọc con đường cái. Tom nhìn theo họ.

– Chắc chắn chúng muốn ta cảm thấy thoải mái như ở nhà vậy. Mẹ mở cửa căn nhà và bước vào. Sàn nhà đầy những vết mỡ. Trong căn phòng độc nhất này, có một bếp lò bằng tôn rỉ, ngoài ra không có gì. Bếp lò kê trên bốn viên gạch, và ống khói han rỉ chui qua trần

nhà. Không khí trong nhà nồng nặc mùi hôi và mỡ. Rosasharn tới đứng bên cạnh Mẹ.

– Chúng ta ở đây ư?

Mẹ đứng yên một lát, không đáp.

– Thì cố nhiên rồi – Cuối cùng bà nói – Không đến nỗi tồi tệ quá đâu, nếu chịu khó dội rửa cho kỹ. Phải lau chùi cho kỹ.

– Con thích ở lều hơn.

– Có sàn gỗ, – Mẹ dè dặt nói – Khi trời mưa, nước không thấm vào được.

Mẹ ngoảnh ra phía cửa, nói:

– Thôi, dỡ đồ đạc xuống được rồi đấy.

Lặng lẽ mấy người đàn ông dỡ đồ trên xe xuống. Tự nhiên một sự sợ hãi thế nào đó xâm chiếm họ.

Cái hình tứ giác rộng lớn gần những căn nhà hộp, chìm trong im lặng. Một người phụ nữ đi qua ngoài đường nhưng không nhìn họ. Bà ta bước đi, đầu cúi gằm, gấu chiếc áo trúc bâu cáu ghét rách xơ nom như đuôi cờ.

Một tấm màn buốt lạnh vô hình sa xuống chụp lấy Ruthie và Winfield. Không hối hả chạy đi xem xét khắp trại, lần này chúng đứng sát chiếc xe bên cạnh ngôi nhà. Mặt buồn thiu, chúng nhìn lối đi bụi bặm từ đầu này tới đầu kia. Winfield tìm thấy một đoạn dây thép gói hàng, và cứ cố gập đi gập lại đến nỗi nó gẫy đôi ra. Với mẩu ngắn hơn, nó làm một tay quay rồi nó cứ cầm lấy mà quay quay tít. Tom và Bố đang khênh các đệm vào nhà thì một người thư ký đi đến. Y mặc quần kaki, một chiếc sơ mi xanh và thắt một chiếc cà vạt đen. Y đeo kính gọng bạc cặp vào mũi, và sau mắt kính dày,

đôi mắt kém, đỏ hoe, với đôi con ngươi bất động khiến người ta nghĩ đến những đôi mắt lim dim của bò tót. Y nghển cổ ra phía trước để nhìn Tom. Y nói:

– Tôi tới dây ghi tên. Các ông có bao nhiêu người làm việc?

Tom đáp:

– Bốn đàn ông. Công việc có vất vả không?

– Hái đào. Từng quả một. Công mỗi hòm là năm xu.

– Bọn nhỏ có giúp một tay cũng không có gì trở ngại chứ?

– Chắc chắn là không, miễn là chúng để ý cẩn thận.

Mẹ đứng ngay trước cửa.

– Lúc nào thu xếp xong chỗ ăn ở, Mẹ sẽ đến giúp một tay. Ông ạ, chúng tôi không có gì ăn. Vậy chúng tôi có được lĩnh tiền công ngay không?

– Thế này, không có tiền ngay. Nhưng có thể mua chịu ở cửa hàng theo số tiền công bà lĩnh được – Thôi, ta gấp lên, – Tom nói – Tôi muốn có bánh và thịt để nhồi chặt dạ dày tối nay. Thưa ông, làm ở đâu?

– Chính tôi cũng đang đi tới đấy. Theo tôi.

Tom, Bố, Al và chú John bước theo y dọc theo luống đi bụi bặm, và chẳng mấy chốc đã ở trong vườn giữa đám cây đào. Những chiếc lá hẹp bắt đầu nhuốm vàng nhạt. Trên cành cây, các trái đào nom như các quả cầu nhỏ màu đỏ và vàng rực.

Giữa các thân cây, chồng đống những hòm rỗng. Những người hái quả chạy vội hết chỗ này đến chỗ nọ, hái đào bỏ đầy các hòm rồi mang đến trạm kiểm soát. Tại đây, trong khi từng chồng từng chồng các hòm đầy

quả chờ đợi các xe chuyên chở, các nhân viên ghi những con số bên cạnh tên các công nhân.

– Thêm bốn người nữa đây, – người dẫn đường báo cho một trong các nhân viên biết.

– O.k. Đã hái quả bao giờ chưa?

– Chưa bao giờ.

– Vậy thì phải hái cẩn thận, không lấy quả thâm tím, quả rụng. Các quả thâm không được tính. Thùng kia kìa.

Tom nắm lấy một thùng mười lăm lít và xem xét – Đây có nhiều lỗ thủng.

– Cố nhiên, – gã nhân viên cận thị nói – Như vậy họ khỏi ăn cắp đem về dùng.

– Tốt.

– Bắt dầu từ dẫy kia. Thôi, đi làm đi. Cả bốn người nhà Joad lấy thùng và đi vào vườn cây.

– Quả là họ không để mất thì giờ. – Tom nói.

– Mẹ kiếp! – Al nói – Tôi thích làm trong một xưởng chữa xe hơi hơn. Bố đang ngoan ngoãn đi theo mấy chú cháu đột nhiên quay lại nhìn Al: – Mày có thôi đi không, Al? Suốt buổi cứ lải nhải chỉ chuyện đó, rồi ca cẩm, rồi càu nhàu. Hãy làm việc đi. Tao còn có thể đánh cho mày một trận đấy, đừng tưởng là nhớn rồi đâu.

Al giận đỏ bừng mặt. Hắn toan vặc lại Bố nhưng Tom lại gần hắn nói một cách trầm tĩnh:

– Thôi, đi đi, Al. Đừng quên, đây là bánh và thịt đấy. Tối nay, phải có bánh và thịt. Họ hái và vất vào thùng. Tom lao vào việc.

Một thùng, hai thùng. Anh đổ quả vào hòm. “Ba

thùng, vị chi được một đồng kền". Anh bưng chiếc hòm và vội vã mang đến trạm kiểm soát.

– Cái này đủ một đồng kền rồi – anh nói với người tính công.

Người này nhìn vào hòm, lấy ra một vài quả và xem xét.

– Để riêng hòm này ra, chả ăn thua gì, – y nói. Tôi đã bảo là đừng làm dập nó kia mà. Các anh cứ thế mà trút ào vào hòm chứ gì? Thế đấy. Hỏng hết cả rồi. Ai lại tính hòm này. Hãy hái cẩn thận, xếp vào nhẹ nhàng, không thế thì các anh làm việc không công đấy.

– Nhưng, làm thế quái nào…

– Ê! Bình tĩnh với. Trước khi bắt đầu, tôi đã báo trước rồi mà.

Tom cúi mặt xuống, vẻ cau có.

– Được.

– O.K…

Anh vội vã đi tìm những người nhà:

– Có thể đổ hết các quả đã hái, – anh nói – Họ không nhận đâu. Cũng hư hỏng như quả tôi vừa đem đi.

– Thế đấy, thật là khốn nạn ! – Al bắt đầu lên tiếng.

– Phải hái nhẹ tay! Đặt quả vào thùng chứ không phải cứ ném bừa vào.

Họ lại bắt đầu và lần này họ xếp nhẹ nhàng hơn, cho nên các hòm chậm đầy hơn.

– Con nghĩ phải tìm ra cách làm khác, – Tom nói – Nếu Ruthie Winfleld và Rosasharn xếp quả vào hòm còn ta cứ việc hái, thì… cách ấy hay hơn.

Anh mang hòm thứ hai đến để kiểm tra.

– Hòm này có đáng giá một đồng kền không? Người kiểm soát xem xét các trái cây, thọc tay xuống tận đáy.

– Được rồi.

Y ghi công cho nhà Joad.

– Phải làm nhẹ nhàng, tất cả chỉ có thế.

Tom vội vã trở lại.

– Đã được một đồng kền, – anh kêu to – Đã được một đồng kền. Tôi chỉ cần làm thế hai mươi lần là có một đô la. Họ làm việc liên tục suốt cả buổi chiều, Sau đó thì Rosasharn và Winfield tới.

– Chúng mày làm việc đi.– Bố nói – Chỉ việc đặt đào vào hòm, mà phải cẩn thận. Nhìn xem, thế này này, mỗi lần một quả.

Hai đứa bé ngồi xổm xuống, nhặt những quả từ cái thùng phụ, và những chiếc thùng gióng hàng trước mặt chúng. Tom mang những hòm đầy đến chỗ kiểm tra.

– Bẩy rồi, – anh nói – Đây là tám. Được bốn mươi xu. Bốn mươi xu, được một miếng thịt xinh xẻo! Chiều càng xế, Ruthie định lủi đi.

– Con mệt lắm, – nó mếu máo – Con muốn nghỉ.

– Mày ở đâu cứ ở đấy, – Bố nói.

Chú John hái chậm. Tom đầy hai thùng thì chú mới được một. Chú cứ chậm rãi, đều đặn. Đến nửa chiều, mẹ vừa đi tới vừa lê bước.

– Đáng lý tôi ra đây sớm hơn, nhưng con Rosasharn đói lả đi, đột nhiên xỉu đi, – Mẹ quay lại tụi trẻ con – thế đấy, chúng mày đã ăn đào phải không? Liệu đấy, có nổ ruột thì chớ kêu.

Cái thân hình ngắn và mập của bà hoạt động nhanh nhẹn. Chẳng mấy chốc, bà bỏ chiếc thùng và sửa lại tạp dề. Đến chiều tối, họ đã hái đầy hai mươi hòm.

Tom đặt chiếc thùng thứ hai mươi xuống đất.

– Một đôla, – anh nói – Chúng tôi làm việc tới bao giờ?

– Tới tận tối, còn nom thấy rõ còn hái.

– Nhưng có thể mua chịu các thứ ngay được không? Mẹ phải đi mua cái gì đó để ăn.

– Được chứ. Tôi sẽ phát cho anh một cái bông một đôla.

Y viết cái gì đó trên một mảnh giấy rồi chìa cho Tom. Tom trao cho Mẹ.

– Đây, Mẹ, Mẹ có thể đến tiệm lấy một đôla các thứ cần.

Mẹ đặt cái xô xuống đất và đứng thẳng lên vừa vươn vai vặn vẹo cho giãn gân cốt.

– Lần đầu thấy mỏi rũ cả lưng, phải không?

– Hẳn rồi. Rồi sẽ quen nhanh mà. Mẹ chạy kiếm thức ăn đi. – Bố con thích gì?

– Thịt – Tom nói – Thịt, bánh và một bình cà phê ngọt, nhất là phải có một miếng thịt rõ to.

Ruthie bắt đầu gào:

– Mẹ ơi, chúng con mệt rồi.

– Thôi, thà đi về với tao. Ở chỉ quấy rối.

– Chưa mó tay vào thì chúng đã kêu mệt rồi. – Bố nói – Chỉ thích lêu lổng như thỏ rừng. Tôi mà không kèm cặp một chút thì rồi chẳng ra gì đâu.

Mẹ đi với bước đi nặng nề. Ruthie và Winfield rụt rè đi theo sau.

– Ngày nào cũng phải làm à? Winfield hỏi.

Mẹ dừng lại đợi chúng. Bà nắm tay thằng bé lôi đi.

– Không vất vả đâu. – Mẹ nói – Tốt cho chúng mày thôi. Vả lại ít ra, chúng mày cũng giúp đỡ được gia đình. Nhà ta mà ai cũng làm việc thì chẳng mấy chốc ta sẽ có nhà đẹp. Ai cũng phải làm chứ! – Nhưng con mệt mệt là.

– Mẹ biết. Mẹ cũng mệt chứ không à? Ai cũng mệt rã rời. Muốn quên mệt, nên nghĩ đến chuyện khác. Nghĩ tới lúc con sẽ đi học.

– Con không muốn đi học đâu. Ruthie cũng vậy, cái tụi trẻ con đi học ấy mà, con thấy chúng rồi, mẹ ạ. Cái bọn oắt con thò lò mũi xanh. Chúng gọi ta là loại Okies, con thấy chúng rồi. Con không đi học đâu. Mẹ cúi mắt thương hại nhìn mái tóc vàng rơm của con, rồi nói như cầu khẩn:

– Lúc này đây, con đừng làm cho nhà ta phải lo lắng con ạ. Lúc nào ta khá hơn, lúc đó con có thể bướng bỉnh được, bây giờ thì không. Chưa thế mà chúng ta cũng đã quá buồn phiền rồi.

– Con đã ăn sáu quả đào, – Ruthie nói.

– Thế thì con sẽ ỉa chảy. Mà gần nhà ta không có hố tiêu đâu nhé. Mẹ bảo cho biết đấy.

Cửa hàng của công ty là một căn nhà lớn mái tôn lượn sóng. Không có tủ kính để trưng hàng. Mẹ mở cánh cửa lưới sắt bước vào, một con người nhỏ bé đứng phía sau quầy. Đầu y hói nhẵn, nước da xanh xao. Bộ lông mày rậm sắc nâu uốn hình cung ở xa trên mặt

nên khuôn mặt y có vẻ ngơ ngác sợ sệt. Mũi y dài và mỏng, khoằm như mỏ chim và có những túm lông thò ra ngoài lỗ mũi.

Y mặc sơ mi xanh, măng sét đen. Y đang tì khuỷu tay vào quầy thì Mẹ bước vào.

– Chào ông. – bà nói.

Y nhìn bà với vẻ tò mò. Đôi lông mày, hình cung lại dướn cao thêm một chút.

– Xin chào bà.

– Tôi có đây cái phiếu một đôla.

– Thế thì bà có thể lấy một đôla thực phẩm. Y nói và cười khe khẽ. – Đúng vậy. Một đôla thực phẩm.

Tay y chỉ các món hàng.

– Trông kia kìa, bất cứ thứ gì.

Y kéo tay áo lên một cách trang nhã.

– Tôi muốn mua một ít thịt.

– Ở đây có đủ thứ. Có thịt băm có được không? Một cân hai mươi xu.

– Có đắt quá không ạ? Lần trước, tôi chỉ mua với mười lăm xu.

– Đúng vậy, – Y cười kín đáo – quả là đắt nhưng mặt khác, lại không đắt. Muốn ra thành phố mua một cân thịt băm, phải mất đứt một bi đông xăng. Thế vậy, bà thấy đấy, xét cho cùng thì chả đắt, chả là bà không phải phí xăng.

Mẹ đáp một cách lạnh lùng.

– Đem được thịt về đây, không mất đến một bi đông xăng.

Y càng cười thú vị.

– Bà xem xét vấn đề theo mặt xấu. Chúng tôi đây đâu có phải là người mua. Chúng tôi là kẻ bán, bà ạ. Nếu chúng tôi là người mua, lúc đó sự tình lại khác.

Mẹ đặt hai ngón tay lên môi, nhíu lông mày có vẻ suy nghĩ rất lung.

– Xem ra thịt này toàn gân với mỡ.

– Tôi không bảo đảm là thịt này nấu không dừ. Tôi không nói là thịt này dành cho tôi ăn, riêng tôi đây nhưng còn bao nhiêu chuyện mà tôi không muốn làm.

Bà nhìn y một lúc với vẻ dữ tợn. Nhưng bà ghìm được và hỏi một cách điềm tĩnh.

– Ông không có thứ thịt nào rẻ hơn à.

– Xương để nấu xúp, – y đáp – Mười xu một cân.

– Nhưng chỉ xương là xương.

– Thưa bà, vâng, rặt xương: nấu xúp, thì ngon. Chỉ rặt xương.

– Ông có thịt bò hầm không?

– Ồ, có chứ. Hai mươi lăm xu một cân.

– Đáng lẽ tôi phải nhịn mua thịt. – Mẹ nói – Nhưng họ đều muốn ăn thịt. Họ đã nói là họ muốn có thịt.

– Ai cũng muốn ăn thịt.

Ai nấy đều cần ăn thịt. Món thịt băm này lợi hơn. Mỡ làm nước sốt ngon. Không dở chút nào đâu. Mà không phí đi chút nào. Không phải vất xương.

– Còn bao nhiêu… bao nhiêu… thịt quay?

– Ồ, cái đó thì thưa bà, bà chơi ngông rồi. Các thứ đó, dành cho ngày lễ Nôel. Ba mươi lăm xu một cân. Đã

thế thì nếu có, tôi đã bán ngay cho bà gà tây với giá hời.

Mẹ thở dài:

– Cho tôi một cân thịt băm.

– Có ngay, thưa bà.

Y lấy một xẻng gỗ nhỏ xúc món thịt màu hồng gói vào trong giấy dầu, và hỏi:

– Bà lấy gì nữa?

– Có bánh mì?

– Đây bánh mỳ ngon, mười lăm xu.

– Nhưng chiếc bánh này chỉ mười hai xu.

– Rất chi đồng ý. Bà hãy ra phố mua thì có bánh mười hai xu. Một bình xăng. Bà cần gì nữa, khoai tây chứ?

– Phải, khoai tây.

– Năm xu một cân.

Bà Mẹ, nhích lên, vẻ doạ nạt.

– Này, ông nói thách như thế, đủ rồi đấy? Tôi biết ở phố khoai giá bao nhiêu rồi.

Cái gã nhỏ bé đó bặm chặt miệng rồi văng ra.

– Thế thì bà ra phố mà mua.

Mẹ nhìn những đốt ngón tay của y:

– Tôi hỏi ông, – bà nói khe khe, – Cửa tiệm này của ông sao?

– Không, tôi làm thuê, thế thôi.

– Ông có chuyện gì, để đùa cợt sao? Ông làm thế có ích gì cho ông không?

Bà Mẹ nhìn đôi bàn tay bóng loáng, nhăn nheo của y còn y vẫn nín thinh.

– Cửa hiệu này của ai vậy?

– Công ty Trại Hooper, thưa bà.

– Chính họ quy định giá ư?

– Vâng, thưa bà.

Bà Mẹ ngước mắt, khẽ mỉm cười.

– Tất cả những ai tới đây đều hỏi giống như tôi và ai nấy cũng đều nổi giận, nhỉ?

Ý lưỡng lự giây phút:

– Thưa bà, vâng.

– Và chính vì vậy mà các ông đùa dai?

– Bà định nói gì thế?

– Ông thấy xấu hổ, phải không? Rồi đành phải bông đùa một chút, chứ gì?

Tiếng nói của bà dịu dàng. Người bán hàng nhìn bà như bị thôi miên. Y không đáp lại.

– Sự tình là thế, – cuối cùng bà Mẹ nói – Bốn mươi xu thịt, mười lăm xu bánh, hai lăm xu khoai tây Vị chi là tám mươi, cà phê thì sao?

– Hai mươi xu, Giá rẻ nhất đấy, thưa bà.

– Chẵn một đô la. Chúng tôi bảy người làm lụng suốt ngày và ăn tối chỉ có thế! Bà nhìn bàn tay y một cách chăm chú.

– Ông gói cả lại cho tôi. – Bà nói nhanh.

– Thưa bà, vâng. rất cám ơn.

Y bỏ khoai tây vào một túi giấy rồi gập miệng túi lại cẩn thận. Y liếc nhìn trộm bà Mẹ, rồi lại chúi đầu vào

công việc. Bà quan sát y, miệng khẽ mỉm cười, bà hỏi:

– Ông làm thế nào mà xin được chỗ làm này?

– Phải ăn chứ. Y nói. Rồi với một vẻ hung hăng. – Dẫu sao thì một con người cũng phải có quyền ăn uống chứ!

– Con người thuộc loại nào? – Mẹ hỏi.

Y đặt cả bốn gói thức ăn lên quầy rồi nói:

– Thịt, khoai tây, bánh, cà phê. Một đôla chẵn.

Bà chìa chiếc phiếu cho y và quan sát y trong khi y ghi tên và món tiền nợ vào sổ.

– Xong! – Y nói – bây giờ chúng ta xong nợ.

Mẹ cầm các gói thực phẩm lên.

– Mà này, – bà nói – tôi không có đường uống cà phê. Thằng con tôi, thằng Tom, hẳn muốn uống với đường. Này ông! họ làm việc ở đằng kia. Ông bán chịu cho tôi đi, lát nữa tôi mang phiếu đến.

Người đàn ông nhỏ bé ngoảnh mặt đi, cố ngoảnh thật xa không nhìn bà Mẹ. Y như nói thầm:

– Không thể được, bà ạ. Nội quy định như vậy, tôi không bán được như vậy. Sẽ chuốc lấy những sự phiền phức. Tôi có thể bị bắt giam.

– Nhưng vì họ đang làm trong vườn cây. Họ sẽ lĩnh được hơn mười xu kia mà. Cho tôi mười xu đường. Thằng Tom con tôi nó muốn uống cà phê có đường. Nó vừa nói với tôi như thế.

– Không thể được, bà ạ. Nội qui cấm. Không có phiếu, không có hàng hóa. Ông giám đốc cứ nhắc đi nhắc lại với tôi như thế. Không, không được. Không thể được, tôi bảo mà. Tôi sẽ bị bắt. Không thoát được. Tôi

sẽ bị bắt. Không thể được.

– Bị bắt vì mười xu?

– Ít hơn thế kia cũng bị bà ạ.

Y nhìn Mẹ với vẻ cầu xin. Và đột nhiên, nỗi hoảng sợ biến mất khỏi khuôn mặt y. Y lấy ở túi áo mười xu, ném vào máy tính tiền mặt.

– Xong – y nói, giọng khuây khoả.

Y rút lên ở phía dưới quầy một cái túi nhỏ, lấy xẻng xúc một ít đường, cầm chiếc túi và bỏ thêm vào đó một ít đường.

– Đây – Y nói – Bây giờ thì đúng quy tắc. Bà hãy mang phiếu đến, tôi sẽ thu lại mười xu của tôi.

Mẹ quan sát y với vẻ tò mò. Bàn tay bà như mò mẫm thò ra cầm cái gói đường nhỏ đặt lên chồng gói thức ăn cồng kềnh bà ôm trong cánh tay.

– Rất cảm ơn ông, – bà nói một cách điềm tĩnh.

Bà đi ra cửa và tới đó, bà ngoảnh lại:

– Tôi đã học được điều hay. Ngày nào cũng học được. Là thế này, khi người ta bị túng thiếu hoặc gặp sự phiền muộn hay bị xúc phạm – thì chỉ nên đến với người nghèo khổ. Họ là những người duy nhất sẵn lòng giúp mình. Chỉ có họ mà thôi.

Cánh cửa lưới sắt khép lại phía sau bà. Người đàn ông bé nhỏ đứng tì khuỷu tay vào quầy hàng, đưa đôi mắt lạ lùng nhìn chằm chằm một lúc vào cánh cửa. Một con mèo lông nâu đốm vàng nhẩy lên quầy và đến uể oải cọ cọ vào cánh tay y. Con người bé nhỏ đó kéo nó lại sát má. Con mèo bèn lên tiếng gù gù một cách khoái trá, cái mũi đuôi nhọn đu đưa nhịp nhàng.

Tom, Al. Bố và chú John đi men vườn đào vào lúc tối mịt. Bước chân của họ nặng nề dẫm trên con đường đất.

– Đâu có tưởng được! Chỉ có việc giơ tay ra với và giật quả đào xuống mà cũng mỏi dừ gãy cả xương sống, – Bố nói.

– Hai ba ngày nữa sẽ quen thôi, – Tom nói – Bố ạ, ăn tối xong con thèm ra ngoài một chút, xem cớ sao có cái chuyện nhắng nhít om sòm ở cổng trại. Con cứ thắc mắc mãi. Bố có đi với con không?

– Không – Bố đáp – Tao thèm được yên tĩnh một lát để rồi lăm việc chứ không suy nghĩ gì hết. Tao có cảm tưởng là đã lâu lắm rồi, tao không ngớt vò đầu nát óc, mệt chết đi được. Thôi, tao ngồi một lát rồi đi nằm.

– Còn mày thì sao, Al?

Al ngoảnh mặt đi.

– Trước tiên em muốn đi dạo một vòng, xem ở đây nó thế nào.

– Ồ, chú John thì chắc chắn là không đi. Tao nghĩ là tao phải đi một mình, tao tò mò không biết sự thể thế nào.

– Tao thì có tò mò đến chết đi được tao cũng không đi. – Bố nói – Khi phải trông thấy một đống cảnh sát ở đây.

– Có thể là ban đêm chúng không ở đây nữa. – Tom, nói.

– Thôi tao chả đi xem làm gì. Mà tao cũng khuyên mày đừng nói với Mẹ mày đi đâu, nếu không bà ấy sẽ lo đến phát cuồng lên.

Tom quay về phía thằng em:

– Mày không thích đến xem à?

– Em chỉ thèm dạo một vòng trong trại, chỉ là xem nó như thế nào thôi – Al đáp

– Mày đi lùng gái hả?

– Anh chỉ dính vào những việc riêng của em thôi. – Al nói gắt.

– Còn tao, thế nào tao cũng đi – Tom nói.

Họ ra khỏi vườn đào, đi vào con đường nhỏ hẹp ngăn cách các dãy nhà đỏ. Ánh sáng vàng yếu ớt của các ngọn đèn dầu hoả chiếu qua các cánh cửa hé mở, những cái bóng đen đi đi lại lại trong các ánh sáng mờ mờ. Ở đầu con đường hẹp vẫn còn người lính gác đang ngồi ở đó, súng tựa vào đầu gối.

Tom đi ngang qua người lính thì anh dừng lại.

– Ông cho hỏi, ở đây có chỗ nào tắm rửa được không?

Người lính chăm chú nhìn anh trong ánh mờ mờ. Cuối cùng y đáp:

– Có trông thấy cái bể nước trên kia không?

– Có – Vậy ở đây có một vòi nước.

– Không có nước nóng?

– Này, cậu tưởng đang ở đâu vậy? ở nhà J.P.Morgan chắc?

– Không – Tom nói – Ai lại tưởng thế. Xin chào ông.

Tên lính gác càu nhàu, khinh bỉ :

– Nước nóng! Mẹ kiếp! Sao hắn không hỏi bồn tắm cho rồi.

Phẫn nộ, y nhìn bóng nhóm người nhà Joad đi xa

dần. Một tên lính gác thứ hai hiện ra phía sau căn nhà cuối cùng.

– Có gì thế. Mack?

– Lại những cái giống chó chết Okies khốn kiếp.

– Hắn hỏi tớ: "Không có nước nóng sao?" Tên lính gác thứ hai hạ báng súng chấm đất.

– Chính là cái bọn ở trại của chính phủ, – hắn nói – tớ cuộc là cái thằng kia đã ở trại chính phủ. Chưa đốt hết các trại ấy đi thì chưa ăn ngon ngủ yên được. Sắp tới phải có đệm sạch sẽ cho chúng đây.

Mack hỏi:

– Ở cổng chính, tình hình thế nào? Cậu có nghe tin gì không?

– Thế này, chúng gào la suốt ngày, cảnh sát địa phương đã giữ được trật tự. Không biết tụi nào xúi giục cái bọn chó đẻ đó. Nghe nói hình như có một thằng con nhà điếm, người cao gầy, đã khuấy động hô hào bọn chúng. Có ai đó nói với tao là đêm nay, họ sẽ thộp cổ thằng đó, tự khắc mọi việc sẽ đâu vào đấy.

– Nếu dàn xếp dễ dàng như vậy thì chúng ta không còn việc làm nữa.

– Bao giờ lại chả có, cậu đừng lo. Bọn Okies khốn nạn! Lúc nào cũng phải trông chừng chúng.

– Nếu tình hình đâm ra quá yên tĩnh, phải khuấy động chúng lên một tí chút, chứ! – Tớ nghĩ là khi họ hạ tiền công thì tình hình lại rối ren.

– Cậu nói thế! Thôi, cậu chả phải lo về chuyện có việc làm hay không cũng như chả phải lo chuyện Công ty Hooper khiến chúng phải cụt vòi.

Ở nhà Joad, lửa bếp đang reo. Những miếng thịt băm nhỏ đang reo lèo xèo trong chảo, khoai tây đang sôi sùng sục. Căn nhà đầy khói, ánh sáng vàng vọt của chiếc đèn xách chiếu đen lên tường những bóng dày nặng nề. Mẹ đang liền tay quanh bếp lửa, còn Rosasharn ngồi trên giường, cái bụng nặng nề tựa vào đầu gối:

– Bây giờ con có thấy khá hơn không? – Mẹ hỏi

– Chính con thấy nôn nao vì mùi thức ăn. Ấy thế mà con lại thấy đói.

– Con ra ngồi trước cửa. Vả lại. Mẹ cũng cần cái hòm gỗ này để chẻ làm củi đun.

Mấy người đàn ông bước vào.

– Lạy Chúa! Có thịt, – Tom kêu lên. – Và cà phê. Ngửi thơm ơi là thơm. Mẹ kiếp, đói quá. Con đã ăn một đống đào, nhưng chả mùi gì. Rửa ráy ở đâu được hở Mẹ.

– Đi ra bể nước, tắm rửa ở đấy. Mẹ vừa bảo Ruthie và Winfield ra đấy.

Cánh đàn ông lại đi ra.

– Nào, đi đi, Rosasharn. – Mẹ bảo – Ngồi trước cửa hoặc ngồi hẳn lên giường, để mẹ chẻ cái hòm.

Người vợ trẻ phải chống tay đứng lên. Cô nặng nề bước tới chiếc đệm gần nhất và ngồi lên đó.

Winfield và Ruthie lặng lẽ trở về, cố gắng đứng trong bóng tối để không ai có thể nom thấy rõ chúng.

Mẹ quay về phía hai đứa trẻ.

– Hai đứa kia, tao đoán là chúng mày thích gặp may nhờ đèn tù mù phải không?

Mẹ túm lấy Winfield và mân mê tóc nó.

– Dẫu sao thì cũng có ướt người. Nhưng tao cuộc rằng chúng mày chẳng sạch sẽ gì.

– Không có xà phòng, – Winfield càu nhàu.

– Đúng là không có. Hôm nay Mẹ không thể nào mua được. Nhưng có thể ngày mai sẽ có.

Bà trở lại bên bếp lò, dọn các đĩa ra và bắt đầu múc xúp. Mỗi suất hai miếng thịt băm nhỏ và một củ khoai tây to. Và mỗi người được ba nhát bánh.

Lúc đã phân phát thịt xong, bà rưới thêm ít mỡ vào một đĩa ăn. Đàn ông trở về, mặt mũi ướt át, tóc ướt bóng láng. Tom kêu to:

– A! Để nó đấy cho con.

Mỗi người bưng lấy đĩa. Họ ăn ngấu nghiến lặng lẽ rồi lấy một miếng bánh chùi sạch đĩa. Hai đứa trẻ lủi qua một góc phòng, đặt đĩa xuống sàn quì xuống trước thức ăn, chẳng khác gì những con chó con trước đĩa bột.

Tom nuốt miếng bánh cuối cùng.

– Còn nữa không. Mẹ?

– Không. Chỉ có thế. Tiền công được một đôla thì chỉ mua được một đôla.

– Mua ở kia à?

– Ở đây họ tính đắt hơn. Khi nào có thể được thì ra phố mua.

Con ăn chưa thoả.

– Vậy thì, ngày mai, con làm một ngày tròn. Tối mai, ta sẽ có ăn đầy đủ hơn.

Al lấy tay áo chùi miệng.

Con đi dạo một vòng – Hắn nói.

– Đợi tao, tao đi với.

Tom đi theo hắn ra ngoài. Trong bóng tối Tom nhích lại gần em. – Thật tình mày không muốn đi với tao ư?

– Không. Em đi dạo một vòng, em bảo rồi.

– Thôi, tuỳ mày. – Tom nói.

Tom tách ra và bước xuống con đường hẹp. Khói từ trong nhà toả ra quyện xuống đất, các ngọn đèn lồng hất ánh sáng ra đường qua các cửa sổ và cửa lớn để ngỏ. Ngồi trên ngưỡng cửa, nhiều người nhìn vào đêm tối. Tom thấy họ ngoảnh đầu lại lúc anh đi vào và cảm thấy họ đưa mắt theo dõi anh.

Đến đầu đường, anh rẽ theo một con đường lớn bụi bặm ngang qua cánh đồng đầy những gốc rạ bong đen của các đống cỏ nhỏ hiện rõ dưới ánh sao đêm. Mảnh trăng lưỡi liềm nằm thấp nơi chân trời về phía đông, và lòng sông. Ngân trải dài ra trên nền trời trong vắt. Tiếng chân bước của Tom khe khẽ động trên bụi bặm của con đường mòn và đôi giầy của anh để lại những vệt mờ mờ trên rơm rạ: Anh thọc tay vào túi quần và lững thững anh đi về phía cổng chính. Con đường mòn men theo một bờ đường dốc. Tom nghe tiếng nước thì thầm trong cỏ dưới mương. Anh leo lên bờ dốc, nhìn xoáy vào nước đen ngòm và nom thấy ánh sao sáng in dài dưới nước. Con đường cái bây giờ đã ở trước mặt anh, nó hiện rõ trong ánh sáng những đèn pha xe hơi xồng xộc chạy vụt qua. Tom lại tiếp tục bước, nom thấy trước mắt hàng rào giây thép dưới ánh sao.

Một bóng người động đậy ở bờ đường rồi có tiếng nói:

– Ê kìa! Ai đấy?

Tom dừng lại và đứng yên.

– Anh là ai?

Một người đàn ông đứng lên và bước lại gần.

Tom nom thấy tay y cầm khẩu súng ngắn, rồi một ánh đèn pin đánh thẳng vào mặt anh.

– Anh định đi đâu như thế kia?

– Tôi đi dạo một chút. Có luật cấm ư?

– Tốt nhất là anh đi dạo ở phía kia thì hơn.

Tom hỏi:

– Tôi không thể đi ra ngoài được sao?

– Tối nay thì không. Anh có muốn trở lại ngay hay là để tôi phải huýt còi người tiếp viện đến bắt anh?

– Ồ! phải, quái quỷ thật! đi hay về, tôi cũng cóc cần. Nhưng nếu đã có chuyện rắc rối như vậy thì đành thôi vậy. Tôi trở về là cái chắc.

Cái bóng đen có vẻ khoan khoái. Đèn tắt.

– Anh biết đấy, chính là có lợi cho anh tôi mới bảo anh đi về mạn kia. Không thế thì anh sẽ bị cái bọn bãi công chết tiệt ấy bắt mất.

– Bọn bãi công nào?

– Bọn đỏ mạt kiếp ấy mà.

– A! Tôi biết đâu là có bọn đó.

– Khi tới đây anh có thấy chúng không? Không ư?

– Nghĩa là tôi thấy một toán đông, nhưng cảnh sát nhiều quá nên chẳng biết ra làm sao. Tôi tưởng có tai nạn gì đó.

– Thôi, tốt hơn là anh về đi.

– Xong thôi. Càng hay cho tôi.

Anh quay ngoắt lại và đi theo lối cũ. Được một quãng anh dừng lại nghe ngóng. Từ cái mương tưới tiêu vọng lại tiếng gọi líu lo của con gấu trúc; phía xa một con chó bị xích đang gào rú giận dữ. Tom ngồi xuống bên bờ đường và căng tai nghe. Anh nghe tiếng cười to nhưng cố nén của một tay ăn sương và tiếng lướt êm của một con vật đang bò trong rạ. Anh dò xét chân trời ở cả hai hướng, và chỉ thấy hai mảng tối ở cả hai phía, không có gì có thể làm lộ hình bóng của anh.

Anh bèn đứng lên, chậm rãi băng qua đường mòn và đi sâu vào cánh đồng rạ, người gập đôi, anh tiến lên, đầu cúi thấp ngang những đụn cỏ rơm nhỏ. Anh di chuyển chậm, thỉnh thoảng dừng lại để lắng nghe. Cuối cùng, anh tới được bờ rào gồm năm hàng dây thép gai thật căng. Anh nằm ngửa mặt lên áp sát bờ rào, chui đầu qua phía dưới sợi dây thép thấp nhất, rồi vừa đưa hai tay nâng nó lên vừa khuỳnh hai bàn chân chúi người luồn qua. Anh sắp đứng lên thì có một nhóm người đi ở bên bờ đường. Tom đợi cho họ đi xa rồi mới đứng lên để theo họ. Anh thăm dò phía bên đường để tìm các lều. Vài chiếc xe hơi chạy qua. Một con suối sát ngang cánh đồng và con đường cái chạy qua suối trên một chiếc cầu xi măng. Tom nhìn qua bên thành cầu. Trong đáy lòng trũng, anh nom thấy một cái lều trong đó có ánh ngọn đèn lồng. Anh quan sát chiếc lều một lát và thấy bóng những người bên trong in trên nền vải lều. Tom leo qua một bờ rào và đi xuống lòng trũng, qua những bụi bờ và những cây liễu thấp lùn. Dưới lòng trũng bên cạnh một con suối nhỏ, anh phát hiện ra một con đường mòn. Một người đàn ông ngồi trên một cái hòm trước cửa lều.

– Xin chào.

– Ai đấy?

– Ồ, thế này, tôi chỉ đi qua, thế thôi.

– Anh quen biết ai ở đấy?

– Không, tôi đã nói là tôi chỉ đi qua.

Một cái đầu ló ra khỏi lều rồi nghe tiếng hỏi:

– Có chuyện gì thế?

– Casy. – Tom kêu lên – Casy! Lạy Chúa! ông làm gì ở đây?

– Ủa, lạy Chúa? Tưởng ai hóa ra Tom Joad đây mà! Vào đi Tom. Vào đi.

– Ông biết anh ta à? – Người đàn ông ở trước lều nói.

– Biết anh ta không ư? Lạy chúa, biết chứ. Biết hắn từ bao năm nay. Tôi cùng hắn đi về miền tây.

– Vào đi Tom.

Ông ta túm lấy vai Tom và kéo anh ta vào lều. Phía trong có ba người ngồi dưới đất. Một ngọn đèn đặt chính giữa lều. Họ ngước mắt nhìn, đầy vẻ nghi kỵ. Một người trong bọn, gương mặt u sầu và cau có chìa tay ra.

– Rất mừng được gặp anh. Thế ra Casy quen biết anh hay sao? Chính là cái anh chàng mà ông đã nói chuyện với bọn tôi, phải không?

– Thì đúng rồi. Đúng hắn, lại còn phải hỏi. Gia đình ta ở đâu? Mày làm gì ở đây?

– Thế này, – Tom nói – Nhà tôi nghe nói là ở đây có việc làm. Thế là cả nhà lên đường. Tới nơi rồi, chúng

tôi bị một toán cảnh sát lôi vào trại, và suốt cả buổi chiều chúng tôi cứ việc hái đào. Tôi trông thấy một toán đông những kẻ gào la. Chả ai chịu nói cho tôi biết tại sao có chuyện đó. Thế là tôi lần mò tới đây xem binh tình. Nhưng ông Casy cớ sao ông lại trôi dạt tới đây?

Ông mục sư cúi về phía trước, ánh đèn vàng soi rõ cái trán cao và tái xanh của ông.

– Nhà tù ấy mà, quả là chốn kẻ cùng ngộ. Như mày thấy đấy, tao lúc nào cũng đuổi theo sự cô đơn, cũng như Jesus, tao đi vào sa mạc tìm kiếm cái gì đó. Đôi khi suýt tìm ra. Nhưng chính ở trong tù tao mới tìm ra thực sự.

Đôi mắt ông linh hoạt, vui tươi.

– Cái xà lim cũ kỹ, to lớn kia, lúc nào cũng đầy những người. Kẻ thì mới đến, kẻ được tha, và cố nhiên, tao chuyện trò với tất cả bọn họ.

– Cái đó thì đã hẳn, – Tom nói – ông thì có bao giờ là không trò chuyện. Ngay cả khi ở dưới giá treo cổ, ông cũng dành cả một ngày để tán chuyện với gã đao phủ. Về cái khoản tán chuyện, có ai lại bằng ông Casy.

Những người trong lều bật cười. Một người bé quắt lại, da mặt nhăn nheo như một quả táo héo, vỗ đánh đét một cái lên đầu gối.

– Nói chuyện luôn mồm, – y nói – Thiên hạ thích nghe ông ta, cái đó thì khỏi nói.

– Hồi xưa, ông ấy là mục sư. – Tom nói – Ông ấy đã nói với các bác chưa?

– Dĩ nhiên là rồi.

Casy cười hở cả lợi.

– Như tao đã nói với mày lúc nãy, lúc ở tù tao đi sâu vào các sự việc. Một vài kẻ trong lều kia là những tay say rượu, nhưng phần lớn họ ở đấy vì họ đã trộm cắp, mà hầu như lúc nào cũng ăn cắp những thứ cần thiết nhất, những thứ mà họ không có cách nào kiếm được. Mày hiểu chứ?

– Không, – Tom nói

– Thế này nhé, mày phải biết, đó là những kẻ tốt bụng, Điều khiến họ xấu xa, đơn giản là họ có những nhu cầu. Chính tao bắt đầu nắm được điều đó. Chính cái đói nghèo là nguyên nhân gây nên mọi sự rắc rối. Tao còn chưa sáng tỏ được toàn bộ vấn đề. Chỉ biết có một hôm, người ta cho chúng tao ăn đậu chua. Một gã bắt đầu la ó, chả kết quả gì. Gã gào rống như một thằng bị quỷ ám. Một đứa giải tù dẫn xác đến, liếc mắt nhìn một cái rồi bỏ đi. Thế là, một gã khác bắt đầu gào. Tiếp đó, tất cả đều gào la. Đồng loạt om sòm tưởng chừng cả nhà tù đang dập dềnh dâng lên hạ xuống. Lạy Chúa! Lúc đó thì mới có chuyện. Bọn chúng hộc tốc kéo tới và đem thứ khác để cho bọn tao ăn. Thứ khác nhé. Hiểu chưa?

– Không hiểu, – Tom nói.

Casy chống tay lên cằm: – Có lẽ tao không thể nói cho mày hiểu được. Có lẽ tự mày mày sẽ suy ra. Chiếc mũ catket của mày đâu rồi?

– Tôi không mang theo.

– Em gái mày thế nào?

– Nó ấy à? Ồ, cô a như con bò cái. Tôi cuộc là nó sẽ đẻ sinh đôi. Chẳng mấy chốc nữa sẽ vỡ bầu. Nhưng hiện lúc này, nó cứ phải lấy hai tay đỡlấy bụng. Ông vẫn chưa nói tôi biết có chuyện gì ở đây? Người đàn

ông da nhăn nheo nói:

– Đình công. Ở đây đang đình công.

– Ồ!Năm xu một thùng, chả nhiều nhặn gì, nhưng vẫn có cái để ăn.

– Năm xu? – Người đó kêu lên – Năm xu? Chúng trả các cậu năm xu ?– Thì đúng như tôi nói, cả nhà tôi kiếm được một đôla tươi:

Một sự lim lặng nặng nề đè mạnh lên lều, Casy nhìn chăm chú vào bóng đêm qua cửa lều…

– Tom này,– Casy nói – Bọn tao tới đây kiếm công ăn việc làm. Chúng đã nói sẽ trả chúng tao năm xu. Mày xem, người kéo đến lũ lượt. Tới nơi rồi, chúng bảo chúng sẽ chỉ trả hai xu rưỡi. Riêng một người cũng chả nuôi được mình với tiền công đó huống hồ còn tụi trẻ con. Bọn tao trả lời không nhận. Thế là chúng tống bọn tao đi. Và tất cả bè lũ cảnh sát xông vào bọn tao. Bây giờ chúng trả mày năm xu. Khi nào chúng bẻ gẫy cuộc bãi công của bọn tao, mày tưởng chúng vẫn tiếp tục trả công năm xu sao?

– Tôi không biết. – Tom nói – Hiện giờ họ trả năm xu.

– Tom ạ, mày nghĩ xem. Bọn tao muốn cắm trại chung với nhau, nhưng chúng đã xua đuổi bọn tao như xua lợn. Xua tan tác. Nhiều anh em bị đánh nhừ tử, bị xua đuổi như lợn. Rồi cũng bị rượt đuổi như bầy lợn. Bọn tao không trụ được lâu nữa. Có những người hai ngày nay chẳng có gì ăn. Tối nay mày trở về đằng kia à?

– Đúng, tôi có ý định thế.

– Thế này, kể cho họ biết, những gì đã xảy ra. Nói

với họ là họ đang làm cho chúng tao chết đói và họ làm thiệt đến chính họ. Vì rằng, lúc nào bọn cảnh sát quét sạch bọn tao xong, công xá sẽ tụt xuống hai xu rưỡi. Chắc như đinh đóng cột.

– Tôi sẽ nói cho họ biết, – Tom hứa – Tôi chẳng biết xoay sở ra làm sao nữa. Chưa bao giờ thấy súng ngắn, súng trường nhiều đến thế. Thậm chí tôi không biết chúng có cho phép người nọ chuyện trò với người kia không. Với lại khó gần anh em. Họ cứ cắm đầu mà đi qua, mình có chào họ, họ cũng chả buồn trả lời nữa.

– Hãy cố nói với họ. Tom ạ. Ngay lúc bọn tao không còn ở đây nữa, họ chỉ nhận được hai xu rưỡi nữa thôi. Mày biết hai xu rưỡi là thế nào không, một tấn quả đào hái và đem bán để lấy một đô la.

Ông gục đầu:

– Không, ta không thể chấp nhận cái đó. Không có thể tự nuôi sống với giá đó, không thể có ăn với giá đó.

– Tôi cố báo cho những người khác.

– Mẹ mày khoẻ không?

– Khỏe. Lúc ở trại Chính phủ. Bà ấy thích lắm. Có vòi tắm nước nóng.

– Ờ, ờ… tao có nghe nói.

– Ở đó rất dễ chịu, có điều, không có cách nào tìm ra việc làm. Thế là phải ra đi.

– Tao có ý định vào một cái trại như vậy, – Casy nói, – Để xem sao, có ai đó nói với tao là không có cảnh sát.

– Không có. Dân trại tự đảm đương lấy việc cảnh sát.

Casy ngước nhìn anh với đôi mắt kích động.

– Và không có những điều phiền toái chứ? Không có

những vụ ẩu đả, trộm cắp, say bét nhè?

– Không, – Tom nói.

– Nhưng nếu kẻ nào đó giở trò xấu xa thì sao? Họ làm thế nào?

– Người ta đuổi ra khỏi trại.

– Nhưng không có nhiều chứ?

– Ôi! Không nhiều đâu, – Tom đáp – Chúng tôi đã ở đấy một tháng. Chỉ thấy có một người bị đuổi. Đôi mắt Casy lấp lánh, linh hoạt. Ông quay về phía mấy người bạn.

– Các cậu thấy chưa? – ông kêu lên – Tôi đã bảo với các cậu thế nào? Bọn cảnh sát chỉ gây rối ren hơn là ngăn chặn. Tom nói, mày hãy tới gặp những người ở chỗ mày. Cố gắng lôi kéo họ về phía bọn tao, rủ họ đình công. Cái đó, có thể bốn mươi tám tiếng là xong. Đào đã chín rồi. Hãy nói với họ.

– Họ sẽ từ chối, – Tom nói – Họ lĩnh năm xu và chả cần đếm xỉa đến cái gì khác.

– Nhưng ngay khi họ thôi không còn là những tay phá bãi công, họ vẫn có thể tìm được việc mới năm xu. Tôi không tin là họ nuốt được chuyện đó. Họ đang lĩnh được năm xu. Họ chỉ quan tâm đến chuyện đó thôi, ông ơi! – Nhưng dầu sao cũng cứ nói với họ.

– Tôi biết là bố sẽ không nghe. – Tom nói – Tôi biết tính ông ta. Ông ta sẽ trả lời tôi là cái đó chẳng mắc mớ gì đến ông.

– Đúng – Casy thừa nhận với vẻ đau khổ. – Tao tin là mày có lý. Ông ấy mà chưa bị đánh vào đầu thì ông ấy vẫn trơ ì.

– Ở nhà tôi chả còn gì ăn. Tối nay có thịt. Chả mùi

gì, nhưng cũng gọi là có. Ông nghĩ bố sẽ nhả miếng thịt ra để làm vui lòng kẻ khác sao? Còn Rosasharn cần sữa. Ông tin là mẹ sẽ chịu để cho đứa bé sơ sinh thiếu thốn chỉ vì một toán người đang hò hét om sòm trước rào chắn ư?

Casy buồn bã nói:

– Giá như họ có thể mở mắt ra mà xem. Giá như họ hiểu được cách duy nhất để bảo vệ miếng bít tết của họ là… Ôi! Nhiều lúc tao thấy ngán quá. Ngán ghê gớm. Tao có biết một thằng. Bị bắt lúc tao còn ở tù, vì đã cố thành lập một nghiệp đoàn. Y đã dựng nó lên được. Thế rồi bọn giữ trật tự thuê nhào tới. Mày có biết cái gì xảy ra sau đó không? Những người mà y muốn giúp đỡ, muốn tổ chức lại đã tống cổ y ra ngoài. Chúng chả muốn dính dáng gì với y, sợ bị liên lụy. "Cút đi!" Chúng nói. "Mày chỉ gây chuyện nguy hiểm cho chúng tao". Tinh thần y suy sụp. Nhưng y nói: "Nếu hiểu ra mọi nhẽ, thì cũng chẳng đến nỗi nào? Hãy xem Cách mạng Pháp. Những người đã phát động nó đều bị chặt cổ. Sự ra đời bao giờ cũng là thế.

Cũng tự nhiên như mưa rơi. Thoạt tiên, không phải vì thích thú mà người ta làm như vậy. Người ta làm là vì phải làm. Nó nằm trong bản thân anh.

Chẳng hạn, Washington, ông ta đã chiến đấu vì Cách mạng và sau đó cái bọn khốn kiếp đã quay lại chống ông. Lincoln cũng như vậy. Cũng chính bọn đó đã là ó đòi giết ông ta. Cũng là kẻ tự nhiên như mưa rơi.

– Tôi thấy chuyện đó chả có gì là ngộ, – Tom nói.

– Không, ngộ là thế nào. Cái gã kia ấy mà, y nói với tao: "Dẫu sao cũng là làm hết sức mình".

Lại nói: "Điều duy nhất phải thấy, là, mỗi lần thực

sự tiến lên được một bước, thì có thể lại lùi một phân, nhưng chỉ đến vậy thôi. Cái đó thì dễ chứng minh và chứng tỏ là đúng, rằng rút cuộc. Chả có gì bị hao phí, mặc dầu nhiều khi ta nghĩ ngược lại”.

– Y nói huyên thuyên, – Tom nói – Nói để mà nói thôi. Hãy xem thằng Al nhà tôi, chẳng hạn. Hắn đã đi cưa gái. Chuyện khác, hắn đếch cần. Vài ba ngày tới, hắn lại mò được một đứa. Đầu óc hắn chỉ có thế, chỉ nghĩ cái đó suốt ngày, rồi đến đêm lại đi mò. Bước tiến lên, bước lùi xuống hay bước sang bên, ông nghĩ xem, cái đó có nghĩa lý gì với hắn.

– Cố nhiên. – Casy nói. – Cố nhiên rồi. Đơn giản là hắn làm cái phải làm. Chúng ta ai chả thế.

Người đàn ông ngồi phía ngoài vén rộng tấm cửa lều ra. Y nói:

– Mẹ kiếp, tao không thích thế.

Casy quay mặt về phía y:

– Có chuyện gì vậy?

– Không biết. Có cái gì đó làm tôi bứt rứt khó chịu. Tôi thấy cáu kỉnh hơn con mèo vào đêm giông tố.

– Nhưng nào, cái gì mới được chứ?

– Không biết. Tôi có cảm tưởng nghe một tiếng gì đó tôi bèn lắng tai, nhưng chẳng có gì.

– Anh hay hoảng hốt bồn chồn, chứ gì đâu! Người nhỏ bé, da nhăn nheo nói.

Y đứng lên và đi ra. Giây lát sau, y thò đầu vào trong lều.

– Đằng kia có đám mây to đang kéo tới. Chắc chắn có cơn giông. Anh thấy khó chịu vì thế thôi… động trời[61]

mà! Rồi y đột nhiên lặn mất. Hai người đàn ông đứng lên và đi ra.

Casy nói khe khẽ:

– Họ thì lúc nào cũng thấy ngứa ngáy khó chịu.

– Bọn cảnh sát đã lớn tiếng la lối sẽ nện chúng tao một trận nên thân rồi tống khứ bọn tao ra khỏi vùng này. Chúng cho tao là kẻ cầm đầu, do bọn tao nói nhiều.

Khuôn mặt nhăn nheo lại hiện ra.

– Casy, tắt đèn đi rồi ra xem. Có chuyện gì đấy.

Casy vội vặn đèn xuống. Lửa đèn bé dần, chìm sâu xuống và tắt đi với tiếng lèo xèo. Casy mò mẫm luồn ra. Tom đi theo ông.

– Có chuyện gì vậy? – Casy hỏi trong một tiếng thì thầm.

– Tôi không biết. Lắng nghe xem.

Tiếng ếch nhái ồm ộp hòa vào cảnh hoa lặng xen với những tiếng dế ran ran, inh ỏi. Nhưng qua các bức tường, tiếng động này, thấm lọc những tiếng động khác, tiếng chân bước rón rén trên đường cái, tiếng các cục đất lăn từ trên đầu bờ đường xuống, những tiếng sột soạt khe khẽ trong cỏ mọc hai bên dòng suối.

– Thật ra thì khó mà nói là đã nghe tiếng gì.

Dễ nhầm lắm. Tức cả cái mình.

Casy nói cho họ yên tâm:

– Chúng ta cũng bực tức. Không thể nói rõ là… Mày có nghe gì không, Tom?

– Có, tôi có nghe, – Tom đáp – Tôi có nghe tiếng. Tôi tin có nhiều người từ bốn phía đi tới. Tốt nhất là chuồn

đi.

Người nhỏ bé da nhăn nheo lầm rầm:

– Dưới vòm cầu, phía kia. Phải bó lều lại thôi.

– Thôi đi, – Casy nói.

Họ đi theo bờ suối, cố không gây tiếng động.

Phía trước họ, vòm cầu sâu hoắm như một cái hang. Casy cúi mình và chui vào. Tom theo sau.

Chân họ bước trong nước. Họ đi như vậy được quãng mười mét, hơi thở của họ dội vào vòm gầm cầu. Tới phía bên kia họ đứng thẳng dậy.

Một tiếng gọi nổi lên gay gắt:

– Chúng kia rồi.

Hai chùm đèn pin chiếu thẳng vào họ, bao bọc lấy họ, khiến họ loá mắt.

– Không được động đậy.

Từ trong bóng đêm, có tiếng người vẳng ra:

– Đúng hắn. Cái thằng cao lớn chó chết kia. Không trật được.

Casy nhìn thẳng vào ánh sáng chói mắt. Ông thở khó khăn. Ông nói:

– Các bạn ơi, hãy nghe tôi. Các bạn không nhận ra các bạn đang làm gì. Các bạn giúp người ta làm cho trẻ con chết đói.

– Câm mõm lại, thằng đỏ bẩn thiu kia.

Một người mập và lùn tiến lại trong vùng ánh sáng. Tay hắn cầm một chiếc cuốc mới tinh.

Casy tiếp tục:

– Các bạn không nhận ra việc mình đang làm.

Gã đàn ông vạm vỡ bèn vung cán cuốc giáng xuống, Casy định né tránh. Chiếc gậy to phang đúng sọ ông. Casy đổ nghiêng xuống trong bóng đêm.

– Lạy chúa! Tao tin là mày đã giết chết hắn rồi George ơi!

– Soi đến xem. – George nói – Đáng đời nhà hắn, cái thằng chó đẻ.

Chùm ánh sáng hạ thấp xuống, tìm tòi trên đất và soi đúng vào cái sọ vỡ toác của Casy.

Tom cúi mắt nhìn ông mục sư. Ánh đèn pin soi sáng phía dưới khúc cẳng của thằng cha béo lùn và cái cán cuốc trắng. Tom lặng lẽ lồm chồm tới, thoắt một cái giật phăng cán cuốc. Lần thứ nhất, anh biết ra là mình đã đánh trượt và chỉ giáng xuống vai, nhưng lần thứ hai chiếc gậy của anh đã đập trúng một cái đầu, và khi cái hình thù đồ sộ sụp nhào xuống. Anh nện thêm ba nhát vào cái đầu đó. Những ánh lửa nhảy múa, hoảng loạn.

Những tiếng gọi í ới vang lên, rồi nghe tiếng chân chạy hối hả dẫm rậm rịch trong các bờ bụi. Tom đang đứng nấn ná bên cái thân hình nằm sóng soài thì đột nhiên bị đánh vào đầu một cú đánh hú hoạ. Anh cảm thấy như bị điện giật. Lát sau đó, anh chạy dọc con suối, người cúi gập đôi. Anh nghe ở phía sau những tiếng bì bõm trong nước.

Bất ngờ, anh nhảy tránh ra và bỏ qua các bụi cây, rúc sâu vào một lùm cây rồi ngồi im bất động.

Tiếng bước chân bước lại gần, ánh đèn lướt trên mặt suối. Cố hết sức len lách, vặn vẹo, anh thoát ra khỏi bụi, trèo lên đầu bờ suối đi vào một vườn cây ăn quả. Từ đó, anh vẫn nghe tiếng gọi, kêu la của bọn truy đổi

đang tìm kiếm anh ở lòng suối.

Anh cúi thấp người, chạy qua cánh đồng, đất cục tuột lặn dưới chân anh. Anh thấy ở phía trước những bụi cây rậm đánh mốc cho cánh đồng dọc theo con mương. Anh luồn qua bờ, bò ra, leo lách qua các cây gai và dây leo. Anh nằm yên, thở hổn hển và đưa bàn tay xoa lên mặt và mũi tê buốt.

Mũi anh bị dập và một tia máu chảy xuống cằm.

Anh nằm úp sấp duỗi dài cho tới khi tỉnh hẳn.

Rồi anh chậm rãi lê dần xuống bờ suối. Tới đó, anh nhúng mặt vào nước mát, xé một mảnh chiếc áo sơ mi xanh, nhúng nó vào nước rồi ấp vào mũi, vào đôi má rách toạc. Nước lạnh buốt châm chích và đốt da thịt. Đám mây đen trôi trên bầu trời, tạo nên một mảnh xanh xám trên nền trời sao. Đêm trở lại lặng lẽ.

Tom đi trong nước và cảm thấy đất lún dưới chân. Bằng hai sải tay, anh bơi qua con mương rồi ì ạch leo lên bờ bên kia. Quần áo anh dính vào da thịt. Anh cử động và gây nên tiếng lội bì bõm, nước trong giày bắn ra ục ục. Anh bèn ngồi xuống, tháo giày dốc nước ra. Tiếp đó anh vắt ống quần, cởi áo ngoài vắt cho hết nước. Dọc theo con dường cái, anh nhận thấy những chùm đèn pin sục sạo các hố, các rãnh. Anh đi giày vào và thận trọng đi qua ruộng rạ. Giày anh hết òng ọc. Do bản năng dẫn đường anh vượt qua cánh đồng và cuối cùng tới con đường mòn. Thận trọng từng tí một, anh lại gần dãy nhà vuông. Thình lình một người gác nghe tiếng động, kêu to: – Ai đi đấy?

Tom nằm vội xuống đất, người cứng ngắc bất động, chùm ánh sáng lướt thướt qua phía trên người anh. Anh lặng lẽ bò tới lều của gia đình.

Cửa kêu kèn kẹt trên bản lề.

Tiếng của Mẹ điềm tĩnh, rắn rỏi và hoàn toàn tỉnh táo, hỏi:

– Cái gì thế?

– Con đây, – Tom đáp.

– Tốt nhất là con ngủ đi. Thằng Al chưa về.

– Chắc hắn đã tìm được con bạn gái.

– Thôi ngủ đi. – Mẹ nói khẽ – Kia, nằm phía dưới cửa sổ kia.

Anh nhìn được chỗ nằm, cởi hết áo dính bết vào da thịt rồi vừa luồn vào chăn vừa run lẩy bẩy, mặt bị thương đã hết tê buốt, nhưng đầu anh đau như búa bổ.

Một tiếng sau Al mới trở về. Hắn đi mò mẫm và dẫm lên quần áo ướt của Tom.

– Suyt! – Tom khẽ nói.

Al thì thầm:

– Anh không ngủ à? Anh ướt hết cả rồi, sao thế?

– Suỵt – Tom nói – Sáng mai tao sẽ nói chuyện.

Bố trở lưng và cả căn nhà tràn ngập tiếng ngáy tiếng khò khè và tiếng nấc của ông.

– Anh lạnh cứng ra, – Al nói.

– Suỵt, ngủ đi.

Cái khung vuông nhỏ của cửa sổ in hình xám bên bóng tối trong gian nhà.

Tom không tài nào ngủ được. Các đường gắn trên khuôn mặt bị thương thức tỉnh và đau nhói, đầu gò má đau ê ẩm, cái mũi bị đánh dập sưng phồng lên và giật khiến toàn thân rung chuyển.

Anh ngắm nghía nhìn ô vuông cửa sổ, thấy các ngôi sao lướt qua và biến dần. Thỉnh thoảng anh nghe tiếng chân của tên lính gác.

Cuối cũng gà gáy ở nơi xa, cửa sổ sáng dần, Tom đưa đầu ngón tay mân mê khuôn mặt bị sưng, và cử chỉ của anh khiến Al càu nhàu trong giấc ngủ.

Rồi mãi sau, rạng đông tới. Trong các căn nhà đứng chen vào nhau, có tiếng người nào đó chẻ củi, khua xoong chảo.

Trong ánh xám nhờ nhờ. Mẹ đột nhiên ngồi dậy.

Tom nhận thấy khuôn mặt ngái ngủ của Mẹ. Một lúc lâu, Mẹ ngồi nguyên nhìn qua cửa sổ. Rồi mẹ hất chăn ra, tay lần mò tìm áo dài. Vẫn ngồi như vậy bà trùm áo lên đầu và để nó tuột xuống người.

Rồi bà đứng lên cho nó rơi xuống tận cửa sổ và ngó ra ngoài, rồi chằm chằm nhìn ánh ban ngày đang sáng dần, các ngón tay khéo léo của Mẹ gỡ tóc ra vuốt vuốt và tết lại thành bím. Rồi mẹ khoanh tay trước bụng, đứng im trong một lúc.

Khuôn mặt của Mẹ nổi rõ trong ánh sáng ở cửa sổ. Mẹ quay lại rón rén đi giữa các tấm nệm và nhìn thấy chiếc đèn, Mẹ thắp lên.

Bố trở mình mấy lượt, đôi mắt hấp háy nhìn mẹ.

– Bố nó, có còn tiền không?

– Hử? Còn, một mảnh giấy ghi sáu mươi xu.

– Vậy thì đứng lên, đi mua bột và mỡ. Chạy nhanh lên.

Bố ngáp:

– Thì cứ gọi người ta mở. Cả nhà phải có cái gì bỏ

vào bụng chứ! Còn phải đi làm.

Bố xóc lại chiếc quần yếm, mặc thêm chiếc áo vét sắc hung ra ngoài, vừa lê bước đi, vừa vặn vẹo vừa ngáp.

Bọn trẻ con thức giấc, từ dưới tấm chăn, đôi mắt mở thao láo như lũ chuột nhắt. Một thứ ánh sáng tái nhợt bây giờ tràn ngập căn buồng, thứ ánh sáng nhờ nhờ trước khi mặt trời lên. Mẹ liếc nhìn các tấm nệm. Chú John đã thức dậy, còn Al ngủ li bì. Mẹ đưa mắt nhìn Tom. Bà nhìn con chằm chằm rồi bước nhanh lại chỗ con. Mặt anh sưng vù, máu bầm tím trên cằm và môi. Mép vết thương xé rách má cũng sưng lên và căng ra.

Mẹ thì thầm:

– Tom ạ, có chuyện gì vậy?

– Suỵt! Đừng nói to thế. Con dính líu tới một cuộc ẩu đả

– Tom!

– Không phải lỗi tại con. Mẹ ạ.

Mẹ quì xuống bên cạnh con:

– Chuyện lôi thôi lắm à?

Phải lâu lắm anh mới đáp:

– Ờ, Chuyện lôi thôi. Con không thể đi làm được.

– Con phải ẩn nấp đi.

Hai đứa bé bò tới, háo hức tò mò.

– Anh ấy bị chuyện gì thế, Mẹ?

– Suỵt! mẹ nói – Đi rửa ráy đi.

– Không có xà phòng.

– Thế thì, không có xà phòng cũng rửa.

– Anh Tom bị gì thế?

– Chúng mày có im mồm đi không? Mà không được hở chuyện với ai.

Chúng lùi lại và ngồi xổm xuống sát tường phía đối diện, biết rằng chẳng ai để ý đến chúng.

Mẹ hỏi:

– Nghiêm trọng lắm ư?

– Con bị dập mũi.

– Không, là Mẹ muốn hỏi. Chuyện của con ấy mà?

– Ờ, nghiêm trọng! Al mở mắt nhìn Tom:

– Thế nào vậy. Lạy chúa! Anh đã rúc vào đâu vậy?

– Hắn làm sao thế? – Chú John hỏi. Bố trở về, kéo lê đôi giày nặng trịch trên sàn nhà.

– Tiệm mở cửa rồi.

Ông đặt một túi bột bé tẹo và gói mỡ xuống đất gần bếp lò.

– Chuyện gì vậy – ông hỏi.

Tom chống một khuỷu tay nhổm lên trong mấy giây rồi lại nằm xuống.

– Lạy chúa! Mệt làm sao! Con sẽ kể cho cả nhà nghe một thể. Để ai nấy cũng biết. Nhưng còn bọn nhỏ?

Mẹ nhìn hai đứa bé đang đứng sát tường và cố thu mình lại. – Chúng mày đi rửa mặt đi.

– Thôi – Tom quyết định – cứ để chúng nghe.

Con muốn chúng phải biết. Nếu không chúng lại đi khao chuyện huyên thuyên.

– Mẹ kiếp, những chuyện gì vậy? – Bố hỏi.

– Con sẽ nói. Tối qua, con muốn đi xem tại sao mà có chuyện la lối om sòm ở cổng vào. Và không ngờ lại gặp đúng Casy.

– Ông mục sư ấy à?

– Đúng, bố ạ, ông mục sư. Có điều, chính ông ta cầm đầu cuộc bãi công. Bọn chúng đến để thanh toán ông ta. – Bọn nào? – Bố hỏi. – Con không biết. Cái bọn thuộc loại đã chặn chúng ta trên đường cái và bắt chúng ta quay lui, đêm hôm nào đó. Chúng cầm cán quốc.

Anh nghỉ lấy hơi.

– Chúng đã giết ông ta. Đập vỡ sọ. Con có mặt ở đấy, con nổi điên. Thế rồi con giật lấy cái cán quốc.

Trong khi nói như vậy, anh thấy lại cái cảnh tượng hãi hùng, bóng đêm, chùm đèn pin. – Con đã đập ngã một đứa.

Mẹ nín thở. Bố co rúm người lại, hỏi khẽ:

– Mày giết chết hắn à?

– Con không biết, lúc đó con như điên. Con cố đập chết nó.

Mẹ hỏi: – Người ta có trông thấy con không?

– Con không biết. Con nghĩ là có. Họ chĩa đèn pin vào chúng con.

Mẹ nhìn một lúc vào mặt Tom.

– Bố nó, – bà nói khẽ – Chẻ củi, để tôi nấu ăn.

Phải đi làm, Ruthie và Winfleld, mẹ bảo đây.

– Nếu có ai hỏi dò gì. Tom bị ốm, hiểu chưa? Nếu chúng mày nói hở ra điều gì đó, người ta lại bắt anh bỏ tù lại. Chúng mày hiểu chưa?

– Hiểu rồi, mẹ ạ.

– Chú John, để ý chúng. Nhất là đừng để chúng nói với bất cứ ai.

Mẹ nhóm lửa, còn Bố thì phá những chiếc hòm đã đựng thức ăn. Mẹ ngào bột, và bắc nước sôi pha cà phê. Gỗ mỏng bắt lửa nhanh và ngọn lửa reo trong bếp lò.

Bố đã chẻ xong tất cả cái hộp rồi lại gần Tom:

– Casy, ông ta là người tốt bụng. Làm sao ông ta lại dây dưa vào những chuyện đó?

Tom trả lời uể oải.

– Họ tới đây làm với công năm xu một thùng.

– Thì họ cũng trả cho chúng ta như vậy.

– Đúng rồi, nhưng vô tình chúng ta là những kẻ phá bãi công. Với họ, chúng chỉ trả hai xu rưỡi.

– Tiền công như vậy thì sống làm sao được?

– Con biết lắm, – Tom nói một cách chán nản – Chính vì thế mà họ đã bãi công của họ. Hôm nay có thể là chúng trả cho chúng ta hai xu rưỡi.

– Bọn khốn kiếp!

– Đúng thế, Bố ạ. Giờ thì bố đã hiểu ra chứ?

– Casy, ông ấy vẫn là một con người tốt bụng. Chuyện thối nát. Cứ thấy ông ta nằm kia, sóng soài, đầu bị đập vỡ, máu trào ra khắp mọi chỗ… Con… lạy Chúa! Anh lấy hai tay che mắt lại.

– Đã vậy chúng ta biết làm gì bây giờ? – Chú John hỏi.

Al đã đứng lên:

– Thế này, về phần tôi, tôi biết tôi phải làm gì. Lạy

Chúa, tôi sẽ đi khỏi đây.

– Không được, Al ạ – Tom nói – Nhà cần đến mày, chính tao mới phải đi. Tao là mối nguy cho cả nhà. Lúc nào đứng dậy được là tao phải đi.

Mẹ xăng xở trước bếp lò. Bà hơi quay đầu lại để nghe. Bà cho mỡ vào chảo, và khi mỡ sôi lèo lèo, bà đổ những thìa bột vào. Tom lại nói:

– Mày phải ở lại, Al ạ. Mày phải trông coi chiếc xe.

– Ồ, em không thích thế.

– Kệ thôi, Al? Đây là gia đình của mày. Mày phải giúp đỡ. Tao, tao chỉ có thể làm liên luỵ đến gia đình.

Al càu nhàu, giận dữ.

– Lẽ ra thì tôi đã bỏ đi từ lâu, tìm một chỗ làm trong xưởng sửa xe.

– Có lẽ sau này hãy hay.

Cái nhìn của Tom hướng về cái đệm Rosasharn nằm. Cô ta mở to đôi mắt.

– Cô đừng lo phiền. – Anh nói – Đừng lo phiền. Ngày hôm nay, sẽ mua sữa cho cô.

Cô thong thả chớp mắt, không đáp.

Bố nói:

– Dẫu sao cũng phải biết rõ ràng, Tom ạ. Mày tin là mày đã giết cái gã đó rồi sao?

– Con không biết. Vì tối đêm. Vả lại có đứa nào đã đánh con. Con không biết. Nhưng con hy vọng… Hy vọng là đã giết được thằng chó chết ấy!

– Tom – Mẹ kêu lên – Đừng ăn nói như vậy.

Từ ngoài đường, có tiếng xe hơi từ từ tiến vào.

Bố lại gần cửa sổ, nhìn ra ngoài.

– Có một toán đông những người mới tới.

– Vậy là chúng đã thanh toán gọn cuộc đình công – Tom nói – Con nghĩ chúng đã bắt đầu trả công hai xu rưỡi.

– Nhưng người ta đâu có thể vừa chạy vừa làm được, với lại, làm thế cũng chả có ăn.

– Con biết lắm, – Tom nói – Đành ăn đào rụng để cầm hơi cho qua ngày.

Mẹ trở bánh và quấy cà phê.

– Nghe này, – bà nói – Hôm nay Mẹ sẽ mua bột ngô. Mẹ sẽ nấu cháo ngô. Và khi nào có tiền mua xăng, là chúng ta đi ngay. Chúng ta đã rơi vào một xó bẩn thỉu. Mà Mẹ sẽ không để thằng Tom đi một mình. Đừng hòng.

– Mẹ ơi, Mẹ không thể làm thế được. Con đã nói con mà còn ở đây thì cả nhà nguy.

Mẹ nghiến chặt răng, vẻ cương quyết.

– Chúng ta phải làm thế, không còn cách nào khác. Thôi ai nấy hãy lại ăn đi, rồi đi làm. Rửa ráy xong tôi sẽ đến sau. Phải nhặt nhanh cho được một ít tiền.

Họ ăn thứ bột rắn nóng bỏng, vừa ăn vừa phải hà hơi. Rồi họ lại uống cà phê, rồi rót đầy một tách nữa và uống cạn.

Chú John nhìn đĩa và lắc đầu.

– Tôi nghĩ là ăn thế này chả bõ bèn gì. Chính cơ sự này là do tội lỗi của tôi.

Bố kêu lên: – Ôi, Thôi thôi! Không phải là lúc đem tội lỗi ra mà hành chúng tôi. Thôi đi. Phải chịu thôi. Nào

bọn nhóc, đi giúp một tay. Mẹ mày có lý. Phải thoát khỏi nơi đây.

Họ đi rồi, bà bưng lại cho Tom một đĩa ăn và một tách cà phê.

– Con cũng nên ăn một chút gì.

– Không, mẹ ạ, con không thể nuốt được. Đau quá nên không nhai được.

– Con cố lên một tý.

– Không, con không ăn được, Mẹ ạ.

Mẹ ngồi xuống bên mép nệm, và nói:

– Mẹ muốn con kể cho Mẹ nghe tất tật. Để mẹ biết rõ và tìm cách lo liệu. Casy đã làm gì vậy? Sao họ lại giết ông ta?

– Đơn giản là ông ta chỉ đứng ở đấy, chúng chĩa tất cả đèn pin vào ông ta.

– Ông ta đã nói gì? Con có nhớ ông ta nói gì không?

Dĩ nhiên là con có nhớ. Ông ta nói: “Các anh không có quyền làm cho thiên hạ chết đói. Thế là có cái thằng cha gọi ông là thằng đỏ khốn kiếp.

Casy bèn đáp lại: “Các ông không hiểu rõ các ông đang làm gì?”. Thế là thằng ấy đã phang vỡ sọ ông.

Mẹ cúi mặt xuống, vặn tay một cách bực tức.

– Ông ta đã nói: “Các anh không hiểu rõ các anh đang làm gì?” phải vậy không?

– Vâng.

– Tiếc là Bà Nội không có đấy để nghe ông nói.

– Mẹ, chính con cũng không hiểu rõ con đang làm gì. Cũng như không để ý sao lại hít thở. Thậm chí con cũng

không biết trước là con sẽ làm như thế

– Thôi mọi sự đã rồi, con ạ. Mẹ những mong con không làm thế. Mẹ những mong con không tới chỗ đó. Nhưng con đã làm những gì con phải làm. Mẹ không thấy con có lỗi gì.

Mẹ lại chỗ bếp lò nhúng một mảnh vải vào nước đun sôi để rửa bát đĩa.

– Đây. Con đắp lên mặt.

Anh ắp mảnh vải nóng lên mũi, lên má và nhăn mặt.

– Mẹ ạ, tối nay con đi! Con không muốn vì con mà cả nhà phải đi.

– Tom! – Mẹ kêu lên giận dữ – Mẹ còn nhiều điều phải học. Nhưng Mẹ biết rõ một điều là con có đi thì cũng chẳng ổn thoả gì cho nhà ta. Tinh thần cả nhà ta sẽ bị đánh gục.

Rồi bà nói: – Đã có một thời nhà ta có ruộng có đất, con ạ. Hồi đó có một cái gì ràng buộc chúng ta với nhau: người già mất đi, lớp trẻ thay thế, và tất cả nhà chỉ là một. Gia đình là thế. Điều đó có vẻ nguyên vẹn[62] rõ ràng. Nhưng bây giờ thì không rõ ràng nữa. Mẹ thấy như mớ bòng bong. Chẳng còn gì để soi đường cho chúng ta đi. Xem thằng Al thì rõ, nó không ngừng cãi bướng và khóc lóc đòi hắn đi đường hắn. Chú John thì đành nhắm mắt đưa chân. Bố thì mất cương vị. Chỗ nào cũng rạn vỡ, Tom ạ. Không còn gia đình nữa. Còn Rosasharn… Mẹ nhìn xung quanh và đôi mắt Mẹ bắt gặp đôi mắt thao láo của con gái.

– Nó sắp sửa có con, nhưng vẫn không có gia đình nữa. Mẹ không biết sao nữa. Mẹ đã cố gắng hết sức để cho gia đình khỏi tan nát.

Thằng Winfield, nó sẽ ra làm sao nếu cứ như thế này? Nó sẽ trở thành hoang dại, như con thú rừng. Ruthie cũng vậy thôi. Vì chúng chẳng có cái gì để bấu víu. Đừng bỏ đi, con ạ. Hãy ở lại giúp đỡ Bố Mẹ.

– O.K, – anh nói mệt mỏi – O.K. Tuy vậy con vẫn nghĩ là không nên. Con biết.

Mẹ rửa mấy chiếc đĩa sắt tây trong chậu rửa bát và lau khô.

– Cả đêm qua con không ngủ?

– Không.

– Vậy, ngủ đi. Mẹ thấy quần áo con ướt hết. Để Mẹ đem hong ở gần bếp lò cho khô.

Mẹ đã xong công việc.

– Bây giờ Mẹ đi hái đào với cả nhà. Rosasharn này, có ai đó tới, bảo là Tom ốm, hiểu chưa? Đừng để bất cứ ai vào. Con hiểu chứ?

Rosasharn gật đầu.

– Đến trưa, Bố Mẹ sẽ về. Ngủ đi, Tom. Có thể tối nay chúng ta đi được.

Mẹ bước nhanh lại gần Tom.

– Con không lợi dụng lúc Mẹ vắng nhà để bỏ đi chứ?

– Không đâu Mẹ ạ.

– Chắc chứ? Con không bỏ đi chứ?

– Không, Mẹ ạ. Mẹ về vẫn thấy con.

– Tốt. Nhớ nhắc với Rosasharn.

Bà ra đi, khép chặt cửa lại.

Tom nằm duỗi dài không cựa quậy.

Và rồi như có một đợt sóng kéo tới, nâng anh lên tới

tận sự vô thức, từ từ cuốn anh trở lại, rồi lại dâng anh lên.

– Này, Tom! – Hả, gì thế? – Anh giật mình thức dậy và nhìn Rosasharn. Một mối hận thù dữ tợn nhóm lên trong đôi mắt người thiếu phụ. – Cô muốn gì?

– Anh đã giết người nào đó, phải không?

– Đừng. Đừng nói to thế! Cô muốn cho ai nấy đều biết, hay sao?

– Cái đó can gì đến tôi? – Cô kêu lên – Cái bà kia, bà ấy đã nói với tôi. Nói là tội lỗi sẽ mang tai hoạ đến cho tôi. Bà ta đã báo cho tôi biết. Bây giờ làm sao tôi có thể có một đứa con xinh đẹp được. Connie đã bỏ đi, tôi không được ăn đủ. Mà tôi cũng không có sữa uống.

Rồi cô ta tiếp tục nói, giọng như cuồng loạn.

– Thế mà bây giờ, anh lại giết người. Làm sao con tôi có thế sinh bình thường được? Tôi biết rồi nó sẽ tàn tật, tàn tật. Mà nào tôi có dự định những trò khiêu vũ tệ mạt đó! Tom đứng lên:

– Suỵt? Cô làm người ta kéo đến bây giờ.

– Tôi cóc cần. Con tôi sẽ tàn tật. Tôi không nhảy những điệu bẩn thỉu.

Anh lại gần cô em:

– Cô bình tĩnh lại đi.

– Đừng động đến tôi. Hơn nữa, đâu có phải người đầu tiên bị anh giết. – Mặt cô đó phừng phừng và cô nói lắp bắp –Tôi không muốn trông thấy anh nữa! Cô vùi đầu dưới chân. Tom nghe tiếng cô rên rỉ khóc nức nở. Anh cắn môi, nhìn nền nhà. Rồi anh đi lại phía giường người cha. Khẩu súng để ở mép nệm, một khẩu Winchester 38, tự động, dài và nặng. Tom cầm lên, lấy

cò cho thật chắc chắn là có được một viên đạn trong nòng súng. Anh để nấc hãm cò và trở về đệm nằm. Anh đặt khẩu súng lên sàn, bên cạnh anh, báng súng sát tầm tay, nòng súng chúc xuống phía dưới. Tiếng của Rosasharn chỉ còn là một tiếng thì thầm bị những tiếng rên rỉ ngắt quãng.

Tom lại nằm xuống và trùm chăn, kéo nó lên phủ cái má sưng vù và chỉ chừa một khe nhỏ để thở. Anh thở dài:

– Trên trời là trời ơi!

Ở bên ngoài, nhiều xe hơi đi qua và có tiếng người nói vọng tới anh.

– Bao nhiêu đàn ông?

– Ôi! Khổ chưa! Ba. Công bao nhiêu?

– Đến trại hăm lăm. Số đề trên cửa ấy.

– Vâng, thưa ông. Các ông trả công bao nnhiêu?

– Hai xu rưỡi.

– Lạy Chúa! Tiền công như vậy thì chúng tôi làm sao đủ ăn được một bữa?

– Chúng tôi trả như thế đó. Các ông không ưng thì sắp sửa có hai trăm người từ mạn Nam lên, họ sẽ vui lòng nhận ngay.

– Nhưng… Mẹ kiếp… dẫu sao thì…

– Nhanh lên! Nhanh lên! Hoặc nhận hoặc bỏ. Tôi không có thì giờ để bàn cãi. Nhưng…

– Nghe này, có phải giá cả do tôi định đâu. Tôi, tôi chỉ ghi tên, thế thôi. Nếu các người ưng thuận, càng hay. Nếu không, cứ tự tiện quay gót rồi tếch thẳng.

– Ông nói hai xu rưỡi?

– Đúng, hai xu rưỡi.

Tom nằm ngủ chập chờn. Có tiếng đi len lén khiến anh thức giấc. Tay anh lần mò khẩu súng, ngón tay để sẵn lên cò. Anh lật mền khỏi mặt và thấy Rosasharn đứng cạnh nệm anh.

– Cô muốn gì đây? – Anh hỏi

– Anh ngủ đi – Cô nói – Cứ ngủ kỹ, em canh cửa cho. Em không để ai vào đâu, anh yên chí.

Đến tối mờ, Mẹ trở về. Mẹ dừng lại trên ngưỡng cửa, gõ nhẹ và nói: “Mẹ đây” để Tom khỏi lo.

Mẹ mở cửa bước vào, tay cầm một cái túi. Tom tỉnh hẳn và ngồi dậy. Vết thương của anh đã khô và co lại, da đã giãn và bóng loáng. Mắt trái hầu như nhắm tịt. – Mẹ đi vắng có ai vào đây không? – Mẹ hỏi.

– Không – anh đáp – Chẳng có ai. Con biết chúng đã hạ tiền công.

– Tự đâu con biết?

– Con nghe người ta kháo chuyện ngoài kia.

Rosasharn ngước mắt rầu rầu nhìn Mẹ.

Tom chĩa ngón tay cái, chỉ về phía cô:

– Nó làm ầm ĩ như quỷ sứ ấy, Mẹ ạ. Nó nghĩ nó phải chịu trách nhiệm với tất cả, mọi nỗi cơ cực của nhà ta đều đổ dồn lên đầu nó. Nếu tại con nên nó mới đến nông nỗi đó, thì tốt hơn hết là con nên cuốn xéo.

Mẹ quay về phía Rosasharn:

– Con đã làm gì thế? Người thiếu phụ nói một cách phẫn uất:

– Với bao nhiêu chuyện như vậy, làm sao con tôi đẻ ra xinh xắn được?

– Suỵt! – Mẹ nói – Im đi, nào. Mẹ biết rõ nguồn cơn của con, Mẹ biết lỗi không phải tại con, nhưng con hãy giữ miệng.

Mẹ lại quay về phía Tom:

– Con đừng bận tâm đến nó nữa, Tom ạ. Cực nhọc lắm, Mẹ biết, Mẹ nhớ là tại sao. Khi người ta sắp sửa có con, thì cái gì cũng động đến mình, cái gì như cũng chống lại mình, ai nói gì người ta xem như bị chửi rủa. Con đừng để ý. Nó không thể nào khác được. Chính nó mang thai nên mới thế.

– Con không muốn vì con mà nó phải khổ sở.

– Suỵt? Đừng nói gì nữa.

Mẹ đặt cái túi trên bếp lò lạnh tanh.

– Chúng ta chẳng kiếm được mấy nỗi nên chả bõ nói. Chúng ta sẽ đi khỏi đây. Mẹ hứa với con như thế. Tom này, xem có thể kiếm được tí củi không.

– Ờ, thôi, con không thể ra được. Này, chỉ còn cái hòm này, chẻ nó ra. Mẹ đã dặn mấy người khi về nhớ lượm ít mẩu củi. Mẹ sẽ nấu cháo, ăn với một ít đường.

Tom đứng lên, lấy gót chân dẫm vỡ chiếc hòm.

Mẹ nhen lửa cẩn thận ở một bên tấm lưới, cố giữ lửa trong một bếp, ấm nước đặt thẳng trên lửa, bắt đầu reo ngay.

– Ở đây thế nào hở Mẹ? – Tom hỏi.

Mẹ xúc một chén ngô đầy trong túi.

– Đúng ra Mẹ không muốn nói đến. Thế này nhé. Hôm nay. Mẹ cứ mải nghĩ đến là hồi trước người ta hay kể chuyện tếu, lúc nào cũng có một ai đó nói một câu đùa khiến ai cũng bật cười. Tom ạ, xót lắm con ạ.

Không ai còn đùa tếu nữa. Mà có kể một chuyện tếu thì bao giờ cũng chua xót, châm chọc, không buồn cười nữa. Hôm nay có một gã nói thế này: “Cuộc khủng hoảng đã chấm dứt. Tôi thấy một con thỏ chạy qua nhưng chẳng ai săn đuổi. Một gã khác nói: “Đâu phải tại khủng hoảng khủng khiếc gì, chính chỉ vì người ta không thể tự tiện săn đuổi lũ thỏ. Người ta bắt chúng để vắt sữa, và sau đó thả cho chúng chạy. Con thỏ mà cậu thấy chắc chắn không còn sữa nữa”.

– Con biết Mẹ muốn nói gì rồi. Thật ra chẳng buồn cười như cái lần chú John cải đạo cho một người thổ dân, chú đã dẫn hắn về nhà, gã Thổ dân đã ăn sạch ngoét một thùng đậu đầy và sau khi đã tớp hết chai whisky của chú John. Hắn lại trở về với đạo cũ.

– Tom này, con lấy miếng giẻ nhúng vào nước lạnh rồi đắp lên mặt đi.

Bóng tối dày đặc. Mẹ thắp đèn, treo nó lên một chiếc đinh. Bà thổi to lửa và từ từ đổ bột ngô vào – Nghe có tiếng chân vội và rậm rịch ở phía ngoài. Cánh cửa bị đẩy bất ngờ, đập thình thịnh vào tường. Ruthie đâm bổ vào.

– Mẹ ơi, – nó kêu to – Mẹ! Winfield bị đau bụng.

– Ở đâu? Nói tao nghe, nhanh lên.

Ruthie thở hổn hển – Nó trắng nhợt ra rồi ngã nhào xuống. Nó ăn bao nhiêu là đào nên đau bụng suốt ngày. Đùng một cái nó ngã nhào. Trắng bệch ra.

– Dẫn tao đi! – Mẹ nói – Rosasharn trông nồi cháo.

Mẹ đi ra cùng Ruthie và nặng nhọc chạy theo sau con gái. Trong bóng tối thấy có ba người đàn ông đi tới phía bà, người ở giữa bế Winfleld. Mẹ chạy vội lại chỗ họ.

– Con tôi đấy, – Mẹ kêu lên – Trao nó cho tôi.

– Để tôi bế giúp cháu về cho bà.

– Thôi, xin trao cho tôi.

Bà ẵm nó trong tay và quay gót, nhưng đột nhiên bà chợt nhớ ra.

– Rất cảm ơn các ông. – Mẹ nói với ba người.

– Không có gì thưa bà. Thằng bé nhà bà yếu lắm. Chắc bị giun sán.

Mẹ vội vã trở về. Winfield mềm nhũn, nằm lả trong đôi cánh tay Mẹ. Mẹ ẵm nó vào nhà, đặt nó nằm xuống nệm.

– Nói Mẹ nghe. Đầu đuôi ra sao? – Mẹ hỏi.

Nó mở đôi mắt ngơ ngác, lắc đầu rồi lại nhắm lại. Ruthie nói: – Con đã nói với mẹ rồi mà. Suốt ngày nó đau bụng. Cứ chốc chốc lại đi ỉa. Ăn nhiều đào mà.

Mẹ đặt tay lên trán thằng bé.

– Nó không sốt. Nhưng nước da xấu lắm.

Tom lại gần, cầm đèn soi sáng.

– Con biết thế nào rồi. – anh nói – Nó đói. Mất sức. Phải cho nó ăn một hộp sữa, bắt nó ăn. Lấy sữa hòa với cháo.

– Winfield, – Mẹ nói – con thấy thế nào, nói Mẹ nghe.

– Con thấy chóng mặt, cứ thấy quay cuồng.

– Chị chưa hề thấy ai đau bụng như thế. – Ruthie nói ra vẻ quan trọng.

Bố, Chú John, và Al trở về, tay ôm những khúc củi và cỏ. Họ buông củi xuống cạnh bếp lò.

– Lại còn chuyện gì nữa vậy? – Bố hỏi

– Winfield đấy. Nó cần ăn sữa.

– Khốn khổ đến thế này! Cả nhà ai cũng cần thứ này thứ nọ cả.

– Hôm nay chúng ta làm được bao nhiêu? – Mẹ hỏi.

– Một đôla bốn mươi xu.

– Tốt! Hãy đi kiếm một hộp sữa cho Winfield.

– Thằng ấy bây giờ cũng cần phải ốm hay sao?

– Cần hay chẳng cần thì nó cũng ốm rồi. Đi nhanh lên.

Bố vừa đi ra, miệng vừa càu nhàu.

– Cháo nhừ chưa? – Mẹ hỏi.

– Rồi.

Rosasharn khuấy nhanh tay như để chứng minh điều đó.

Al nhăn mặt.

– Lạy Chúa! Cháo ư. Mẹ? Làm việc đến tận tối đêm mà chỉ ăn có thế thôi ư?

– Al ạ, con cũng biết là nhà ta phải đi nơi khác, phải hết sức dành tiền mua xăng. Con cũng biết đấy thôi.

– Nhưng Mẹ ơi, phải có thịt mới có thể làm việc được.

– Al hãy bình tĩnh, ngồi yên nào, – Mẹ nói.

– Trước hết phải lo đến cái thiết yếu và giải quyết ngay trước đã. Vậy con có biết là việc gì không?

Tom hỏi:

– Có phải chuyện về con không?

– Khi nào ăn xong sẽ nói chuyện sau. Al ạ, còn đủ

xăng để đi một quãng đường dài không?

– Gần một phần tư bình.

– Con muốn biết Mẹ định nói gì vừa rồi. Mẹ ạ. – Tom nói.

– Khoan đã, lát nữa hẵng hay. Con có khuấy cháo đi không nào. Đợi tí để Mẹ hãm cà phê. Ta có thể cho đường vào cháo hoặc vào cà phê. Không có đủ đường để bỏ vào cả hai đâu.

Bố trở về với một hộp sữa to.

– Mười một xu, – Bố nói một cách chán ngán.

– Đưa tôi.

Mẹ cầm lấy hộp, chọc thủng, cho thứ nước đặc sánh vào một cái chén rồi đưa cho Tom.

– Con bưng đến cho Winfield.

Tom quì xuống cạnh tấm nệm:

– Này, em uống đi.

– Em không uống dược. Em nôn mất. Mặc em.

Tom đứng lên.

– Lúc này nó không nuốt được đâu, Mẹ ạ. Hãy đợi tí chút đã.

Mẹ cầm lấy chén và đặt lên bậu cửa sổ.

– Đừng có ai đụng tới – Mẹ dặn – Dành cho Winfield.

– Con không có sữa ăn – Rosasharn phản đối – Đáng lẽ phải cho con.

– Mẹ biết lắm, nhưng trong lúc này, con đang đứng vững được. Em bé nó ốm. Cháo đã đặc chưa?

– Đặc. Khó lòng mà quấy được.

– Được, ta ăn thôi. Đường kia, gần như mỗi người một thìa. Cho đường vào cháo hoặc vào cà phê, tùy.

– Giá có ít muối hoặc hạt tiêu rắc vào cháo thì hay.

– Cứ cho muối vào, nếu con muốn, nhưng hạt tiêu phải nhịn vậy. Không còn chiếc hòm nào nữa. Cả nhà ngồi ăn trên nệm. Họ múc cháo ăn, rồi múc nữa, cho nên trong xoong gần như sạch ngoẻn.

– Còn tí để dành cho Winfield.

Winfield ngồi lên uống sữa và đột nhiên nó thấy đói như cào. Nó kẹp cái xoong vào giữa đôi cẳng, ăn nốt những gì còn lại và cạo cháy ở đấy, ở thành xoong. Mẹ đổ nốt chỗ sữa đặc còn thừa vào một cái chén và lén trao cho Rosasharn để uống vụng trộm trong một xó. Mẹ rót cà phê nóng vào các chén và lần lượt đưa cho mọi người.

– Thế nào. Mẹ định nói chuyện gì vậy? – Tom hỏi – Con đang muốn nghe đây.

Bố nói với vẻ bứt rứt:

– Tôi không muốn để Ruthie và Winfield nghe được chuyện này. Không thể bảo chúng ra ngoài được ư?

– Không – Mẹ nói – Chúng phải biết cư xử như người lớn, tuy rằng chúng còn là trẻ con. Không thể nào khác được, Ruthie này, Winfield và mày, hai đứa bay không bao giờ được bép xép những gì chúng mày sắp nghe, không thế thì vì chúng mày mà nhà ta sẽ tan hoang.

– Chúng con sẽ chẳng nói gì hết – Ruthie nói chắc nịch – Chúng con là người lớn rồi.

– Đã thế thì cứ lặng câm – Ai nấy đã đặt tách cà phê xuống đất. Ngọn đèn nom tựa như một cánh bướm

nặng nề, chiếu những bóng vàng nhạt buồn thảm lên tường.

– Thôi, Mẹ kể đi – Tom giục.

Mẹ nói.

– Bố mày kể đi.

Chú John uống hết cà phê. Bố liền lên tiếng:

– Thế này nhé. Như Tom đã nói, chúng đã giảm tiền công. Lại có một lô một lốc những người mới kéo đến, họ sẵn sàng hái đào để lấy một mẩu bánh. Mẹ Kiếp! họ đang chết đói mà. Mình đến định hái một quả thì bị họ cướp trên tay. Rồi xem, vụ hái đào này sắp xong trong nháy mắt thôi. Họ chạy rần rật để giành cho được một cây. Tao đã thấy họ đánh nhau. Một gã thì bảo cây đó của gã, gã kia lại cũng muốn hái ở cây đó. Chúng đã đi tìm những người này ở tận chỗ khỉ ho cò gáy… Tận Ở El Centre. Đang đói dở sống dở chết. Tao nói với tay kiểm tra: Chúng tôi không thể làm việc với tiền công hai xu rưỡi một thùng. Hắn đáp:

“Thế thì ông chỉ việc phới đi là xong. Bọn kia chúng làm được”.

“Khi họ đã ăn no rồi, họ sẽ từ chối không chịu làm tiếp nữa đâu.” Là tao bảo thế. Hắn bèn đáp: “Ấy, đào hái xong và nhập kho đâu đấy mà chúng vẫn chưa ăn đủ no được”.

Bố nín thinh.

– Một ngày công khốn nạn! – Chú John nói – Hình như chúng đang đợi thêm hai trăm người đến vào tối nay.

– Được rồi! Nhưng cái câu chuyện kia là thế nào?

Bố lặng im một chốc nhưng rồi ông nói:

– Tom ạ, tao ngờ rằng mày đã hạ thằng kia.

– Con cũng ngỡ thế. Con không trông rõ được nhưng con cảm thấy thế.

– Thật ra, người ta chỉ bàn đi tán lại chuyện đó thôi. – Chú John xen vào – Chúng đã phái từng tốp cảnh sát có vũ trang đi lùng sục khắp nơi. Có những thằng còn bảo sẽ Lynsê[63] thằng bé, dĩ nhiên nếu chúng bắt được gã đó.

Tom nhìn bọn trẻ đang trố mắt theo dõi. Chúng như không dám nháy mắt, sợ để lọt mất một điều gì quan trọng. Tom nói:

– Nhưng, cái gã ấy chỉ đánh chết thằng kia sau khi chúng đã giết Casy.

Bố cắt ngang:

– Giờ thì chúng đâu có nói thế. Chúng nói là thằng thanh niên ra tay trước.

Tom buông ra một tiếng thở dài.

– A, A!

– Hiện chúng đang kích động cả xứ để chống lại chúng ta. Là tao nghe nói thế, huy động tất cả các bọn phản bội, bọn tam điểm, tất tật. Chúng nói sẽ thẳng tay thanh toán với gã thanh niên đó.

– Chúng có nhận diện được hắn ta không? – Tom hỏi.

– Ô, không rõ lắm. Nhưng theo chúng nói thì gã thanh niên bị đánh trúng. Theo chúng nói thì hắn ta phải bị… Tom nhẹ nhàng đưa tay sờ cái má thâm tím.

Mẹ kêu lên:

– Không đúng, chúng nói láo.

– Mẹ hãy bình tĩnh, – Tom nói – Đúng hay không, chúng cũng phớt lạnh. Cái bọn thối thây ấy mà, chúng đã muốn chống lại chúng ta thì chúng có nói gì cũng đều đúng cả.

Đôi mắt của Mẹ soi mói nhìn qua ánh đèn tù mù, rồi Mẹ nhìn vào mặt Tom, đặc biệt vào đôi môi Tom:

– Con đã hứa. – Mẹ nhắc nhở anh.

– Mẹ ạ, con… cái gã thanh niên kia nên trốn đi thì hơn. Nếu gã có làm điều gì sai, có lẽ gã tự nhủ: "O.K, cứ mặc cho chúng treo cổ mình lên, thế là xong. Mình làm bậy, thì mình phải trả giá". Mẹ ơi, gã thanh niên đó chả làm gì sai trái. Hắn không cảm thấy có tội, cũng như lúc hắn giết chết một con chồn hôi.

Ruthie xen vào:

– Mẹ ơi, thằng Winfield với con, chúng con biết có chuyện gì rồi. Anh Tom chăng cần phải nói tranh trớ: "Gã thanh niên này nọ" vì có mặt chúng con.

Tom bèn cười:

– Muốn gì thì gã thanh niên đó không thích bị treo cổ, bởi vì nếu phải làm lại, thì hắn bắt tay vào làm lại. Nhưng mặt khác, hắn không muốn làm lụy đến gia đình. Mẹ ạ, con phải đi thôi.

Mẹ lấy tay che miệng và để cho rành rọt hơn bà nói:

– Không thể được. Con không tìm được chỗ để ẩn nấp. Con không tin cậy vào được ai. Ở đây con trông cậy được vào Bố Mẹ. Bố mẹ sẽ có thể giấu con và thu xếp làm sao để con được ăn uống chờ cho mặt con lành lặn.

– Nhưng mà. Mẹ ơi… Bà lại đứng lên: – Con ở lại với gia đình. Gia đình sẽ đưa con đi cùng. Al hãy lùi xe lại

sát cửa: Mẹ đã nghĩ ra mưu kế chu tất rồi. Ta sẽ trải một cái nệm ở đây.

Tom sẽ nhanh chóng nằm lên đó, rồi ta sẽ bố trí một cái nệm khác lên trên như kiểu một cái ổ cho hắn nằm trong. Thế rồi chỉ còn việc chất đồ đạc lên trên cùng và khắp xung quanh. Hắn có thể thở được. Hiểu cả chứ. Không khác được. Đừng bàn. Bố phàn nàn:

– Tao có ý kiến là đàn ông trong nhà đến quyền ăn nói cũng chả có nữa. Thế đấy, bà ấy cứ như bị quỉ ám rồi. Chờ đấy, tới ngày có nơi ăn chốn ở đâu đó, tôi sẽ nện cho bà ta một cái tát.

– Được thôi, đến ngày đó, tôi cứ đứng yên cho ông tát. Nhanh lên, Al gấp lên. Trời tối rồi.

Al đi tìm xe. Hắn ngẫm nghĩ thoáng chốc, rồi ngồi vào tay lái lùi đít xe thẳng tới trước cổng, tận sát bậc lên:

Mẹ nói:

– Nào, nhanh lên? Xếp nệm lên! Bố và chú John liệng nó lên qua tấm chắn phía sau.

– Giờ đến chiếc kia.

Họ tung cái thứ hai lên.

– Tom, nhẩy lên, nấp xuống dưới. Nhanh lên.

Tom nhanh chóng leo qua thành sau và nằm bẹp xuống. Anh kéo nệm trái lên sàn và kéo cái kia phủ lên mình. Bố nâng nệm ở chỗ giữa lên rồi gấp khom lại ở hai bên thành, tạo nên một cái vòng ở trên người Tom. Tom vẫn có thể nhìn ra ngoài qua khe hở ở hai bên thành xe. Bố, Al và chú John vội chất đồ đạc vào xe xếp chồng các chăn lên phía trên cái hang của Tom, xoong chảo ở hai bên, và chiếc nệm cuối cùng ở phía đằng

sau. Tất cả nồi niêu, xoong chảo, chén đĩa, tất cả quần áo đều chất chồng bừa bãi, vì các hòn đá bị chảy thiêu trong lò. Công việc vừa xong thì một tên lính gác tới, khẩu súng ngoắc ở cánh tay gập lại

– Ở đây có chuyện gì thế? – Hắn hỏi.

– Chúng tôi đi đây, – Bố đáp.

– Đi để làm gì?

– Ờ, người ta đề nghị với chúng tôi một công việc, làm tiền công cao hơn.

– Thế hả? Đâu thế?

– Ở… mạn Weedpatch.

– Để tôi xem mặt các người một tí. – Hắn chiếu ánh đèn pin vào giữa mặt bố, chú John và Al.

– Có một tay nữa đi với các ông không?

Al nói:

– À, ông định nói là cái thằng đi nhờ xe ấy chứ gì? Nhỏ con, mặt trắng toát, phải không?

– Ờ. Chắc là thế. Tôi nhớ ra rồi.

– Thì chúng tôi đã nhặt nó dọc đường, trước khi tới đây. Sáng nay nó đã bỏ đi ngay khi biết là người ta đánh sụt tiền công.

– Anh nói lại xem, nó thế nào?

– Nhỏ bé, xanh dớt.

– Hồi sáng, mặt nó đã bị thâm tím chưa?

– Tôi không để ý – Al nói – Trạm xăng còn mở cửa không?

– Có. Cho đến tám giờ.

– Lên đi, – Al kêu to – Muốn tới Weedpatch trước khi

trời sáng rõ, thì xoắn lên. Mẹ lên ngồi phía trước chứ, mẹ?

– Không mẹ ngồi sau. Bố nó, ông xuống ngồi phía sau với tôi. Để Rosasharn ngồi với Al và chú John.

– Bố đưa cho con cái bông kiểm tra. – Al nói – Để con mua xăng và lấy tiền lẻ lại.

Tên lính gác đứng nhìn họ mãi tới khi họ đã cho xe chạy xuống phố rẽ về phía trạm xăng. Al nói:

– Cho tôi hai bình.

– Anh không đi xa ư?

– Không, không xa. Ông có thể trả lại tôi tiền thừa và lấy lại bông, được không?

– Ồ, thiết nghĩ, tôi không làm thế được.

– Nhưng ông xem, – Al nói – Nếu chúng tôi tới kịp tối nay thì chúng tôi có việc làm tốt. Nếu không là đi đứt. Ông thông cảm cho…

– O.K đồng ý. Ký vào bông đi.

Al bước xuống đi vòng ra phía trước xe Hudsson

– Có ngay, – Hắn nói.

Hắn mở nút bình phát điện, đổ đầy nước vào.

– Hai bình phải không?

– Phải, hai bình, – Al đáp.

– Các anh đi về mạn nào thế?

– Mạn Nam. Đã kiếm được việc làm.

– Không đùa đấy chứ? Hiếm lắm, là tôi muốn nói công việc đều đặn thì hiếm lắm.

– Nhà tôi có một người bạn thân ở đây. Công việc đang chờ sẵn. Chào ông.

Chiếc xe rẽ ngoặt, vừa lắc lư vừa đi từ con đường đất ra đường cái. Đèn pha phía trái chiếu ánh sáng yếu ớt run rẩy lên một bên đường, ánh đèn pha bên phải do bị hở công tắc nên sáng rồi lại tắt, nhấp nháy liên hồi. Mỗi lần xe bị xóc thì xoong chảo, bình lọ kêu loảng xoảng rầm rầm trên sàn xe.

Rosasharn khẽ rên rỉ.

– Cháu khó chịu ư? – Chú John hỏi.

– Vâng, cháu khó chịu lắm. Lúc nào cũng thấy khó ở. Cháu muốn ở lại một nơi nào đó ổn hơn và khỏi phải cựa quậy. Cháu muốn trở về nhà, đừng bao giờ đến đây. Giá còn ở nhà thì Connie đã chẳng bao giờ bỏ đi. Anh ấy sẽ học tập và chắc đã được một cái gì rồi.

Xe đến trước cái hàng rào sơn trắng của trại chăn nuôi, một người gác tiến lại bên thành xe và hỏi.

– Anh đi thật à?

– Thật, – Al đáp – Chúng tôi lên mạn Bắc, đã tìm được việc làm. Người gác bấm đèn chiếu vào xe và soi phía dưới bạt. Mẹ và Bố cứ lạnh lùng nhìn xuống, tránh cái ánh sáng chói lòa.

– Được rồi.

Y mở cái chặn. Chiếc xe rẽ phía trái và tiến ra phía đường cao tốc 101, con đường lớn Nam–Bắc.

– Mày có biết mày đang đi đâu không? – Chú John hỏi.

– Không. – Al đáp – Cháu cứ lái, cứ lái và cháu thề là cháu đã chán ngấy rồi.

– Cháu thì chả mấy chốc nữa sẽ sinh! – Rosasharn nói như hăm doạ – Tốt nhất là làm sao để cho cháu có chỗ ở tử tế.

Khí lạnh ban đêm với sương giá đầu mùa châm chích thịt da. Lá khô trên cây bắt đầu lả tả rời bên lề đường. Ngồi trên đống đồ đạc. Mẹ tựa lưng vào thành xe, còn Bố thì ngồi phía bên kia đối diện với mẹ. Mẹ gọi:

– Tom ơi, ổn chứ?

Có tiếng trả lời như ngạt thở vọng lên:

– Hơi chật một chút. Đã ra khỏi trại chưa?

– Hãy thận trọng, – Mẹ dặn – Có khi có thể bị chặn dọc đường.

Tom khe khẽ nâng một mép nệm lên. Trong bóng đen nồi niêu xoong chảo va vào nhau loảng xoảng.

– Con sẽ hạ xuống ngay thôi mà, – anh nói – Hơn nữa có bị tóm cổ ở dưới đó thì cũng chẳng đáng tiếc. Lạy Chúa, trời bắt đầu lạnh rồi nhỉ.

– Trên trời nhiều mây, – bố nói – Thiên hạ họ bảo rằng mùa đông này đến sớm.

– Tại là loại sóc đậu tít trên cao hay loại cỏ có hạt? – Tom hỏi – Chà chà, người ta có thể dự đoán thời tiết theo bất cứ dấu hiệu nào. Con cuộc là có những tay chỉ dựa vào một chiếc quần đùi cũ mà đoán già đoán non về thời tiết.

– Cái đó tao chả biết, – Bố nói – Có điều với tao đây, tao thấy có vẻ như mùa đông sắp tới.

Phải sống nhiều năm trong xứ mới biết được.

– Ta đi về mạn nào vậy?

– Tao không biết. Al đã rẽ phía trái. Có vẻ như trở lại con đường mà ta đã tới đây.

– Con không biết làm thế nào thì hay hơn. Con cho rằng nếu đi theo con đường cái lớn thì sẽ lại rơi đúng

vào bọn cảnh sát. Mặt mũi chúng ta như thế này thì chúng nhận ra ngay tức thì. Dễ chừng phải cứ đường nhỏ mà đi, yên ổn hơn.

Mẹ nói:

– Gõ vào thùng xe. Bảo Al dừng lại xe.

Tom đấm vào cabin, chiếc xe dừng lại bên bờ đường. Al xuống xe đi ra phía sau. Ruthie và Winfield đánh liều hé mắt nhìn dưới chân.

– Có chuyện gì vậy? – Al hỏi.

Mẹ đáp:

– Đã đến lúc phải quyết định nên làm gì. Có lẽ phải đi trên những con đường tối, ý kiến của Tom là thế.

– Chính tại mặt tao bị thương. Aicũng nhận ra tao. Tất cả bọn cảnh sát đã biết tin rồi.

– Vậy anh muốn đi về mạn nào? Em có ý kiến nên nghiêng về mạn Bắc. Cho tới giờ ta cứ đi về mạn Nam.

– Ờ, – Tom nói – Nhưng cứ đi trên các đường tối.

Al hỏi:

– Hay là ta dừng lại ngủ một tí? Sáng mai lại đi tiếp.

Mẹ xen vào ngày:

– Khoan đã. Đi xa hơn nữa đã.

– O.K. Al lại lên chỗ cũ và cho xe chạy.

Ruthie và Winfield lại trùm chăn. Mẹ hỏi.

– Winfield khỏe không?

– Chắcc chắn là khoẻ, – Ruthie đáp – Nó ngủ rồi. Mẹ lại tựa lưng vào thành cabin.

– Cứ bị săn đuổi hoài như thế này mình lại thấy buồn cười thế nào ấy. – Mẹ nói – Mẹ nghĩ là mẹ đâm ra

hèn hạ mất.

– Ai cũng đâm ra hèn. – Bố nói – Tất tật. Mẹ mày đã thấy cuộc ẩu đả hôm nay đấy. Tâm địa người thay đổi. Ở trại chính phủ, chả ai xấu cả.

Al rẽ tay phải và đi vào một con đường rải đá, ánh đèn pha vàng vọt run rẩy trên sỏi. Cây ăn quả đã biến mất, nhường chỗ cho cây bông. Xe chạy độ hai mươi dặm giữa hai cánh đồng bông, ngoằn ngoèo trên những con đường miền quê. Xe chạy theo một bờ sông rậm rạp, vượt qua một chiếc cầu xi măng rồi lại đi dọc bờ bên kia. Rồi tới đầu bờ một con lạch ánh đèn pha soi rọi một dây những toa chở hàng hóa đã mất hết cả bánh. Một tấm biển to rộng trông ở bờ đường có kê dòng chữ: “Cần thuê người hái bông” Al cho xe chạy chậm lại. Tom nhìn qua các khe hở của thành xe. Lúc họ cách các toa hàng độ một phần trăm dặm. Tom lại đấm vào buồng lái. Al dừng xe bên đường và bước xuống.

– Lại chuyện gì nữa vậy?

– Tắt máy đi, lên đây – Tom nói. Al lại lên chỗ ngồi, đánh xe xuống rãnh, cắt công tắc và tắt pha. Hắn leo qua tấm ván phía sau xe.

– Xong rồi. Tom bò lê giữa đống xoong chảo, quì xuống trước mặt mẹ mà nói:

– Mẹ này, – anh nói – Người ta kiếm người hái bông. Con vừa trông thấy cái biển. Con tự nghĩ làm thế nào con ở gần Bố mẹ mà không làm liên lụy đến nhà ta. Khi nào mặt con đỡ hơn, có thể được nhưng giờ thì không. Bố mẹ có trông thấy cái toa hàng ta vừa đi qua không? Chính thợ hái bông ở đây. Có thể chỗ kia có việc làm. Mẹ thấy thế nào? Nếu làm việc ở đây và ăn ở trong toa

hàng.

– Được, nhưng còn con? – Mẹ hỏi

– Mẹ có thấy bờ lạch phủ đầy bụi cây không? Thế này, con có thể nấp trong đó, chả ai nom thấy được con. Tối đến. Mẹ có thể đem thức ăn đến cho con. Con có thấy một ống dẫn nước chếch xuống phía dưới một ít. Có lẽ con có thể ngủ trong đó.

Bố nói:

– Lạy Chúa, ước gì tao có thể nhúng tay tao vào bông, ít ra tao cũng hiểu hái bông là thế nào rồi.

– Ở trong những toa kia có lẽ tốt lắm – Mẹ nói – Được cái khô ráo dễ chịu Tom ạ, con tin là có đủ bụi bờ để nấp chứ.

– Chắc chắn. Mẹ ạ con nhìn kỹ rồi. Con có thể thu xếp một góc nhỏ, kín đáo, lúc nào mặt con lành, con sẽ ra ngoài – Mặt con sẽ đầy sẹo, xấu lắm – mẹ nói – Cần quái gì? Ai mà chẳng có sẹo.

– Có những lần tao đã hái bốn trăm cân, – Bố nói – Dĩ nhiên là bông tốt kia, rất nặng. Nếu cả nhà đều làm, ta có thể kiếm được ít tiền.

– Và chén thịt nữa. – Al nói – Lúc này thì làm gì đây?

– Trở lại đây, ta sẽ ngủ trên xe cho đến sáng mai – Bố nói – Sáng mai ta sẽ đi tìm việc. Trời tối nhưng tao vẫn nom thấy những nang bông trắng.

– Còn Tom, làm gì? – Mẹ hỏi – Mẹ khỏi lo về con. Mẹ ạ, Con sẽ lấy một tấm chăn. Hãy nhìn cho kỹ khi xe quay lại chỗ kia.

Mẹ sẽ thấy một cống dẫn to. Mẹ có thể đem bánh hoặc khoai tây tới đó, hoặc cháo ngô, rồi cứ việc để đấy. Con sẽ tới lấy.

– Được rồi?

– Tao thấy cách đó là hay nhất. – Bố đồng ý.

– Hay nhất, – Tom nhấn mạnh – Hễ mặt con đỡ hơn, con sẽ ra giúp nhà ta hái bông.

– Được rồi, đồng ý – mẹ nói – Nhưng nhất là đừng liều lĩnh. Cố sao đừng để ai trông thấy trong ít lâu.

Tom lại bỏ về phía sau xe.

– Con chỉ lấy chiếc chăn này thôi. Mẹ cố nhận rõ cống dẫn nước.

– Cẩn thận con ạ. – Mẹ cầu khẩn – hãy cẩn thận giữ mình.

– Nhất định rồi. – Tom nói – Con sẽ cẩn thận.

Anh leo qua tấm ván rộng sau xe và đi xuống bờ sông.

– Cả nhà ngủ ngon nhé – Anh nói. Mẹ trông thấy bóng đứa con hòa tan vào đêm tối rồi biến đi trong các bụi rậm ven bờ lạch.

– Lạy Chúa tôi, mong sao mọi sự yên ổn.– Mẹ nói! Al hỏi:

Bố Mẹ có định quay về ngay đằng kia không?

– Ừ – Bố đáp.

– Đi từ từ, – Mẹ nói – Mẹ phải nhận ra chắc chắn cái cống nước anh mày nói. Mắt mẹ phải trông thấy.

Al cho xe chạy giật lùi trên con đường hẹp tận cho tới lúc bánh xe đã quay ngược chiều. Hắn từ từ chạy lại thẳng tới dãy toa tàu. Hai đèn pha soi sáng những chiếc cầu gỗ bằng ván ghép dẫn tới những cánh cửa rộng của toa xe. Cửa tối om. Đêm khuya lặng như tờ, Al tắt đèn pha. Rồi hắn nói với Rosasharn.

– Chị ra phía sau, với chú John, để em ngủ ở đây Chú John giúp cô cháu đã nặng bụng leo qua tấm ván sau xe.

Mẹ thu dọn xoong chảo bình lọ vào một góc nhỏ.

Cả gia đình chét vào nhau sau xe.

Trong một toa xe, một đứa bé bắt đầu khóc, khi chạy tới đánh hơi ầm ì, và chậm rãi lượn quanh xe nhà Joad. Văng vẳng tiếng nước chảy róc rách dưới lòng lạch.

Chương XXVII

“Cần nhiều người hái bông”, Các tấm biển dọc đường đi, các tờ quảng cáo màu vàng được phân phát đều nói rõ: “Cần nhiều người hái bông.”Và hướng dẫn thêm: “Kia. Phía trên kia.”

Những cây nhỏ màu xanh thẫm đã có sợi, và những nang bông nặng đang quện chặt trong vỏ.

Các cụm cây bông trắng đã bật tung màng bọc để thoát ra nom tựa như long não.

Thật thích thú được mân mê quả nang trong đôi bàn tay. Mà nhẹ nhàng thôi, với đầu ngón tay.

Tôi hái bông thì sành lắm. Đây người này này. Tôi đến đây, cốt hái bông. Anh có túi đựng không?

Ồ, không, tôi không có.

Cái túi giá một đôla. Người ta sẽ chiết vào công hái trăm năm mươi cân đầu tiên. Tám mươi xu một trăm cân đợt đầu. Đợt thứ hai chín mươi xu.

Này, đến kia lấy cái túi, một đôla. Anh không có túi, người ta sẽ trừ tiền công hái trăm năm mươi cân đầu tiên. Thế là sòng phẳng, mà anh cũng biết rồi.

Rất chi là sòng phẳng. Một cái túi tốt có thể dùng cho cả vụ. Và khi nó đã mòn vì bị kéo lê, kéo đi kéo lại trên đất, chỉ cần xoay ngược lại và sử dụng đầu kia khâu miệng túi lại và phanh cái đầu đã mòn ra. Lúc cả hai đầu đã mòn, thì thế này, vải vẫn còn tốt chán, dùng may một chiếc áo ngủ. Dùng may hai chiếc quần đùi mặc mùa hạ… Rồi… rồi sao nhỉ! Mẹ kiếp! Chiếc túi như vậy lúc nào cũng được việc.

Phải ngoặc nó vào thắt lưng, vuốt thẳng nó ra, kéo lê nó giữa đôi cẳng. Mới đầu chả cảm thấy gì, cứ như không, nhẹ tênh tênh. Lấy đầu ngón tay hái múi bông nhét vào túi nằm giữa hai cẳng. Bọn trẻ con bám theo sau, trẻ con không cần túi, chúng mày chỉ cần một cái túi con bằng vải thô hoặc hái bỏ vào túi của bố. Giờ thì bắt đầu nặng rồi. Người ta cúi thấp thêm nữa, phải khom người mới kéo được. Gì chứ hái bông thì tôi sành lắm. Quả nặng cứ tự rơi ra như có kim nam châm ở đầu ngón tay. Vừa bước vừa hái vừa chuyện gẫu, hoặc hát hỏng nữa, cho tới lúc túi đã đầy căng. Mấy ngón tay tự nó cứ tìm lấy bông. Ngón tay ấy mà, chúng biết lắm. Đôi mắt thấy công việc nhưng không thấy bông.

Và các câu chuyện ngồi lê đôi mách cứ thế mà ran ran giữa các luống bông.

Ở quê chúng tôi có một người đàn bà. Tôi không muốn nhắc tên bà ta – đùng một cái đẻ ra một thằng bé da đen. Trước đó chẳng ai biết gì cả. Mà người ta chả bao giờ thấy lại cái thằng da đen chó đẻ đó. Sau đó mụ ta không dám ló mặt ra nữa… Nhưng nói rông dài thế để làm gì nhỉ. Thế này nhé, cái chuyện hái bông ấy mà, mụ ta nhất đấy.

Bây giờ túi đã nặng. Phải kéo nó theo. Phải rướn hông, nai lưng kéo, như con ngựa cày. Còn bọn trẻ vẫn bỏ đầy túi của bố. Bông này mới đẹp làm sao, ở gần cuống xốp hơn. Xốp hơn và tơi hơn.

Chưa từng thấy thứ bông nào đẹp như ở California này. Sợi thì dài, chưa từng thấy bao giờ. Trời ạ! Nhưng đấy sẽ chóng bạc màu. Cứ giả dụ rằng có ai đó muốn mua đất tốt để trồng bông. Ấy chớ, chớ dại, nên thuê thì tốt hơn. Và khi nó hết màu mỡ rồi, ta lại bỏ đi nơi khác vậy.

Từng dãy người chuyển động qua cánh đồng.

Toàn những người thạo việc. Những ngón tay sục nhưng hầu như họ chẳng nhìn công việc họ làm.

Tôi cuộc rằng cho dù tôi có đui mù, tôi vẫn có thể hái bông – cứ sờ đến là biết nang bông và hái sạch trơn.

Bây giờ túi đã đầy. Phải đem cân. Lại cãi nhau.

Người đứng cân nói là thợ bỏ sỏi vào trong túi cho nặng cân. Còn y thì sao? Cân điêu. Đôi khi y nói đúng, quả là có sỏi trong túi, lần khác thì anh nói đúng, chính y cân sai. Thế là hai bên đều có lý; sỏi và cân sai. Thế là tranh cãi không thôi, đôi co không dứt. Đâm ra phải cảnh giác. Y cũng cảnh giác. Chỉ có mấy hòn cuội mà sinh chuyện ầm ĩ.

Dễ chừng một viên, hay một phần tư pao?[64] Cứ là tranh cãi.

Ra về với cái túi rỗng. Mỗi người có một cuốn sổ tay ghi số cân. Phải ghi chứ. Nếu chúng thấy anh ghi vào sổ, chúng không dám ăn gian. Nhưng nếu không, không ghi cân kẹo phân minh thì có trời cũng chịu thua.

Ít ra thì công việc cũng là thế. Bọn nhóc cứ chạy quanh quẩn như chó con. Bác có nghe người ta nói máy hái bông chưa?

Có, tôi có nghe.

Bác có tin là máy tới đây không?

Ồ, chúng tới đây thì thôi, hết đời lao động bằng tay.

Đêm xuống.

Ai nấy mệt nhoài. Cũng phải nói rằng ngày công tốt lắm. Nhà tôi kiếm được ba đôla, tôi, vợ tôi, và các cháu.

Các xe hơi đi tới cánh đồng bông. Công nhân dựng

trại ngay tại chỗ. Những chiếc xe tải được nâng cao và những xe rơmooc có lưới sắt dính đầy bông trắng. Bông bám vào các dây thép gai của bờ rào và trên đường cái, gió xua đuổi những cục bông nhỏ bé. Bông trắng và sạch được đưa vào máy tuốt hạt. Những kiện bông lớn ngồn ngộn đi vào máy cán. Bông bám vào quần áo, vào râu tóc.

Mày hỉ mũi mà xem, mày sẽ thấy, lỗ mũi mày đầy bông là bông:

Nào, chịu khó cong người xuống nữa. Bỏ cho đầy túi trước khi trời tối. Những ngón tay thành thạo lần mò tìm nang bông, lưng gò xuống để kéo chiếc túi. Chiều tối thì bọn trẻ con đã mệt lử, chúng vấp dúi vấp dụi trên đất đã cày xới. Mặt trời sắp lặn.

Giá công việc cứ còn mãi, có Chúa chứng giám! Tiền nong chẳng được là bao, nhưng tôi vẫn muốn có việc mãi.

Và trên các con đường cái, những chiếc xe cà tàng đồ đạc chồng chất, bị các tờ quảng cáo lôi cuốn, ùn ùn đổ tới.

Anh có túi không?

Không.

Chương XXVIII

Trên một bãi đất nhỏ nằm bên bờ suối, mười hai chiếc toa hàng đứng nối đuôi nhau thành hai dãy, mỗi dãy sáu chiếc, không còn bánh nữa. Một cầu ván ghép bắc lên những tấm cửa trượt to rộng. Chỗ ăn ở tốt, tránh được mưa và gió lùa, đủ chỗ cho hai mươi bốn gia đình, mỗi toa hai gia đình, mỗi gia đình một đầu. Không có cửa sổ nhưng cửa lớn luôn luôn để ngỏ. Một chiếc màn vải căng ở giữa một số toa, còn nơi khác thì cửa lớn là ranh giới duy nhất giữa hai gia đình.

Gia đình nhà Joad ở đầu mút một toa cuối.

Người ở trước đã để lại một bếp lò làm bằng một bình xăng cũ có tra một ống thông khói bằng tôn luồn qua lỗ thành xe. Tuy cửa luôn luôn mở, nhưng hai đầu toa tối om. Mẹ căng chiếc bạt ngang giữa toa.

– Tốt rồi, – Mẹ nói– Gần như hơn tất cả những nơi mà chúng ta đã ở cho tới này, trừ trại của chính phủ.

Mỗi buổi tối, bà trải tấm nệm xuống sàn toa.

Mỗi buổi sáng bà lại cuộn lại đẩy vào một góc.

Ngày nào gia đình cũng ra đồng hái bông và tối nào họ cũng có thịt ăn. Một ngày thứ bẩy, họ đánh xe đi Tulare, sắm một bếp lò bằng sắt tây và những quần yếm mới cho Al, Bố, Winfield và chú John. Mẹ cho Rosasharn chiếc áo tốt nhất của bà và mua cho mình một cái khác.

– Bụng nó to quá rồi, – Mẹ nói – Lúc này mà sắm áo mới cho nó thời phí khá nhiều tiền.

Gia đình Joad gặp may. Nhờ đến khá sớm, nên họ

tìm được một chỗ ở trong toa. Sau đó, các lều của những người đến muộn dựng dồn sát vào nhau trên bãi đất bằng và những ai đã có toa xe đều là những người kỳ cựu, có thể nói là quý tộc nữa.

Thế thì phải một đôla.

Nếu chỉ có năm mươi người làm, thì còn việc trong một thời gian ngắn, nhưng có những năm trăm người.

Vì lòng thương yêu chúa, hãy cố mà để dành một ít tiền. Chẳng mấy chốc nữa, mùa đông sẽ tới.

Ở xứ California này, vào mùa đông không có việclàm. Phải cho đầy túi trước khi trời tối. Tớ vừa thấy gã đàng kia bỏ hai cục đất vào túi.

Ê cân đ.. gì, sao không nhỉ? Họ cân gian thì gọi là hòa cả làng.

Đây trong sổ cửa tôi có ghi: ba trăm mười hai cân. Đúng.

Ôi, lạy Chuá! Hắn không kèo nèo gì cả. Thế thì chắc chắn cân hắn sai. Thôi, dẫu sao cũng là một ngày công khá.

Nghe nói có hơn một ngàn người đang trên đường tới đây tìm việc. Ngày mai phải đánh nhau mới giành được một hàng bông và phải xoay sở hái sao cho nhanh.

Cần người hái bông thuê. Người hái càng nhiều bông càng chóng đi tới nhà máy tuốt hạt.

Và người ta trở về trại.

Tối nay có sườn lợn, lạy Chúa! Người ta có tiền mua sườn. Hãy dắt thằng bé, nó đã mệt nhoài rồi.

Chạy trước đi, mua hai cân sườn. Nếu không mệt bà già sẽ làm cho chúng ta mấy chiếc bánh sốt nóng.

Dòng suối nhỏ hẹp chảy gần trại, thoắt từ trong các bụi liễu ló ra, thoắt lại biến vào các lùm liễu.

Một con đường đất nện rẽ chạy từ mỗi toa xuống sông. Dây phơi quần áo chằng giữa các toa, và ngày nào dây cũng đầy những quần áo được đem phơi.

Buổi tối, họ ở ngoài đồng về, nách cắp những cái túi vải cuộn tròn. Họ đi đến cửa hiệu nằm ở ngã ba đường và gặp lại rất nhiều những người làm công nhật mua thức ăn.

Hôm nay, bao nhiêu?

– Ờ, khá lắm. Được ba đô la rưỡi. Nếu như cứ thế này mãi.

Bọn trẻ bắt đầu hái giỏi rồi. Mẹ đã may cho mỗi đứa một cái túi con. Chúng không thể kéo lê lết một cái túi người lớn được. Hái xong chúng trút vào túi chúng ta. Mẹ phá những chiếc sơ mi cũ may cho chúng. Bền lắm.

Và mẹ đi tới quầy hàng thịt, ngón tay trỏ đặt lên môi, có vẻ suy nghĩ rất lung, chốc chốc lại thổi vào ngón tay.

– Có thể mua ít sườn lợn, – Mẹ nói – Bao nhiêu?

– Ba mươi xu một pao, thưa bà.

– Thế vậy ông cho tôi ba pao. Thêm một miếng thịt bò hầm. Ngày mai con gái tôi sẽ hầm. Thêm cho một chai sữa nữa cho con gái tôi. Nó thèm sữa lắm. Sắp sinh rồi mà. Bà hộ lý dặn uống càng nhiều sữa càng tốt. Xem nào, à, còn khoai tây nữa.

Bố lại gần, tay cầm một can xirô, gợi ý:

– Có thể mua cái này để làm bánh kẹp… Mẹ chau mày:

– Ờ… ờ… đúng rồi. Thôi, cho cả cái này nữa.

– Khoan, chúng ta có còn dồi dào mỡ.

Ruthie ở đâu đến, tay cầm hai hộp bích qui khô, đôi mắt của nó ấp ủ một câu hỏi, mà một cái lắc đầu hay gật đầu của mẹ có thể biến thành một bi kịch hoặc niềm vui như hội.

– Mẹ ơi?

Nó giơ cái hộp lên, đu đưa từ trên xuống dưới để thêm phần hấp dẫn.

– Mày có đem trả… Tấm bi kịch bắt đầu diễn ra trong đôi mắt Ruthie. Bố nói:

– Chỉ giá một kền một hộp thôi mà. Hôm nay bọn nhỏ làm việc ngoan lắm. Đôi mắt Ruthie linh hoạt hẳn lên…

– Thôi, được rồi.

Ruthie xoay gót và bỏ chạy. Gần ra đến cửa, nó túm lấy Winfield và kéo nó ra ngoài trong bóng tối lờ mờ của buổi chiều hôm.

Chú John mân mê một đôi găng vải đệm da màu vàng ở lòng bàn tay. Chú xỏ thử rồi để lại nguyên chỗ. Êm nhẹ, chú nhích dần lại quầy bày các chai rượu. Tới đây, chú đầm mình nhìn các nhãn hiệu trên các chai. Mẹ nhìn thấy chú.

– Bố nó – Mẹ vừa nói vừa hất nhẹ đầu chỉ chú John.

Bố uể oải lại gần chú, hỏi:

– Thấy khát hở, chú John?

– Đâu có khát.

– Đợi hái hết bông đã, – Bố nói – Lúc đó chú sẽ có thể tha hồ làm một chầu tuỳ lúy.

– Rượu không giày vò tôi chút nào. Tôi làm việc cật lực và ngủ say. Không mộng mị, không gì hết.

– Thì tôi thấy chú đang liếc nhìn các chai vừa nhỏ dãi mà.

– Hầu như tôi không thấy chúng. Ngộ thật. Tôi muốn mua những thứ này thứ nọ, nhưng là những thứ tôi không cần đến. Tôi mong sao có được một cái cạo râu điện. Tôi có ý định mua đôi găng, như thế kia kìa. Rẻ thối ra.

– Đeo găng thì không thể hái bông được.

– Tôi biết chứ. Mà tôi cũng chẳng cần dao cạo điện. Nhưng chỉ cần chúng trưng bầy ra đấy là mình thèm khát mua, dù cần hay không cũng thế.

Mẹ gọi hai anh em:

– Về thôi chứ? Mua đủ rồi.

Mẹ cầm một gói. Chú John và Bố mỗi người cầm một gói. Ruthie và Winfield đứng đợi bên ngoài, đôi mắt mệt mỏi, má căng phồng bánh bích qui.

– Tôi dám chắc, chúng không ăn bữa tối nữa – Mẹ nói.

Thiên hạ tuôn về phía lều và các toa. Các lều đã lên đèn. Khói bốc lên từ các ống khói. Những người trong gia đình Joad bước lên cầu ván ghép và đi vào ngăn của họ trong toa. Rosasharn ngồi trên một cái hòm gần bếp lò. Lò đã đốt lửa và chiếc bếp lò gang bắt đầu ngả sang sắc đỏ như vang. Cô hỏi mẹ:

– Mẹ mua sữa không?

– Có. Đây này.

– Đưa con. Từ trưa, con chưa được uống.

– Nó tưởng sữa cũng như thuốc ấy, – Bố nói.

– Chính bà y tá đã nói như vậy. Con gọt khoai tây chưa?

– Khoai tây kia, Mẹ ạ, gọt sạch rồi.

– Ta sẽ rán, – Mẹ nói – Mẹ có sườn heo. Con cắt khoai tây thành từng khoanh bỏ vào cái chảo mới. Thêm ít hành. Nào các ông đi rửa ráy đi, luôn thể xách về một xô nước. Ruthie và Winfielđ đi đâu rồi? Chúng cũng phải rửa ráy mới được.

– Chúng có một hộp bichquy. Mỗi đứa một hộp đấy.

Đàn ông đi ra suối rửa ráy. Rosasharn cắt khoai tây bỏ vào chảo và quấy đi đảo lại.

Thình lình, có ai vén chiếc bạt lên thật mạnh, một khuôn mặt to, mồ hôi nhễ nhại hiện ra giữa hai ngăn toa.

– Thế nào bà Joad, hôm nay nhà ta làm được khá chứ?

Mẹ quay phắt lại:

– Ồ, chào bà Wainwright. Công việc ổn lắm bà ạ. Ba đô la rưỡi. Đúng ra là ba đô la năm bảy xu.

– Chúng tôi được bốn đôla.

– Thế thì… Đúng là nhà bà đông người hơn.

– Phải, Jonos đang bắt đầu nhớn. Chà, hình như nhà bà có sườn lợn thì phải! Winfield len vào căn toa gọi:

– Mẹ ơi! – Im đi một chút nào.

– Vâng, đàn ông nhà tôi họ thèm ăn sườn.

– Tôi đang nướng mỡ. Bà ngửi thấy mùi không?

– Không.

– Còn ngửi thấy gì được nữa, mùi khoai tây với hành củ át đi cả.

– Thôi, cháy mắt rồi! – Bà Wainwright kêu lên rồi đột nhiên rụt đầu ra.

– Mẹ ạ, – Winfield nói.

– Gì? ăn nhiều bichquy rồi bị đau bụng hả?

– Mẹ này, Ruthie đã kể chuyện.

– Chuyện gì?

– Chuyện anh Tom.

Mẹ trợn mắt:

– Nó kể rồi à?

Rồi bà quỳ xuống trước mặt con.

– Winfield, nó đã kể với ai?

Tự nhiên Winfield thấy bối rối. Nó lùi lại.

– Kể rồi, nhưng chỉ kể một tí thôi.

– Winfield! Mày phải nói cho mẹ nghe nó nói gì.

– Nó, nó không ăn hết bích quy một lúc. Nó ăn dè từng tí một, như mọi lần ấy mà. Nó nói: “Mày không chịu ăn dè. Tao cuộc là bây giờ mày thèm” – Winfield, – Mẹ kêu lên, ra lệnh – Kể ngay lập tức.

Bà nóng nảy liếc nhìn về phía tấm rèm ngăn toa.

– Rosasharn, con sang chuyện trò với bà Wainwright để bà khỏi nghe thấy.

– Thế còn khoai tây?

Để mẹ trông cho. Đi nhanh đi. Mẹ không thích bà nghe trộm sau màn.

Người thiếu phụ nặng lề lê bước sang phía ngăn kia

và khuất sau tấm bạt.

Mẹ nói:

– Giờ thì kể đi, Winfield!

– Con vừa nói mà, nó chỉ ăn mỗi lần có một mẩu nhỏ, nó bẻ đôi ra để ăn được lâu.

– Đừng rềnh rang nữa.

– Thế này. Có mấy thằng bé đến, chúng hỏi xin nhưng Ruthie cứ đứng gặm, nhấm, không muốn cho chúng. Thế là chúng tức lên, rồi có một đứa giật lấy hộp bichquy ở tay nó.

– Winfield, kể nhanh lên về chuyện kia.

– Con kể đây. Thế rồi Ruthie nổi giận, nó đuổi thằng kia. Nó đánh lộn với đứa này, lại đánh lộn với đứa khác. Một con bé nhớn tướng ở đâu chạy tới và đánh nó. Đánh đau lắm mẹ ạ. Thế là Ruthie khóc, nói là sẽ đi mách với anh cả nó, anh cả nó sẽ giết chết con kia.

Thế là con mới thách: "Thật chứ? Tao đố đấy!" Con kia nó cũng có anh nhớn.

Winfield vừa kể vừa thở hổn hển – Thế là hai đứa đánh nhau, đứa con gái đánh cho Ruthie một trận rồi Ruthie nói là anh nhớn nó sẽ giết anh nhớn con kia. Thế là con kia nói là anh nhớn nó sẽ giết anh chúng con. Thế rồi, rồi, Ruthie nói là anh chúng con giết chết hai người. Rồi, rồi, con nhớn hỏi: "Cứ đến đây xem nào? Mày chỉ là đứa nói dóc bẩn thỉu". Ruthie đáp là "À tao đếch cần nói dối. Anh tao giờ đang phải đi trốn vì đã giết chết một thằng, anh tao cũng chẳng tha gì anh mày". Sau đó hai đứa chửi nhau, chửi ghê lắm, rồi Ruthie nhặt một hòn cuội ném con kia, con kia đuổi theo nó, và con chạy về nhà.

– Ôi? Lạy Chúa! Lạy Chúa! – Mẹ nói giọng chán ngán – Chúa Jesus hiền từ nằm trong máng cỏ? – Mẹ ôm trán, dụi mắt – Chúng con biết làm sao bây giờ?

Có mùi khét ở chảo bốc lên. Như một cái máy, mẹ quay lại bếp và trở khoai tây trong chảo.

– Rosasharn, Mẹ kêu to – Người thiếu phụ ló đầu ra ở góc màn – Về trông cơm nước này. Winfield, mày đi tìm Ruthie, dẫn nó về đây.

– Mẹ đánh đòn nó chứ? – Winfield hỏi, mắt loé tia hy vọng.

– Không. Đánh nó cũng chẳng ích gì. Việc đã xảy ra rồi. Nhưng quái lạ, sao nó lại nói thế nhỉ? Nào, chạy ù đi tìm, tìm nó, lôi về đây ngay.

Winfleld lao về phía cửa toa thì ba người đàn ông trở về. Nó nép sang bên để họ đi qua.

Mẹ nói khe khẽ.

– Bố nó, tôi có chuyện muốn nói với bố nó. Con Ruthie đã kể với bọn trẻ khác là Tom đang lẩn trốn.

– Sao cơ?

– Nó kể tất. Nó đánh nhau và nói với chúng tất tật.

– Con ranh con! Khốn nạn đến thế thì thôi! – Không phải, nó không biết những gì nó làm.

Bố nó nghe tôi. Bố nó ở đây. Tôi, tôi ra ngoài cố tìm Tom để báo cho con biết. Tôi phải dặn nó hãy cẩn thận. Nhớ đừng có bỏ đi đâu. Bố nó ạ, trông chừng nhỡ có chuyện gì xảy ra thì khốn. Tôi đem thức ăn cho con.

– Được rồi – Bố nói – Ngay cả với Ruthie, cũng đừng nói với nó chuyện nó làm. Để tự tôi nói với nó.

Cũng ngay lúc đó, Ruthie trở về, Winfield theo sau.

Con bé lấm bê bết từ đầu đến chân, miệng nhớt nháp, mũi ri rỉ máu vì bị đánh. Nó xấu hổ và hoảng sợ. Winfield đi theo, vẻ đắc thắng. Ruthie nhìn xung quanh với vẻ dữ tợn rồi đến đứng tựa vào vách trong góc toa. Sự xấu hổ và sự thách thức vật lộn trong nó. Winfield phô:

– Con đã nói cho nó biết hết rồi.

Mẹ múc hai miếng sườn lợn và khoai rán ra một chiếc đĩa sắt tây.

– Winfield im đi, – Mẹ nói – Chị nó đã khổ tâm lắm rồi, mày không cần phải làm cho nó khổ thêm.

Ruthie văng mình lên toa xe. Nó bám chặt lấy ngang lưng của mẹ, vùi đầu vào trong lòng mẹ, cả người rung lên trong những tiếng khóc nức nghẹn ngào. Mẹ muốn gỡ nó ra, nhưng những ngón tay cáu ghét vẫn bám chặt một cách tuyệt vọng. Mẹ dịu dàng chải chải mái tóc nó, tay vỗ nhè nhẹ lên vai nó.

– Suỵt! – Mẹ nói. – Con không biết được việc con làm. Nín đi! Ruthie ngẩng một khuôn mặt bé nhỏ tội nghiệp lem luốc cáu ghét, nước mắt và máu.

– Chúng ăn cắp bích… bích quy của con, – Nó nói – Cái con chó đẻ nhớn xác ấy, nó lấy thắt lưng đánh con.

Và tiếng khóc nấc càng to hơn.

– Suỵt – Mẹ nói – Đừng nói như thế. Thôi buông nẹ ra. Mẹ phải đi ngay bây giờ.

– Sao không cho nó một trận, hở mẹ? Nếu nó mà không lên mặt vì mấy chiếc bích quy, thì làm gì có chuyện gì. Đánh đi, cho nó một trận.

– Ông mãnh ơi, không việc gì đến ông. – Mẹ nói đe doạ – khéo không tôi lại cho ông ăn đòn đấy. Thôi,

buông ra Ruthie.

Winfield tới ngồi trên một cái nệm cuốn tròn nhìn gia đình với vẻ trơ tráo và chán ngán. Nó cũng để ý tìm một chỗ thuận lợi để thủ thế, vì nó biết nó mà hở là cơ Ruthie tấn công ngay, Ruthie buồn rầu, lặng lẽ đến ngồi thu mình trong góc toa.

Mẹ lấy một mảnh báo phủ lên đĩa – Bây giờ tôi đi đây.

– Bác không ăn chút gì sao? – chú John hỏi.

– Để lúc về tôi ăn. Giờ thì chả có lòng dạ nào mà ăn với uống. Mẹ đi ra cửa và thận trọng theo lối đi men cầu ván mà bước xuống.

Giữa dãy toa và con suối, các lều đã được dựng lên sát gần nhau, dây và cột chằng chịt ngang dọc, cọc của lều này đụng đến mép mái lều kia. Ánh đèn thấm qua mái vải, tất cả các ống khói đều phun khói. Đàn ông và đàn bà ngồi nói chuyện trước cửa lều. Trẻ con chạy rần rật. Mẹ trang nghiêm bước đi giữa các dãy lều. Đây đó người ta nhận ra mẹ lúc mẹ đi qua.

– Chào bà Joad.

– Chào.

– Bà đem gì đi đâu đấy, bà Joad?

– Tôi đem bánh ngô đi trả cho một bà bạn đã cho vay.

Cuối cùng bà đi tới căn lều cuối dãy. Bà đứng lại và ngoái nhìn ra sau. Một quầng ánh sáng bao trùm phía trên trại trong khi có tiếng người râm ran êm dịu. Thỉnh thoảng, có một tiếng nói to cắt ngang. Không khí nặng mùi khói. Có ai đó chơi kèn khẩu cầm, cố gắng tìm một nét nhạc hay, láy đi láy lại cùng một điệu.

Bà lách một lối đi qua đám cây liễu mọc trên bờ. Bà ra khỏi đường mòn và chông chừng, để tai nghe ngóng vì sợ bị theo dõi. Một người đàn ông đi ngược lên lối mòn để về trại, vừa đi vừa sửa lại dây đeo quần vừa cài khuy. Bà ngồi im thin thít, và người đàn ông đi qua bà nhưng không trông thấy bà. Bà chờ trong năm phút rồi đứng lên và lại tiếp tục len lén đi trên lối mòn dọc bờ suối. Bà đi ren rén, rất nhẹ nhàng đến nỗi bà nghe tiếng nước rì rào át hẳn tiếng chân bà dẫm trên lá khô. Suối và lối mòn rẽ phải, nhích lại gần con đường cái. Dưới ánh sao tái nhợt, bà nhận ra cái bờ đắp cao và cái miệng tròn đen ngòm của cống nước, nơi mà bà đã có thói quen đặt thức ăn cho Tom. Bà trọng bước lên, đẩy gói thức ăn vào cái lỗ rút về cái đĩa sát tay đã bỏ sẵn ở đấy. Bà rón rén quay lại, đi qua các lùm cây liễu, xông thẳng vào một bụi rậm, và bà ngồi xuống. Qua cành lá um tùm, bà nom thấy cái miệng đen ngòm của cống nước. Bà lặng lẽ bó gối ngồi đợi. Trong chốc lát, cuộc sống lại trỗi dậy trong bụi rậm. Những con chuột đồng thận trọng chạy trên lá; một con chồn hôi vừa đi xuống lối mòn một cách nặng nề, vừa kéo theo sau một mùi hôi thối thoang thoảng. Một làn gió nhẹ lay động các cây liễu như để thử thách chúng, và một cơn mưa lá vàng rơi rắc trên mặt đất Rồi đột nhiên một trận gió mạnh bất ngờ nổi lên, rung chuyển cây cối, khiến một thác lá xoay tròn, đổ xuống. Bà cảm thấy lá rơi trên tóc, trên vai mình.

Một đám mây đen to bay qua bầu trời, xoá nhoà các ngôi sao đêm. Mưa nặng hạt rơi lộp độp trên lá khô màn mây vẫn tiếp tục cuốn đi, sao lại hiện ra. Mẹ run rẩy. Gió đã trốn đi và trả lại sự yên tĩnh cho các bụi rậm, nhưng tiếng lá vẫn xào xạc thấp hơn bên cạnh suối nước. Từ phía trại vẳng lại âm thanh lanh lanh lói

của một chiếc vĩ cầm tìm kiếm một sự hoà điệu.

Bà nghe có tiếng chân rón rén ở phía xa xa bên trái. Bà ngồi cứng người, tâm thần căng thẳng giạng đầu gối rồi ngóc đầu lên để nghe cho rõ hơn.

Tiếng cử động của ai đó im bặt nhưng sau một lúc lâu, nó lại tiếp tục, có tiếng xào xạc rát tai trên lá khô.

Bà mẹ nom thấy một bóng mờ tách khỏi lùm cây và luồn vào miệng cống nước. Cái lỗ tròn đen ngòm bị che lấp trong chốc lát, cái bóng lại hiện ra và lại cử động.

– Tom! – Mẹ gọi khẽ. Bóng người im phắt, cứng đờ sát gần mặt đất khiến người ta nhầm đấy là một gốc cây.

– Tom! Tom! – bà lại gọi.

Thế là bóng người động đậy.

– Mẹ đấy ư, mẹ ư?

– Mẹ ở trên đây.

Mẹ đứng lên và bước lại gặp con.

– Lẽ ra Mẹ không nên đến. – anh nói

– Mẹ phải gặp con. Có chuyện muốn nói với con.

– Ở đây gần đường mòn. Có thể có ai đó đi qua.

– Con không có chỗ nấp hẳn hoi, hở Tom?

– Có chứ … nhưng … Thế này… Giá như có người thấy mẹ đang nói chuyện với con. Cả nhà sẽ bị lôi thôi.

– Mẹ buộc phải nói với con, Tom ạ.

– Vậy mẹ theo con. Đi lặng lẽ! Anh đi qua suối, lội bừa xuống nước và mẹ theo anh. Rồi anh luồn qua các bờ bụi rồi ra ngoài cánh đồng và đi theo dấu các luống cày. Những cây bông sam đen hiện rõ và đây đó lơ thơ

mấy cụm hồng Tom men theo mép cánh đồng khoảng một phần tư dặm rồi anh lại đi sâu vào bụi rậm. Anh hướng tới một lùm cây dâu dại, cúi khom người và gạt sang bên một cái đệm bằng dây leo.

– Mẹ phải bò vào, – Tom nói. Bà chống tay quỳ gối lồm ngồm bò vào. Đôi bàn tay sờ thấy cát, rồi cái lùm dây dại không đụng vào bà nữa và bà cảm thấy tấm chăn của Tom ở dưới đất, Tom kéo cái đệm cây leo lại như cũ.

Trong hang tối om om.

– Mẹ ở đâu thế?

– Đây, đây này. Nói khẽ. Tom.

– Mẹ đừng sợ. Con sống như thỏ rừng khá lâu rồi.

Mẹ nghe thấy anh mở gói giấy bọc đĩa sắt tây.

– Sườn lợn, – Mẹ nói – Với khoai tây rán nữa.

– Trời ơi! Còn nóng sốt, – Tom nói.

Trong bóng đêm, bà không thấy anh nhưng nghe tiếng anh nhai, gặm thịt và nuốt.

– Hàng này cũng không tồi lắm. – anh nói.

Mẹ ngượng ngùng nói:

– Tom ơi. Con Ruthie đã kháo chuyện, về con.

Anh suýt tắc nghẹn.

– Ruthie à? Thế nào thế?

– Thế này, không phải lỗi tại nó. Nó đánh nhau với bọn trẻ khác và doạ là anh nó sẽ nện cho anh con kia một trận. Rồi như thế nào chắc con cũng biết đấy. Nó nói là anh nó đã giết người và đang lẩn trốn.

Tom cười khúc khích.

– Con ấy mà, trước kia con thường doạ hai đứa sẽ nhờ chú John bám sát chúng, nhưng chả bao giờ chúng muốn dính vào. Chuyện trẻ con ấy mà mẹ. Không hệ trọng đâu.

– Hệ trọng lắm chứ, con. Tất cả bọn trẻ kia sẽ đi lung tung, rồi đến tai người ta, và họ lại sẽ bàn tán, và chẳng mấy chốc, họ có thể phái người đến xem chuyện hư thực thế nào. Tom con, con phải đi đi thôi.

– Thì chính con đã nói thế ngay từ đầu. Con luôn luôn sợ ai đó nom thấy mẹ đặt thức ăn trong cống dẫn nước và họ sẽ đứng rình.

– Mẹ biết. Nhưng mẹ muốn con gần mẹ. Mẹ sợ con sẽ gặp phải chuyện không may. Lâu nay, mẹ chưa được trông thấy con. Lúc này mẹ cũng không thể nom thấy con. Mặt con thế nào rồi?

Chóng lành lắm mẹ ạ.

– Tom, con lại gần mẹ. Cho mẹ sờ con. Thật gần vào con.

Tom bò lổm ngổm lại gần mẹ. Bàn tay mẹ lần mò tìm được đầu con trong bóng tối và ngón tay mẹ lướt xuống mặt, dọc xuống mũi, rồi sang má trái.

– Tom ạ, con có cái sẹo sâu lắm. Mà mũi con vẹo đi.

– Có lẽ thế mà hay. Như vậy chả ai nhận ra con, có lẽ hay. Nếu chúng không lấy dấu tay con thì con thấy càng ổn hơn.

Nói xong anh lại bắt đầu ăn.

– Suỵt! – Mẹ nói – Nghe xem.

– Gió đấy, mẹ ạ. Gió thổi. Một luồng gió đổ xuống dòng suối, gây nên tiếng rì rào. Lần theo tiếng nói của Tom, mẹ bò lại gần.

– Tom ơi, mẹ muốn sờ lại mặt con. Mẹ cứ tưởng đâu mình mù loà, chả là tối quá. Mẹ muốn nhớ lại mặt con, ngay dầu chỉ nhớ bằng những ngón tay này. Con phải đi thôi, Tom ạ.

– Ờ, con biết ngay từ đầu rồi.

– Mẹ đã kiếm được khá khá. Mẹ đã dành ra được một ít. Con đưa tay đây, Tom. Mẹ có đem theo bảy đô la.

– Con không muốn lấy tiền của Mẹ. Rồi con sẽ xoay xở lấy.

– Cầm lấy, Tom. Con ra đi tay không thì mẹ không ăn ngủ được. Có thể con cần đi ô tô, hay cái gì khác. Con phải đi thật xa, cách đây ba bốn trăm dặm.

– Con không lấy tiền đâu.

– Tom – Mẹ nói một cách nghiêm khắc – Cầm lấy, có nghe mẹ nói không? Con không có quyền làm cho mẹ khổ.

– Mẹ làm như vậy là không đúng đâu.

– Mẹ nghĩ là con có thể đi đến một thành phố lớn. Chẳng hạn như Los Angeles. Chả ai mà lại có ý đến tận đây mà tìm con.

– E hèm! Mẹ nghe thử này. Đã bao nhiêu ngày đêm con nấp đơn độc một mình ở đây. Mẹ đoán xem con nghĩ gì nào? Nghĩ đến Casy! Xưa kia ông ta nói liên chi hồ điệp. Con còn nhớ, hồi đó con bực lắm. Nhưng ở đây, con suy nghĩ những gì ông ta nói, và con nhớ lại tất tất tật. Ông ta nói có lần ông ta đã đi tới vùng hoang vu để tìm linh hồn của mình và ông đã khám phá ra rằng ông ta không có linh hồn của riêng mình. Ông ta nói, ông ta phát hiện ra rằng tất cả những gì ông có chỉ

là một mẩu nhỏ của linh hồn lớn. Ông nói sự hoang vu, cái đó chẳng ăn nhằm vào đâu, bởi vì cái mẩu linh hồn nhỏ bé đó chả hay ho gì nếu nó không gắn bó với cái còn lại, với cái toàn thế. Nhớ lại tất cả chuyện đó, kể ra thì cũng ngộ. Thậm chí con không biết là con đã lắng nghe ông ta nói. Bây giờ thì con biết, một cây làm chẳng nên non[65]

– Ông ta thật tốt bụng, – Mẹ nói.

Tom nói tiếp:

– Có lần, ông ta nói cho chúng con biết những chuyện trong Thánh thư, những cái đó chả chút nào giống với Thánh thư nói toàn chuyện Lửa trong Hoả ngục. Ông ta nhắc lại hai lần, con nhớ rõ lắm. Ông nói, cái đó rút trong cuốn Người Truyền giáo.

– Chuyện thế nào, hở Tom?

Thế này: “Hai người thì hơn một người, bởi vì công khó nhọc của họ sẽ được đền bù tốt hơn. Chả là nếu họ ngã, kẻ này sẽ giúp đỡ kẻ kia đứng dậy. Nhưng vô phúc thay cho kẻ chỉ có một mình. Nếu hắn ngã hắn chả có ai nâng hắn dậy”. Đó là đoạn.

– Nói đi– mẹ giục – Con nói tiếp đi.

– Thêm một tí nữa. Là thế này: “Nếu hai người nằm sát bên nhau, họ sưởi ấm cho nhau, nhưng làm sao ấm được nếu chỉ có một mình? Mà nếu người nọ trội hơn người kia thì như có hai người sẽ nâng đỡ y, mà một dây chập ba sợi thì không dễ dàng gì mà đứt được.

– Đấy là trong Thánh thư à?

– Chính Casy đã nói như vậy. Ông ta nói đó là Người Truyền Giáo.

– Suỵt! Nghe xem.

– Gió đấy thôi mẹ ạ. Con biết gió mà. Thế là con suy nghĩ, mẹ ạ, rằng hầu như tất cả các bài giảng đều luôn luôn nói về nghèo khổ và sự nghèo khổ. Nếu anh chả có gì thì thôi hãy chắp tay lại, đừng bận tâm đến gì khác, lúc nào anh chết, anh sẽ được ăn chim sẻ[66] đựng trong đĩa bằng vàng. Ấy thế mà Người Truyền Giáo lại nói, nếu là hai người thì sự vất vả của họ được đền bù nhiều hơn.

– Tom này, – Mẹ hỏi – Con có ý nghĩ định làm gì vậy?

Anh im lặng một lúc lâu:

– Con nghĩ đến những gì đã diễn ra ở trại Chính Phủ, người cùng cảnh chúng ta tự dàn xếp mọi việc rất ổn thoả với nhau. Khi có chuyện đánh lộn, tự họ khuôn xử lấy không có tụi cảnh sát đến ve vẩy khẩu súng ngắn dưới mũi mình, ấy thế mà mọi sự đều trật tự nề nếp hơn là có bọn cảnh sát nhúng tay vào. Con đã tự hỏi cớ sao người ta lại không làm như vậy khắp mọi nơi. Hãy tống cổ cái bọn cảnh sát chẳng có gì dính dáng với chúng ta. Tất cả cùng nhau làm việc vì công việc riêng của chúng ta, cùng cầy cấy ruộng đất của riêng chúng ta.

– Tom, – mẹ nhắc lại – Con định sẽ làm gì?

– Điều mà Casy đã làm – Nhưng chúng đã giết chết ông ấy.

– Ờ… nhưng chỉ tại Casy không né tránh nhanh.

– Ông ấy không làm điều gì chống luật pháp. Mẹ ạ. Mẹ cũng biết, con đã nghĩ rất lung về chuyện này… tự nghĩ rằng chúng ta sống như những con lợn trong khi đất đai màu mỡ thế này lại bỏ hoang, hoặc một kẻ dễ chừng có đến một triệu acrơ trong khi có trăm ngàn tá

điền giỏi giang chết đói. Và con tự nhử nếu tất cả cùng đoàn kết lại và bắt đầu gào thét như những người hôm trước ở cổng lưới sắt của trại Hooper. Họ chỉ có một nhúm người.

Mẹ nói:

– Tom ạ, con sẽ bị săn đuổi, bị truy lùng, bị đánh gục như thằng Floyd.

– Dẫu sao chúng cũng sẽ săn đuổi con. Chúng đang săn đuổi tất cả những người cùng cảnh với chúng ta.

– Con không có ý định giết ai đấy chứ, Tom.

– Không, con đã nghĩ, cứ mãi là đứa đứng ngoài vòng pháp luật thì dễ chừng con có thể. Lạy Chúa, con chưa biết thế nào đây. Xin mẹ đừng hỏi nữa. Để con suy nghĩ.

Họ lặng lẽ ngồi xổm trong cái hốc tối đen của bụi cây leo. Mãi sau Mẹ nói:

– Làm thế nào để biết tin tức con? Chúng có thể giết con rồi mà mẹ không biết gì. Chúng có thể làm hại con. Làm thế nào mẹ biết được?

Tom cười, hơi ngượng nghịu:

– Thế này, Mẹ ạ. Có lẽ như Casy nói, một con người không có linh hồn của riêng mình, mà chỉ là một mẩu của một linh hồn độc nhất, lúc đó thì…

– Thì sao, hở Tom?

– Lúc đó, điều ấy không quan trọng nữa. Bao giờ con cũng có mặt trong bóng tối, khắp nơi. Khắp nơi nào mẹ nhìn. Khắp nơi nào mà có một cuộc đánh lộn để con người đói khát có thể giành giật nhau miếng ăn, nơi đó sẽ có con.. Khắp nơi nào có một tên cảnh sát đang đánh đập một con người, sẽ có con. Nếu đúng như Casy cảm

thấy, thì thế này, nơi nào có tiếng kêu thét của những người đang nổi giận vì họ đói khát, con sẽ ở đấy, và nơi nào có tiếng cười của trẻ nhỏ đang đói bụng và biết rằng bữa xúp đang chờ đợi chúng, con có ở đấy. Và khi nào những người cùng cảnh với chúng ta đang ngồi trước bàn ăn có đủ những thứ họ trồng trọt và gặt hái khi nào họ ăn ở trong những ngôi nhà mà họ xây dựng ở đây, sẽ có con. Mẹ hiểu không, mẹ? Ấy chết! Thế là con lại nói chuyện như Casy rồi. Do cứ nghĩ đến ông ta quá nhiều.

Tưởng chừng đôi khi con có thể nom thấy ông ta.

– Mẹ không hiểu. – Mẹ nói – Mẹ không hiểu cụ thể.

– Con cũng thế – Tom nói – Đơn giản đó là những điều con đã nghĩ tới. Chả là, khi phải bó gối ngồi một xó thì đầu óc nghĩ đủ thứ chuyện. Đến lúc Mẹ phải về rồi, mẹ ạ.

– Thôi, con cầm lấy tiền.

Anh im lặng một lát.

– Được ạ – Cuối cùng anh nói.

– Và Tom này, nói mẹ biết, sau này… Khi nào tai qua nạn khỏi, con sẽ về với gia đình. Con biết tìm chỗ bố mẹ chứ?

– Mẹ có thể yên chí. Giờ thì Mẹ về đi thì hay hơn: Nào, mẹ đưa tay con nắm.

Anh hướng dẫn mẹ ra đến cửa hang. Ngón tay mẹ bám chặt cổ tay anh. Anh gạt cỏ sang bên và bước ra với mẹ.

– Mẹ đi theo bìa cánh đồng tới cây sung ở kia, tới đó mẹ qua suối. Mẹ về.

– Con đi nhé.

Nói xong bà bước đi rất nhanh. Mắt bà ướt và cay sè, nhưng bà không khóc. Bà nặng nề bước qua các bụi bờ, không còn để ý đến tiếng động của lá khô xào xạc dưới gót giày. Trong khi bà đi về trại thì từ nền trời tối sầm, mưa rơi xuống lác đác nặng hạt trên lá. Bà dừng lại đứng im bất động trong lòng bụi rậm dưới mưa. Bà quay ngoắt… đi ba bước về phía bụi cây gai dày đặc tối sầm, nhưng thình lình bà quay lại và bước đi về phía các toa. Bà đi thẳng tới cống nước và leo lên đường cái. Mưa đã tạnh, nhưng trời vẫn âm u.

Nghe tiếng chân bước ở phía sau, bà ngoảnh lại, và có hơi hoảng. Có ánh đèn pin yếu ớt nhấp nháy trên đường cái. Bà tiếp tục đi. Một lát sau, một người đàn ông đã kịp bà. Một cách lịch sự, ông ta chĩa đèn xuống đất, tránh không soi vào mặt bà.

– Chào bà.

– Xin chào ông, – Mẹ nói.

– Có lẽ sắp có ít mưa, bà nhỉ?

– Hy vọng là không ông ạ. Mưa xuống thì phải ngừng hái bông mất. Chúng tôi rất cần hái bông.

– Tôi cũng vậy, cũng cần hái bông. Bà ở trong trại ư?

– Thưa ông, vâng.

Bây giờ bước chân của họ dẫm đều đều trên đường đi.

– Tôi có hai mươi acrơ bông. Có muộn một chút nhưng bây giờ thì hái được rồi. Tôi đến đây xem liệu có thề kiếm được một ít người hái bông không

– Kiếm người thì chẳng khó gì. Mùa đông hết rồi.

– Mong là thế. Trại của tôi ở mặt trên kia. Cách đây một dặm.

– Nhà tôi có sáu người – bà nói – Ba đàn ông, tôi, và hai cháu bé.

– Tôi sẽ cắm một cái biển. Cách hai dặm bên đường này.

Sáng mai chúng tôi sẽ ở đấy.

– Mong là trời không mưa.

– Tôi cũng vậy, – bà nói – Hai mươi acrơ, hái chóng thôi.

– Càng chóng càng tốt, tôi càng mừng. Bông tôi đã muộn rồi.

– Thưa ông, ông giả công bao nhiêu?

– Chín mươi xu.

– Đồng ý. Tôi nghe có người nói, sang năm bông sẽ xuống bảy mươi lăm, thậm chí sáu mươi.

– Tôi cũng nghe nói thế.

– Thế thì loạn! – Hẳn rồi. Một chủ trại nhỏ bé như tôi đâu có quyền ăn nói, bà hiểu cho. Chính Công ty quy định giá cả, chỉ có việc phải tuân theo. Không thế thì chúng tôi còn có trại. Thấp cổ bé họng thì bao giờ cũng bị kẹt.

Họ tới trại.

– Ông cứ tin vào chúng tôi, ở đây chả còn gì để hái.

Tới ngang toa cuối cùng, bà bước lên cầu ván ghép, ánh đèn tù mù mấy cái bóng người ảm đạm ở trong xe. Bố và chú John ngồi xổm sát thành xe, cùng với ông khách đã đứng tuổi.

– Tôi về rồi đây, – Mẹ nói – Chào ông Wainwright.

Ông khách ngẩng mặt lên nhìn bà, một khuôn mặt có

những nếp nhăn thanh tú. Đôi mắt xanh lẩn sâu dưới cạnh lông mày. Tóc ông màu trắng xanh phơn phớt rất mềm mại. Cằm và mép phủ một lớp râu lún phún bạc.

– Chào bà. – ông nói.

– Ngày mai chúng ta sẽ có bông để hái. – Mẹ nói – Ở mạn Bắc, cách đây một dặm. Hai mươi acre.

– Tốt nhất là đi xe – Bố nói – Công việc càng nhanh.

Wainwright ngước đôi mắt háo hức.

– Liệu chừng có việc cho chúng tôi với không ?

– Chắc chắn là thế chứ ạ. Tôi đã đi một đoạn đường với ông chủ trại. Ông ta tới đây cố ý tìm người.

Mùa đông sắp hết rồi. Hái đợt hai thì chả được bao nhiêu. Kiếm được tiền công ở đợt hai này, quả thật gay go. Nhất là lần đầu chúng ta đã vét sạch.

– Gia đình có thể đi xe với chúng tôi. – Mẹ nói Ta sẽ góp tiền chung mua xăng.

– Nhưng… bà làm như thế thì tử tế quá

– Thế cũng có lợi cho cả hai nhà.

Bố nói

– Ông Wainwright, ông ấy có điều lo lắng nên ông ấy đến gặp chúng ta. Chúng tôi cũng đang nói dở thì mẹ nó về.

– Có chuyện gì xảy ra vậy?

Wainwright cúi mặt xuống đất.

– Chuyện con bé Aggie nhà chúng tôi – ông nói – Cháu nó đã nhớn, sắp mười sáu tuổi.

– Mà lại xinh xắn. – Mẹ nói.

– Mẹ để ông ấy nói – Bố nói – Vắn tắt thế này. Con

Aggie và anh con bà, anh Al, tối nào cũng đi với nhau. Mà con Aggie nhà tôi là đứa con gái đảm, khoẻ mạnh, nó phải lấy chồng, không thể thế thì có thể nói gặp phải chuyện không hay. Trong nhà tôi chưa hề có điều ra tiếng vào. Nhưng lúc này, hoàn cảnh chúng tôi bây giờ nghèo túng quá, cho nên vợ chồng chúng tôi đâm lo phiền. Nếu chẳng may con bé gặp phải chuyện không hay thì sao?

Mẹ cuốn tròn một chiếc đệm và ngồi lên trên.

– Lúc này chúng ra ngoài rồi ư? – Mẹ hỏi – Bao giờ cũng ở ngoài, – ông Wainwright đáp – Tối nào cũng đi với nhau.

– E hèm! ông cũng biết, Al là đứa tốt bụng.

Những ngày này nó có thích tán gái, cái đó thì tôi chưa bảo là không, nhưng nó là thằng bé đứng đắn. Tôi không mong có một đứa khá hơn.

– Ô! Không phải vợ chồng chúng tôi có điều gì phàn nàn về anh ấy. Chúng tôi mến anh ấy. Nhưng điều khiến hai vợ chồng chúng tôi sợ, là thế này… Aggie đã nhớn, đến tuổi dậy thì. Nếu chúng tôi buộc phải ra đi, hay không may cho nó thì sao? Xưa nay, chưa bao giờ gia đình chúng tôi phải xấu hổ vì bất cứ chuyện gì.

Mẹ nói khẽ:

– Chúng tôi cố gắng thu xếp sao cho ông bà khỏi phải xấu hổ.

Ông ta đứng phắt lên:

– Xin cám ơn bà. Aggie đã đến tuổi. Con bé nó ngoan, đẹp người, tốt nết. Thưa bà, bà mà thu xếp làm sao để gia đình tôi khỏi phải hổ nhục thì chúng tôi đội ơn bà lắm. Lỗi không phải của con Aggie. Nó đã đến tuổi rồi.

– Bố nói, ông ra nói chuyện với Al, – Bà nói – Nếu không nghe, để tôi bảo nó.

– Thôi, xin chào ông bà. Rất cám ơn ông bà.

Ông đi khuất sau tấm bạt. Họ nghe ông ở đầu kia toa đang thì thầm báo lại cho bà vợ ông biết kết quả công cán của ông.

Mẹ lắng nghe một lát, rồi nói:

– Nào các ông. Các ông tới ngồi đây.

Bố và chú John lại nặng nề đứng lên. Họ tới ngồi trên nệm bên cạnh bà mẹ.

– Bọn trẻ con đâu?

Bố chỉ một cái nệm trong một góc toa.

– Con Ruthie đã nhảy bổ vào Winfield rồi cắn thằng bé. Tôi đã bắt cả hai đứa đi ngủ. Chắc chúng ngủ rồi. Rosasharn đã đi chơi nhà bà hàng xóm nó quen biết.

Mẹ thở dài một tiếng.

– Tôi đi tìm gặp Tom, – bà nói khe khẽ – Tôi đã bảo nó phải đi. Đi thật xa.

Bố chậm rãi lắc đầu, Chú John gục đầu xuống, cằm đụng sát ngực.

– Nó không thể làm thế nào khác được – Bố nói – Theo chú thì nó có thể làm gì được chú John?

Chú John ngước mắt lên:

– Tôi chẳng biết sao. Tôi không tài nào có ý kiến này nọ cả. Tôi thấy như người nửa tỉnh nửa mê.

– Tom là đứa con ngoan – Mẹ nói, rồi để xin lỗi – Tôi không có ý định làm ông phải phật ý khi tôi nói để tôi bảo thằng Al.

– Tôi biết, – Bố bình tĩnh đáp, – Tôi chẳng còn được tích sự gì nữa. Suốt ngày tôi chỉ nghĩ thời xưa. Suốt ngày tôi chỉ nghĩ đến căn nhà của chúng ta và cứ tự nhủ là sẽ không bao giờ thấy lại nó nữa.

– Ở xứ này vẫn hơn. Đất đai tốt hơn.– Mẹ nói,

– Tôi biết. Thậm chí tôi cũng không thấy nói nữa, lúc nào tôi cũng nghĩ rằng cây dương chắc đang rụng lá… hay nhiều khi tôi cứ tự nhủ đáng lẽ phải bít kín cái lỗ thủng ở bờ rào sau nhà. Ngược đời thật. Người đàn bà nắm quyền chỉ huy trong nhà. Bà ta nói: "Ta làm cái này, ta đi chỗ kia", ấy thế mà tôi cũng dửng dưng.

– Phụ nữ họ dễ quen với những thay đổi hơn đàn ông. – Mẹ nói để an ủi Bố – Cuộc đời ở người đàn bà là ở trong đôi cánh tay của mụ ta, ở người đàn ông, thì nó nằm trong đầu óc y. Vậy thì Bố nó đừng có chạnh lòng lo nghĩ làm gì. Dễ chừng… biết đâu… năm tới chúng ta có một căn nhà.

– Hiện giờ, chúng ta chẳng có gì hết. Và còn lâu nữa, chúng ta vẫn sẽ không có gì… không có việc làm, không có hoa màu. Chúng ta sẽ làm gì? Xoay xở thế nào để ăn? Và mẹ nó cũng biết, là chẳng mấy nỗi, Rosasharn sẽ ở cữ. Cái đó, thậm chí tôi sợ không dám nghĩ đến nữa. Chính vì vậy mà tôi đào xới các chuyện của thời xưa, để khỏi phải suy nghĩ. Tôi có ý nghĩ là cuộc đời của chúng ta đã chấm dứt, chấm dứt hẳn hoi rồi.

– Bố nó nhầm rồi, Mẹ mỉm cười nói – nó chưa dứt. Và đó cũng là điều mà đàn bà họ biết. Tôi đã nhận thấy thế. Ở người đàn ông, họ sống với những bước nhẩy – một đứa bé ra đời, một người đàn ông mất, đó là mỗi bước nhảy. Đàn ông lấy vợ, rồi vợ mất, một bước nhảy khác. Ở người đàn bà, sự việc cứ trôi chảy như con sông, có những xoáy nước nhỏ, có những thác nước

nhỏ, nhưng sông vẫn chảy, chảy hoài. Đàn bà họ nhìn sự đời như thế đấy. Chúng ta không chết đâu Bố nó ạ. Người gia đình ta vẫn sẽ còn sống, có thể là thay đổi là thay đổi tí chút, nhưng vẫn tiếp tục sống không ngừng.

– Làm thế nào bác nói được thế? – chú John hỏi. Có cái gì ngăn cản không để mọi sự đột nhiên ngừng lại, ngăn cản mọi người khỏi chán ngấy và chỉ có việc là nằm xuống buông xuôi, phải có gì ngăn trở ?

Mẹ suy nghĩ. Mẹ đưa một mu bàn tay bóng loáng cọ xát bàn tay kia rồi đan các ngón tay lại với nhau, và đáp:

– Kể cũng khó nói. Theo tôi, tất cả những gì chúng ta làm, là nhằm thẳng mà đi tới. Chính tôi nhìn sự đời như vậy. Ngay cả bị đói khát, ngay cả bệnh tật. Có những người mất đi, nhưng những người khác lại bền bỉ hơn. Đơn giản chỉ nên gắng sống ngày hôm nay, cố gắng sống qua ngày hôm nay.

Chú John nói:

– Miễn là ngày hôm nay không chết.

– Vậy thì sống ngày của hôm nay, Chú đừng buồn phiền.

– Năm sau, mùa màng ở quê ta có lẽ tốt hơn – Bố nói.

– Nghe xem! Có tiếng chân nhẹ nhàng bước lên cầu ván ghép và sau đó Al ló đầu vào ở góc màn.

– Ồ! – hắn nói – Con tưởng giờ này cả nhà ngủ rồi.

Mẹ nói:

– Al ạ, nhà đang nói chuyện. Con ngồi xuống đây

– Hay lắm. O.K. Con cũng có chuyện muốn nói. Nhà biết đấy, con buộc phải sớm đi khỏi đây.

– Đi sao được, ở đây cần đến con. Cái gì bắt buộc con phải đi?

– Thế này. Aggie Wainwright với con, chúng con định lấy nhau, rồi con sẽ đi kiếm một chỗ làm trong xưởng sửa xe hơi, chúng con sẽ thuê một căn nhà nhỏ một thời gian và rồi. – hắn nhìn họ vẻ thách thức – Chả ai ngăn cấm được chúng con. Chúng con đã quyết.

Họ trố mắt nhìn anh.

– Al. – cuối cùng Mẹ nói – Bố mẹ ưng lắm, ưng quá đi chứ.

– Thật ư?

– Thật chứ không à? Bây giờ con đã lớn khôn rồi. Con phải lấy vợ. Nhưng đừng đi ngay, Al ạ.

– Con đã hứa với Aggie. Chúng con phải đi thôi. Không thể chịu đựng thế này được nữa. Cô ấy cũng như con.

– Hãy nán lại cho tới sang xuân, – mẹ cầu khẩn. Chỉ sang xuân thôi. Con không muốn ở lại cho tới sang xuân sao, Ai sẽ lái xe?

– Ồ… Bà Wainwright thò đầu qua góc màn.

– Anh đã biết tin mừng chưa? – Bà hỏi.

– Vâng. Vừa ngay tức thì ạ.

– Ôi! Lạy Chúa tôi. Tôi ước sao… ước sao có một chiếc bánh ngọt. Tôi muốn sao có một chiếc bánh ngọt hay thức gì đó…

–Tôi sẽ pha cà phê và làm bánh kẹp. – mẹ nói – chúng tôi có xi rô.

– Ồ! Lại thế nữa kia? – Bà Wainwright thốt lên – Ôi thế nữa! Thế này, tôi sẽ mang đường sang. Để cho vào

bánh kẹp.

Mẹ bỏ mấy nhánh củi cho vào lò. Củi bắt lửa ngay nhờ những cục than còn hồng sau bữa ăn chiều. Ruthie và Winfield chui ra khỏi chỗ nằm như những con ốc sên thò đầu ra khỏi vỏ. Chúng để ý đề phòng một lát, rình xem bố mẹ thế nào để biết tội lỗi của chúng đã được quên đi hay chưa. Thấy không ai để ý đến chúng, chúng đâm bạo. Ruthie đi tới tận cửa và vừa trở lại vừa nhảy lò cò mà không đụng vào tường.

Mẹ đang bận đổ bột vào bát thì Rosasharn bước lên cầu ván. Cô dừng lại chốc lát để thở rồi bước vào, vẻ dè dặt.

– Có chuyện gì vậy? – cô hỏi.

– Ồ! Có tin quan trọng, – Mẹ nói – Al và Aggie Wainwright sắp lấy nhau, ta tổ chức liên hoan nho nhỏ.

Rosasharn không nhúc nhích, cô từ từ quay đầu về chỗ Al, hắn đang đứng sững ra đấy vẻ ngượng ngùng, lúng túng.

Từ đầu toa bên kia, bà Wainwright kêu to:

– Tôi đang bận mặc áo mới vào cho Aggie. Chúng tôi sang ngay.

Rosasharn từ từ ngoảnh đi. Cô lại đi ra cửa, lảo đảo bước xuống cầu ván. Xuống tới đất, cô cố lê bước về phía con đường mòn dọc bờ suối. Cô đi theo con đường mẹ đi lúc nãy, qua các bụi rậm.

Bây giờ gió thổi từng đợt đều đặn, bụi bờ xào xạc lay động. Rosasharn bắt đầu quỳ xuống bò sâu vào các bụi rậm, không thèm để tâm đến gái góc đang cào da thịt và bám vào tóc cô. Cô chỉ dừng lại khi các cây gai đã khép kín phía sau cô. Thế rồi cô nằm ngửa xuống,

lắng nghe cái thai nặng đang cựa quậy trong bụng.

Trong bóng tối toa tàu, Mẹ khẽ cựa mình rồi bà gạt chăn ra và đứng lên, ánh sáng mờ mờ của các ngôi sao xuyên vào cánh cửa để ngỏ. Mẹ đến nhìn ra ngoài, ở phương đông, sao nhạt dần. Gió đang ve vuốt các bụi liễu, nước thì thầm êm ru.

Phần đông các gia đình còn đang ngủ, nhưng đã có một bếp lửa nhỏ trước một cửa lều, nhiều người đứng sưởi xung quanh. Họ giơ tay hơ lửa, và xoa xoa tay, tiếp đó họ quay lưng về phía lửa, tay chắp lại sau. Tay chắp trước bụng, mẹ đứng nhìn họ một lúc lâu. Gió thổi từng đợt vun vút và không khí lạnh thêm.

Mẹ rùng mình, xoa tay. Bà trở vào lần mò tìm lối đi, tay sờ soạng quanh đèn tìm diêm. Chụp đèn ken két. Mẹ thắp đèn, đứng nhìn ngọn lửa nhỏ màu xanh lam ban đầu và thoắt biến thành một vòng ánh sáng cong cong màu vàng. Mẹ cầm đèn, đặt trước bếp lò và bắt đầu bẻ những cành khô giòn bỏ vào bếp. Chẳng mấy chốc, lửa reo. Rosasharn nặng nề trở mình trên giường, và cô ngồi lên. Cô nói:

– Con dậy ngay thôi.

– Sao không nằm tí nữa cho trời ấm đã.

– Không, con dậy thôi.

Mẹ nhúng bình cà phê vào xô cho đầy nước. Rồi bà đặt chảo lên lửa, rồi cho mỡ vào chảo để rán bánh ngô. Bà hỏi khẽ:

– Con làm sao vậy?

– Con đi đây.

– Đi đâu?

– Hái bông.

– Không được đâu. Bụng con nhiều tháng lắm rồi.

– Đâu có. Con đi với nhà ta.

Mẹ chia cà phê cho vào nước.

– Này Rosasharn, đêm qua con không ngồi lại ăn bánh kẹp. Người thiếu phụ không trả lời.

– Tại sao con lại muốn đi hái bông, có chuyện gì vậy?

Vẫn không có tiếng đáp.

– Có phải tại Al và Aggie không?

Lần này thì bà mẹ nhìn kỹ con gái.

– Ồ! Con không cần đi làm.

– Con cứ đi, con đã bảo mà.

– Được, được thôi. Đừng gắng gượng quá. Nào, Bố nó, dậy đi. Đứng lên.

Bố ngáp dài, mắt nhấp nháy dưới ánh đèn.

– Tôi chưa ngủ đẫy giấc – Bố rên rỉ – Chắc mãi gần mười một giờ đêm qua mới đi nằm.

Những người ở trong toa chậm rãi bứt ra khỏi giấc ngủ, vật vã để chui ra khỏi mền và vừa vặn vẹo vừa xỏ quần áo. Mẹ cắt những khoanh thịt lợn ướp muối bỏ vào rán ở chảo khác.

– Ai nấy ra ngoài rửa mặt – Mẹ ra lệnh.

Một ánh sáng bất chợt soi sáng phía đầu kia toa. Nghe có tiếng cành củi bẻ gẫy răng rắc ở chỗ gia đình Wainwright. Có tiếng gọi: – Bà Joad ơi chúng tôi đang sửa soạn. Sắp xong rồi.

Al làu bàu:

– Sao lại dậy sớm thế?

– Chỉ có hai mươi acres, – Mẹ nói – Phải nhanh chân nhanh tay kẻo chả còn gì. Phải đến sớm kẻo họ hái hết.

Mẹ giục họ đi bận quần áo, khuấy cà phê cho họ:

– Nào, uống cà phê đi rồi còn đi.

Tối thế này thì hái bông sao được hở mẹ?

– Không hái được, nhưng tới nơi thì trời sáng rồi.

– Có thể bông còn ướt.

– Mưa có to đâu. Nhưng nhanh lên, uống cà phê đi. Al, xong rồi thì mày cho rồ máy đi.

Mẹ gọi:

– Sắp xong chưa, bà Wainwright?

– Chúng tôi đang ăn. Vài phút nữa thì xong.

Bên ngoài, cả trại rậm rịch. Bếp lửa cháy trước cửa lều, ống khói ở các toa phun khói. Al dốc ngược cốc, cà phê cặn rơi vào đầy mồm. Hắn vừa men cầu ván bước xuống vừa nhổ ra.

– Chúng tôi xong rồi, bà Wainwright ạ. – Mẹ kêu.

Mẹ quay về phía Rosasharn, nói:

– Con ở nhà.

Người thiếu phụ nghiến răng:

– Con đi – cô nói quả quyết – Mẹ ơi, con phải đi.

– Nhưng con không có túi đựng bông. Con không đủ sức kéo túi bông.

– Con bỏ vào túi mẹ.

– Mẹ muốn con không đi thì hơn.

– Con phải đi.

Mẹ thở dài:

– Mẹ sẽ để ý trông nom con. Giá ta có tiền đi khám bác sỹ.

Rosasharn đi đi lại lại trong toa, có vẻ bứt rứt không yên. Cô khoác một chiếc áo choàng mỏng rồi lại cởi ra.

– Con lấy một cái chăn – Mẹ nói – Nếu con muốn ngồi nghỉ thì khoác vào cho ấm! Họ nghe tiếng máy xe nối ở phía sau toa.

– Chúng ta sẽ đến trước tiên, – Mẹ hồ hởi nói – Nào đi thôi. Cầm lấy túi, Ruthie, đừng có quên mấy cái bao mẹ may cho các con để đựng bông.

Trong bóng đêm, gia đình Wainwright và gia đình Joad leo lên xe. Bình minh từ từ ló ra, nhưng còn chậm chạp và nhợt nhạt.

– Vòng sang trái, – Mẹ nói với Al – Sẽ trông thấy một cái biển chỉ đường.

Họ đi theo con đường cái tăm tối. Các chiếc xe khác đi ở phía sau họ và ở trại, các xe đang nổ máy, các gia đình chen chúc nhau trong các xe hơi đổ dồn về con đường cái lớn và rẽ sang trái.

Bên phải đường đi, có một mảnh giấy bồi cắm trên cái cột treo hòm thư và có kẻ chữ bằng bút chì xanh.

Cần người hái bông.

Al tiến xe qua cổng và đánh xe vào nhà kho.

Sân kho đã đầy những xe hơi, ở một đầu dãy nhà quét trắng, một bóng đèn điện soi sáng, một nhóm đàn ông và đàn bà đứng gần những chiếc cân, nách cắp những cái túi cuộn tròn. Một số phụ nữ mang túi trên vai, hai dải có túi vắt chéo trước ngực. Al nói:

– Chúng ta đâu có đến sớm như đã tưởng.

Hắn lái xe đỗ sát bờ rào. Hai gia đình bước xuống và tới nhập vào đám người đang chờ, các chiếc xe khác từ đường cái vào và tới đỗ cạnh các xe trước, rồi các gia đình khác lại tới nhập thêm vào nhóm. Dưới ánh chiếc đèn điện mắc ở đầu nhà kho, người chủ trại ghi tên người đến làm.

– Hawley? – ông ta nói. H.. a…w..l..e.y? Bao người?

– Bốn – Will.

– Will.

– Benton.

– Benton.

– Amelia.

– Amelia.

– Clare.

– Clare – người sau? Carpenter? Bao nhiêu?

– Sáu.

Y ghi tên người làm vào sổ, chừa một bên lề để ghi số cân.

– Các người có túi không? Tôi có mấy chiếc kia. Một đôla một cái.

Xe hơi nối nhau ùn ùn đi vào sân. Người chủ bẻ cổ áo Canađiêng lót da cừu lên. ông ta nhìn với vẻ lo lắng về phía cổng ra vào.

– Người đông thế kia thời hai mươi acres bông xong sớm.

Bọn trẻ con leo lên chiếc rơmooc to đưa bông hái tới đĩa cân, chúng thò ngón chân vào các lỗ của tấm lưới sắt.

– Các cháu kia kìa. – người chủ kêu to – Xuống đi, hỏng hết lưới sắt bây giờ.

Bọn trẻ con từ từ leo xuống, câm lặng và ngỡ ngàng. Bình minh xám ngắt hiện ra.

– Tôi sẽ trừ bì vào sương – người chủ nói – lúc nào mặt trời lên, tôi sẽ thôi. Thôi… các ông muốn làm lúc nào thì tuỳ. Trời sáng rõ rồi đấy.

Đám người nhanh chóng đi về phía cánh đồng bông và ai nấy đứng vào hàng của mình. Họ buộc túi vào thắt lưng, xoa tay cho nóng lên khiến ngón tay được dẻo khi hái, ở phía đông, bình minh nhuốm đỏ trên các dãy bông. Các xe vẫn tiếp tục từ trên đường đổ tới và tập trung trên các dãy núi đồi, và dòng người dài lũ lượt chuyển động dọc các dẫy bông. Các xe vẫn tiếp tục từ trên đường đổ tới và tập trung trong sân trại. Lúc sân đã chật, chúng xếp hàng bên lề đường. Một luồng gió mạnh quét ngang cánh đồng.

Người chủ trại nói:

– Tôi không biết làm thế nào mà mọi người đều biết. Chắc các ông có một hệ thống tin mật rặt ngô. À! Tên gì? Hume? Hả, bao nhiêu? Đến trưa thì chắc hái xong! Chuỗi người hái bông giãn ra qua cánh đồng, gió tây thổi mạnh làm quần áo họ bay lật phật.

Ngón tay họ thoăn thoắt đụng tới nang bông nứt nẻ và lùa thoăn thoắt vào những túi dài mỗi lúc một nặng thêm ở phía sau họ.

Bố nói chuyện với người bên cạnh ở hàng bên phải.

– Ở chỗ quê tôi, gió thế này là sẽ có mưa, không khỏi được. Hình như hơi rét nên chưa chắc đã có mưa. Bác ở đây lâu chưa.

Miệng nói, mắt bố vẫn cúi xuống chăm chút vào công việc.

Người láng giềng cũng không ngước mắt lên.

– Đã gần một năm rồi.

– Theo bác, liệu có mưa không?

– Cũng không nói chắc được. Mà như thế này cũng chẳng đáng ngạc nhiên. Những người ở đây suốt cả đời cũng chả biết gì hơn. Nếu sợ mưa hại đến hoa màu, thì chắc chắn sẽ mưa, ở đây họ nói thế đó.

Bố liếc nhanh một cái về phía các dãy núi phía tây. Những đám mây xám, nặng bị gió xua đuổi đang lửng lơ trên các ngọn núi.

– Tôi xem ra sắp có giông. Người láng giềng thoáng liếc về phía mây.

– Không thể nói chắc được Và trên suốt dãy dài, đám người hái bông ngoảnh lại nhìn mây. Rồi họ lại nối tiếp công việc, người cúi thấp hơn và ngón tay thoăn thoắt nắm lấy nang bông. Họ đang ráo riết chạy đua, chạy đua với thời gian, chạy đua với sức nặng và với mưa với người láng giềng – càng hái được nhiều bông bao nhiêu, càng kiếm được nhiều tiền bấy nhiêu.

Tới đầu kia của cánh đồng, họ vội chạy để chiếm một dãy bông khác. Bây giờ thì gió quạt vào mặt họ, những đám mây xám chuyển động rất cao trên bầu trời, tiến về phía mặt trời đang lên. Lại vẫn thêm những xe khác tới đậu bên lề đường, chở những người mới đến ghi tên. Hàng người điên cuồng đi dọc theo luống của họ, đến mỗi đầu luống thì cân bông, đóng đấu, kiểm lại số cân ở sổ riêng của họ rồi lại vội vã đi giành luống khác.

Đến mười một giờ, bông trên cánh đồng đã hái hết, công việc đã xong. Những chiếc xe rơmooc có thành lưới sắt được ngoặc vào phía sau xe tải mà thành xe được thay thế bằng lưới sắt, xe tiến ra đường cái, mang bông tới máy tuốt hạt. Sợi bông tơi tuồn qua ô lưới, những cụm bông nhỏ bay bám vào cỏ và cành cây, phấp phới theo chiều gió ở dọc đường. Buồn bã. Những người lượm bông trở về theo từng chụm một, tụ tập trong sân và đứng nối đuôi nhau để chờ nhận tiền công.

– Hurmes James. Hăm hai xu, Ralph, ba mươi xu, Joad Thomas Chín mươi xu. Winfield, mười lăm xu.

Tiến công đặt trên bàn từng cuộn. Tiền bạc kền, đồng. Lúc tới lượt mình lĩnh, ai nấy đều dò lại trong sổ riêng của mình.

– Wainwright Aggie, ba mươi tư xu. Tobin sáu mươi ba.

Hàng người cứ mòn dần. Các gia đình âm thầm trở lên xe của họ và từ từ lên đường trở về nhà.

Nhà Joad và nhà Wainwright ngồi trong xe đợi cho tới khi cổng vào đã khai thông. Và trong khi họ đang kiên nhẫn chờ thì mưa bắt đầu rơi. Al thò tay ra cửa xe để xem mưa mát lạnh thế nào.

Rosasharn đã ngồi ở giữa, mẹ ngồi phía ngoài. Đôi mắt của người thiếu phụ đã trở nên đờ đẫn.

– Lẽ ra con không lên đi. – Mẹ nói – Con hái chỉ được khoảng mười, mười lăm pao.

Rosasharn không đáp, chỉ cúi mặt nhìn cái bụng to. Thình lình, cô rùng mình và duỗi co ra. Mẹ vẫn để ý trông chừng, vội gỡ một cái túi ra, phủ lên vai con gái và kéo cô sát vào mình.

AL rồ máy đánh xe lên đường cái. Những hạt mưa nặng và lưa thưa dội xuống như những mũi tên và bắn tung toé xuống mặt đường, nhưng rồi mưa dày hạt hơn rơi sầm sầm trên mái cabin át cả tiếng uỳnh uỵch của chiếc động cơ cũ mòn. Ngồi trên sàn xe, nhà Wainwright và nhà Joad căng túi ra trùm đầu và vai.

Tựa vào cánh tay Mẹ, Rosasharn run lẩy bẩy, mẹ kêu to:

– Đi nhanh lên, Al. Rosasharn bị cảm lạnh. Phải cho nó ngâm chân vào nước nóng.

Al bắt chiếc máy cũ mở hết tốc lực và lúc về tới trại, hắn cho xe bám sát dãy toa đó. Chiếc xe chưa dừng hẳn thì mẹ đã ra lệnh.

– Al, mày với chú Joad và Bố đi vào lùm cây liễu kiếm cho thật nhiều củi khô vào. Ta phải giữ ấm.

– Không biết trần nhà có dột không.

– Không. Tôi tin là không. Nhà khô ráo nhưng phải có củi. Ta phải đốt lửa cho ấm. Đưa cả Ruthie với Winfield đi cùng. Chúng nhặt cành vụn. Rosasharn yếu lắm.

Mẹ bước ra, Rosasharn định bước xuống theo nhưng đầu gối cô khuỵu xuống và cô nặng nề ngồi ở bậc xe.

Bà Wainwright to béo nom thấy thế bèn hỏi:

– Có chuyện gì vậy? Sắp sinh rồi sao?

– Chưa, tôi nghĩ là chưa, – Mẹ nói, – Nó run lên vì bị cảm lạnh. Bà giúp tôi một tay nào.

Hai bà dìu Rosasharn đứng lên. Đi được vài bước, cô lấy lại sức, tự đi được một mình

– Con khá rồi mẹ ạ. Đột nhiên bị thế thôi. Khỏi rồi.

Hai bà vẫn dìu đỡ cô.

– Ngâm chân nước nóng là khỏi. – Mẹ nói với cái giọng của người thạo việc.

Họ dìu cô bước lên cầu ván và đi vào toa.

– Bà cố lo xoa bóp cho chị ấy – Bà Wainwright nói. Để tôi nhen lửa.

Bà dùng những nhánh củi khô còn lại để nhen lò, lửa rực cháy. Mưa rơi như trút nước, nước chảy như thác trên mái toa.

Mẹ ngước mắt nhìn trần.

– Tạ ơn Chúa, mái nhà ta không dột – Bà nói – Ở lều, dù vải lều tốt đến đâu, nước cũng thấm qua. Bà Wainwright, xin bà bắc cho một ít nước sôi.

Rosasharn nằm im trên nệm, không động đậy.

Cô để mẹ tháo giầy và xoa bóp chân cho. Bà Wainwright cúi xuống cô hỏi.

– Cháu có đau quặn không?

– Không. Cháu chỉ thấy khó chịu quá.

– Bác có thuốc giảm đau và muối amôni, – bà nói – Nếu cháu cần dùng, cháu cứ tự nhiên. Thuốc chỉ để mà dùng.

Người thiếu phụ rùng mình dữ dội.

– Đắp cho con, con lạnh lắm.

Mẹ vơ tất cả chăn và chăn chồng lên người cô.

Mưa rơi ầm ầm trên mái toa.

Ngay lúc đó, toán người đi lượm củi bước vào ôm nặng trĩu cành nhánh, ướt như chuột lụt.

– Chó thật – Bố nói – ướt sạch ráo. Nhoáng cái mới

thế mà đã bị ướt trụi.

Mẹ nói:

– Quay trở lại nhặt thêm thì hơn. Nó cháy nhanh mới khiếp. Chả mấy chốc trời tối.

Ruthie và Winfield trở về, ướt đầm đìa. Chúng vất phần củi của chúng xuống và lại sắp sẵn đi nữa.

– Hai đứa bay ở nhà, – mẹ ra lệnh – Lại bên lửa hơ cho khô ráo. Bầu trời buổi chiều sắc bàng bạc, nước lấp loáng trên các ngả đường. Mỗi lúc cây bông hình như xạm đen quất lại.

Bố, Al và chú John không mệt mỏi lộn về rồi trở lại các bụi bờ, ôm về từng bó củi khô. Họ chồng chất củi ở gần cửa cho tới lúc đống củi gần chạm trần, sau cùng họ nghỉ tay và lại gần bếp lò. Nước nhỏ giọt từ mũi xuống vai. Các mép áo ngoài chảy nước ròng ròng và mỗi khi họ cử động thì nước trong giầy bắn phọt ra lép bép.

– Tốt rồi. Giờ thì các ông cởi hết áo ra. – Mẹ nói – Tôi đã pha cà phê nóng cho các ông đây. Lấy quần áo khô đây, mà thay đi. Nào, đừng đứng đấy nữa.

Đêm xuống sớm. Trong các toa, các gia đình người nọ sát vào người kia, ngồi nghe mưa rơi trên mái toa.

Chương XXIX

Từ phía đại dương, các đám mây trên đầu các dãy núi cao miền duyên hải và các thung lũng. Một trận gió ác liệt nổi lên, thổi trên không trung với một sức mãnh liệt câm lặng, rì rầm trong các bụi rậm và gầm thét trong các khu rừng. Mây bay đến tán loạn, chỗ thì vụn lại thành những cụm nhỏ trắng, chỗ giàn ra thành những dải gấp nếp, chỗ thì xám xịt rách tả tơi rồi mây ùn ùn chồng chất rất thấp, sát chân trời phía tây. Thình lình gió ngừng bặt, cả cái khối dày đặc nặng nề nằm im lìm bất động. Mưa bắt đầu rơi. Thoạt tiên là những cơn mưa nhỏ triền miên. Rồi đến những trận mưa rào xối xả, rồi tiếp đó là một cơn mưa nhỏ hạt dầm dề, đều đặn. Cảnh vật bị nhấn chìm trong một lớp mù xám, biến ban ngày sáng tỏ thành buổi hoàng hôn. Lúc ban đầu đất khô cứng hút hơi ẩm và ngả màu đen, đất uống nước mưa suốt hai ngày ròng rã. Đất đã no nê, những ao đầm thành hình và những hồ nước nhỏ chẳng mấy chốc đã phủ ngập những chân ruộng thấp. Những hồ ao bùn ngập ngụa cứ dềnh lên từng giờ một, và mưa liên miên quất vào nước lấp loáng. Cuối cùng, những dòng suối nhỏ trên các sườn núi ngập nước, chảy tràn xuống các sông, gầm gào đổ cuồn cuộn vào các hẻm núi để rồi trút thức lũ xuống thung lũng.

Mưa rơi mãi không ngừng. Suối con, sông nhỏ, dâng tràn bờ tấn công vào các cây liễu và rễ cây to uốn ngả những thân cây liễu là là, dòng nước đào xới rễ cây bông, quật đổ những cây to. Nước sục bùn và xoay tròn vượt qua bờ và cuối cùng ùa tràn vào các cánh đồng, các vườn cây ăn quả, các đồn điền với những cây bông sừng sững nhô lên như những bộ xương cháy đen,

những cánh đồng bằng phẳng biến thành những hố lớn màu xám bị mưa quét tơi bời. Rồi nước nhấn chìm các đường cao tốc, xe cộ chỉ nhích lên thong thả, tự mở lấy một lối đi trong các khối lỏng, kéo theo sau chúng một làn nước sủi bọt, vàng nhờ nhờ. Đất thì thầm dưới những làn roi quất của mưa và những con thác gầm thét dưới nước lũ đảo điên của những con suối nhỏ tràn trề.

Ngay từ trận mưa đầu tiên, những người di tản đã bó gối ngồi thu lu dưới lều, tự nhủ: “Chắc sẽ chóng tạnh” hoặc hỏi nhau “Có thể bao lâu thì tạnh?”. Khi các vũng nước bắt đầu hình thành, đàn ông bèn cầm cuốc xẻng, đi ra ngoài dưới trời mưa và đắp những bờ kè bé nhỏ quanh các lều trại. Cuối cùng thì cơn mưa ào ào tầm tã thấm qua vải lều và chảy ròng ròng theo các vách. Thế rồi, nước quét phẳng những bờ kè nhỏ, xâm chiếm vào các lều làm ướt cả giường cả đệm. Người trong lều phải ngồi lên trong quần áo ướt sũng. Rồi họ kê thùng, bắc các tấm ván lên trên thùng. Sau đó thì họ ngồi lên ván, ngồi ngày ngồi đêm.

Những chiếc xe cũ kỹ xếp hàng bên cạnh các lều, nước tấn công hẳn vào các dây điện và ngâm vào các máy hòa khí. Các lều nhỏ xám nhô lên như những hòn đảo giữa hồ. Mãi rồi người ta phải bỏ đi. Nhưng xe không chịu nổ máy và dây điện bị chập mạch. Và khi động cơ chịu chuyển động rồi thì bánh lại lún sâu trong bùn đặc. Thế là ai nấy phải đi bộ, vừa mang chăn, vừa lội bì bõm trong nước. Họ ì ạch tiến lên, mỗi bước đi lại làm bắn nước tung toé, tay ôm con thơ lưng cõng người già. Và lúc thấy một vựa thóc đứng trên một chỗ đất cao, họ bèn chen chúc nhau tới đây, người run lẩy bẩy lòng tuyệt vọng.

Một số trong bọn họ đi đến Sở Từ Thiện gần nhất, nhưng rồi buồn bã trở về với gia đình.

Đã có những luật lệ… muốn được quyền cứu trợ phải ở trong xứ được một năm. Đâu như chính phủ sắp làm một cái gì. Khi nào, họ không biết.

Và ngày một ngày hai, một nỗi kinh hoàng gia tăng xâm chiếm họ. Trong ba tháng sắp tới sẽ không có công ăn việc làm.

Ngồi chen chúc trong các nhà kho, họ co ro run rẩy, và nỗi kinh hãi chụp xuống họ, các gương mặt xám lại vì nỗi sợ hãi. Trẻ con đói kêu khóc, thức ăn lại không có. Rồi bệnh tật kéo tới, bệnh sưng phổi, bệnh sởi, sởi ăn lên mắt, lên chùm tai.

Mà mưa vẫn triền miên tràn ngập các đường cái vì cống rãnh không đủ để tiêu nước.

Thế là các nhóm người ướt lạnh thấu xương, quần áo rách tả tơi và ướt lướt thướt, giầy dép nhão nhoét, đi ra khỏi lều và khỏi các kho đầy ứ người. Bì bõm trong ao ngập ngụa bùn. Họ đi đến các phố xá, tràn vào các cửa tiệm, các sở cứu nạn, ăn xin ít thức ăn, nuốt mọi sự xỉ nhục vì một mẩu bánh, tìm cách ăn cắp, nói dối. Chẳng bao lâu, một cơn uất giận tuyệt vọng bắt đầu ấp ủ dưới những lời kêu nài sau những thái độ quị lụy. Và trong các thành phố nhỏ, lòng trắc ẩn của thiên hạ đối với những kẻ đói khát đó biến thành cơn giận dữ, rồi thành nỗi lo sợ. Thế rồi bọn quận trưởng cảnh sát bắt hàng toán tùy tùng mới phải tuyên thệ và vội vã đòi gửi tới nào súng, nào đạn dược, nào lựu đạn cay. Những người đói khát lũ lượt ngổn ngang trên các đường phố, sau các cửa hiệu, ăn mày một mẩu bánh, ăn mày rau úa, và nếu có dịp thì ăn cắp.

Những người hoảng loạn lấy nắm tay đấm thình thịch của nhà các thầy thuốc, nhưng thầy thuốc đang bận. Thế là những người đó, mặt mày thất sắc, nhờ ông chủ tiệm báo với cảnh sát tư pháp.

Các ông này không bận rộn lắm. Xe của họ đi lùi lại phía sau trong bùn lầy và trở các xác chết đi.

Và mưa vẫn rơi không ngớt, lộp bộp, nước sông phá vỡ bờ, tràn ngập khắp cả vùng.

Rúc vào nhau dưới các túp lều, nằm dài trên cỏ rơm ẩm ướt, cơn đói và nỗi sợ đẻ ra sự uất giận. Các thanh niên đi ra ngoài không phải để ăn xin, mà để ăn cắp, và người lớn cũng ra ngoài để cố ăn cắp.

Các quận trưởng cảnh sát tuyển mộ thêm nhiều tay chân và đặt mua thêm vũ khí, những người sung túc ngồi trong các ngôi nhà khô ráo ấm áp, thoạt đầu thì cảm thấy thương hại, sau đó thì kinh tởm và cuối cùng căm thù lũ người di tản.

Trên đồng cỏ ẩm ướt ở căn nhà kho mà nước rỏ qua các kẽ mái, các người đàn bà vừa chuyển dạ đẻ, vừa thở hồn hển vì bị viêm phổi. Các ông già bà lão chết co rúm trong một xó và cũng co rúm mà chết và các cảnh sát tư pháp không thể nắn thẳng xác họ lại được nữa. Ban đêm, những người đàn ông điên giận táo tợn bẻ khoá chuồng gà và cuỗm đi những con gà kêu quang quác. Khi bị bắn đuổi, họ không chạy, không vội vã, mà ủ rũ, lội lõm bõm qua bùn dầy tìm một chỗ trú ẩn.

Lúc bị bắn trúng họ rủ xuống kiệt quệ trong bùn.

Mưa tạnh. Nước ứ đọng trên đồng ruộng, phản chiếu bầu trời xám, rồi nước ứ lại từ từ trôi đi và đất lại rì rào thầm thì.

Người người đổ ra từ các chuồng gia súc, nhà kho.

Họ ngồi xổm xuống, đưa mắt nhìn lượn lờ trên cảnh ngập lụt. Họ ngồi lặng lẽ. Thoảng hoặc họ khe khẽ chuyện trò.

Trước xuân đến, không có việc làm, không có việc làm.

Mà nếu không có việc làm thì không có tiền, có bánh.

Ai kia có một cặp ngựa, bắt chúng kéo cày, kéo bừa hay kéo trục, không hề nảy ra ý nghĩ xua đuổi chúng cho chúng chết đói vì không có việc làm cho chúng.

Nhưng đây là nói đến ngựa, còn chúng ta là những con người.

Đàn bà quan sát đàn ông, rình mò những phản ứng của họ, tự hỏi chẳng hay lần này họ có thối chí nản lòng hay không. Đàn bà đứng im lặng và quan sát. Và khi một số đàn ông tụ họp lại, thì nỗi sợ biến mất khỏi khuôn mặt họ, nhường chỗ cho cơn uất hận. Thế là đàn bà thở nhẹ nhõm, bởi vì họ biết rồi ra mọi sự sẽ trôi chảy. Cánh đàn ông họ không bị nhụt chí, chừng nào mà sự sợ hãi còn có thể biến thành sự uất giận, thì cánh đàn ông không nhụt chí.

Những mầm cỏ non bé xíu bắt đầu chọc đất ló ra, và chỉ trong mấy ngày, các quả đồi đã khoác mầu sắc xanh cùng với năm mới đang bắt đầu.

Chương XXX

Trong trại toa xe, nước đọng lại thành vũng và mưa rơi, bùn bắn tung toé.

Con suối nhỏ dần dần bò lên ngập bờ và tràn vào bãi đất thấp phẳng trên đó các toa tàu đang đứng sừng sững.

Mưa đến ngày thứ hai thì Al gỡ mái bạt ngăn đôi toa. Hắn mang đi phủ lên nắp máy rồi hắn trở vào ngồi trên nệm. Cái màn ngăn được gỡ bỏ, gia đình Joad và Wainwright từ nay chỉ còn có một. Đàn ông ngồi túm tụm lại với nhau, tinh thần đã suy giảm. Mẹ lo lắng dè sẻn củi khô chỉ nhóm một bếp lửa củi vụng leo heo. Mưa xối xả trút thác xuống nóc toa hầu như bằng phẳng.

Ngày thứ ba, gia đình Wainwright đã bắt đầu tỏ ra bồn chồn.

– Dễ chừng chúng ta nên đi thì hơn, – bà Wainwright nói.

Mẹ cố gắng giữ họ lại:

– Ông bà định đi đâu? Mà có chắc tìm được một mái che không bị dột không?

– Tôi không biết sao, nhưng có cái gì như linh tính báo tôi biết là ta phải đi khỏi nơi đây.

Họ tiếp tục bàn luận, và Mẹ đưa khoé mắt nhìn Al.

Ruthie và Winfield cố gắng nô đùa một lát nhưng rồi chúng cũng rơi vào tâm trạng uể oải, ủ rũ.

Mưa đập tùng tùng luôn trên mái.

Ngày thứ ba, suối đã dâng thành thác, tiếng gầm thét át cả tiếng ầm ầm như tiếng trống.

Đứng ở ngưỡng cửa, Bố và chú John nhìn dòng nước đang ùn ùn dâng lên. Ở hai đầu trại, dòng nước tiến lại gần con đường cái những đến quãng ở giữa trại, nó trải ra thành một vành đai rộng, vì vậy mà khu trại đã bị bờ đường cao bao vây ở mặt sau, lại còn bị dòng thác ép sát mặt nước.

Bố nói:

– Chú thấy thế nào, chú John? Tôi nghĩ nếu nước cứ tiếp tục lên thế này, ta sẽ bị ngập.

Chú John há miệng và xoa xoa bộ râu rễ tre.

– Ờ – Chú nói – Rất có thể thế.

Rosasharn nằm liệt giường vì bị cúm nặng, má cô đỏ phừng phừng, mắt long lanh trong cơn sốt.

Mẹ ngồi bên cạnh cô, tay cầm tách sữa nóng.

– Nào. Con uống đi. Trong đó có lẫn mỡ thịt lợn muối, con ăn cho lại sức. Nào, uống đi con.

Rosasharn yếu ớt lắc đầu:

– Con không đói.

Bố đưa tay trỏ vạch một đường cong trong không khí.

– Nếu mọi người quyết cầm lấy xẻng đắp một cái như cái đập, tôi cam đoan là sẽ chặn được nước lũ. Chỉ cần đắp từ kia… đến kia.

– Đúng. – chú John đồng ý – Có thể lắm. Vấn đề là chẳng biết các nhà khác có đồng ý hay không.

Có lẽ họ muốn đi nơi khác.

– Nhưng ở trong toa khô ráo,– Bố nói – Tìm đâu ra một nơi khô ráo như thế này. Đợi xe…

Ông rút một que củi trong đống củi trên toa và chạy ra ngoài. Lội bì bõm trong bùn, ông tới cắm que củi thẳng đứng ở bờ suối, đúng chỗ mực nước.

Lát sau, ông quay về toa.

– Mẹ kiếp! Mới một chút mà đã ướt thấu xương.

Hai người chăm chú theo dõi chiếc que nhỏ. Họ thấy nước dâng cao bao quanh lấy nó và dần dần tuồn lên dọc bờ. Bố ngồi xổm trước cửa.

– Nước lên nhanh lắm, – Bố nói – Tôi nghĩ đã đến lúc bàn một tiếng với các nhà khác. Xem họ có thuận giúp chúng ta đắp cái đập không. Họ mà không muốn thì phải chuồn. Bố quay nhìn về phía toa bên kia. Al đang ngồi bên cạnh Aggie. Bố thâm nhập vào vùng độc chiếm của hai anh chị.

– Nước dâng, – Bố nói – Hay ta đắp một cái đập? Có thể làm được nếu ai cũng bắt tay vào.

Wainwright nói:

– Nhà tôi đang bàn chuyện đó.

– Theo tôi ta đi khỏi đây thì hơn.

– Ông quen thung thổ ở đây – Bố nói – Ông cũng biết chúng ta chẳng có nhiều may mắn gì để tìm ra được một chỗ trú như thế này. – Tôi biết. Nhưng dẫu sao thì… Al nói:

– Bố ơi, ông bà đây đi, thì con cũng đi cùng.

– Con không thể làm thế. Al ạ. – Bố chưng hửng đáp – Còn xe… nhà ta không ai biết lái xe nữa.

– Chẳng can gì đến con. Aggie với con, chúng con

phải ở bên nhau.

– Khoan hẵng, Bố nói – Lại đây xem tí đã.

Wainwright và Al đứng lên đi lại gần cửa.

– Thấy không? – Bố miệng nó, tay chỉ – một cái đập đơn giản từ kia đến kia.

Ông nhìn chiếc que. Bây giờ nước chảy xoáy cuồn cuộn xung quanh và từ từ dâng bờ.

– Công việc vất vả lắm mà không biết có ăn thua gì không – Ông Wainwright phản đối.

– Nhưng dẫu sao thì chúng ta ngồi đây chả làm gì. Chi bằng ra tay. Chẳng tìm được nơi đâu những căn nhà khô ráo như thế này. Thôi, đi. Chúng ta sẽ bàn với các nhà khác. Nếu ai cũng cùng bắt tay vào thì có thể làm được.

Al nói:

– Aggie mà đi, con cũng đi.

– Nghe đã, Al – Bố nói – Nếu ai nấy đều không muốn giúp chúng ta thì thôi, chúng ta buộc cũng phải đi. Nào, đi, ta sẽ nói chuyện với họ.

Họ so vai lại, chạy xuống cầu ván ghép, leo lên cầu ván của toa bên cạnh rồi ùa vào trong.

Ngồi trước bếp lò, Mẹ giữ cho bếp lửa leo heo khỏi tắt, nhờ mấy cành củi khô. Ruthie tới nép vào lòng mẹ.

– Con đói, – nó mếu máo.

– Con nói chuyện vớ vẩn. – Mẹ nói – Con vừa mới ăn cháo đấy thôi.

– Con muốn có một hộp bích quy. Chúng con không làm gì cả. Chẳng biết chơi gì.

– Con sẽ chơi đùa thoả thích… sau này. – Mẹ nói – Đừng nôn nóng. Chả mấy chốc sẽ được chơi đùa. Ta sẽ có một căn nhà, một con chó… rồi con xem.

– Con muốn có một con chó – Con chó, cả một con mèo nữa. Con mèo vàng tuyền.

– Đừng làm phiền Mẹ – Mẹ nài nỉ – Lúc này đừng đến quấy rầy mẹ. Chị Rosasharn ốm. Con cố ngoan, tí chút nữa thôi, nghe, Ruthie? Sau này ta sẽ vui đùa.

Ruthie vừa rên rỉ vừa lượn lờ trong toa.

Từ tấm nệm nơi Rosasharn đang nằm trùm chăn, một tiếng kêu thét ngắn gọn vang ra. Mẹ quay ngoắt người chạy xô tới. Rosasharn nín thở, mắt khiếp đảm mở trừng trừng.

– Chuyện gì vậy con?

Người thiếu phụ lại thở hắt ra, rồi lại nín thở.

Thình lình Mẹ luồn tay dưới chăn. Rồi mẹ đứng lên, gọi to:

– Bà Wainwright! Ơi bà Wainwright.

Người đàn bà to béo từ đầu toa kia đi lại.

– Bà gọi tôi đấy ư?

– Bà trông kìa.

Mẹ lấy tay chỉ gương mặt Rosasharn. Hàm răng của cô cắn sâu vào môi dưới, trán ướt đẫm mồ hôi, và sự kinh sợ lấp lánh trong đôi mắt.

– Tôi ngờ ngợ nó sắp sinh rồi! Thiếu tháng.

Người thiếu phụ trút ra một tiếng thở dài, duỗi người ra, hé răng và nhắm mắt lại. Bà Wainwright cúi xuống cô:

– Cháu có cảm thấy đau quặn khắp nơi, cùng một lúc không? Nào, mở miệng ra, nói đi.

Rosasharn yếu ớt gật đầu. Bà Wainwright quay về phía Mẹ – Phải rồi. Đúng thôi. Thiếu tháng như bà nói.

– Có lẽ cơn sốt làm nó sẩy.

– Dẫu sao cháu cũng phải đứng lên. Mà phải đi, phải đi đi lại lại.

– Nó không đi được. Yếu sức rồi.

– Dẫu sao cháu cũng phải đi lại.

Bà Wainwright nói với giọng chắc nịch trầm tĩnh do kết quả bao nhiêu năm kinh nghiệm.

Bà nói:

– Tôi đã đỡ đẻ đâu chỉ có một lần. Nào, ta đóng cửa lại, kín đáo bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Tránh gió máy.

Hai người phụ nữ cố đẩy cánh cửa lùa nặng nề và gần như đóng hẳn nó lại, chỉ còn hở một chút.

– Tôi về lấy chiếc đèn bên tôi sang – bà nói.

Khuôn mặt bà đỏ lên vì kích động. Bà gọi con gái.

– Aggie. Con sang trông các em nhỏ.

Mẹ gật đầu: – Phải đấy. Ruthie, và mày nữa, Winfield hãy đến với chị Aggie. Nào gấp lên.

– Sao thế ạ? – Chúng hỏi.

– Vì người ta bảo mà. Rosasharn sắp có em bé.

– Con muốn xem. Mẹ ạ. Cho con.. xin Mẹ…

– Ruthie, mày có đi đi không? Đi ngay! Giọng bà đanh, chúng không dám ho he. Ruthie và Winfield lùi lại sàn phía đầu toa. Mẹ thắp đèn lồng. Bà Wainwright xách đèn dầu của bà tới, đặt lên sàn, và ngọn đèn toả

sáng tròn rực cả toa.

Đứng sau đống củi, Ruthie và Winfield nghển cổ để nom cho rõ hơn.

– Chị ấy sắp có em bé. Chúng mình sẽ thấy tất. – Ruthie thì thầm – Nhất là đừng có làm ồn tí nào. Không có thì Mẹ không cho chúng mình nhìn đâu. Nếu mẹ quay lại phía này thì ngồi thụp xuống sau đống củi, thế thì mới xem được.

– Bọn nhóc thì mấy đứa đã xem được thế này – Winfield nói.

– Dào! Chả một mống nào được xem – Ruthie nói một cách tự hào – có hai đứa chúng mình thôi.

Ngồi xổm cạnh nệm, dưới ánh đèn sáng rực. Mẹ và bà Wainwright sôi nổi bàn luận, khẽ cao tiếng để át tiếng mưa rơi lộp bộp. Bà Wainwright lấy từ túi ra một con dao con và luồn nó xuống dưới đệm. Có lẽ làm thế chả có ích gì. – Bà nói như xin lỗi – Nhưng ở quê tôi, bao giờ người ta cũng làm thế. Dẫu sao cũng chẳng hại gì.

Mẹ gật đầu:

– Ở quê tôi, người ta dùng một lưỡi cày. Bất cứ gì sắc là được, miễn là nó trừ được cơn đau sinh đẻ. Con có thấy khá hơn không?

Rosasharn lo lắng lắc đầu.

– Sắp… có phải nó sắp rồi không?

– Hẳn rồi, – Mẹ nói – Con sắp có một đứa bé xinh xắn. Miễn là con phải giúp vào. Con xem liệu có thể đứng lên đi lại một chút không?

– Để con thử xem.

– À, nói thế mới là ngoan đấy. – Bà Wainwright nói – Cháu ạ, cháu ngoan lắm, tốt lắm. Cháu thân yêu, Mẹ và bác sẽ đỡ cháu, đi cùng cháu.

Hai mẹ giúp cô đứng lên, và lấy một tấm chăn choàng lên vai cô. Tiếp đó, Mẹ và Wainwright, mỗi người đỡ lấy một cách tay cô. Họ dẫn cô tới tận đống củi, từ từ quay lại, dẫn cô tới nệm, rồi bắt đầu làm lại. Mưa đập tùng tùng, giận dữ trên mái toa. Ruthie và Winfield căng mắt nhìn, lo lắng.

– Khi nào thì chị ấy có em bé – Winfield hỏi.

– Suỵt! Mày làm họ đến đây mất. Rồi không được nhìn nữa đâu.

Aggie đến với chúng phía sau đống củi. Khuôn mặt mảnh dẻ và mái tóc vàng hoe của cô nổi đậm trong ánh sáng đèn và bóng cái đầu in trên tường, với một cái mũi dài và nhọn.

Ruthie thì thầm:

– Chị đã trông thấy một bé sinh ra chưa?

– Hẳn là rồi – Aggie đáp – Thế vậy, bao giờ chị ấy có bé?

– Ồ, không lâu lắm đâu.

– Nhưng bao giờ?

– Có lẽ trước sáng mai.

– Eo ơi! Ruthie nói – Thế thì chả bõ xem. Ồ trông kìa.

Thình lình hai bà ngừng phắt, không đi lại nữa.

Rosasharn co rúm người, rên la đau đớn. Họ đặt cô nằm thẳng trên đệm, lau mồ hôi trán cho cô trong lúc cô làu nhàu và nắm chặt tay lại. Mẹ dịu dàng dỗ dành:

– Dễ thôi… Cứ tự nhiên, khắc xong.. một mình. Có

điều con nắm tay thật chặt. Thế, bây giờ, cắn chặt môi vào. Thế… thế… Cơn đau biến mất. Họ để cô lấy lại sức một chút, rồi lại dìu cô đứng lên, và cả ba cùng đi đi lại không ngừng, giữa những cơn đau quặn của Rosasharn.

Bố thò đầu vào khe cửa. Nước trên mũ bố rỏ xuống ròng ròng:

– Sao lại phải đóng cửa thế?

Ngay lúc đó ông trông hai người đàn bà đang đi đi lại lại. Mẹ đáp:

– Con nó sắp sinh.

– Thế thì… ta sẽ không đi được, cho có muốn đi cũng chịu, phải không?

– Phải.

– Thế thì phải đắp đập?

– Phải đắp thôi.

Bố lại đi xuống sông, lội bì bà bì bõm trong bùn. Nhìn qua cái chuẩn, thấy nước đã lên bốn đốt ngón tay. Hai mươi người đã tụ tập dưới mưa.

Bố kêu to.

– Phải làm thôi. Con gái tôi đang lên cơn đau đẻ.

Người ta xúm quanh bác.

– Sắp sinh à?

– Ờ, Chúng tôi không đi được nữa.

Một người to cao phản đối:

– Không phải con chúng tôi. Chúng tôi cứ đi.

– Hẳn rồi – Bố nói – Các bác cứ đi. Ai ngăn được. Có điều, chỉ có tám cái xẻng.

Ông vội vã đi về phía bờ thấp và lấy cái xẻng ấn sâu vào bùn.

Khi nhấc xẻng lên nghe có tiếng kêu chùn chụt. Ông lại xúc tiếp, hất bùn vào chỗ trũng. Những người khác phân ra đứng dọc bờ và bắt đầu đắp một cái đập dài. Những ai không có xẻng thì cắt những cành liễu nhỏ đan phên rồi lấy gót đậm xuống chân đê. Một cơn điên khùng lao động, điên khùng vật lộn xâm chiếm mọi người. Một người vừa buông xẻng ra, người kia đã vội giật lấy. Họ cởi áo ngoài, bỏ mũ, áo lót và quần dính bết vào người, giày của họ chỉ còn là những cục đất biến dạng. Một tiếng kêu thất thanh vọng ra từ toa hàng nhà Joad. Đám đàn ông ngưng tay, lo lắng nghe rồi công việc lại tới tấp hối hả. Bức tường nhỏ bằng bùn dài ra, hai đầu đụng vào bờ đường.

Bây giờ họ đã thấm mệt, các tay xẻng hoạt động chậm hơn. Và con suối vẫn dần lên, dâng lên. Nước đã lên trên mức những xẻng đất đầu tiên.

Bố cười đắc thắng:

– Giá không có đập thì bây giờ ngập nước rồi! Dòng nước đang từ từ dâng lên bờ đập, bắt đầu xói lở tấm phên bằng cành liễu.

– Cao nữa! Bố hét. – Phải cho cao hơn nữa. Về chiều, công việc cứ tiếp tục. Họ không cảm thấy mệt nhọc nữa. Những khuôn mặt cứng đơ như mặt người chết. Họ làm việc như cái máy. Trời tối hẳn, các bà thắp đèn đặt ở trước cửa và pha cà phê nóng. Lần lượt hết người nọ đến người kìa, các bà chạy tới toa của nhà Joad và lạch vào bên trong.

Cơn đau dày hơn, kéo dài khoảng hai mươi phút.

Còn Rosasharn thì không cố nén nữa, mỗi cơn đau

dữ dội lại kèm theo một tiếng hét xé tai.

Các bà láng giềng nhìn cô, vỗ nhẹ vào người cô để an ủi rồi trở về toa của họ.

Mẹ đã nhóm một bếp lửa to, và đặt tất thảy xoong chảo lên bếp đun. Chốc chốc, Bố lại tới, thò đầu vào cửa toa.

– Sắp chưa?

– Tôi nghĩ là sắp – Mẹ đáp.

Lúc bắt đầu tối, một người nào đó đem tới một chiếc đèn pin để dễ làm việc. Chú John xúc hối hả, hắt đất lên ngọn đê.

– Nhẹ nhàng thôi, chú John – Bố nói – Làm lấy chết à?

– Không dừng được. Nghe cháu nó la hét như vậy tôi không chịu nổi – Tôi nhớ lại, giống như hồi…

– Biết rồi, – Bố nói – Vừa vừa tay thôi.

Chú lẩm bẩm.

– Tôi phải đi trốn. Lạy Chúa, nếu phải ngừng tay thì tôi bỏ trốn mất.

Bố quay ra chỗ khác.

– Ta đã soát lại ngấn nước mới chưa?

Người có chiếc đèn pin rọi vào chùm sáng vào khúc củi. Mưa rơi thành những mũi tên nhỏ trắng xoá cắt ngang vòng tròn ánh sáng.

– Vẫn lên. – Giờ nó lên chậm hơn – Bố nói – Trước tiên phải cho nước tràn ra xa, phía bên kia.

– Dẫu sao, vẫn lên.

Đám phụ nữ đổ đầy cà phê vào bình và một lần nữa

lại đặt trước cửa toa. Đêm càng muộn, cánh đàn ông làm việc càng chậm hơn và như ngựa kéo xe họ nhấc chân lên một cách nặng nhọc hơn.

Bùn chồng chất thêm trên đê, lại thêm các phên liễu dận sâu trong bùn. Mưa vẫn tầm tã. Chùm ánh sáng đèn pin soi rọi những bộ mặt có đôi mắt đăm đăm, những gò má gân guốc nhô lên.

Trong toa tàu, tiếng la hét vang lên một hồi lâu và sau đó, im bặt.

Bố nói:

– Lúc nào con sinh xong, Mẹ mày gọi tôi.

Bố lại bắt đầu xúc bùn với vẻ buồn bã.

Dòng nước xoáy cuồn cuộn sục sôi đập vào bờ đê. Rồi đột nhiên, nghe tiếng răng rắc dữ dội ở phía đầu dòng. Nhờ ánh đèn pin, người ta thấy một cây dương to lớn đổ nhào xuống nước. Họ ngừng tay đưa mắt nhìn. Các cành cây cắm sâu vào nước rồi bị xoáy ốc cuốn đi trong khi nước tấn công các rễ còn lại. Thân cây từ từ bật rễ rồi thong thả trôi theo dòng nước. Người người kiệt sức, đứng nhìn, miệng há hốc. Thân cây từ từ trôi xuôi dòng một cách ngoác vào một gốc cây cụt, mác cứng và không chịu buông ra nữa. Thế là cái gốc cây tua tủa những rễ từ từ xoay ngang và đến húc vào con đê mới. Phía sau thân cây nước dâng lên đánh vào con đập. Cây chuyển cái phên kè.

Nước theo kẽ nứt ùa vào. Bố vội vã lấy bùn nhét vào lỗ thủng. Nước ùn ùn dồn vào thân cây. Bờ đê cứ lở dần, lở dần, và sụp đổ. Nước dâng lên mắt cá, rồi đến đầu gối.

Mọi người hoảng hoạn, tẩu tán, trong khi trên bãi đất nằm, dưới các toa, dưới các xe, dòng nước bình

tĩnh trải rộng tràn lan. Chú John đã thấy nước phọt ra từ lỗ nước dò.

Tuy mưa mù mịt nhưng chú vẫn thấy được. Chú cảm thấy chân bị chôn chặt xuống đất và vì người chú nặng nên không nhích nổi. Chú khuỵu đầu gối và dòng nước giận điên đến xoáy tròn quanh ngực chú.

Bố thấy chú ngã, vội đến nâng chú đứng lên.

– Hê! Làm sao thế? Chú ốm ư? Về thôi, ở chỗ toa đất cao.

Chú John thu thập sức lực – Tôi không biết thế nào – Chú nói để xin lỗi – Tự nhiên chân nó cứ khuỵu xuống.

Bố dìu chú về toa.

Khi đập bị vỡ Al đã quay lưng chạy. Hắn thấy chân nặng như đá đeo. Nước ngập đến bắp vế thì hắn về tới xe. Hắn giật lấy tấm bạt phủ cabin và nhảy vào buồng lái. Hắn rồ máy, động cơ quay quay nhưng xe vẫn ì ra. Hắn kéo mạnh tay gạt của tắc te, động cơ ngấm nước quay mỗi lúc càng chậm, và không chịu để văng ra một tiếng ho khan.

Nó quay chậm, chậm, chậm hơn nữa. Al lần mò dưới ghế, túm lấy tay quay và nhảy ra ngoài xe.

Nước đã ngập bậc lên. Hắn chạy ra phía trước.

Cacte đã nằm dưới nước. Hoảng hốt, hắn tra tay quay vào rồi quay, quay mãi. Bàn tay hắn xiết chặt. Mỗi vòng quay lại làm nước bắn tung toé.

Cuối cùng thì sự điên khùng của nó chùng xuống.

Động cơ đã bị dìm, bình điện tắc nghẽn. Trên một vạt đất cao hơn ở gần đấy, hai chiếc xe hơi đã mở máy chạy, đèn pha bật sáng. Xe bì bõm trong bùn, sa lầy, và cuối cùng người lái tắt máy nhưng vẫn ngồi ở tay lái,

đưa mắt ám đạm nhìn ánh đèn pha.

Mưa phóng xuống những mũi tên nhỏ trắng xoá ánh đèn pha. Al từ từ đi vòng quanh xe, luồn tay vào trong và khoá công tắc.

Lúc bố đến chỗ bậc lên, ông nhận thấy đầu cầu ván ghép ở dưới bập bệnh trong nước. Ông lấy gót chân dẫm nó lún sâu trong bùn nước.

– Liệu chú có lên được một mình không, John? – Bố hỏi

– Được thôi. Bác đi trước.

Bố thận trọng leo lên cầu ghép và phải nép người lại để lách qua cửa toa hẹp. Hai ngọn đèn vặn nhỏ. Mẹ ngồi trên nệm, bên cạnh Rosasharn và quạt vào khuôn mặt lim dim của con bằng một miếng giấy bồi. Bà Wainwright đẩy củi vào bếp lò, và khói ẩm ướt luồn qua các khe hở của nắp lò, và toả ra khắp toa một mùi cháy khét lẹt. Mẹ ngước mắt nhìn Bố lúc nghe ông bước vào, nhưng rồi cúi mắt xuống ngay.

– Con nó… thế nào – Bố hỏi Mẹ không ngước mắt lên nữa.

– Có lẽ ổn. Nó ngủ.

Không khí hôi hám, nặng mùi sinh nở. Chú John lảo đảo bước vào và bíu lấy thành toa. Bà Wainwright bỏ công việc đấy, đi lại gặp bố. Bà nắm lấy khuỷu tay ông và dẫn ông vào một góc toa. Rồi bà lấy đèn, giơ đèn soi phía trên một thùng đựng khoai tây đặt trong góc. Một xác chết khô đét xanh tím và nhăn nheo đặt trên một tờ báo. – Nó không thở nữa, – bà Wainwright nói khe khẽ – Chết từ trước.

Chú John quay lại và lê bước nhọc nhằn tới góc tối

của toa. Bây giờ mưa rít nhẹ nhàng trên mái, nên họ nghe rõ tiếng khụt khịt mệt mỏi của chú John vẳng ra từ bóng tối om.

Bố ngước mắt nhìn bà Wainwright. Bố cầm lấy chiếc đèn ở tay bà và đặt xuống sàn. Ruthie và Winfield ngủ trên đệm, cánh tay che mắt cho khỏi chói đèn.

Bố từ từ bước lại chỗ Rosasharn. Bố muốn ngồi xổm nhưng chân ông bải hoải. Thế là ông phải quỳ xuống. Mẹ vẫn phe phẩy mảnh giấy bồi. Trong một lát mẹ nhìn Bố, đôi mắt chăm chằm, như người mộng ru.

Bố nói:

– Chúng tôi… đã làm… hết sức.

Tôi biết.

– Chúng tôi làm việc suốt đêm. Thế mà một cây đổ đã phá thủng bờ đập.

– Tôi biết…

– Người ta nghe nước chảy dưới gầm toa.

– Tôi biết, tôi có nghe.

– Theo ý Mẹ mày thì con nó có lại sức được không?

– Tôi không biết.

– Nhưng… có việc gì đó… việc gì đó mà ta không có thể làm được chứ?

Đôi môi của mẹ trắng bệch, nghiêm khắc

– Không. Chỉ có một điều phải làm.

– Chúng tôi đã làm việc đến kiệt sức, –Bố nói – Thế rồi một cái cây… Mưa có vẻ giảm đi một ít.

Mẹ ngước mắt nhìn trần rồi lại gục đầu xuống.

Bố lại tiếp tục, vì buộc phải nói.

– Tôi không biết rồi nước sẽ lên tới đâu. Có thể toa ngập mất.

– Tôi biết.

– Gì bà cũng biết.

Mẹ ngồi im lặng, mảnh giấy bồi vẫn tiếp tục đưa đi đưa lại.

Bố gặng thêm:

– Hay là chúng ta lầm lỡ? Có cái gì đó mà lẽ ra ta có thể làm được?

Mẹ nhìn ông một cách kỳ quặc. Đôi môi trắng nhợt của Mẹ phác một nụ cười mơ màng, dạt dào thương hại.

– Ông chẳng có gì đáng trách. Suỵt! Mọi việc sẽ ổn thoả. Sẽ có những thay đổi. Khắp nơi.

– Nhưng liệu chừng nước… liệu chừng ta có buộc phải đi không?

– Khi nào đến lúc phải đi… chúng ta sẽ đi… Chúng ta sẽ làm những gì phải làm. Bây giờ ông im đi kẻo lại đánh thức nó dậy mất.

Bà Wainwright bẻ những cành củi khô đẩy vào bếp lửa ẩm ướt và khói um.

Phía ngoài nghe có tiếng người nói giận dữ.

– Ông sẽ vào nói cho cái lão con nhà khốn kiếp ấy biết.

Và ngay ở trước cửa, tiếng của Al:

– Ê này, ông định đi đâu thế kia?

– Đi vào đây nói chuyện với lão Joad chó đẻ.

– Không chuyện trò gì hết. Có chuyện gì?

Nếu lão không đưa ra cái ý kiến ngu xuẩn là đắp đập, thì chúng ta đã đi từ lâu rồi. Bây giờ thì xe thế là đi đứt.

– Còn dễ chừng, xe nhà tôi đang bốc lửa trên đường cái ấy nhỉ?

– Tao đếch cần, tao cứ vào.

– Có dám đánh nhau thì cứ vào. Sẽ biết tay – Al tỉnh bơ.

Bố gắng đứng lên đi ra cửa.

– Để tao. Al tao ra đây. Al, mặc tao.

Bố vừa bước vừa trượt xuống cầu ván. Mẹ nghe tiếng ông nói:

– Nhà tôi có người ốm. Vậy ta xuống chỗ này nói chuyện.

Mưa quét lắc rắc nhẹ trên mái, gió bắt đầu nổi lên từng con nhỏ thổi những hạt mưa nhỏ ra xa.

Bà Wainwright rời bếp lò, lại nhìn Rosasharn – Bà Joad ạ, sắp sáng rồi. Sao bà không đi chợp mắt một tí? Để tôi ngồi với cháu cho.

– Không – Mẹ nói – Tôi không mệt.

– Bà nói thế? Thôi bà đi ngả lưng một chút.

Mẹ khẽ phe phẩy quạt.

– Bà tử tế với chúng tôi quá, bà ạ. Chúng tôi chịu ơn bà lắm.

Bà Wainwright to béo mỉm cười:

– Bà đừng nói chuyện ơn với huệ làm gì. Chúng ta cùng hội cùng thuyền bà ạ. Giả dụ nhà tôi gặp cảnh cơ cực, bà cũng giúp đỡ chúng tôi, phải không?

– Phải, hẳn là thế.

– Và ai cũng vậy.

– Vâng, ai cũng vậy. Hồi xưa, gia đình họ hàng trước hết. Nhưng bây giờ không thế nữa. Ai cũng có thể giúp mình. Cùng khổ cực hơn lại càng phải thế.

– Ta đã không thể cứu được bé.

– Tôi biết lắm – Mẹ nói.

Ruthie thở dài một tiếng và nhấc cánh tay đang che mặt. Nó hấp háy nhìn ánh đèn và quay đầu lại nhìn Mẹ.

– Bé sinh chưa? – Nó hỏi – Ra chưa?

Bà Wainwright nhặt một cái túi và trải trên thùng đựng khoai tây.

– Bé đâu rồi? – Ruthie hỏi.

Mẹ liếm liếm môi nói:

– Không có em bé. Đây không phải là em bé. Ta nhầm đấy.

– Dào! – Ruthie vừa nói vừa ngáp – Con thì con thích có em bé kia.

Bà Wainwright ngồi xuống cạnh Mẹ, cầm lấy mảnh giấy bồi ở tay Mẹ và tiếp tục phe phẩy cho Rosasharn. Mẹ ngồi hai tay đặt vào lòng, đôi mắt mệt mỏi không rời khuôn mặt của con gái đang ngủ, trong cơn kiệt sức.

– Bà nên biết điều – Bà Wainwright nói – ít ra cũng ngả lưng một chút. Bên cạnh cháu, bà sẽ thấy khá hơn. Chỉ cần cháu nó thở mạnh một chút là bà thức giấc ngay thôi mà.

– Vâng, thế thì tôi nghỉ một lát.

Mẹ nằm xuống nệm bên con gái. Và bà Wainwright

ngồi trên sàn trông chừng.

Ngồi ở khung cửa ra vào toa. Bố, Al và chú John nhìn bình minh xám xịt. Mưa đã tạnh, nhưng bầu trời sâu và nặng mây. Những đám mây dày đặc chồng chất phản chiếu trên mặt nước, trong ánh sáng của rạng đông. Ba người nom thấy dòng nước trôi nhanh lôi cuốn theo những cành cây đen, những hòm, những tấm ván. Nước lụt cuốn xoáy xâm chiếm bãi đất để toa xe. Không còn dấu vết tích gì của bãi đập nhỏ. Trên bãi đất bằng, không còn dòng nước chảy. Một đường viền bọt nước màu vàng đánh dấu giới hạn của ngập lụt. Bố cúi xuống và cầm một que nhỏ chỗ cầu ván, đúng chỗ mực nước.

Họ thấy nước từ từ dâng, nhẹ nhàng nâng cái que lên và cuốn đi. Bố cầm một que khác, cao trên mực nước một in và lùi lại để quan sát.

– Theo Bố thì nước có lên tới toa được không? – Al hỏi bố.

– Không thể biết được. Nước trên núi còn đổ xuống ê hề. Không biết chắc được. Có thể lại mưa lại, Al nói:

– Con đang nghĩ đến một điều. Nếu nước tràn vào toa, thì đồ đạc nhà ta mất sạch.

– Ờ… – Thế này… nó không thể lên toa qua ba hay bốn bộ vì lúc đó, nó sẽ tràn qua đường và chảy sang phía bên kia.

– Làm sao mày biết?

– Con đã tính toán khi lấy chuẩn phía sau xe.

Hắn giơ tay ra – Nước sẽ cao gần tới mức này.

– Được rồi. Nhưng thế thì sao? Chúng ta sẽ không ở đây nữa.

– Phải ở đây chứ. Trước hết là cứu xe. Ta phải mất

một tuần tát hết nước ở trong ra. Khi nước ở ngoài xe rút xuống.

– Thế mày định ra sao?

– Có thể tháo các ván thành xe ra, lấy ván bắc ngang những đòn kê xếp đồ đạc lên đó và cùng ngồi ở đây luôn.

– Ờ… nhưng nấu ăn làm sao… ăn làm sao?

– Thì ít ra đồ đạc cũng khô ráo.

Bên ngoài, ngày đã sáng tỏ chiếu ánh sáng xám kim khí lên cảnh vật. Que củi thứ ba bị nâng lên và cuốn đi. Bố lại cầm một que khác cao hơn một chút.

– Nước dâng lên. –Bố nói – Tao nghĩ có lẽ phải làm như mày nói.

Mẹ luôn luôn cựa quậy trong giấc ngủ. Mắt Mẹ mở thao láo. Mẹ kêu thét lên một tiếng kinh hoàng.

– Tom! Tom? Tom ơi?

Bà Wainwright dịu dàng an ủi bà. Mắt bà mẹ đột nhiên nhắm lại và do giấc mơ đè nặng, bà tiếp tục quằn quại trên nệm. Bà Wainwright đứng lên và đi đến cửa toa bà nói: “Chúng ta không sớm đi khỏi đây được đâu – Bà chỉ góc toa ở đó có hòm khoai. “Để nó đó chẳng có ích gì. Chỉ thêm đau đớn, cực nhục. Liệu có thể… ai đưa đi chôn ở đâu đó được không?” Mấy người đàn ông lặng im. Cuối cùng. Bố nói:

– Bà nói thế là phải. Để lại chỉ có thể đau lòng thêm. Nhưng luật pháp cấm chôn như thế này.

– Có hàng đống chuyện mà luật pháp cấm đoán nhưng người ta buộc phải làm.

Al nói :

– Phải tháo các ván vành xe ra trước khi nước lên.

Bố quay về phía chú John.

– Chú đưa đi chôn được không? Để tôi với Al tháo đinh ván.

Chú John sưng sỉa:

– Sao cứ phải tôi mới được? Sao không người khác? Tôi không thích việc đó – Rồi đột nhiên chú nghĩ lại – Được rồi. Tôi sẽ đi. Đi ngay. Nào! Trao cho tôi. – Chú to tiếng – Nào – Trao cho tôi đi chứ! – Khẽ chứ, kẻo lại đánh thức họ dậy – bà Wainwright nói.

Bà mang hòm khoai ra cửa và kín đáo phủ cái túi lên đó.

– Xẻng đựng ở phía sau chú – Bố nói – Ta đi kiếm ván.

Trong ánh sáng xám của bình minh, chú John từ từ lội trong nước và lúc tới chỗ xe nhà Joad chú đi vòng leo lên bờ đường trơn. Tới đó, chú đi dọc theo lòng đường và sau khi đã đi quá chỗ cắm trại, chú dừng lại ở chỗ mà dòng nước xiết bị ngăn cách với đường cái bởi một bụi liễu. Chú đặt xẻng xuống, hai tay ôm cái hòm ở trước bụng, chú luồn qua các bụi gai tới tận chỗ dòng nước xiết. Chú đứng lại một mình nhìn dòng nước xoáy mạnh, để lại ở sau bọt vàng bám vào các cành cây ở trên xuống, đặt hòm xuống nước và tay chú giữ chặt lấy nó trong chốc lát. Chú nói, với cái giọng giữ tợn:

– Đi mà nói cho chúng rõ. Hãy đi mà thối rữa giữa đường cái để cho chúng mở mắt ra. Mày chỉ có thể nói với chúng bằng cách đó thôi. Tao không biết mày là trai hay gái. Mà tao không muốn biết làm gì. Đi đi, đi mà ngủ trên các đường phố. Như thế, may ra chúng hiểu.

Chú nhẹ nhàng hướng cái thùng theo dòng nước và buông tay ra. Thùng bị ngập một nửa, tròng trành quay quay xoay tròn rồi từ từ lật úp. Cái túi trôi vật vờ, cái hòm bị dòng nước cuốn, trôi đi rất nhanh và biến mất sau đám bụi cây. Chú John cầm xẻng, vội vã trở về toa. Chú bì bõm vạch một đường đi tới chỗ xe tải mà Al và Bố đang hí húi tháo gỡ các tấm ván dài.

Bố liếc nhìn chú rất nhanh:

– Xong rồi?

– Xong.

– Thế này nhé – Bố nói – Chú vui lòng giúp Al để tôi đến cửa hàng kiếm gì ăn.

– Bố mua một miếng mỡ, – Al nói – Con cần ít thịt.

– Được rồi. – Bố nói, rồi nhảy ra khỏi xe nhường chỗ cho chú John.

Khi họ đẩy các tấm ván vào trong xe. Mẹ thức dậy và ngồi lên.

– Nhà làm gì thế?

– Làm một cái sàn để ngồi cho đỡ ướt

– Khéo vẽ. Ở đây cũng khô ráo chán

– Không ổn rồi. Nước đang lên.

Mẹ nặng nhọc đứng lên và ra cửa.

– Phải đi khỏi đây thôi.

– Không có cách nào, – Al nói – Đồ đạc chúng ta ở đây. Còn xe nữa, là tất cả những gì chúng ta đã có.

– Bố đâu?

– Đi mua cái gì ăn.

Mẹ nhìn nước dưới chân, chỉ còn cách sàn toa sáu in.

Mẹ quay lại chỗ đệm và nhìn Rosasharn.

Về phía mình, cô nhìn Mẹ với đôi mắt to.

– Con thấy thế nào?

– Mệt lắm. Rã rời.

– Con sắp ăn sáng.

– Con không đói.

Bà Wainwright đến đứng cạnh Mẹ.

– Cháu nó nom khá lắm. Tai qua nạn khỏi.

Rosasharn đưa mắt hỏi dò Mẹ. Mẹ cố tránh né không đáp. Bà Wainwright tở lại bên bếp lò.

– Mẹ ơi! – Gì? Con muốn gì?

– Có phải… Bé có khỏe không?

Mẹ đành phải nói thật. Mẹ quì xuống sát nệm:

– Con sẽ có những bé khác. Nhà đã gắng làm hết sức, con biết đấy.

Rosasharn cựa quậy và định đứng lên:

– Mẹ!

– Chúng ta không thể làm gì hơn được.

Người thiếu phụ nằm xuống, khoanh tay lại che mặt. Ruthie len lén tới gần nhìn cô chị, vẻ vừa ngạc nhiên vừa khiếp đảm.

– Chị ấy ốm hở Mẹ? Chị sắp chết à? – Nó thì thầm khàn khàn.

– Đâu nào, chỉ nói dại, Chị ấy khoẻ… rất khoẻ…

Bố trở về, tay ôm mấy cái bọc.

– Con thế nào?

– Khá. Sắp khoẻ hẳn.

Ruthie báo cho Winfield:

– Chị ấy không chết đâu. Mẹ bảo thế.

Winfield vừa cầm cái dằm xỉa răng in như người lớn, vừa nói:

– Tao biết trước rồi.

– Sao mày biết?

– Tao sẽ nói sau, – Winfield vừa đáp, – vừa nhổ cái dằm ra.

Mẹ lấy củi cành còn lại, nhóm một bếp lửa to, và rán mỡ. Bố đã đem bánh mì ở tiệm về. Mẹ chau mày khi trông thấy thức ăn – Ta còn tiền không?

– Không, –Bố đáp – Nhưng đói quá.

– Thế mà ông lại vác bánh mì ở tiệm về – Mẹ nói như kết tội.

– Biết làm sao được! Đói quắt ruột gan. Làm suốt đêm mà! Mẹ thở dài:

– Chúng ta làm thế nào bây giờ?

Trong lúc họ đang ăn thì nước vẫn cứ lên từ từ tuần tự. Al nuốt vội thức ăn, rồi có Bố giúp một tay, hắn bắc một cái bệ rộng năm bộ, dài sáu bộ và cao bốn bộ. Nước mấp mé sàn, hình như tự do dự một lúc lâu, rồi từ từ vào toa. Bên ngoài, trời lại đổ mưa, như lúc mới đầu, hạt mưa nặng tung toé trên nước và dội ồm ồm trên mái.

– Nhanh lên! – Al nói – Khuân nệm, chăn lên không thì ướt hết.

Họ chồng chất của cải trên bệ trong khi nước xảo trá bò trên sàn. Rosasharn thì thầm gì đó vào tai Mẹ, bà buồn tay xuống dưới chân, mân mê vú con gái và gật

đầu.

Ở đầu toa kia, gia đình Wainwright cũng đóng một cái bệ trong tiếng búa chan chát. Mưa dày hạt hơn và cuối cùng ngừng lại.

Mẹ nhìn dưới chân mẹ. Đã có một nửa in nước trong toa.

– Ruthie! Winfield! – Mẹ lo lắng gọi – Chúng mày có lên đây ngay không? Cảm lạnh bây giờ.

Mẹ thấy chúng đã ngồi yên ổn trên bệ, bên cạnh Rosasharn và tỏ ra lúng túng. Đột nhiên Mẹ nói:

– Phải đi khỏi đây.

– Đi làm sao được mà đi, – Bố nói – Như thằng Al nó nói, đồ đạc nằm đây cả. Ta sẽ nhắc cửa toa làm ván, thế là có thêm chỗ ngồi.

Lặng lẽ và cáu kỉnh, cả nhà ngồi co rúm trên hai cái bệ. Lúc nước ngập bờ đường và tràn khắp ruộng bông, thì trong toa đã có sáu in nước.

Suốt ngày suốt đêm hôm đó, đàn ông để nguyên cả quần sao ướt nằm ngủ cạnh nhau trên cánh cửa toa. Mẹ nằm cạnh Rosasharn. Thỉnh thoảng mẹ rỉ tai con gái nói gì đó, và có lúc Mẹ ngồi lên lặng lẽ, vẻ mặt lo lắng. Mẹ bo bo dấu mẩu bánh dưới chăn.

Bây giờ mưa rơi từng cơn, lúc mưa rào, lúc tạm ngớt. Sáng ngày thứ hai, Bố lần mò bì bõm ngang qua trại và đem về mười củ khoai tây bỏ trong cái túi. Mẹ rầu rầu nhìn ông lấy dao bổ lần vách bên trong của toa lấy cúi nhóm lửa và bỏ khoai vào luộc. Họ lấy tay bóc khoai ăn. Khi đã ngốn sạch thức ăn cuối cùng đó, họ ngồi ngắm làn nước xám và mãi tận tới khuya mới chịu đi nằm.

Trời sáng, họ thức dậy, lo lắng, Rosasharn thì thầm gì đó với Mẹ.

Mẹ gật đầu, nói:

– Ừ, giờ đã đến lúc rồi.

Mẹ quay về phía đám đàn ông đang nằm dài trên cánh cửa toa.

– Chúng ta đi thôi – bà nói gay gắt – Ta đi tìm một xó nào cao ráo hơn. Đi hay không thì tuỳ các ông. Tôi đưa Rosasharn với bọn nhỏ đi.

– Đi sao được ! – Bố phản đối yếu ớt.

– Mặc kệ. Dẫu sao, ông cũng có thể cõng Rosasharn tới đường cái, rồi sau đó trở lại. Tranh thủ lúc này không mưa nữa.

– Được thôi… thì đi vậy, – Bố nói

Al nói:

– Mẹ ạ, con không đi với nhà ta đâu.

– Sao thế?

– Thì… Aggie… Mẹ hiểu cho, cô ấy với con… chúng con… chúng con…

Mẹ mỉm cười:

– Hẳn rồi. Mày ở lại đây, trông coi đồ đạc. Lúc nào nước rút… chúng ta sẽ về . – Mẹ nói với Bố.

– Đi nhanh kẻo lại mưa nữa, Rosasharn. Đi tới chỗ khô ráo.

– Con đi được.

– Có lẽ đi một tí thôi, nhưng chờ lúc lên đường cái đã. Nào, Bố nó cúi xuống cõng con.

Bố tuột xuống nước, chờ đợi. Mẹ dìu Rosasharn

xuống khỏi bục và đỡ cô ra tận cửa. Bố bế lấy con, cố hết sức nâng thật cao và thận trọng lội qua nước sâu. Ông đi vòng chiếc xe và cuối cùng ra tới đường cái. Tới đây ông thả xuống cho cô tự đi lấy nhưng tiếp tục đỡ cô đi. Chú John đi theo, ẵm Ruthie. Mẹ trượt xuống nước, váy lòa xoà một lát xung quanh bà.

– Winfield, lên với Mẹ, mẹ cõng. Al ơi, khi nào nước rút nhà ta sẽ về, Al ạ. – bà ngừng bặt – Nếu, nếu anh Tom nó về, bảo nó nhà ta sẽ trở về. Bảo nó phải cẩn thận, Winfield, lên vai Mẹ cõng… Thế! Đừng có ngọ nguậy chân nữa.

Mẹ vừa bước lên, vừa lảo đảo, nước ngập tới ngực. Họ đỡ Mẹ leo lên bờ đường và bế Winfield xuống.

Tới đây, họ dừng lại một lát ngoái nhìn dải nước ở phía sau, các toa tầu in những vệt đỏ sẫm trước mặt nước phẳng lì, xe tải và xe hơi biến gần một nửa thân trong nước đang từ từ chảy. Và trong khi họ đang đứng đây thì mưa lại rơi lâm thâm.

– Phải đi nữa. – Mẹ nói – Rosasharn con thấy con có thể đi được không?

– Con thấy hơi chóng mặt, – cô đáp. Tưởng như có ai vào đầu.

Bố rên rỉ.

– Thì đi nữa, hay quá… Nhưng đi đâu?

– Tôi không biết. Nào, dắt lấy Rosasharn.

Mẹ nắm lấy cánh tay phải của con gái, còn Bố nắm lấy cánh tay trái.

– Ta cố tìm cho được một nơi khô ráo. Phải tìm cho được. Các ông ạ, đã hai ngày nay, các ông chẳng có tí quần áo khô nào đắp lên người.

Họ đi thong thả. Họ nghe tiếng nước rì rào dọc đường cái. Ruthie và Winfleld đi với nhau, lấy chân bắn tóe nước. Thong thả, thong thả, họ bước đi.

Trời tối sầm và mưa lại nặng hạt. Không có xe cộ đi lại trên đường.

– Nhanh lên, – Mẹ giục – Con bé khốn khổ này mà bị ướt đẫm thì chả biết rồi nó sẽ ra sao.

– Ừ. Thì nhanh, nhưng Mẹ mày chưa nói đi nhanh là đi đâu – Bố nhận xét châm chọc.

Đường cái nương theo đường cong của bờ sông.

Mẹ đưa mắt sục sạo toàn bộ vùng đất bao la ngập nước. Về phía trái, rất xa đường cái, một kho lúa đen ngòm đứng sừng sững trên một mô đất cao.

– Nhìn kìa! – Mẹ nói – Nhìn đằng kia kìa! Tôi chắc là ở nhà kho đó khô ráo. Cố đi tới đó chờ lúc tạnh.

Bố thở dài.

– Chắc chắn lại bị chủ kho thóc tống cổ ra ngoài.

Ruthie trông thấy một đốm đỏ bên đường phía trước mặt. Nó xông tới. Đó là một cây phong lữ thảo dại đã khô quắt, nhưng vẫn còn một bông hoa ướt lướt thướt trong mưa. Nó hái hoa, nhẹ nhàng dứt một cánh và dán lên mũi, Winfield chạy vội tới háo hức tò mò:

– Cho tao một cánh! – Nó van nài.

– Đừng hòng! Của tao chứ. Tao tìm thấy. Nó lại dán một cánh hoa khác lên trán, một cánh hình trái tim đỏ rực rỡ.

– Ôi! Cho tao một cánh nào, Ruthie! Cho tao một cánh với.

Nó đến giật hoa khỏi tay Ruthie, nhưng giật hụt, và

Ruthie đưa bàn tay đang xòe ra, đập cho nó một cái giữa mặt. Winfield bàng hoàng một lát, nhưng rồi môi nó run run, nước mắt trào ra.

Những người khác theo kịp chúng.

– Mày lại còn giở trò gì thế, hở – Mẹ nói – Mày giở trò gì thế?

– Nó định cướp hoa của con.

Winfleld khóc thút thít.

– Con… Con chỉ muốn xin một… để dán lên mũi.

– Cho em một cánh, Ruthie

– Nó tìm lấy. Hoa này của con. – Ruthie cảm thấy sự đe doạ trong tiếng nói của Mẹ, bèn thay đổi chiến thuật.

– Đây, – nó nói với vẻ tử tế giả đò – Để tao dán cho một cái.

Những người khác tiếp tục đi. Winfield ghé mũi, Ruthie liếc vào cành hoa và dán mạnh lên mũi thằng em, – Đồ nhóc con khốn nạn.

Winfield mân mê cánh hoa và ép chặt lên mũi.

Chúng hối hả để kịp những người khác. Ruthie cảm thấy trò chơi hết thú vị.

– Đây – Nó nói – Một cánh nữa đây. Mày dán lên trán ấy.

Họ nghe tiếng rì rào chát chúa ở phía phải đường cái.

– Nhanh lên! Mẹ kêu – Mưa giông rồi. Chui qua bờ rào ở đây, nhanh hơn. Nào, nhanh lên. Cố lên Rosasharn, vững tâm lên.

Hầu như họ phải kéo lê Rosasharn qua con mương và đỡ cô leo qua bờ rào. Vào lúc này giông xối xả trút xuống đầu họ. Họ lội bì bõm trong bùn và leo lên cái dốc thấp. Mưa rít dữ, bắn tung toé gió thổi mạnh thêm cuốn theo mưa bay.

Rosasharn luôn luôn trượt chân, cô lê lết để mặc cho người ta kéo cô đi.

– Bố! Bố nó có thể bế con được không?

Bố cúi xuống, bế xốc con trong tay. Ông nói:

– Muốn sao thì chúng ta cũng ướt trụi rồi. Ruthie, Winfield, chúng mày nhanh lên! Chạy lên trước đi.

Họ tới được vựa lúa thì đã dứt thở, vừa lảo đảo vừa chui vào dưới chái hiên để xe. Về phía này không có cửa. Đây đó lăn lóc mấy bộ đồ nghề han rỉ: một lưỡi cày, một cái bừa gãy, một bánh xe sắt. Mưa đập tùng tùng trên mái và giăng màn che khuất lối ra vào. Bố nhẹ nhàng đặt Rosasharn lên một cái hòm bê bết dầu mỡ.

– Lạy chúa! – ông thở phào.

Mẹ nói:

– Ở trong có cỏ khô cũng nên. Xem kìa, có một cửa vào đấy! – Mẹ lay cửa, bản lề rỉ ken két. Mẹ kêu to – Nào, cả nhà vào đi.

Ở bên trong tối om. Một chút ánh sáng leo lét xuyên qua khe ván.

– Con nằm xuống, Ruthie, – Mẹ nói – Nằm xuống mà nghỉ. Mẹ sẽ tìm cách cho con hong khô.

Winfield nói:

– Mẹ ơi.

Nhưng tiếng của con nó chìm nghỉm trong tiếng mưa

rơi sầm sầm trên mái nhà.

– Mẹ! – Cái gì vậy? Mày muốn gì?

– Nhìn kìa! trong góc ấy.

Mẹ nhìn, nhận ra hai hình người trong bóng sáng mờ mờ, bóng người lớn nằm ngửa và bóng một chú thiếu niên ngồi bên cạnh đang nhìn những người mới đến với đôi mắt hoảng hốt. Thấy bà nhìn mình, người thanh niên bèn chậm rãi đứng dậy và đi tới gặp bà. Anh nói giọng khàn khàn:

– Kho thóc này của bà sao?

– Không, – Mẹ đáp – Chúng tôi vừa mới tới đây trú mưa. Con gái tôi bị ốm. Liệu anh có tấm chăn nào khô cho em nó mượn tạm không, để nó thay đồ ướt. Chú thiếu niên trở về góc của mình và đưa đến cho bà một tấm khăn choàng cũ, cáu ghét và trao cho bà.

– Rất cám ơn anh. Ông kia làm sao vậy?

Chú thiếu niên trả lời, giọng khàn khàn, đều đều:

– Thoạt đầu ông ốm, nhưng bây giờ sắp chết đói.

– Thế sao?

– Vâng, chết đói. Ngã ốm lúc hái bông. Sáu ngày nay chưa ăn.

Mẹ bước lại góc nhà nhìn người ốm. Ông trạc năm mươi tuổi râu ria xồm xoàm, mặt xương xẩu, đôi mắt đơ dẫn. Chú thiếu niên đứng cạnh bà.

– Cha anh ư?

– Vâng! Ông vẫn nói là ông không đói hoặc bao giờ cũng nói là vừa mới ăn. Lúc nào cũng dành phần của ông cho cháu. Bây giờ ông yếu quá rồi. Chỉ hơi cựa quậy được thôi.

Tiếng âm thầm của trận mưa trên mái lắng xuống nhường chỗ cho một tiếng thì thầm dịu dàng êm ả. Người có khuôn mặt gầy hốc hác mấp máy môi. Mẹ quì xuống bên ông, ghé tai nghe ngóng.

Đôi môi ông lại mấp máy.

– Chắc chắn thế rồi – Mẹ nói – Anh đừng lo lắng. Ông sẽ qua khỏi. Đợi tôi giúp con gái tôi thay đồ. Nó ướt hết.

Mẹ đến với Rosasharn.

– Gạt tất cả các thứ đi. – Bà vừa nói vừa quàng tấm khăn choàng phía trước cô để làm một bình phong. Lúc cô cởi hết quần áo, bà lấy khăn bọc kín người cô lại.

Chú thiếu niên lại đến đứng cạnh bà và tiếp tục giải thích:

– Cháu không biết gì. Ông nói là đã ăn hoặc không đói. Tối qua cháu đập vỡ một tấm kính và ăn cắp một cái bánh. Cháu buộc ông phải nhai. Nhưng ông nôn ra hết và sau đó suy nhược thêm. Phải có cháo hay sữa cho ông ăn. Các bác, các bác có tiền mua sữa không?

– Suỵt! – Mẹ nói – Anh đừng lo, ta sẽ thu xếp.

Thình lình, chú thiếu niên hét to:

– Bố tôi sắp chết? Ông ấy đang sắp chết đói, bà ơi!

– Suỵt! – Mẹ nói. Đôi mắt của Mẹ dò hỏi ý kiến của Bố và chú John, cả hai đứng sừng sững trước người ốm và nhìn ông với vẻ lúng túng. Rồi bà quay về phía Rosasharn, thu lu trong tấm khăn. Đôi mắt bà lướt qua cô, rồi lại nhìn thẳng vào mắt cô. Và hai người phụ nữ nhìn thẳng vào mặt nhau. Cô thở dồn dập, đứt quãng.

– Vâng – Cô nói.

Mẹ mỉm cười:

– Mẹ biết là con sẽ làm thế. Mẹ biết mà.

Mẹ nhìn đôi bàn tay con gái:

Rosasharn thì thầm:

– Cả nhà… cả nhà đi ra đi chứ?

Mưa rơi lất phất trên mái.

Mẹ cúi xuống đưa lòng bàn tay vuốt đám tóc rối bời của con gái ra phía sau và hôn lên trán con. Sau đó, bà đứng bật lên:

– Tất cả đi đi, đi vào kho đồ nghề.

Ruthie há miệng, định nói cái gì đó.

– Suỵt! Mẹ nói – Im đi, ra ngoài.

Bà dồn mọi người đi ra trước, dẫn chú thiếu niên đi ra cùng bà và đóng cửa lại.

Cửa cót két sau lưng bà.

Trong kho thóc đầy những tiếng rì rầm, Rosasharn ngồi im bất động một lúc. Rồi cô nhọc nhằn đứng lên, quấn chặt chiếc khăn lên vai thong thả cô đi lại góc nhà kho, và đứng sững trước mặt người lạ, ngắm khuôn mặt tàn tạ và đôi mắt to, lo lắng. Và từ từ, từ từ, cô nằm xuống cạnh ông. Ông lắc đầu yếu ớt Rosasharn vạch một góc khăn choàng lên, để lộ một bầu vú.

– Không. Phải thế mới được, – Cô nói. – Cô áp người vào ông và nhích đầu ông lại sát gần.

– Đấy! Thế, thế! Cô luồn tay ra phía sau và đỡ lấy đầu ông. Ngón tay cô dịu dàng vuốt ve tóc của ông. Cô ngước mắt lên, rồi cúi mắt xuống và nhìn khắp xung quanh qua bóng tối kho thóc, và môi cô khép lại với một nụ cười huyền bí.

—— Hết ——

JOHN STEINBECK

Giải thưởng Nobel văn học 1962

Tiểu thuyết CHÙM NHO PHẪN NỘ

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYÊN PHAN HÁCH

Biên tập nội dung: PHẠM SÔNG HỒNG

Trình bày bìa: VĂN SÁNG

[1] Không chở khách (tiếng Anh)

[2] Mẫu Anh = 0,4 ha

[3] Đơn vị đo lường Anh – Mỹ = 2,54 cm

[4] Vâng, thưa ông, người là đấng cứu rỗi của tôi

[5] Vâng, thưa ông, người là đấng cứu rỗi của tôi
Jesus là đấng cứu rỗi
Jesus giờ đây là đấng cứu rỗi
Không phải là trò đùa
Không phải là quỷ sứ
Jesus là đấng cứu rỗi của tôi.

[6] Nguyên văn: cương (erected)

[7] Một thứ giăm bông

[8] Nguyên văn: bông hoa cúc của bà. Bản tiếng Pháp: guili, guili, guili… Chúng tôi dịch như vậy, theo tục lệ ở ta kiêng không dám khen trẻ sơ sinh

[9] Bắt vít, vít chặt

[10] Lemon: vật vô tích sự

[11] Khách hàng tương lai

[12] Sau khi xả thịt, các vật thải được dùng chế các hóa phẩm, trong đó có keo

[13] Nguyên văn: đá vào

[14] Fancy Fort Roadster: Xe Ford lạ lùng

[15] Phù hiệu Thành viên Hội các Elan

[16] Nguyên văn: ông lão xảo quyệt

[17] Một thanh niên sống ngoài vòng pháp luật

[18] Nguyên văn: đừng có làm mất thì giờ

[19] Nước tiểu và dấm thanh - chúng tôi tạm dịch vì

chưa hiểu thành ngữ này.

[20] Không non choẹt nữa

[21] Nguyên văn: con chó đực chỉ biết đánh rắm lung tung

[22] Nguyên văn: phải chịu đựng, ngậm đắng nuốt cay

[23] Quận Cam (Orange Couty, in Califormia)

[24] Loose: long ra, lỏng - Chúng tôi dùng tiếng Pháp: giơ.

[25] Nguyên văn - Đấm cho con choáng váng.

[26] Ốm như ma quỷ

[27] Chúng ta hãy là bạn với nhau

[28] Nguyên văn: đi tuần tra biển

[29] Lối chơi chữ không dịch được: headache (rức đầu) - hadock (cá tuyết), Bore (buồn chán) - Whore (gái điếm)

[30] honeys:em yêu quý

[31] Bản dịch: Đứa con nhà chó đẻ.

[32] Nguyên văn: chó đẻ (a bitch menkey)

[33] ẩm ướt, ẩm và lạnh (bản Pháp văn dịch: hết gay rồi ư?)

[34] Smoking: bốc hơi, bốc khói.

[35] Nguyên văn: “Hell it did!”, bản dịch tiếng Pháp dịch: “Không đùa giỡn chứ?” (Sans blague?)

[36] Như con ngựa cái đen tuyền.

[37] Nguyên văn: tôi cần đến cái này

[38] Nguyên văn: cho Jesus phải chui ra khỏi người

anh

[39] Nguyên văn: như con dao tra cán.

[40] Bọn ngồi xổi, tức là bọn người thất nghiệp và tiểu nông.

[41] Nguyên văn: Vấn đề là phải cứng rắn hơn chúng

[42] Nguyên văn: “Y đã biết đến một nỗi kinh sợ vượt quá mọi nỗi kinh sợ”

[43] Năm xu.

[44] A veil drew down over the eyes… Một cái màn giả dối

[45] Nguyên văn sung sướng như chim ó - Bản Pháp - như cửa nhà tù.

[46] Như chiếc bánh nướng

[47] Nguyên văn: on your ass (con lừa. người ngu) - Bản Pháp dịch là: ngồi dính cái mông đít.

[48] Nguyên văn: Curs her eyes: dòm ngó một cách thèm thuồng

[49] Crazy: điên rồ, ốm - Tiếng Pháp dịch là ốm.

[50] Nhân dân sẽ sống mãi

[51] Nguyên văn: hôn các ngọn núi

[52] Nguyên văn: Trò mèo đực (tom-catting)

[53] Nguyên văn: Cứt ngựa.

[54] Nguyên văn: chưa lớn hơn con rệp

[55] Panhandle: một phần của Texax, hình cán xoong.

[56] Nguyên văn: Chỉ có pho mát và bánh qui ròn. Bản tiếng Pháp dịch: toàn màu hồng.

[57] Nguyên bản: Gái 1 con trông bao giờ cũng đẹp

hơn.

[58] Một hình phạt kiểu Lynchage đối với người da đen.

[59] Nguyên văn: nó chửi thì cũng chẳng hại gì.

[60] Nguyên văn: Lúc nào cũng đặt chân vào một chỗ.

[61] Nguyên văn: cổ điển.

[62] Nguyên văn : whole. Bản tiếng Pháp dịch “ngớ ngẩn”.

[63] Hành hình theo ý quần chúng, không thông qua tòa án.

[64] Pound = 450g

[65] Nguyên văn: Chẳng làm nên chuyện gì tốt nếu chỉ có một mình mình làm.

[66] Nguyên văn: ăn kem